BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 14 /2014/TT-BTNMT	*Hà Nội, ngày 19 tháng 3 năm 2014*

THÔNG TƯ

Ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Thanh Hóa

Căn cứ Nghị định số 12/2002/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2002 của Chính phủ về hoạt động đo đạc và bản đồ;

Căn cứ Nghị định số 21/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Thanh Hóa.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Thanh Hóa.

Điều 2. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 5 năm 2014.

Điều 3. Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Sở Nội vụ và Sở TN&MT tỉnh Thanh Hóa;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Các đơn vị trực thuộc Bộ TN&MT, Cổng Thông tin điện tử Bộ TN&MT;
- Công báo, Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Lưu: VT, PC, ĐĐBĐVN.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Linh Ngọc

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC ĐỊA DANH DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN, KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ PHẦN ĐẤT LIỀN TỈNH THANH HÓA

(Ban hành kèm theo Thông tư số 19 /2014/TT-BTNMT ngày 09 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Phần I
QUY ĐỊNH CHUNG

1. Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Thanh Hóa được chuẩn hóa từ địa danh thống kê trên bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:25.000 và 1:50.000 Hệ VN-2000.

2. Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Thanh Hóa được sắp xếp theo thứ tự bảng chữ cái tiếng Việt của các đơn vị hành chính cấp huyện gồm thành phố, thị xã và các huyện, trong đó:

a) Cột "Địa danh" là các địa danh đã được chuẩn hóa.

b) Cột "Nhóm đối tượng" là ký hiệu các nhóm địa danh; trong đó: DC là nhóm địa danh dân cư; SV là nhóm địa danh sơn văn; TV là nhóm địa danh thủy văn; KX là nhóm địa danh kinh tế - xã hội.

c) Cột "Tên ĐVHC cấp xã" là tên đơn vị hành chính cấp xã, trong đó: P. là chữ viết tắt của "phường", TT. là chữ viết tắt của "thị trấn".

d) Cột "Tên ĐVHC cấp huyện" là tên đơn vị hành chính cấp huyện, trong đó: TP. là chữ viết tắt của "thành phố", H. là chữ viết tắt của "huyện", TX. Là chữ viết tắt của "thị xã".

đ) Cột "Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng" là tọa độ vị trí tương đối của đối tượng địa lý tương ứng với địa danh trong cột "Địa danh", nếu đối tượng địa lý được thể hiện trên bản đồ bằng ký hiệu dạng điểm, dạng vùng thì giá trị tọa độ tương ứng theo cột "Tọa độ trung tâm", nếu đối tượng địa lý được thể hiện trên bản đồ bằng ký hiệu dạng đường thì giá trị tọa độ tương ứng theo 2 cột "Tọa độ điểm đầu" và "Tọa độ điểm cuối".

e) Cột "Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình" là ký hiệu mảnh bản đồ địa hình tỷ lệ 1:25.000 và 1:50.000 sử dụng để thống kê địa danh.

Phần II

DANH MỤC ĐỊA DANH DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN, KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ PHẦN ĐẤT LIỀN TỈNH THANH HÓA

Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Thanh Hóa gồm địa danh của các đơn vị hành chính cấp huyện được thống kê trong bảng sau:

STT	Đơn vị hành chính cấp huyện	Trang
1	Thành phố Thanh Hoá	3
2	Thị xã Bỉm Sơn	23
3	Thị xã Sầm Sơn	26
4	Huyện Bá Thước	28
5	Huyện Cẩm Thuỷ	44
6	Huyện Đông Sơn	58
7	Huyện Hà Trung	64
8	Huyện Hậu Lộc	76
9	Huyện Hoằng Hoá	88
10	Huyện Lang Chánh	105
11	Huyện Mường Lát	115
12	Huyện Nga Sơn	124
13	Huyện Ngọc Lặc	135
14	Huyện Như Thanh	155
15	Huyện Như Xuân	166
16	Huyện Nông Cống	175
17	Huyện Quảng Xương	192

STT	Đơn vị hành chính cấp huyện	Trang
18	Huyện Quan Hoá	209
19	Huyện Quan Sơn	226
20	Huyện Thạch Thành	239
21	Huyện Thiệu Hoá	254
22	Huyện Thọ Xuân	266
23	Huyện Tĩnh Gia	285
24	Huyện Triệu Sơn	302
25	Huyện Trường Xuân	320
26	Huyện Vĩnh Lộc	334
27	Huyện Yên Định	342

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
quốc lộ 47	KX	P. An Hoạch	TP. Thanh Hoá			19° 44' 00"	105° 53' 56"	19° 53' 36"	105° 24' 14"	E-48-8-A-d
phố Bắc Sơn	DC	P. An Hoạch	TP. Thanh Hoá	19° 48' 11"	105° 44' 56"					E-48-8-A-d
Cầu Cao	KX	P. An Hoạch	TP. Thanh Hoá	19° 48' 28"	105° 45' 22"					E-48-8-B-c
phố Cao Sơn	DC	P. An Hoạch	TP. Thanh Hoá	19° 48' 26"	105° 45' 17"					E-48-8-B-c
Cầu Đồng	KX	P. An Hoạch	TP. Thanh Hoá	19° 48' 10"	105° 44' 49"					E-48-8-A-d
phố Nam Sơn	DC	P. An Hoạch	TP. Thanh Hoá	19° 47' 58"	105° 45' 06"					E-48-8-B-c
sông Nhà Lê	TV	P. An Hoạch	TP. Thanh Hoá			19° 51' 19"	105° 40' 40"	19° 47' 53"	105° 47' 13"	E-48-8-A-d, E-48-8-B-c
Núi Nhồi	SV	P. An Hoạch	TP. Thanh Hoá	19° 47' 52"	105° 44' 35"					E-48-8-A-d
sông Nông Giang	TV	P. An Hoạch	TP. Thanh Hoá			19° 53' 48"	105° 22' 38"	19° 50' 04"	105° 42' 15"	E-48-8-B-c, E-48-8-A-d
phố Quan Sơn	DC	P. An Hoạch	TP. Thanh Hoá	19° 48' 07"	105° 44' 53"					E-48-8-A-d
phố Tây Sơn	DC	P. An Hoạch	TP. Thanh Hoá	19° 48' 00"	105° 44' 42"					E-48-8-A-d
Trại tạm giam Thanh Hoá	KX	P. An Hoạch	TP. Thanh Hoá	19° 48' 18"	105° 45' 25"					E-48-8-B-c
phố Trung Sơn	DC	P. An Hoạch	TP. Thanh Hoá	19° 48' 05"	105° 45' 04"					E-48-8-B-c
quốc lộ 1A	KX	P. Ba Đình	TP. Thanh Hoá			20° 08' 01"	105° 51' 32"	19° 18' 42"	105° 43' 16"	E-48-8-B-c
phố 2	DC	P. Ba Đình	TP. Thanh Hoá	19° 48' 13"	105° 46' 38"					E-48-8-B-c
phố 3	DC	P. Ba Đình	TP. Thanh Hoá	19° 48' 18"	105° 46' 32"					E-48-8-B-c
phố 4	DC	P. Ba Đình	TP. Thanh Hoá	19° 48' 01"	105° 46' 31"					E-48-8-B-c
phố 5	DC	P. Ba Đình	TP. Thanh Hoá	19° 48' 21"	105° 46' 29"					E-48-8-B-c
phố 6	DC	P. Ba Đình	TP. Thanh Hoá	19° 48' 02"	105° 46' 24"					E-48-8-B-c
phố 7	DC	P. Ba Đình	TP. Thanh Hoá	19° 48' 21"	105° 46' 24"					E-48-8-B-c
phố 8	DC	P. Ba Đình	TP. Thanh Hoá	19° 48' 24"	105° 46' 21"					E-48-8-B-c
phố 9	DC	P. Ba Đình	TP. Thanh Hoá	19° 48' 20"	105° 46' 16"					E-48-8-B-c
phố 10	DC	P. Ba Đình	TP. Thanh Hoá	19° 48' 14"	105° 46' 10"					E-48-8-B-c
phố 11	DC	P. Ba Đình	TP. Thanh Hoá	19° 48' 09"	105° 46' 14"					E-48-8-B-c
phố 12	DC	P. Ba Đình	TP. Thanh Hoá	19° 48' 04"	105° 46' 22"					E-48-8-B-c
phố 13	DC	P. Ba Đình	TP. Thanh Hoá	19° 48' 02"	105° 46' 10"					E-48-8-B-c
quốc lộ 45	KX	P. Ba Đình	TP. Thanh Hoá			20° 10' 25"	105° 46' 47"	19° 48' 05"	105° 26' 03"	E-48-8-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
quốc lộ 47	KX	P. Ba Đình	TP. Thanh Hoá			19° 44' 00"	105° 53' 56"	19° 53' 36"	105° 24' 14"	E-48-8-B-c
phố Đào Duy Từ 1	DC	P. Ba Đình	TP. Thanh Hoá	19° 48' 15"	105° 46' 39"					E-48-8-B-c
phố Đào Duy Từ 2	DC	P. Ba Đình	TP. Thanh Hoá	19° 48' 08"	105° 46' 41"					E-48-8-B-c
quốc lộ 1A	KX	P. Điện Biên	TP. Thanh Hoá			20° 08' 01"	105° 51' 32"	19° 18' 42"	105° 43' 18"	E-48-8-B-c
phố Bà Triệu	DC	P. Điện Biên	TP. Thanh Hoá	19° 48' 48"	105° 46' 32"					E-48-8-B-c
phố Cửa Hậu	DC	P. Điện Biên	TP. Thanh Hoá	19° 48' 51"	105° 46' 22"					E-48-8-B-c
phố Đông Lân 1	DC	P. Điện Biên	TP. Thanh Hoá	19° 48' 55"	105° 46' 20"					E-48-8-B-c
phố Đông Lân 2	DC	P. Điện Biên	TP. Thanh Hoá	19° 48' 49"	105° 46' 25"					E-48-8-B-c
phố Hàng Đồng	DC	P. Điện Biên	TP. Thanh Hoá	19° 48' 38"	105° 46' 25"					E-48-8-B-c
phố Hậu Thành	DC	P. Điện Biên	TP. Thanh Hoá	19° 48' 52"	105° 46' 10"					E-48-8-B-c
phố Lê Hoàn 1	DC	P. Điện Biên	TP. Thanh Hoá	19° 48' 50"	105° 46' 46"					E-48-8-B-c
phố Lê Hoàn 2	DC	P. Điện Biên	TP. Thanh Hoá	19° 48' 36"	105° 46' 39"					E-48-8-B-c
đại lộ Lê Lợi	KX	P. Điện Biên	TP. Thanh Hoá			19° 48' 35"	105° 45' 58"	19° 47' 15"	105° 48' 07"	E-48-8-B-c
phố Ngô Quyền	DC	P. Điện Biên	TP. Thanh Hoá	19° 48' 47"	105° 46' 37"					E-48-8-B-c
phố Phan Chu Chinh	DC	P. Điện Biên	TP. Thanh Hoá	19° 48' 46"	105° 46' 22"					E-48-8-B-c
phố Tô Vĩnh Diện 1	DC	P. Điện Biên	TP. Thanh Hoá	19° 48' 56"	105° 46' 24"					E-48-8-B-c
phố Tô Vĩnh Diện 2	DC	P. Điện Biên	TP. Thanh Hoá	19° 48' 51"	105° 46' 13"					E-48-8-B-c
phố Trần Phú 1	DC	P. Điện Biên	TP. Thanh Hoá	19° 48' 42"	105° 46' 32"					E-48-8-B-c
phố Trần Phú 2	DC	P. Điện Biên	TP. Thanh Hoá	19° 48' 39"	105° 46' 29"					E-48-8-B-c
phố Trần Quốc Toản	DC	P. Điện Biên	TP. Thanh Hoá	19° 48' 44"	105° 46' 37"					E-48-8-B-c
phố Triệu Quốc Đạt	DC	P. Điện Biên	TP. Thanh Hoá	19° 48' 41"	105° 46' 38"					E-48-8-B-c
phố Trường Thi	DC	P. Điện Biên	TP. Thanh Hoá	19° 48' 50"	105° 46' 39"					E-48-8-B-c
thôn 1	DC	P. Đông Cương	TP. Thanh Hoá	19° 50' 43"	105° 45' 17"					E-48-8-B-c
thôn 2	DC	P. Đông Cương	TP. Thanh Hoá	19° 50' 52"	105° 45' 22"					E-48-8-B-c
thôn 3	DC	P. Đông Cương	TP. Thanh Hoá	19° 50' 43"	105° 45' 31"					E-48-8-B-c
thôn 4	DC	P. Đông Cương	TP. Thanh Hoá	19° 50' 20"	105° 45' 38"					E-48-8-B-c
thôn 5	DC	P. Đông Cương	TP. Thanh Hoá	19° 50' 16"	105° 45' 53"					E-48-8-B-c
thôn 6	DC	P. Đông Cương	TP. Thanh Hoá	19° 50' 27"	105° 46' 51"					E-48-8-B-c
thôn 7	DC	P. Đông Cương	TP. Thanh Hoá	19° 51' 02"	105° 46' 07"					E-48-8-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phut,giây)	(Độ,phut giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phut,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn 8	DC	P. Đông Cương	TP. Thanh Hoá	19° 50' 55"	105° 46' 13"					E-48-8-B-c
Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghiệp Thanh Hoá	KX	P. Đông Cương	TP. Thanh Hoa	19° 50' 15"	105° 46' 09"					E-48-8-B-c
núi Con Mèo	SV	P. Đông Cương	TP. Thanh Hoá	19° 51' 18"	105° 46' 24"					E-48-8-B-c
thôn Đình Hương 1	DC	P. Đông Cương	TP. Thanh Hoá	19° 50' 25"	105° 46' 10"					E-48-8-B-c
thôn Đình Hương 2	DC	P. Đông Cương	TP. Thanh Hoá	19° 50' 13"	105° 46' 12"					E-48-8-B-c
núi Hàm Rồng	SV	P. Đông Cương	TP. Thanh Hoá	19° 50' 12"	105° 46' 39"					E-48-8-B-c
Sông Hạc	TV	P. Đông Cương	TP. Thanh Hoá			19° 50' 06"	105° 45' 01"	19° 49' 03"	105° 47' 10"	E-48-8-B-c
thôn Ái Sơn 1	DC	P. Đông Hải	TP. Thanh Hoá	19° 49' 08"	105° 48' 36"					E-48-8-B-c
thôn Ái Sơn 2	DC	P. Đông Hải	TP. Thanh Hoá	19° 48' 59"	105° 48' 43"					E-48-8-B-c
thôn Đồng Lễ	DC	P. Đông Hải	TP. Thanh Hoá	19° 48' 12"	105° 48' 14"					E-48-8-B-c
cầu Lai Thành	KX	P. Đông Hải	TP. Thanh Hoá	19° 47' 54"	105° 47' 20"					E-48-8-B-c
thôn Lai Thành	DC	P. Đông Hải	TP. Thanh Hoá	19° 48' 02"	105° 47' 49"					E-48-8-B-c
đại lộ Lê Lợi	KX	P. Đông Hải	TP. Thanh Hoá			19° 48' 35"	105° 45' 56"	19° 47' 15"	105° 48' 07"	E-48-8-B-c
thôn Lễ Môn	DC	P. Đông Hải	TP. Thanh Hoá	19° 47' 49"	105° 48' 43"					E-48-8-B-c
Sông Mã	TV	P. Đông Hải	TP. Thanh Hoá			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	E-48-8-B-c
sông Nhà Lê	TV	P. Đông Hải	TP. Thanh Hoá			19° 47' 28"	105° 48' 29"	19° 47' 42"	105° 48' 47"	E-48-8-B-c
thôn Sơn Vạn	DC	P. Đông Hải	TP. Thanh Hoá	19° 48' 32"	105° 49' 01"					E-48-8-B-c
thôn Tân Thành	DC	P. Đông Hải	TP. Thanh Hoá	19° 47' 48"	105° 47' 53"					E-48-8-B-c
sông Thống Nhất	TV	P. Đông Hải	TP. Thanh Hoá			19° 47' 53"	105° 47' 13"	19° 46' 18"	105° 53' 02"	E-48-8-B-c
thôn Xuân Lộc	DC	P. Đông Hải	TP. Thanh Hoá	19° 48' 21"	105° 48' 48"					E-48-8-B-c
thôn Xuân Minh	DC	P. Đông Hải	TP. Thanh Hoá	19° 49' 24"	105° 48' 09"					E-48-8-B-c
khối phố 1	DC	P. Đông Hương	TP. Thanh Hoá	19° 48' 17"	105° 47' 05"					E-48-8-B-c
quốc lộ 47	KX	P. Đông Hương	TP. Thanh Hoá			19° 44' 00"	105° 53' 56"	19° 53' 36"	105° 24' 14"	E-48-8-B-c
thôn Ba Tân	DC	P. Đông Hương	TP. Thanh Hoá	19° 49' 03"	105° 47' 19"					E-48-8-B-c
thôn Bào Ngoại	DC	P. Đông Hương	TP. Thanh Hoá	19° 48' 14"	105° 47' 13"					E-48-8-B-c
thôn Cốc Hạ 1	DC	P. Đông Hương	TP. Thanh Hoá	19° 48' 53"	105° 47' 06"					E-48-8-B-c
thôn Cốc Hạ 2	DC	P. Đông Hương	TP. Thanh Hoá	19° 48' 47"	105° 47' 05"					E-48-8-B-c
cầu Đông Hương	KX	P. Đông Hương	TP. Thanh Hoá	19° 48' 28"	105° 46' 59"					E-48-8-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Hoà Bình	DC	P. Đông Hương	TP. Thanh Hoá	19° 48' 33"	105° 47' 03"					E-48-8-B-c
đại lộ Lê Lợi	KX	P. Đông Hương	TP. Thanh Hoá			19° 48' 35"	105° 46' 58"	19° 47' 15"	105° 48' 07"	E-48-8-B-c
sông Bến Ngự	TV	P. Đông Hương	TP. Thanh Hoá			19° 47' 53"	106° 47' 13"	19° 49' 27"	105° 48' 06"	E-48-8-B-c
thôn Phan Đình Phùng	DC	P. Đông Hương	TP. Thanh Hoá	19° 48' 56"	105° 47' 20"					E-48-8-B-c
thôn Quang Trung	DC	P. Đông Hương	TP. Thanh Hoá	19° 48' 35"	105° 47' 20"					E-48-8-B-c
thôn Tân Hà	DC	P. Đông Hương	TP. Thanh Hoá	19° 49' 15"	105° 47' 42"					E-48-8-B-c
phố 1	DC	P. Đông Sơn	TP. Thanh Hoá	19° 48' 08"	105° 47' 04"					E-48-8-B-c
phố 2	DC	P. Đông Sơn	TP. Thanh Hoá	19° 47' 56"	105° 47' 12"					E-48-8-B-c
phố 3	DC	P. Đông Sơn	TP. Thanh Hoá	19° 47' 51"	105° 47' 29"					E-48-8-B-c
phố 4	DC	P. Đông Sơn	TP. Thanh Hoá	19° 47' 47"	105° 47' 21"					E-48-8-B-c
phố 5	DC	P. Đông Sơn	TP. Thanh Hoá	19° 47' 44"	105° 47' 11"					E-48-8-B-c
phố 6	DC	P. Đông Sơn	TP. Thanh Hoá	19° 47' 42"	105° 47' 30"					E-48-8-B-c
phố 7	DC	P. Đông Sơn	TP. Thanh Hoá	19° 47' 42"	105° 47' 19"					E-48-8-B-c
phố 8	DC	P. Đông Sơn	TP. Thanh Hoá	19° 47' 33"	105° 47' 41"					E-48-8-B-c
phố 9	DC	P. Đông Sơn	TP. Thanh Hoá	19° 47' 34"	105° 47' 48"					E-48-8-B-c
phố 10	DC	P. Đông Sơn	TP. Thanh Hoá	19° 47' 44"	105° 47' 43"					E-48-8-B-c
phố 11	DC	P. Đông Sơn	TP. Thanh Hoá	19° 47' 40"	105° 47' 48"					E-48-8-B-c
phố 12	DC	P. Đông Sơn	TP. Thanh Hoá	19° 47' 47"	105° 47' 37"					E-48-8-B-c
phố 14	DC	P. Đông Sơn	TP. Thanh Hoá	19° 47' 30"	105° 47' 31"					E-48-8-B-c
phố 15	DC	P. Đông Sơn	TP. Thanh Hoá	19° 47' 27"	105° 47' 15"					E-48-8-B-c
phố 17	DC	P. Đông Sơn	TP. Thanh Hoá	19° 47' 33"	105° 47' 27"					E-48-8-B-c
quốc lộ 47	KX	P. Đông Sơn	TP. Thanh Hoá			19° 44' 00"	105° 53' 56"	19° 53' 38"	105° 24' 14"	E-48-8-B-c
Cầu Cốc	KX	P. Đông Sơn	TP. Thanh Hoá	19° 48' 12"	105° 47' 00"					E-48-8-B-c
cầu Lai Thành	KX	P. Đông Sơn	TP. Thanh Hoá	19° 47' 54"	105° 47' 20"					E-48-8-B-c
sông Nhà Lê	TV	P. Đông Sơn	TP. Thanh Hoá			19° 51' 19"	105° 40' 40"	19° 47' 53"	105° 47' 13"	E-48-8-B-c
sông Bến Ngự	TV	P. Đông Sơn	TP. Thanh Hoá			19° 47' 53"	105° 47' 13"	19° 49' 27"	105° 48' 06"	E-48-8-B-c
sông Thống Nhất	TV	P. Đông Sơn	TP. Thanh Hoá			19° 47' 53"	105° 47' 13"	19° 46' 18"	105° 53' 02"	E-48-8-B-c
quốc lộ 1A	KX	P. Đông Thọ	TP. Thanh Hoá			20° 08' 01"	105° 51' 32"	19° 18' 42"	105° 43' 16"	E-48-8-B-c
sông Nhà Lê	TV	P. Đông Thọ	TP. Thanh Hoá			19° 50' 06"	105° 45' 01"	19° 49' 03"	105° 47' 10"	E-48-8-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
phố Bà Triệu	DC	P. Đông Thọ	TP. Thanh Hoá	19° 49' 40"	105° 46' 19"					E-48-8-B-c
Phố Bắc	DC	P. Đông Thọ	TP. Thanh Hoá	19° 49' 27"	105° 46' 05"					E-48-8-B-c
phố Cầu Hạc	DC	P. Đông Thọ	TP. Thanh Hoá	19° 49' 30"	105° 46' 25"					E-48-8-B-c
Phố Đàm	DC	P. Đông Thọ	TP. Thanh Hoá	19° 49' 06"	105° 46' 13"					E-48-8-B-c
phố Đinh Hương	DC	P. Đông Thọ	TP. Thanh Hoá	19° 49' 59"	105° 46' 11"					E-48-8-B-c
Phố Đoàn	DC	P. Đông Thọ	TP. Thanh Hoá	19° 49' 45"	105° 46' 26"					E-48-8-B-c
phố Đội Cung 1	DC	P. Đông Thọ	TP. Thanh Hoá	19° 49' 19"	105° 46' 30"					E-48-8-B-c
phố Đội Cung 2	DC	P. Đông Thọ	TP. Thanh Hoá	19° 49' 19"	105° 46' 40"					E-48-8-B-c
phố Đội Cung 3	DC	P. Đông Thọ	TP. Thanh Hoá	19° 49' 11"	105° 46' 38"					E-48-8-B-c
phố Đội Cung 4	DC	P. Đông Thọ	TP. Thanh Hoá	19° 49' 15"	105° 46' 40"					E-48-8-B-c
phố Đông Bắc Ga 1	DC	P. Đông Thọ	TP. Thanh Hoá	19° 49 8"	105° 46' 00"					E-48-8-B-c
phố Đông Bắc Ga 2	DC	P. Đông Thọ	TP. Thanh Hoá	19° 48' 58"	105° 46' 00"					E-48-8-B-c
Trường Cao đẳng Nghề Giao thông vận tải Thanh Hoá	KX	P. Đông Thọ	TP. Thanh Hoá	19° 48' 56"	105° 45' 50"					E-48-8-B-c
Phố Kết	DC	P. Đông Thọ	TP. Thanh Hoá	19° 49' 33"	105° 46' 41"					E-48-8-B-c
phố Lợi 1	DC	P. Đông Thọ	TP. Thanh Hoá	19° 48' 53"	105° 46' 03"					E-48-8-B-c
phố Lợi 2	DC	P. Đông Thọ	TP. Thanh Hoá	19° 49' 02"	105° 46' 20"					E-48-8-B-c
Phố Nam	DC	P. Đông Thọ	TP. Thanh Hoá	19° 49' 12"	105° 46' 08"					E-48-8-B-c
phố Tân Lập	DC	P. Đông Thọ	TP. Thanh Hoá	19° 49' 08"	105° 45' 47"					E-48-8-B-c
khu công nghiệp Tây Bắc Ga	KX	P. Đông Thọ	TP. Thanh Hoá	19° 49' 35"	105° 45' 47"					E-48-8-B-c
Phố Tháng	DC	P. Đông Thọ	TP. Thanh Hoá	19° 49' 10"	105° 46' 20"					E-48-8-B-c
phố Thành Công	DC	P. Đông Thọ	TP. Thanh Hoá	19° 49' 26"	105° 46' 40"					E-48-8-B-c
Phố Trung	DC	P. Đông Thọ	TP. Thanh Hoá	19° 49' 14"	105° 46' 15"					E-48-8-B-c
quốc lộ 1A	KX	P. Đông Vệ	TP. Thanh Hoá			20° 08' 01"	105° 51' 32"	19° 18' 42"	105° 43' 16"	E-48-8-B-c
quốc lộ 45	KX	P. Đông Vệ	TP. Thanh Hoá			20° 10' 25"	105° 46' 47"	19° 48' 05"	105° 26' 03"	E-48-8-B-c
phố Đông Phát 1	DC	P. Đông Vệ	TP. Thanh Hoá	19° 47' 26"	105° 47' 05"					E-48-8-B-c
phố Đông Phát 2	DC	P. Đông Vệ	TP. Thanh Hoá	19° 47' 32"	105° 47' 07"					E-48-8-B-c
phố Hải Thượng Lãn Ông	DC	P. Đông Vệ	TP. Thanh Hoá	19° 48' 49"	105° 46' 12"					E-48-8-B-c
Trường Đại học Hồng Đức	KX	P. Đông Vệ	TP. Thanh Hoá	19° 46' 07"	105° 46' 34"					E-48-8-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Kiều Đại 1	DC	P. Đông Vệ	TP. Thanh Hoá	19° 47' 25"	105° 46' 36"					E-48-8-B-c
thôn Kiều Đại 2	DC	P. Đông Vệ	TP. Thanh Hoá	19° 47' 19"	105° 46' 35"					E-48-8-B-c
núi Mật Sơn	SV	P. Đông Vệ	TP. Thanh Hoá	19° 47' 33"	105° 46' 12"					E-48-8-B-c
thôn Mật Sơn 1	DC	P. Đông Vệ	TP. Thanh Hoá	19° 47' 25"	105° 45' 26"					E-48-8-B-c
thôn Mật Sơn 2	DC	P. Đông Vệ	TP. Thanh Hoá	19° 47' 35"	105° 45' 23"					E-48-8-B-c
thôn Mật Sơn 3	DC	P. Đông Vệ	TP. Thanh Hoá	19° 47' 43"	105° 45' 11"					E-48-8-B-c
phố Nam Thành	DC	P. Đông Vệ	TP. Thanh Hoá	19° 47' 32"	105° 46' 35"					E-48-8-B-c
phố Ngọc Đao	DC	P. Đông Vệ	TP. Thanh Hoá	19° 47' 09"	105° 46' 36"					E-48-8-B-c
núi Ngọc Long	SV	P. Đông Vệ	TP. Thanh Hoá	19° 47' 40"	105° 45' 50"					E-48-8-B-c
phố Nguyễn Sơn	DC	P. Đông Vệ	TP. Thanh Hoá	19° 47' 44"	105° 46' 42"					E-48-8-B-c
sông Nhà Lê	TV	P. Đông Vệ	TP. Thanh Hoá			19° 51' 19"	105° 40' 40"	19° 47' 53"	105° 47' 12"	E-48-8-B-c
sông Nông Giang	TV	P. Đông Vệ	TP. Thanh Hoá			19° 53' 46"	105° 22' 38"	19° 50' 04"	105° 42' 15"	E-48-8-B-c
cầu Quán Nam	KX	P. Đông Vệ	TP. Thanh Hoá	19° 45' 52"	105° 46' 30"					E-48-8-B-c
phố Quang Trung 1	DC	P. Đông Vệ	TP. Thanh Hoá	19° 47' 07"	105° 46' 27"					E-48-8-B-c
phố Quang Trung 2	DC	P. Đông Vệ	TP. Thanh Hoá	19° 46' 54"	105° 46' 28"					E-48-8-B-c
phố Quang Trung 3	DC	P. Đông Vệ	TP. Thanh Hoá	19° 46' 13"	105° 46' 26"					E-48-8-B-c
thôn Quảng Xá 1	DC	P. Đông Vệ	TP. Thanh Hoá	19° 47' 25"	105° 46' 42"					E-48-8-B-c
thôn Quảng Xá 2	DC	P. Đông Vệ	TP. Thanh Hoá	19° 47' 26"	105° 46' 48"					E-48-8-B-c
thôn Quảng Xá 3	DC	P. Đông Vệ	TP. Thanh Hoá	19° 47' 25"	105° 46' 52"					E-48-8-B-c
thôn Tạnh Xá 1	DC	P. Đông Vệ	TP. Thanh Hoá	19° 47' 55"	105° 46' 54"					E-48-8-B-c
thôn Tạnh Xá 2	DC	P. Đông Vệ	TP. Thanh Hoá	19° 47' 45"	105° 46' 48"					E-48-8-B-c
Trường Trung học Thương mại	KX	P. Đông Vệ	TP. Thanh Hoá	19° 46' 53"	105° 46' 34"					E-48-8-B-c
quốc lộ 1A	KX	P. Hàm Rồng	TP. Thanh Hoá			20° 08' 01"	105° 51' 32"	19° 18' 42"	105° 43' 16"	E-48-8-B-c
núi Con Mèo	SV	P. Hàm Rồng	TP. Thanh Hoá	19° 51' 18"	105° 46' 24"					E-48-8-B-c
núi Con Voi	SV	P. Hàm Rồng	TP. Thanh Hoá	19° 51' 15"	105° 46' 44"					E-48-8-B-c
phố Đông Quang	DC	P. Hàm Rồng	TP. Thanh Hoá	19° 50' 13"	105° 47' 10"					E-48-8-B-c
làng Đông Sơn	DC	P. Hàm Rồng	TP. Thanh Hoá	19° 51' 12"	105° 46' 52"					E-48-8-B-c
phố Hàm Long 1	DC	P. Hàm Rồng	TP. Thanh Hoá	19° 50' 21"	105° 47' 11"					E-48-8-B-c
phố Hàm Long 2	DC	P. Hàm Rồng	TP. Thanh Hoá	19° 50' 23"	105° 47' 02"					E-48-8-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phut,giây)	(Độ,phut,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
cầu Hàm Rồng	KX	P. Hàm Rồng	TP. Thanh Hoa	19° 50' 21"	105° 47' 31"					E-48-8-B-c
núi Hàm Rồng	SV	P. Hàm Rồng	TP. Thanh Hoá	19° 50' 12"	105° 46' 39"					E-48-8-B-c
cầu Hoàng Long	KX	P. Hàm Rồng	TP. Thanh Hoá	19° 50' 12"	105° 47' 31"					E-48-8-B-c
Công ty Giầy Hoàng Long	KX	P. Hàm Rồng	TP. Thanh Hoá	19° 50' 16"	105° 47' 24"					E-48-8-B-c
phố Hương Long	DC	P. Hàm Rồng	TP. Thanh Hoá	19° 50' 06"	105° 46' 14"					E-48-8-B-c
Sông Mã	TV	P. Hàm Rồng	TP. Thanh Hoá			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	E-48-8-B-c
phố Tân Long 1	DC	P. Hàm Rồng	TP. Thanh Hoá	19° 50' 00"	105° 47' 02"					E-48-8-B-c
phố Tân Long 2	DC	P. Hàm Rồng	TP. Thanh Hoá	19° 50' 00"	105° 46' 43"					E-48-8-B-c
Trại giam Thanh Lâm	KX	P. Hàm Rồng	TP. Thanh Hoá	19° 51' 23"	105° 46' 41"					E-48-8-B-c
phố Thanh Long	DC	P. Hàm Rồng	TP. Thanh Hoá	19° 49' 59"	105° 46' 29"					E-48-8-B-c
đọng Tiên Sơn	SV	P. Hàm Rồng	TP. Thanh Hoá	19° 51' 10"	105° 46' 41"					E-48-8-B-c
quốc lộ 1A	KX	P. Lam Sơn	TP. Thanh Hoá			20° 08' 01"	105° 51' 32"	19° 18' 42"	105° 43' 16"	E-48-8-B-c
phố 1	DC	P. Lam Sơn	TP. Thanh Hoá	19° 48' 27"	105° 46' 25"					E-48-8-B-c
phố 2	DC	P. Lam Sơn	TP. Thanh Hoá	19° 48' 26"	105° 46' 27"					E-48-8-B-c
phố 3	DC	P. Lam Sơn	TP. Thanh Hoá	19° 48' 28"	105° 46' 35"					E-48-8-B-c
phố 4	DC	P. Lam Sơn	TP. Thanh Hoá	19° 48' 24"	105° 46' 31"					E-48-8-B-c
phố 5	DC	P. Lam Sơn	TP. Thanh Hoá	19° 48' 24"	105° 46' 36"					E-48-8-B-c
phố 6	DC	P. Lam Sơn	TP. Thanh Hoá	19° 48' 20"	105° 46' 35"					E-48-8-B-c
phố 7	DC	P. Lam Sơn	TP. Thanh Hoá	19° 48' 24"	105° 46' 40"					E-48-8-B-c
phố 8	DC	P. Lam Sơn	TP. Thanh Hoá	19° 48' 19"	105° 46' 42"					E-48-8-B-c
phố 9	DC	P. Lam Sơn	TP. Thanh Hoá	19° 48' 26"	105° 46' 47"					E-48-8-B-c
phố 10	DC	P. Lam Sơn	TP. Thanh Hoá	19° 48' 25"	105° 46' 55"					E-48-8-B-c
phố 11	DC	P. Lam Sơn	TP. Thanh Hoá	19° 48' 13"	105° 46' 43"					E-48-8-B-c
phố 12	DC	P. Lam Sơn	TP. Thanh Hoá	19° 48' 09"	105° 46' 50"					E-48-8-B-c
phố 13	DC	P. Lam Sơn	TP. Thanh Hoá	19° 48' 06"	105° 46' 46"					E-48-8-B-c
phố 14	DC	P. Lam Sơn	TP. Thanh Hoá	19° 48' 23"	105° 46' 44"					E-48-8-B-c
phố 15	DC	P. Lam Sơn	TP. Thanh Hoá	19° 48' 21"	105° 46' 45"					E-48-8-B-c
phố 16	DC	P. Lam Sơn	TP. Thanh Hoá	19° 48' 18"	105° 46' 46"					E-48-8-B-c
phố 17	DC	P. Lam Sơn	TP. Thanh Hoá	19° 48' 14"	105° 46' 51"					E-48-8-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
phố 18	DC	P. Lam Sơn	TP. Thanh Hoá	19° 48' 16"	105° 46' 58"					E-48-8-B-c
phố 19	DC	P. Lam Sơn	TP. Thanh Hoá	19° 48' 10"	105° 46' 57"					E-48-8-B-c
phố 20	DC	P. Lam Sơn	TP. Thanh Hoá	19° 48' 06"	105° 46' 56"					E-48-8-B-c
phố 21	DC	P. Lam Sơn	TP. Thanh Hoá	19° 48' 02"	105° 46' 57"					E-48-8-B-c
quốc lộ 47	KX	P. Lam Sơn	TP. Thanh Hoá			19° 44' 00"	105° 53' 56"	19° 53' 36"	105° 24' 14"	E-48-8-B-c
cầu Đông Hương	KX	P. Lam Sơn	TP. Thanh Hoá	19° 48' 28"	105° 46' 59"					E-48-8-B-c
đại lộ Lê Lợi	KX	P. Lam Sơn	TP. Thanh Hoá			19° 48' 35"	105° 45' 58"	19° 47' 15"	105° 48' 07"	E-48-8-B-c
sông Bến Ngự	TV	P. Lam Sơn	TP. Thanh Hoá			19° 47' 53"	105° 47' 13"	19° 49' 27"	105° 48' 06"	E-48-8-B-c
quốc lộ 1A	KX	P. Nam Ngạn	TP. Thanh Hoá			20° 08' 01"	105° 51' 32"	19° 18' 42"	105° 43' 16"	E-48-8-B-c
cầu Bến Voi	KX	P. Nam Ngạn	TP. Thanh Hoá	19° 49' 04"	105° 47' 10"					E-48-8-B-c
phố Hạnh Phúc	DC	P. Nam Ngạn	TP. Thanh Hoá	19° 49' 13"	105° 47' 32"					E-48-8-B-c
Sông Mã	TV	P. Nam Ngạn	TP. Thanh Hoá			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	E-48-8-B-c
phố Nam Ngạn 1	DC	P. Nam Ngạn	TP. Thanh Hoá	19° 49' 40"	105° 47' 41"					E-48-8-B-c
phố Nam Ngạn 2	DC	P. Nam Ngạn	TP. Thanh Hoá	19° 49' 42"	105° 47' 37"					E-48-8-B-c
phố Nam Ngạn 3	DC	P. Nam Ngạn	TP. Thanh Hoá	19° 49' 38"	105° 47' 47"					E-48-8-B-c
phố Nam Ngạn 4	DC	P. Nam Ngạn	TP. Thanh Hoá	19° 49' 47"	105° 47' 39"					E-48-8-B-c
phố Nam Sơn 1	DC	P. Nam Ngạn	TP. Thanh Hoá	19° 49' 26"	105° 46' 52"					E-48-8-B-c
phố Nam Sơn 2	DC	P. Nam Ngạn	TP. Thanh Hoá	19° 49' 19"	105° 47' 03"					E-48-8-B-c
phố Nguyễn Mộng Tuân 1	DC	P. Nam Ngạn	TP. Thanh Hoá	19° 49' 16"	105° 46' 59"					E-48-8-B-c
phố Nguyễn Mộng Tuân 2	DC	P. Nam Ngạn	TP. Thanh Hoá	19° 49' 18"	105° 46' 55"					E-48-8-B-c
phố Nguyễn Mộng Tuân 3	DC	P. Nam Ngạn	TP. Thanh Hoá	19° 49' 21"	105° 46' 50"					E-48-8-B-c
sông Bến Ngự	TV	P. Nam Ngạn	TP. Thanh Hoá			19° 47' 53"	105° 47' 13"	19° 49' 27"	105° 48' 06"	E-48-8-B-c
Sông Hạc	TV	P. Nam Ngạn	TP. Thanh Hoá			19° 50' 06"	105° 45' 01"	19° 49' 03"	105° 47' 10"	E-48-8-B-c
phố Tân Hà	DC	P. Nam Ngạn	TP. Thanh Hoá	19° 49' 11"	105° 47' 27"					E-48-8-B-c
phố Tân Hưng	DC	P. Nam Ngạn	TP. Thanh Hoá	19° 49' 08"	105° 47' 09"					E-48-8-B-c
phố Tân Nam	DC	P. Nam Ngạn	TP. Thanh Hoá	19° 49' 35"	105° 47' 38"					E-48-8-B-c
phố Tân Sơn 1	DC	P. Nam Ngạn	TP. Thanh Hoá	19° 49' 13"	105° 47' 12"					E-48-8-B-c
phố Tân Sơn 2	DC	P. Nam Ngạn	TP. Thanh Hoá	19° 49' 18"	105° 47' 12"					E-48-8-B-c
phố Thắng Sơn	DC	P. Nam Ngạn	TP. Thanh Hoá	19° 49' 13"	105° 47' 08"					E-48-8-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
phố Tiền Phong	DC	P. Nam Ngạn	TP. Thanh Hoá	19° 49' 24"	105° 47' 58"					E-48-8-B-c
quốc lộ 1A	KX	P. Ngọc Trạo	TP. Thanh Hoá			20° 08' 01"	105° 51' 32"	19° 18' 42"	105° 43' 16"	E-48-8-B-c
phố Bùi Thị Xuân	DC	P. Ngọc Trạo	TP. Thanh Hoá	19° 47' 51"	105° 46' 24"					E-48-8-B-c
phố Đặng Thai Mai	DC	P. Ngọc Trạo	TP. Thanh Hoá	19° 47' 57"	105° 46' 12"					E-48-8-B-c
phố Hoàng Văn Thụ	DC	P. Ngọc Trạo	TP. Thanh Hoá	19° 47' 52"	105° 46' 16"					E-48-8-B-c
phố Lê Ngọc Hân	DC	P. Ngọc Trạo	TP. Thanh Hoá	19° 47' 55"	105° 46' 25"					E-48-8-B-c
phố Ngô Thì Nhậm	DC	P. Ngọc Trạo	TP. Thanh Hoá	19° 47' 57"	105° 46' 46"					E-48-8-B-c
phố Ngô Văn Sở	DC	P. Ngọc Trạo	TP. Thanh Hoá	19° 47' 55"	105° 46' 35"					E-48-8-B-c
phố Nguyễn Văn Trỗi	DC	P. Ngọc Trạo	TP. Thanh Hoá	19° 47' 51"	105° 46' 34"					E-48-8-B-c
sông Nông Giang	TV	P. Ngọc Trạo	TP. Thanh Hoá			19° 53' 46"	105° 22' 38"	19° 50' 04"	105° 42' 15"	E-48-8-B-c
phố Quang Trung 1	DC	P. Ngọc Trạo	TP. Thanh Hoá	19° 47' 55"	105° 46' 31"					E-48-8-B-c
phố Quang Trung 2	DC	P. Ngọc Trạo	TP. Thanh Hoá	19° 47' 49"	105° 46' 28"					E-48-8-B-c
phố Quang Trung 3	DC	P. Ngọc Trạo	TP. Thanh Hoá	19° 47' 46"	105° 46' 32"					E-48-8-B-c
phố Quang Trung 4	DC	P. Ngọc Trạo	TP. Thanh Hoá	19° 47' 42"	105° 46' 31"					E-48-8-B-c
phố Tân An 1	DC	P. Ngọc Trạo	TP. Thanh Hoá	19° 47' 58"	105° 46' 37"					E-48-8-B-c
phố Tân An 2	DC	P. Ngọc Trạo	TP. Thanh Hoá	19° 48' 01"	105° 46' 39"					E-48-8-B-c
phố Thôi Hữu	DC	P. Ngọc Trạo	TP. Thanh Hoá	19° 47' 54"	105° 46' 46"					E-48-8-B-c
phố Trần Mai Ninh	DC	P. Ngọc Trạo	TP. Thanh Hoá	19° 47' 51"	105° 46' 42"					E-48-8-B-c
phố Trần Quang Diệu	DC	P. Ngọc Trạo	TP. Thanh Hoá	19° 47' 52"	105° 46' 21"					E-48-8-B-c
phố Trịnh Khả	DC	P. Ngọc Trạo	TP. Thanh Hoá	19° 48' 02"	105° 46' 43"					E-48-8-B-c
phố Tuệ Tĩnh	DC	P. Ngọc Trạo	TP. Thanh Hoá	19° 47' 48"	105° 46' 32"					E-48-8-B-c
quốc lộ 45	KX	P. Phú Sơn	TP. Thanh Hoá			20° 10' 25"	105° 46' 47"	19° 48' 05"	105° 26' 03"	E-48-8-B-c
Cầu Cao	KX	P. Phú Sơn	TP. Thanh Hoá	19° 48' 28"	105° 45' 22"					E-48-8-B-c
sông Nông Giang	TV	P. Phú Sơn	TP. Thanh Hoá			19° 53' 46"	105° 22' 38"	19° 50' 04"	105° 42' 15"	E-48-8-B-c
phố Phú Thọ 1	DC	P. Phú Sơn	TP. Thanh Hoá	19° 48' 29"	105° 45' 32"					E-48-8-B-c
phố Phú Thọ 2	DC	P. Phú Sơn	TP. Thanh Hoá	19° 48' 32"	105° 45' 38"					E-48-8-B-c
phố Phú Thọ 3	DC	P. Phú Sơn	TP. Thanh Hoá	19° 48' 39"	105° 45' 39"					E-48-8-B-c
phố Phú Thọ 4	DC	P. Phú Sơn	TP. Thanh Hoá	19° 48' 33"	105° 45' 28"					E-48-8-B-c
phố Tây Ga	DC	P. Phú Sơn	TP. Thanh Hoá	19° 48' 46"	105° 45' 51"					E-48-8-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
phố Tây Sơn 1	DC	P. Phú Sơn	TP. Thanh Hoá	19° 48' 56"	105° 45' 26"					E-48-8-B-c
phố Tây Sơn 2	DC	P. Phú Sơn	TP. Thanh Hoá	19° 48' 49"	105° 45' 28"					E-48-8-B-c
phố Tây Sơn 3	DC	P. Phú Sơn	TP. Thanh Hoá	19° 48' 51"	105° 45' 39"					E-48-8-B-c
phố Trần Phú	DC	P. Phú Sơn	TP. Thanh Hoá	19° 48' 57"	105° 45' 37"					E-48-8-B-c
thôn 1	DC	P. Quảng Hưng	TP. Thanh Hoá	19° 47' 26"	105° 47' 56"					E-48-8-B-c
thôn 2	DC	P. Quảng Hưng	TP. Thanh Hoá	19° 47' 23"	105° 48' 17"					E-48-8-B-c
thôn 3	DC	P. Quảng Hưng	TP. Thanh Hoá	19° 47' 36"	105° 48' 47"					E-48-8-B-c
thôn 4	DC	P. Quảng Hưng	TP. Thanh Hoá	19° 47' 25"	105° 49' 01"					E-48-8-B-c
thôn 6	DC	P. Quảng Hưng	TP. Thanh Hoá	19° 47' 02"	105° 49' 01"					E-48-8-B-c
thôn 6	DC	P. Quảng Hưng	TP. Thanh Hoá	19° 46' 57"	105° 49' 37"					E-48-8-B-c
thôn 7	DC	P. Quảng Hưng	TP. Thanh Hoá	19° 47' 11"	105° 48' 41"					E-48-8-B-c
thôn 8	DC	P. Quảng Hưng	TP. Thanh Hoá	19° 47' 11"	105° 48' 45"					E-48-8-B-c
quốc lộ 47	KX	P. Quảng Hưng	TP. Thanh Hoá			19° 44' 00"	105° 53' 56"	19° 53' 36"	105° 24' 14"	E-48-8-B-c
đại lộ Lê Lợi	KX	P. Quảng Hưng	TP. Thanh Hoá			19° 48' 35"	105° 45' 58"	19° 47' 15"	105° 48' 07"	E-48-8-B-c
cảng Lễ Môn	KX	P. Quảng Hưng	TP. Thanh Hoá	19° 47' 34"	105° 49' 19"					E-48-8-B-c
khu công nghiệp Lễ Môn	KX	P. Quảng Hưng	TP. Thanh Hoá	19° 47' 07"	105° 48' 29"					E-48-8-B-c
Sông Mã	TV	P. Quảng Hưng	TP. Thanh Hoá			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	E-48-8-B-c
sông Nhà Lê	TV	P. Quảng Hưng	TP. Thanh Hoá			19° 51' 19"	105° 40' 40"	19° 47' 53"	105° 47' 13"	E-48-8-B-c
cầu Thống Nhất	KX	P. Quảng Hưng	TP. Thanh Hoá	19° 47' 01"	105° 48' 50"					E-48-8-B-c
sông Thống Nhất	TV	P. Quảng Hưng	TP. Thanh Hoá			19° 47' 53"	105° 47' 13"	19° 46' 18"	105° 53' 02"	E-48-8-B-c
xóm 1	DC	P. Quảng Thắng	TP. Thanh Hoá	19° 47' 17"	105° 46' 16"					E-48-8-B-c
xóm 2	DC	P. Quảng Thắng	TP. Thanh Hoá	19° 47' 13"	105° 45' 50"					E-48-8-B-c
xóm 3	DC	P. Quảng Thắng	TP. Thanh Hoá	19° 47' 09"	105° 46' 12"					E-48-8-B-c
xóm 4	DC	P. Quảng Thắng	TP. Thanh Hoá	19° 46' 57"	105° 46' 05"					E-48-8-B-c
xóm 5	DC	P. Quảng Thắng	TP. Thanh Hoá	19° 46' 35"	105° 45' 47"					E-48-8-B-c
xóm 6	DC	P. Quảng Thắng	TP. Thanh Hoá	19° 46' 44"	105° 45' 40"					E-48-8-B-c
xóm 7	DC	P. Quảng Thắng	TP. Thanh Hoá	19° 46' 55"	105° 45' 14"					E-48-8-B-c
xóm 8	DC	P. Quảng Thắng	TP. Thanh Hoá	19° 47' 16"	105° 45' 18"					E-48-8-B-c
xóm 9	DC	P. Quảng Thắng	TP. Thanh Hoá	19° 48' 24"	105° 45' 58"					E-48-8-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
quốc lộ 45	KX	P. Quảng Thắng	TP. Thanh Hoá			20° 10' 25"	105° 46' 47"	19° 48' 05"	105° 26' 03"	E-48-8-B-c
sông Nhà Lê	TV	P. Quảng Thắng	TP. Thanh Hoá			19° 47' 32"	105° 45' 11"	19° 44' 24"	105° 44' 42"	E-48-8-B-c
sông Nông Giang	TV	P. Quảng Thắng	TP. Thanh Hoá			19° 53' 45"	105° 22' 38"	19° 50' 04"	105° 42' 15"	E-48-8-B-c
Cầu Voi	KX	P. Quảng Thắng	TP. Thanh Hoá	19° 46' 18"	105° 45' 54"					E-48-8-B-c
quốc lộ 47	KX	P. Quảng Thành	TP. Thanh Hoá			19° 44' 00"	105° 53' 56"	19° 53' 38"	105° 24' 14"	E-48-8-B-c
thôn Minh Trại	DC	P. Quảng Thành	TP. Thanh Hoá	19° 46' 01"	105° 47' 10"					E-48-8-B-c
sông Nông Giang	TV	P. Quảng Thành	TP. Thanh Hoá			19° 53' 46"	105° 22' 38"	19° 50' 04"	105° 42' 15"	E-48-8-B-c
thôn Thành Bắc	DC	P. Quảng Thành	TP. Thanh Hoá	19° 46' 53"	105° 48' 30"					E-48-8-B-c
thôn Thành Công	DC	P. Quảng Thành	TP. Thanh Hoá	19° 46' 18"	105° 48' 05"					E-48-8-B-c
thôn Thành Long	DC	P. Quảng Thành	TP. Thanh Hoá	19° 46' 25"	105° 48' 00"					E-48-8-B-c
thôn Thành Mai	DC	P. Quảng Thành	TP. Thanh Hoá	19° 46' 18"	105° 47' 02"					E-48-8-B-c
thôn Thành Tân	DC	P. Quảng Thành	TP. Thanh Hoá	19° 46' 11"	105° 47' 51"					E-48-8-B-c
thôn Thành Trang	DC	P. Quảng Thành	TP. Thanh Hoá	19° 46' 36"	105° 48' 06"					E-48-8-B-c
thôn Thành Trọng	DC	P. Quảng Thành	TP. Thanh Hoá	19° 46' 41"	105° 47' 38"					E-48-8-B-c
thôn Thành Yên	DC	P. Quảng Thành	TP. Thanh Hoá	19° 47' 11"	105° 47' 38"					E-48-8-B-c
quốc lộ 45	KX	P. Tân Sơn	TP. Thanh Hoá			20° 10' 25"	105° 46' 47"	19° 48' 05"	105° 26' 03"	E-48-8-B-c
phố Bắc Thành	DC	P. Tân Sơn	TP. Thanh Hoá	19° 48' 40"	106° 45' 58"					E-48-8-B-c
phố Dương Đình Nghệ 1	DC	P. Tân Sơn	TP. Thanh Hoá	19° 48' 30"	105° 45' 57"					E-48-8-B-c
phố Dương Đình Nghệ 2	DC	P. Tân Sơn	TP. Thanh Hoá	19° 48' 22"	105° 45' 53"					E-48-8-B-c
phố Lam Sơn 1	DC	P. Tân Sơn	TP. Thanh Hoá	19° 48' 16"	105° 45' 59"					E-48-8-B-c
phố Lam Sơn 2	DC	P. Tân Sơn	TP. Thanh Hoá	19° 48' 15"	105° 45' 54"					E-48-8-B-c
đại lộ Lê Lợi	KX	P. Tân Sơn	TP. Thanh Hoá			19° 48' 38"	105° 45' 58"	19° 47' 15"	105° 48' 07"	E-48-8-B-c
phố Nam Cao	DC	P. Tân Sơn	TP. Thanh Hoá	19° 48' 05"	105° 46' 01"					E-48-8-B-c
phố Nam Thành	DC	P. Tân Sơn	TP. Thanh Hoá	19° 48' 26"	105° 46' 00"					E-48-8-B-c
phố Nguyễn Hồng	DC	P. Tân Sơn	TP. Thanh Hoá	19° 48' 10"	105° 45' 59"					E-48-8-B-c
sông Nông Giang	TV	P. Tân Sơn	TP. Thanh Hoá			19° 53' 46"	105° 22' 38"	19° 50' 04"	105° 42' 15"	E-48-8-B-c
phố Phan Bội Châu 1	DC	P. Tân Sơn	TP. Thanh Hoá	19° 48' 22"	105° 46' 09"					E-48-8-B-c
phố Phan Bội Châu 2	DC	P. Tân Sơn	TP. Thanh Hoá	19° 48' 16"	105° 46' 05"					E-48-8-B-c
phố Phan Bội Châu 3	DC	P. Tân Sơn	TP. Thanh Hoá	19° 48' 10"	105° 46' 08"					E-48-8-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phut,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phut,giây)	(Độ,phut,giây)	
phố Phan Bội Châu 4	DC	P. Tân Sơn	TP. Thanh Hoá	19° 48' 03"	105° 46' 06"					E-48-8-B-c
phố Phan Huy Chú	DC	P. Tân Sơn	TP. Thanh Hoá	19° 48' 12"	105° 45' 59"					E-48-8-B-c
ga Thanh Hoá	KX	P. Tân Sơn	TP. Thanh Hoá	19° 48' 49"	105° 45' 54"					E-48-8-B-c
quốc lộ 1A	KX	P. Tào Xuyên	TP. Thanh Hoá			20° 08' 01"	105° 51' 32"	19° 18' 42"	105° 43' 16"	E-48-8-B-c
quốc lộ 10A	KX	P. Tào Xuyên	TP. Thanh Hoá			20° 03' 48"	106° 02' 24"	19° 51' 05"	105° 48' 00"	E-48-8-B-c
cầu Hàm Rồng	KX	P. Tào Xuyên	TP. Thanh Hoá	19° 50' 21"	105° 47' 31"					E-48-8-B-c
cầu vượt Hàm Rồng	KX	P. Tào Xuyên	TP. Thanh Hoá	19° 50' 26"	105° 47' 53"					E-48-8-B-c
cầu Hoàng Long	KX	P. Tào Xuyên	TP. Thanh Hoá	19° 50' 12"	105° 47' 31"					E-48-8-B-c
sông Lạch Trường	TV	P. Tào Xuyên	TP. Thanh Hoá			19° 51' 10"	105° 47' 13"	19° 53' 19"	105° 56' 43"	E-48-8-B-c
Sông Mê	TV	P. Tào Xuyên	TP. Thanh Hoá			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	E-48-8-B-c
kênh N16	TV	P. Tào Xuyên	TP. Thanh Hoá			19° 51' 36"	105° 49' 06"	19° 51' 01"	105° 48' 14"	E-48-8-B-c
phố Nghĩa Sơn 1	DC	P. Tào Xuyên	TP. Thanh Hoá	19° 50' 39"	105° 47' 53"					E-48-8-B-c
phố Nghĩa Sơn 2	DC	P. Tào Xuyên	TP. Thanh Hoá	19° 50' 32"	105° 47' 38"					E-48-8-B-c
phố Nghĩa Sơn 3	DC	P. Tào Xuyên	TP. Thanh Hoá	19° 50' 16"	105° 47' 46"					E-48-8-B-c
phố Phượng Đình 1	DC	P. Tào Xuyên	TP. Thanh Hoá	19° 50' 59"	105° 47' 50"					E-48-8-B-c
phố Phượng Đình 2	DC	P. Tào Xuyên	TP. Thanh Hoá	19° 51' 02"	105° 48' 01"					E-48-8-B-c
phố Phượng Đình 3	DC	P. Tào Xuyên	TP. Thanh Hoá	19° 51' 02"	105° 48' 09"					E-48-8-B-c
cầu Tào Xuyên	KX	P. Tào Xuyên	TP. Thanh Hoá	19° 51' 12"	105° 47' 56"					E-48-8-B-c
phố Thành Khang 1	DC	P. Tào Xuyên	TP. Thanh Hoá	19° 51' 33"	105° 47' 55"					E-48-8-B-c
phố Thành Khang 2	DC	P. Tào Xuyên	TP. Thanh Hoá	19° 51' 48"	105° 47' 53"					E-48-8-B-c
phố Yên Vực 1	DC	P. Tào Xuyên	TP. Thanh Hoá	19° 50' 46"	105° 47' 31"					E-48-8-B-c
phố Yên Vực 2	DC	P. Tào Xuyên	TP. Thanh Hoá	19° 50' 43"	105° 47' 46"					E-48-8-B-c
phố Yên Vực 3	DC	P. Tào Xuyên	TP. Thanh Hoá	19° 50' 41"	105° 47' 38"					E-48-8-B-c
quốc lộ 1A	KX	P. Trường Thi	TP. Thanh Hoá			20° 08' 01"	105° 51' 32"	19° 18' 42"	105° 43' 16"	E-48-8-B-c
phố Bà Triệu 1	DC	P. Trường Thi	TP. Thanh Hoá	19° 49' 06"	105° 46' 26"					E-48-8-B-c
phố Bà Triệu 2	DC	P. Trường Thi	TP. Thanh Hoá	19° 49' 04"	105° 45' 33"					E-48-8-B-c
phố Bà Triệu 3	DC	P. Trường Thi	TP. Thanh Hoá	19° 48' 58"	105° 46' 26"					E-48-8-B-c
phố Bắc Đội Cung 1	DC	P. Trường Thi	TP. Thanh Hoá	19° 49' 14"	105° 46' 52"					E-48-8-B-c
phố Bắc Đội Cung 2	DC	P. Trường Thi	TP. Thanh Hoá	19° 49' 15"	105° 46' 18"					E-48-8-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phut,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phut,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
phố Bắc Đội Cung 3	DC	P. Trường Thi	TP. Thanh Hoá	19° 48' 15"	105° 46' 44"					E-48-8-B-c
cầu Bốn Voi	KX	P. Trường Thi	TP. Thanh Hoá	19° 49' 04"	105° 47' 10"					E-48-8-B-c
phố Hậu Thành 1	DC	P. Trường Thi	TP. Thanh Hoá	19° 49' 03"	105° 47' 06"					E-48-8-B-c
phố Hậu Thành 2	DC	P. Trường Thi	TP. Thanh Hoá	19° 49' 00"	105° 46' 59"					E-48-8-B-c
phố Hoà Bình 1	DC	P. Trường Thi	TP. Thanh Hoa	19° 48' 56"	105° 46' 54"					E-48-8-B-c
phố Hoà Bình 2	DC	P. Trường Thi	TP. Thanh Hoá	19° 48' 47"	105° 46' 49"					E-48-8-B-c
phố Nam Đội Cung 1	DC	P. Trường Thi	TP. Thanh Hoá	19° 49' 07"	105° 46' 47"					E-48-8-B-c
phố Nam Đội Cung 2	DC	P. Trường Thi	TP. Thanh Hoá	19° 49' 09"	105° 46' 44"					E-48-8-B-c
phố Nam Đội Cung 3	DC	P. Trường Thi	TP. Thanh Hoá	19° 49' 12"	105° 46' 43"					E-48-8-B-c
sông Bến Ngư	TV	P. Trường Thi	TP. Thanh Hoá			19° 47' 53"	105° 47' 13"	19° 49' 27"	105° 48' 06"	E-48-8-B-c
Sông Hạc	TV	P. Trường Thi	TP. Thanh Hoá			19° 50' 06"	105° 45' 01"	19° 49' 03"	105° 47' 10"	E-48-8-B-c
phố Tân Lập	DC	P. Trường Thi	TP. Thanh Hoá	19° 49' 00"	105° 46' 48"					E-48-8-B-c
phố Thống Nhất 1	DC	P. Trường Thi	TP. Thanh Hoá	19° 48' 11"	105° 46' 55"					E-48-8-B-c
phố Thống Nhất 2	DC	P. Trường Thi	TP. Thanh Hoá	19° 49' 04"	105° 46' 54"					E-48-8-B-c
phố Thống Nhất 3	DC	P. Trường Thi	TP. Thanh Hoá	19° 49' 07"	105° 47' 01"					E-48-8-B-c
phố Trường Thi 1	DC	P. Trường Thi	TP. Thanh Hoá	19° 48' 50"	105° 46' 37"					E-48-8-B-c
phố Trường Thi 2	DC	P. Trường Thi	TP. Thanh Hoá	19° 48' 59"	105° 46' 40"					E-48-8-B-c
quốc lộ 47	KX	xã Đông Hưng	TP. Thanh Hoá			19° 44' 00"	105° 53' 56"	19° 53' 36"	105° 24' 14"	E-48-8-B-c, E-48-8-A-d
Xóm Hưng	DC	xã Đông Hưng	TP. Thanh Hoá	19° 47' 02"	105° 45' 22"					E-48-8-A-d
xóm Nam Hưng	DC	xã Đông Hưng	TP. Thanh Hoá	19° 46' 42"	105° 45' 14"					E-48-8-B-c
sông Nhà Lê	TV	xã Đông Hưng	TP. Thanh Hoá			19° 47' 32"	105° 45' 11"	19° 44' 24"	105° 44' 42"	E-48-8-B-c
Trại giam Phân trại 4 Thanh Phong	KX	xã Đông Hưng	TP. Thanh Hoá	19° 46' 42"	105° 45' 16"					E-48-8-B-c
Xóm Quang	DC	xã Đông Hưng	TP. Thanh Hoá	19° 47' 25"	105° 45' 04"					E-48-8-B-c
xóm Thắng Sơn	DC	xã Đông Hưng	TP. Thanh Hoá	19° 47' 40"	105° 45' 18"					E-48-8-B-c
Xóm Tiến	DC	xã Đông Hưng	TP. Thanh Hoá	19° 47' 08"	105° 44' 28"					E-48-8-A-d
Xóm Toản	DC	xã Đông Hưng	TP. Thanh Hoá	19° 47' 25"	105° 44' 31"					E-48-8-A-d
Xóm Trần	DC	xã Đông Hưng	TP. Thanh Hoá	19° 47' 09"	105° 45' 14"					E-48-8-B-c
Cầu Trắng	KX	xã Đông Hưng	TP. Thanh Hoá	19° 46' 58"	105° 45' 07"					E-48-8-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
quốc lộ 45	KX	xã Đông Lĩnh	TP Thanh Hoá			20° 10' 25"	105° 46' 47"	19° 48' 05"	105° 26' 03"	E-48-8-A-d
Thôn Đông	DC	xã Đông Lĩnh	TP. Thanh Hoá	19° 49' 08"	105° 44' 42"					E-48-8-A-d
Thôn Hạnh	DC	xã Đông Lĩnh	TP. Thanh Hoá	19° 50' 32"	105° 44' 05"					E-48-8-A-d
thôn Hồ Thôn	DC	xã Đông Lĩnh	TP. Thanh Hoá	19° 49' 44"	105° 44' 24"					E-48-8-A-d
Thôn Lợi	DC	xã Đông Lĩnh	TP. Thanh Hoá	19° 49' 49"	105° 44' 52"					E-48-8-A-d
Thôn Nguyên	DC	xã Đông Lĩnh	TP. Thanh Hoá	19° 50' 38"	105° 44' 10"					E-48-8-A-d
Sông Hạc	TV	xã Đông Lĩnh	TP. Thanh Hoá			19° 50' 06"	105° 45' 01"	19° 49' 03"	105° 47' 10"	E-48-8-B-c
Thôn Phú	DC	xã Đông Lĩnh	TP. Thanh Hoá	19° 50' 07"	105° 44' 52"					E-48-8-A-d
Thôn Quý	DC	xã Đông Lĩnh	TP. Thanh Hoá	19° 50' 16"	105° 44' 48"					E-48-8-A-d
Thôn Quyết	DC	xã Đông Lĩnh	TP. Thanh Hoá	19° 49' 58"	105° 45' 03"					E-48-8-B-c
núi Rừng Thông	SV	xã Đông Lĩnh	TP. Thanh Hoá	19° 49' 35"	105° 44' 35"					E-48-8-A-d
Thôn Sơn	DC	xã Đông Lĩnh	TP. Thanh Hoá	19° 49' 20"	105° 44' 35"					E-48-8-A-d
Thôn Tân	DC	xã Đông Lĩnh	TP. Thanh Hoá	19° 50' 25"	105° 43' 52"					E-48-8-A-d
thôn Tân Lương	DC	xã Đông Lĩnh	TP. Thanh Hoá	19° 49' 53"	105° 43' 48"					E-48-8-A-d
Thôn Thắng	DC	xã Đông Lĩnh	TP. Thanh Hoá	19° 49' 56"	105° 45' 00"					E-48-8-B-c
thôn Thọ Khang	DC	xã Đông Lĩnh	TP. Thanh Hoá	19° 50' 20"	105° 45' 00"					E-48-8-B-c
Thôn Tiến	DC	xã Đông Lĩnh	TP. Thanh Hoá	19° 50' 17"	105° 43' 49"					E-48-8-A-d
thôn Vĩnh Ngọc	DC	xã Đông Lĩnh	TP. Thanh Hoá	19° 49' 30"	105° 44' 48"					E-48-8-A-d
quốc lộ 45	KX	xã Đông Tân	TP. Thanh Hoá			20° 10' 25"	105° 46' 47"	19° 48' 05"	105° 26' 03"	E-48-8-B-c, E-48-8-A-d
quốc lộ 47	KX	xã Đông Tân	TP. Thanh Hoá			19° 44' 00"	105° 53' 59"	19° 53' 36"	105° 24' 14"	E-48-8-A-d
Cầu Đống	KX	xã Đông Tân	TP. Thanh Hoá	19° 46' 10"	105° 44' 49"					E-48-8-A-d
sông Nhà Lê	TV	xã Đông Tân	TP. Thanh Hoá			19° 51' 19"	105° 40' 40"	19° 47' 53"	105° 47' 13"	E-48-8-A-d
Núi Nhồi	SV	xã Đông Tân	TP. Thanh Hoá	19° 47' 52"	105° 44' 35"					E-48-8-A-d
sông Nông Giang	TV	xã Đông Tân	TP. Thanh Hoá			19° 53' 46"	105° 22' 38"	19° 50' 04"	105° 42' 15"	E-48-8-A-d, E-48-8-B-c
thôn Tân Công	DC	xã Đông Tân	TP. Thanh Hoá	19° 48' 17"	105° 44' 20"					E-48-8-A-d
thôn Tân Dân	DC	xã Đông Tân	TP. Thanh Hoá	19° 48' 47"	105° 44' 10"					E-48-8-A-d
thôn Tân Hạnh	DC	xã Đông Tân	TP. Thanh Hoá	19° 48' 20"	105° 44' 28"					E-48-8-A-d
thôn Tân Lê	DC	xã Đông Tân	TP. Thanh Hoá	19° 48' 51"	105° 43' 59"					E-48-8-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phut,giây)	(Độ,phut,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Tân Lợi	DC	xã Đông Tân	TP. Thanh Hoá	19° 48' 41"	105° 44' 06"					E-48-8-A-d
thôn Tân Thọ	DC	xã Đông Tân	TP. Thanh Hoá	19° 48' 45"	105° 45' 11"					E-48-8-B-c
thôn Tân Tự	DC	xã Đông Tân	TP. Thanh Hoá	19° 48' 29"	105° 44' 31"					E-48-8-A-d
quốc lộ 47	KX	xã Đông Vinh	TP. Thanh Hoá			19° 44' 00"	105° 53' 56"	19° 53' 36"	105° 24' 14"	E-48-8-B-c
thôn Đa Sĩ	DC	xã Đông Vinh	TP. Thanh Hoá	19° 46' 07"	105° 45' 43"					E-48-8-B-c
thôn Đông Cao	DC	xã Đông Vinh	TP. Thanh Hoá	19° 46' 00"	105° 45' 14"					E-48-8-B-c
sông Nhà Lê	TV	xã Đông Vinh	TP. Thanh Hoá			19° 47' 32"	105° 45' 11"	19° 44' 24"	105° 44' 42"	E-48-8-B-c, E-48-8-C-b, E-48-8-D-a
thôn Tam Thọ	DC	xã Đông Vinh	TP. Thanh Hoá	19° 46' 01"	105° 45' 25"					E-48-8-B-c
thôn Văn Khê	DC	xã Đông Vinh	TP. Thanh Hoá	19° 45' 30"	105° 45' 43"					E-48-8-B-c
thôn Văn Vật	DC	xã Đông Vinh	TP. Thanh Hoá	19° 44' 38"	105° 44' 48"					E-48-8-C-b
quốc lộ 1A0	KX	xã Hoằng Anh	TP. Thanh Hoá			20° 03' 48"	106° 02' 24"	19° 51' 05"	105° 46' 00"	E-48-8-B-c
Sông Goòng	TV	xã Hoằng Anh	TP. Thanh Hoá			19° 50' 40"	105° 48' 11"	19° 51' 50"	105° 52' 06"	E-48-8-B-c
sông Lạch Trường	TV	xã Hoằng Anh	TP. Thanh Hoá			19° 51' 10"	105° 47' 13"	19° 53' 19"	105° 56' 43"	E-48-8-B-c
kênh N16	TV	xã Hoằng Anh	TP. Thanh Hoá			19° 51' 38"	105° 49' 08"	19° 51' 01"	105° 48' 14"	E-48-8-B-c
thôn Nhữ Xá 1	DC	xã Hoằng Anh	TP. Thanh Hoá	19° 51' 22"	105° 48' 32"					E-48-8-B-c
thôn Quan Nội	DC	xã Hoằng Anh	TP. Thanh Hoá	19° 51' 29"	105° 48' 50"					E-48-8-B-c
thôn Quan Nội 1	DC	xã Hoằng Anh	TP. Thanh Hoá	19° 51' 29"	105° 48' 40"					E-48-8-B-c
thôn Quan Nội 2	DC	xã Hoằng Anh	TP. Thanh Hoá	19° 51' 23"	105° 48' 45"					E-48-8-B-c
thôn Quan Nội 3	DC	xã Hoằng Anh	TP. Thanh Hoá	19° 51' 23"	105° 48' 49"					E-48-8-B-c
thôn Quan Nội 4	DC	xã Hoằng Anh	TP. Thanh Hoá	19° 51' 29"	105° 48' 47"					E-48-8-B-c
thôn Quan Nội 5	DC	xã Hoằng Anh	TP. Thanh Hoá	19° 51' 34"	105° 48' 54"					E-48-8-B-c
thôn Quan Nội 6	DC	xã Hoằng Anh	TP. Thanh Hoá	19° 51' 25"	105° 48' 56"					E-48-8-B-c
thôn Cát Lợi	DC	xã Hoằng Đại	TP. Thanh Hoá	19° 48' 10"	105° 50' 27"					E-48-8-B-c
thôn Đại Đồng	DC	xã Hoằng Đại	TP. Thanh Hoá	19° 48' 21"	105° 50' 02"					E-48-8-B-c
thôn Đông Tiến	DC	xã Hoằng Đại	TP. Thanh Hoá	19° 48' 14"	105° 50' 24"					E-48-8-B-c
thôn Hạnh Phúc	DC	xã Hoằng Đại	TP. Thanh Hoá	19° 48' 05"	105° 50' 02"					E-48-8-B-c
thôn Kiều Tiến	DC	xã Hoằng Đại	TP. Thanh Hoá	19° 48' 27"	105° 50' 14"					E-48-8-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Sông Mã	TV	xã Hoằng Đại	TP. Thanh Hoá			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	E-48-8-B-c
thôn Quang Hải	DC	xã Hoằng Đại	TP. Thanh Hoá	19° 48' 05"	105° 50' 11"					E-48-8-B-c
thôn Sơn Hà	DC	xã Hoằng Đại	TP. Thanh Hoá	19° 47' 52"	105° 50' 35"					E-48-8-B-c
thôn Vĩnh Quang	DC	xã Hoằng Đại	TP. Thanh Hoá	19° 48' 10"	105° 50' 10"					E-48-8-B-c
quốc lộ 1A	KX	xã Hoằng Long	TP. Thanh Hoá			20° 08' 01"	105° 51' 32"	19° 18' 42"	105° 43' 16"	E-48-8-B-c
thôn 1	DC	xã Hoằng Long	TP. Thanh Hoá	19° 50' 12"	105° 47' 44"					E-48-8-B-c
thôn 2	DC	xã Hoằng Long	TP. Thanh Hoá	19° 50' 04"	105° 47' 56"					E-48-8-B-c
thôn 3	DC	xã Hoằng Long	TP. Thanh Hoá	19° 49' 57"	105° 48' 04"					E-48-8-B-c
thôn 4	DC	xã Hoằng Long	TP. Thanh Hoá	19° 49' 56"	105° 48' 09"					E-48-8-B-c
thôn 5	DC	xã Hoằng Long	TP. Thanh Hoá	19° 49' 50"	105° 48' 09"					E-48-8-B-c
thôn 6	DC	xã Hoằng Long	TP. Thanh Hoá	19° 49' 44"	105° 48' 15"					E-48-8-B-c
Sông Goòng	TV	xã Hoằng Long	TP. Thanh Hoá			19° 50' 40"	105° 48' 11"	19° 51' 50"	105° 52' 06"	E-48-8-B-c
cầu Hoằng Long	KX	xã Hoằng Long	TP. Thanh Hoá	19° 50' 12"	105° 47' 31"					E-48-8-B-c
Sông Mã	TV	xã Hoằng Long	TP. Thanh Hoá			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	E-48-8-B-c
quốc lộ 1A	KX	xã Hoằng Lý	TP. Thanh Hoá			20° 08' 01"	105° 51' 32"	19° 18' 42"	105° 43' 16"	E-48-8-B-c
thôn 1	DC	xã Hoằng Lý	TP. Thanh Hoá	19° 51' 20"	105° 47' 36"					E-48-8-B-c
thôn 2	DC	xã Hoằng Lý	TP. Thanh Hoá	19° 51' 24"	105° 47' 31"					E-48-8-B-c
thôn 3	DC	xã Hoằng Lý	TP. Thanh Hoá	19° 51' 22"	105° 47' 38"					E-48-8-B-c
thôn 4	DC	xã Hoằng Lý	TP. Thanh Hoá	19° 51' 25"	105° 47' 44"					E-48-8-B-c
thôn 5	DC	xã Hoằng Lý	TP. Thanh Hoá	19° 51' 29"	105° 47' 42"					E-48-8-B-c
thôn 6	DC	xã Hoằng Lý	TP. Thanh Hoá	19° 51' 32"	105° 47' 49"					E-48-8-B-c
thôn 7	DC	xã Hoằng Lý	TP. Thanh Hoá	19° 51' 37"	105° 48' 11"					E-48-8-B-c
sông Lạch Trường	TV	xã Hoằng Lý	TP. Thanh Hoá			19° 51' 10"	105° 47' 13"	19° 53' 19"	105° 55' 43"	E-48-8-B-c
Sông Mã	TV	xã Hoằng Lý	TP. Thanh Hoá			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	E-48-8-B-c
thôn 1	DC	xã Hoằng Quang	TP. Thanh Hoá	19° 49' 39"	105° 48' 23"					E-48-8-B-c
thôn 2	DC	xã Hoằng Quang	TP. Thanh Hoá	19° 49' 33"	105° 48' 33"					E-48-8-B-c
thôn 3	DC	xã Hoằng Quang	TP. Thanh Hoá	19° 49' 35"	105° 48' 41"					E-48-8-B-c
thôn 4	DC	xã Hoằng Quang	TP. Thanh Hoá	19° 49' 26"	105° 48' 50"					E-48-8-B-c
thôn 5	DC	xã Hoằng Quang	TP. Thanh Hoá	19° 49' 29"	105° 48' 58"					E-48-8-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phut,giây)	
thôn 6	DC	xã Hoằng Quang	TP. Thanh Hoá	19° 49' 20"	105° 49' 05"					E-48-8-B-c
thôn 7	DC	xã Hoằng Quang	TP. Thanh Hoá	19° 49' 06"	105° 49' 12"					E-48-8-B-c
thôn 8	DC	xã Hoằng Quang	TP. Thanh Hoá	19° 48' 57"	105° 49' 22"					E-48-8-B-c
thôn 9	DC	xã Hoằng Quang	TP. Thanh Hoa	19° 48' 49"	105° 49' 25"					E-48-8-B-c
thôn 10	DC	xã Hoằng Quang	TP. Thanh Hoá	19° 48' 43"	105° 49' 31"					E-48-8-B-c
Sông Mã	TV	xã Hoằng Quang	TP. Thanh Hoá			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	E-48-8-B-c
kênh N18	TV	xã Hoằng Quang	TP. Thanh Hoá			19° 51' 05"	105° 49' 41"	19° 49' 23"	105° 49' 08"	E-48-8-B-c
thôn 1	DC	xã Quảng Cát	TP. Thanh Hoá	19° 44' 20"	105° 51' 04"					E-48-8-D-a
thôn 2	DC	xã Quảng Cát	TP. Thanh Hoá	19° 44' 33"	105° 51' 04"					E-48-8-D-a
thôn 3	DC	xã Quảng Cát	TP. Thanh Hoá	19° 44' 24"	105° 50' 49"					E-48-8-D-a
thôn 4	DC	xã Quảng Cát	TP. Thanh Hoa	19° 44' 37"	105° 50' 56"					E-48-8-D-a
thôn 5	DC	xã Quảng Cát	TP. Thanh Hoá	19° 44' 22"	105° 50' 13"					E-48-8-D-a
thôn 6	DC	xã Quảng Cát	TP. Thanh Hoá	19° 44' 30"	105° 50' 13"					E-48-8-D-a
thôn 7	DC	xã Quảng Cát	TP. Thanh Hoá	19° 44' 33"	105° 49' 48"					E-48-8-D-a
thôn 8	DC	xã Quảng Cát	TP. Thanh Hoá	19° 44' 37"	105° 50' 24"					E-48-8-D-a
thôn 9	DC	xã Quảng Cát	TP. Thanh Hoá	19° 44' 43"	105° 50' 20"					E-48-8-D-a
thôn 10	DC	xã Quảng Cát	TP. Thanh Hoá	19° 44' 50"	105° 50' 20"					E-48-8-D-a
thôn 11	DC	xã Quảng Cát	TP. Thanh Hoá	19° 44' 52"	105° 50' 06"					E-48-8-D-a
thôn 12	DC	xã Quảng Cát	TP. Thanh Hoá	19° 45' 05"	105° 50' 17"					E-48-8-B-c
thôn 13	DC	xã Quảng Cát	TP. Thanh Hoá	19° 44' 55"	105° 49' 52"					E-48-8-D-a
thôn 14	DC	xã Quảng Cát	TP. Thanh Hoá	19° 45' 06"	105° 49' 47"					E-48-8-B-c
thôn 15	DC	xã Quảng Cát	TP. Thanh Hoá	19° 45' 11"	105° 49' 51"					E-48-8-B-c
thôn 16	DC	xã Quảng Cát	TP. Thanh Hoá	19° 45' 28"	105° 49' 52"					E-48-8-B-c
thôn 17	DC	xã Quảng Cát	TP. Thanh Hoá	19° 45' 24"	105° 49' 38"					E-48-8-B-c
thôn 18	DC	xã Quảng Cát	TP. Thanh Hoa	19° 44' 57"	105° 49' 19"					E-48-8-B-c
quốc lộ 47	KX	xã Quảng Cát	TP. Thanh Hoá			19° 44' 00"	105° 53' 56"	19° 53' 36"	105° 24' 14"	E-48-8-B-c
đường tỉnh 511	KX	xã Quảng Cát	TP. Thanh Hoá			19° 45' 15"	105° 50' 20"	19° 38' 43"	105° 47' 49"	E-48-8-D-a, E-48-8-B-c
quốc lộ 47	KX	xã Quảng Đông	TP. Thanh Hoá			19° 44' 00"	105° 53' 56"	19° 53' 36"	105° 24' 14"	E-48-8-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phut giây)	(Độ,phut,giây)	(Độ,phut,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phut,giây)	
thôn Đông Đoài	DC	xã Quảng Đông	TP Thanh Hoá	19° 45' 18"	105° 48' 07"					E-48-8-B-c
thôn Đông Hoà	DC	xã Quảng Đông	TP Thanh Hoá	19° 45' 56"	105° 48' 32"					E-48-8-B-c
thôn Đông Hưng	DC	xã Quảng Đông	TP. Thanh Hoá	19° 46' 04"	105° 48' 25"					E-48-8-B-c
thôn Đông Nghĩa	DC	xã Quảng Đông	TP. Thanh Hoá	19° 45' 38"	105° 47' 53"					E-48-8-B-c
thôn Đông Ngọc	DC	xã Quảng Đông	TP. Thanh Hoá	19° 45' 22"	105° 47' 49"					E-48-8-B-c
thôn Đông Quang 1	DC	xã Quảng Đông	TP. Thanh Hoá	19° 45' 37"	105° 48' 11"					E-48-8-B-c
thôn Đông Quang 2	DC	xã Quảng Đông	TP. Thanh Hoá	19° 45' 44"	105° 48' 14"					E-48-8-B-c
thôn Đông Thành	DC	xã Quảng Đông	TP. Thanh Hoá	19° 45' 25"	105° 48' 07"					E-48-8-B-c
thôn Đông Văn	DC	xã Quảng Đông	TP. Thanh Hoá	19° 45' 59"	105° 49' 19"					E-48-8-B-c
thôn Đông Việt	DC	xã Quảng Đông	TP. Thanh Hoá	19° 46' 20"	105° 48' 54"					E-48-8-B-c
thôn Đông Vinh	DC	xã Quảng Đông	TP. Thanh Hoá	19° 45' 31"	105° 48' 09"					E-48-8-B-c
thôn Đông Vũ	DC	xã Quảng Đông	TP. Thanh Hoá	19° 46' 05"	105° 48' 56"					E-48-8-B-c
sông Nông Giang	TV	xã Quảng Đông	TP. Thanh Hoá			19° 53' 46"	105° 22' 36"	19° 50' 04"	105° 42' 15"	E-48-8-B-c
thôn 1	DC	xã Quảng Phú	TP. Thanh Hoá	19° 46' 10"	105° 51' 16"					E-48-8-B-c
thôn 2	DC	xã Quảng Phú	TP. Thanh Hoá	19° 46' 18"	105° 50' 46"					E-48-8-B-c
thôn 3	DC	xã Quảng Phú	TP. Thanh Hoá	19° 46' 06"	105° 50' 31"					E-48-8-B-c
thôn 4	DC	xã Quảng Phú	TP. Thanh Hoá	19° 46' 07"	105° 50' 20"					E-48-8-B-c
thôn 5	DC	xã Quảng Phú	TP. Thanh Hoá	19° 45' 51"	105° 49' 34"					E-48-8-B-c
thôn 6	DC	xã Quảng Phú	TP. Thanh Hoá	19° 46' 18"	105° 50' 02"					E-48-8-B-c
thôn 7	DC	xã Quảng Phú	TP. Thanh Hoá	19° 46' 22"	105° 49' 37"					E-48-8-B-c
thôn 8	DC	xã Quảng Phú	TP. Thanh Hoá	19° 46' 24"	105° 49' 23"					E-48-8-B-c
thôn 9	DC	xã Quảng Phú	TP. Thanh Hoá	19° 46' 39"	105° 49' 48"					E-48-8-B-c
quốc lộ 47	KX	xã Quảng Phú	TP. Thanh Hoá			19° 44' 00"	105° 53' 56"	19° 53' 36"	105° 24' 14"	E-48-8-B-c
Sông Mã	TV	xã Quảng Phú	TP. Thanh Hoá			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	E-48-8-B-c
sông Thống Nhất	TV	xã Quảng Phú	TP. Thanh Hoá			19° 47' 53"	105° 47' 13"	19° 46' 18"	105° 53' 02"	E-48-8-B-c
sông Trường Lệ	TV	xã Quảng Phú	TP. Thanh Hoá			19° 46' 15"	105° 49' 43"	19° 45' 44"	105° 52' 58"	E-48-8-B-c
quốc lộ 47	KX	xã Quảng Tâm	TP. Thanh Hoá			19° 44' 00"	105° 53' 56"	19° 53' 36"	105° 24' 14"	E-48-8-B-c, E-48-8-D-a
Bệnh viện 71	KX	xã Quảng Tâm	TP. Thanh Hoá	19° 45' 36"	105° 50' 28"					E-48-8-B-c
đường tỉnh 511	KX	xã Quảng Tâm	TP. Thanh Hoá			19° 45' 15"	105° 50' 20"	19° 38' 43"	105° 47' 49"	E-48-8-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Chiến Thắng	DC	xã Quảng Tâm	TP. Thanh Hoá	19° 45' 01"	105° 50' 24"					E-48-8-B-c
thôn Đình Cường	DC	xã Quảng Tâm	TP. Thanh Hoá	19° 45' 15"	105° 50' 48"					E-48-8-B-c
Ngã ba Mỏi	KX	xã Quảng Tâm	TP. Thanh Hoá	19° 45' 15"	105° 50' 21"					E-48-8-B-c
thôn Phố Mỏi	DC	xã Quảng Tâm	TP. Thanh Hoá	19° 45' 12"	105° 50' 30"					E-48-8-B-c
thôn Phú Quý	DC	xã Quảng Tâm	TP. Thanh Hoá	19° 45' 22"	105° 50' 31"					E-48-8-B-c
thôn Phúc Thọ	DC	xã Quảng Tâm	TP. Thanh Hoá	19° 45' 02"	105° 50' 55"					E-48-8-B-c
thôn Quang Trung	DC	xã Quảng Tâm	TP. Thanh Hoá	19° 45' 49"	105° 50' 40"					E-48-8-B-c
thôn Thanh Kiên	DC	xã Quảng Tâm	TP. Thanh Hoá	19° 45' 42"	105° 50' 45"					E-48-8-B-c
sông Thống Nhất	TV	xã Quảng Tâm	TP. Thanh Hoá			19° 47' 53"	105° 47' 13"	19° 46' 18"	105° 53' 02"	E-48-8-B-c
thôn Trên Thành	DC	xã Quảng Tâm	TP. Thanh Hoá	19° 45' 32"	105° 51' 05"					E-48-8-B-c
sông Trường Lệ	TV	xã Quảng Tâm	TP. Thanh Hoá			19° 46' 15"	105° 49' 43"	19° 45' 44"	105° 52' 58"	E-48-8-B-c
quốc lộ 1A	KX	xã Quảng Thịnh	TP. Thanh Hoá			20° 08' 01"	105° 51' 32"	19° 18' 42"	105° 43' 16"	E-48-8-B-c
quốc lộ 45	KX	xã Quảng Thịnh	TP. Thanh Hoá			20° 10' 25"	105° 46' 47"	19° 48' 05"	105° 26' 03"	E-48-8-B-c, E-48-8-A-d
quốc lộ 47	KX	xã Quảng Thịnh	TP. Thanh Hoá			19° 44' 00"	105° 53' 56"	19° 53' 36"	105° 24' 14"	E-48-8-B-c
thôn Gia Lộc	DC	xã Quảng Thịnh	TP. Thanh Hoá	19° 45' 28"	105° 46' 10"					E-48-8-B-c
sông Nhà Lê	TV	xã Quảng Thịnh	TP. Thanh Hoá			19° 47' 32"	105° 45' 11"	19° 44' 24"	105° 44' 42"	E-48-8-B-c
sông Nông Giang	TV	xã Quảng Thịnh	TP. Thanh Hoá			19° 53' 46"	105° 22' 38"	19° 50' 04"	105° 42' 15"	E-48-8-B-c
cầu Quán Nam	KX	xã Quảng Thịnh	TP. Thanh Hoá	19° 45' 52"	105° 46' 30"					E-48-8-B-c
thôn Quyết Thắng	DC	xã Quảng Thịnh	TP. Thanh Hoá	19° 45' 11"	105° 46' 14"					E-48-8-B-c
thôn Thịnh Hùng	DC	xã Quảng Thịnh	TP. Thanh Hoá	19° 45' 31"	105° 46' 28"					E-48-8-B-c
thôn Thịnh Ngọc	DC	xã Quảng Thịnh	TP. Thanh Hoá	19° 45' 26"	105° 46' 47"					E-48-8-B-c
thôn Thịnh Tăng	DC	xã Quảng Thịnh	TP. Thanh Hoá	19° 45' 31"	105° 45' 51"					E-48-8-B-c
thôn Thịnh Vạn	DC	xã Quảng Thịnh	TP. Thanh Hoá	19° 44' 56"	105° 45' 40"					E-48-8-D-a
thôn Tiến Thọ	DC	xã Quảng Thịnh	TP. Thanh Hoá	19° 45' 45"	105° 46' 23"					E-48-8-B-c
thôn Trường Sơn	DC	xã Quảng Thịnh	TP. Thanh Hoá	19° 46' 06"	105° 45' 54"					E-48-8-B-c
Cầu Voi	KX	xã Quảng Thịnh	TP. Thanh Hoá	19° 46' 18"	105° 46' 54"					E-48-8-B-c
thôn 1	DC	xã Thiệu Dương	TP. Thanh Hoá	19° 52' 17"	105° 45' 51"					E-48-8-B-c
thôn 2	DC	xã Thiệu Dương	TP. Thanh Hoá	19° 52' 07"	105° 45' 53"					E-48-8-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn 3	DC	xã Thiệu Dương	TP. Thanh Hoá	19° 51' 58"	105° 45' 48"					E-48-8-B-c
thôn 4	DC	xã Thiệu Dương	TP. Thanh Hoá	19° 52' 26"	105° 45' 49"					E-48-8-B-c
thôn 5	DC	xã Thiệu Dương	TP. Thanh Hoá	19° 52' 17"	105° 45' 59"					E-48-8-B-c
thôn 6	DC	xã Thiệu Dương	TP. Thanh Hoá	19° 52' 10"	105° 46' 04"					E-48-8-B-c
thôn 7	DC	xã Thiệu Dương	TP. Thanh Hoá	19° 52' 07"	105° 46' 09"					E-48-8-B-c
thôn 8	DC	xã Thiệu Dương	TP. Thanh Hoá	19° 52' 03"	105° 46' 19"					E-48-8-B-c
thôn 9	DC	xã Thiệu Dương	TP. Thanh Hoá	19° 51' 56"	105° 46' 41"					E-48-8-B-c
thôn 10	DC	xã Thiệu Dương	TP. Thanh Hoá	19° 51' 44"	105° 46' 46"					E-48-8-B-c
Núi Chè	SV	xã Thiệu Dương	TP. Thanh Hoá	19° 51' 37"	105° 46' 30"					E-48-8-B-c
Sông Mã	TV	xã Thiệu Dương	TP. Thanh Hoá			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	E-48-8-B-c, E-48-8-B-a
thôn 1	DC	xã Thiệu Khánh	TP. Thanh Hoá	19° 52' 42"	105° 44' 10"					E-48-8-A-b
thôn 2	DC	xã Thiệu Khánh	TP. Thanh Hoá	19° 52' 37"	105° 44' 22"					E-48-8-A-b
thôn 3	DC	xã Thiệu Khánh	TP. Thanh Hoá	19° 52' 41"	105° 44' 32"					E-48-8-A-b
thôn 4	DC	xã Thiệu Khánh	TP. Thanh Hoá	19° 52' 39"	105° 44' 39"					E-48-8-A-b
thôn 5	DC	xã Thiệu Khánh	TP. Thanh Hoá	19° 52' 48"	105° 44' 39"					E-48-8-A-b
thôn 6	DC	xã Thiệu Khánh	TP. Thanh Hoá	19° 52' 50"	105° 45' 01"					E-48-8-B-a
thôn 7	DC	xã Thiệu Khánh	TP. Thanh Hoá	19° 52' 39"	105° 45' 20"					E-48-8-B-a
thôn 8	DC	xã Thiệu Khánh	TP. Thanh Hoá	19° 52' 26"	105° 45' 21"					E-48-8-B-c
thôn 9	DC	xã Thiệu Khánh	TP. Thanh Hoá	19° 52' 36"	105° 45' 43"					E-48-8-B-a
Sông Chu	TV	xã Thiệu Khánh	TP. Thanh Hoá			19° 55' 20"	105° 07' 59"	19° 53' 02"	105° 45' 23"	E-48-8-A-b, E-48-8-B-a
Núi Đọ	SV	xã Thiệu Khánh	TP. Thanh Hoá	19° 52' 29"	105° 43' 48"					E-48-8-A-b
thôn Giang Thanh	DC	xã Thiệu Khánh	TP. Thanh Hoá	19° 52' 59"	105° 44' 45"					E-48-8-A-b
Sông Mã	TV	xã Thiệu Khánh	TP. Thanh Hoá			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	E-48-8-B-a
thôn Thủ Công	DC	xã Thiệu Khánh	TP. Thanh Hoá	19° 52' 44"	105° 45' 09"					E-48-8-B-a
thôn 1	DC	xã Thiệu Vân	TP. Thanh Hoá	19° 51' 52"	105° 44' 49"					E-48-8-A-d
thôn 2	DC	xã Thiệu Vân	TP. Thanh Hoá	19° 51' 49"	105° 44' 44"					E-48-8-A-d
thôn 3	DC	xã Thiệu Vân	TP. Thanh Hoá	19° 51' 41"	105° 44' 51"					E-48-8-A-d
thôn 4	DC	xã Thiệu Vân	TP. Thanh Hoá	19° 51' 30"	105° 44' 32"					E-48-8-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Inón 5	DC	xã Thiệu Vân	TP. Thanh Hoá	19° 51' 52"	105° 44' 10"					E-48-8-A-d
thôn 6	DC	xã Thiệu Vân	TP. Thanh Hoa	19° 51' 55"	105° 43' 55"					E-48-8-A-d
thôn 7	DC	xã Thiệu Vân	TP. Thanh Hoá	19° 51' 51"	105° 43' 34"					E-48-8-A-d
thôn 8	DC	xã Thiệu Vân	TP. Thanh Hoá	19° 52' 05"	105° 43' 34"					E-48-8-A-d
Núi Đọ	SV	xã Thiệu Vân	TP. Thanh Hoá	19° 52' 29"	105° 43' 48"					E-48-8-A-b
khu phố 1	DC	P. Ba Đình	TX. Bỉm Sơn	20° 05' 04"	105° 51' 29"					F-48-92-D-c
khu phố 2	DC	P. Ba Đình	TX. Bỉm Sơn	20° 05' 13"	105° 51' 37"					F-48-92-D-c
khu phố 3	DC	P. Ba Đình	TX. Bỉm Sơn	20° 05' 06"	105° 51' 38"					F-48-92-D-c
khu phố 4	DC	P. Ba Đình	TX. Bỉm Sơn	20° 05' 08"	105° 51' 45"					F-48-92-D-c
khu phố 5	DC	P. Ba Đình	TX. Bỉm Sơn	20° 04' 56"	105° 51' 50"					F-48-92-D-c
khu phố 6	DC	P. Ba Đình	TX. Bỉm Sơn	20° 04' 49"	105° 52' 00"					F-48-92-D-c
khu phố 7	DC	P. Ba Đình	TX. Bỉm Sơn	20° 05' 31"	105° 52' 36"					F-48-92-D-d
khu phố 8	DC	P. Ba Đình	TX. Bỉm Sơn	20° 05' 21"	105° 52' 28"					F-48-92-D-c
khu phố 9	DC	P. Ba Đình	TX. Bỉm Sơn	20° 05' 14"	105° 52' 46"					F-48-92-D-d
khu phố 10	DC	P. Ba Đình	TX. Bỉm Sơn	20° 06' 03"	105° 52' 56"					F-48-92-D-d
khu phố 11	DC	P. Ba Đình	TX. Bỉm Sơn	20° 05' 19"	105° 52' 36"					F-48-92-D-d
Nhà máy Xi măng Bỉm Sơn	KX	P. Ba Đình	TX. Bỉm Sơn	20° 05' 31"	105° 53' 04"					F-48-92-D-d
hồ Cánh Chim	TV	P. Ba Đình	TX. Bỉm Sơn	20° 06' 17"	105° 52' 59"					F-48-92-D-d
Trường Cao đẳng Tài nguyên và Môi trường Miền Trung	KX	P. Ba Đình	TX. Bỉm Sơn	20° 05' 09"	105° 51' 32"					F-48-92-D-c
quốc lộ 1A	KX	P. Bắc Sơn	TX. Bỉm Sơn			20° 08' 01"	105° 51' 32"	19° 18' 42"	105° 43' 16"	F-48-92-D-c
khu phố 1	DC	P. Bắc Sơn	TX. Bỉm Sơn	20° 05' 23"	105° 51' 13"					F-48-92-D-c
khu phố 2	DC	P. Bắc Sơn	TX. Bỉm Sơn	20° 05' 32"	105° 51' 03"					F-48-92-D-c
khu phố 3	DC	P. Bắc Sơn	TX. Bỉm Sơn	20° 05' 37"	105° 51' 19"					F-48-92-D-c
khu phố 4	DC	P. Bắc Sơn	TX. Bỉm Sơn	20° 06' 49"	105° 51' 28"					F-48-92-D-c
khu phố 5	DC	P. Bắc Sơn	TX. Bỉm Sơn	20° 06' 55"	105° 51' 42"					F-48-92-D-c
khu phố 6	DC	P. Bắc Sơn	TX. Bỉm Sơn	20° 06' 05"	105° 51' 13"					F-48-92-D-c
khu phố 7	DC	P. Bắc Sơn	TX. Bỉm Sơn	20° 07' 06"	105° 50' 56"					F-48-92-D-c
khu phố 8	DC	P. Bắc Sơn	TX. Bỉm Sơn	20° 07' 48"	105° 51' 24"					F-48-92-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
khu phố 9	DC	P. Bắc Sơn	TX. Bỉm Sơn	20° 05' 48"	105° 50' 59"					F-48-92-D-c
khu phố 10	DC	P. Bắc Sơn	TX. Bỉm Sơn	20° 06' 00"	105° 50' 34"					F-48-92-D-c
khu phố 11	DC	P. Bắc Sơn	TX. Bỉm Sơn	20° 06' 02"	105° 50' 11"					F-48-92-D-c
khu phố 12	DC	P. Bắc Sơn	TX. Bỉm Sơn	20° 07' 08"	105° 52' 59"					F-48-92-D-d
cầu Ba Lá	KX	P. Bắc Sơn	TX. Bỉm Sơn	20° 07' 03"	105° 50' 56"					F-48-92-D-c
cầu Núi Một	KX	P. Bắc Sơn	TX. Bỉm Sơn	20° 06' 41"	105° 51' 11"					F-48-92-D-c
Cầu Sông	KX	P. Bắc Sơn	TX. Bỉm Sơn	20° 05' 33"	105° 51' 25"					F-48-92-D-c
đền Sòng Sơn	KX	P. Bắc Sơn	TX. Bỉm Sơn	20° 05' 46"	105° 51' 18"					F-48-92-D-c
khu phố 3	DC	P. Đông Sơn	TX. Bỉm Sơn	20° 04' 15"	105° 53' 57"					F-48-92-D-d
khu phố 5	DC	P. Đông Sơn	TX. Bỉm Sơn	20° 04' 28"	105° 53' 34"					F-48-92-D-d
khu phố 7	DC	P. Đông Sơn	TX. Bỉm Sơn	20° 04' 53"	105° 53' 36"					F-48-92-D-d
khu phố 8	DC	P. Đông Sơn	TX. Bỉm Sơn	20° 04' 10"	105° 53' 32"					F-48-92-D-d
núi Ba Voi	SV	P. Đông Sơn	TX. Bỉm Sơn	20° 04' 25"	105° 55' 01"					F-48-92-D-d
xóm Đồng Thôn	DC	P. Đông Sơn	TX. Bỉm Sơn	20° 03' 56"	105° 54' 01"					F-48-92-D-d
cầu Hà Lan	KX	P. Đông Sơn	TX. Bỉm Sơn	20° 03' 52"	105° 53' 21"					F-48-92-D-d
xóm Sơn Nam	DC	P. Đông Sơn	TX. Bỉm Sơn	20° 03' 55"	105° 53' 31"					F-48-92-D-d
xóm Sơn Tây	DC	P. Đông Sơn	TX. Bỉm Sơn	20° 03' 56"	105° 54' 30"					F-48-92-D-d
xóm Trung Sơn	DC	P. Đông Sơn	TX. Bỉm Sơn	20° 03' 52"	105° 54' 15"					F-48-92-D-d
xóm Trường Sơn	DC	P. Đông Sơn	TX. Bỉm Sơn	20° 04' 33"	105° 54' 09"					F-48-92-D-d
khu phố 1	DC	P. Lam Sơn	TX. Bỉm Sơn	20° 04' 19"	105° 53' 04"					F-48-92-D-d
khu phố 2	DC	P. Lam Sơn	TX. Bỉm Sơn	20° 04' 01"	105° 53' 21"					F-48-92-D-d
khu phố 4	DC	P. Lam Sơn	TX. Bỉm Sơn	20° 04' 44"	105° 53' 27"					F-48-92-D-d
khu phố 6	DC	P. Lam Sơn	TX. Bỉm Sơn	20° 05' 13"	105° 53' 02"					F-48-92-D-d
khu phố 9	DC	P. Lam Sơn	TX. Bỉm Sơn	20° 05' 05"	105° 53' 32"					F-48-92-D-d
thôn Cổ Đam	DC	P. Lam Sơn	TX. Bỉm Sơn	20° 04' 42"	105° 52' 23"					F-48-92-D-c
cầu Hà Lan	KX	P. Lam Sơn	TX. Bỉm Sơn	20° 03' 52"	105° 53' 21"					F-48-92-D-d
thôn Nghĩa Môn	DC	P. Lam Sơn	TX. Bỉm Sơn	20° 04' 20"	105° 52' 55"					F-48-92-D-d
Đội Ông	SV	P. Lam Sơn	TX. Bỉm Sơn	20° 04' 28"	105° 53' 13"					F-48-92-D-d
quốc lộ 1A	KX	P. Ngọc Trạo	TX. Bỉm Sơn			20° 08' 01"	105° 51' 32"	19° 18' 42"	105° 43' 16"	F-48-92-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phut,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
khu phố 1	DC	P. Ngọc Trạo	TX. Bỉm Sơn	20° 04' 58"	105° 51' 20"					F-48-92-D-c
khu phố 2	DC	P. Ngọc Trạo	TX. Bỉm Sơn	20° 04' 48"	105° 51' 16"					F-48-92-D-c
khu phố 3	DC	P. Ngọc Trạo	TX. Bỉm Sơn	20° 04' 45"	105° 51' 07"					F-48-92-D-c
khu phố 6	DC	P. Ngọc Trạo	TX. Bỉm Sơn	20° 04' 48"	105° 51' 02"					F-48-92-D-c
khu phố 10	DC	P. Ngọc Trạo	TX. Bỉm Sơn	20° 05' 10"	105° 51' 14"					F-48-92-D-c
khu phố 11	DC	P. Ngọc Trạo	TX. Bỉm Sơn	20° 05' 17"	105° 51' 23"					F-48-92-D-c
khu phố 12	DC	P. Ngọc Trạo	TX. Bỉm Sơn	20° 05' 17"	105° 50' 48"					F-48-92-D-c
khu phố 13	DC	P. Ngọc Trạo	TX. Bỉm Sơn	20° 05' 07"	105° 50' 33"					F-48-92-D-c
khu phố 14	DC	P. Ngọc Trạo	TX. Bỉm Sơn	20° 05' 12"	105° 50' 24"					F-48-92-D-c
ga Bỉm Sơn	KX	P. Ngọc Trạo	TX. Bỉm Sơn	20° 04' 57"	105° 51' 14"					F-48-92-D-c
khu phố Nguyễn Huệ	DC	P. Ngọc Trạo	TX. Bỉm Sơn	20° 04' 50"	105° 51' 14"					F-48-92-D-c
quốc lộ 1A	KX	P. Phú Sơn	TX. Bỉm Sơn			20° 08' 01"	105° 51' 32"	19° 18' 42"	105° 43' 16"	F-48-92-D-c
khu phố 1	DC	P. Phú Sơn	TX. Bỉm Sơn	20° 04' 40"	105° 51' 10"					F-48-92-D-c
khu phố 2	DC	P. Phú Sơn	TX. Bỉm Sơn	20° 04' 48"	105° 51' 23"					F-48-92-D-c
khu phố 3	DC	P. Phú Sơn	TX. Bỉm Sơn	20° 04' 48"	105° 51' 34"					F-48-92-D-c
khu phố 4	DC	P. Phú Sơn	TX. Bỉm Sơn	20° 04' 37"	105° 51' 13"					F-48-92-D-c
khu phố 5	DC	P. Phú Sơn	TX. Bỉm Sơn	20° 04' 24"	105° 51' 14"					F-48-92-D-c
khu phố 8	DC	P. Phú Sơn	TX. Bỉm Sơn	20° 04' 33"	105° 51' 33"					F-48-92-D-c
Cầu Cải	KX	xã Hà Lan	TX. Bỉm Sơn	20° 03' 03"	105° 53' 43"					F-48-92-D-c
cầu Đa Nam	KX	xã Hà Lan	TX. Bỉm Sơn	20° 02' 49"	105° 53' 54"					F-48-92-D-d
thôn Điền Lư	DC	xã Hà Lan	TX. Bỉm Sơn	20° 03' 30"	105° 53' 58"					F-48-92-D-d
thôn Đoài Thôn	DC	xã Hà Lan	TX. Bỉm Sơn	20° 03' 45"	105° 53' 24"					F-48-92-D-d
Sông Hoạt	TV	xã Hà Lan	TX. Bỉm Sơn			20° 03' 40"	106° 01' 30"	19° 58' 20"	105° 55' 15"	F-48-92-D-d
thôn Liên Giang	DC	xã Hà Lan	TX. Bỉm Sơn	20° 03' 16"	105° 54' 29"					F-48-92-D-d
Sông Tống	TV	xã Hà Lan	TX. Bỉm Sơn			20° 03' 36"	105° 52' 30"	20° 02' 42"	105° 54' 43"	F-48-92-D-c
thôn Xuân Nội	DC	xã Hà Lan	TX. Bỉm Sơn	20° 03' 51"	105° 54' 56"					F-48-92-D-d
quốc lộ 1A	KX	xã Quang Trung	TX. Bỉm Sơn			20° 08' 01"	105° 51' 32"	19° 18' 42"	105° 43' 16"	F-48-92-D-c
thôn 1	DC	xã Quang Trung	TX. Bỉm Sơn	20° 04' 17"	105° 52' 17"					F-48-92-D-c
thôn 2	DC	xã Quang Trung	TX. Bỉm Sơn	20° 03' 38"	105° 51' 51"					F-48-92-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn 3	DC	xã Quang Trung	TX. Bỉm Sơn	20° 04' 37"	105° 50' 42"					F-48-92-D-c
thôn 4	DC	xã Quang Trung	TX. Bỉm Sơn	20° 04' 00"	105° 51' 00"					F-48-92-D-c
thôn 5	DC	xã Quang Trung	TX. Bỉm Sơn	20° 04' 11"	105° 50' 39"					F-48-92-D-c
thôn 6	DC	xã Quang Trung	TX. Bỉm Sơn	20° 04' 14"	105° 50' 17"					F-48-92-D-c
đường tỉnh 522	KX	xã Quang Trung	TX. Bỉm Sơn			20° 04' 03"	105° 51' 00"	20° 12' 37"	105° 38' 50"	F-48-92-D-c
Sông Tống	TV	xã Quang Trung	TX. Bỉm Sơn			20° 03' 36"	105° 52' 30"	20° 02' 42"	105° 54' 43"	F-48-92-D-c
cầu Tống Giang	KX	xã Quang Trung	TX. Bỉm Sơn	20° 03' 31"	105° 50' 50"					F-48-92-D-c
sông Tống Giang	TV	xã Quang Trung	TX. Bỉm Sơn			20° 04' 22"	105° 49' 36"	20° 02' 52"	105° 51' 04"	F-48-92-D-d
khu phố Bình Sơn	DC	P. Bắc Sơn	TX. Sầm Sơn	19° 44' 22"	105° 53' 38"					E-48-8-D-b
Sông Đơ	TV	P. Bắc Sơn	TX. Sầm Sơn			19° 46' 20"	105° 53' 20"	19° 43' 37"	105° 52' 37"	E-48-8-D-b
khu phố Đồng Xuân	DC	P. Bắc Sơn	TX. Sầm Sơn	19° 44' 42"	105° 53' 18"					E-48-8-D-b
đường Hồ Xuân Hương	KX	P. Bắc Sơn	TX. Sầm Sơn			19° 44' 40"	105° 54' 14"	19° 43' 54"	105° 53' 53"	E-48-8-D-b
khu phố Hoà Sơn	DC	P. Bắc Sơn	TX. Sầm Sơn	19° 44' 16"	105° 53' 58"					E-48-8-D-b
khu phố Hợp Thành	DC	P. Bắc Sơn	TX. Sầm Sơn	19° 44' 45"	105° 53' 48"					E-48-8-D-b
khu phố Khánh Sơn	DC	P. Bắc Sơn	TX. Sầm Sơn	19° 44' 29"	105° 54' 03"					E-48-8-D-b
khu phố Lập Công	DC	P. Bắc Sơn	TX. Sầm Sơn	19° 44' 24"	105° 54' 00"					E-48-8-D-b
khu phố Long Sơn	DC	P. Bắc Sơn	TX. Sầm Sơn	19° 44' 40"	105° 53' 41"					E-48-8-D-b
khu phố Minh Hải	DC	P. Bắc Sơn	TX. Sầm Sơn	19° 44' 37"	105° 53' 56"					E-48-8-D-b
đường Nguyễn Du	KX	P. Bắc Sơn	TX. Sầm Sơn			19° 44' 44"	105° 53' 57"	19° 43' 55"	105° 53' 43"	E-48-8-D-b
khu phố Bảo An	DC	P. Quảng Tiến	TX. Sầm Sơn	19° 45' 51"	105° 53' 49"					E-48-8-B-d
khu phố Bình Tân	DC	P. Quảng Tiến	TX. Sầm Sơn	19° 45' 49"	105° 53' 34"					E-48-8-B-d
Sông Đơ	TV	P. Quảng Tiến	TX. Sầm Sơn			19° 46' 20"	105° 53' 20"	19° 43' 37"	105° 52' 37"	E-48-8-B-d
khu phố Hải Vương	DC	P. Quảng Tiến	TX. Sầm Sơn	19° 46' 17"	105° 54' 11"					E-48-8-B-d
Cảng Hới	KX	P. Quảng Tiến	TX. Sầm Sơn	19° 46' 28"	105° 53' 53"					E-48-8-B-d
khu phố Khang Phú	DC	P. Quảng Tiến	TX. Sầm Sơn	19° 46' 02"	105° 54' 03"					E-48-8-B-d
Sông Mã	TV	P. Quảng Tiến	TX. Sầm Sơn			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	E-48-8-B-d
khu phố Ninh Thành	DC	P. Quảng Tiến	TX. Sầm Sơn	19° 45' 55"	105° 53' 58"					E-48-8-B-d
khu phố Phúc Đức	DC	P. Quảng Tiến	TX. Sầm Sơn	19° 45' 07"	105° 53' 48"					E-48-8-B-d
khu phố Tân Lập	DC	P. Quảng Tiến	TX. Sầm Sơn	19° 46' 17"	105° 54' 04"					E-48-8-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tượng đài của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
khu phố Thọ Xuân	DC	P. Quảng Tiến	TX. Sầm Sơn	19° 46' 08"	105° 53' 52"					E-48-8-B-d
khu phố Toàn Thắng	DC	P. Quảng Tiến	TX. Sầm Sơn	19° 46' 14"	105° 53' 57"					E-48-8-B-d
khu phố Trung Thịnh	DC	P. Quảng Tiến	TX. Sầm Sơn	19° 46' 18"	105° 53' 49"					E-48-8-B-d
khu phố Vạn Lợi	DC	P. Quảng Tiến	TX. Sầm Sơn	19° 46' 22"	105° 54' 01"					E-48-8-B-d
khu phố Bắc Kỳ	DC	P. Trung Sơn	TX. Sầm Sơn	19° 44' 53"	105° 54' 05"					E-48-8-D-b
Sông Đơ	TV	P. Trung Sơn	TX. Sầm Sơn			19° 46' 20"	105° 53' 20"	19° 43' 37"	105° 52' 37"	E-48-8-B-d, E-48-8-D-b
khu phố Đũng Liên	DC	P. Trung Sơn	TX. Sầm Sơn	19° 44' 48"	105° 53' 53"					E-48-8-D-b
đường Hồ Xuân Hương	KX	P. Trung Sơn	TX. Sầm Sơn			19° 44' 40"	105° 54' 14"	19° 43' 54"	105° 53' 53"	E-48-8-D-b
khu phố Hoan Kinh	DC	P. Trung Sơn	TX. Sầm Sơn	19° 44' 55"	105° 53' 57"					E-48-8-D-b
khu phố Khanh Tiến	DC	P. Trung Sơn	TX. Sầm Sơn	19° 44' 53"	105° 53' 40"					E-48-8-D-b
khu phố Lương Thiện	DC	P. Trung Sơn	TX. Sầm Sơn	19° 45' 11"	105° 54' 01"					E-48-8-B-d
khu phố Nam Hải	DC	P. Trung Sơn	TX. Sầm Sơn	19° 44' 45"	105° 54' 02"					E-48-8-D-b
khu phố Quang Giáp	DC	P. Trung Sơn	TX. Sầm Sơn	19° 45' 07"	105° 53' 48"					E-48-8-B-d
khu phố Thân Thiện	DC	P. Trung Sơn	TX. Sầm Sơn	19° 45' 26"	105° 53' 58"					E-48-8-B-d
khu phố Trung Kỳ	DC	P. Trung Sơn	TX. Sầm Sơn	19° 45' 11"	105° 54' 12"					E-48-8-B-d
khu phố Vĩnh Thành	DC	P. Trung Sơn	TX. Sầm Sơn	19° 45' 16"	105° 53' 42"					E-48-8-B-d
khu phố Xuân Phú	DC	P. Trung Sơn	TX. Sầm Sơn	19° 45' 24"	105° 53' 42"					E-48-8-B-d
quốc lộ 47	KX	P. Trường Sơn	TX. Sầm Sơn			19° 44' 00"	105° 53' 56"	19° 53' 36"	105° 24' 14"	E-48-8-D-b
khu phố Bắc Nam	DC	P. Trường Sơn	TX. Sầm Sơn	19° 44' 13"	105° 53' 43"					E-48-8-D-b
cầu Bình Hoè	KX	P. Trường Sơn	TX. Sầm Sơn	19° 44' 36"	105° 52' 48"					E-48-8-D-b
đền Cô Tiên	KX	P. Trường Sơn	TX. Sầm Sơn	19° 43' 33"	105° 53' 10"					E-48-8-D-b
Sông Đơ	TV	P. Trường Sơn	TX. Sầm Sơn			19° 46' 20"	105° 53' 20"	19° 43' 37"	105° 52' 37"	E-48-8-D-b
đền Độc Cước	KX	P. Trường Sơn	TX. Sầm Sơn	19° 43' 49"	105° 53' 56"					E-48-8-D-b
đường Hồ Xuân Hương	KX	P. Trường Sơn	TX. Sầm Sơn			19° 44' 40"	105° 54' 14"	19° 43' 54"	105° 53' 53"	E-48-8-D-b
đường Nguyễn Du	KX	P. Trường Sơn	TX. Sầm Sơn			19° 44' 44"	105° 53' 57"	19° 43' 55"	105° 53' 43"	E-48-8-D-b
khu phố Sơn Hải	DC	P. Trường Sơn	TX. Sầm Sơn	19° 43' 58"	105° 53' 36"					E-48-8-D-b
khu phố Sơn Lợi	DC	P. Trường Sơn	TX. Sầm Sơn	19° 44' 20"	105° 53' 14"					E-48-8-D-b
khu phố Sơn Thắng	DC	P. Trường Sơn	TX. Sầm Sơn	19° 44' 28"	105° 53' 04"					E-48-8-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
khu phố Sơn Thuỷ	DC	P. Trường Sơn	TX. Sầm Sơn	19° 43' 54"	105° 53' 24"					E-48-8-D-b
khu phố Tài Lộc	DC	P. Trường Sơn	TX. Sầm Sơn	19° 44' 03"	105° 53' 32"					E-48-8-D-b
khu phố Thành Ngọc	DC	P. Trường Sơn	TX. Sầm Sơn	19° 44' 12"	105° 53' 39"					E-48-8-D-b
đền Tô Hiến Thành	KX	P. Trường Sơn	TX. Sầm Sơn	19° 43' 51"	105° 53' 35"					E-48-8-D-b
khu phố Trung Mới	DC	P. Trường Sơn	TX. Sầm Sơn	19° 43' 50"	105° 53' 19"					E-48-8-D-b
núi Trường Lệ	SV	P. Trường Sơn	TX. Sầm Sơn	19° 43' 41"	105° 53' 32"					E-48-8-D-b
khu phố Vĩnh Sơn	DC	P. Trường Sơn	TX. Sầm Sơn	19° 43' 50"	105° 52' 53"					E-48-8-D-b
thôn Công Vinh	DC	xã Quảng Cư	TX. Sầm Sơn	19° 45' 30"	105° 54' 16"					E-48-8-B-d
thôn Cường Thịnh	DC	xã Quảng Cư	TX. Sầm Sơn	19° 45' 48"	105° 54' 44"					E-48-8-B-d
Cửa Hới	TV	xã Quảng Cư	TX. Sầm Sơn	19° 47' 08"	105° 55' 37"					E-48-8-B-d
thôn Hồng Thắng	DC	xã Quảng Cư	TX. Sầm Sơn	19° 45' 26"	105° 54' 39"					E-48-8-B-d
Sông Mã	TV	xã Quảng Cư	TX. Sầm Sơn			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	E-48-8-B-d
thôn Minh Cát	DC	xã Quảng Cư	TX. Sầm Sơn	19° 46' 11"	105° 54' 13"					E-48-8-B-d
thôn Quang Vinh	DC	xã Quảng Cư	TX. Sầm Sơn	19° 46' 09"	105° 54' 46"					E-48-8-B-d
Cồn Sinh	TV	xã Quảng Cư	TX. Sầm Sơn	19° 46' 52"	105° 56' 13"					E-48-8-B-d
thôn Thanh Thái	DC	xã Quảng Cư	TX. Sầm Sơn	19° 45' 47"	105° 54' 28"					E-48-8-B-d
thôn Thành Thắng	DC	xã Quảng Cư	TX. Sầm Sơn	19° 46' 32"	105° 54' 55"					E-48-8-B-d
thôn Thu Hảo	DC	xã Quảng Cư	TX. Sầm Sơn	19° 45' 34"	105° 54' 06"					E-48-8-B-d
thôn Tiến Lợi	DC	xã Quảng Cư	TX. Sầm Sơn	19° 46' 20"	105° 54' 17"					E-48-8-B-d
thôn Trung Chính	DC	xã Quảng Cư	TX. Sầm Sơn	19° 45' 49"	105° 54' 07"					E-48-8-B-d
khu phố 1	DC	TT. Cành Nàng	H. Bá Thước	20° 21' 18"	105° 13' 02"					F-48-91-A-d
khu phố 2	DC	TT. Cành Nàng	H. Bá Thước	20° 21' 10"	105° 13' 16"					F-48-91-A-d
khu phố 3	DC	TT. Cành Nàng	H. Bá Thước	20° 21' 01"	105° 13' 31"					F-48-91-A-d
khu phố 4	DC	TT. Cành Nàng	H. Bá Thước	20° 20' 56"	105° 13' 44"					F-48-91-A-d
khu phố 5	DC	TT. Cành Nàng	H. Bá Thước	20° 20' 55"	105° 13' 51"					F-48-91-A-d
quốc lộ 217	KX	TT. Cành Nàng	H. Bá Thước			19° 59' 42"	105° 50' 35"	20° 17' 51"	104° 37' 12"	F-48-91-A-d
Thôn Cón	DC	xã Ái Thượng	H. Bá Thước	20° 19' 23"	105° 14' 21"					F-48-91-A-d
Thôn Còn	DC	xã Ái Thượng	H. Bá Thước	20° 21' 21"	105° 16' 51"					F-48-91-B-c
Thôn Đan	DC	xã Ái Thượng	H. Bá Thước	20° 20' 39"	105° 15' 11"					F-48-91-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ phut,giây)	(Độ,phut,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phut,giay)	(Độ,phut,giây)	
Thôn Giỗi	DC	xã Ái Thượng	H. Bá Thước	20° 20' 13"	105° 14' 21"					F-48-91-A-d
Thôn Khà	DC	xã Ái Thượng	H. Bá Thước	20° 19' 10"	105° 14' 50"					F-48-91-A-d
Suối La	TV	xã Ái Thượng	H. Bá Thước			20° 19' 19"	105° 14' 38"	20° 20' 36"	105° 14' 38"	F-48-91-A-d, F-48-91-B-c
Sông Mã	TV	xã Ái Thượng	H. Bá Thước			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	F-48-91-A-d, F-48-91-B-c
Đình Mé	SV	xã Ái Thượng	H. Bá Thước	20° 19' 17"	105° 13' 28"					F-48-91-A-d
Thôn Mé	DC	xã Ái Thượng	H. Bá Thước	20° 19' 47"	105° 14' 09"					F-48-91-A-d
Thôn Mỷ	DC	xã Ái Thượng	H. Bá Thước	20° 21' 27"	105° 15' 57"					F-48-91-B-c
Núi Nú	SV	xã Ái Thượng	H. Bá Thước	20° 18' 33"	105° 14' 07"					F-48-91-A-d
Thôn Thung	DC	xã Ái Thượng	H. Bá Thước	20° 20' 16"	105° 15' 42"					F-48-91-A-d
núi Thung Kiền	SV	xã Ái Thượng	H. Bá Thước	20° 22' 09"	105° 17' 19"					F-48-91-B-c
Thôn Tôm	DC	xã Ái Thượng	H. Bá Thước	20° 20' 07"	105° 16' 04"					F-48-91-B-c
Thôn Trành	DC	xã Ái Thượng	H. Bá Thước	20° 20' 55"	105° 17' 17"					F-48-91-B-c
thôn Trung Tâm	DC	xã Ái Thượng	H. Bá Thước	20° 20' 21"	105° 14' 42"					F-48-91-A-d
Thôn Vèn	DC	xã Ái Thượng	H. Bá Thước	20° 21' 01"	105° 15' 27"					F-48-91-B-c
quốc lộ 15C	KX	xã Ban Công	H. Bá Thước			20° 33' 11"	105° 01' 17"	20° 21' 18"	105° 12' 32"	F-48-91-A-d, F-48-91-A-b
Thôn Ba	DC	xã Ban Công	H. Bá Thước	20° 23' 15"	105° 13' 16"					F-48-91-A-b
Phạ Bó	SV	xã Ban Công	H. Bá Thước	20° 25' 28"	105° 11' 50"					F-48-91-A-b
Núi Cả	SV	xã Ban Công	H. Bá Thước	20° 21' 01"	105° 11' 11"					F-48-91-A-d
Thôn Cả	DC	xã Ban Công	H. Bá Thước	20° 20' 23"	105° 11' 29"					F-48-91-A-d
Suối Chăm	TV	xã Ban Công	H. Bá Thước			20° 23' 15"	105° 12' 20"	20° 21' 42"	105° 12' 47"	F-48-91-A-d, F-48-91-A-b
thôn Chiềng Lau	DC	xã Ban Công	H. Bá Thước	20° 24' 10"	105° 12' 02"					F-48-91-A-b
thôn Chiềng Lau 1	DC	xã Ban Công	H. Bá Thước	20° 24' 20"	105° 11' 54"					F-48-91-A-b
núi Đa Dề	SV	xã Ban Công	H. Bá Thước	20° 22' 07"	105° 09' 31"					F-48-91-A-d
Pù Đoóc	SV	xã Ban Công	H. Bá Thước	20° 23' 17"	105° 09' 45"					F-48-91-A-b
Suối Đức	TV	xã Ban Công	H. Bá Thước			20° 22' 34"	105° 09' 58"	20° 21' 16"	105° 12' 18"	F-48-91-A-d, F-48-91-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
núi Hang Bang	SV	xã Ban Công	H. Bá Thước	20° 20' 20"	105° 10' 53"					F-48-91-A-d
núi Hang Rơi	SV	xã Ban Công	H. Bá Thước	20° 20' 35"	105° 10' 47"					F-48-91-A-d
núi Hin Hạc	SV	xã Ban Công	H. Bá Thước	20° 21' 49"	105° 09' 36"					F-48-91-A-d
Pu Hó	SV	xã Ban Công	H. Bá Thước	20° 24' 18"	105° 09' 42"					F-48-91-A-b
cầu La Hán	KX	xã Ban Công	H. Bá Thước	20° 21' 23"	105° 12' 29"					F-48-91-A-d
thôn La Hán	DC	xã Ban Công	H. Bá Thước	20° 21' 55"	105° 12' 21"					F-48-91-A-b
Sông Mã	TV	xã Ban Công	H. Bá Thước			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	F-48-91-A-d, F-48-91-B-c
Pha Ngàn	SV	xã Ban Công	H. Bá Thước	20° 22' 36"	105° 12' 49"					F-48-91-A-b
Thôn Nghìa	DC	xã Ban Công	H. Bá Thước	20° 23' 52"	105° 11' 45"					F-48-91-A-b
Suối Nùa	TV	xã Ban Công	H. Bá Thước			20° 30' 36"	105° 08' 43"	20° 23' 15"	105° 12' 20"	F-48-91-A-b
núi Pa Tèn	SV	xã Ban Công	H. Bá Thước	20° 22' 21"	105° 09' 33"					F-48-91-A-d
núi Pha Nọi	SV	xã Ban Công	H. Bá Thước	20° 22' 53"	105° 10' 53"					F-48-91-A-b
Thôn Sát	DC	xã Ban Công	H. Bá Thước	20° 22' 55"	105° 11' 59"					F-48-91-A-b
Suối Tếch	TV	xã Ban Công	H. Bá Thước			20° 25' 08"	105° 08' 41"	20° 23' 15"	105° 12' 20"	F-48-91-A-b
Thôn Tôm	DC	xã Ban Công	H. Bá Thước	20° 24' 37"	105° 11' 25"					F-48-91-A-b
pù Xam Mường	SV	xã Ban Công	H. Bá Thước	20° 21' 15"	105° 10' 32"					F-48-91-A-d
Thôn Ám	DC	xã Cổ Lũng	H. Bá Thước	20° 27' 33"	105° 13' 21"					F-48-91-A-b
Pha Bó	SV	xã Cổ Lũng	H. Bá Thước	20° 25' 28"	105° 11' 50"					F-48-91-A-b
Thôn Đắc	DC	xã Cổ Lũng	H. Bá Thước	20° 27' 47"	105° 11' 29"					F-48-91-A-b
thôn Eo Điều	DC	xã Cổ Lũng	H. Bá Thước	20° 25' 23"	105° 14' 15"					F-48-91-A-b
Phà Hàng	SV	xã Cổ Lũng	H. Bá Thước	20° 26' 44"	105° 12' 58"					F-48-91-A-b
núi Hang Gà	SV	xã Cổ Lũng	H. Bá Thước	20° 26' 20"	105° 15' 17"					F-48-91-B-a
Thôn Hiếu	DC	xã Cổ Lũng	H. Bá Thước	20° 28' 16"	105° 13' 13"					F-48-91-A-b
Pha Hón	SV	xã Cổ Lũng	H. Bá Thước	20° 26' 25"	105° 11' 28"					F-48-91-A-b
Thôn Khuyn	DC	xã Cổ Lũng	H. Bá Thước	20° 27' 18"	105° 13' 55"					F-48-91-A-b
thôn La Ca	DC	xã Cổ Lũng	H. Bá Thước	20° 26' 35"	105° 11' 59"					F-48-91-A-b
Thôn Lác	DC	xã Cổ Lũng	H. Bá Thước	20° 27' 50"	105° 12' 18"					F-48-91-A-b
Thôn Lọng	DC	xã Cổ Lũng	H. Bá Thước	20° 27' 32"	105° 11' 12"					F-48-91-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Nà Khà	DC	xã Cổ Lũng	H. Bá Thước	20° 27' 19"	105° 11' 25"					F-48-91-A-b
Thôn Nang	DC	xã Cổ Lũng	H. Bá Thước	20° 27' 56"	105° 10' 44"					F-48-91-A-b
Suối Ngài	TV	xã Cổ Lũng	H. Bá Thước			20° 28' 18"	105° 06' 30"	20° 27' 04"	105° 11' 41"	F-48-91-A-b
Suối Nữa	TV	xã Cổ Lũng	H. Bá Thước			20° 30' 36"	105° 08' 43"	20° 23' 15"	105° 12' 20"	F-48-91-A-b
Thôn Phìa	DC	xã Cổ Lũng	H. Bá Thước	20° 27' 05"	105° 11' 05"					F-48-91-A-b
thôn Tến Mới	DC	xã Cổ Lũng	H. Bá Thước	20° 26' 04"	105° 12' 29"					F-48-91-A-b
Thôn Bứng	DC	xã Điền Hạ	H. Bá Thước	20° 14' 52"	105° 17' 11"					F-48-91-D-a
núi Cây Ngang	SV	xã Điền Hạ	H. Bá Thước	20° 15' 36"	105° 16' 53"					F-48-91-D-a
núi Đá Khoi	SV	xã Điền Hạ	H. Bá Thước	20° 14' 34"	105° 18' 04"					F-48-91-D-a
Núi Đèn	SV	xã Điền Hạ	H. Bá Thước	20° 11' 51"	105° 18' 10"					F-48-91-D-a
Thôn Đèn	DC	xã Điền Hạ	H. Bá Thước	20° 13' 28"	105° 18' 34"					F-48-91-D-a
Thôn Đớn	DC	xã Điền Hạ	H. Bá Thước	20° 13' 50"	105° 17' 41"					F-48-91-D-a
Thôn Duồng	DC	xã Điền Hạ	H. Bá Thước	20° 12' 51"	105° 19' 10"					F-48-91-D-a
hồ Duồng Cốc	TV	xã Điền Hạ	H. Bá Thước	20° 13' 41"	105° 18' 52"					F-48-91-D-a
Đồi Mộng	SV	xã Điền Hạ	H. Bá Thước	20° 13' 34"	105° 16' 27"					F-48-91-D-a
Đồi Nạc	SV	xã Điền Hạ	H. Bá Thước	20° 13' 27"	105° 19' 16"					F-48-91-D-a
Thôn Nan	DC	xã Điền Hạ	H. Bá Thước	20° 14' 36"	105° 17' 37"					F-48-91-D-a
Thôn Nẻ	DC	xã Điền Hạ	H. Bá Thước	20° 14' 12"	105° 19' 03"					F-48-91-D-a
núi Pưa Dẫn	SV	xã Điền Hạ	H. Bá Thước	20° 11' 25"	105° 18' 09"					F-48-91-D-a
Thôn Sèo	DC	xã Điền Hạ	H. Bá Thước	20° 15' 43"	105° 17' 56"					F-48-91-B-c
thôn Thành Điền	DC	xã Điền Hạ	H. Bá Thước	20° 13' 48"	105° 18' 05"					F-48-91-D-a
Suối Trao	TV	xã Điền Hạ	H. Bá Thước			20° 14' 31"	105° 16' 37"	20° 13' 53"	105° 18' 29"	F-48-91-D-a
Núi Trâu	SV	xã Điền Hạ	H. Bá Thước	20° 14' 26"	105° 18' 33"					F-48-91-D-a
Thôn Xăm	DC	xã Điền Hạ	H. Bá Thước	20° 15' 15"	105° 18' 29"					F-48-91-B-c
quốc lộ 217	KX	xã Điền Lư	H. Bá Thước			19° 59' 42"	105° 50' 35"	20° 17' 51"	104° 37' 12"	F-48-91-B-c
phố Điền Lư	DC	xã Điền Lư	H. Bá Thước	20° 17' 54"	105° 17' 56"					F-48-91-B-c
thôn Chiềng Lắm	DC	xã Điền Lư	H. Bá Thước	20° 18' 08"	105° 17' 44"					F-48-91-B-c
Đồi Cốc	SV	xã Điền Lư	H. Bá Thước	20° 19' 16"	105° 18' 07"					F-48-91-B-c
suối Đại Lan	TV	xã Điền Lư	H. Bá Thước			20° 17' 43"	105° 17' 12"	20° 19' 03"	105° 19' 44"	F-48-91-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Điền Giang	DC	xã Điền Lư	H. Bá Thước	20° 19' 00"	105° 18' 50"					F-48-91-B-c
thôn Điền Lý	DC	xã Điền Lư	H. Bá Thước	20° 18' 27"	105° 18' 40"					F-48-91-B-c
thôn Điền Tiến	DC	xã Điền Lư	H. Bá Thước	20° 18' 26"	105° 18' 11"					F-48-91-B-c
Cầu Kẹm	KX	xã Điền Lư	H. Bá Thước	20° 19' 26"	105° 18' 58"					F-48-91-B-c
Sông Mã	TV	xã Điền Lư	H. Bá Thước			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	F-48-91-B-c
Thôn Riềng	DC	xã Điền Lư	H. Bá Thước	20° 18' 52"	105° 18' 23"					F-48-91-B-c
thôn Sông Mã	DC	xã Điền Lư	H. Bá Thước	20° 20' 08"	105° 17' 50"					F-48-91-B-c
núi Thung Moong	SV	xã Điền Lư	H. Bá Thước	20° 19' 13"	105° 18' 33"					F-48-91-B-c
Thôn Tru	DC	xã Điền Lư	H. Bá Thước	20° 17' 57"	105° 18' 05"					F-48-91-B-c
Thôn Vố	DC	xã Điền Lư	H. Bá Thước	20° 18' 55"	105° 17' 52"					F-48-91-B-c
quốc lộ 217	KX	xã Điền Quang	H. Bá Thước			19° 59' 42"	105° 50' 35"	20° 17' 51"	104° 37' 12"	F-48-91-B-c
Thôn Ẩm	DC	xã Điền Quang	H. Bá Thước	20° 16' 40"	105° 16' 28"					F-48-91-B-c
thôn Bái Tôm	DC	xã Điền Quang	H. Bá Thước	20° 19' 10"	105° 16' 32"					F-48-91-B-c
núi Cây Ngang	SV	xã Điền Quang	H. Bá Thước	20° 15' 38"	105° 16' 53"					F-48-91-D-a
Hón Chiềng	TV	xã Điền Quang	H. Bá Thước			20° 14' 35"	105° 14' 06"	20° 17' 02"	105° 16' 59"	F-48-91-B-c
Thôn Cộ	DC	xã Điền Quang	H. Bá Thước	20° 17' 51"	105° 16' 04"					F-48-91-B-c
suối Đại Lạn	TV	xã Điền Quang	H. Bá Thước			20° 17' 43"	105° 17' 12"	20° 19' 03"	105° 19' 44"	F-48-91-B-c
Thôn Đào	DC	xã Điền Quang	H. Bá Thước	20° 17' 59"	105° 17' 01"					F-48-91-B-c
Suối Đè	TV	xã Điền Quang	H. Bá Thước			20° 16' 07"	105° 17' 42"	20° 17' 02"	105° 16' 59"	F-48-91-B-c
thôn Đồi Muồn	DC	xã Điền Quang	H. Bá Thước	20° 17' 08"	105° 14' 40"					F-48-91-A-d
thôn Hồ Quang	DC	xã Điền Quang	H. Bá Thước	20° 16' 15"	105° 17' 33"					F-48-91-B-c
núi Kèo Chống	SV	xã Điền Quang	H. Bá Thước	20° 17' 00"	105° 15' 05"					F-48-91-B-c
Thôn Khà	DC	xã Điền Quang	H. Bá Thước	20° 16' 31"	105° 17' 00"					F-48-91-B-c
Thôn Khó	DC	xã Điền Quang	H. Bá Thước	20° 18' 14"	105° 15' 55"					F-48-91-B-c
Thôn Khước	DC	xã Điền Quang	H. Bá Thước	20° 18' 09"	105° 16' 52"					F-48-91-B-c
Thôn Lúng	DC	xã Điền Quang	H. Bá Thước	20° 17' 49"	105° 16' 19"					F-48-91-B-c
Thôn Luyện	DC	xã Điền Quang	H. Bá Thước	20° 18' 20"	105° 16' 28"					F-48-91-B-c
Thôn Mít	DC	xã Điền Quang	H. Bá Thước	20° 18' 26"	105° 15' 21"					F-48-91-B-c
Núi Mốc	SV	xã Điền Quang	H. Bá Thước	20° 15' 51"	105° 14' 06"					F-48-91-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Thôn Mười	DC	xã Điền Quang	H. Bá Thước	20° 18' 02"	105° 15' 25"					F-48-91-B-c
Suối Muỗn	TV	xã Điền Quang	H. Bá Thước			20° 17' 14"	105° 14' 39"	20° 17' 43"	105° 17' 12"	F-48-91-A-d, F-48-91-B-c
Thôn Muỗn	DC	xã Điền Quang	H. Bá Thước	20° 17' 41"	105° 16' 58"					F-48-91-B-c
Núi Nú	SV	xã Điền Quang	H. Bá Thước	20° 18' 33"	105° 14' 07"					F-48-91-A-d
thôn Tam Liên	DC	xã Điền Quang	H. Bá Thước	20° 17' 14"	105° 16' 36"					F-48-91-B-c
Thôn Un	DC	xã Điền Quang	H. Bá Thước	20° 17' 24"	105° 15' 53"					F-48-91-B-c
Thôn Vèn	DC	xã Điền Quang	H. Bá Thước	20° 18' 10"	105° 17' 08"					F-48-91-B-c
Thôn Xè	DC	xã Điền Quang	H. Bá Thước	20° 18' 46"	105° 16' 12"					F-48-91-B-c
Xóm Ám	DC	xã Điền Thượng	H. Bá Thước	20° 14' 45"	105° 14' 49"					F-48-91-C
Thôn Bà	DC	xã Điền Thượng	H. Bá Thước	20° 16' 06"	105° 16' 10"					F-48-91-B-c
pu Bú Trong	SV	xã Điền Thượng	H. Bá Thước	20° 11' 43"	105° 16' 18"					F-48-91-D-a
núi Cây Ngang	SV	xã Điền Thượng	H. Bá Thước	20° 15' 38"	105° 16' 53"					F-48-91-D-a
Hón Chiềng	TV	xã Điền Thượng	H. Bá Thước			20° 14' 35"	105° 14' 06"	20° 17' 02"	105° 16' 59"	F-48-91-B-c, F-48-91-D-a, F-48-91-C
thôn Chiềng Má	DC	xã Điền Thượng	H. Bá Thước	20° 15' 00"	105° 15' 25"					F-48-91-D-a
thôn Chiềng Mung	DC	xã Điền Thượng	H. Bá Thước	20° 15' 24"	105° 15' 11"					F-48-91-B-c
núi Đá Khoi	SV	xã Điền Thượng	H. Bá Thước	20° 14' 34"	105° 16' 04"					F-48-91-D-a
Núi Đèn	SV	xã Điền Thượng	H. Bá Thước	20° 11' 51"	105° 18' 10"					F-48-91-D-a
núi Ken Chon	SV	xã Điền Thượng	H. Bá Thước	20° 12' 35"	105° 14' 07"					F-48-91-C
núi Kẻo Chông	SV	xã Điền Thượng	H. Bá Thước	20° 17' 00"	105° 15' 05"					F-48-91-B-c
Thôn Lầu	DC	xã Điền Thượng	H. Bá Thước	20° 16' 00"	105° 15' 27"					F-48-91-B-c
Đồi Mộng	SV	xã Điền Thượng	H. Bá Thước	20° 13' 34"	105° 16' 27"					F-48-91-D-a
Hang Sáo	SV	xã Điền Thượng	H. Bá Thước	20° 12' 41"	105° 15' 15"					F-48-91-D-a
thôn Thượng Sơn	DC	xã Điền Thượng	H. Bá Thước	20° 12' 03"	105° 16' 51"					F-48-91-D-a
Pu Tre	SV	xã Điền Thượng	H. Bá Thước	20° 13' 36"	105° 13' 35"					F-48-91-C
Suối Trong	TV	xã Điền Thượng	H. Bá Thước			20° 12' 12"	105° 16' 07"	20° 09' 48"	105° 18' 58"	F-48-91-D-a
thôn Xay Luồi	DC	xã Điền Thượng	H. Bá Thước	20° 14' 24"	105° 14' 23"					F-48-91-C
quốc lộ 217	KX	xã Điền Trung	H. Bá Thước			19° 59' 42"	105° 50' 35"	20° 17' 51"	104° 37' 12"	F-48-91-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
núi Ba Mường	SV	xã Điền Trung	H. Bá Thước	20° 18' 52"	105° 20' 01"					F-48-91-B-c
suối Bai Lạnh	TV	xã Điền Trung	H. Bá Thước			20° 16' 38"	105° 18' 19"	20° 17' 41"	105° 18' 29"	F-48-91-B-c
suối Bai Vang	TV	xã Điền Trung	H. Bá Thước			20° 17' 41"	105° 18' 29"	20° 18' 07"	105° 18' 48"	F-48-91-B-c
Đồi Chẹ	SV	xã Điền Trung	H. Bá Thước	20° 18' 00"	105° 19' 28"					F-48-91-B-c
Thôn Cò	DC	xã Điền Trung	H. Bá Thước	20° 16' 52"	105° 18' 26"					F-48-91-B-c
Thôn Cộc	DC	xã Điền Trung	H. Bá Thước	20° 17' 34"	105° 17' 09"					F-48-91-B-c
thôn Cun Lào	DC	xã Điền Trung	H. Bá Thước	20° 16' 36"	105° 18' 11"					F-48-91-B-c
suối Đại Lạn	TV	xã Điền Trung	H. Bá Thước			20° 17' 43"	105° 17' 12"	20° 19' 03"	105° 19' 44"	F-48-91-B-c
Đồi Đèn	SV	xã Điền Trung	H. Bá Thước	20° 16' 35"	105° 18' 51"					F-48-91-B-c
thôn Điền Thái	DC	xã Điền Trung	H. Bá Thước	20° 16' 54"	105° 19' 52"					F-48-91-B-c
Núi Đó	SV	xã Điền Trung	H. Bá Thước	20° 16' 38"	105° 20' 10"					F-48-91-B-c
thôn Đồng Lượn	DC	xã Điền Trung	H. Bá Thước	20° 16' 21"	105° 18' 35"					F-48-91-B-c
Đồi Đuống	SV	xã Điền Trung	H. Bá Thước	20° 15' 53"	105° 19' 07"					F-48-91-B-c
Thôn Giát	DC	xã Điền Trung	H. Bá Thước	20° 17' 36"	105° 18' 53"					F-48-91-B-c
Thôn Kéo	DC	xã Điền Trung	H. Bá Thước	20° 17' 24"	105° 18' 38"					F-48-91-B-c
Sông Mã	TV	xã Điền Trung	H. Bá Thước			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 06"	105° 55' 37"	F-48-91-B-c
thôn Muống Do	DC	xã Điền Trung	H. Bá Thước	20° 17' 19"	105° 18' 12"					F-48-91-B-c
thôn Ngàn Sen	DC	xã Điền Trung	H. Bá Thước	20° 17' 32"	105° 17' 29"					F-48-91-B-c
thôn Rềm Tám	DC	xã Điền Trung	H. Bá Thước	20° 18' 44"	105° 19' 25"					F-48-91-B-c
Thôn Trúc	DC	xã Điền Trung	H. Bá Thước	20° 16' 52"	105° 19' 01"					F-48-91-B-c
Thôn Xia	DC	xã Điền Trung	H. Bá Thước	20° 16' 16"	105° 19' 51"					F-48-91-B-c
Núi Cái	SV	xã Hạ Trung	H. Bá Thước	20° 24' 24"	105° 17' 08"					F-48-91-B-a
Suối Cái	TV	xã Hạ Trung	H. Bá Thước			20° 23' 13"	105° 16' 22"	20° 21' 52"	105° 16' 05"	F-48-91-B-c, F-48-91-B-a
thôn Chiềng Ai	DC	xã Hạ Trung	H. Bá Thước	20° 21' 41"	105° 15' 38"					F-48-91-B-c
thôn Cò Con	DC	xã Hạ Trung	H. Bá Thước	20° 23' 10"	105° 15' 11"					F-48-91-B-a
thôn Cò Mu	DC	xã Hạ Trung	H. Bá Thước	20° 22' 41"	105° 15' 26"					F-48-91-B-a
Thôn Côn	DC	xã Hạ Trung	H. Bá Thước	20° 23' 37"	105° 15' 44"					F-48-91-B-a
núi Eo Xanh	SV	xã Hạ Trung	H. Bá Thước	20° 24' 54"	105° 17' 15"					F-48-91-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
núi Hang Gà	SV	xã Hạ Trung	H. Bá Thước	20° 25' 20"	105° 15' 17"					F-48-91-B-a
Thôn Khiêng	DC	xã Hạ Trung	H. Bá Thước	20° 24' 47"	105° 16' 14"					F-48-91-B-a
Suối Lần	TV	xã Hạ Trung	H. Bá Thước			20° 23' 51"	105° 18' 40"	20° 24' 19"	105° 16' 52"	F-48-91-B-a
Sông Mã	TV	xã Hạ Trung	H. Bá Thước			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	F-48-91-B-c
Thôn Man	DC	xã Hạ Trung	H. Bá Thước	20° 23' 51"	105° 16' 07"					F-48-91-B-a
Suối Mây	TV	xã Hạ Trung	H. Bá Thước			20° 24' 54"	105° 16' 23"	20° 23' 55"	105° 16' 21"	F-48-91-B-a
Thôn Món	DC	xã Hạ Trung	H. Bá Thước	20° 24' 15"	105° 16' 18"					F-48-91-B-a
núi Thung Kiền	SV	xã Hạ Trung	H. Bá Thước	20° 22' 05"	105° 17' 19"					F-48-91-B-c
Thôn Tré	DC	xã Hạ Trung	H. Bá Thước	20° 24' 15"	105° 15' 52"					F-48-91-B-a
Suối Trũa	TV	xã Hạ Trung	H. Bá Thước			20° 24' 50"	105° 15' 14"	20° 23' 55"	105° 16' 21"	F-48-91-B-a
Núi Tường	SV	xã Hạ Trung	H. Bá Thước	20° 22' 50"	105° 18' 58"					F-48-91-B-a
quốc lộ 217	KX	xã Kỳ Tân	H. Ba Thước			19° 59' 42"	105° 50' 35"	20° 17' 51"	104° 37' 12"	F-48-91-A-c, F-48-91-A-d
Suối Bo	TV	xã Kỳ Tân	H. Ba Thước			20° 18' 19"	105° 06' 18"	20° 17' 33"	105° 09' 26"	F-48-91-A-c, F-48-91-A-d
thôn Bo Hạ	DC	xã Kỳ Tân	H. Bá Thước	20° 16' 55"	105° 07' 47"					F-48-91-A-d
thôn Bo Thượng	DC	xã Kỳ Tân	H. Bá Thước	20° 17' 19"	105° 07' 35"					F-48-91-A-c
Thôn Buốc	DC	xã Kỳ Tân	H. Bá Thước	20° 17' 16"	105° 05' 49"					F-48-91-A-c
thôn Buốc Bo	DC	xã Kỳ Tân	H. Bá Thước	20° 17' 26"	105° 07' 12"					F-48-91-A-c
pom Căng Cộp	SV	xã Kỳ Tân	H. Bá Thước	20° 15' 38"	105° 05' 22"					F-48-91-A-c
đèo Đạn Mương	SV	xã Kỳ Tân	H. Bá Thước	20° 17' 19"	105° 05' 08"					F-48-91-A-c
Thôn Hiêng	DC	xã Kỳ Tân	H. Bá Thước	20° 16' 25"	105° 07' 48"					F-48-91-A-d
Pu Hó	SV	xã Kỳ Tân	H. Bá Thước	20° 18' 20"	105° 04' 41"					F-48-91-A-c
Thôn Khà	DC	xã Kỳ Tân	H. Bá Thước	20° 16' 57"	105° 06' 05"					F-48-91-A-c
Suối Kỳ	TV	xã Kỳ Tân	H. Bá Thước			20° 17' 40"	105° 08' 02"	20° 17' 29"	105° 09' 31"	F-48-91-A-c
núi Lai Láng	SV	xã Kỳ Tân	H. Bá Thước	20° 18' 50"	105° 08' 55"					F-48-91-A-c
đèo Láng Trà	SV	xã Kỳ Tân	H. Bá Thước	20° 17' 17"	105° 09' 03"					F-48-91-A-d
đồi Lưng Nhung	SV	xã Kỳ Tân	H. Bá Thước	20° 17' 25"	105° 06' 06"					F-48-91-A-c
Pu Nga	SV	xã Kỳ Tân	H. Bá Thước	20° 16' 21"	105° 04' 51"					F-48-91-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
pơm Pa Chè	SV	xã Kỳ Tân	H. Bá Thước	20° 16' 47"	105° 05' 01"					F-48-91-A-c
Thôn Pặt	DC	xã Kỳ Tân	H. Bá Thước	20° 16' 10"	105° 06' 50"					F-48-91-A-c
Suối Pi	TV	xã Kỳ Tân	H. Bá Thước			20° 18' 02"	105° 07' 02"	20° 17' 33"	105° 06' 58"	F-48-91-A-c
núi Sản Căng	SV	xã Kỳ Tân	H. Bá Thước	20° 18' 18"	105° 05' 45"					F-48-91-A-c
núi Tiến Trong	SV	xã Kỳ Tân	H. Bá Thước	20° 18' 08"	105° 05' 07"					F-48-91-A-c
phố 1	DC	xã Lâm Xa	H. Bá Thước	20° 21' 18"	105° 12' 29"					F-48-91-A-d
phố 2	DC	xã Lâm Xa	H. Bá Thước	20° 20' 42"	105° 13' 59"					F-48-91-A-d
quốc lộ 217	KX	xã Lâm Xa	H. Bá Thước			19° 59' 42"	105° 50' 35"	20° 17' 51"	104° 37' 12"	F-48-91-A-d
quốc lộ 15C	KX	xã Lâm Xa	H. Bá Thước			20° 33' 11"	105° 01' 17"	20° 21' 18"	105° 12' 32"	F-48-91-A-d
thôn Cành Nàng	DC	xã Lâm Xa	H. Bá Thước	20° 20' 57"	105° 12' 58"					F-48-91-A-d
Núi Con	SV	xã Lâm Xa	H. Bá Thước	20° 20' 14"	105° 12' 53"					F-48-91-A-d
Thôn Đầm	DC	xã Lâm Xa	H. Bá Thước	20° 20' 22"	105° 14' 06"					F-48-91-A-d
cầu La Hán	KX	xã Lâm Xa	H. Bá Thước	20° 21' 23"	105° 12' 29"					F-48-91-A-d
Sông Mã	TV	xã Lâm Xa	H. Bá Thước			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	F-48-91-A-d
Thôn Mốt	DC	xã Lâm Xa	H. Bá Thước	20° 20' 20"	105° 13' 37"					F-48-91-A-d
Thôn Nú	DC	xã Lâm Xa	H. Bá Thước	20° 20' 30"	105° 13' 23"					F-48-91-A-d
Thôn Sán	DC	xã Lâm Xa	H. Bá Thước	20° 20' 01"	105° 12' 41"					F-48-91-A-d
Thôn Trảng	DC	xã Lâm Xa	H. Bá Thước	20° 20' 05"	105° 12' 22"					F-48-91-A-d
thôn Vận Tải	DC	xã Lâm Xa	H. Bá Thước	20° 20' 47"	105° 12' 11"					F-48-91-A-d
Thôn Bá	DC	xã Lũng Cao	H. Bá Thước	20° 31' 01"	105° 11' 26"					F-48-79-C-d
Thôn Bố	DC	xã Lũng Cao	H. Bá Thước	20° 29' 46"	105° 10' 01"					F-48-91-A-b
Thôn Cao	DC	xã Lũng Cao	H. Bá Thước	20° 28' 32"	105° 10' 39"					F-48-91-A-b
thôn Cao Hoong	DC	xã Lũng Cao	H. Bá Thước	20° 31' 09"	105° 08' 31"					F-48-79-C-d
Pha Chiến	SV	xã Lũng Cao	H. Bá Thước	20° 31' 08"	105° 08' 09"					F-48-79-C-d
Thung Heng	SV	xã Lũng Cao	H. Bá Thước	20° 32' 42"	105° 06' 34"					F-48-79-C-c
Thôn Hin	DC	xã Lũng Cao	H. Bá Thước	20° 29' 23"	105° 10' 09"					F-48-91-A-b
Suối In	TV	xã Lũng Cao	H. Bá Thước			20° 30' 51"	105° 07' 52"	20° 30' 03"	105° 08' 38"	F-48-79-C-d
Thung Khao	SV	xã Lũng Cao	H. Bá Thước	20° 31' 38"	105° 05' 53"					F-48-79-C-c
Thôn Kit	DC	xã Lũng Cao	H. Bá Thước	20° 32' 05"	105° 07' 49"					F-48-79-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Thôn Mười	DC	xã Lũng Cao	H. Bá Thước	20° 30' 33"	105° 11' 44"					F-48-79-C-d
Suối Nủa	TV	xã Lũng Cao	H. Bá Thước			20° 30' 36"	105° 08' 43"	20° 23' 15"	105° 12' 20"	F-48-79-C-d, F-48-91-A-b
Thôn Nủa	DC	xã Lũng Cao	H. Bá Thước	20° 30' 15"	105° 09' 39"					F-48-79-C-d
dãy núi Pha Hé	SV	xã Lũng Cao	H. Bá Thước	20° 28' 44"	105° 11' 33"					F-48-91-A-b
Thôn Pốn	DC	xã Lũng Cao	H. Bá Thước	20° 30' 00"	105° 08' 40"					F-48-91-A-b
Thôn Son	DC	xã Lũng Cao	H. Bá Thước	20° 29' 49"	105° 12' 54"					F-48-91-A-b
thôn Thành Công	DC	xã Lũng Cao	H. Bá Thước	20° 30' 47"	105° 08' 08"					F-48-79-C-d
Thôn Trình	DC	xã Lũng Cao	H. Bá Thước	20° 28' 57"	105° 10' 09"					F-48-91-A-b
Thôn Đoàn	DC	xã Lũng Niêm	H. Bá Thước	20° 26' 50"	105° 10' 46"					F-48-91-A-b
Thôn Bã	DC	xã Lũng Niêm	H. Bá Thước	20° 27' 04"	105° 09' 53"					F-48-91-A-b
Pha Bó	SV	xã Lũng Niêm	H. Bá Thước	20° 25' 28"	105° 11' 50"					F-48-91-A-b
Thôn Bồng	DC	xã Lũng Niêm	H. Bá Thước	20° 27' 46"	105° 08' 40"					F-48-91-A-b
Thôn Đòn	DC	xã Lũng Niêm	H. Bá Thước	20° 26' 41"	105° 10' 53"					F-48-91-A-b
Thôn Đồng	DC	xã Lũng Niêm	H. Bá Thước	20° 26' 51"	105° 10' 37"					F-48-91-A-b
Thôn Đù	DC	xã Lũng Niêm	H. Bá Thước	20° 26' 25"	105° 10' 44"					F-48-91-A-b
núi Hòi Cắm	SV	xã Lũng Niêm	H. Bá Thước	20° 28' 05"	105° 09' 47"					F-48-91-A-b
Pha Hón	SV	xã Lũng Niêm	H. Bá Thước	20° 26' 25"	105° 11' 28"					F-48-91-A-b
pha Kho Mường	SV	xã Lũng Niêm	H. Bá Thước	20° 28' 25"	105° 08' 47"					F-48-91-A-b
thôn Lặn Ngoài	DC	xã Lũng Niêm	H. Bá Thước	20° 27' 21"	105° 10' 12"					F-48-91-A-b
thôn Lặn Trong	DC	xã Lũng Niêm	H. Bá Thước	20° 27' 43"	105° 10' 27"					F-48-91-A-b
Phu Lóng	SV	xã Lũng Niêm	H. Bá Thước	20° 27' 20"	105° 08' 50"					F-48-91-A-b
Suối Ngài	TV	xã Lũng Niêm	H. Bá Thước			20° 28' 15"	105° 08' 30"	20° 27' 04"	105° 11' 41"	F-48-91-A-b
Thôn Quăn	DC	xã Lũng Niêm	H. Bá Thước	20° 27' 23"	105° 09' 10"					F-48-91-A-b
Thôn Ươi	DC	xã Lũng Niêm	H. Bá Thước	20° 27' 15"	105° 09' 39"					F-48-91-A-b
núi Bát Nhọn	SV	xã Lương Ngoại	H. Bá Thước	20° 21' 08"	105° 20' 54"					F-48-91-B-c
thôn Cốc Cao	DC	xã Lương Ngoại	H. Bá Thước	20° 21' 28"	105° 18' 21"					F-48-91-B-c
thôn Dân Long	DC	xã Lương Ngoại	H. Bá Thước	20° 20' 47"	105° 17' 43"					F-48-91-B-c
Thôn Đạo	DC	xã Lương Ngoại	H. Bá Thước	20° 21' 45"	105° 19' 34"					F-48-91-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Đồi Công	DC	xã Lương Ngoại	H. Bá Thước	20° 21' 32"	105° 20' 32"					F-48-91-B-c
thôn Giầu Cả	DC	xã Lương Ngoại	H. Bá Thước	20° 19' 40"	105° 20' 19"					F-48-91-B-c
Núi Hạc	SV	xã Lương Ngoại	H. Bá Thước	20° 20' 37"	105° 18' 40"					F-48-91-B-c
Cầu Kẹm	KX	xã Lương Ngoại	H. Bá Thước	20° 19' 26"	105° 18' 58"					F-48-91-B-c
Sông Mã	TV	xã Lương Ngoại	H. Bá Thước			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	F-48-91-B-c
Thôn Măng	DC	xã Lương Ngoại	H. Bá Thước	20° 19' 37"	105° 19' 06"					F-48-91-B-c
thôn Ngọc Sinh	DC	xã Lương Ngoại	H. Bá Thước	20° 20' 07"	106° 19' 39"					F-48-91-B-c
núi Thung Kiến	SV	xã Lương Ngoại	H. Bá Thước	20° 22' 09"	105° 17' 19"					F-48-91-B-c
Thôn Ám	DC	xã Lương Nội	H. Bá Thước	20° 23' 09"	105° 19' 43"					F-48-91-B-a
núi Bai Nhọn	SV	xã Lương Nội	H. Bá Thước	20° 21' 06"	105° 20' 54"					F-48-91-B-c
Thộn Bèn	DC	xã Lương Nội	H. Bá Thước	20° 20' 50"	105° 23' 07"					F-48-91-B-d
Núi Cái	SV	xã Lương Nội	H. Bá Thước	20° 20' 18"	105° 24' 53"					F-48-91-B-d
Suối Cái	TV	xã Lương Nội	H. Bá Thước			20° 20' 50"	105° 22' 53"	20° 19' 22"	105° 20' 51"	F-48-91-B-c, F-48-91-B-d
suối Cái Can	TV	xã Lương Nội	H. Bá Thước			20° 22' 56"	105° 19' 42"	20° 20' 50"	105° 22' 53"	F-48-91-B-d, F-48-91-B-c, F-48-91-B-a
suối Cái Nhỏ	TV	xã Lương Nội	H. Bá Thước			20° 21' 03"	105° 24' 19"	20° 20' 50"	105° 22' 53"	F-48-91-B-d
Thôn Chông	DC	xã Lương Nội	H. Bá Thước	20° 22' 07"	105° 22' 54"					F-48-91-B-d
Núi Đại	SV	xã Lương Nội	H. Bá Thước	20° 20' 24"	105° 22' 56"					F-48-91-B-d
Thôn Đầm	DC	xã Lương Nội	H. Bá Thước	20° 23' 47"	105° 18' 54"					F-48-91-B-a
Thộn Đôn	DC	xã Lương Nội	H. Bá Thước	20° 21' 18"	105° 22' 24"					F-48-91-B-c
núi Eo Xanh	SV	xã Lương Nội	H. Bá Thước	20° 24' 54"	105° 17' 15"					F-48-91-B-a
đèo Hang Lòn	SV	xã Lương Nội	H. Bá Thước	20° 23' 32"	105° 21' 25"					F-48-91-B-a
Thôn Khai	DC	xã Lương Nội	H. Bá Thước	20° 21' 05"	105° 24' 24"					F-48-91-B-d
Suối Lần	TV	xã Lương Nội	H. Bá Thước			20° 23' 51"	105° 18' 40"	20° 24' 19"	105° 16' 52"	F-48-91-B-a
Núi Mun	SV	xã Lương Nội	H. Bá Thước	20° 24' 35"	105° 18' 06"					F-48-91-B-a
đồi Phụ Chày	SV	xã Lương Nội	H. Bá Thước	20° 23' 06"	105° 21' 20"					F-48-91-B-a
Thôn Ry	DC	xã Lương Nội	H. Bá Thước	20° 22' 32"	105° 21' 22"					F-48-91-B-a
Thôn Són	DC	xã Lương Nội	H. Bá Thước	20° 20' 34"	105° 23' 40"					F-48-91-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phut,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Thôn Trần	DC	xã Lương Nội	H. Bá Thước	20° 22' 49"	105° 20' 18"					F-48-91-B-a
Đồi Trúc	SV	xã Lương Nội	H. Bá Thước	20° 23' 10"	105° 19' 01"					F-48-91-B-a
núi Ba Mường	SV	xã Lương Trung	H. Bá Thước	20° 18' 52"	105° 20' 01"					F-48-91-B-c
Suối Cái	TV	xã Lương Trung	H. Bá Thước			20° 20' 50"	105° 22' 53"	20° 19' 22"	105° 20' 51"	F-48-91-B-c, F-48-91-B-d
thôn Chòm Mới	DC	xã Lương Trung	H. Bá Thước	20° 19' 07"	105° 20' 46"					F-48-91-B-c
thôn Chòm Thái	DC	xã Lương Trung	H. Bá Thước	20° 16' 54"	105° 22' 37"					F-48-91-B-d
Núi Đọn	SV	xã Lương Trung	H. Bá Thước	20° 20' 24"	105° 22' 56"					F-48-91-B-d
Đồi Lặn	SV	xã Lương Trung	H. Bá Thước	20° 20' 55"	105° 21' 23"					F-48-91-B-c
núi Làng Bèo	SV	xã Lương Trung	H. Bá Thước	20° 17' 43"	105° 21' 09"					F-48-91-B-c
núi Làng Bọt	SV	xã Lương Trung	H. Bá Thước	20° 17' 14"	105° 21' 52"					F-48-91-B-c
Sông Mã	TV	xã Lương Trung	H. Bá Thước			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	F-48-91-B-c
thôn Mật Thành	DC	xã Lương Trung	H. Bá Thước	20° 19' 42"	105° 21' 48"					F-48-91-B-c
Đồi Mò	SV	xã Lương Trung	H. Bá Thước	20° 19' 20"	105° 23' 18"					F-48-91-B-d
Núi Phỉ	SV	xã Lương Trung	H. Bá Thước	20° 18' 55"	105° 24' 36"					F-48-91-B-d
thôn Phú Sơn	DC	xã Lương Trung	H. Bá Thước	20° 20' 18"	105° 21' 05"					F-48-91-B-c
thôn Quang Trung	DC	xã Lương Trung	H. Bá Thước	20° 19' 54"	105° 21' 00"					F-48-91-B-c
thôn Sơn Thuỷ	DC	xã Lương Trung	H. Bá Thước	20° 18' 11"	105° 21' 16"					F-48-91-B-c
thôn Trung Dương	DC	xã Lương Trung	H. Bá Thước	20° 18' 06"	105° 22' 59"					F-48-91-B-c
thôn Trung Sơn	DC	xã Lương Trung	H. Bá Thước	20° 18' 52"	105° 23' 12"					F-48-91-B-d
thôn Trung Thành	DC	xã Lương Trung	H. Bá Thước	20° 20' 22"	105° 22' 14"					F-48-91-B-c
thôn Trung Thuỷ	DC	xã Lương Trung	H. Bá Thước	20° 18' 42"	105° 21' 08"					F-48-91-B-c
thôn Anh Vân	DC	xã Tân Lập	H. Bá Thước	20° 21' 06"	105° 14' 56"					F-48-91-A-d
Thôn Chu	DC	xã Tân Lập	H. Bá Thước	20° 22' 18"	105° 12' 55"					F-48-91-A-d
thôn Hồng Sơn	DC	xã Tân Lập	H. Bá Thước	20° 20' 49"	105° 14' 15"					F-48-91-A-d
thôn Kim Vân	DC	xã Tân Lập	H. Bá Thước	20° 22' 18"	105° 13' 36"					F-48-91-A-d
thôn Lương Vân	DC	xã Tân Lập	H. Bá Thước	20° 21' 23"	105° 14' 11"					F-48-91-A-d
Sông Mã	TV	xã Tân Lập	H. Bá Thước			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	F-48-91-A-d, F-48-91-B-c
Thôn Măng	DC	xã Tân Lập	H. Bá Thước	20° 21' 39"	105° 13' 12"					F-48-91-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Thôn Mòn	DC	xã Tân Lập	H. Bá Thước	20° 22' 03"	105° 14' 00"					F-48-91-A-d
Pha Ngàn	SV	xã Tân Lập	H. Bá Thước	20° 22' 36"	105° 12' 49"					F-48-91-A-b
thôn Xuân Long	DC	xã Tân Lập	H. Bá Thước	20° 20' 56"	105° 14' 38"					F-48-91-A-d
quốc lộ 15C	KX	xã Thành Lâm	H. Bá Thước			20° 33' 11"	105° 01' 17"	20° 21' 18"	105° 12' 32"	F-48-91-A-b
Thôn Bấm	DC	xã Thành Lâm	H. Bá Thước	20° 27' 00"	105° 08' 26"					F-48-91-A-b
Thôn Chu	DC	xã Thành Lâm	H. Bá Thước	20° 25' 29"	105° 10' 03"					F-48-91-A-b
Thôn Cốc	DC	xã Thành Lâm	H. Bá Thước	20° 24' 41"	105° 10' 57"					F-48-91-A-b
Thôn Đanh	DC	xã Thành Lâm	H. Bá Thước	20° 25' 03"	105° 10' 26"					F-48-91-A-b
Thôn Đôn	DC	xã Thành Lâm	H. Bá Thước	20° 26' 59"	105° 09' 02"					F-48-91-A-b
Suối Già	TV	xã Thành Lâm	H. Bá Thước			20° 25' 08"	105° 08' 41"	20° 23' 15"	105° 12' 20"	F-48-91-A-b
Pu Hò	SV	xã Thành Lâm	H. Bá Thước	20° 24' 18"	105° 09' 42"					F-48-91-A-b
Thôn Lẹo	DC	xã Thành Lâm	H. Bá Thước	20° 26' 32"	105° 09' 29"					F-48-91-A-b
Pu Luông	SV	xã Thành Lâm	H. Bá Thước	20° 24' 30"	105° 09' 12"					F-48-91-A-b
Thôn Mỏ	DC	xã Thành Lâm	H. Bá Thước	20° 25' 45"	105° 09' 50"					F-48-91-A-b
Thôn Ngòn	DC	xã Thành Lâm	H. Bá Thước	20° 26' 44"	105° 09' 02"					F-48-91-A-b
núi Pa Chiềng	SV	xã Thành Lâm	H. Bá Thước	20° 26' 31"	105° 08' 57"					F-48-91-A-a
Suối Tếch	TV	xã Thành Lâm	H. Bá Thước			20° 26' 58"	105° 09' 07"	20° 25' 20"	105° 10' 23"	F-48-91-A-b
quốc lộ 15C	KX	xã Thành Sơn	H. Bá Thước			20° 33' 11"	105° 01' 17"	20° 21' 18"	105° 12' 32"	F-48-79-C-c, F-48-91-A-a, F-48-91-A-b
Thôn Bàng	DC	xã Thành Sơn	H. Bá Thước	20° 27' 52"	105° 07' 33"					F-48-91-A-b
pu Chiều Ngậu	SV	xã Thành Sơn	H. Bá Thước	20° 27' 20"	105° 06' 07"					F-48-91-A-a
núi Cong Hựm	SV	xã Thành Sơn	H. Bá Thước	20° 30' 39"	105° 04' 41"					F-48-79-C-c
Pòm Đồn	SV	xã Thành Sơn	H. Bá Thước	20° 26' 42"	105° 06' 45"					F-48-91-A-a
thôn Đông Điềng	DC	xã Thành Sơn	H. Bá Thước	20° 28' 44"	105° 07' 01"					F-48-91-A-b
thôn Eo Kén	DC	xã Thành Sơn	H. Bá Thước	20° 30' 52"	105° 05' 08"					F-48-79-C-c
núi Hàng Tron	SV	xã Thành Sơn	H. Bá Thước	20° 31' 17"	105° 05' 38"					F-48-79-C-c
pha Kho Mường	SV	xã Thành Sơn	H. Bá Thước	20° 28' 25"	105° 08' 47"					F-48-91-A-b
thôn Kho Mường	DC	xã Thành Sơn	H. Bá Thước	20° 28' 58"	105° 07' 51"					F-48-91-A-b
Suối Ngài	TV	xã Thành Sơn	H. Bá Thước			20° 28' 16"	105° 03' 30"	20° 27' 04"	105° 11' 41"	F-48-91-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Nông Công	DC	xã Thành Sơn	H. Bá Thước	20° 27' 39"	105° 07' 54"					F-48-91-A-b
thôn Pà Ban	DC	xã Thành Sơn	H. Bá Thước	20° 30' 09"	105° 05' 40"					F-48-91-A-a
núi Pa Chiềng	SV	xã Thành Sơn	H. Bá Thước	20° 26' 31"	105° 06' 57"					F-48-91-A-a
thôn Pà Khà	DC	xã Thành Sơn	H. Bá Thước	20° 28' 05"	105° 07' 13"					F-48-91-A-a
núi Pha Mường Khoòng	SV	xã Thành Sơn	H. Bá Thước	20° 29' 10"	105° 04' 46"					F-48-91-A-a
pu Pha Phong	SV	xã Thành Sơn	H. Bá Thước	20° 28' 43"	105° 05' 09"					F-48-91-A-a
Suối Pưng	TV	xã Thành Sơn	H. Bá Thước			20° 30' 23"	105° 06' 04"	20° 32' 17"	105° 01' 05"	F-48-79-C-c
quốc lộ 217	KX	xã Thiết Kế	H. Bá Thước			19° 59' 42"	105° 50' 35"	20° 17' 51"	104° 37' 12"	F-48-91-A-d
quốc lộ 15A	KX	xã Thiết Kế	H. Bá Thước			20° 33' 37"	105° 01' 17"	20° 05' 33"	105° 22' 18"	F-48-91-A-d
Suối Bo	TV	xã Thiết Kế	H. Bá Thước			20° 18' 19"	105° 06' 18"	20° 17' 33"	105° 08' 28"	F-48-91-A-d
Thôn Cha	DC	xã Thiết Kế	H. Bá Thước	20° 17' 53"	105° 09' 31"					F-48-91-A-d
thôn Chẩy Kế	DC	xã Thiết Kế	H. Bá Thước	20° 19' 36"	105° 10' 23"					F-48-91-A-d
núi Hang Bang	SV	xã Thiết Kế	H. Bá Thước	20° 20' 20"	105° 10' 53"					F-48-91-A-d
Suối Kế	TV	xã Thiết Kế	H. Bá Thước			20° 19' 22"	105° 08' 02"	20° 19' 00"	105° 09' 58"	F-48-91-A-d
Thôn Kế	DC	xã Thiết Kế	H. Bá Thước	20° 19' 47"	105° 08' 01"					F-48-91-A-d
Thôn Khung	DC	xã Thiết Kế	H. Bá Thước	20° 17' 36"	105° 09' 51"					F-48-91-A-d
Suối Ký	TV	xã Thiết Kế	H. Bá Thước			20° 15' 44"	105° 08' 31"	20° 17' 29"	105° 09' 31"	F-48-91-A-d
núi Lai Láng	SV	xã Thiết Kế	H. Bá Thước	20° 18' 50"	105° 06' 55"					F-48-91-A-c
Núi Luồng	SV	xã Thiết Kế	H. Bá Thước	20° 18' 38"	105° 08' 53"					F-48-91-A-d
Thôn Luồng	DC	xã Thiết Kế	H. Bá Thước	20° 18' 45"	105° 09' 40"					F-48-91-A-d
Sông Mã	TV	xã Thiết Kế	H. Bá Thước			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	F-48-91-A-d
Núi Nai	SV	xã Thiết Kế	H. Bá Thước	20° 18' 27"	105° 10' 26"					F-48-91-A-d
núi Pa Hịa	SV	xã Thiết Kế	H. Bá Thước	20° 19' 57"	105° 07' 21"					F-48-91-A-c
núi Pha Háng	SV	xã Thiết Kế	H. Bá Thước	20° 20' 17"	105° 08' 01"					F-48-91-A-d
đồi Pù Dán	SV	xã Thiết Kế	H. Bá Thước	20° 19' 55"	105° 09' 46"					F-48-91-A-d
dãy Tang Tới	SV	xã Thiết Kế	H. Bá Thước	20° 20' 09"	105° 08' 11"					F-48-91-A-d
núi Trang Nhạ	SV	xã Thiết Kế	H. Bá Thước	20° 20' 40"	105° 07' 36"					F-48-91-A-d
quốc lộ 217	KX	xã Thiết Ống	H. Bá Thước			19° 59' 42"	105° 50' 35"	20° 17' 51"	104° 37' 12"	F-48-91-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
quốc lộ 15A	KX	xã Thiết Ống	H. Bá Thước			20° 33' 37"	105° 01' 17"	20° 05' 33"	105° 22' 16"	F-48-91-A-d, F-48-91-C
phố Bá Lộc	DC	xã Thiết Ống	H. Bá Thước	20° 17' 36"	105° 10' 28"					F-48-91-A-d
núi Bốn Mường	SV	xã Thiết Ống	H. Bá Thước	20° 16' 43"	105° 09' 54"					F-48-91-A-d
Núi Che	SV	xã Thiết Ống	H. Bá Thước	20° 15' 28"	105° 11' 12"					F-48-91-A-d
Thôn Chiềng	DC	xã Thiết Ống	H. Bá Thước	20° 17' 34"	105° 10' 57"					F-48-91-A-d
Thôn Chun	DC	xã Thiết Ống	H. Bá Thước	20° 17' 34"	105° 12' 24"					F-48-91-A-d
Thôn Cốc	DC	xã Thiết Ống	H. Bá Thước	20° 17' 13"	105° 10' 32"					F-48-91-A-d
Núi Cón	SV	xã Thiết Ống	H. Bá Thước	20° 14' 31"	105° 11' 24"					F-48-91-C
Thôn Cú	DC	xã Thiết Ống	H. Bá Thước	20° 15' 41"	105° 12' 11"					F-48-91-A-d
Thôn Đô	DC	xã Thiết Ống	H. Bá Thước	20° 16' 46"	105° 11' 51"					F-48-91-A-d
phố Đồng Tâm 1	DC	xã Thiết Ống	H. Bá Thước	20° 17' 34"	105° 11' 09"					F-48-91-A-d
phố Đồng Tâm 2	DC	xã Thiết Ống	H. Bá Thước	20° 17' 24"	105° 11' 26"					F-48-91-A-d
phố Đồng Tâm 3	DC	xã Thiết Ống	H. Bá Thước	20° 17' 35"	105° 11' 48"					F-48-91-A-d
Thôn Hang	DC	xã Thiết Ống	H. Bá Thước	20° 13' 59"	105° 12' 40"					F-48-91-C
Đồi Hượn	SV	xã Thiết Ống	H. Bá Thước	20° 14' 53"	105° 10' 35"					F-48-91-C
Đồi Khuôn	SV	xã Thiết Ống	H. Bá Thước	20° 19' 39"	105° 11' 14"					F-48-91-A-d
thôn Liên Thành	DC	xã Thiết Ống	H. Bá Thước	20° 17' 11"	105° 12' 33"					F-48-91-A-d
Sông Mã	TV	xã Thiết Ống	H. Bá Thước			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	F-48-91-A-d
Núi Mốc	SV	xã Thiết Ống	H. Bá Thước	20° 15' 51"	105° 14' 06"					F-48-91-A-d
Núi Nái	SV	xã Thiết Ống	H. Bá Thước	20° 18' 55"	105° 11' 23"					F-48-91-A-d
Thôn Nán	DC	xã Thiết Ống	H. Bá Thước	20° 18' 13"	105° 13' 00"					F-48-91-A-d
Suối Nga	TV	xã Thiết Ống	H. Bá Thước			20° 14' 10"	105° 12' 32"	20° 17' 51"	105° 11' 22"	F-48-91-A-d, F-48-91-C
Pu Ngang	SV	xã Thiết Ống	H. Bá Thước	20° 12' 45"	105° 12' 28"					F-48-91-C
Núi Nú	SV	xã Thiết Ống	H. Bá Thước	20° 18' 33"	105° 14' 07"					F-48-91-A-d
Suối Ong	TV	xã Thiết Ống	H. Bá Thước			20° 13' 02"	105° 13' 14"	20° 14' 10"	105° 12' 32"	F-48-91-C
Núi Pảng	SV	xã Thiết Ống	H. Bá Thước	20° 13' 24"	105° 11' 59"					F-48-91-C
núi Phai Đáng	SV	xã Thiết Ống	H. Bá Thước	20° 15' 38"	105° 12' 54"					F-48-91-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
núi Pước Phé	SV	xã Thiết Ống	H. Bá Thước	20° 14' 28"	105° 11' 02"					F-48-91-C
thôn Quyết Thắng	DC	xã Thiết Ống	H. Bá Thước	20° 18' 04"	105° 11' 56"					F-48-91-A-d
Suối Sặng	TV	xã Thiết Ống	H. Bá Thước			20° 16' 28"	105° 13' 34"	20° 16' 48"	105° 12' 00"	F-48-91-A-d
Thôn Sặng	DC	xã Thiết Ống	H. Bá Thước	20° 16' 38"	105° 12' 32"					F-48-91-A-d
núi Sáp Ong	SV	xã Thiết Ống	H. Bá Thước	20° 12' 58"	105° 13' 05"					F-48-91-C
Thôn Suối	DC	xã Thiết Ống	H. Bá Thước	20° 19' 05"	105° 12' 38"					F-48-91-A-d
Đồi Tèn	SV	xã Thiết Ống	H. Bá Thước	20° 13' 41"	105° 12' 12"					F-48-91-C
Đồi Tẹn	SV	xã Thiết Ống	H. Bá Thước	20° 13' 25"	105° 12' 49"					F-48-91-C
thôn Thành Công	DC	xã Thiết Ống	H. Bá Thước	20° 16' 58"	105° 12' 18"					F-48-91-A-d
thôn Thiết Giang	DC	xã Thiết Ống	H. Bá Thước	20° 19' 11"	105° 12' 19"					F-48-91-A-d
Thôn Thuý	DC	xã Thiết Ống	H. Bá Thước	20° 16' 29"	105° 12' 15"					F-48-91-A-d
Pu Tre	SV	xã Thiết Ống	H. Bá Thước	20° 13' 36"	105° 13' 35"					F-48-91-C
Thôn Trệch	DC	xã Thiết Ống	H. Bá Thước	20° 15' 04"	105° 12' 07"					F-48-91-C
Hòn Xui	TV	xã Thiết Ống	H. Bá Thước			20° 15' 16"	105° 11' 10"	20° 17' 42"	105° 10' 44"	F-48-91-A-d
quốc lộ 217	KX	xã Văn Nho	H. Bá Thước			19° 59' 42"	105° 50' 35"	20° 17' 51"	104° 37' 12"	F-48-91-A-c, F-48-91-A-d
Thôn Ấm	DC	xã Văn Nho	H. Bá Thước	20° 15' 40"	105° 08' 20"					F-48-91-A-d
núi Bản Mường	SV	xã Văn Nho	H. Bá Thước	20° 15' 43"	105° 09' 54"					F-48-91-A-d
pơm Căng Cốp	SV	xã Văn Nho	H. Bá Thước	20° 15' 38"	105° 05' 22"					F-48-91-A-c
thôn Cha Kỳ	DC	xã Văn Nho	H. Bá Thước	20° 15' 23"	105° 07' 29"					F-48-91-A-c
thôn Chiềng Ban	DC	xã Văn Nho	H. Bá Thước	20° 15' 38"	105° 07' 59"					F-48-91-A-d
thôn Chiềng Mòn	DC	xã Văn Nho	H. Bá Thước	20° 15' 05"	105° 07' 38"					F-48-91-C
thôn Chiềng Pháng	DC	xã Văn Nho	H. Bá Thước	20° 14' 52"	105° 07' 28"					F-48-91-C
Thôn Chuông	DC	xã Văn Nho	H. Bá Thước	20° 14' 48"	105° 08' 06"					F-48-91-C
pu Có Hao	SV	xã Văn Nho	H. Bá Thước	20° 13' 34"	105° 08' 00"					F-48-91-C
Thôn Đắc	DC	xã Văn Nho	H. Bá Thước	20° 15' 56"	105° 08' 21"					F-48-91-A-d
Suối Đang	TV	xã Văn Nho	H. Bá Thước			20° 13' 38"	105° 01' 06"	20° 13' 16"	105° 08' 53"	F-48-91-A-c, F-48-91-C
pu Én Chạng	SV	xã Văn Nho	H. Bá Thước	20° 13' 50"	105° 06' 29"					F-48-91-C
đồi Hốc Luống	SV	xã Văn Nho	H. Bá Thước	20° 13' 42"	105° 08' 43"					

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Đồi Hượn	SV	xã Văn Nho	H. Bá Thước	20° 14' 53"	105° 10' 35"					F-48-91-C
thôn Kẻo Hiềng	DC	xã Văn Nho	H. Bá Thước	20° 15' 18"	105° 07' 48"					F-48-91-A-d
Thờ, Khảng	DC	xã Văn Nho	H. Bá Thước	20° 16' 13"	105° 08' 47"					F-48-91-A-d
Thôn Kịnh	DC	xã Văn Nho	H. Bá Thước	20° 14' 40"	105° 08' 35"					F-48-91-C
Suối Kỳ	TV	xã Văn Nho	H. Bá Thước			20° 17' 40"	105° 08' 02"	20° 17' 29"	105° 09' 31"	F-48-91-A-c
Thôn Lè	DC	xã Văn Nho	H. Bá Thước	20° 15' 21"	105° 08' 45"					F-48-91-A-d
Pu Mèo	SV	xã Văn Nho	H. Bá Thước	20° 13' 24"	105° 09' 30"					F-48-91-C
thôn Na Cài	DC	xã Văn Nho	H. Bá Thước	20° 14' 55"	105° 07' 49"					F-48-91-C
Thôn Pi	DC	xã Văn Nho	H. Bá Thước	20° 13' 33"	105° 09' 03"					F-48-91-C
Thôn Poọng	DC	xã Văn Nho	H. Bá Thước	20° 16' 37"	105° 08' 45"					F-48-91-A-d
Thôn Tỏ	DC	xã Văn Nho	H. Bá Thước	20° 15' 11"	105° 08' 32"					F-48-91-A-d
thôn Xà Luốc	DC	xã Văn Nho	H. Bá Thước	20° 14' 23"	105° 08' 19"					F-48-91-C
tổ dân phố 1	DC	TT. Cẩm Thuỷ	H. Cẩm Thuỷ	20° 12' 34"	105° 28' 54"					F-48-91-D-b
tổ dân phố 2	DC	TT. Cẩm Thuỷ	H. Cẩm Thuỷ	20° 12' 39"	105° 28' 28"					F-48-91-D-b
tổ dân phố 3	DC	TT. Cẩm Thuỷ	H. Cẩm Thuỷ	20° 13' 00"	105° 28' 23"					F-48-91-D-b
tổ dân phố 4	DC	TT. Cẩm Thuỷ	H. Cẩm Thuỷ	20° 12' 46"	105° 28' 14"					F-48-91-D-b
tổ dân phố 5	DC	TT. Cẩm Thuỷ	H. Cẩm Thuỷ	20° 12' 39"	105° 28' 07"					F-48-91-D-b
tổ dân phố 6	DC	TT. Cẩm Thuỷ	H. Cẩm Thuỷ	20° 12' 35"	105° 27' 52"					F-48-91-D-b
tổ dân phố 7	DC	TT. Cẩm Thuỷ	H. Cẩm Thuỷ	20° 12' 20"	105° 27' 46"					F-48-91-D-b
tổ dân phố 8	DC	TT. Cẩm Thuỷ	H. Cẩm Thuỷ	20° 12' 15"	105° 27' 32"					F-48-91-D-b
tổ dân phố 9	DC	TT. Cẩm Thuỷ	H. Cẩm Thuỷ	20° 12' 24"	105° 27' 07"					F-48-91-D-b
quốc lộ 217	KX	TT. Cẩm Thuỷ	H. Cẩm Thuỷ			19° 59' 42"	105° 50' 35"	20° 17' 51"	104° 37' 12"	F-48-91-D-b
Núi Hạc	SV	TT. Cẩm Thuỷ	H. Cẩm Thuỷ	20° 11' 24"	105° 26' 13"					F-48-91-D-b
Sông Mã	TV	TT. Cẩm Thuỷ	H. Cẩm Thuỷ			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	F-48-91-D-b
Suối Vinh	TV	TT. Cẩm Thuỷ	H. Cẩm Thuỷ			20° 12' 50"	105° 25' 08"	20° 12' 24"	105° 27' 25"	F-48-91-D-b
quốc lộ 217	KX	xã Cẩm Bình	H. Cẩm Thuỷ			19° 59' 42"	105° 50' 35"	20° 17' 51"	104° 37' 12"	F-48-91-D-b
Thôn Chợ	DC	xã Cẩm Bình	H. Cẩm Thuỷ	20° 14' 03"	105° 24' 12"					F-48-91-D-b
thôn Bình Hoà 1	DC	xã Cẩm Bình	H. Cẩm Thuỷ	20° 14' 19"	105° 25' 21"					F-48-91-D-b
thôn Bình Hoà 2	DC	xã Cẩm Bình	H. Cẩm Thuỷ	20° 14' 12"	105° 25' 34"					F-48-91-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Bình Hoà 3	DC	xã Cẩm Bình	H. Cẩm Thuỷ	20° 14' 04"	105° 25' 45"					F-48-91-D-b
thôn Bình Hoà 4	DC	xã Cẩm Bình	H. Cẩm Thuỷ	20° 13' 50"	105° 25' 50"					F-48-91-D-b
thôn Bình Hoà 5	DC	xã Cẩm Bình	H. Cẩm Thuỷ	20° 13' 37"	105° 25' 55"					F-48-91-D-b
thôn Bình Sơn	DC	xã Cẩm Bình	H. Cẩm Thuỷ	20° 13' 17"	105° 25' 12"					F-48-91-D-b
thôn Bình Yên	DC	xã Cẩm Bình	H. Cẩm Thuỷ	20° 12' 28"	105° 26' 37"					F-48-91-D-b
Thôn Sẻ	DC	xã Cẩm Bình	H. Cẩm Thuỷ	20° 12' 36"	105° 25' 20"					F-48-91-D-b
Thôn Sỏ	DC	xã Cẩm Bình	H. Cẩm Thuỷ	20° 12' 41"	105° 25' 50"					F-48-91-D-b
thôn Tô 1	DC	xã Cẩm Bình	H. Cẩm Thuỷ	20° 12' 53"	105° 24' 51"					F-48-91-D-b
thôn Tô 2	DC	xã Cẩm Bình	H. Cẩm Thuỷ	20° 13' 15"	105° 24' 26"					F-48-91-D-b
Thôn Vinh	DC	xã Cẩm Bình	H. Cẩm Thuỷ	20° 13' 28"	105° 26' 02"					F-48-91-D-b
Thôn Xám	DC	xã Cẩm Bình	H. Cẩm Thuỷ	20° 12' 40"	105° 26' 10"					F-48-91-D-b
Thôn Xanh	DC	xã Cẩm Bình	H. Cẩm Thuỷ	20° 14' 00"	105° 24' 36"					F-48-91-D-b
Núi Hạc	SV	xã Cẩm Bình	H. Cẩm Thuỷ	20° 11' 24"	105° 26' 13"					F-48-91-D-b
suối Hón Trơn	TV	xã Cẩm Bình	H. Cẩm Thuỷ			20° 11' 42"	105° 22' 47"	20° 14' 11"	105° 23' 56"	F-48-91-D-b
suối Làng Tô	TV	xã Cẩm Bình	H. Cẩm Thuỷ			20° 11' 51"	105° 24' 23"	20° 14' 05"	105° 24' 29"	F-48-91-D-b
Sông Mã	TV	xã Cẩm Bình	H. Cẩm Thuỷ			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	F-48-91-D-b
núi Mông Trâu	SV	xã Cẩm Bình	H. Cẩm Thuỷ	20° 13' 26"	105° 25' 17"					F-48-91-D-b
Suối Vinh	TV	xã Cẩm Bình	H. Cẩm Thuỷ			20° 12' 50"	105° 25' 08"	20° 12' 24"	105° 27' 25"	F-48-91-D-b
đường tỉnh 518	KX	xã Cẩm Châu	H. Cẩm Thuỷ			20° 09' 10"	105° 26' 42"	20° 01' 32"	105° 35' 17"	F-48-91-D-b
thôn Kim Đồng	DC	xã Cẩm Châu	H. Cẩm Thuỷ	20° 09' 30"	105° 28' 12"					F-48-91-D-b
thôn Kim Thanh	DC	xã Cẩm Châu	H. Cẩm Thuỷ	20° 09' 15"	105° 28' 37"					F-48-91-D-b
thôn Phú Sơn	DC	xã Cẩm Châu	H. Cẩm Thuỷ	20° 09' 28"	105° 27' 25"					F-48-91-D-b
Thôn Quản	DC	xã Cẩm Châu	H. Cẩm Thuỷ	20° 09' 34"	105° 26' 35"					F-48-91-D-b
thôn Sơn Lập	DC	xã Cẩm Châu	H. Cẩm Thuỷ	20° 08' 29"	105° 27' 25"					F-48-91-D-b
thôn Trung Chính	DC	xã Cẩm Châu	H. Cẩm Thuỷ	20° 09' 45"	105° 26' 12"					F-48-91-D-b
thôn Trung Nghĩa	DC	xã Cẩm Châu	H. Cẩm Thuỷ	20° 08' 56"	105° 26' 15"					F-48-91-D-b
thôn Trung Tâm	DC	xã Cẩm Châu	H. Cẩm Thuỷ	20° 09' 07"	105° 26' 43"					F-48-91-D-b
thôn Ấn Đỗ	DC	xã Cẩm Châu	H. Cẩm Thuỷ	20° 09' 09"	105° 26' 49"					F-48-91-D-b
Đài Giếng	SV	xã Cẩm Châu	H. Cẩm Thuỷ	20° 09' 15"	105° 24' 59"					F-48-91-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tượng đài của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Núi Hạc	SV	xã Cẩm Châu	H. Cẩm Thuỷ	20° 11' 24"	105° 26' 13"					F-48-91-D-b
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Cẩm Châu	H. Cẩm Thuỷ			20° 21' 58"	105° 31' 19"	19° 26' 37"	105° 28' 53"	F-48-91-D-b
đồi Lòng Lạnh	SV	xã Cẩm Châu	H. Cẩm Thuỷ	20° 10' 46"	105° 24' 47"					F-48-91-D-b
Làng Ới	DC	xã Cẩm Châu	H. Cẩm Thuỷ	20° 10' 06"	105° 26' 11"					F-48-91-D-b
Pu Tiên	SV	xã Cẩm Châu	H. Cẩm Thuỷ	20° 10' 25"	105° 23' 06"					F-48-91-D-b
Đồi Tô	SV	xã Cẩm Châu	H. Cẩm Thuỷ	20° 09' 00"	105° 25' 31"					F-48-91-D-b
đồi Tổng Cờ	SV	xã Cẩm Châu	H. Cẩm Thuỷ	20° 08' 06"	105° 26' 35"					F-48-91-D-b
đồi U Bò	SV	xã Cẩm Châu	H. Cẩm Thuỷ	20° 09' 52"	105° 29' 30"					F-48-91-D-b
Đồi Xiêng	SV	xã Cẩm Châu	H. Cẩm Thuỷ	20° 07' 53"	105° 27' 28"					F-48-91-D-b
Thôn Bến	DC	xã Cẩm Giang	H. Cẩm Thuỷ	20° 14' 29"	105° 26' 32"					F-48-91-D-b
Thôn Chiềng	DC	xã Cẩm Giang	H. Cẩm Thuỷ	20° 13' 21"	105° 27' 36"					F-48-91-D-b
Thôn Đồn	DC	xã Cẩm Giang	H. Cẩm Thuỷ	20° 13' 09"	105° 27' 12"					F-48-91-D-b
Thôn Giềm	DC	xã Cẩm Giang	H. Cẩm Thuỷ	20° 14' 06"	105° 26' 43"					F-48-91-D-b
Thôn Khuên	DC	xã Cẩm Giang	H. Cẩm Thuỷ	20° 13' 39"	105° 26' 58"					F-48-91-D-b
Thôn Mới	DC	xã Cẩm Giang	H. Cẩm Thuỷ	20° 13' 58"	105° 27' 35"					F-48-91-D-b
Thôn Mống	DC	xã Cẩm Giang	H. Cẩm Thuỷ	20° 14' 32"	105° 28' 18"					F-48-91-D-b
thôn Phú Lai	DC	xã Cẩm Giang	H. Cẩm Thuỷ	20° 13' 08"	105° 27' 28"					F-48-91-D-b
Thôn Sun	DC	xã Cẩm Giang	H. Cẩm Thuỷ	20° 14' 53"	105° 25' 58"					F-48-91-D-b
Thôn Vọng	DC	xã Cẩm Giang	H. Cẩm Thuỷ	20° 13' 28"	105° 27' 55"					F-48-91-D-b
Sông Mã	TV	xã Cẩm Giang	H. Cẩm Thuỷ			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	F-48-91-D-b
núi Thung Răm	SV	xã Cẩm Giang	H. Cẩm Thuỷ	20° 14' 43"	105° 27' 06"					F-48-91-D-b
núi Vân Thu	SV	xã Cẩm Giang	H. Cẩm Thuỷ	20° 13' 54"	105° 27' 04"					F-48-91-D-b
Suối Vinh	TV	xã Cẩm Giang	H. Cẩm Thuỷ			20° 12' 50"	105° 25' 08"	20° 12' 24"	105° 27' 25"	F-48-91-D-b
thôn An Ninh	DC	xã Cẩm Liên	H. Cẩm Thuỷ	20° 13' 31"	105° 21' 45"					F-48-91-D-a
Thôn Đồi	DC	xã Cẩm Liên	H. Cẩm Thuỷ	20° 12' 10"	105° 20' 33"					F-48-91-D-a
Thôn Dùng	DC	xã Cẩm Liên	H. Cẩm Thuỷ	20° 13' 30"	105° 20' 44"					F-48-91-D-a
thôn Liên Sơn	DC	xã Cẩm Liên	H. Cẩm Thuỷ	20° 13' 12"	105° 21' 14"					F-48-91-D-a
Thôn Mống	DC	xã Cẩm Liên	H. Cẩm Thuỷ	20° 12' 05"	105° 21' 03"					F-48-91-D-a
thôn Thạch An	DC	xã Cẩm Liên	H. Cẩm Thuỷ	20° 13' 21"	105° 22' 06"					F-48-91-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Thạch Minh	DC	xã Cẩm Liên	H. Cẩm Thuỷ	20° 12' 24"	105° 20' 16"					F-48-91-D-a
kênh A Thạch Minh	TV	xã Cẩm Liên	H. Cẩm Thuỷ			20° 12' 01"	105° 22' 21"	20° 12' 37"	105° 13' 01"	F-48-91-D-a
suối Bái Bến	TV	xã Cẩm Liên	H. Cẩm Thuỷ			20° 12' 35"	105° 19' 43"	20° 14' 41"	105° 21' 41"	F-48-91-D-a
Đồi Bựng	SV	xã Cẩm Liên	H. Cẩm Thuỷ	20° 11' 52"	105° 19' 25"					F-48-91-D-a
Đồi Hích	SV	xã Cẩm Liên	H. Cẩm Thuỷ	20° 11' 14"	105° 20' 18"					F-48-91-D-a
Đồi Ung	SV	xã Cẩm Liên	H. Cẩm Thuỷ	20° 10' 54"	105° 21' 05"					F-48-91-D-a
Thôn Bái	DC	xã Cẩm Long	H. Cẩm Thuỷ	20° 11' 06"	105° 32' 18"					F-48-92-C-a
Thôn Bảy	DC	xã Cẩm Long	H. Cẩm Thuỷ	20° 10' 32"	105° 32' 13"					F-48-92-C-a
thôn Cao Long	DC	xã Cẩm Long	H. Cẩm Thuỷ	20° 11' 29"	105° 34' 07"					F-48-92-C-a
thôn Mi Sơn	DC	xã Cẩm Long	H. Cẩm Thuỷ	20° 11' 05"	105° 31' 54"					F-48-92-C-a
Thôn Mọ	DC	xã Cẩm Long	H. Cẩm Thuỷ	20° 10' 48"	105° 32' 30"					F-48-92-C-a
thôn Mỹ Long	DC	xã Cẩm Long	H. Cẩm Thuỷ	20° 09' 39"	105° 34' 45"					F-48-92-C-a
thôn Ngọc Long	DC	xã Cẩm Long	H. Cẩm Thuỷ	20° 10' 30"	105° 34' 31"					F-48-92-C-a
thôn Phi Long	DC	xã Cẩm Long	H. Cẩm Thuỷ	20° 10' 29"	105° 33' 05"					F-48-92-C-a
thôn Phúc Tiến	DC	xã Cẩm Long	H. Cẩm Thuỷ	20° 11' 30"	105° 34' 03"					F-48-92-C-a
thôn Sơn Long	DC	xã Cẩm Long	H. Cẩm Thuỷ	20° 08' 46"	105° 35' 01"					F-48-92-C-a
thôn Vân Long	DC	xã Cẩm Long	H. Cẩm Thuỷ	20° 09' 56"	105° 33' 46"					F-48-92-C-a
thôn Xuân Long	DC	xã Cẩm Long	H. Cẩm Thuỷ	20° 09' 04"	105° 35' 03"					F-48-92-C-a
Đồi Bụt	SV	xã Cẩm Long	H. Cẩm Thuỷ	20° 09' 51"	105° 33' 23"					F-48-92-C-a
Đồi Chiêng	SV	xã Cẩm Long	H. Cẩm Thuỷ	20° 10' 04"	105° 32' 14"					F-48-92-C-a
đồi Chồng Mảm	SV	xã Cẩm Long	H. Cẩm Thuỷ	20° 09' 47"	105° 34' 56"					F-48-92-C-a
đồi Đá Lọc	SV	xã Cẩm Long	H. Cẩm Thuỷ	20° 09' 47"	105° 32' 50"					F-48-92-C-a
Đồi Giang	SV	xã Cẩm Long	H. Cẩm Thuỷ	20° 11' 20"	105° 33' 27"					F-48-92-C-a
Đồi Ngấy	SV	xã Cẩm Long	H. Cẩm Thuỷ	20° 10' 20"	105° 32' 28"					F-48-92-C-a
Đồi Ngộc	SV	xã Cẩm Long	H. Cẩm Thuỷ	20° 10' 31"	105° 31' 41"					F-48-92-C-a
đồi Ô Trăng	SV	xã Cẩm Long	H. Cẩm Thuỷ	20° 12' 57"	105° 33' 15"					F-48-92-C-a
khe Rọc Sung	TV	xã Cẩm Long	H. Cẩm Thuỷ			20° 12' 05"	105° 32' 51"	20° 11' 33"	105° 32' 55"	F-48-92-C-a
Đồi Rồng	SV	xã Cẩm Long	H. Cẩm Thuỷ	20° 10' 50"	105° 33' 37"					F-48-92-C-a
kênh Tân Long	TV	xã Cẩm Long	H. Cẩm Thuỷ			20° 12' 05"	105° 32' 41"	20° 10' 26"	105° 30' 49"	F-48-92-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Đồi Trúc	SV	xã Cẩm Long	H. Cẩm Thuỷ	20° 09' 24"	105° 34' 20"					F-48-92-C-a
thôn Kim Mầm 1	DC	xã Cẩm Lương	H. Cẩm Thuỷ	20° 14' 25"	105° 22' 46"					F-48-91-D-b
thôn Kim Mầm 2	DC	xã Cẩm Lương	H. Cẩm Thuỷ	20° 14' 30"	105° 23' 09"					F-48-91-D-b
thôn Lương Hoè	DC	xã Cẩm Lương	H. Cẩm Thuỷ	20° 14' 50"	105° 24' 13"					F-48-91-D-b
thôn Lương Ngọc	DC	xã Cẩm Lương	H. Cẩm Thuỷ	20° 15' 06"	105° 23' 29"					F-48-91-B-d
thôn Lương Thuận	DC	xã Cẩm Lương	H. Cẩm Thuỷ	20° 14' 49"	105° 24' 35"					F-48-91-D-b
thôn Xũ Xuyên	DC	xã Cẩm Lương	H. Cẩm Thuỷ	20° 15' 27"	105° 21' 55"					F-48-91-B-c
Sông Mã	TV	xã Cẩm Lương	H. Cẩm Thuỷ			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 06"	105° 55' 37"	F-48-91-B-c, F-48-91-D-a, F-48-91-D-b
Suối Ngọc	TV	xã Cẩm Lương	H. Cẩm Thuỷ			20° 15' 06"	105° 23' 20"	20° 14' 23"	105° 24' 06"	F-48-91-D-b
quốc lộ 217	KX	xã Cẩm Ngọc	H. Cẩm Thuỷ			19° 59' 42"	105° 50' 35"	20° 17' 51"	104° 37' 12"	F-48-92-C-a, F-48-91-D-b
thôn Đồng Lão	DC	xã Cẩm Ngọc	H. Cẩm Thuỷ	20° 12' 46"	105° 30' 22"					F-48-92-C-a
Thôn Kim	DC	xã Cẩm Ngọc	H. Cẩm Thuỷ	20° 10' 23"	105° 31' 09"					F-48-92-C-a
thôn Nga Hạ	DC	xã Cẩm Ngọc	H. Cẩm Thuỷ	20° 12' 12"	105° 30' 37"					F-48-92-C-a
thôn Ngán Vải	DC	xã Cẩm Ngọc	H. Cẩm Thuỷ	20° 10' 57"	105° 31' 12"					F-48-92-C-a
thôn Phúc Ngọc	DC	xã Cẩm Ngọc	H. Cẩm Thuỷ	20° 11' 18"	105° 30' 55"					F-48-92-C-a
Thôn Sành	DC	xã Cẩm Ngọc	H. Cẩm Thuỷ	20° 09' 58"	105° 31' 07"					F-48-92-C-a
thôn Song Nga	DC	xã Cẩm Ngọc	H. Cẩm Thuỷ	20° 12' 24"	105° 30' 41"					F-48-92-C-a
đồi Đa Lừa	SV	xã Cẩm Ngọc	H. Cẩm Thuỷ	20° 10' 15"	105° 31' 08"					F-48-92-C-a
Đồi Đồng	SV	xã Cẩm Ngọc	H. Cẩm Thuỷ	20° 13' 46"	105° 30' 38"					F-48-92-C-a
Cầu Lại	KX	xã Cẩm Ngọc	H. Cẩm Thuỷ	20° 11' 48"	105° 30' 16"					F-48-92-C-a
Đồi Lạn	SV	xã Cẩm Ngọc	H. Cẩm Thuỷ	20° 08' 33"	105° 31' 21"					F-48-92-C-a
thôn Làng Sống	DC	xã Cẩm Ngọc	H. Cẩm Thuỷ	20° 11' 31"	105° 30' 36"					F-48-92-C-a
Bến đò Lở	KX	xã Cẩm Ngọc	H. Cẩm Thuỷ	20° 08' 55"	105° 30' 45"					F-48-92-C-a
Sông Mã	TV	xã Cẩm Ngọc	H. Cẩm Thuỷ			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 06"	105° 55' 37"	F-48-92-C-a, F-48-91-D-b
Cầu Minh	KX	xã Cẩm Ngọc	H. Cẩm Thuỷ	20° 09' 24"	105° 30' 39"					F-48-92-C-a
đồi Mòn Hòn	SV	xã Cẩm Ngọc	H. Cẩm Thuỷ	20° 09' 42"	105° 31' 09"					F-48-92-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phut,giây)	(Độ,phút,giay)	(Độ,phut,giây)	(Độ,phút,giay)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
núi Nam Phát	SV	xã Cẩm Ngọc	H. Cẩm Thuỷ	20° 12' 50"	105° 29' 38"					F-48-91-D-b
cầu Ngàn 1	KX	xã Cẩm Ngọc	H. Cẩm Thuỷ	20° 10' 39"	105° 31' 03"					F-48-92-C-a
cầu Ngàn 2	KX	xã Cẩm Ngọc	H. Cẩm Thuỷ	20° 11' 00"	105° 30' 59"					F-48-92-C-a
Đồi Ngộc	SV	xã Cẩm Ngọc	H. Cẩm Thuỷ	20° 10' 31"	105° 31' 41"					F-48-92-C-a
đồi Ô Trảng	SV	xã Cẩm Ngọc	H. Cẩm Thuỷ	20° 12' 57"	105° 33' 15"					F-48-92-C-a
Thôn Song	DC	xã Cẩm Ngọc	H. Cẩm Thuỷ	20° 09' 55"	105° 30' 44"					F-48-92-C-a
hồ Thung Bằng	TV	xã Cẩm Ngọc	H. Cẩm Thuỷ	20° 12' 46"	105° 31' 07"					F-48-92-C-a
quốc lộ 217	KX	xã Cẩm Phong	H. Cẩm Thuỷ			19° 59' 42"	105° 50' 35"	20° 17' 51"	104° 37' 12"	F-48-91-D-b
thôn Cửa Hà 1	DC	xã Cẩm Phong	H. Cẩm Thuỷ	20° 12' 49"	105° 29' 03"					F-48-91-D-b
thôn Cửa Hà 2	DC	xã Cẩm Phong	H. Cẩm Thuỷ	20° 12' 42"	105° 29' 02"					F-48-91-D-b
Đồi Đồng	SV	xã Cẩm Phong	H. Cẩm Thuỷ	20° 13' 48"	105° 30' 38"					F-48-92-C-a
thôn Đồng Cha	DC	xã Cẩm Phong	H. Cẩm Thuỷ	20° 13' 52"	105° 29' 45"					F-48-91-D-b
thôn Dương Huệ	DC	xã Cẩm Phong	H. Cẩm Thuỷ	20° 13' 18"	105° 29' 18"					F-48-91-D-b
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Cẩm Phong	H. Cẩm Thuỷ			20° 21' 59"	105° 31' 19"	19° 26' 37"	105° 26' 53"	F-48-91-D-b
Sông Mã	TV	xã Cẩm Phong	H. Cẩm Thuỷ			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	F-48-91-D-b
núi Nam Phát	SV	xã Cẩm Phong	H. Cẩm Thuỷ	20° 12' 50"	105° 29' 38"					F-48-91-D-b
thôn Nghề Dũng	DC	xã Cẩm Phong	H. Cẩm Thuỷ	20° 12' 38"	105° 29' 16"					F-48-91-D-b
thôn Phong Ý	DC	xã Cẩm Phong	H. Cẩm Thuỷ	20° 12' 24"	105° 28' 16"					F-48-91-D-b
thôn Tân Phong	DC	xã Cẩm Phong	H. Cẩm Thuỷ	20° 12' 16"	105° 29' 19"					F-48-91-D-b
thôn Từ Niêm	DC	xã Cẩm Phong	H. Cẩm Thuỷ	20° 12' 04"	105° 29' 45"					F-48-91-D-b
suối Vòng Hy	TV	xã Cẩm Phong	H. Cẩm Thuỷ			20° 15' 40"	105° 29' 14"	20° 13' 27"	105° 28' 39"	F-48-91-D-b
Núi Vực	SV	xã Cẩm Phong	H. Cẩm Thuỷ	20° 13' 10"	105° 28' 49"					F-48-91-D-b
thôn Lạc Long 1	DC	xã Cẩm Phú	H. Cẩm Thuỷ	20° 08' 59"	105° 33' 25"					F-48-92-C-a
thôn Lạc Long 2	DC	xã Cẩm Phú	H. Cẩm Thuỷ	20° 09' 22"	105° 33' 04"					F-48-92-C-a
thôn Phúc Lợi	DC	xã Cẩm Phú	H. Cẩm Thuỷ	20° 08' 03"	105° 34' 48"					F-48-92-C-a
thôn Phúc Thịnh	DC	xã Cẩm Phú	H. Cẩm Thuỷ	20° 08' 25"	105° 33' 21"					F-48-92-C-a
thôn Phúc Thuận	DC	xã Cẩm Phú	H. Cẩm Thuỷ	20° 08' 06"	105° 35' 33"					F-48-92-C-a
thôn Thanh Long	DC	xã Cẩm Phú	H. Cẩm Thuỷ	20° 08' 25"	105° 33' 56"					F-48-92-C-a
thôn Tiến Long	DC	xã Cẩm Phú	H. Cẩm Thuỷ	20° 07' 46"	105° 33' 06"					F-48-92-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Vĩnh Long	DC	xã Cẩm Phú	H. Cẩm Thuỷ	20° 09' 05"	105° 32' 32"					F-48-92-C-a
Đồi Bụt	SV	xã Cẩm Phú	H. Cẩm Thuỷ	20° 09' 51"	105° 33' 23"					F-48-92-C-a
cầu Cẩm Phú	KX	xã Cẩm Phú	H. Cẩm Thuỷ	20° 08' 16"	105° 32' 56"					F-48-92-C-a
Đồi Cao	SV	xã Cẩm Phú	H. Cẩm Thuỷ	20° 08' 57"	105° 34' 16"					F-48-92-C-a
Đồi Chiêng	SV	xã Cẩm Phú	H. Cẩm Thuỷ	20° 10' 04"	105° 32' 14"					F-48-92-C-a
đồi Đế Lọc	SV	xã Cẩm Phú	H. Cẩm Thuỷ	20° 09' 47"	105° 32' 50"					F-48-92-C-a
đồi Hiếu Lộc	SV	xã Cẩm Phú	H. Cẩm Thuỷ	20° 06' 56"	105° 35' 00"					F-48-92-C-c
thôn Hoàng Long 1	DC	xã Cẩm Phú	H. Cẩm Thuỷ	20° 08' 14"	105° 32' 50"					F-48-92-C-a
thôn Hoàng Long 2	DC	xã Cẩm Phú	H. Cẩm Thuỷ	20° 08' 22"	105° 33' 08"					F-48-92-C-a
đồi Làng Gió	SV	xã Cẩm Phú	H. Cẩm Thuỷ	20° 09' 33"	105° 32' 26"					F-48-92-C-a
đồi Rộc Ma	SV	xã Cẩm Phú	H. Cẩm Thuỷ	20° 08' 54"	105° 32' 50"					F-48-92-C-a
thôn Thái Long 1	DC	xã Cẩm Phú	H. Cẩm Thuỷ	20° 07' 47"	105° 33' 51"					F-48-92-C-a
thôn Thái Long 2	DC	xã Cẩm Phú	H. Cẩm Thuỷ	20° 07' 35"	105° 34' 02"					F-48-92-C-a
Đồi Trúc	SV	xã Cẩm Phú	H. Cẩm Thuỷ	20° 09' 24"	105° 34' 20"					F-48-92-C-a
thôn Chà Đa	DC	xã Cẩm Quý	H. Cẩm Thuỷ	20° 17' 35"	105° 27' 22"					F-48-91-B-d
Thôn Đầm	DC	xã Cẩm Quý	H. Cẩm Thuỷ	20° 15' 39"	105° 28' 28"					F-48-91-B-d
Thôn Én	DC	xã Cẩm Quý	H. Cẩm Thuỷ	20° 17' 06"	105° 27' 03"					F-48-91-B-d
Thôn Kha	DC	xã Cẩm Quý	H. Cẩm Thuỷ	20° 17' 03"	105° 25' 09"					F-48-91-B-d
Thôn Mực	DC	xã Cẩm Quý	H. Cẩm Thuỷ	20° 18' 44"	105° 25' 47"					F-48-91-B-d
Thôn Nè	DC	xã Cẩm Quý	H. Cẩm Thuỷ	20° 16' 28"	105° 28' 29"					F-48-91-B-d
Thôn Sống	DC	xã Cẩm Quý	H. Cẩm Thuỷ	20° 15' 56"	105° 27' 30"					F-48-91-B-d
Thôn Trà	DC	xã Cẩm Quý	H. Cẩm Thuỷ	20° 16' 06"	105° 27' 03"					F-48-91-B-d
Thôn Vin	DC	xã Cẩm Quý	H. Cẩm Thuỷ	20° 17' 23"	105° 26' 43"					F-48-91-B-d
núi Ái Nàng	SV	xã Cẩm Quý	H. Cẩm Thuỷ	20° 16' 36"	105° 28' 53"					F-48-91-B-d
Núi Áo	SV	xã Cẩm Quý	H. Cẩm Thuỷ	20° 18' 11"	105° 26' 11"					F-48-91-B-d
Suối Bái	TV	xã Cẩm Quý	H. Cẩm Thuỷ			20° 18' 55"	105° 25' 24"	20° 16' 09"	105° 27' 31"	F-48-91-B-d
thôn Bái 1	DC	xã Cẩm Quý	H. Cẩm Thuỷ	20° 16' 54"	105° 27' 35"					F-48-91-B-d
thôn Bái 2	DC	xã Cẩm Quý	H. Cẩm Thuỷ	20° 16' 41"	105° 27' 38"					F-48-91-B-d
Suối Bọm	TV	xã Cẩm Quý	H. Cẩm Thuỷ			20° 17' 01"	105° 25' 06"	20° 16' 09"	105° 27' 31"	F-48-91-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Núi Cái	SV	xã Cẩm Quý	H. Cẩm Thuỷ	20° 20' 16"	105° 24' 53"					F-48-91-B-d
đồi Cây Mi	SV	xã Cẩm Quý	H. Cẩm Thuỷ	20° 19' 06"	105° 26' 19"					F-48-91-B-d
Đồi Cha	SV	xã Cẩm Quý	H. Cẩm Thuỷ	20° 18' 09"	105° 27' 40"					F-48-91-B-d
Thôn Chạo	DC	xã Cẩm Quý	H. Cẩm Thuỷ	20° 16' 50"	105° 26' 13"					F-48-91-B-d
thôn Chiềng 1	DC	xã Cẩm Quý	H. Cẩm Thuỷ	20° 16' 21"	105° 27' 55"					F-48-91-B-d
thôn Chiềng 2	DC	xã Cẩm Quý	H. Cẩm Thuỷ	20° 16' 08"	105° 28' 04"					F-48-91-B-d
núi Eo Lái	SV	xã Cẩm Quý	H. Cẩm Thuỷ	20° 19' 21"	105° 24' 40"					F-48-91-B-d
núi Eo Ngắc	SV	xã Cẩm Quý	H. Cẩm Thuỷ	20° 17' 18"	105° 28' 09"					F-48-91-B-d
Núi Mí	SV	xã Cẩm Quý	H. Cẩm Thuỷ	20° 19' 24"	105° 25' 56"					F-48-91-B-d
Núi Phi	SV	xã Cẩm Quý	H. Cẩm Thuỷ	20° 18' 55"	105° 24' 36"					F-48-91-B-d
thôn Quang Ao	DC	xã Cẩm Quý	H. Cẩm Thuỷ	20° 17' 48"	105° 28' 08"					F-48-91-B-d
thôn Quý Lâm	DC	xã Cẩm Quý	H. Cẩm Thuỷ	20° 16' 05"	105° 26' 25"					F-48-91-B-d
Thôn Trang	DC	xã Cẩm Quý	H. Cẩm Thuỷ	20° 15' 43"	105° 27' 39"					F-48-91-B-d
Thôn Vông	DC	xã Cẩm Quý	H. Cẩm Thuỷ	20° 16' 38"	105° 27' 12"					F-48-91-B-d
thôn Cầu Mây	DC	xã Cẩm Sơn	H. Cẩm Thuỷ	20° 11' 37"	105° 28' 34"					F-48-91-D-b
thôn Da Dụ 1	DC	xã Cẩm Sơn	H. Cẩm Thuỷ	20° 12' 13"	105° 28' 48"					F-48-91-D-b
thôn Da Dụ 3	DC	xã Cẩm Sơn	H. Cẩm Thuỷ	20° 11' 31"	105° 28' 54"					F-48-91-D-b
thôn Đại Đồng 1	DC	xã Cẩm Sơn	H. Cẩm Thuỷ	20° 12' 39"	105° 28' 28"					F-48-91-D-b
thôn Đại Đồng 2	DC	xã Cẩm Sơn	H. Cẩm Thuỷ	20° 12' 35"	105° 28' 28"					F-48-91-D-b
thôn Đại Đồng 3	DC	xã Cẩm Sơn	H. Cẩm Thuỷ	20° 12' 42"	105° 28' 43"					F-48-91-D-b
thôn Gò Cả	DC	xã Cẩm Sơn	H. Cẩm Thuỷ	20° 12' 26"	105° 28' 14"					F-48-91-D-b
thôn Hoàng Giang 1	DC	xã Cẩm Sơn	H. Cẩm Thuỷ	20° 12' 12"	105° 28' 27"					F-48-91-D-b
thôn Hoàng Giang 2	DC	xã Cẩm Sơn	H. Cẩm Thuỷ	20° 11' 57"	105° 28' 26"					F-48-91-D-b
Thôn Lụa	DC	xã Cẩm Sơn	H. Cẩm Thuỷ	20° 11' 02"	105° 28' 27"					F-48-91-D-b
Thôn Mún	DC	xã Cẩm Sơn	H. Cẩm Thuỷ	20° 11' 05"	105° 28' 44"					F-48-91-D-b
thôn Ngọc Sơn	DC	xã Cẩm Sơn	H. Cẩm Thuỷ	20° 10' 13"	105° 27' 27"					F-48-91-D-b
thôn Ngọc Thung	DC	xã Cẩm Sơn	H. Cẩm Thuỷ	20° 09' 56"	105° 28' 19"					F-48-91-D-b
thôn Tây Sơn	DC	xã Cẩm Sơn	H. Cẩm Thuỷ	20° 11' 48"	105° 27' 53"					F-48-91-D-b
Đồi Dê	SV	xã Cẩm Sơn	H. Cẩm Thuỷ	20° 11' 06"	105° 27' 23"					F-48-91-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Đồi Dổ	SV	xã Cẩm Sơn	H. Cẩm Thuỷ	20° 11' 08"	105° 29' 12"					F-48-91-D-b
suối Đồi Háo	TV	xã Cẩm Sơn	H. Cẩm Thuỷ			20° 10' 19"	105° 27' 05"	20° 10' 10"	105° 28' 35"	F-48-91-D-b
thôn Gia Dụ 2	DC	xã Cẩm Sơn	H. Cẩm Thuỷ	20° 12' 05"	105° 28' 48"					F-48-91-D-b
Núi Hạc	SV	xã Cẩm Sơn	H. Cẩm Thuỷ	20° 11' 24"	105° 26' 13"					F-48-91-D-b
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Cẩm Sơn	H. Cẩm Thuỷ			20° 21' 59"	105° 31' 19"	19° 26' 37"	105° 26' 53"	F-48-91-D-b
Đồi Lụa	SV	xã Cẩm Sơn	H. Cẩm Thuỷ	20° 10' 39"	105° 26' 28"					F-48-91-D-b
Sông Mã	TV	xã Cẩm Sơn	H. Cẩm Thuỷ			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	F-48-91-D-b,
Cầu Mây	KX	xã Cẩm Sơn	H. Cẩm Thuỷ	20° 11' 42"	105° 28' 35"					F-48-91-D-b
Đồi Mười	SV	xã Cẩm Sơn	H. Cẩm Thuỷ	20° 09' 16"	105° 29' 10"					F-48-91-D-b
thôn Trường Sơn	DC	xã Cẩm Sơn	H. Cẩm Thuỷ	20° 10' 16"	105° 28' 38"					F-48-91-D-b
đồi U Bò	SV	xã Cẩm Sơn	H. Cẩm Thuỷ	20° 09' 52"	105° 29' 30"					F-48-91-D-b
đường tỉnh 518	KX	xã Cẩm Tâm	H. Cẩm Thuỷ			20° 09' 10"	105° 26' 42"	20° 01' 32"	105° 35' 17"	F-48-91-D-b, F-48-91-D-d, F-48-92-C-c
Thôn Ao	DC	xã Cẩm Tâm	H. Cẩm Thuỷ	20° 05' 38"	105° 30' 04"					F-48-92-C-c
Thôn Bồng	DC	xã Cẩm Tâm	H. Cẩm Thuỷ	20° 06' 23"	105° 29' 32"					F-48-91-D-d
Thôn Bương	DC	xã Cẩm Tâm	H. Cẩm Thuỷ	20° 06' 46"	105° 29' 04"					F-48-91-D-d
Thôn Dung	DC	xã Cẩm Tâm	H. Cẩm Thuỷ	20° 05' 23"	105° 30' 14"					F-48-92-C-c
thôn Hón Kè	DC	xã Cẩm Tâm	H. Cẩm Thuỷ	20° 07' 18"	105° 28' 45"					F-48-91-D-d
Thôn Leu	DC	xã Cẩm Tâm	H. Cẩm Thuỷ	20° 06' 50"	105° 29' 22"					F-48-91-D-d
Thôn Mới	DC	xã Cẩm Tâm	H. Cẩm Thuỷ	20° 06' 30"	105° 29' 44"					F-48-91-D-d
thôn Tân Thành	DC	xã Cẩm Tâm	H. Cẩm Thuỷ	20° 07' 02"	105° 29' 05"					F-48-91-D-d
thôn Thuỷ Thanh	DC	xã Cẩm Tâm	H. Cẩm Thuỷ	20° 07' 08"	105° 28' 31"					F-48-91-D-d
Thôn Trong	DC	xã Cẩm Tâm	H. Cẩm Thuỷ	20° 06' 05"	105° 29' 48"					F-48-91-D-d
Thôn Với	DC	xã Cẩm Tâm	H. Cẩm Thuỷ	20° 06' 16"	105° 29' 39"					F-48-91-D-d
thôn An Cư	DC	xã Cẩm Tâm	H. Cẩm Thuỷ	20° 05' 11"	105° 30' 34"					F-48-92-C-c
núi Bãi Mè	SV	xã Cẩm Tâm	H. Cẩm Thuỷ	20° 05' 02"	105° 29' 32"					F-48-92-C-c
núi Hưng Tuyền	SV	xã Cẩm Tâm	H. Cẩm Thuỷ	20° 05' 53"	105° 31' 13"					F-48-92-C-c
Núi Loóng	SV	xã Cẩm Tâm	H. Cẩm Thuỷ	20° 04' 49"	105° 30' 17"					F-48-92-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phut,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Đồi Vo	SV	xã Cẩm Tâm	H. Cẩm Thuỷ	20° 07' 10"	105° 28' 00"					F-48-91-D-d
núi Vụng Chò	SV	xã Cẩm Tâm	H. Cẩm Thuỷ	20° 05' 16"	105° 31' 36"					F-48-92-C-c
Đồi Xiêng	SV	xã Cẩm Tâm	H. Cẩm Thuỷ	20° 07' 53"	105° 27' 28"					F-48-91-D-b
quốc lộ 217	KX	xã Cẩm Tân	H. Cẩm Thuỷ			19° 59' 42"	105° 50' 35"	20° 17' 51"	104° 37' 12"	F-48-92-C-a, F-48-92-C-c
thôn Do Hạ	DC	xã Cẩm Tân	H. Cẩm Thuỷ	20° 07' 38"	105° 31' 45"					F-48-92-C-a
thôn Do Trung	DC	xã Cẩm Tân	H. Cẩm Thuỷ	20° 07' 43"	105° 31' 37"					F-48-92-C-a
thôn Phiến Thôn	DC	xã Cẩm Tân	H. Cẩm Thuỷ	20° 07' 03"	105° 32' 09"					F-48-92-C-c
thôn Phú Xuân	DC	xã Cẩm Tân	H. Cẩm Thuỷ	20° 07' 00"	105° 33' 17"					F-48-92-C-c
thôn Do Thượng	DC	xã Cẩm Tân	H. Cẩm Thuỷ	20° 08' 04"	105° 31' 08"					F-48-92-C-a
Đồi Lạn	SV	xã Cẩm Tân	H. Cẩm Thuỷ	20° 08' 33"	105° 31' 21"					F-48-92-C-a
thôn Lữ Trung	DC	xã Cẩm Tân	H. Cẩm Thuỷ	20° 06' 54"	105° 32' 44"					F-48-92-C-c
Sông Mã	TV	xã Cẩm Tân	H. Cẩm Thuỷ			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	F-48-92-C-c, F-48-92-C-a
thôn Trại Hà	DC	xã Cẩm Tân	H. Cẩm Thuỷ	20° 06' 56"	105° 33' 00"					F-48-92-C-c
quốc lộ 217	KX	xã Cẩm Thạch	H. Cẩm Thuỷ			19° 59' 42"	105° 50' 35"	20° 17' 51"	104° 37' 12"	F-48-91-D-b
Thôn Bọt	DC	xã Cẩm Thạch	H. Cẩm Thuỷ	20° 11' 55"	105° 22' 49"					F-48-91-D-b
Thôn Bùi	DC	xã Cẩm Thạch	H. Cẩm Thuỷ	20° 13' 33"	105° 23' 49"					F-48-91-D-b
Thôn Chén	DC	xã Cẩm Thạch	H. Cẩm Thuỷ	20° 14' 13"	105° 23' 00"					F-48-91-D-b
thôn Chiềng 1	DC	xã Cẩm Thạch	H. Cẩm Thuỷ	20° 13' 51"	105° 23' 12"					F-48-91-D-b
thôn Chiềng 2	DC	xã Cẩm Thạch	H. Cẩm Thuỷ	20° 13' 56"	105° 23' 03"					F-48-91-D-b
Thôn Cốc	DC	xã Cẩm Thạch	H. Cẩm Thuỷ	20° 12' 52"	105° 22' 55"					F-48-91-D-b
Thôn Đông	DC	xã Cẩm Thạch	H. Cẩm Thuỷ	20° 14' 03"	105° 23' 40"					F-48-91-D-b
Thôn Tráy	DC	xã Cẩm Thạch	H. Cẩm Thuỷ	20° 11' 29"	105° 22' 12"					F-48-91-D-a
Thôn Vân	DC	xã Cẩm Thạch	H. Cẩm Thuỷ	20° 13' 10"	105° 23' 16"					F-48-91-D-b
Đồi Cúp	SV	xã Cẩm Thạch	H. Cẩm Thuỷ	20° 13' 51"	105° 22' 28"					F-48-91-D-a
suối Hón Trơn	TV	xã Cẩm Thạch	H. Cẩm Thuỷ			20° 11' 42"	105° 22' 47"	20° 14' 11"	105° 23' 66"	F-48-91-D-b
Sông Mã	TV	xã Cẩm Thạch	H. Cẩm Thuỷ			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	F-48-91-D-b
kênh Thạch Minh	TV	xã Cẩm Thạch	H. Cẩm Thuỷ			20° 12' 01"	105° 22' 21"	20° 12' 37"	105° 13' 01"	F-48-91-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Thôn Thung	DC	xã Cẩm Thạch	H. Cẩm Thuỷ	20° 13' 02"	105° 23' 26"					F-48-91-D-b
Thôn Thuỷ	DC	xã Cẩm Thạch	H. Cẩm Thuỷ	20° 12' 02"	105° 22' 34"					F-48-91-D-b
Pu Tiến	SV	xã Cẩm Thạch	H. Cẩm Thuỷ	20° 10' 25"	105° 23' 06"					F-48-91-D-b
Đồi Ung	SV	xã Cẩm Thạch	H. Cẩm Thuỷ	20° 10' 54"	105° 21' 06"					F-48-91-D-a
Trại giam số 5	KX	xã Cẩm Thành	H. Cẩm Thuỷ	20° 15' 19"	105° 21' 37"					F-48-91-B-c
quốc lộ 217	KX	xa Cẩm Thành	H. Cẩm Thuỷ			19° 59' 42"	105° 50' 36"	20° 17' 51"	104° 37' 12"	F-48-91-D-b, F-48-91-B-c, F-48-91-D-a
Thôn Bèo	DC	xã Cẩm Thành	H. Cẩm Thuỷ	20° 17' 44"	105° 20' 39"					F-48-91-B-c
Thôn Bọt	DC	xã Cẩm Thành	H. Cẩm Thuỷ	20° 17' 07"	105° 21' 24"					F-48-91-B-c
Thôn Chanh	DC	xã Cẩm Thành	H. Cẩm Thuỷ	20° 14' 13"	105° 21' 11"					F-48-91-D-a
Thôn Én	DC	xã Cẩm Thành	H. Cẩm Thuỷ	20° 15' 41"	105° 19' 58"					F-48-91-B-c
Thôn Khạt	DC	xã Cẩm Thành	H. Cẩm Thuỷ	20° 14' 54"	105° 21' 12"					F-48-91-D-a
Thôn Muốt	DC	xã Cẩm Thành	H. Cẩm Thuỷ	20° 14' 33"	105° 19' 49"					F-48-91-D-a
Thôn Năm	DC	xã Cẩm Thành	H. Cẩm Thuỷ	20° 16' 11"	105° 21' 57"					F-48-91-B-c
Thôn Ngọc	DC	xã Cẩm Thành	H. Cẩm Thuỷ	20° 15' 21"	105° 21' 07"					F-48-91-B-c
thôn Phăng Khánh	DC	xã Cẩm Thành	H. Cẩm Thuỷ	20° 17' 19"	105° 20' 43"					F-48-91-B-c
Thôn Trẹn	DC	xã Cẩm Thành	H. Cẩm Thuỷ	20° 16' 05"	105° 21' 22"					F-48-91-B-c
suối Bài Bin	TV	xã Cẩm Thành	H. Cẩm Thuỷ			20° 12' 35"	105° 19' 43"	20° 14' 41"	105° 21' 41"	F-48-91-D-a
thôn Chiềng Trám	DC	xã Cẩm Thành	H. Cẩm Thuỷ	20° 14' 31"	105° 21' 24"					F-48-91-D-a
thôn Cò Cánh	DC	xã Cẩm Thành	H. Cẩm Thuỷ	20° 14' 40"	105° 20' 57"					F-48-01-D-a
Đồi Cúp	SV	xã Cẩm Thành	H. Cẩm Thuỷ	20° 13' 51"	105° 22' 28"					F-48-91-D-a
suối Đá Mài	TV	xã Cẩm Thành	H. Cẩm Thuỷ			20° 14' 08"	105° 19' 08"	20° 14' 41"	105° 21' 41"	F-48-91-D-a
Núi Đô	SV	xã Cẩm Thành	H. Cẩm Thuỷ	20° 16' 36"	105° 20' 10"					F-48-91-B-c
Đồi Đuống	SV	xã Cẩm Thành	H. Cẩm Thuỷ	20° 15' 53"	105° 19' 07"					F-48-91-B-c
suối Hón Trám	TV	xã Cẩm Thành	H. Cẩm Thuỷ			20° 14' 41"	105° 21' 41"	20° 14' 27"	105° 22' 16"	F-48-91-D-a
núi Làng Bèo	SV	xã Cẩm Thành	H. Cẩm Thuỷ	20° 17' 43"	105° 21' 09"					F-48-91-B-c
núi Làng Bọt	SV	xã Cẩm Thành	H. Cẩm Thuỷ	20° 17' 14"	105° 21' 52"					F-48-91-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phut,giây)	(Độ,phut,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Sông Mã	TV	xã Cẩm Thành	H. Cẩm Thuỷ			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	F-48-91-D-a, F-48-91-B-c, F-48-91-B-d
dốc Mỏ Cuối	SV	xã Cẩm Thành	H. Cẩm Thuỷ	20° 14' 11"	105° 22' 44"					F-48-91-D-a
thôn Thành Long 1	DC	xã Cẩm Thành	H. Cẩm Thuỷ	20° 14' 16"	105° 22' 18"					F-48-91-D-a
thôn Thành Long 2	DC	xã Cẩm Thành	H. Cẩm Thuỷ	20° 14' 31"	105° 21' 54"					F-48-91-D-a
Hồ Trẹn	TV	xã Cẩm Thành	H. Cẩm Thuỷ	20° 15' 56"	105° 21' 10"					F-48-91-B-c
thôn Bắc Sơn	DC	xã Cẩm Tú	H. Cẩm Thuỷ	20° 14' 12"	105° 29' 00"					F-48-91-D-b
thôn Bắc Thái	DC	xã Cẩm Tú	H. Cẩm Thuỷ	20° 14' 18"	105° 28' 41"					F-48-91-D-b
thôn Bình Xuyên	DC	xã Cẩm Tú	H. Cẩm Thuỷ	20° 15' 08"	105° 29' 43"					F-48-91-B-d
thôn Cẩm Hoa	DC	xã Cẩm Tú	H. Cẩm Thuỷ	20° 14' 17"	105° 29' 42"					F-48-91-D-b
thôn Liên Sơn	DC	xã Cẩm Tú	H. Cẩm Thuỷ	20° 13' 25"	105° 28' 45"					F-48-91-D-b
thôn Lương Thành	DC	xã Cẩm Tú	H. Cẩm Thuỷ	20° 15' 07"	105° 29' 12"					F-48-91-B-d
thôn Ngọc Liên	DC	xã Cẩm Tú	H. Cẩm Thuỷ	20° 13' 44"	105° 28' 50"					F-48-91-D-b
thôn Thái Bình	DC	xã Cẩm Tú	H. Cẩm Thuỷ	20° 15' 13"	105° 28' 59"					F-48-91-B-d
thôn Thái Học	DC	xã Cẩm Tú	H. Cẩm Thuỷ	20° 14' 57"	105° 28' 26"					F-48-91-D-b
thôn Thái Nguyên	DC	xã Cẩm Tú	H. Cẩm Thuỷ	20° 14' 50"	105° 28' 44"					F-48-91-D-b
thôn Thái Sơn	DC	xã Cẩm Tú	H. Cẩm Thuỷ	20° 14' 36"	105° 28' 39"					F-48-91-D-b
thôn Thái Vân	DC	xã Cẩm Tú	H. Cẩm Thuỷ	20° 15' 30"	105° 28' 39"					F-48-91-B-d
núi Ải Nàng	SV	xã Cẩm Tú	H. Cẩm Thuỷ	20° 16' 36"	105° 28' 53"					F-48-91-B-d
núi Bai Láng	SV	xã Cẩm Tú	H. Cẩm Thuỷ	20° 15' 25"	106° 30' 52"					F-48-92-A-c
núi Cò Bương	SV	xã Cẩm Tú	H. Cẩm Thuỷ	20° 14' 24"	105° 30' 44"					F-48-92-C-a
Đồi Đồng	SV	xã Cẩm Tú	H. Cẩm Thuỷ	20° 13' 46"	105° 30' 38"					F-48-92-C-a
núi Đồng Bông	SV	xã Cẩm Tú	H. Cẩm Thuỷ	20° 14' 06"	105° 28' 37"					F-48-91-D-b
thôn Đồng Danh	DC	xã Cẩm Tú	H. Cẩm Thuỷ	20° 15' 12"	105° 29' 47"					F-48-91-B-d
dốc Eo Trần	SV	xã Cẩm Tú	H. Cẩm Thuỷ	20° 15' 38"	105° 30' 41"					F-48-92-A-c
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Cẩm Tú	H. Cẩm Thuỷ			20° 21' 59"	105° 31' 19"	19° 26' 37"	105° 25' 63"	F-48-92-C-a, F-48-92-A-c, F-48-91-D-b
Sông Mã	TV	xã Cẩm Tú	H. Cẩm Thuỷ			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	F-48-91-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Đồi Mà	SV	xã Cẩm Tú	H. Cẩm Thuỷ	20° 15' 33"	105° 29' 58"					F-48-91-B-d
cống Thuần Lương	KX	xã Cẩm Tú	H. Cẩm Thuỷ	20° 14' 40"	105° 30' 04"					F-48-92-C-a
thôn Thuần Lương	DC	xã Cẩm Tú	H. Cẩm Thuỷ	20° 14' 37"	105° 29' 55"					F-48-91-D-b
suối Vòng Hy	TV	xã Cẩm Tú	H. Cẩm Thuỷ			20° 15' 40"	105° 29' 14"	20° 13' 27"	105° 28' 39"	F-48-91-B-d, F-48-91-D-b
Núi Vực	SV	xã Cẩm Tú	H. Cẩm Thuỷ	20° 13' 10"	105° 28' 49"					F-48-91-D-b
quốc lộ 217	KX	xã Cẩm Vân	H. Cẩm Thuỷ			19° 59' 42"	105° 50' 35"	20° 17' 51"	104° 37' 12"	F-48-92-C-c
thôn Cát Khánh	DC	xã Cẩm Vân	H. Cẩm Thuỷ	20° 05' 10"	105° 33' 06"					F-48-92-C-c
thôn Cò Đồm	DC	xã Cẩm Vân	H. Cẩm Thuỷ	20° 05' 27"	105° 32' 18"					F-48-92-C-c
thôn Đồi Trông	DC	xã Cẩm Vân	H. Cẩm Thuỷ	20° 06' 07"	105° 32' 35"					F-48-92-C-c
thôn Eo Lê	DC	xã Cẩm Vân	H. Cẩm Thuỷ	20° 06' 34"	105° 34' 18"					F-48-92-C-c
thôn Phác Vân	DC	xã Cẩm Vân	H. Cẩm Thuỷ	20° 07' 14"	105° 33' 28"					F-48-92-C-c
thôn Quan Bằng	DC	xã Cẩm Vân	H. Cẩm Thuỷ	20° 05' 59"	105° 33' 11"					F-48-92-C-c
thôn Quan Phác	DC	xã Cẩm Vân	H. Cẩm Thuỷ	20° 06' 17"	105° 33' 11"					F-48-92-C-c
thôn Tiên Lăng 1	DC	xã Cẩm Vân	H. Cẩm Thuỷ	20° 05' 25"	105° 32' 36"					F-48-92-C-c
thôn Tiên Lăng 2	DC	xã Cẩm Vân	H. Cẩm Thuỷ	20° 06' 24"	105° 32' 20"					F-48-92-C-c
thôn Tường Yên	DC	xã Cẩm Vân	H. Cẩm Thuỷ	20° 06' 23"	105° 32' 52"					F-48-92-C-c
thôn Vân Long	DC	xã Cẩm Vân	H. Cẩm Thuỷ	20° 04' 59"	105° 33' 10"					F-48-92-C-c
thôn Vân Trai	DC	xã Cẩm Vân	H. Cẩm Thuỷ	20° 06' 22"	105° 33' 21"					F-48-92-C-c
Đồi Chông	SV	xã Cẩm Vân	H. Cẩm Thuỷ	20° 05' 58"	105° 32' 36"					F-48-92-C-c
núi Chùa Cành	SV	xã Cẩm Vân	H. Cẩm Thuỷ	20° 06' 25"	105° 31' 49"					F-48-92-C-c
thôn Đồi Vàng	DC	xã Cẩm Vân	H. Cẩm Thuỷ	20° 06' 58"	105° 31' 20"					F-48-92-C-c
cầu Eo Lê	KX	xã Cẩm Vân	H. Cẩm Thuỷ	20° 06' 41"	105° 34' 07"					F-48-92-C-c
núi Eo Lê	SV	xã Cẩm Vân	H. Cẩm Thuỷ	20° 06' 19"	105° 34' 16"					F-48-92-C-c
đồi Hiệu Lộc	SV	xã Cẩm Vân	H. Cẩm Thuỷ	20° 06' 56"	105° 35' 00"					F-48-92-C-c
suối Hón Sỏi	TV	xã Cẩm Vân	H. Cẩm Thuỷ			20° 06' 45"	105° 31' 44"	20° 04' 16"	105° 33' 54"	F-48-92-C-c
núi Hưng Tuyền	SV	xã Cẩm Vân	H. Cẩm Thuỷ	20° 05' 53"	105° 31' 13"					F-48-92-C-c
thôn Làng Dò	DC	xã Cẩm Vân	H. Cẩm Thuỷ	20° 05' 19"	105° 32' 46"					F-48-92-C-c
Sông Mã	TV	xã Cẩm Vân	H. Cẩm Thuỷ			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	F-48-92-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Núi Mát	SV	xã Cẩm Vân	H. Cẩm Thuỷ	20° 08' 41"	105° 34' 48"					F-48-92-C-c
Núi Mâu	SV	xã Cẩm Vân	H. Cẩm Thuỷ	20° 05' 30"	105° 33' 04"					F-48-92-C-c
núi Thanh Hồng	SV	xã Cẩm Vân	H. Cẩm Thuỷ	20° 05' 20"	105° 31' 58"					F-48-92-C-c
Đồi Vàng	SV	xã Cẩm Vân	H. Cẩm Thuỷ	20° 06' 55"	105° 30' 48"					F-48-92-C-c
núi Vụng Chò	SV	xã Cẩm Vân	H. Cẩm Thuỷ	20° 05' 16"	105° 31' 38"					F-48-92-C-c
thôn 102A	DC	xã Cẩm Yên	H. Cẩm Thuỷ	20° 08' 29"	105° 30' 34"					F-48-92-C-a
thôn 102B	DC	xã Cẩm Yên	H. Cẩm Thuỷ	20° 08' 31"	105° 30' 22"					F-48-92-C-a
thôn 100	DC	xã Cẩm Yên	H. Cẩm Thuỷ	20° 10' 04"	105° 30' 11"					F-48-92-C-a
thôn 101	DC	xã Cẩm Yên	H. Cẩm Thuỷ	20° 09' 05"	105° 30' 29"					F-48-92-C-a
thôn 103	DC	xã Cẩm Yên	H. Cẩm Thuỷ	20° 07' 58"	105° 30' 31"					F-48-92-C-a
thôn 104	DC	xã Cẩm Yên	H. Cẩm Thuỷ	20° 07' 28"	105° 30' 50"					F-48-92-C-a
đồi Bụng Bò	SV	xã Cẩm Yên	H. Cẩm Thuỷ	20° 09' 28"	105° 29' 57"					F-48-91-D-b
đồi Chín Mùi	SV	xã Cẩm Yên	H. Cẩm Thuỷ	20° 08' 48"	105° 29' 57"					F-48-91-D-b
Đồi Dổ	SV	xã Cẩm Yên	H. Cẩm Thuỷ	20° 11' 08"	105° 29' 12"					F-48-91-D-b
Bến đò Lở	KX	xã Cẩm Yên	H. Cẩm Thuỷ	20° 08' 55"	105° 30' 45"					F-48-92-C-a
Sông Mã	TV	xã Cẩm Yên	H. Cẩm Thuỷ			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	F-48-92-C-c, F-48-92-C-a
Đồi Mười	SV	xã Cẩm Yên	H. Cẩm Thuỷ	20° 09' 16"	105° 29' 10"					F-48-91-D-b
Thung Nứa	SV	xã Cẩm Yên	H. Cẩm Thuỷ	20° 07' 18"	105° 30' 11"					F-48-92-C-c
đồi Tắc Kè	SV	xã Cẩm Yên	H. Cẩm Thuỷ	20° 08' 00"	105° 29' 26"					F-48-91-D-b
đồi U Bò	SV	xã Cẩm Yên	H. Cẩm Thuỷ	20° 09' 52"	105° 29' 30"					F-48-91-D-b
thôn Công Trình	DC	xã Phúc Do	H. Cẩm Thuỷ	20° 08' 00"	105° 31' 46"					F-48-92-C-a
thôn Phúc Bình	DC	xã Phúc Do	H. Cẩm Thuỷ	20° 08' 15"	105° 32' 11"					F-48-92-C-a
thôn Phúc Mỹ	DC	xã Phúc Do	H. Cẩm Thuỷ	20° 08' 15"	105° 32' 11"					F-48-92-C-a
thôn Phúc Tâm	DC	xã Phúc Do	H. Cẩm Thuỷ	20° 07' 13"	105° 32' 31"					F-48-92-C-c
thôn Phúc Tân	DC	xã Phúc Do	H. Cẩm Thuỷ	20° 07' 22"	105° 32' 07"					F-48-92-C-c
Đồi Lạn	SV	xã Phúc Do	H. Cẩm Thuỷ	20° 08' 33"	105° 31' 21"					F-48-92-C-a
Đồi Màn	SV	xã Phúc Do	H. Cẩm Thuỷ	20° 08' 27"	105° 31' 31"					F-48-92-C-a
thôn Phúc Long	DC	xã Phúc Do	H. Cẩm Thuỷ	20° 08' 58"	105° 32' 23"					F-48-92-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phut,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
khối 1	DC	TT. Rừng Thông	H. Đông Sơn	19° 49' 21"	105° 43' 34"					E-48-8-A-d
khối 2	DC	TT. Rừng Thông	H. Đông Sơn	19° 49' 26"	105° 43' 39"					E-48-8-A-d
khối 3	DC	TT. Rừng Thông	H. Đông Sơn	19° 49' 14"	105° 43' 48"					E-48-8-A-d
khối 4	DC	TT. Rừng Thông	H. Đông Sơn	19° 49' 11"	105° 44' 02"					E-48-8-A-d
khối 5	DC	TT. Rừng Thông	H. Đông Sơn	19° 49' 09"	105° 44' 15"					E-48-8-A-d
khối 6	DC	TT. Rừng Thông	H. Đông Sơn	19° 49' 01"	105° 43' 44"					E-48-8-A-d
quốc lộ 45	KX	TT. Rừng Thông	H. Đông Sơn			20° 10' 25"	105° 46' 47"	19° 48' 05"	105° 26' 03"	E-48-8-A-d
Cầu Cáo	KX	TT. Rừng Thông	H. Đông Sơn	19° 49' 02"	105° 43' 52"					E-48-8-A-d
sông Nhà Lê	TV	TT. Rừng Thông	H. Đông Sơn			19° 51' 19"	105° 40' 40"	19° 47' 53"	105° 47' 13"	E-48-8-A-d
sông Nông Giang	TV	TT. Rừng Thông	H. Đông Sơn			19° 53' 46"	105° 22' 38"	19° 50' 04"	105° 42' 15"	E-48-8-A-d
thôn 1	DC	xã Đông Anh	H. Đông Sơn	19° 48' 26"	105° 41' 42"					E-48-8-A-d
thôn 2	DC	xã Đông Anh	H. Đông Sơn	19° 49' 19"	105° 41' 53"					E-48-8-A-d
thôn 3	DC	xã Đông Anh	H. Đông Sơn	19° 49' 21"	106° 42' 02"					E-48-8-A-d
thôn 4	DC	xã Đông Anh	H. Đông Sơn	19° 49' 27"	105° 42' 50"					E-48-8-A-d
thôn 5	DC	xã Đông Anh	H. Đông Sơn	19° 49' 26"	105° 42' 22"					E-48-8-A-d
thôn 6	DC	xã Đông Anh	H. Đông Sơn	19° 49' 20"	105° 42' 28"					E-48-8-A-d
thôn 7	DC	xã Đông Anh	H. Đông Sơn	19° 49' 05"	105° 42' 32"					E-48-8-A-d
quốc lộ 47	KX	xã Đông Anh	H. Đông Sơn			19° 44' 00"	105° 53' 56"	19° 53' 36"	105° 24' 14"	E-48-8-A-d
sông Nhà Lê	TV	xã Đông Anh	H. Đông Sơn			19° 51' 19"	105° 40' 40"	19° 47' 53"	105° 47' 13"	E-48-8-A-d
sông Nông Giang	TV	xã Đông Anh	H. Đông Sơn			19° 53' 46"	105° 22' 38"	19° 50' 04"	105° 42' 15"	E-48-8-A-d
thôn 1	DC	xã Đông Hoà	H. Đông Sơn	19° 48' 12"	105° 41' 17"					E-48-8-A-d
thôn 2	DC	xã Đông Hoà	H. Đông Sơn	19° 48' 00"	105° 41' 04"					E-48-8-A-d
thôn 3	DC	xã Đông Hoà	H. Đông Sơn	19° 47' 54"	105° 41' 02"					E-48-8-A-d
thôn 4	DC	xã Đông Hoà	H. Đông Sơn	19° 48' 02"	105° 40' 50"					E-48-8-A-d
thôn 5	DC	xã Đông Hoà	H. Đông Sơn	19° 47' 47"	105° 40' 48"					E-48-8-A-d
thôn 6	DC	xã Đông Hoà	H. Đông Sơn	19° 47' 51"	105° 40' 37"					E-48-8-A-d
thôn 7	DC	xã Đông Hoà	H. Đông Sơn	19° 47' 34"	105° 40' 19"					E-48-8-A-d
thôn 8	DC	xã Đông Hoà	H. Đông Sơn	19° 48' 05"	105° 40' 32"					E-48-8-A-d
thôn 9	DC	xã Đông Hoà	H. Đông Sơn	19° 48' 12"	105° 40' 48"					E-48-8-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn 10	DC	xã Đông Hoà	H. Đông Sơn	19° 48' 15"	105° 40' 57"					E-48-8-A-d
thôn 11	DC	xã Đông Hoà	H. Đông Sơn	19° 48' 26"	105° 40' 48"					E-48-8-A-d
thôn 12	DC	xã Đông Hoà	H. Đông Sơn	19° 47' 49"	105° 40' 30"					E-48-8-A-d
Sông Hoàng	TV	xã Đông Hoà	H. Đông Sơn			19° 54' 19"	105° 30' 00"	19° 44' 24"	105° 44' 42"	E-48-8-A-d
thôn 1	DC	xã Đông Hoàng	H. Đông Sơn	19° 50' 41"	105° 39' 29"					E-48-8-A-d
thôn 2	DC	xã Đông Hoàng	H. Đông Sơn	19° 50' 24"	105° 39' 40"					E-48-8-A-d
thôn 3	DC	xã Đông Hoàng	H. Đông Sơn	19° 50' 16"	105° 39' 36"					E-48-8-A-d
thôn 4	DC	xã Đông Hoàng	H. Đông Sơn	19° 50' 21"	105° 39' 29"					E-48-8-A-d
thôn 6	DC	xã Đông Hoàng	H. Đông Sơn	19° 50' 36"	105° 38' 58"					E-48-8-A-d
thôn 6	DC	xã Đông Hoàng	H. Đông Sơn	19° 50' 15"	105° 38' 58"					E-48-8-A-d
thôn 7	DC	xã Đông Hoàng	H. Đông Sơn	19° 49' 49"	105° 38' 49"					E-48-8-A-d
thôn 8	DC	xã Đông Hoàng	H. Đông Sơn	19° 49' 51"	105° 39' 11"					E-48-8-A-d
thôn 9	DC	xã Đông Hoàng	H. Đông Sơn	19° 49' 56"	105° 39' 34"					E-48-8-A-d
thôn 10	DC	xã Đông Hoàng	H. Đông Sơn	19° 49' 34"	105° 39' 34"					E-48-8-A-d
thôn 11	DC	xã Đông Hoàng	H. Đông Sơn	19° 49' 40"	105° 39' 36"					E-48-8-A-d
quốc lộ 47	KX	xã Đông Hoàng	H. Đông Sơn			19° 44' 00"	105° 53' 56"	19° 53' 38"	105° 24' 14"	E-48-8-A-d
cầu Đông Hoàng	KX	xã Đông Hoàng	H. Đông Sơn	19° 50' 07"	105° 39' 00"					E-48-8-A-d
Sông Hoàng	TV	xã Đông Hoàng	H. Đông Sơn			19° 54' 19"	105° 30' 00"	19° 44' 24"	105° 44' 42"	E-48-8-A-d
Hồ Rùn	TV	xã Đông Hoàng	H. Đông Sơn	19° 49' 59"	105° 39' 47"					E-48-8-A-d
Cầu Thiều	KX	xã Đông Hoàng	H. Đông Sơn	19° 50' 09"	105° 38' 46"					E-48-8-A-d
thôn 1	DC	xã Đông Khê	H. Đông Sơn	19° 49' 51"	105° 40' 23"					E-48-8-A-d
thôn 2	DC	xã Đông Khê	H. Đông Sơn	19° 50' 07"	105° 40' 21"					E-48-8-A-d
thôn 3	DC	xã Đông Khê	H. Đông Sơn	19° 50' 00"	105° 40' 30"					E-48-8-A-d
thôn 4	DC	xã Đông Khê	H. Đông Sơn	19° 50' 01"	105° 40' 41"					E-48-8-A-d
thôn 5	DC	xã Đông Khê	H. Đông Sơn	19° 50' 01"	105° 40' 44"					E-48-8-A-d
thôn 6	DC	xã Đông Khê	H. Đông Sơn	19° 50' 00"	105° 40' 52"					E-48-8-A-d
thôn 7	DC	xã Đông Khê	H. Đông Sơn	19° 49' 55"	105° 41' 10"					E-48-8-A-d
thôn 8	DC	xã Đông Khê	H. Đông Sơn	19° 49' 48"	105° 40' 55"					E-48-8-A-d
thôn 9	DC	xã Đông Khê	H. Đông Sơn	19° 49' 52"	105° 40' 52"					E-48-8-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
quốc lộ 47	KX	xã Đông Khê	H. Đông Sơn			19° 44' 00"	105° 53' 56"	19° 53' 36"	105° 24' 14"	E-48-8-A-d
Hồ Rùn	TV	xã Đông Khê	H. Đông Sơn	19° 49' 59"	105° 39' 47"					E-48-8-A-d
thôn 1	DC	xã Đông Minh	H. Đông Sơn	19° 49' 34"	105° 40' 56"					E-48-8-A-d
thôn 2	DC	xã Đông Minh	H. Đông Sơn	19° 49' 27"	105° 41' 06"					E-48-8-A-d
thôn 3	DC	xã Đông Minh	H. Đông Sơn	19° 49' 29"	105° 41' 11"					E-48-8-A-d
thôn 4	DC	xã Đông Minh	H. Đông Sơn	19° 49' 22"	105° 41' 21"					E-48-8-A-d
thôn 5	DC	xã Đông Minh	H. Đông Sơn	19° 49' 12"	105° 41' 26"					E-48-8-A-d
thôn 6	DC	xã Đông Minh	H. Đông Sơn	19° 49' 08"	105° 41' 32"					E-48-8-A-d
thôn 7	DC	xã Đông Minh	H. Đông Sơn	19° 48' 36"	105° 41' 39"					E-48-8-A-d
thôn 8	DC	xã Đông Minh	H. Đông Sơn	19° 48' 34"	105° 41' 46"					E-48-8-A-d
thôn 9	DC	xã Đông Minh	H. Đông Sơn	19° 48' 41"	105° 41' 49"					E-48-8-A-d
quốc lộ 47	KX	xã Đông Minh	H. Đông Sơn			19° 44' 00"	105° 53' 56"	19° 53' 36"	105° 24' 14"	E-48-8-A-d
thôn Cần Liêm	DC	xã Đông Nam	H. Đông Sơn	19° 44' 32"	105° 43' 31"					E-48-8-C-b
thôn Chính Kết	DC	xã Đông Nam	H. Đông Sơn	19° 44' 55"	105° 43' 27"					E-48-8-C-b
thôn Hạnh Phúc	DC	xã Đông Nam	H. Đông Sơn	19° 44' 46"	105° 42' 04"					E-48-8-C-b
XI nghiệp Mai Chữ	KX	xã Đông Nam	H. Đông Sơn	19° 44' 29"	105° 43' 37"					E-48-8-C-b
thôn Nam Thành	DC	xã Đông Nam	H. Đông Sơn	19° 45' 11"	105° 42' 52"					E-48-8-A-d
thôn Nam Vinh	DC	xã Đông Nam	H. Đông Sơn	19° 45' 04"	105° 42' 50"					E-48-8-A-d
sông Nhà Lê	TV	xã Đông Nam	H. Đông Sơn			19° 43' 58"	105° 42' 40"	19° 44' 24"	105° 44' 42"	E-48-8-C-b
Sông Hoàng	TV	xã Đông Nam	H. Đông Sơn			19° 54' 19"	106° 30' 00"	19° 44' 24"	105° 44' 42"	E-48-8-C-b
thôn Phú Yên	DC	xã Đông Nam	H. Đông Sơn	19° 44' 18"	105° 42' 54"					E-48-8-C-b
thôn Phúc Đoàn	DC	xã Đông Nam	H. Đông Sơn	19° 44' 48"	105° 42' 29"					E-48-8-C-b
núi Sơn Lương	SV	xã Đông Nam	H. Đông Sơn	19° 43' 59"	105° 41' 58"					E-48-8-C-b
thôn Tân Chính	DC	xã Đông Nam	H. Đông Sơn	19° 44' 37"	105° 43' 01"					E-48-8-C-b
núi Thung Chùa	SV	xã Đông Nam	H. Đông Sơn	19° 44' 49"	105° 41' 46"					E-48-8-C-b
thôn Xóm Cộng	DC	xã Đông Nam	H. Đông Sơn	19° 44' 19"	105° 42' 11"					E-48-8-C-b
thôn 1	DC	xã Đông Ninh	H. Đông Sơn	19° 49' 38"	105° 39' 56"					E-48-8-A-d
thôn 2	DC	xã Đông Ninh	H. Đông Sơn	19° 49' 35"	105° 40' 05"					E-48-8-A-d
thôn 3	DC	xã Đông Ninh	H. Đông Sơn	19° 49' 36"	105° 40' 09"					E-48-8-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phut,giây)	(Độ,phut,giay)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn 4	DC	xã Đông Ninh	H. Đông Sơn	19° 49' 33"	105° 40' 14"					E-48-8-A-d
thôn 5	DC	xã Đông Ninh	H. Đông Sơn	19° 49' 18"	105° 40' 25"					E-48-8-A-d
thôn 6	DC	xã Đông Ninh	H. Đông Sơn	19° 49' 12"	105° 40' 30"					E-48-8-A-d
thôn 7	DC	xã Đông Ninh	H. Đông Sơn	19° 48' 50"	105° 40' 04"					E-48-8-A-d
thôn 8	DC	xã Đông Ninh	H. Đông Sơn	19° 48' 47"	105° 39' 58"					E-48-8-A-d
thôn 9	DC	xã Đông Ninh	H. Đông Sơn	19° 48' 53"	105° 39' 50"					E-48-8-A-d
thôn 10	DC	xã Đông Ninh	H. Đông Sơn	19° 48' 44"	105° 39' 38"					E-48-8-A-d
thôn 11	DC	xã Đông Ninh	H. Đông Sơn	19° 48' 30"	105° 39' 43"					E-48-8-A-d
quốc lộ 47	KX	xã Đông Ninh	H. Đông Sơn			19° 44' 00"	105° 53' 56"	19° 53' 35"	105° 24' 14"	E-48-8-A-d
Sông Hoàng	TV	xã Đông Ninh	H. Đông Sơn			19° 54' 19"	105° 30' 00"	19° 44' 24"	105° 44' 42"	E-48-8-A-d
thôn Phú Chẩn	DC	xã Đông Ninh	H. Đông Sơn	19° 47' 52"	105° 39' 47"					E-48-8-A-d
thôn Bái Vượng	DC	xã Đông Phú	H. Đông Sơn	19° 45' 33"	105° 42' 43"					E-48-8-A-d
thôn Chiếu Thượng	DC	xã Đông Phú	H. Đông Sơn	19° 46' 18"	105° 43' 30"					E-48-8-A-d
thôn Đội Trung	DC	xã Đông Phú	H. Đông Sơn	19° 45' 47"	105° 43' 34"					E-48-8-A-d
thôn Hoàng Lạp	DC	xã Đông Phú	H. Đông Sơn	19° 46' 45"	105° 42' 18"					E-48-8-A-d
thôn Hoàng Mậu	DC	xã Đông Phú	H. Đông Sơn	19° 46' 12"	105° 42' 29"					E-48-8-A-d
thôn Phú Bật	DC	xã Đông Phú	H. Đông Sơn	19° 45' 37"	105° 43' 18"					E-48-8-A-d
thôn Văn Khôi	DC	xã Đông Phú	H. Đông Sơn	19° 46' 14"	105° 42' 47"					E-48-8-A-d
thôn 1 Đức Thắng	DC	xã Đông Quang	H. Đông Sơn	19° 45' 45"	105° 43' 52"					E-48-8-A-d
thôn 1 Quang Vinh	DC	xã Đông Quang	H. Đông Sơn	19° 45' 45"	105° 44' 46"					E-48-8-A-d
thôn 2 Đức Thắng	DC	xã Đông Quang	H. Đông Sơn	19° 45' 27"	105° 43' 55"					E-48-8-A-d
thôn 2 Quang Vinh	DC	xã Đông Quang	H. Đông Sơn	19° 45' 58"	105° 44' 46"					E-48-8-A-d
thôn 3 Đức Thắng	DC	xã Đông Quang	H. Đông Sơn	19° 45' 33"	105° 44' 02"					E-48-8-A-d
thôn 3 Quang Vinh	DC	xã Đông Quang	H. Đông Sơn	19° 45' 00"	105° 44' 33"					E-48-8-A-d
thôn 4 Đức Thắng	DC	xã Đông Quang	H. Đông Sơn	19° 45' 30"	105° 44' 06"					E-48-8-A-d
thôn 4 Quang Vinh	DC	xã Đông Quang	H. Đông Sơn	19° 45' 55"	105° 44' 38"					E-48-8-A-d
thôn 5 Quang Vinh	DC	xã Đông Quang	H. Đông Sơn	19° 45' 53"	105° 44' 33"					E-48-8-A-d
thôn 6 Quang Vinh	DC	xã Đông Quang	H. Đông Sơn	19° 45' 55"	105° 44' 28"					E-48-8-A-d
thôn 7 Quang Vinh	DC	xã Đông Quang	H. Đông Sơn	19° 45' 50"	105° 44' 20"					E-48-8-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phân hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ tương tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phut,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phut,giây)	(Độ,phut,giây)	
thôn Minh Thành	DC	xã Đông Quang	H. Đông Sơn	19° 45' 14"	105° 44' 28"					E-48-8-A-d
thôn 1	DC	xã Đông Thanh	H. Đông Sơn	19° 51' 14"	105° 41' 23"					E-48-8-A-d
thôn 2	DC	xã Đông Thanh	H. Đông Sơn	19° 51' 09"	105° 41' 35"					E-48-8-A-d
thôn 3	DC	xã Đông Thanh	H. Đông Sơn	19° 51' 00"	105° 41' 46"					E-48-8-A-d
thôn 4	DC	xã Đông Thanh	H. Đông Sơn	19° 50' 55"	105° 42' 02"					E-48-8-A-d
thôn 5	DC	xã Đông Thanh	H. Đông Sơn	19° 50' 52"	105° 41' 53"					E-48-8-A-d
thôn 6	DC	xã Đông Thanh	H. Đông Sơn	19° 50' 49"	105° 42' 00"					E-48-8-A-d
thôn 7	DC	xã Đông Thanh	H. Đông Sơn	19° 50' 58"	105° 41' 33"					E-48-8-A-d
thôn 8	DC	xã Đông Thanh	H. Đông Sơn	19° 50' 50"	105° 41' 39"					E-48-8-A-d
thôn 9	DC	xã Đông Thanh	H. Đông Sơn	19° 50' 43"	105° 41' 41"					E-48-8-A-d
thôn 10	DC	xã Đông Thanh	H. Đông Sơn	19° 50' 35"	105° 41' 20"					E-48-8-A-d
thôn 11	DC	xã Đông Thanh	H. Đông Sơn	19° 50' 10"	105° 41' 46"					E-48-8-A-d
thôn 12	DC	xã Đông Thanh	H. Đông Sơn	19° 50' 57"	105° 41' 42"					E-48-8-A-d
quốc lộ 45	KX	xã Đông Thanh	H. Đông Sơn			20° 10' 25"	105° 46' 47"	19° 48' 05"	105° 26' 03"	E-48-8-A-d
sông Nhà Lê	TV	xã Đông Thanh	H. Đông Sơn			19° 51' 19"	105° 40' 40"	19° 47' 53"	105° 47' 13"	E-48-8-A-d
sông Năng Giang	TV	xã Đông Thanh	H. Đông Sơn			19° 53' 46"	105° 22' 38"	19° 50' 04"	105° 42' 15"	E-48-8-A-d
thôn 1	DC	xã Đông Thịnh	H. Đông Sơn	19° 48' 08"	105° 43' 48"					E-48-8-A-d
thôn 2	DC	xã Đông Thịnh	H. Đông Sơn	19° 48' 11"	105° 43' 41"					E-48-8-A-d
thôn 3	DC	xã Đông Thịnh	H. Đông Sơn	19° 48' 33"	105° 43' 12"					E-48-8-A-d
thôn 4	DC	xã Đông Thịnh	H. Đông Sơn	19° 48' 40"	105° 43' 11"					E-48-8-A-d
thôn 5	DC	xã Đông Thịnh	H. Đông Sơn	19° 48' 43"	105° 43' 08"					E-48-8-A-d
thôn 6	DC	xã Đông Thịnh	H. Đông Sơn	19° 48' 37"	105° 42' 57"					E-48-8-A-d
thôn 7	DC	xã Đông Thịnh	H. Đông Sơn	19° 48' 33"	105° 42' 55"					E-48-8-A-d
thôn 8	DC	xã Đông Thịnh	H. Đông Sơn	19° 48' 30"	105° 43' 00"					E-48-8-A-d
thôn 9	DC	xã Đông Thịnh	H. Đông Sơn	19° 48' 19"	105° 43' 01"					E-48-8-A-d
thôn 10	DC	xã Đông Thịnh	H. Đông Sơn	19° 48' 09"	105° 43' 05"					E-48-8-A-d
quốc lộ 45	KX	xã Đông Tiến	H. Đông Sơn			20° 10' 25"	105° 46' 47"	19° 48' 05"	105° 26' 03"	E-48-8-A-d
thôn Đại Đồng	DC	xã Đông Tiến	H. Đông Sơn	19° 49' 43"	105° 42' 18"					E-48-8-A-d
thôn Hiệp Khởi	DC	xã Đông Tiến	H. Đông Sơn	19° 49' 57"	105° 43' 01"					E-48-8-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phut,giây)	(Độ,phut,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Kim Sơn	DC	xã Đông Tiến	H. Đông Sơn	19° 48' 43"	105° 43' 05"					E-48-8-A-d
sông Nhà Lê	TV	xã Đông Tiến	H. Đông Sơn			19° 51' 19"	105° 40' 40"	19° 47' 53"	105° 47' 13"	E-48-8-A-d
thôn Nhuận Thạch	DC	xã Đông Tiến	H. Đông Sơn	19° 50' 43"	105° 42' 39"					E-48-8-A-d
sông Nông Giang	TV	xã Đông Tiến	H. Đông Sơn			19° 53' 46"	105° 22' 38"	19° 50' 04"	105° 42' 15"	E-48-8-A-d
thôn Toán Tân	DC	xã Đông Tiến	H. Đông Sơn	19° 49' 26"	105° 42' 58"					E-48-8-A-d
thôn Triệu Tiến	DC	xã Đông Tiến	H. Đông Sơn	19° 50' 24"	105° 42' 40"					E-48-8-A-d
thôn Triệu Xá 1	DC	xã Đông Tiến	H. Đông Sơn	19° 50' 18"	105° 42' 20"					E-48-8-A-d
thôn Triệu Xá 2	DC	xã Đông Tiến	H. Đông Sơn	19° 50' 38"	105° 42' 16"					E-48-8-A-d
thôn Văn Bắc	DC	xã Đông Văn	H. Đông Sơn	19° 47' 25"	105° 43' 06"					E-48-8-A-d
thôn Văn Châu	DC	xã Đông Văn	H. Đông Sơn	19° 46' 40"	105° 43' 48"					E-48-8-A-d
thôn Văn Đoài	DC	xã Đông Văn	H. Đông Sơn	19° 46' 44"	105° 42' 36"					E-48-8-A-d
thôn Văn Nam	DC	xã Đông Văn	H. Đông Sơn	19° 46' 58"	105° 43' 23"					E-48-8-A-d
thôn Văn Thắng	DC	xã Đông Văn	H. Đông Sơn	19° 46' 44"	105° 43' 30"					E-48-8-A-d
thôn Văn Thịnh	DC	xã Đông Văn	H. Đông Sơn	19° 47' 28"	105° 43' 37"					E-48-8-A-d
thôn Văn Trung	DC	xã Đông Văn	H. Đông Sơn	19° 47' 11"	105° 43' 14"					E-48-8-A-d
quốc lộ 45	KX	xã Đông Xuân	H. Đông Sơn			20° 10' 25"	105° 46' 47"	19° 48' 05"	105° 28' 03"	E-48-8-A-d
quốc lộ 47	KX	xã Đông Xuân	H. Đông Sơn			19° 44' 00"	105° 53' 56"	19° 53' 36"	105° 24' 14"	E-48-8-A-d
thôn Cáo Thôn	DC	xã Đông Xuân	H. Đông Sơn	19° 49' 08"	105° 43' 41"					E-48-8-A-d
sông Nhà Lê	TV	xã Đông Xuân	H. Đông Sơn			19° 51' 19"	105° 40' 40"	19° 47' 53"	105° 47' 13"	E-48-8-A-d
thôn Nhuệ Sâm	DC	xã Đông Xuân	H. Đông Sơn	19° 49' 01"	105° 42' 59"					E-48-8-A-d
sông Nông Giang	TV	xã Đông Xuân	H. Đông Sơn			19° 53' 46"	105° 22' 38"	19° 50' 04"	105° 42' 15"	E-48-8-A-d
thôn Phúc Hậu	DC	xã Đông Xuân	H. Đông Sơn	19° 49' 03"	105° 43' 21"					E-48-8-A-d
thôn Xuân Lưu	DC	xã Đông Xuân	H. Đông Sơn	19° 48' 57"	105° 43' 30"					E-48-8-A-d
Cầu Đanh	KX	xã Đông Yên	H. Đông Sơn	19° 48' 07"	105° 42' 32"					E-48-8-A-d
thôn Yên Bằng	DC	xã Đông Yên	H. Đông Sơn	19° 47' 40"	105° 42' 16"					E-48-8-A-d
thôn Yên Cầm 1	DC	xã Đông Yên	H. Đông Sơn	19° 47' 47"	105° 41' 58"					E-48-8-A-d
thôn Yên Cầm 2	DC	xã Đông Yên	H. Đông Sơn	19° 47' 40"	105° 42' 04"					E-48-8-A-d
thôn Yên Doãn 1	DC	xã Đông Yên	H. Đông Sơn	19° 48' 03"	105° 42' 11"					E-48-8-A-d
thôn Yên Doãn 2	DC	xã Đông Yên	H. Đông Sơn	19° 48' 04"	105° 42' 25"					E-48-8-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Yên Thành	DC	xã Đông Yên	H. Đông Sơn	19° 47' 02"	105° 41' 53"					E-48-8-A-d
thôn Yên Trường	DC	xã Đông Yên	H. Đông Sơn	19° 47' 40"	105° 42' 32"					E-48-8-A-d
quốc lộ 1A	KX	TT. Hà Trung	H. Hà Trung			20° 08' 01"	105° 51' 32"	19° 18' 42"	105° 43' 16"	E-48-8-B-a, F-48-92-D-c
tiểu khu 1	DC	TT. Hà Trung	H. Hà Trung	19° 58' 54"	105° 50' 23"					F-48-92-D-c
tiểu khu 2	DC	TT. Hà Trung	H. Hà Trung	19° 58' 55"	105° 50' 40"					E-48-8-B-a
tiểu khu 3	DC	TT. Hà Trung	H. Hà Trung	19° 59' 05"	105° 50' 36"					F-48-92-D-c
tiểu khu 4	DC	TT. Hà Trung	H. Hà Trung	19° 59' 45"	105° 50' 31"					F-48-92-D-c
tiểu khu 5	DC	TT. Hà Trung	H. Hà Trung	20° 00' 37"	105° 50' 59"					F-48-92-D-c
tiểu khu 6	DC	TT. Hà Trung	H. Hà Trung	20° 01' 01"	105° 50' 55"					F-48-92-D-c
quốc lộ 217	KX	TT. Hà Trung	H. Hà Trung			19° 59' 42"	105° 50' 35"	20° 17' 51"	104° 37' 12"	E-48-8-B-a
đường tỉnh 508	KX	TT. Hà Trung	H. Hà Trung			20° 00' 29"	105° 50' 53"	19° 59' 44"	105° 57' 50"	F-48-92-D-c
cầu Cai Tit	KX	TT. Hà Trung	H. Hà Trung	20° 00' 47"	105° 51' 01"					F-48-92-D-c
sông Chiếu Bạch	TV	TT. Hà Trung	H. Hà Trung			20° 02' 51"	105° 50' 40"	19° 58' 07"	105° 51' 43"	F-48-92-D-c,
mương Chính Phủ	TV	TT. Hà Trung	H. Hà Trung			19° 56' 06"	105° 50' 31"	19° 59' 48"	105° 47' 13"	E-48-8-B-a
ga Bỏ Lèn	KX	TT. Hà Trung	H. Hà Trung	19° 59' 18"	105° 50' 33"					E-48-8-B-a
Chợ Gáo	KX	TT. Hà Trung	H. Hà Trung	20° 00' 26"	105° 51' 04"					F-48-92-D-c
Cầu Lèn	KX	TT. Hà Trung	H. Hà Trung	19° 58' 49"	105° 50' 31"					E-48-8-B-a
Sông Lèn	TV	TT. Hà Trung	H. Hà Trung			19° 57' 31"	105° 45' 38"	19° 57' 07"	106° 00' 04"	F-48-92-D-c, E-48-8-B-a
đường tỉnh 522	KX	xã Hà Bắc	H. Hà Trung			20° 04' 03"	106° 51' 00"	20° 12' 37"	105° 36' 50"	F-48-92-D-c
thôn Bắc Giang	DC	xã Hà Bắc	H. Hà Trung	20° 03' 01"	105° 49' 36"					F-48-92-D-c
thôn Bắc Sơn	DC	xã Hà Bắc	H. Hà Trung	20° 04' 44"	105° 49' 26"					F-48-92-D-c
đồi Đá Sơn	SV	xã Hà Bắc	H. Hà Trung	20° 03' 58"	105° 49' 07"					F-48-92-D-c
thôn Đá Sơn	DC	xã Hà Bắc	H. Hà Trung	20° 03' 42"	105° 49' 12"					F-48-92-D-c
Sông Hoạt	TV	xã Hà Bắc	H. Hà Trung			20° 04' 39"	105° 46' 51"	20° 02' 21"	105° 54' 29"	F-48-92-D-c
cầu Long Khê	KX	xã Hà Bắc	H. Hà Trung	20° 04' 46"	105° 49' 19"					F-48-92-D-c
sông Long Khê	TV	xã Hà Bắc	H. Hà Trung			20° 05' 26"	105° 49' 01"	20° 04' 32"	105° 49' 24"	F-48-92-D-c
thôn Song Ngà	DC	xã Hà Bắc	H. Hà Trung	20° 03' 20"	105° 49' 30"					F-48-92-D-c
sông Tống Giang	TV	xã Hà Bắc	H. Hà Trung			20° 04' 22"	105° 49' 36"	20° 02' 52"	105° 51' 04"	F-48-92-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
đồi Trạng Sơn	SV	xã Hà Bắc	H. Hà Trung	20° 04' 05"	105° 49' 29"					F-48-92-D-c
thôn Trạng Sơn	DC	xã Hà Bắc	H. Hà Trung	20° 03' 52"	105° 49' 23"					F-48-92-D-c
quốc lộ 1A	KX	xã Hà Bình	H. Hà Trung			20° 08' 01"	105° 51' 32"	19° 18' 42"	105° 43' 16"	F-48-92-D-c
thôn Thinh Thôn	DC	xã Hà Bình	H. Hà Trung	20° 01' 43"	105° 50' 53"					F-48-92-D-c
sông Chiếu Bạch	TV	xã Hà Bình	H. Hà Trung			20° 02' 51"	105° 50' 40"	19° 59' 07"	105° 51' 43"	F-48-92-D-c
thôn Đông Trung 1	DC	xã Hà Bình	H. Hà Trung	20° 01' 39"	105° 50' 18"					F-48-92-D-c
thôn Đông Trung 2	DC	xã Hà Bình	H. Hà Trung	20° 01' 55"	105° 49' 59"					F-48-92-D-c
thôn Đông Trung 3	DC	xã Hà Bình	H. Hà Trung	20° 01' 59"	105° 49' 51"					F-48-92-D-c
thôn Đông Trung 4	DC	xã Hà Bình	H. Hà Trung	20° 02' 04"	105° 49' 48"					F-48-92-D-c
núi Hoàng Sơn	SV	xã Hà Bình	H. Hà Trung	20° 02' 10"	105° 51' 07"					F-48-92-D-c
thôn Ngọc Sơn	DC	xã Hà Bình	H. Hà Trung	20° 01' 01"	105° 50' 06"					F-48-92-D-c
thôn Nhân Lý	DC	xã Hà Bình	H. Hà Trung	20° 01' 01"	105° 51' 07"					F-48-92-D-c
thôn Nội Thượng	DC	xã Hà Bình	H. Hà Trung	20° 01' 24"	105° 50' 45"					F-48-92-D-c
núi Ông Voi	SV	xã Hà Bình	H. Hà Trung	20° 01' 09"	105° 50' 43"					F-48-92-D-c
thôn Phú Vinh	DC	xã Hà Bình	H. Hà Trung	20° 01' 56"	105° 50' 56"					F-48-92-D-c
Đồi Thông	SV	xã Hà Bình	H. Hà Trung	20° 01' 16"	105° 49' 16"					F-48-92-D-c
Núi Trắng	SV	xã Hà Bình	H. Hà Trung	20° 00' 41"	105° 49' 56"					F-48-92-D-c
thôn Xuân Áng	DC	xã Hà Bình	H. Hà Trung	20° 01' 34"	105° 50' 46"					F-48-92-D-c
thôn Xuân Sơn	DC	xã Hà Bình	H. Hà Trung	20° 01' 24"	105° 51' 29"					F-48-92-D-c
thôn 1	DC	xã Hà Châu	H. Hà Trung	20° 01' 45"	105° 54' 27"					F-48-92-D-d
thôn 2	DC	xã Hà Châu	H. Hà Trung	20° 01' 44"	105° 53' 58"					F-48-92-D-d
thôn 3	DC	xã Hà Châu	H. Hà Trung	20° 01' 15"	105° 53' 58"					F-48-92-D-d
thôn 4	DC	xã Hà Châu	H. Hà Trung	20° 01' 14"	105° 53' 52"					F-48-92-D-d
thôn 5	DC	xã Hà Châu	H. Hà Trung	20° 01' 07"	105° 54' 12"					F-48-92-D-d
thôn 6	DC	xã Hà Châu	H. Hà Trung	20° 00' 56"	105° 54' 22"					F-48-92-D-d
thôn 7	DC	xã Hà Châu	H. Hà Trung	20° 00' 54"	105° 54' 21"					F-48-92-D-d
thôn 8	DC	xã Hà Châu	H. Hà Trung	20° 00' 50"	105° 54' 18"					F-48-92-D-d
thôn 9	DC	xã Hà Châu	H. Hà Trung	20° 00' 48"	105° 54' 14"					F-48-92-D-d
thôn 10	DC	xã Hà Châu	H. Hà Trung	20° 01' 01"	105° 54' 00"					F-48-92-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Núi Chùa	SV	xã Hà Châu	H. Hà Trung	20° 01' 28"	105° 53' 21"					F-48-92-D-d
cầu Hà Thanh	KX	xã Hà Châu	H. Hà Trung	20° 02' 19"	105° 53' 56"					F-48-92-D-d
Sông Hoạt	TV	xã Hà Châu	H. Hà Trung			20° 04' 39"	105° 46' 51"	20° 02' 21"	105° 54' 29"	F-48-92-D-d
quốc lộ 217	KX	xã Hà Đông	H. Hà Trung			19° 59' 42"	105° 50' 35"	20° 17' 51"	104° 37' 12"	E-48-8-B-a
mương Chính Phủ	TV	xã Hà Đông	H. Hà Trung			19° 59' 08"	105° 50' 31"	19° 59' 48"	105° 47' 13"	E-48-8-B-a
cầu Hà Đông	KX	xã Hà Đông	H. Hà Trung	19° 59' 35"	105° 48' 38"					E-48-8-B-a
thôn Kim Hưng	DC	xã Hà Đông	H. Hà Trung	19° 59' 57"	105° 49' 37"					E-48-8-B-a
thôn Kim Môn	DC	xã Hà Đông	H. Hà Trung	19° 59' 12"	105° 48' 04"					E-48-8-B-a
thôn Kim Phát	DC	xã Hà Đông	H. Hà Trung	19° 59' 60"	105° 49' 05"					E-48-8-B-a
thôn Kim Sơn	DC	xã Hà Đông	H. Hà Trung	19° 58' 26"	105° 48' 07"					E-48-8-B-a
thôn Kim Thành	DC	xã Hà Đông	H. Hà Trung	19° 59' 00"	105° 48' 58"					E-48-8-B-a
thôn Kim Tiến	DC	xã Hà Đông	H. Hà Trung	19° 59' 60"	105° 48' 47"					E-48-8-B-a
Núi Lèn	SV	xã Hà Đông	H. Hà Trung	19° 59' 00"	105° 48' 04"					E-48-8-B-a
Chùa Mau	KX	xã Hà Đông	H. Hà Trung	19° 58' 49"	105° 49' 06"					E-48-8-B-a
thôn Núi Gà	DC	xã Hà Đông	H. Hà Trung	19° 59' 38"	105° 49' 27"					E-48-8-B-a
núi Quặng Kưu	SV	xã Hà Đông	H. Hà Trung	19° 58' 29"	105° 48' 47"					E-48-8-B-a
núi Trung Trinh	SV	xã Hà Đông	H. Hà Trung	20° 00' 11"	105° 49' 48"					F-48-92-D-c
quốc lộ 1A	KX	xã Hà Dương	H. Hà Trung			20° 06' 01"	105° 51' 32"	19° 18' 42"	105° 43' 16"	F-48-92-D-c
thôn Cao Lũng	DC	xã Hà Dương	H. Hà Trung	20° 02' 51"	105° 50' 53"					F-48-92-D-c
sông Chiếu Bạch	TV	xã Hà Dương	H. Hà Trung			20° 02' 51"	105° 50' 40"	19° 59' 07"	105° 51' 43"	F-48-92-D-c
Cầu Cừ	KX	xã Hà Dương	H. Hà Trung	20° 02' 52"	105° 50' 39"					F-48-92-D-c
thôn Đoài Thôn	DC	xã Hà Dương	H. Hà Trung	20° 03' 00"	105° 50' 46"					F-48-92-D-c
thôn Đông Thôn	DC	xã Hà Dương	H. Hà Trung	20° 02' 50"	105° 51' 14"					F-48-92-D-c
cầu Hà Dương	KX	xã Hà Dương	H. Hà Trung	20° 02' 53"	105° 51' 05"					F-48-92-D-c
núi Hoàng Sơn	SV	xã Hà Dương	H. Hà Trung	20° 02' 10"	105° 51' 07"					F-48-92-D-c
Sông Hoạt	TV	xã Hà Dương	H. Hà Trung			20° 04' 39"	105° 46' 51"	20° 02' 21"	105° 54' 29"	F-48-92-D-c
thôn Thổ Khối	DC	xã Hà Dương	H. Hà Trung	20° 03' 09"	105° 51' 11"					F-48-92-D-c
cầu Tống Giang	KX	xã Hà Dương	H. Hà Trung	20° 03' 31"	105° 50' 50"					F-48-92-D-c
sông Tống Giang	TV	xã Hà Dương	H. Hà Trung			20° 04' 22"	105° 49' 36"	20° 02' 52"	105° 51' 04"	F-48-92-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
đền Trần Hưng Đạo	KX	xã Hà Dương	H. Hà Trung	20° 03' 12"	105° 51' 10"					F-48-92-D-c
thôn 1	DC	xã Hà Giang	H. Hà Trung	20° 03' 51"	105° 48' 40"					F-48-92-D-c
thôn 5	DC	xã Hà Giang	H. Hà Trung	20° 04' 12"	105° 47' 46"					F-48-92-D-c
thôn 6	DC	xã Hà Giang	H. Hà Trung	20° 04' 40"	105° 47' 02"					F-48-92-D-c
đồi Cao Các	SV	xã Hà Giang	H. Hà Trung	20° 04' 53"	105° 46' 45"					F-48-92-D-c
Sông Hoạt	TV	xã Hà Giang	H. Hà Trung			20° 04' 39"	105° 48' 51"	20° 02' 21"	105° 54' 29"	F-48-92-D-c
thôn Quan Chiêm 1	DC	xã Hà Giang	H. Hà Trung	20° 04' 02"	105° 48' 09"					F-48-92-D-c
thôn Quan Chiêm 2	DC	xã Hà Giang	H. Hà Trung	20° 04' 02"	105° 48' 09"					F-48-92-D-c
thôn Quan Chiêm 3	DC	xã Hà Giang	H. Hà Trung	20° 04' 15"	105° 48' 11"					F-48-92-D-c
thôn Quan Chiêm 4	DC	xã Hà Giang	H. Hà Trung	20° 04' 31"	105° 48' 05"					F-48-92-D-c
suối Vạn Bảo	TV	xã Hà Giang	H. Hà Trung			20° 06' 28"	105° 46' 44"	20° 04' 39"	105° 46' 51"	F-48-92-D-c
đường tỉnh 508	KX	xã Hà Hải	H. Hà Trung			20° 00' 29"	105° 50' 53"	19° 59' 44"	105° 57' 50"	E-48-8-B-b
cầu Bảo Văn	KX	xã Hà Hải	H. Hà Trung	19° 59' 03"	105° 55' 18"					E-48-8-B-b
thôn Đông Quang	DC	xã Hà Hải	H. Hà Trung	20° 00' 00"	105° 54' 36"					F-48-92-D-d
Sông Hoạt	TV	xã Hà Hải	H. Hà Trung			20° 03' 40"	106° 01' 30"	19° 58' 20"	105° 55' 15"	E-48-8-B-b, F-48-92-D-d
thôn Nam Thôn	DC	xã Hà Hải	H. Hà Trung	19° 59' 25"	105° 54' 32"					E-48-8-B-b
xóm Ngư Hải	DC	xã Hà Hải	H. Hà Trung	20° 00' 14"	105° 54' 37"					F-48-92-D-d
thôn Như Lăng	DC	xã Hà Hải	H. Hà Trung	19° 59' 47"	105° 54' 47"					E-48-8-B-b
thôn Thạch Quật 1	DC	xã Hà Hải	H. Hà Trung	19° 58' 56"	105° 54' 50"					E-48-8-B-b
thôn Thạch Quật 2	DC	xã Hà Hải	H. Hà Trung	19° 59' 17"	105° 54' 43"					E-48-8-B-b
thôn Tùng Thi	DC	xã Hà Hải	H. Hà Trung	19° 59' 49"	105° 54' 05"					E-48-8-B-b
thôn Yên Đò	DC	xã Hà Hải	H. Hà Trung	20° 00' 04"	105° 54' 40"					F-48-92-D-d
thôn Yên Thôn	DC	xã Hà Hải	H. Hà Trung	19° 59' 48"	105° 54' 14"					E-48-8-B-b
thôn 1	DC	xã Hà Lai	H. Hà Trung	20° 00' 59"	105° 52' 18"					F-48-92-D-c
thôn 2	DC	xã Hà Lai	H. Hà Trung	20° 01' 14"	105° 52' 19"					F-48-92-D-c
thôn 3	DC	xã Hà Lai	H. Hà Trung	20° 01' 34"	105° 52' 41"					F-48-92-D
thôn 4	DC	xã Hà Lai	H. Hà Trung	20° 01' 36"	105° 52' 52"					F-48
thôn 5	DC	xã Hà Lai	H. Hà Trung	20° 01' 30"	105° 53' 02"					

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn 6	DC	xã Hà Lai	H. Hà Trung	20° 01' 53"	105° 53' 06"					F-48-92-D-d
thôn 7	DC	xã Hà Lai	H. Hà Trung	20° 01' 59"	105° 53' 11"					F-48-92-D-d
thôn 8	DC	xã Hà Lai	H. Hà Trung	20° 01' 46"	105° 52' 35"					F-48-92-D-d
núi Bờ Rộng	SV	xã Hà Lai	H. Hà Trung	20° 01' 36"	105° 52' 30"					F-48-92-D-c
Núi Chúa	SV	xã Hà Lai	H. Hà Trung	20° 01' 28"	105° 53' 21"					F-48-92-D-d
hồ Con Nhạn	TV	xã Hà Lai	H. Hà Trung	20° 00' 57"	105° 51' 40"					F-48-92-D-c
Sông Hoạt	TV	xã Hà Lai	H. Hà Trung			20° 04' 39"	105° 48' 51"	20° 02' 21"	105° 54' 29"	F-48-92-D-d, F-48-92-D-c
núi Rừng Dè	SV	xã Hà Lai	H. Hà Trung	20° 00' 35"	105° 51' 40"					F-48-92-D-c
thôn 1	DC	xã Hà Lâm	H. Hà Trung	19° 58' 51"	105° 51' 30"					E-48-8-B-a
thôn 2	DC	xã Hà Lâm	H. Hà Trung	19° 58' 50"	105° 51' 41"					E-48-8-B-a
thôn 3	DC	xã Hà Lâm	H. Hà Trung	19° 59' 00"	105° 51' 40"					E-48-8-B-a
thôn 4	DC	xã Hà Lâm	H. Hà Trung	19° 58' 58"	105° 51' 29"					E-48-8-B-a
thôn 5	DC	xã Hà Lâm	H. Hà Trung	19° 58' 50"	105° 52' 48"					E-48-8-B-a
thôn 6	DC	xã Hà Lâm	H. Hà Trung	19° 59' 17"	105° 52' 50"					E-48-8-B-a
thôn 7	DC	xã Hà Lâm	H. Hà Trung	19° 59' 32"	105° 52' 27"					E-48-8-B-a
thôn 8	DC	xã Hà Lâm	H. Hà Trung	19° 59' 56"	105° 52' 04"					F-48-92-D-c
đường tỉnh 508	KX	xã Hà Lâm	H. Hà Trung			20° 00' 29"	105° 50' 53"	19° 59' 44"	105° 57' 50"	E-48-8-B-b, E-48-8-B-a, F-48-92-D-c
Sông Lèn	TV	xã Hà Lâm	H. Hà Trung			19° 57' 31"	105° 45' 38"	19° 57' 07"	105° 00' 04"	E-48-8-B-a, E-48-8-B-b
núi Răng Hạc	SV	xã Hà Lâm	H. Hà Trung	19° 59' 32"	105° 52' 59"					E-48-8-B-b
thôn 1	DC	xã Hà Lĩnh	H. Hà Trung	19° 58' 56"	105° 45' 11"					E-48-8-B-a
thôn 2	DC	xã Hà Lĩnh	H. Hà Trung	19° 59' 51"	105° 45' 28"					E-48-8-B-a
thôn 3	DC	xã Hà Lĩnh	H. Hà Trung	19° 59' 43"	105° 46' 16"					E-48-8-B-a
thôn 4	DC	xã Hà Lĩnh	H. Hà Trung	19° 59' 23"	105° 45' 47"					E-48-8-B-a
thôn 5	DC	xã Hà Lĩnh	H. Hà Trung	19° 59' 50"	105° 45' 52"					E-48-8-B-a
thôn 6	DC	xã Hà Lĩnh	H. Hà Trung	19° 59' 54"	105° 46' 00"					E-48-8-B-a
thôn 7	DC	xã Hà Lĩnh	H. Hà Trung	19° 59' 49"	105° 46' 20"					E-48-8-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn 8	DC	xã Hà Lĩnh	H. Hà Trung	19° 59' 45"	105° 46' 22"					E-48-8-B-a
thôn 9	DC	xã Hà Lĩnh	H. Hà Trung	19° 58' 53"	105° 46' 23"					E-48-8-B-a
thôn 10	DC	xã Hà Lĩnh	H. Hà Trung	19° 59' 52"	105° 46' 11"					E-48-8-B-a
thôn 11	DC	xã Hà Lĩnh	H. Hà Trung	19° 59' 53"	105° 47' 03"					E-48-8-B-a
thôn 12	DC	xã Hà Lĩnh	H. Hà Trung	20° 00' 51"	105° 46' 39"					F-48-92-D-c
thôn 13	DC	xã Hà Lĩnh	H. Hà Trung	20° 01' 02"	105° 47' 03"					F-48-92-D-c
thôn 14	DC	xã Hà Lĩnh	H. Hà Trung	20° 01' 20"	105° 47' 42"					F-48-92-D-c
thôn 15	DC	xã Hà Lĩnh	H. Hà Trung	20° 01' 20"	105° 46' 15"					F-48-92-D-c
quốc lộ 217	KX	xã Hà Lĩnh	H. Hà Trung			19° 59' 42"	105° 50' 35"	20° 17' 51"	104° 37' 12"	E-48-8-B-a, F-48-92-C-d, E-48-8-A-b
núi Ác Sơn	SV	xã Hà Lĩnh	H. Hà Trung	19° 58' 57"	105° 45' 20"					E-48-8-A-b
núi Bảo Sơn	SV	xã Hà Lĩnh	H. Hà Trung	20° 02' 00"	105° 45' 29"					F-48-92-D-c
sông Bòng Khê	TV	xã Hà Lĩnh	H. Hà Trung			19° 58' 44"	105° 46' 16"	20° 00' 55"	105° 46' 05"	F-48-92-D-c
Đập Cầu	KX	xã Hà Lĩnh	H. Hà Trung	20° 01' 18"	105° 47' 26"					F-48-92-D-c
mương Chính Phủ	TV	xã Hà Lĩnh	H. Hà Trung			19° 59' 08"	105° 50' 31"	19° 59' 48"	105° 47' 13"	E-48-8-B-a
cầu Hà Lĩnh	KX	xã Hà Lĩnh	H. Hà Trung	19° 59' 59"	105° 45' 55"					E-48-8-B-a
Núi Lớn	SV	xã Hà Lĩnh	H. Hà Trung	19° 59' 18"	105° 44' 49"					E-48-8-A-b
Khe Mỏi	TV	xã Hà Lĩnh	H. Hà Trung			20° 02' 02"	105° 45' 58"	20° 01' 04"	105° 46' 39"	F-48-92-D-c
Đập Ngay	KX	xã Hà Lĩnh	H. Hà Trung	20° 00' 32"	105° 46' 50"					F-48-92-D-c
núi Ngọc Sơn	SV	xã Hà Lĩnh	H. Hà Trung	19° 59' 06"	105° 47' 13"					E-48-8-B-a
đồi Thung Thị	SV	xã Hà Lĩnh	H. Hà Trung	20° 01' 40"	105° 47' 20"					F-48-92-D-c
núi Trung Trinh	SV	xã Hà Lĩnh	H. Hà Trung	20° 00' 41"	105° 47' 52"					F-48-92-D-c
đường tỉnh 522	KX	xã Hà Long	H. Hà Trung			20° 04' 03"	105° 51' 00"	20° 12' 37"	105° 36' 50"	F-48-92-D-c
hồ Bến Quán	TV	xã Hà Long	H. Hà Trung	20° 05' 30"	105° 46' 55"					F-48-92-D-c
đồi Cao Các	SV	xã Hà Long	H. Hà Trung	20° 04' 53"	105° 46' 45"					F-48-92-D-c
thôn Đại Sơn	DC	xã Hà Long	H. Hà Trung	20° 05' 10"	105° 46' 08"					F-48-92-D-c
Chợ Đền	KX	xã Hà Long	H. Hà Trung	20° 05' 33"	105° 47' 51"					F-48-92-D-c
thôn Đồng Bình	DC	xã Hà Long	H. Hà Trung	20° 05' 54"	105° 47' 31"					F-48-92-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Đồng Hậu	DC	xã Hà Long	H. Hà Trung	20° 06' 03"	105° 47' 43"					F-48-92-D-c
thôn Đồng Quảng	DC	xã Hà Long	H. Hà Trung	20° 06' 12"	105° 47' 29"					F-48-92-D-c
thôn Đồng Toán	DC	xã Hà Long	H. Hà Trung	20° 06' 03"	105° 48' 06"					F-48-92-D-c
thôn Gia Miêu 1	DC	xã Hà Long	H. Hà Trung	20° 05' 51"	105° 48' 34"					F-48-92-D-c
thôn Gia Miêu 2	DC	xã Hà Long	H. Hà Trung	20° 05' 19"	105° 47' 49"					F-48-92-D-c
thôn Hoàng Vân	DC	xã Hà Long	H. Hà Trung	20° 07' 12"	105° 49' 15"					F-48-92-D-c
thôn Khắc Dũng	DC	xã Hà Long	H. Hà Trung	20° 06' 05"	105° 46' 21"					F-48-92-D-c
núi Khe Cái	SV	xã Hà Long	H. Hà Trung	20° 08' 42"	105° 48' 32"					F-48-92-D-a
cầu Long Khê	KX	xã Hà Long	H. Hà Trung	20° 04' 46"	105° 49' 19"					F-48-92-D-c
sông Long Khê	TV	xã Hà Long	H. Hà Trung			20° 05' 26"	105° 49' 01"	20° 04' 32"	105° 49' 24"	F-48-92-D-c
thôn Nghĩa Dụng	DC	xã Hà Long	H. Hà Trung	20° 07' 01"	105° 50' 20"					F-48-92-D-c
Đền Rồng	KX	xã Hà Long	H. Hà Trung	20° 07' 58"	105° 51' 19"					F-48-92-D-c
núi Rương Lăng	SV	xã Hà Long	H. Hà Trung	20° 06' 51"	105° 47' 56"					F-48-92-D-c
cầu Vạn Bảo	KX	xã Hà Long	H. Hà Trung	20° 06' 44"	105° 46' 48"					F-48-92-D-c
suối Vạn Bảo	TV	xã Hà Long	H. Hà Trung			20° 06' 28"	105° 46' 44"	20° 04' 39"	105° 46' 51"	F-48-92-D-c
thôn Yến Vĩ	DC	xã Hà Long	H. Hà Trung	20° 05' 15"	105° 47' 38"					F-48-92-D-c
thôn 1	DC	xã Hà Ngọc	H. Hà Trung	19° 58' 37"	105° 49' 01"					E-48-8-B-a
thôn 2	DC	xã Hà Ngọc	H. Hà Trung	19° 58' 18"	105° 49' 26"					E-48-8-B-a
thôn 3	DC	xã Hà Ngọc	H. Hà Trung	19° 58' 23"	105° 49' 32"					E-48-8-B-a
thôn 4	DC	xã Hà Ngọc	H. Hà Trung	19° 58' 26"	105° 49' 38"					E-48-8-B-a
thôn 5	DC	xã Hà Ngọc	H. Hà Trung	19° 58' 32"	105° 49' 47"					E-48-8-B-a
thôn 6	DC	xã Hà Ngọc	H. Hà Trung	19° 58' 38"	105° 49' 55"					E-48-8-B-a
thôn 7	DC	xã Hà Ngọc	H. Hà Trung	19° 58' 39"	105° 50' 01"					E-48-8-B-a
thôn 8	DC	xã Hà Ngọc	H. Hà Trung	19° 58' 44	105° 50' 07"					E-48-8-B-a
thôn 9	DC	xã Hà Ngọc	H. Hà Trung	19° 58' 49"	105° 50' 06"					E-48-8-B-a
thôn 10	DC	xã Hà Ngọc	H. Hà Trung	19° 58' 56"	105° 50' 13"					E-48-8-B-a
mương Chính Phủ	TV	xã Hà Ngọc	H. Hà Trung			19° 59' 08"	105° 50' 31"	19° 59' 46"	105° 47' 13"	E-48-8-B-a
thôn Kim Chi	DC	xã Hà Ngọc	H. Hà Trung	19° 58' 56"	105° 50' 13"					E-48-8-B-a
thôn Kim Liên	DC	xã Hà Ngọc	H. Hà Trung	19° 58' 49"	105° 50' 06"					E-48-8-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Sông Lèn	TV	xã Hà Ngọc	H. Hà Trung			19° 57' 31"	105° 45' 38"	19° 57' 07"	106° 00' 04"	E-48-8-B-a
Chùa Mau	KX	xã Hà Ngọc	H. Hà Trung	19° 58' 49"	105° 49' 06"					E-48-8-B-a
núi Quăng Kưu	SV	xã Hà Ngọc	H. Hà Trung	19° 58' 29"	105° 48' 47"					E-48-8-B-a
quốc lộ 1A	KX	xã Hà Ninh	H. Hà Trung			20° 08' 01"	105° 51' 32"	19° 18' 42"	105° 43' 16"	F-48-92-D-c
thôn 1	DC	xã Hà Ninh	H. Hà Trung	20° 00' 01"	105° 50' 54"					F-48-92-D-c
thôn 2	DC	xã Hà Ninh	H. Hà Trung	19° 59' 53"	105° 50' 54"					E-48-8-B-a
thôn 3	DC	xã Hà Ninh	H. Hà Trung	19° 59' 52"	105° 50' 45"					E-48-8-B-a
thôn 4	DC	xã Hà Ninh	H. Hà Trung	19° 59' 55"	105° 50' 41"					E-48-8-B-a
thôn 5	DC	xã Hà Ninh	H. Hà Trung	20° 00' 22"	105° 51' 07"					F-48-92-D-c
quốc lộ 217	KX	xã Hà Ninh	H. Hà Trung			19° 59' 42"	105° 50' 35"	20° 17' 51"	104° 37' 12"	E-48-8-B-a
đường tỉnh 508	KX	xã Hà Ninh	H. Hà Trung			20° 00' 29"	105° 50' 53"	19° 59' 44"	105° 57' 50"	F-48-92-D-c
sông Chiếu Bạch	TV	xã Hà Ninh	H. Hà Trung			20° 02' 51"	105° 50' 40"	19° 59' 07"	106° 51' 43"	F-48-92-D-c, E-48-8-B-a
làng Đông Ninh	DC	xã Hà Ninh	H. Hà Trung	20° 00' 14"	105° 51' 43"					F-48-92-D-c
làng Đường Cát	DC	xã Hà Ninh	H. Hà Trung	20° 00' 15"	105° 50' 13"					F-48-92-D-c
làng Nghè Đỏ	DC	xã Hà Ninh	H. Hà Trung	19° 59' 56"	105° 49' 55"					E-48-8-B-a
làng Ninh Thôn	DC	xã Hà Ninh	H. Hà Trung	20° 00' 15"	105° 50' 13"					F-48-92-D-c
làng Phú Nham	DC	xã Hà Ninh	H. Hà Trung	20° 00' 22"	105° 51' 07"					F-48-92-D-c
núi Rừng Đề	SV	xã Hà Ninh	H. Hà Trung	20° 00' 35"	105° 51' 40"					F-48-92-D-c
làng Tây Ninh	DC	xã Hà Ninh	H. Hà Trung	20° 00' 28"	105° 50' 13"					F-48-92-D-c
núi Trung Trinh	SV	xã Hà Ninh	H. Hà Trung	20° 00' 11"	105° 49' 48"					F-48-92-D-c
quốc lộ 217	KX	xã Hà Phong	H. Hà Trung			19° 59' 42"	105° 50' 35"	20° 17' 51"	104° 37' 12"	E-48-8-B-a
Sông Lèn	TV	xã Hà Phong	H. Hà Trung			19° 57' 31"	105° 45' 38"	19° 57' 07"	106° 00' 04"	E-48-8-B-a
chùa Long Cảm Tự	KX	xã Hà Phong	H. Hà Trung	19° 59' 23"	105° 50' 00"					E-48-8-B-a
thôn Phong Vận	DC	xã Hà Phong	H. Hà Trung	19° 59' 41"	105° 50' 10"					E-48-8-B-a
thôn Thượng Thôn	DC	xã Hà Phong	H. Hà Trung	19° 59' 12"	105° 50' 49"					E-48-8-B-a
thôn Trang Các	DC	xã Hà Phong	H. Hà Trung	19° 59' 27"	105° 50' 17"					E-48-8-B-a
thôn Tương Lạc	DC	xã Hà Phong	H. Hà Trung	19° 58' 55"	105° 51' 09"					E-48-8-B-a
thôn 1	DC	xã Hà Phú	H. Hà Trung	19° 58' 52"	105° 54' 05"					E-48-8-B-b
thôn 2	DC	xã Hà Phú	H. Hà Trung	19° 58' 58"	105° 53' 58"					E-48-8-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn 3	DC	xã Hà Phú	H. Hà Trung	19° 58' 57"	105° 53' 56"					E-48-8-B-b
thôn 4	DC	xã Hà Phú	H. Hà Trung	19° 58' 45"	105° 53' 27"					E-48-8-B-b
thôn 5	DC	xã Hà Phú	H. Hà Trung	19° 59' 07"	105° 53' 44"					E-48-8-B-b
thôn 6	DC	xã Hà Phú	H. Hà Trung	19° 59' 07"	105° 53' 13"					E-48-8-B-b
thôn 7	DC	xã Hà Phú	H. Hà Trung	19° 58' 54"	105° 54' 01"					E-48-8-B-b
đường tỉnh 508	KX	xã Hà Phú	H. Hà Trung			20° 00' 29"	105° 50' 53"	19° 58' 44"	105° 57' 50"	E-48-8-B-b
fổ Hà Thái	TV	xã Hà Phú	H. Hà Trung	19° 59' 31"	105° 53' 32"					E-48-8-B-b
Sông Lèn	TV	xã Hà Phú	H. Hà Trung			19° 57' 31"	105° 45' 38"	19° 57' 07"	106° 00' 04"	E-48-8-B-b
núi Răng Hạc	SV	xã Hà Phú	H. Hà Trung	19° 59' 32"	105° 52' 59"					E-48-8-B-b
Hón Bông	TV	xã Hà Sơn	H. Hà Trung			19° 58' 15"	105° 45' 46"	19° 57' 35"	105° 45' 32"	E-48-8-B-a
thôn Cẩm Sơn	DC	xã Hà Sơn	H. Hà Trung	19° 58' 08"	105° 46' 58"					E-48-8-B-a
thôn Chí Cường	DC	xã Hà Sơn	H. Hà Trung	19° 57' 45"	105° 45' 40"					E-48-8-B-a
thôn Chí Phúc	DC	xã Hà Sơn	H. Hà Trung	19° 57' 48"	105° 46' 37"					E-48-8-B-a
núi Đồng Mùa	SV	xã Hà Sơn	H. Hà Trung	19° 58' 00"	105° 47' 28"					E-48-8-B-a
thôn Giang Sơn 9	DC	xã Hà Sơn	H. Hà Trung	19° 58' 22"	105° 48' 25"					E-48-8-B-a
thôn Giang Sơn 10	DC	xã Hà Sơn	H. Hà Trung	19° 58' 10"	105° 47' 49"					E-48-8-B-a
Suối Giáp	TV	xã Hà Sơn	H. Hà Trung			19° 58' 18"	105° 45' 54"	19° 58' 15"	105° 45' 46"	E-48-8-B-a
thôn Hà Hợp	DC	xã Hà Sơn	H. Hà Trung	19° 58' 36"	105° 45' 50"					E-48-8-B-a
đền Hàn Sơn	KX	xã Hà Sơn	H. Hà Trung	19° 57' 36"	105° 46' 30"					E-48-8-B-a
Sông Lèn	TV	xã Hà Sơn	H. Hà Trung			19° 57' 31"	105° 45' 38"	19° 57' 07"	106° 00' 04"	E-48-8-B-a
núi Lèn Dài	SV	xã Hà Sơn	H. Hà Trung	19° 58' 43"	105° 47' 35"					E-48-8-B-a
Sông Mã	TV	xã Hà Sơn	H. Hà Trung			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	E-48-8-B-a
núi Ngọc Sơn	SV	xã Hà Sơn	H. Hà Trung	19° 59' 06"	105° 47' 13"					E-48-8-B-a
thôn Ngọc Sơn	DC	xã Hà Sơn	H. Hà Trung	19° 57' 55"	105° 48' 32"					E-48-8-B-a
thôn Ngọc Tiến	DC	xã Hà Sơn	H. Hà Trung	19° 57' 30"	105° 47' 55"					E-48-8-B-a
núi Quăng Kưu	SV	xã Hà Sơn	H. Hà Trung	19° 58' 29"	105° 48' 47"					E-48-8-B-a
Hà Sun	TV	xã Hà Sơn	H. Hà Trung	19° 58' 13"	105° 46' 59"					E-48-8-B-a
núi Thông Tứ Quý/Chí Phúc	SV	xã Hà Sơn	H. Hà Trung	19° 57' 37"	105° 45' 48"					E-48-8-B-a
thôn Tứ Quý	DC	xã Hà Sơn	H. Hà Trung	19° 57' 27"	105° 47' 13"					E-48-8-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phut,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phut,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Vĩnh An	DC	xã Hà Sơn	H. Hà Trung	19° 58' 39"	105° 48' 44"					E-48-8-B-a
đồi Đá Trắng	SV	xã Hà Tân	H. Hà Trung	20° 01' 37"	105° 48' 43"					F-48-92-D-c
thôn Đô Mỹ	DC	xã Hà Tân	H. Hà Trung	20° 02' 52"	105° 49' 01"					F-48-92-D-c
đập Đồng Vạc	KX	xã Hà Tân	H. Hà Trung	20° 01' 53"	105° 47' 40"					F-48-92-D-c
hồ Đồng Vạc	TV	xã Hà Tân	H. Hà Trung	20° 01' 40"	105° 47' 56"					F-48-92-D-c
Sông Hoạt	TV	xã Hà Tân	H. Hà Trung			20° 04' 39"	105° 46' 51"	20° 02' 21"	105° 54' 29"	F-48-92-D-c
thôn Nam Thôn 1	DC	xã Hà Tân	H. Hà Trung	20° 01' 38"	105° 49' 23"					F-48-92-D-c
thôn Nam Thôn 2	DC	xã Hà Tân	H. Hà Trung	20° 02' 07"	105° 49' 38"					F-48-92-D-c
Hang Ruộng	SV	xã Hà Tân	H. Hà Trung	20° 01' 56"	105° 48' 50"					F-48-92-D-c
đồi Sao Xìa	SV	xã Hà Tân	H. Hà Trung	20° 01' 19"	105° 48' 50"					F-48-92-D-c
thôn Tam Quy 1	DC	xã Hà Tân	H. Hà Trung	20° 01' 45"	105° 48' 18"					F-48-92-D-c
thôn Tam Quy 2	DC	xã Hà Tân	H. Hà Trung	20° 01' 33"	105° 48' 15"					F-48-92-D-c
thôn Tam Quy 3	DC	xã Hà Tân	H. Hà Trung	20° 01' 47"	105° 48' 33"					F-48-92-D-c
Đồi Thông	SV	xã Hà Tân	H. Hà Trung	20° 01' 16"	105° 48' 16"					F-48-92-D-c
đồi Thung Thị	SV	xã Hà Tân	H. Hà Trung	20° 01' 40"	105° 47' 20"					F-48-92-D-c
thôn Vỹ Liệt	DC	xã Hà Tân	H. Hà Trung	20° 01' 57"	105° 47' 49"					F-48-92-D-c
thôn Bùi Sơn	DC	xã Hà Thái	H. Hà Trung	19° 59' 54"	105° 53' 10"					E-48-8-B-b
hồ Hà Thái	TV	xã Hà Thái	H. Hà Trung	19° 59' 31"	105° 53' 32"					E-48-8-B-b, F-48-92-D-d
Núi Kín	SV	xã Hà Thái	H. Hà Trung	20° 00' 40"	105° 53' 42"					F-48-92-D-d
núi Răng Hạc	SV	xã Hà Thái	H. Hà Trung	19° 59' 32"	105° 52' 59"					E-48-8-B-b
thôn Tân Long	DC	xã Hà Thái	H. Hà Trung	20° 00' 35"	105° 53' 38"					F-48-92-D-d
thôn Thái Bình	DC	xã Hà Thái	H. Hà Trung	20° 00' 27"	105° 53' 27"					F-48-92-D-d
thôn Thái Hoà	DC	xã Hà Thái	H. Hà Trung	20° 00' 27"	105° 53' 14"					F-48-92-D-d
thôn Thái Minh 1	DC	xã Hà Thái	H. Hà Trung	20° 00' 21"	105° 52' 41"					F-48-92-D-d
thôn Thái Minh 2	DC	xã Hà Thái	H. Hà Trung	20° 00' 26"	105° 52' 45"					F-48-92-D-d
thôn Thái Tây	DC	xã Hà Thái	H. Hà Trung	20° 00' 21"	105° 53' 13"					F-48-92-D-d
Cầu Cái	KX	xã Hà Thanh	H. Hà Trung	20° 03' 03"	105° 53' 43"					F-48-92-D-d
Cầu Chợ	KX	xã Hà Thanh	H. Hà Trung	20° 02' 19"	105° 53' 55"					F-48-92-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
núi Đồi Quan	SV	xã Hà Thanh	H. Hà Trung	20° 02' 19"	105° 53' 05"					F-48-92-D-d
Sông Hoạt	TV	xã Hà Thanh	H. Hà Trung			20° 04' 39"	105° 46' 51"	20° 02' 21"	105° 54' 29"	F-48-92-D-d
thôn Tân Chính	DC	xã Hà Thanh	H. Hà Trung	20° 02' 46"	105° 53' 36"					F-48-92-D-d
thôn Thanh Giang	DC	xã Hà Thanh	H. Hà Trung	20° 02' 32"	105° 53' 52"					F-48-92-D-d
thôn Thanh Lâm	DC	xã Hà Thanh	H. Hà Trung	20° 02' 24"	105° 53' 43"					F-48-92-D-d
thôn Thanh Sơn	DC	xã Hà Thanh	H. Hà Trung	20° 02' 15"	105° 53' 48"					F-48-92-D-d
thôn Thanh Tân	DC	xã Hà Thanh	H. Hà Trung	20° 02' 10"	105° 53' 23"					F-48-92-D-d
thôn Thanh Trung	DC	xã Hà Thanh	H. Hà Trung	20° 02' 49"	105° 53' 44"					F-48-92-D-d
thôn Thanh Yên	DC	xã Hà Thanh	H. Hà Trung	20° 02' 40"	105° 53' 44"					F-48-92-D-d
Sông Tống	TV	xã Hà Thanh	H. Hà Trung			20° 03' 36"	105° 52' 30"	20° 02' 42"	105° 54' 43"	F-48-92-D-d
thôn Bái Sậy	DC	xã Hà Tiến	H. Hà Trung	20° 02' 24"	105° 48' 52"					F-48-92-D-c
thôn Bái Sơn	DC	xã Hà Tiến	H. Hà Trung	20° 02' 42"	105° 48' 04"					F-48-92-D-c
thôn Bồng Sơn	DC	xã Hà Tiến	H. Hà Trung	20° 03' 17"	105° 46' 15"					F-48-92-D-c
thôn Cẩm Sơn	DC	xã Hà Tiến	H. Hà Trung	20° 03' 42"	105° 46' 08"					F-48-92-D-c
Hang Chùa	SV	xã Hà Tiến	H. Hà Trung	20° 02' 17"	105° 47' 13"					F-48-92-D-c
thôn Đầm Sen	DC	xã Hà Tiến	H. Hà Trung	20° 02' 23"	105° 47' 17"					F-48-92-D-c
thôn Đồng Bông	DC	xã Hà Tiến	H. Hà Trung	20° 03' 35"	105° 47' 24"					F-48-92-D-c
đồi Đồng Hang	SV	xã Hà Tiến	H. Hà Trung	20° 02' 30"	105° 45' 43"					F-48-92-D-c
thôn Đồng Ô	DC	xã Hà Tiến	H. Hà Trung	20° 03' 24"	105° 47' 53"					F-48-92-D-c
thôn Đồng Tiến	DC	xã Hà Tiến	H. Hà Trung	20° 03' 05"	105° 47' 20"					F-48-92-D-c
núi Hang Cân	SV	xã Hà Tiến	H. Hà Trung	20° 02' 44"	105° 46' 26"					F-48-92-D-c
núi Hang Dốn	SV	xã Hà Tiến	H. Hà Trung	20° 03' 14"	105° 46' 59"					F-48-92-D-c
Sông Hoạt	TV	xã Hà Tiến	H. Hà Trung			20° 04' 39"	105° 46' 51"	20° 02' 21"	105° 54' 29"	F-48-92-D-c
thôn Hương Đạm	DC	xã Hà Tiến	H. Hà Trung	20° 03' 00"	105° 46' 23"					F-48-92-D-c
núi Lục Sung	SV	xã Hà Tiến	H. Hà Trung	20° 03' 42"	105° 45' 07"					F-48-92-D-c
núi Mũi Ngai	SV	xã Hà Tiến	H. Hà Trung	20° 03' 12"	105° 45' 50"					F-48-92-D-c
đồi Ông Thánh	SV	xã Hà Tiến	H. Hà Trung	20° 04' 09"	105° 45' 54"					F-48-92-D-c
suối Vạn Bảo	TV	xã Hà Tiến	H. Hà Trung			20° 06' 28"	105° 46' 44"	20° 04' 39"	105° 46' 51"	F-48-92-D-c
thôn Yên Phú	DC	xã Hà Tiến	H. Hà Trung	20° 04' 07"	105° 46' 16"					F-48-92-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn 1	DC	xã Hà Toại	H. Hà Trung	19° 58' 19"	105° 53' 53"					E-48-8-B-b
thôn 2	DC	xã Hà Toại	H. Hà Trung	19° 57' 57"	105° 54' 18"					E-48-8-B-b
thôn 3	DC	xã Hà Toại	H. Hà Trung	19° 58' 21"	105° 54' 41"					E-48-8-B-b
thôn 4	DC	xã Hà Toại	H. Hà Trung	19° 58' 29"	105° 54' 42"					E-48-8-B-b
thôn 5	DC	xã Hà Toại	H. Hà Trung	19° 58' 36"	105° 54' 26"					E-48-8-B-b
đường tỉnh 508	KX	xã Hà Toại	H. Hà Trung			20° 00' 29"	105° 50' 53"	19° 59' 44"	105° 57' 50"	E-48-8-B-b
Làng Bương	DC	xã Hà Toại	H. Hà Trung	19° 57' 57"	105° 54' 18"					E-48-8-B-b
Làng Đò	DC	xã Hà Toại	H. Hà Trung	19° 58' 18"	105° 53' 53"					E-48-8-B-b
Sông Hoạt	TV	xã Hà Toại	H. Hà Trung			20° 03' 40"	106° 01' 30"	19° 58' 20"	105° 55' 15"	E-48-8-B-b
Sông Lèn	TV	xã Hà Toại	H. Hà Trung			19° 57' 31"	105° 45' 38"	19° 57' 07"	106° 00' 04"	E-48-8-B-b
Sông Tống	TV	xã Hà Vân	H. Hà Trung			20° 03' 38"	105° 52' 30"	20° 02' 42"	105° 54' 43"	F-48-92-D-d
thôn Vân Cẩm	DC	xã Hà Vân	H. Hà Trung	20° 02' 46"	105° 52' 41"					F-48-92-D-d
thôn Vân Điền	DC	xã Hà Vân	H. Hà Trung	20° 02' 16"	105° 52' 01"					F-48-92-D-c
thôn Vân Hưng	DC	xã Hà Vân	H. Hà Trung	20° 02' 28"	105° 52' 41"					F-48-92-D-d
thôn Vân Thu	DC	xã Hà Vân	H. Hà Trung	20° 02' 44"	105° 52' 20"					F-48-92-D-c
thôn Vân Trụ	DC	xã Hà Vân	H. Hà Trung	20° 02' 42"	105° 52' 34"					F-48-92-D-d
đồi Vân Xá	SV	xã Hà Vân	H. Hà Trung	20° 02' 45"	105° 52' 12"					F-48-92-D-c
thôn Vân Xá	DC	xã Hà Vân	H. Hà Trung	20° 02' 55"	105° 52' 19"					F-48-92-D-c
thôn Vân Yên	DC	xã Hà Vân	H. Hà Trung	20° 02' 01"	105° 52' 01"					F-48-92-D-c
thôn 1	DC	xã Hà Vinh	H. Hà Trung	20° 03' 51"	105° 55' 09"					F-48-92-D-d
thôn 2	DC	xã Hà Vinh	H. Hà Trung	20° 03' 37"	105° 55' 15"					F-48-92-D-d
thôn 3	DC	xã Hà Vinh	H. Hà Trung	20° 02' 48"	105° 55' 35"					F-48-92-D-d
thôn 4	DC	xã Hà Vinh	H. Hà Trung	20° 03' 20"	105° 56' 03"					F-48-92-D-d
thôn 5	DC	xã Hà Vinh	H. Hà Trung	20° 02' 49"	105° 56' 12"					F-48-92-D-d
thôn 7	DC	xã Hà Vinh	H. Hà Trung	20° 02' 50"	105° 57' 00"					F-48-92-D-d
thôn 8	DC	xã Hà Vinh	H. Hà Trung	20° 03' 19"	105° 57' 37"					F-48-92-D-d
thôn 9	DC	xã Hà Vinh	H. Hà Trung	20° 03' 44"	105° 56' 53"					F-48-92-D-d
thôn 10	DC	xã Hà Vinh	H. Hà Trung	20° 04' 00"	105° 56' 38"					F-48-92-D-d
thôn 11	DC	xã Hà Vinh	H. Hà Trung	20° 03' 56"	105° 56' 07"					F-48-92-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn 12	DC	xã Hà Vinh	H. Hà Trung	20° 04' 03"	105° 55' 37"					F-48-92-D-d
Đồi Cốc	SV	xã Hà Vinh	H. Hà Trung	20° 03' 54"	105° 56' 13"					F-48-92-D-d
làng Đại Lợi	DC	xã Hà Vinh	H. Hà Trung	20° 02' 57"	105° 55' 34"					F-48-92-D-d
làng Đông Thị	DC	xã Hà Vinh	H. Hà Trung	20° 02' 51"	105° 56' 10"					F-48-92-D-d
Sông Hoạt	TV	xã Hà Vinh	H. Hà Trung			20° 03' 40"	106° 01' 30"	19° 58' 20"	105° 55' 15"	F-48-92-D-d
Núi Lồng	SV	xã Hà Vinh	H. Hà Trung	20° 03' 41"	105° 55' 35"					F-48-92-D-d
làng Lương Thôn	DC	xã Hà Vinh	H. Hà Trung	20° 03' 20"	105° 56' 02"					F-48-92-D-d
đồi Mản Đan	SV	xã Hà Vinh	H. Hà Trung	20° 04' 15"	105° 56' 10"					F-48-92-D-d
làng Tân Vinh	DC	xã Hà Vinh	H. Hà Trung	20° 04' 00"	105° 56' 31"					F-48-92-D-d
quốc lộ 1A	KX	xã Hà Yên	H. Hà Trung			20° 08' 01"	105° 51' 32"	19° 18' 42"	105° 43' 16"	F-48-92-D-c
thôn 1	DC	xã Hà Yên	H. Hà Trung	20° 02' 55"	105° 49' 19"					F-48-92-D-c
thôn 2	DC	xã Hà Yên	H. Hà Trung	20° 02' 56"	105° 49' 37"					F-48-92-D-c
thôn 3	DC	xã Hà Yên	H. Hà Trung	20° 02' 58"	105° 49' 44"					F-48-92-D-c
thôn 4	DC	xã Hà Yên	H. Hà Trung	20° 03' 00"	105° 49' 59"					F-48-92-D-c
thôn 5	DC	xã Hà Yên	H. Hà Trung	20° 02' 33"	105° 50' 33"					F-48-92-D-c
thôn 6	DC	xã Hà Yên	H. Hà Trung	20° 02' 25"	105° 50' 34"					F-48-92-D-c
sông Chiếu Bạch	TV	xã Hà Yên	H. Hà Trung			20° 02' 51"	105° 50' 40"	19° 59' 07"	105° 51' 43"	F-48-92-D-c
Cầu Cừ	KX	xã Hà Yên	H. Hà Trung	20° 02' 52"	105° 50' 38"					F-48-92-D-c
Sông Hoạt	TV	xã Hà Yên	H. Hà Trung			20° 04' 39"	106° 46' 51"	20° 02' 21"	105° 54' 29"	F-48-92-D-c
khu 1	DC	TT. Hậu Lộc	H. Hậu Lộc	19° 54' 50"	105° 53' 02"					E-48-8-B-b
khu 2	DC	TT. Hậu Lộc	H. Hậu Lộc	19° 54' 54"	106° 53' 10"					E-48-8-B-b
khu 3	DC	TT. Hậu Lộc	H. Hậu Lộc	19° 54' 20"	105° 53' 21"					E-48-8-B-b
khu 4	DC	TT. Hậu Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 28"	105° 53' 30"					E-48-8-B-b
khu 5	DC	TT. Hậu Lộc	H. Hậu Lộc	19° 54' 54"	105° 52' 48"					E-48-8-B-b
khu 6	DC	TT. Hậu Lộc	H. Hậu Lộc	19° 54' 17"	105° 53' 06"					E-48-8-B-b
quốc lộ 10	KX	TT. Hậu Lộc	H. Hậu Lộc			20° 03' 48"	106° 02' 24"	19° 51' 05"	105° 48' 00"	E-48-8-B-b
sông Trà Giang	TV	TT. Hậu Lộc	H. Hậu Lộc			19° 57' 47"	105° 54' 12"	19° 53' 38"	105° 51' 47"	E-48-8-B-b
cầu Do Hạ	KX	TT. Hậu Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 10"	105° 53' 31"					E-48-8-B-b
Sông Mới	TV	TT. Hậu Lộc	H. Hậu Lộc			19° 55' 15"	105° 53' 17"	19° 53' 23"	105° 54' 01"	E-48-8-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phut,giây)	(Độ,phut,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phut,giây)	
mương 10 Xã	TV	xã Cẩu Lộc	H. Hậu Lộc			19° 58' 07"	105° 49' 12"	19° 57' 28"	105° 53' 53"	E-48-8-B-a, E-48-8-B-b
thôn Cẩu Hoà	DC	xã Cẩu Lộc	H. Hậu Lộc	19° 57' 37"	105° 51' 47"					E-48-8-B-a
thôn Cẩu Tải	DC	xã Cẩu Lộc	H. Hậu Lộc	19° 57' 19"	105° 52' 19"					E-48-8-B-a
thôn Cẩu Thành	DC	xã Cẩu Lộc	H. Hậu Lộc	19° 57' 45"	105° 51' 58"					E-48-8-B-a
thôn Cẩu Thọ	DC	xã Cẩu Lộc	H. Hậu Lộc	19° 57' 43"	105° 52' 12"					E-48-8-B-a
thôn Đông Sơn	DC	xã Cẩu Lộc	H. Hậu Lộc	19° 57' 49"	105° 52' 23"					E-48-8-B-a
thôn Đông Tân	DC	xã Cẩu Lộc	H. Hậu Lộc	19° 57' 05"	105° 52' 46"					E-48-8-B-b
thôn Đông Thành	DC	xã Cẩu Lộc	H. Hậu Lộc	19° 57' 55"	105° 52' 23"					E-48-8-B-a
thôn Đông Thịnh	DC	xã Cẩu Lộc	H. Hậu Lộc	19° 57' 57"	105° 52' 16"					E-48-8-B-a
Sông Lèn	TV	xã Cẩu Lộc	H. Hậu Lộc			19° 57' 31"	105° 45' 38"	19° 57' 07"	106° 00' 04"	E-48-8-B-a,
núi Sơn Đồng	SV	xã Cẩu Lộc	H. Hậu Lộc	19° 57' 37"	105° 51' 25"					E-48-8-B-a
thôn Thiều Hưng	DC	xã Cẩu Lộc	H. Hậu Lộc	19° 57' 58"	105° 53' 02"					E-48-8-B-b
thôn Thiều Huy	DC	xã Cẩu Lộc	H. Hậu Lộc	19° 58' 36"	105° 52' 23"					E-48-8-B-a
thôn Thiều Quang	DC	xã Cẩu Lộc	H. Hậu Lộc	19° 58' 46"	105° 52' 12"					E-48-8-B-a
thôn Thiều Trung	DC	xã Cẩu Lộc	H. Hậu Lộc	19° 58' 34"	105° 52' 34"					E-48-8-B-b
thôn Thiều Văn	DC	xã Cẩu Lộc	H. Hậu Lộc	19° 58' 41"	105° 52' 16"					E-48-8-B-a
mương 10 Xã	TV	xã Châu Lộc	H. Hậu Lộc			19° 58' 07"	105° 49' 12"	19° 57' 28"	105° 53' 53"	E-48-8-B-a
Núi Bái	SV	xã Châu Lộc	H. Hậu Lộc	19° 57' 13"	105° 48' 24"					E-48-8-B-a
thôn Châu Tử 1	DC	xã Châu Lộc	H. Hậu Lộc	19° 57' 24"	105° 48' 42"					E-48-8-B-a
thôn Châu Tử 2	DC	xã Châu Lộc	H. Hậu Lộc	19° 57' 07"	105° 48' 26"					E-48-8-B-a
Đền Hàn	KX	xã Châu Lộc	H. Hậu Lộc	19° 57' 13"	105° 46' 56"					E-48-8-B-a
Sông Lèn	TV	xã Châu Lộc	H. Hậu Lộc			19° 57' 31"	105° 45' 38"	19° 57' 07"	106° 00' 04"	E-48-8-B-a
Núi Mai	SV	xã Châu Lộc	H. Hậu Lộc	19° 57' 27"	105° 49' 23"					E-48-8-B-a
thôn Quyết Thắng	DC	xã Châu Lộc	H. Hậu Lộc	19° 57' 53"	105° 48' 50"					E-48-8-B-a
núi Rừng Xanh	SV	xã Châu Lộc	H. Hậu Lộc	19° 57' 05"	105° 48' 18"					E-48-8-B-a
thôn Tam Đa	DC	xã Châu Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 46"	105° 47' 24"					E-48-8-B-a
thôn Tam Phong 1	DC	xã Châu Lộc	H. Hậu Lộc	19° 57' 14"	105° 47' 31"					E-48-8-B-a
thôn Tam Phong 2	DC	xã Châu Lộc	H. Hậu Lộc	19° 57' 05"	105° 47' 13"					E-48-8-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
núi Xuân Tu	SV	xã Châu Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 42"	105° 47' 02"					E-48-8-B-a
thôn Đông Hải	DC	xã Đa Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 49"	105° 58' 19"					E-48-8-B-b
thôn Đông Hoà	DC	xã Đa Lộc	H. Hậu Lộc	19° 57' 14"	105° 58' 23"					E-48-8-B-b
thôn Đông Tân	DC	xã Đa Lộc	H. Hậu Lộc	19° 57' 03"	105° 58' 59"					E-48-8-B-b
thôn Đông Thành	DC	xã Đa Lộc	H. Hậu Lộc	19° 57' 14"	105° 58' 37"					E-48-8-B-b
thôn Hùng Thành	DC	xã Đa Lộc	H. Hậu Lộc	19° 57' 59"	105° 59' 20"					E-48-8-B-b
Sông Lèn	TV	xã Đa Lộc	H. Hậu Lộc			19° 57' 31"	105° 45' 38"	19° 57' 07"	106° 00' 04"	E-48-8-B-b E-48-9-A-a
thôn Mỹ Điền	DC	xã Đa Lộc	H. Hậu Lộc	19° 57' 17"	105° 57' 50"					E-48-8-B-b
thôn Ninh Phú	DC	xã Đa Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 28"	105° 58' 16"					E-48-8-B-b
Lạch Sung	TV	xã Đa Lộc	H. Hậu Lộc			19° 57' 07"	106° 00' 04"	19° 56' 40"	106° 00' 09"	E-48-8-B-b, E-48-9-A-a
thôn Vạn Thắng	DC	xã Đa Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 42"	105° 57' 58"					E-48-8-B-b
thôn Yên Đông	DC	xã Đa Lộc	H. Hậu Lộc	19° 57' 36"	105° 58' 59"					E-48-8-B-b
thôn Yên Lộc	DC	xã Đa Lộc	H. Hậu Lộc	19° 57' 48"	105° 59' 17"					E-48-8-B-b
quốc lộ 1A	KX	xã Đại Lộc	H. Hậu Lộc			20° 08' 01"	105° 51' 32"	19° 18' 42"	105° 43' 16"	E-48-8-B-a
mương 10 Xã	TV	xã Đại Lộc	H. Hậu Lộc			19° 58' 07"	105° 49' 12"	19° 57' 28"	105° 53' 53"	E-48-8-B-a
kênh B3	TV	xã Đại Lộc	H. Hậu Lộc			19° 58' 18"	105° 50' 42"	19° 56' 43"	105° 49' 02"	E-48-8-B-a
Sông Lèn	TV	xã Đại Lộc	H. Hậu Lộc			19° 57' 31"	105° 45' 38"	19° 57' 07"	106° 00' 04"	E-48-8-B-a
Núi Mai	SV	xã Đại Lộc	H. Hậu Lộc	19° 57' 27"	105° 49' 23"					E-48-8-B-a
làng NgọcTrì	DC	xã Đại Lộc	H. Hậu Lộc	19° 58' 30"	105° 50' 17"					E-48-8-B-a
làng Phú Lý	DC	xã Đại Lộc	H. Hậu Lộc	19° 57' 57"	105° 49' 44"					E-48-8-B-a
làng Phú Ngọc	DC	xã Đại Lộc	H. Hậu Lộc	19° 57' 17"	105° 49' 44"					E-48-8-B-a
làng Tân Thành	DC	xã Đại Lộc	H. Hậu Lộc	19° 57' 28"	105° 50' 10"					E-48-8-B-a
làng Y Ngô	DC	xã Đại Lộc	H. Hậu Lộc	19° 58' 18"	105° 50' 02"					E-48-8-B-a
quốc lộ 1A	KX	xa Đồng Lộc	H. Hậu Lộc			20° 08' 01"	105° 51' 32"	19° 18' 42"	105° 43' 16"	E-48-8-B-a
thôn 1	DC	xã Đồng Lộc	H. Hậu Lộc	19° 58' 36"	105° 50' 33"					E-48-8-B-a
thôn 2	DC	xã Đồng Lộc	H. Hậu Lộc	19° 58' 35"	105° 50' 43"					E-48-8-B-a
thôn 3	DC	xã Đồng Lộc	H. Hậu Lộc	19° 58' 37"	105° 50' 53"					E-48-8-B-a
thôn 4	DC	xã Đồng Lộc	H. Hậu Lộc	19° 58' 30"	105° 51' 36"					E-48-8-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn 5	DC	xã Đồng Lộc	H. Hậu Lộc	19° 58' 23"	105° 51' 29"					E-48-8-B-a
thôn 6	DC	xã Đồng Lộc	H. Hậu Lộc	19° 58' 20"	105° 51' 14"					E-48-8-B-a
thôn 7	DC	xã Đồng Lộc	H. Hậu Lộc	19° 58' 09"	105° 51' 28"					E-48-8-B-a
Cầu Lèn	KX	xã Đồng Lộc	H. Hậu Lộc	19° 58' 49"	105° 50' 31"					E-48-8-B-a
Sông Lèn	TV	xã Đồng Lộc	H. Hậu Lộc			19° 57' 31"	105° 45' 38"	19° 57' 07"	106° 00' 04"	E-48-8-B-a
thôn Đa Phạn	DC	xã Hải Lộc	H. Hậu Lộc	19° 54' 33"	105° 56' 48"					E-48-8-B-b
Sông Đe	TV	xã Hải Lộc	H. Hậu Lộc			19° 55' 23"	105° 58' 17"	19° 53' 25"	105° 56' 18"	E-48-8-B-b
thôn Hưng Thái	DC	xã Hải Lộc	H. Hậu Lộc	19° 54' 45"	105° 56' 48"					E-48-8-B-b
cửa Lạch Trường	TV	xã Hải Lộc	H. Hậu Lộc	19° 53' 19"	105° 56' 43"					E-48-8-B-b
sông Lạch Trường	TV	xã Hải Lộc	H. Hậu Lộc			19° 51' 10"	105° 47' 13"	19° 53' 19"	105° 56' 43"	E-48-8-B-(b,d)
thôn Lạch Trường	DC	xã Hải Lộc	H. Hậu Lộc	19° 54' 25"	105° 56' 49"					E-48-8-B-b
thôn Lộc Tiến	DC	xã Hải Lộc	H. Hậu Lộc	19° 54' 08"	105° 56' 43"					E-48-8-B-b
thôn Tân Lộc	DC	xã Hải Lộc	H. Hậu Lộc	19° 54' 16"	105° 56' 46"					E-48-8-B-b
thôn Thắng Hùng	DC	xã Hải Lộc	H. Hậu Lộc	19° 54' 45"	105° 56' 53"					E-48-8-B-b
thôn Trường Nam	DC	xã Hải Lộc	H. Hậu Lộc	19° 53' 43"	105° 56' 22"					E-48-8-B-b
thôn Y Bích	DC	xã Hải Lộc	H. Hậu Lộc	19° 53' 58"	105° 56' 47"					E-48-8-B-b
thôn 1	DC	xã Hoa Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 09"	105° 55' 34"					E-48-8-B-b
thôn 2	DC	xã Hoa Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 01"	105° 55' 28"					E-48-8-B-b
thôn 3	DC	xã Hoa Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 49"	105° 55' 23"					E-48-8-B-b
thôn 4	DC	xã Hoa Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 39"	105° 55' 22"					E-48-8-B-b
thôn 5	DC	xã Hoa Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 45"	105° 55' 12"					E-48-8-B-b
thôn 6	DC	xã Hoa Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 56"	105° 54' 53"					E-48-8-B-b
thôn 7	DC	xã Hoa Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 56"	105° 54' 46"					E-48-8-B-b
thôn 8	DC	xã Hoa Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 37"	105° 54' 07"					E-48-8-B-b
thôn 9	DC	xã Hoa Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 47"	105° 55' 59"					E-48-8-B-b
quốc lộ 10	KX	xã Hoa Lộc	H. Hậu Lộc			20° 03' 48"	106° 02' 24"	19° 51' 05"	105° 48' 00"	E-48-8-B-b
sông Trà Giang	TV	xã Hoa Lộc	H. Hậu Lộc			19° 57' 47"	105° 54' 12"	19° 53' 38"	105° 51' 47"	E-48-8-B-b
kênh 5 Xã	TV	xã Hoa Lộc	H. Hậu Lộc			19° 56' 00"	105° 54' 13"	19° 53' 19"	105° 54' 36"	E-48-8-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
cầu Đầm Giỏ	KX	xã Hoa Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 53"	105° 54' 29"					E-48-8-B-b
Cầu De	KX	xã Hoa Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 45"	105° 56' 06"					E-48-8-B-b
Sông De	TV	xã Hoa Lộc	H. Hậu Lộc			19° 56' 23"	105° 56' 17"	19° 53' 25"	105° 56' 18"	E-48-8-B-b
cửa Lạch Trường	TV	xã Hoà Lộc	H. Hậu Lộc	19° 53' 19"	105° 56' 43"					E-48-8-B-b
thôn 1 Bái Trung	DC	xã Hoà Lộc	H. Hậu Lộc	19° 54' 23"	105° 55' 03"					E-48-8-B-b
thôn 1 Tam Hoà	DC	xã Hoà Lộc	H. Hậu Lộc	19° 53' 41"	105° 55' 47"					E-48-8-B-b
thôn 2 Bái Trung	DC	xã Hoà Lộc	H. Hậu Lộc	19° 54' 12"	105° 55' 12"					E-48-8-B-b
thôn 2 Tam Hoà	DC	xã Hoà Lộc	H. Hậu Lộc	19° 53' 40"	105° 55' 52"					E-48-8-B-b
thôn 3 Bái Trung	DC	xã Hoà Lộc	H. Hậu Lộc	19° 53' 59"	105° 55' 08"					E-48-8-B-b
thôn 4 Xuân Tiến	DC	xã Hoà Lộc	H. Hậu Lộc	19° 54' 08"	105° 55' 49"					E-48-8-B-b
kênh 5 Xã	TV	xã Hoà Lộc	H. Hậu Lộc			19° 56' 00"	105° 54' 13"	19° 53' 19"	105° 54' 38"	E-48-8-B-b
thôn 5 Xuân Tiến	DC	xã Hoà Lộc	H. Hậu Lộc	19° 54' 20"	105° 55' 51"					E-48-8-B-b
Sông De	TV	xã Hoà Lộc	H. Hậu Lộc			19° 56' 23"	105° 56' 17"	19° 53' 25"	105° 56' 18"	E-48-8-B-b
thôn Hoà Hải	DC	xã Hoà Lộc	H. Hậu Lộc	19° 53' 34"	105° 55' 37"					E-48-8-B-b
thôn Hoà Ngư	DC	xã Hoà Lộc	H. Hậu Lộc	19° 53' 23"	105° 55' 30"					E-48-8-B-b
thôn Hoà Phú	DC	xã Hoà Lộc	H. Hậu Lộc	19° 53' 29"	105° 55' 56"					E-48-8-B-b
sông Lạch Trường	TV	xã Hoà Lộc	H. Hậu Lộc			19° 51' 10"	105° 47' 13"	19° 53' 19"	105° 56' 43"	E-48-8-B-b
thôn Nam Huân	DC	xã Hoa Lộc	H. Hậu Lộc	19° 53' 36"	105° 55' 23"					E-48-8-B-b
thôn Tam Thắng	DC	xã Hoà Lộc	H. Hậu Lộc	19° 53' 31"	105° 55' 43"					E-48-8-B-b
thôn Xuân Tiến 5	DC	xã Hoà Lộc	H. Hậu Lộc	19° 54' 12"	105° 55' 52"					E-48-8-B-b
Sông De	TV	xã Hưng Lộc	H. Hậu Lộc			19° 56' 23"	105° 56' 17"	19° 53' 25"	105° 56' 18"	E-48-8-B-b
thôn Đông Hoà	DC	xã Hưng Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 48"	105° 57' 10"					E-48-8-B-b
thôn Hưng Bắc	DC	xã Hưng Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 10"	105° 57' 54"					E-48-8-B-b
Sông Lèn	TV	xã Hưng Lộc	H. Hậu Lộc			19° 57' 31"	105° 45' 38"	19° 57' 07"	105° 00' 04"	E-48-8-B-b
thôn Phú Hoà	DC	xã Hưng Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 07"	105° 57' 40"					E-48-8-B-b
thôn Phú Nhi	DC	xã Hưng Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 09"	105° 56' 35"					E-48-8-B-b
thôn Phú Vương	DC	xã Hưng Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 04"	106° 57' 33"					E-48-8-B-b
thôn Phú Xuân	DC	xã Hưng Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 07"	105° 57' 23"					E-48-8-B-b
thôn Tân Hưng	DC	xã Hưng Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 07"	105° 57' 46"					E-48-8-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Tây Hoà	DC	xã Hưng Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 46"	105° 56' 58"					E-48-8-B-b
thôn Thái Hoà	DC	xã Hưng Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 40"	105° 57' 12"					E-48-8-B-b
thôn Yên Hoà	DC	xã Hưng Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 25"	105° 57' 11"					E-48-8-B-b
thôn Yên Mỹ	DC	xã Hưng Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 37"	105° 56' 56"					E-48-8-B-b
thôn Yên Thịnh	DC	xã Hưng Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 30"	105° 56' 53"					E-48-8-B-b
thôn 1	DC	xã Liên Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 28"	105° 54' 43"					E-48-8-B-b
thôn 2	DC	xã Liên Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 47"	105° 54' 40"					E-48-8-B-b
thôn 3	DC	xã Liên Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 48"	105° 56' 05"					E-48-8-B-b
thôn 4	DC	xã Liên Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 57"	106° 55' 02"					E-48-8-B-b
thôn 5	DC	xã Liên Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 27"	105° 55' 02"					E-48-8-B-b
thôn 6	DC	xã Liên Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 29"	105° 55' 08"					E-48-8-B-b
thôn 7	DC	xã Liên Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 39"	105° 55' 38"					E-48-8-B-b
thôn 8	DC	xã Liên Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 52"	105° 56' 37"					E-48-8-B-b
thôn 9	DC	xã Liên Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 32"	105° 54' 12"					E-48-8-B-b
quốc lộ 10	KX	xã Liên Lộc	H. Hậu Lộc			20° 03' 46"	106° 02' 24"	19° 51' 05"	105° 48' 00"	E-48-8-B-b
sông Trà Giang	TV	xã Liên Lộc	H. Hậu Lộc			19° 57' 47"	106° 54' 12"	19° 53' 38"	105° 51' 47"	E-48-8-B-b
Sông Đe	TV	xã Liên Lộc	H. Hậu Lộc			19° 56' 23"	105° 56' 17"	19° 53' 25"	105° 56' 16"	E-48-8-B-b
Làng Giang	DC	xã Liên Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 47"	105° 54' 40"					E-48-8-B-b
làng Khoa Trì	DC	xã Liên Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 32"	105° 55' 34"					E-48-8-B-b
Sông Lèn	TV	xã Liên Lộc	H. Hậu Lộc			19° 57' 31"	105° 45' 38"	19° 57' 07"	106° 00' 04"	E-48-8-B-b
làng Liên Hoa	DC	xã Liên Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 48"	105° 55' 05"					E-48-8-B-b
làng Liên Trường	DC	xã Liên Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 57"	105° 55' 02"					E-48-8-B-b
làng Miễn Nhì	DC	xã Liên Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 28"	105° 54' 43"					E-48-8-B-b
Cầu phao Thắm	KX	xã Liên Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 56"	105° 55' 40"					E-48-8-B-b
Làng Thắm	DC	xã Liên Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 52"	105° 56' 37"					E-48-8-B-b
sông Trà Giang	TV	xã Lộc Sơn	H. Hậu Lộc			19° 57' 47"	105° 54' 12"	19° 53' 38"	105° 51' 47"	E-48-8-B-a
thôn Đại Thống	DC	xã Lộc Sơn	H. Hậu Lộc	19° 55' 30"	105° 52' 14"					E-48-8-B-a
thôn Hồ Cử	DC	xã Lộc Sơn	H. Hậu Lộc	19° 55' 21"	105° 52' 07"					E-48-8-B-a
thôn Khánh Vượng 1	DC	xã Lộc Sơn	H. Hậu Lộc	19° 55' 26"	105° 51' 36"					E-48-8-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Khánh Vượng 2	DC	xã Lộc Sơn	H. Hậu Lộc	19° 55' 30"	105° 51' 47"					E-48-8-B-a
thôn Lạ Mát 1	DC	xã Lộc Sơn	H. Hậu Lộc	19° 56' 38"	105° 52' 05"					E-48-8-B-a
thôn Lạ Mát 2	DC	xã Lộc Sơn	H. Hậu Lộc	19° 58' 40"	105° 52' 34"					E-48-8-B-a
thôn Linh Long	DC	xã Lộc Sơn	H. Hậu Lộc	19° 55' 29"	105° 51' 56"					E-48-8-B-a
thôn Phúc Thọ	DC	xã Lộc Sơn	H. Hậu Lộc	19° 55' 27"	105° 52' 05"					E-48-8-B-a
sông Trà Giang	TV	xã Lộc Tân	H. Hậu Lộc			19° 57' 47"	105° 54' 12"	19° 53' 38"	105° 51' 47"	E-48-8-B-a, E-48-8-B-b
thôn Công Minh	DC	xã Lộc Tân	H. Hậu Lộc	19° 55' 11"	105° 53' 11"					E-48-8-B-b
thôn Đồng Tâm	DC	xã Lộc Tân	H. Hậu Lộc	19° 56' 25"	105° 52' 30"					E-48-8-B-a
thôn Làng Mới	DC	xã Lộc Tân	H. Hậu Lộc	19° 56' 27"	105° 52' 48"					E-48-8-B-b
thôn Minh Tân	DC	xã Lộc Tân	H. Hậu Lộc	19° 56' 03"	105° 53' 17"					E-48-8-B-b
thôn Ngọc Chi	DC	xã Lộc Tân	H. Hậu Lộc	19° 55' 07"	105° 52' 26"					E-48-8-B-a
thôn Ngọc Sơn	DC	xã Lộc Tân	H. Hậu Lộc	19° 55' 02"	105° 52' 24"					E-48-8-B-a
thôn Ngọc Thụ	DC	xã Lộc Tân	H. Hậu Lộc	19° 55' 04"	105° 52' 28"					E-48-8-B-a
thôn Phú Cường	DC	xã Lộc Tân	H. Hậu Lộc	19° 54' 54"	105° 52' 34"					E-48-8-B-b
thôn Tân Tiến	DC	xã Lộc Tân	H. Hậu Lộc	19° 55' 25"	105° 52' 32"					E-48-8-B-a
thôn Xuân Đài	DC	xã Lộc Tân	H. Hậu Lộc	19° 55' 36"	105° 52' 54"					E-48-8-B-b
thôn Xuân Kỳ	DC	xã Lộc Tân	H. Hậu Lộc	19° 55' 40"	105° 52' 41"					E-48-8-B-b
thôn Xuân Lộc	DC	xã Lộc Tân	H. Hậu Lộc	19° 55' 43"	105° 52' 42"					E-48-8-B-b
thôn Yên Hoà	DC	xã Lộc Tân	H. Hậu Lộc	19° 55' 19"	105° 53' 13"					E-48-8-B-b
Cầu Đe	KX	xã Minh Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 45"	105° 56' 06"					E-48-8-B-b
Sông Đe	TV	xã Minh Lộc	H. Hậu Lộc			19° 56' 23"	105° 56' 17"	19° 53' 25"	105° 56' 18"	E-48-8-B-b
thôn Minh Đức	DC	xã Minh Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 00"	105° 56' 56"					E-48-8-B-b
thôn Minh Hải	DC	xã Minh Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 16"	105° 56' 55"					E-48-8-B-b
thôn Minh Hợp	DC	xã Minh Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 37"	105° 57' 21"					E-48-8-B-b
thôn Minh Hùng	DC	xã Minh Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 42"	105° 56' 30"					E-48-8-B-b
thôn Minh Hưng	DC	xã Minh Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 47"	105° 56' 48"					E-48-8-B-b
thôn Minh Phú	DC	xã Minh Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 30"	105° 56' 31"					E-48-8-B-b
thôn Minh Phúc	DC	xã Minh Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 09"	105° 56' 55"					E-48-8-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Minh Thắng	DC	xã Minh Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 41"	105° 57' 14"					E-48-8-B-b
thôn Minh Thanh	DC	xã Minh Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 34"	105° 56' 52"					E-48-8-B-b
thôn Minh Thành	DC	xã Minh Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 16"	105° 56' 28"					E-48-8-B-b
thôn Minh Thịnh	DC	xã Minh Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 49"	105° 57' 03"					E-48-8-B-b
thôn Minh Thọ	DC	xã Minh Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 32"	105° 57' 11"					E-48-8-B-b
thôn Minh Tiến	DC	xã Minh Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 43"	105° 57' 20"					E-48-8-B-b
quốc lộ 10	KX	xã Mỹ Lộc	H. Hậu Lộc			20° 03' 48"	105° 02' 24"	19° 51' 05"	105° 48' 00"	E-48-8-B-a, E-48-8-B-b
Sông Âu	TV	xã Mỹ Lộc	H. Hậu Lộc			19° 54' 46"	105° 45' 58"	19° 54' 30"	105° 51' 18"	E-48-8-B-a
thôn Đại Hữu	DC	xã Mỹ Lộc	H. Hậu Lộc	19° 54' 42"	105° 52' 11"					E-48-8-B-a
thôn Khoan Hồng	DC	xã Mỹ Lộc	H. Hậu Lộc	19° 54' 35"	105° 51' 38"					E-48-8-B-a
thôn Liên Hoan	DC	xã Mỹ Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 12"	105° 50' 56"					E-48-8-B-a
thôn Liên Minh	DC	xã Mỹ Lộc	H. Hậu Lộc	19° 54' 55"	105° 51' 11"					E-48-8-B-a
thôn Liên Quy	DC	xã Mỹ Lộc	H. Hậu Lộc	19° 54' 45"	105° 51' 22"					E-48-8-B-a
thôn Minh Đức	DC	xã Mỹ Lộc	H. Hậu Lộc	19° 54' 58"	105° 51' 32"					E-48-8-B-a
sông Trà Giang	TV	xã Mỹ Lộc	H. Hậu Lộc			19° 57' 47"	105° 54' 12"	19° 53' 38"	105° 51' 47"	E-48-8-B-a, E-48-8-B-b
thôn Trần Phú	DC	xã Mỹ Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 06"	105° 51' 43"					E-48-8-B-a
thôn Vũ Thành	DC	xã Mỹ Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 08"	105° 52' 05"					E-48-8-B-a
thôn Bắc Thọ	DC	xã Ngư Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 03"	105° 57' 47"					E-48-8-B-b
thôn Chiến Thắng	DC	xã Ngư Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 51"	105° 57' 19"					E-48-8-B-b
thôn Nam Vượng	DC	xã Ngư Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 00"	105° 57' 43"					E-48-8-B-b
thôn Thắng Lộc	DC	xã Ngư Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 51"	105° 57' 34"					E-48-8-B-b
thôn Thắng Phúc	DC	xã Ngư Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 50"	105° 57' 25"					E-48-8-B-b
thôn Thắng Tây	DC	xã Ngư Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 58"	105° 57' 32"					E-48-8-B-b
thôn Thành Lập	DC	xã Ngư Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 42"	105° 57' 24"					E-48-8-B-b
sông Trà Giang	TV	xã Phong Lộc	H. Hậu Lộc			19° 57' 47"	105° 54' 12"	19° 53' 38"	105° 51' 47"	E-48-8-B-b
Thôn Cầu	DC	xã Phong Lộc	H. Hậu Lộc	19° 58' 28"	105° 53' 38"					E-48-8-B-b
Thôn Chùa	DC	xã Phong Lộc	H. Hậu Lộc	19° 58' 43"	105° 53' 38"					E-48-8-B-b
Sông Lèn	TV	xã Phong Lộc	H. Hậu Lộc			19° 57' 31"	105° 45' 38"	19° 57' 07"	106° 00' 04"	E-48-8-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Lộc Động	DC	xã Phong Lộc	H. Hậu Lộc	19° 57' 35"	105° 53' 56"					E-48-8-B-b
Thôn Ngoài	DC	xã Phong Lộc	H. Hậu Lộc	19° 58' 27"	105° 53' 28"					E-48-8-B-b
thôn Phú Lạc	DC	xã Phong Lộc	H. Hậu Lộc	19° 58' 36"	105° 53' 06"					E-48-8-B-b
thôn Bái Cù	DC	xã Phú Lộc	H. Hậu Lộc	19° 54' 39"	105° 56' 04"					E-48-8-B-b
Cầu De	KX	xã Phú Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 45"	105° 56' 06"					E-48-8-B-b
Sông De	TV	xã Phú Lộc	H. Hậu Lộc			19° 56' 23"	105° 56' 17"	19° 53' 25"	105° 56' 16"	E-48-8-B-b
thôn Đồng Hóp	DC	xã Phú Lộc	H. Hậu Lộc	19° 54' 41"	105° 54' 25"					E-48-8-B-b
Thôn Giữa	DC	xã Phú Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 18"	105° 55' 01"					E-48-8-B-b
Thôn Hậu	DC	xã Phú Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 26"	105° 55' 05"					E-48-8-B-b
kênh Năm Xã	TV	xã Phú Lộc	H. Hậu Lộc			19° 56' 00"	105° 54' 13"	19° 53' 19"	105° 54' 36"	E-48-8-B-b
thôn Phú Đa	DC	xã Phú Lộc	H. Hậu Lộc	19° 54' 56"	105° 55' 44"					E-48-8-B-b
thôn Phú Ninh	DC	xã Phú Lộc	H. Hậu Lộc	19° 54' 44"	105° 54' 50"					E-48-8-B-b
thôn Phú Thịnh	DC	xã Phú Lộc	H. Hậu Lộc	19° 54' 59"	105° 53' 46"					E-48-8-B-b
thôn Thuần Nhất	DC	xã Phú Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 29"	105° 55' 34"					E-48-8-B-b
Thôn Trước	DC	xã Phú Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 05"	105° 56' 16"					E-48-8-B-b
thôn Xuân Yên	DC	xã Phú Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 15"	105° 56' 44"					E-48-8-B-b
sông Trà Giang	TV	xã Quang Lộc	H. Hậu Lộc			19° 57' 47"	105° 54' 12"	19° 53' 38"	105° 51' 47"	E-48-8-B-b
thôn Bạch Đầu	DC	xã Quang Lộc	H. Hậu Lộc	19° 57' 48"	105° 55' 01"					E-48-8-B-b
Núi Chùa	SV	xã Quang Lộc	H. Hậu Lộc	19° 57' 42"	105° 55' 16"					E-48-8-B-b
thôn Hiền Vinh	DC	xã Quang Lộc	H. Hậu Lộc	19° 57' 30"	105° 54' 54"					E-48-8-B-b
Sông Lèn	TV	xã Quang Lộc	H. Hậu Lộc			19° 57' 31"	105° 45' 38"	19° 57' 07"	106° 00' 04"	E-48-8-B-b
Núi Nứa	SV	xã Quang Lộc	H. Hậu Lộc	19° 58' 00"	105° 55' 12"					E-48-8-B-b
thôn Núi Chùa	DC	xã Quang Lộc	H. Hậu Lộc	19° 57' 35"	105° 55' 16"					E-48-8-B-b
thôn Quang Minh	DC	xã Quang Lộc	H. Hậu Lộc	19° 57' 09"	105° 55' 19"					E-48-8-B-b
thôn Quang Tân	DC	xã Quang Lộc	H. Hậu Lộc	19° 57' 50"	105° 54' 11"					E-48-8-B-b
thôn Quang Xuân	DC	xã Quang Lộc	H. Hậu Lộc	19° 57' 27"	105° 55' 16"					E-48-8-B-b
thôn Tường Lộc	DC	xã Quang Lộc	H. Hậu Lộc	19° 57' 04"	105° 54' 40"					E-48-8-B-b
thôn Yên Khê	DC	xã Quang Lộc	H. Hậu Lộc	19° 57' 18"	105° 55' 30"					E-48-8-B-b
thôn Yên Ổn	DC	xã Quang Lộc	H. Hậu Lộc	19° 57' 57"	105° 55' 19"					E-48-8-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn 1	DC	xã Thành Lộc	H. Hậu Lộc	19° 57' 27"	105° 51' 32"					E-48-8-B-a
thôn 2	DC	xã Thành Lộc	H. Hậu Lộc	19° 57' 28"	105° 51' 25"					E-48-8-B-a
thôn 3	DC	xã Thành Lộc	H. Hậu Lộc	19° 57' 31"	105° 51' 14"					E-48-8-B-a
thôn 4	DC	xã Thành Lộc	H. Hậu Lộc	19° 57' 38"	105° 51' 04"					E-48-8-B-a
thôn 5	DC	xã Thành Lộc	H. Hậu Lộc	19° 57' 35"	105° 50' 59"					E-48-8-B-a
thôn 6	DC	xã Thành Lộc	H. Hậu Lộc	19° 57' 33"	105° 50' 28"					E-48-8-B-a
thôn 7	DC	xã Thành Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 39"	105° 51' 25"					E-48-8-B-a
thôn 8	DC	xã Thành Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 47"	105° 51' 23"					E-48-8-B-a
thôn 9	DC	xã Thành Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 49"	105° 51' 41"					E-48-8-B-a
thôn 10	DC	xã Thành Lộc	H. Hậu Lộc	19° 57' 05"	105° 50' 46"					E-48-8-B-a
mương 10 Xã	TV	xã Thành Lộc	H. Hậu Lộc			19° 58' 07"	105° 49' 12"	19° 57' 28"	105° 53' 53"	E-48-8-B-a
Núi Bần	SV	xã Thành Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 49"	105° 50' 31"					E-48-8-B-a
núi Sơn Đông	SV	xã Thành Lộc	H. Hậu Lộc	19° 57' 37"	105° 51' 25"					E-48-8-B-a
quốc lộ 10	KX	xã Thịnh Lộc	H. Hậu Lộc			20° 03' 48"	106° 02' 24"	19° 51' 05"	105° 48' 00"	E-48-8-B-b
sông Trà Giang	TV	xã Thịnh Lộc	H. Hậu Lộc			19° 57' 47"	105° 54' 12"	19° 53' 38"	105° 51' 47"	E-48-8-B-b
cầu Do Hạ	KX	xã Thịnh Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 10"	105° 53' 31"					E-48-8-B-b
thôn Hoà Bình	DC	xã Thịnh Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 49"	105° 53' 10"					E-48-8-B-b
thôn Phú Yên	DC	xã Thịnh Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 29"	105° 54' 03"					E-48-8-B-b
thôn Trung Phú	DC	xã Thịnh Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 16"	105° 53' 35"					E-48-8-B-b
thôn Yên Nội	DC	xã Thịnh Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 29"	105° 53' 20"					E-48-8-B-b
quốc lộ 10	KX	xã Thuần Lộc	H. Hậu Lộc			20° 03' 48"	106° 02' 24"	19° 51' 05"	105° 48' 00"	E-48-8-B-a
sông Trà Giang	TV	xã Thuần Lộc	H. Hậu Lộc			19° 57' 47"	105° 54' 12"	19° 53' 38"	105° 51' 47"	E-48-8-B-a
thôn Bộ Đầu	DC	xã Thuần Lộc	H. Hậu Lộc	19° 53' 21"	105° 51' 25"					E-48-8-B-a
sông Cầu Sải	TV	xã Thuần Lộc	H. Hậu Lộc			19° 54' 00"	105° 49' 59"	19° 53' 38"	105° 51' 45"	E-48-8-B-a
thôn Lam Hạ	DC	xã Thuần Lộc	H. Hậu Lộc	19° 53' 28"	105° 50' 56"					E-48-8-B-a
thôn Lam Thượng	DC	xã Thuần Lộc	H. Hậu Lộc	19° 53' 23"	105° 50' 31"					E-48-8-B-a
thôn Nhuệ Thôn	DC	xã Thuần Lộc	H. Hậu Lộc	19° 53' 40"	105° 49' 59"					E-48-8-B-a
thôn Yên Thường	DC	xã Thuần Lộc	H. Hậu Lộc	19° 53' 45"	105° 50' 49"					E-48-8-B-a
Sông Âu	TV	xã Tiến Lộc	H. Hậu Lộc			19° 54' 46"	105° 45' 58"	19° 54' 30"	105° 51' 18"	E-48-8-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phut,giây)	(Độ,phut,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Núi Bản	SV	xã Tiến Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 28"	105° 50' 08"					E-48-8-B-a
chùa Bảo Ân Tháp Tự	KX	xã Tiến Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 36"	105° 50' 49"					E-48-8-B-a
thôn Bùi 1	DC	xã Tiến Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 56"	105° 50' 38"					E-48-8-B-a
thôn Bùi 2	DC	xã Tiến Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 29"	105° 50' 28"					E-48-8-B-a
thôn Ngọ 1	DC	xã Tiến Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 29"	105° 50' 52"					E-48-8-B-a
thôn Ngọ 2	DC	xã Tiến Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 18"	105° 50' 50"					E-48-8-B-a
thôn Sơn 1	DC	xã Tiến Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 49"	105° 50' 56"					E-48-8-B-a
thôn Sơn 2	DC	xã Tiến Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 40"	105° 50' 56"					E-48-8-B-a
thôn Xuân Hội 1	DC	xã Tiến Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 50"	105° 50' 28"					E-48-8-B-a
thôn Xuân Hội 2	DC	xã Tiến Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 06"	105° 50' 13"					E-48-8-B-a
thôn Xuân Thị Trang	DC	xã Tiến Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 46"	105° 51' 00"					E-48-8-B-a
quốc lộ 1A	KX	xã Triệu Lộc	H. Hậu Lộc			20° 08' 01"	105° 51' 32"	19° 16' 42"	105° 43' 16"	E-48-8-B-a
kênh B3	TV	xã Triệu Lộc	H. Hậu Lộc			19° 58' 18"	105° 50' 42"	19° 56' 43"	105° 49' 02"	E-48-8-B-a
đền Bà Triệu	KX	xã Triệu Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 53"	105° 48' 58"					E-48-8-B-a
Núi Gai	SV	xã Triệu Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 44"	105° 49' 05"					E-48-8-B-a
núi Mả Nại	SV	xã Triệu Lộc	H. Hậu Lộc	19° 57' 27"	105° 49' 23"					E-48-8-B-a
kênh N1	TV	xã Triệu Lộc	H. Hậu Lộc			19° 55' 22"	105° 48' 05"	19° 56' 43"	105° 49' 02"	E-48-8-B-a
xóm Phú Cường	DC	xã Triệu Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 37"	105° 49' 08"					E-48-8-B-a
thôn Phú Gia	DC	xã Triệu Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 28"	105° 47' 49"					E-48-8-B-a
xóm Phú Hoa	DC	xã Triệu Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 27"	105° 49' 05"					E-48-8-B-a
thôn Phú Lương	DC	xã Triệu Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 56"	105° 48' 32"					E-48-8-B-a
xóm Phú Sơn	DC	xã Triệu Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 18"	105° 48' 36"					E-48-8-B-a
xóm Phú Thịnh	DC	xã Triệu Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 20"	105° 49' 01"					E-48-8-B-a
xóm Phú Thượng	DC	xã Triệu Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 00"	105° 49' 05"					E-48-8-B-a
xóm Phú Xuân	DC	xã Triệu Lộc	H. Hậu Lộc	19° 57' 03"	105° 49' 23"					E-48-8-B-a
núi Rừng Xanh	SV	xã Triệu Lộc	H. Hậu Lộc	19° 57' 05"	105° 48' 18"					E-48-8-B-a
Đập Ruội	KX	xã Triệu Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 36"	105° 49' 23"					E-48-8-B-a
núi Sơn Trang	SV	xã Triệu Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 48"	105° 47' 22"					E-48-8-B-a
đầu Tùng Sơn	KX	xã Triệu Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 21"	105° 48' 47"					E-48-8-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phut,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phúc,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
sông Trà Giang	TV	xã Tuy Lộc	H. Hậu Lộc			19° 57' 47"	105° 54' 12"	19° 53' 38"	105° 51' 47"	E-48-8-B-b
mương 10 Xã	TV	xã Tuy Lộc	H. Hậu Lộc			19° 58' 07"	105° 49' 12"	19° 57' 28"	105° 53' 53"	E-48-8-B-b
Thôn Cách	DC	xã Tuy Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 46"	105° 53' 35"					E-48-8-B-b
thôn Đa Cui	DC	xã Tuy Lộc	H. Hậu Lộc	19° 57' 10"	105° 53' 15"					E-48-8-B-b
thôn Đa Tiến	DC	xã Tuy Lộc	H. Hậu Lộc	19° 57' 27"	105° 53' 32"					E-48-8-B-b
Thôn Đọ	DC	xã Tuy Lộc	H. Hậu Lộc	19° 57' 22"	105° 52' 59"					E-48-8-B-b
thôn Đông Đoài	DC	xã Tuy Lộc	H. Hậu Lộc	19° 57' 38"	105° 53' 06"					E-48-8-B-b
thôn Hè Phấn	DC	xã Tuy Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 58"	105° 53' 53"					E-48-8-B-b
thôn Phú Tuy	DC	xã Tuy Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 36"	105° 53' 13"					E-48-8-B-b
thôn Phú Vinh	DC	xã Tuy Lộc	H. Hậu Lộc	19° 57' 14"	105° 53' 58"					E-48-8-B-b
thôn Thành Tuy	DC	xã Tuy Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 46"	105° 53' 02"					E-48-8-B-b
thôn Thọ Lộc	DC	xã Tuy Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 48"	105° 54' 06"					E-48-8-B-b
thôn Thượng Trung	DC	xã Tuy Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 28"	105° 53' 35"					E-48-8-B-b
quốc lộ 10	KX	xã Văn Lộc	H. Hậu Lộc			20° 03' 48"	105° 02' 24"	19° 51' 05"	105° 48' 00"	E-48-8-B-a
sông Trà Giang	TV	xã Văn Lộc	H. Hậu Lộc			19° 57' 47"	105° 54' 12"	19° 53' 38"	105° 51' 47"	E-48-8-B-a, E-48-8-B-b
thôn Hè Mát	DC	xã Văn Lộc	H. Hậu Lộc	19° 53' 56"	105° 52' 05"					E-48-8-B-a
sông Lạch Trường	TV	xã Văn Lộc	H. Hậu Lộc			19° 51' 10"	105° 47' 13"	19° 53' 19"	105° 56' 43"	E-48-8-B-a, E-48-8-B-b
thôn Mỹ Điền	DC	xã Văn Lộc	H. Hậu Lộc	19° 53' 53"	105° 51' 40"					E-48-8-B-a
thôn Mỹ Quang	DC	xã Văn Lộc	H. Hậu Lộc	19° 53' 47"	105° 51' 44"					E-48-8-B-a
thôn Tinh Anh	DC	xã Văn Lộc	H. Hậu Lộc	19° 54' 05"	105° 51' 17"					E-48-8-B-a
thôn Tinh Hoa	DC	xã Văn Lộc	H. Hậu Lộc	19° 54' 22"	105° 51' 25"					E-48-8-B-a
thôn Tinh Lộc	DC	xã Văn Lộc	H. Hậu Lộc	19° 54' 13"	105° 51' 18"					E-48-8-B-a
thôn Tinh Phú	DC	xã Văn Lộc	H. Hậu Lộc	19° 54' 18"	105° 51' 17"					E-48-8-B-a
thôn Văn Xuân	DC	xã Văn Lộc	H. Hậu Lộc	19° 54' 22"	105° 52' 16"					E-48-8-B-a
xóm 7	DC	xã Xuân Lộc	H. Hậu Lộc	19° 54' 30"	105° 54' 07"					E-48-8-B-b
xóm 8	DC	xã Xuân Lộc	H. Hậu Lộc	19° 54' 44"	105° 53' 51"					E-48-8-B-b
xóm 13	DC	xã Xuân Lộc	H. Hậu Lộc	19° 54' 18"	105° 53' 56"					E-48-8-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phut,giây)	(Độ,phut,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phut,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
kênh 5 Xã	TV	xã Xuân Lộc	H. Hậu Lộc			19° 56' 00"	105° 54' 13"	19° 53' 19"	105° 54' 36"	E-48-8-B-b
xóm Bái Hà Xuân	DC	xã Xuân Lộc	H. Hậu Lộc	19° 53' 41"	105° 53' 46"					E-48-8-B-b
xóm Đông Thịnh	DC	xã Xuân Lộc	H. Hậu Lộc	19° 53' 57"	105° 53' 49"					E-48-8-B-b
xóm Đồng Thượng	DC	xã Xuân Lộc	H. Hậu Lộc	19° 53' 48"	105° 53' 10"					E-48-8-B-b
xóm Hoà Lan	DC	xã Xuân Lộc	H. Hậu Lộc	19° 54' 08"	105° 52' 55"					E-48-8-B-b
sông Lạch Trường	TV	xã Xuân Lộc	H. Hậu Lộc			19° 51' 10"	105° 47' 13"	19° 53' 19"	105° 56' 43"	E-48-8-B-b
xóm Phú Mỹ 1	DC	xã Xuân Lộc	H. Hậu Lộc	19° 53' 41"	105° 54' 11					E-48-8-B-b
xóm Phú Mỹ 2	DC	xã Xuân Lộc	H. Hậu Lộc	19° 53' 30"	105° 54' 22"					E-48-8-B-b
Cầu Gòng	KX	TT. Bút Sơn	H. Hoằng Hoá	19° 51' 21"	105° 51' 11"					E-48-8-B-c
cầu Gòng 2	KX	TT. Bút Sơn	H. Hoằng Hoá	19° 51' 19"	105° 50' 58"					E-48-8-B-c
phố Đạo Sơn	DC	TT. Bút Sơn	H. Hoằng Hoá	19° 51' 18"	105° 51' 15"					E-48-8-B-c
phố Đức Sơn	DC	TT. Bút Sơn	H. Hoằng Hoá	19° 52' 10"	105° 51' 07"					E-48-8-B-c
Sông Gòng	TV	TT. Bút Sơn	H. Hoằng Hoá			19° 50' 40"	105° 48' 11"	19° 51' 50"	105° 52' 06"	E-48-8-B-c
phố Hưng Sơn	DC	TT. Bút Sơn	H. Hoằng Hoá	19° 51' 28"	105° 51' 01"					E-48-8-B-c
sông Lạch Trường	TV	TT. Bút Sơn	H. Hoằng Hoá			19° 51' 10"	105° 47' 13"	19° 53' 19"	105° 56' 43"	E-48-8-B-(a,c)
Kênh Nam	TV	TT. Bút Sơn	H. Hoằng Hoá			19° 55' 57"	105° 45' 50"	19° 50' 33"	105° 55' 44"	E-48-8-B-c
phố Phúc Sơn	DC	TT. Bút Sơn	H. Hoằng Hoá	19° 52' 06"	105° 51' 15"					E-48-8-B-c
phố Tân Sơn	DC	TT. Bút Sơn	H. Hoằng Hoá	19° 51' 57"	105° 51' 05"					E-48-8-B-c
phố Trung Sơn	DC	TT. Bút Sơn	H. Hoằng Hoá	19° 50' 53"	105° 51' 02"					E-48-8-B-c
phố Vinh Sơn	DC	TT. Bút Sơn	H. Hoằng Hoá	19° 51' 12"	105° 51' 09"					E-48-8-B-c
thôn Ba Đình	DC	xã Hoằng Cát	H. Hoằng Hoá	19° 52' 19"	105° 48' 28"					E-48-8-B-c
thôn Cát Nội	DC	xã Hoằng Cát	H. Hoằng Hoá	19° 52' 21"	105° 48' 12"					E-48-8-B-c
thôn Đức Thành	DC	xã Hoằng Cát	H. Hoằng Hoá	19° 52' 44"	105° 50' 11"					E-48-8-B-a
sông Lạch Trường	TV	xã Hoằng Cát	H. Hoằng Hoá			19° 51' 10"	105° 47' 13"	19° 53' 19"	105° 56' 43"	E-48-8-B-(a,c)
kênh N13	TV	xã Hoằng Cát	H. Hoằng Hoá			19° 53' 02"	105° 51' 25"	19° 52' 09"	105° 48' 26"	E-48-8-B-a
Kênh Nam	TV	xã Hoằng Cát	H. Hoằng Hoá			19° 55' 57"	105° 45' 50"	19° 50' 33"	105° 55' 44"	E-48-8-B-c
thôn Nam Bình	DC	xã Hoằng Cát	H. Hoằng Hoá	19° 51' 49"	105° 48' 39"					E-48-8-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phut giay)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Nam Thọ	DC	xã Hoằng Cát	H. Hoằng Hoá	19° 52' 41"	105° 50' 01"					E-48-8-B-a
thôn Nhị Hà	DC	xã Hoằng Cát	H. Hoằng Hoá	19° 52' 02"	105° 49' 13"					E-48-8-B-c
thôn 1	DC	xã Hoằng Châu	H. Hoằng Hoá	19° 47' 37"	105° 51' 30"					E-48-8-B-c
thôn 2	DC	xã Hoằng Châu	H. Hoằng Hoá	19° 47' 46"	105° 51' 39"					E-48-8-B-c
thôn 3	DC	xã Hoằng Châu	H. Hoằng Hoá	19° 47' 50"	105° 51' 47"					E-48-8-B-c
thôn 4	DC	xã Hoằng Châu	H. Hoằng Hoá	19° 47' 56"	105° 51' 56"					E-48-8-B-c
thôn 5	DC	xã Hoằng Châu	H. Hoằng Hoá	19° 47' 45"	105° 51' 58"					E-48-8-B-c
thôn 6	DC	xã Hoằng Châu	H. Hoằng Hoá	19° 47' 30"	105° 52' 07"					E-48-8-B-c
thôn 7	DC	xã Hoằng Châu	H. Hoằng Hoá	19° 47' 32"	105° 52' 13"					E-48-8-B-c
thôn 8	DC	xã Hoằng Châu	H. Hoằng Hoá	19° 47' 23"	105° 52' 14"					E-48-8-B-c
thôn 9	DC	xã Hoằng Châu	H. Hoằng Hoá	19° 47' 41"	105° 52' 21"					E-48-8-B-c
thôn 10	DC	xã Hoằng Châu	H. Hoằng Hoá	19° 47' 23"	105° 52' 28"					E-48-8-B-c
thôn 11	DC	xã Hoằng Châu	H. Hoằng Hoá	19° 47' 10"	105° 52' 30"					E-48-8-B-c
thôn 12	DC	xã Hoằng Châu	H. Hoằng Hoá	19° 47' 07"	105° 52' 43"					E-48-8-B-d
thôn 13	DC	xã Hoằng Châu	H. Hoằng Hoá	19° 47' 04"	105° 52' 50"					E-48-8-B-d
thôn 14	DC	xã Hoằng Châu	H. Hoằng Hoá	19° 46' 59"	105° 52' 58"					E-48-8-B-d
Sông Mã	TV	xã Hoằng Châu	H. Hoằng Hoá			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	E-48-8-B-(c,d)
Cửa Hới	TV	xã Hoằng Châu	H. Hoằng Hoá	19° 47' 08"	105° 55' 37"					E-48-8-B-d
thôn Cầu Hiền	DC	xã Hoằng Đạo	H. Hoằng Hoá	19° 51' 23"	105° 51' 40"					E-48-8-B-c
Sông Cung	TV	xã Hoằng Đạo	H. Hoằng Hoá			19° 52' 51"	105° 58' 44"	19° 47' 41"	105° 54' 54"	E-48-8-B-d
Sông Đằng	TV	xã Hoằng Đạo	H. Hoằng Hoá			19° 51' 50"	105° 52' 05"	19° 51' 15"	105° 53' 31"	E-48-8-B-c, E-48-8-B-d
thôn Đằng Trung	DC	xã Hoằng Đạo	H. Hoằng Hoá	19° 51' 01"	105° 52' 43"					E-48-8-B-d
thôn Đạo Khang	DC	xã Hoằng Đạo	H. Hoằng Hoá	19° 51' 13"	105° 52' 53"					E-48-8-B-d
thôn Đạo Lý	DC	xã Hoằng Đạo	H. Hoằng Hoá	19° 51' 56"	105° 52' 37"					E-48-8-B-d
thôn Đạo Ninh	DC	xã Hoằng Đạo	H. Hoằng Hoá	19° 51' 09"	105° 52' 34"					E-48-8-B-c
thôn Đạo Tài	DC	xã Hoằng Đạo	H. Hoằng Hoá	19° 51' 15"	105° 52' 46"					E-48-8-B-d
thôn Dư Khánh	DC	xã Hoằng Đạo	H. Hoằng Hoá	19° 51' 20"	105° 51' 29"					E-48-8-B-c
Sông Gòng	TV	xã Hoằng Đạo	H. Hoằng Hoá			19° 50' 40"	105° 48' 11"	19° 51' 50"	105° 52' 08"	E-48-8-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Luyện Phú	DC	xã Hoằng Đạo	H. Hoằng Hoá	19° 50' 55"	105° 52' 06"					E-48-8-B-c
thôn Luyện Tây	DC	xã Hoằng Đạo	H. Hoằng Hoá	19° 51' 01"	105° 51' 54"					E-48-8-B-c
Kênh Nam	TV	xã Hoằng Đạo	H. Hoằng Hoá			19° 55' 57"	105° 45' 50"	19° 50' 33"	105° 55' 44"	E-48-8-B-c, E-48-8-B-d
thôn Nhân Phúc	DC	xã Hoằng Đạo	H. Hoằng Hoá	19° 51' 27"	105° 52' 21"					E-48-8-B-c
thôn Nhân Trạch	DC	xã Hoằng Đạo	H. Hoằng Hoá	19° 51' 14"	105° 53' 07"					E-48-8-B-d
thôn Tè Thôn	DC	xã Hoằng Đạo	H. Hoằng Hoá	19° 51' 09"	105° 51' 38"					E-48-8-B-c
thôn Yên Trường	DC	xã Hoằng Đạo	H. Hoằng Hoá	19° 51' 36"	105° 52' 08"					E-48-8-B-c
Sông Đăng	TV	xã Hoằng Đạt	H. Hoằng Hoá			19° 51' 50"	105° 52' 05"	19° 51' 15"	105° 53' 31"	E-48-8-B-d
thôn Hạ Vũ 1	DC	xã Hoằng Đạt	H. Hoằng Hoá	19° 53' 12"	105° 52' 21"					E-48-8-B-a
thôn Hạ Vũ 2	DC	xã Hoằng Đạt	H. Hoằng Hoá	19° 53' 30"	105° 52' 31"					E-48-8-B-b
sông Lạch Trường	TV	xã Hoằng Đạt	H. Hoằng Hoá			19° 51' 10"	105° 47' 13"	19° 53' 19"	105° 56' 43"	E-48-8-B-a
thôn Tam Nguyên	DC	xã Hoằng Đạt	H. Hoằng Hoá	19° 53' 31"	105° 52' 07"					E-48-8-B-a
thôn Thù Ninh	DC	xã Hoằng Đạt	H. Hoằng Hoá	19° 52' 40"	105° 52' 07"					E-48-8-B-a
thôn 1	DC	xã Hoằng Đông	H. Hoằng Hoá	19° 50' 03"	105° 54' 44"					E-48-8-B-d
thôn 2	DC	xã Hoằng Đông	H. Hoằng Hoá	19° 49' 46"	105° 54' 44"					E-48-8-B-d
thôn 3	DC	xã Hoằng Đông	H. Hoằng Hoá	19° 49' 48"	105° 54' 28"					E-48-8-B-d
thôn 4	DC	xã Hoằng Đông	H. Hoằng Hoá	19° 49' 37"	105° 54' 28"					E-48-8-B-d
thôn 5	DC	xã Hoằng Đông	H. Hoằng Hoá	19° 49' 09"	105° 54' 34"					E-48-8-B-d
thôn 6	DC	xã Hoằng Đông	H. Hoằng Hoá	19° 49' 08"	105° 54' 24"					E-48-8-B-d
thôn 7	DC	xã Hoằng Đông	H. Hoằng Hoá	19° 49' 18"	105° 54' 23"					E-48-8-B-d
thôn 8	DC	xã Hoằng Đông	H. Hoằng Hoá	19° 49' 25"	105° 54' 22"					E-48-8-B-d
thôn 9	DC	xã Hoằng Đông	H. Hoằng Hoá	19° 49' 33"	105° 54' 15"					E-48-8-B-d
thôn 10	DC	xã Hoằng Đông	H. Hoằng Hoá	19° 49' 47"	105° 54' 15"					E-48-8-B-d
thôn 11	DC	xã Hoằng Đông	H. Hoằng Hoá	19° 49' 27"	105° 54' 14"					E-48-8-B-d
Sông Cung	TV	xã Hoằng Đông	H. Hoằng Hoá			19° 52' 51"	105° 53' 44"	19° 47' 41"	105° 54' 54"	E-48-8-B-d
thôn 1	DC	xã Hoằng Đồng	H. Hoằng Hoá	19° 50' 18"	105° 50' 48"					E-48-8-B-c
thôn 2	DC	xã Hoằng Đồng	H. Hoằng Hoá	19° 50' 15"	105° 50' 45"					E-48-8-B-c
thôn 3	DC	xã Hoằng Đồng	H. Hoằng Hoá	19° 50' 28"	105° 50' 36"					E-48-8-B-c
thôn 4	DC	xã Hoằng Đồng	H. Hoằng Hoá	19° 50' 28"	105° 50' 29"					E-48-8-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn 5	DC	xã Hoằng Đồng	H. Hoằng Hoá	19° 50' 15"	105° 50' 34"					E-48-8-B-c
thôn 6	DC	xã Hoằng Đồng	H. Hoằng Hoá	19° 50' 12"	105° 50' 18"					E-48-8-B-c
thôn 7	DC	xã Hoằng Đồng	H. Hoằng Hoá	19° 50' 18"	105° 50' 13"					E-48-8-B-c
thôn 8	DC	xã Hoằng Đồng	H. Hoằng Hoá	19° 50' 27"	105° 50' 16"					E-48-8-B-c
kênh N18	TV	xã Hoằng Đồng	H. Hoằng Hoá			19° 51' 06"	105° 49' 41"	19° 49' 23"	105° 49' 08"	E-48-8-B-c
thôn 1	DC	xã Hoằng Đức	H. Hoằng Hoá	19° 52' 08"	105° 50' 48"					E-48-8-B-c
thôn 4	DC	xã Hoằng Đức	H. Hoằng Hoá	19° 52' 01"	105° 50' 52"					E-48-8-B-c
thôn 5	DC	xã Hoằng Đức	H. Hoằng Hoá	19° 52' 07"	105° 50' 52"					E-48-8-B-c
thôn 6	DC	xã Hoằng Đức	H. Hoằng Hoá	19° 52' 04"	105° 50' 17"					E-48-8-B-c
thôn 7	DC	xã Hoằng Đức	H. Hoằng Hoá	19° 51' 49"	105° 50' 37"					E-48-8-B-c
thôn 8	DC	xã Hoằng Đức	H. Hoằng Hoá	19° 51' 45"	105° 50' 35"					E-48-8-B-c
thôn 9	DC	xã Hoằng Đức	H. Hoằng Hoá	19° 51' 51"	105° 50' 44"					E-48-8-B-c
quốc lộ 10	KX	xã Hoằng Đức	H. Hoằng Hoá			20° 03' 48"	106° 02' 24"	19° 51' 05"	105° 48' 00"	E-48-8-B-(a,c)
thôn 10	DC	xã Hoằng Đức	H. Hoằng Hoá	19° 51' 43"	105° 50' 43"					E-48-8-B-c
thôn 11	DC	xã Hoằng Đức	H. Hoằng Hoá	19° 51' 28"	105° 50' 54"					E-48-8-B-c
Sông Gòng	TV	xã Hoằng Đức	H. Hoằng Hoá			19° 50' 40"	105° 48' 11"	19° 51' 50"	105° 52' 06"	E-48-8-B-c
sông Lạch Trường	TV	xã Hoằng Đức	H. Hoằng Hoá			19° 51' 10"	105° 47' 13"	19° 53' 19"	105° 56' 43"	E-48-8-B-(a,c)
thôn 1	DC	xã Hoằng Giang	H. Hoằng Hoá	19° 53' 28"	105° 46' 00"					E-48-8-B-a
thôn 2	DC	xã Hoằng Giang	H. Hoằng Hoá	19° 53' 17"	105° 45' 53"					E-48-8-B-a
thôn 3	DC	xã Hoằng Giang	H. Hoằng Hoá	19° 53' 05"	105° 46' 02"					E-48-8-B-a
thôn 4	DC	xã Hoằng Giang	H. Hoằng Hoá	19° 53' 12"	105° 46' 14"					E-48-8-B-a
thôn 5	DC	xã Hoằng Giang	H. Hoằng Hoá	19° 53' 04"	105° 46' 17"					E-48-8-B-a
thôn 6	DC	xã Hoằng Giang	H. Hoằng Hoá	19° 52' 50"	105° 46' 13"					E-48-8-B-a
Kênh Nam	TV	xã Hoằng Giang	H. Hoằng Hoá			19° 55' 57"	105° 49' 50"	19° 50' 33"	105° 55' 44"	E-48-8-B-a
kênh Giang Quý	TV	xã Hoằng Giang	H. Hoằng Hoá			19° 53' 05"	105° 46' 11"	19° 53' 30"	105° 49' 10"	E-48-8-B-a
Sông Mã	TV	xã Hoằng Giang	H. Hoằng Hoá			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	E-48-8-B-a
thôn 1	DC	xã Hoằng Hà	H. Hoằng Hoá	19° 53' 06"	105° 52' 53"					E-48-8-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn 2	DC	xã Hoằng Hà	H. Hoằng Hoá	19° 53' 01"	105° 53' 09"					E-48-8-B-b
thôn 3	DC	xã Hoằng Hà	H. Hoằng Hoá	19° 53' 07"	105° 53' 04"					E-48-8-B-b
thôn 4	DC	xã Hoằng Hà	H. Hoằng Hoá	19° 52' 43"	105° 53' 29"					E-48-8-B-b
thôn 5	DC	xã Hoằng Hà	H. Hoằng Hoá	19° 51' 42"	105° 53' 21"					E-48-8-B-d
Sông Đáng	TV	xã Hoằng Hà	H. Hoằng Hoá			19° 51' 50"	105° 52' 05"	19° 51' 15"	105° 53' 31"	E-48-8-B-d
Sông Cung	TV	xã Hoằng Hà	H. Hoằng Hoá			19° 52' 51"	105° 53' 44"	19° 47' 41"	105° 54' 54"	E-48-8-B-(b,d)
sông Lạch Trường	TV	xã Hoằng Hà	H. Hoằng Hoá			19° 51' 10"	105° 47' 13"	19° 53' 19"	105° 55' 43"	E-48-8-B-b
thôn 1	DC	xã Hoằng Hải	H. Hoằng Hoá	19° 52' 05"	105° 55' 10"					E-48-8-B-d
thôn 2	DC	xã Hoằng Hải	H. Hoằng Hoá	19° 51' 54"	105° 55' 30"					E-48-8-B-d
thôn 3	DC	xã Hoằng Hải	H. Hoằng Hoá	19° 51' 55"	105° 55' 37"					E-48-8-B-d
thôn 4	DC	xã Hoằng Hải	H. Hoằng Hoá	19° 51' 59"	105° 55' 48"					E-48-8-B-d
thôn 5	DC	xã Hoằng Hải	H. Hoằng Hoá	19° 51' 41"	105° 55' 24"					E-48-8-B-d
thôn 6	DC	xã Hoằng Hải	H. Hoằng Hoá	19° 51' 38"	105° 55' 50"					E-48-8-B-d
thôn 7	DC	xã Hoằng Hải	H. Hoằng Hoá	19° 51' 22"	105° 55' 22"					E-48-8-B-d
thôn 8	DC	xã Hoằng Hải	H. Hoằng Hoá	19° 51' 23"	105° 55' 35"					E-48-8-B-d
thôn 9	DC	xã Hoằng Hải	H. Hoằng Hoá	19° 51' 22"	105° 56' 04"					E-48-8-B-d
thôn 10	DC	xã Hoằng Hải	H. Hoằng Hoá	19° 51' 07"	105° 56' 05"					E-48-8-B-d
thôn 11	DC	xã Hoằng Hải	H. Hoằng Hoá	19° 51' 36"	105° 55' 40"					E-48-8-B-d
làng Đông Hoà	DC	xã Hoằng Hải	H. Hoằng Hoá	19° 51' 22"	105° 55' 22"					E-48-8-B-d
núi Linh Trường	SV	xã Hoằng Hải	H. Hoằng Hoá	19° 52' 43"	105° 56' 02"					E-48-8-B-b
thôn An Hoà	DC	xã Hoằng Hợp	H. Hoằng Hoá	19° 53' 07"	105° 47' 16"					E-48-8-B-a
thôn Đức Giáo 10	DC	xã Hoằng Hợp	H. Hoằng Hoá	19° 52' 04"	105° 47' 22"					E-48-8-B-c
thôn Đức Giáo 11	DC	xã Hoằng Hợp	H. Hoằng Hoá	19° 52' 00"	105° 47' 29"					E-48-8-B-c
kênh Giang Quý	TV	xã Hoằng Hợp	H. Hoằng Hoá			19° 53' 05"	105° 46' 11"	19° 53' 30"	105° 49' 10"	E-48-8-B-a
thôn Hợp Tiến	DC	xã Hoằng Hợp	H. Hoằng Hoá	19° 52' 10"	105° 47' 08"					E-48-8-B-c
thôn Lộc Ấu	DC	xã Hoằng Hợp	H. Hoằng Hoá	19° 52' 39"	105° 47' 10"					E-48-8-B-a
thôn Lộc Bình	DC	xã Hoằng Hợp	H. Hoằng Hoá	19° 52' 36"	105° 47' 02"					E-48-8-B-a
thôn Lộc Thọ	DC	xã Hoằng Hợp	H. Hoằng Hoá	19° 52' 41"	105° 46' 46"					E-48-8-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Sông Mã	TV	xã Hoằng Hợp	H. Hoằng Hoá			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	E-48-8-B-a,c
thôn Minh Quang	DC	xã Hoằng Hợp	H. Hoằng Hoá	19° 52' 42"	105° 47' 02"					E-48-8-B-a
kênh N7	TV	xã Hoằng Hợp	H. Hoằng Hoá			19° 53' 01"	105° 47' 09"	19° 53' 19"	105° 48' 54"	E-48-8-B-a
Kênh Nam	TV	xã Hoằng Hợp	H. Hoằng Hoá			19° 55' 57"	105° 45' 50"	19° 50' 33"	105° 55' 44"	E-48-8-B-a
thôn Nhân Vực	DC	xã Hoằng Hợp	H. Hoằng Hoá	19° 53' 21"	105° 47' 06"					E-48-8-B-a
thôn Phú Quý	DC	xã Hoằng Hợp	H. Hoằng Hoá	19° 52' 49"	105° 48' 31"					E-48-8-B-a
thôn Quý Thanh	DC	xã Hoằng Hợp	H. Hoằng Hoá	19° 52' 41"	105° 47' 24"					E-48-8-B-a
thôn 1	DC	xã Hoằng Khánh	H. Hoằng Hoá	19° 57' 16"	105° 45' 58"					E-48-8-B-a
thôn 2	DC	xã Hoằng Khánh	H. Hoằng Hoá	19° 56' 52"	105° 46' 07"					E-48-8-B-a
thôn 3	DC	xã Hoằng Khánh	H. Hoằng Hoá	19° 56' 17"	105° 45' 15"					E-48-8-B-a
thôn 4	DC	xã Hoằng Khánh	H. Hoằng Hoá	19° 56' 05"	105° 45' 56"					E-48-8-B-a
thôn 5	DC	xã Hoằng Khánh	H. Hoằng Hoá	19° 55' 50"	105° 45' 52"					E-48-8-B-a
thôn 6	DC	xã Hoằng Khánh	H. Hoằng Hoá	19° 55' 41"	105° 45' 50"					E-48-8-B-a
thôn 7	DC	xã Hoằng Khánh	H. Hoằng Hoá	19° 55' 11"	105° 45' 49"					E-48-8-B-a
thôn 8	DC	xã Hoằng Khánh	H. Hoằng Hoá	19° 55' 02"	105° 45' 54"					E-48-8-B-a
thôn 9	DC	xã Hoằng Khánh	H. Hoằng Hoá	19° 54' 58"	105° 45' 55"					E-48-8-B-a
thôn 10	DC	xã Hoằng Khánh	H. Hoằng Hoá	19° 55' 25"	105° 46' 36"					E-48-8-B-a
thôn 11	DC	xã Hoằng Khánh	H. Hoằng Hoá	19° 55' 13"	105° 46' 23"					E-48-8-B-a
thôn 12	DC	xã Hoằng Khánh	H. Hoằng Hoá	19° 55' 47"	105° 46' 22"					E-48-8-B-a
Kênh Nam	TV	xã Hoằng Khánh	H. Hoằng Hoá			19° 55' 57"	105° 45' 50"	19° 50' 33"	105° 55' 44"	E-48-8-B-a
Đồ Vàng	KX	xã Hoằng Khánh	H. Hoằng Hoá	19° 56' 02"	105° 45' 47"					E-48-8-B-a
Sông Âu	TV	xã Hoằng Khánh	H. Hoằng Hoá			19° 54' 46"	105° 46' 58"	19° 54' 30"	105° 51' 18"	E-48-8-B-a
Núi Bái	SV	xã Hoằng Khánh	H. Hoằng Hoá	19° 57' 13"	105° 46' 24"					E-48-8-B-a
Sông Lèn	TV	xã Hoằng Khánh	H. Hoằng Hoá			19° 57' 31"	105° 45' 38"	19° 57' 07"	106° 00' 04"	E-48-8-B-a
Sông Mã	TV	xã Hoằng Khánh	H. Hoằng Hoá			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	E-48-8-B-a
kênh N1	TV	xã Hoằng Khánh	H. Hoằng Hoá			19° 55' 22"	105° 46' 05"	19° 56' 43"	105° 49' 02"	E-48-8-B-a
núi Sơn Trang	SV	xã Hoằng Khánh	H. Hoằng Hoá	19° 55' 46"	105° 47' 22"					E-48-8-B-a
thôn 1	DC	xã Hoằng Khê	H. Hoằng Hoá	19° 53' 42"	105° 49' 38"					E-48-8-B-a
thôn 2	DC	xã Hoằng Khê	H. Hoằng Hoá	19° 53' 18"	105° 49' 50"					E-48-8-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn 3	DC	xã Hoằng Khê	H. Hoằng Hoá	19° 53' 14"	105° 49' 55"					E-48-8-B-a
thôn 4	DC	xã Hoằng Khê	H. Hoằng Hoá	19° 53' 08"	105° 49' 59"					E-48-8-B-a
thôn 5	DC	xã Hoằng Khê	H. Hoằng Hoá	19° 53' 05"	105° 49' 59"					E-48-8-B-a
thôn 6	DC	xã Hoằng Khê	H. Hoằng Hoá	19° 52' 58"	105° 49' 42"					E-48-8-B-a
thôn 7	DC	xã Hoằng Khê	H. Hoằng Hoá	19° 53' 11"	105° 50' 28"					E-48-8-B-a
quốc lộ 10	KX	xã Hoằng Khê	H. Hoằng Hoá			20° 03' 48"	106° 02' 24"	19° 51' 05"	105° 48' 00"	E-48-8-B-a
kênh N19	TV	xã Hoằng Khê	H. Hoằng Hoá			19° 53' 02"	105° 51' 25"	19° 52' 09"	105° 48' 25"	E-48-8-B-a
sông Trà Giang	TV	xã Hoằng Khê	H. Hoằng Hoá			19° 57' 47"	105° 54' 12"	19° 53' 38"	105° 51' 47"	E-48-8-B-a
quốc lộ 1A	KX	xã Hoằng Kim	H. Hoằng Hoá			20° 08' 01"	105° 51' 32"	19° 18' 42"	105° 43' 16"	E-48-8-B-a
thôn 1 Kim Sơn	DC	xã Hoằng Kim	H. Hoằng Hoá	19° 54' 40"	105° 47' 34"					E-48-8-B-a
thôn 2 Kim Sơn	DC	xã Hoằng Kim	H. Hoằng Hoá	19° 54' 38"	105° 47' 38"					E-48-8-B-a
thôn 2 Nghĩa Trang	DC	xã Hoằng Kim	H. Hoằng Hoá	19° 54' 37"	105° 47' 42"					E-48-8-B-a
thôn 3 Kim Sơn	DC	xã Hoằng Kim	H. Hoằng Hoá	19° 54' 47"	105° 48' 41"					E-48-8-B-a
thôn 3 Nghĩa Trang	DC	xã Hoằng Kim	H. Hoằng Hoá	19° 54' 46"	105° 48' 38"					E-48-8-B-a
thôn 4 Nghĩa Trang	DC	xã Hoằng Kim	H. Hoằng Hoá	19° 54' 45"	105° 48' 32"					E-48-8-B-a
thôn 5 Nghĩa Trang	DC	xã Hoằng Kim	H. Hoằng Hoá	19° 54' 43"	105° 48' 29"					E-48-8-B-a
thôn 6 Nghĩa Trang	DC	xã Hoằng Kim	H. Hoằng Hoá	19° 54' 41"	105° 48' 25"					E-48-8-B-a
thôn 7 Nghĩa Trang	DC	xã Hoằng Kim	H. Hoằng Hoá	19° 54' 41"	105° 48' 21"					E-48-8-B-a
Sông Âu	TV	xã Hoằng Kim	H. Hoằng Hoá			19° 54' 48"	105° 45' 58"	19° 54' 30"	105° 51' 18"	E-48-8-B-a
thôn Hiệp Thành	DC	xã Hoằng Kim	H. Hoằng Hoá	19° 54' 46"	105° 48' 22"					E-48-8-B-a
thôn My Du	DC	xã Hoằng Kim	H. Hoằng Hoá	19° 54' 41"	105° 48' 00"					E-48-8-B-a
thôn Nghĩa Phú	DC	xã Hoằng Kim	H. Hoằng Hoá	19° 54' 49"	105° 48' 52"					E-48-8-B-a
thôn Bắc Nam	DC	xã Hoằng Lộc	H. Hoằng Hoá	19° 48' 54"	105° 50' 19"					E-48-8-B-c
thôn Bái Đông	DC	xã Hoằng Lộc	H. Hoằng Hoá	19° 48' 43"	105° 50' 30"					E-48-8-B-c
Thôn Chùa	DC	xã Hoằng Lộc	H. Hoằng Hoá	19° 49' 00"	105° 50' 14"					E-48-8-B-c
Thôn Đà	DC	xã Hoằng Lộc	H. Hoằng Hoá	19° 49' 06"	105° 50' 15"					E-48-8-B-c
thôn Đình Bằng	DC	xã Hoằng Lộc	H. Hoằng Hoá	19° 48' 58"	105° 50' 27"					E-48-8-B-c
thôn Đình Nam	DC	xã Hoằng Lộc	H. Hoằng Hoá	19° 48' 50"	105° 50' 24"					E-48-8-B-c
thôn Đồng Mẫu	DC	xã Hoằng Lộc	H. Hoằng Hoá	19° 49' 00"	105° 50' 06"					E-48-8-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phut,giây)	(Đọ,phút,giây)	(Độ,phut,giay)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Đồng Phú	DC	xã Hoằng Lộc	H. Hoằng Hoá	19° 49' 07"	105° 50' 22"					E-48-8-B-c
thôn Hưng Thịnh	DC	xã Hoằng Lộc	H. Hoằng Hoá	19° 48' 55"	105° 50' 16"					E-48-8-B-c
thôn Hưng Tiến	DC	xã Hoằng Lộc	H. Hoằng Hoá	19° 48' 44"	105° 50' 17"					E-48-8-B-c
Thôn Lay	DC	xã Hoằng Lộc	H. Hoằng Hoá	19° 49' 00"	105° 50' 06"					E-48-8-B-c
Thôn Sau	DC	xã Hoằng Lộc	H. Hoằng Hoá	19° 48' 08"	105° 50' 07"					E-48-8-B-c
thôn 4 Đại An	DC	xã Hoằng Lương	H. Hoằng Hoá	19° 54' 49"	105° 50' 54"					E-48-8-B-a
thôn 5 Đại An	DC	xã Hoằng Lương	H. Hoằng Hoá	19° 54' 43"	105° 51' 01"					E-48-8-B-a
thôn 6 Đại An	DC	xã Hoằng Lương	H. Hoằng Hoá	19° 54' 31"	105° 61' 06"					E-48-8-B-a
thôn 7 Đại An	DC	xã Hoằng Lương	H. Hoằng Hoá	19° 54' 26"	105° 51' 08"					E-48-8-B-a
Sông Âu	TV	xã Hoằng Lương	H. Hoằng Hoá			19° 54' 46"	105° 46' 56"	19° 54' 30"	105° 51' 18"	E-48-8-B-a
thôn Đại An	DC	xã Hoằng Lương	H. Hoằng Hoá	19° 54' 40"	105° 51' 03"					E-48-8-B-a
thôn Lương Quán	DC	xã Hoằng Lương	H. Hoằng Hoá	19° 55' 06"	105° 50' 28"					E-48-8-B-a
sông Trà Giang	TV	xã Hoằng Lương	H. Hoằng Hoá			19° 57' 47"	105° 54' 12"	19° 53' 36"	105° 51' 47"	E-48-8-B-a
thôn Tuấn Lương	DC	xã Hoằng Lương	H. Hoằng Hoá	19° 55' 28"	105° 50' 28"					E-48-8-B-a
Sông Cung	TV	xã Hoằng Lưu	H. Hoằng Hoá			19° 52' 51"	105° 53' 44"	19° 47' 41"	105° 54' 54"	E-48-8-B-d
thôn Đồng Điều	DC	xã Hoằng Lưu	H. Hoằng Hoá	19° 50' 22"	105° 52' 51"					E-48-8-B-d
thôn Nghĩa Lập	DC	xã Hoằng Lưu	H. Hoằng Hoá	19° 48' 44"	105° 52' 42"					E-48-8-B-d
thôn Nghĩa Phú	DC	xã Hoằng Lưu	H. Hoằng Hoá	19° 48' 50"	105° 52' 31"					E-48-8-B-d
thôn Phục Lễ	DC	xã Hoằng Lưu	H. Hoằng Hoá	19° 48' 28"	105° 52' 42"					E-48-8-B-d
thôn Phượng Khê	DC	xã Hoằng Lưu	H. Hoằng Hoá	19° 49' 50"	105° 53' 05"					E-48-8-B-d
thôn Phượng Ngô 1	DC	xã Hoằng Lưu	H. Hoằng Hoá	19° 49' 33"	105° 52' 44"					E-48-8-B-d
thôn Phượng Ngô 2	DC	xã Hoằng Lưu	H. Hoằng Hoá	19° 49' 23"	105° 52' 48"					E-48-8-B-d
thôn 1	DC	xã Hoằng Minh	H. Hoằng Hoá	19° 52' 07"	105° 50' 03"					E-48-8-B-c
thôn 2	DC	xã Hoằng Minh	H. Hoằng Hoá	19° 52' 03"	105° 49' 52"					E-48-8-B-c
thôn 3	DC	xã Hoằng Minh	H. Hoằng Hoá	19° 51' 54"	105° 49' 43"					E-48-8-B-c
thôn 4	DC	xã Hoằng Minh	H. Hoằng Hoá	19° 51' 35"	105° 49' 07"					E-48-8-B-c
thôn 5	DC	xã Hoằng Minh	H. Hoằng Hoá	19° 51' 29"	105° 49' 07"					E-48-8-B-c
thôn 6	DC	xã Hoằng Minh	H. Hoằng Hoá	19° 51' 28"	105° 49' 13"					E-48-8-B-c
thôn 7	DC	xã Hoằng Minh	H. Hoằng Hoá	19° 51' 00"	105° 49' 31"					E-48-8-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn 8	DC	xã Hoằng Minh	H. Hoằng Hoá	19° 50' 55"	105° 49' 27"					E-48-8-B-c
thôn 9	DC	xã Hoằng Minh	H. Hoằng Hoá	19° 50' 61"	105° 49' 25"					E-48-8-B-c
thôn 10	DC	xã Hoằng Minh	H. Hoằng Hoá	19° 50' 47"	105° 49' 24"					E-48-8-B-c
quốc lộ 10	KX	xã Hoằng Minh	H. Hoằng Hoa			20° 03' 48"	106° 02' 24"	19° 51' 05"	105° 48' 00"	E-48-8-B-c
Sông Gòng	TV	xã Hoằng Minh	H. Hoằng Hoá			19° 50' 40"	105° 48' 11"	19° 51' 50"	105° 52' 06"	E-48-8-B-c
sông Lạch Trường	TV	xã Hoằng Minh	H. Hoằng Hoá			19° 51' 10"	105° 47' 13"	19° 53' 19"	105° 56' 43"	E-48-8-B-c
kênh N16	TV	xã Hoằng Minh	H. Hoằng Hoá			19° 51' 38"	105° 49' 06"	19° 51' 01"	105° 48' 14"	E-48-8-B-c
kênh N18	TV	xã Hoằng Minh	H. Hoằng Hoá			19° 51' 06"	105° 49' 41"	19° 49' 23"	105° 49' 08"	E-48-8-B-c
Kênh Nam	TV	xã Hoằng Minh	H. Hoằng Hoa			19° 55' 57"	105° 45' 50"	19° 50' 33"	105° 55' 44"	E-48-8-B-c
thôn 1	DC	xã Hoằng Ngọc	H. Hoằng Hoá	19° 49' 59"	105° 54' 18"					E-48-8-B-d
thôn 2	DC	xã Hoằng Ngọc	H. Hoằng Hoá	19° 50' 05"	105° 54' 17"					E-48-8-B-d
thôn 3	DC	xã Hoằng Ngọc	H. Hoằng Hoa	19° 50' 18"	105° 54' 20"					E-48-8-B-d
thôn 4	DC	xã Hoằng Ngọc	H. Hoằng Hoá	19° 50' 36"	105° 54' 03"					E-48-8-B-d
thôn 5	DC	xã Hoằng Ngọc	H. Hoằng Hoá	19° 50' 44"	105° 54' 15"					E-48-8-B-d
thôn 6	DC	xã Hoằng Ngọc	H. Hoằng Hoá	19° 50' 44"	105° 54' 27"					E-48-8-B-d
thôn 7	DC	xã Hoằng Ngọc	H. Hoằng Hoá	19° 51' 28"	105° 54' 10"					E-48-8-B-d
thôn 8	DC	xã Hoằng Ngọc	H. Hoằng Hoá	19° 51' 42"	105° 53' 44"					E-48-8-B-d
thôn 9	DC	xã Hoằng Ngọc	H. Hoằng Hoá	19° 50' 42"	105° 53' 26"					E-48-8-B-d
Sông Cung	TV	xã Hoằng Ngọc	H. Hoằng Hoa			19° 52' 51"	105° 53' 44"	19° 47' 41"	105° 54' 54"	E-48-8-B-d
Kênh Nam	TV	xã Hoằng Ngọc	H. Hoằng Hoá			19° 55' 57"	105° 45' 50"	19° 50' 33"	105° 55' 44"	E-48-8-B-d
thôn Bắc Hải	DC	xã Hoằng Phong	H. Hoằng Hoá	19° 48' 26"	105° 53' 06"					E-48-8-B-d
Sông Cung	TV	xã Hoằng Phong	H. Hoằng Hoa			19° 52' 51"	105° 53' 44"	19° 47' 41"	105° 54' 54"	E-48-8-B-d
thôn Đình Long	DC	xã Hoằng Phong	H. Hoằng Hoá	19° 47' 32"	105° 52' 36"					E-48-8-B-d
thôn Đình Sơn	DC	xã Hoằng Phong	H. Hoằng Hoá	19° 48' 09"	105° 52' 15"					E-48-8-B-c
thôn Đông Ngọc	DC	xã Hoằng Phong	H. Hoằng Hoá	19° 47' 33"	105° 52' 41"					E-48-8-B-d
thôn Hải Long	DC	xã Hoằng Phong	H. Hoằng Hoá	19° 47' 51"	105° 52' 57"					E-48-8-B-d
thôn Liên Sơn	DC	xã Hoằng Phong	H. Hoằng Hoá	19° 48' 01"	105° 52' 57"					E-48-8-B-d
Sông Mã	TV	xã Hoằng Phong	H. Hoằng Hoa			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	E-48-8-B-d
thôn Nam Hạc	DC	xã Hoằng Phong	H. Hoằng Hoá	19° 48' 06"	105° 52' 25"					E-48-8-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Phong Mỹ	DC	xã Hoằng Phong	H. Hoằng Hoá	19° 48' 01"	105° 52' 38"					E-48-8-B-d
thôn Trung Triều	DC	xã Hoằng Phong	H. Hoằng Hoá	19° 48' 09"	105° 52' 58"					E-48-8-B-d
quốc lộ 1A	KX	xã Hoằng Phú	H. Hoằng Hoá			20° 08' 01"	105° 51' 32"	19° 18' 42"	105° 43' 16"	E-48-8-B-a
kênh N7	TV	xã Hoằng Phú	H. Hoằng Hoá			19° 53' 01"	105° 47' 09"	19° 53' 19"	105° 48' 54"	E-48-8-B-a
kênh Giang Quý	TV	xã Hoằng Phú	H. Hoằng Hoá			19° 53' 05"	105° 46' 11"	19° 53' 30"	105° 49' 10"	E-48-8-B-a
thôn Phú Thượng 1	DC	xã Hoằng Phú	H. Hoằng Hoá	19° 54' 02"	105° 47' 49"					E-48-8-B-a
thôn Phú Thượng 2	DC	xã Hoằng Phú	H. Hoằng Hoá	19° 54' 02"	105° 47' 53"					E-48-8-B-a
thôn Phú Trung	DC	xã Hoằng Phú	H. Hoằng Hoá	19° 53' 52"	105° 48' 03"					E-48-8-B-a
thôn Trịnh Thôn	DC	xã Hoằng Phú	H. Hoằng Hoá	19° 53' 41"	105° 47' 44"					E-48-8-B-a
thôn Trung Tây	DC	xã Hoằng Phú	H. Hoằng Hoá	19° 53' 57"	105° 47' 58"					E-48-8-B-a
thôn Bắc Sơn	DC	xã Hoằng Phụ	H. Hoằng Hoá	19° 48' 43"	105° 54' 36"					E-48-8-B-d
Sông Cung	TV	xã Hoằng Phụ	H. Hoằng Hoá			19° 52' 51"	105° 53' 44"	19° 47' 41"	105° 54' 54"	E-48-8-B-d
Cửa Hới	TV	xã Hoằng Phụ	H. Hoằng Hoá	19° 47' 08"	105° 55' 37"					E-48-8-B-d
thôn Hồng Kỳ	DC	xã Hoằng Phụ	H. Hoằng Hoá	19° 48' 53"	105° 54' 43"					E-48-8-B-d
thôn Hợp Tân	DC	xã Hoằng Phụ	H. Hoằng Hoá	19° 48' 31"	105° 54' 53"					E-48-8-B-d
Sông Mã	TV	xã Hoằng Phụ	H. Hoằng Hoá			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	E-48-8-B-d
thôn Sao Vàng	DC	xã Hoằng Phụ	H. Hoằng Hoá	19° 49' 05"	105° 54' 52"					E-48-8-B-d
thôn Tân Xuân	DC	xã Hoằng Phụ	H. Hoằng Hoá	19° 47' 42"	105° 55' 38"					E-48-8-B-d
thôn Tháng Mười	DC	xã Hoằng Phụ	H. Hoằng Hoá	19° 49' 26"	105° 55' 07"					E-48-8-B-d
thôn Xuân Phụ	DC	xã Hoằng Phụ	H. Hoằng Hoá	19° 48' 13"	105° 55' 40"					E-48-8-B-d
thôn Bút Cương	DC	xã Hoằng Phúc	H. Hoằng Hoá	19° 52' 04"	105° 51' 21"					E-48-8-B-c
Sông Đằng	TV	xã Hoằng Phúc	H. Hoằng Hoá			19° 51' 50"	105° 52' 05"	19° 51' 15"	105° 53' 31"	E-48-8-B-(c,d)
Sông Gòng	TV	xã Hoằng Phúc	H. Hoằng Hoá			19° 50' 40"	105° 48' 11"	19° 51' 50"	105° 52' 06"	E-48-8-B-c
thôn Hoằng Lộc	DC	xã Hoằng Phúc	H. Hoằng Hoá	19° 51' 49"	105° 51' 23"					E-48-8-B-c
sông Lạch Trường	TV	xã Hoằng Phúc	H. Hoằng Hoá			19° 51' 10"	105° 47' 13"	19° 53' 19"	105° 56' 43"	E-48-8-B-(a,c)
thôn Tế Độ	DC	xã Hoằng Phúc	H. Hoằng Hoá	19° 52' 22"	105° 51' 52"					E-48-8-B-c
thôn Thọ Vân	DC	xã Hoằng Phúc	H. Hoằng Hoá	19° 52' 08"	105° 51' 34"					E-48-8-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Sông Mã	TV	xã Hoằng Phượng	H. Hoằng Hoá			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	E-48-8-B-a
Kênh Nam	TV	xã Hoằng Phượng	H. Hoằng Hoá			19° 55' 57"	105° 45' 50"	19° 50' 33"	105° 55' 44"	E-48-8-B-a
hồ Vĩnh Gia	TV	xã Hoằng Phượng	H. Hoằng Hoá	19° 54' 30"	105° 46' 05"					E-48-8-B-a
thôn Phượng Mao	DC	xã Hoằng Phượng	H. Hoằng Hoá	19° 54' 07"	105° 46' 56"					E-48-8-B-a
thôn Vĩnh Gia 1	DC	xã Hoằng Phượng	H. Hoằng Hoá	19° 54' 23"	105° 46' 11"					E-48-8-B-a
thôn Vĩnh Gia 2	DC	xã Hoằng Phượng	H. Hoằng Hoá	19° 54' 15"	105° 46' 10"					E-48-8-B-a
thôn Vĩnh Gia 3	DC	xã Hoằng Phượng	H. Hoằng Hoá	19° 54' 07"	105° 46' 19"					E-48-8-B-a
thôn Vĩnh Gia 4	DC	xã Hoằng Phượng	H. Hoằng Hoá	19° 53' 52"	105° 46' 12"					E-48-8-B-a
thôn Vĩnh Gia 5	DC	xã Hoằng Phượng	H. Hoằng Hoá	19° 54' 01"	105° 46' 07"					E-48-8-B-a
thôn Vĩnh Gia 6	DC	xã Hoằng Phượng	H. Hoằng Hoá	19° 53' 59"	105° 46' 16"					E-48-8-B-a
quốc lộ 1A	KX	xã Hoằng Quỳ	H. Hoằng Hoá			20° 08' 01"	105° 51' 32"	19° 18' 42"	105° 43' 16"	E-48-8-B-a
thôn 1	DC	xã Hoằng Quỳ	H. Hoằng Hoá	19° 54' 01"	105° 48' 08"					E-48-8-B-a
thôn 2	DC	xã Hoằng Quỳ	H. Hoằng Hoá	19° 53' 58"	105° 48' 10"					E-48-8-B-a
thôn 3	DC	xã Hoằng Quỳ	H. Hoằng Hoá	19° 53' 55"	105° 48' 08"					E-48-8-B-a
thôn 4	DC	xã Hoằng Quỳ	H. Hoằng Hoá	19° 54' 04"	105° 48' 13"					E-48-8-B-a
thôn 5	DC	xã Hoằng Quỳ	H. Hoằng Hoá	19° 53' 59"	105° 48' 18"					E-48-8-B-a
thôn 6	DC	xã Hoằng Quỳ	H. Hoằng Hoá	19° 54' 04"	105° 48' 19"					E-48-8-B-a
thôn 7	DC	xã Hoằng Quỳ	H. Hoằng Hoá	19° 53' 59"	105° 48' 24"					E-48-8-B-a
thôn 8	DC	xã Hoằng Quỳ	H. Hoằng Hoá	19° 53' 42"	105° 49' 06"					E-48-8-B-a
thôn 9	DC	xã Hoằng Quỳ	H. Hoằng Hoá	19° 53' 52"	105° 48' 04"					E-48-8-B-a
thôn 10	DC	xã Hoằng Quỳ	H. Hoằng Hoá	19° 54' 06"	105° 48' 07"					E-48-8-B-a
cầu Phú Khê	KX	xã Hoằng Quỳ	H. Hoằng Hoá	19° 53' 46"	105° 48' 29"					E-48-8-B-a
kênh Giang Quỳ	TV	xã Hoằng Quỳ	H. Hoằng Hoá			19° 53' 05"	105° 45' 11"	19° 53' 30"	105° 49' 10"	E-48-8-B-a
kênh Hợp Khê	TV	xã Hoằng Quỳ	H. Hoằng Hoá			19° 52' 35"	105° 47' 38"	19° 53' 39"	105° 49' 42"	E-48-8-B-a
quốc lộ 1A	KX	xã Hoằng Quỳ	H. Hoằng Hoá			20° 08' 01"	105° 51' 32"	19° 18' 42"	105° 43' 16"	E-48-8-B-(a,c)
cầu Bà Giàn	KX	xã Hoằng Quỳ	H. Hoằng Hoá	19° 52' 43"	105° 48' 14"					E-48-8-B-a
kênh N7	TV	xã Hoằng Quỳ	H. Hoằng Hoá			19° 53' 01"	105° 47' 09"	19° 53' 19"	105° 48' 54"	E-48-8-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
kênh N13	TV	xã Hoằng Quỳ	H. Hoằng Hoá			19° 53' 02"	105° 51' 25"	19° 52' 09"	105° 48' 25"	E-48-8-B-(a,c)
thôn Đông Khê	DC	xã Hoằng Quỳ	H. Hoằng Hoá	19° 53' 08"	105° 48' 34"					E-48-8-B-a
thôn Đông Nam	DC	xã Hoằng Quỳ	H. Hoằng Hoá	19° 52' 52"	105° 48' 03"					E-48-8-B-a
kênh Hợp Khê	TV	xã Hoằng Quỳ	H. Hoằng Hoá			19° 52' 35"	105° 47' 38"	19° 53' 39"	105° 49' 42"	E-48-8-B-a
thôn Ích Hạ	DC	xã Hoằng Quỳ	H. Hoằng Hoá	19° 52' 03"	105° 47' 50"					E-48-8-B-c
Kênh Nam	TV	xã Hoằng Quỳ	H. Hoằng Hoá			19° 55' 57"	105° 45' 50"	19° 50' 33"	105° 55' 44"	E-48-8-B-(a,c)
thôn Phúc Tiến	DC	xã Hoằng Quỳ	H. Hoằng Hoá	19° 52' 07"	105° 48' 16"					E-48-8-B-c
thôn Tây Phúc	DC	xã Hoằng Quỳ	H. Hoằng Hoá	19° 52' 59"	105° 47' 56"					E-48-8-B-a
thôn Trọng Hậu	DC	xã Hoằng Quỳ	H. Hoằng Hoá	19° 52' 01"	105° 48' 20"					E-48-8-B-c
thôn Trung Tiến	DC	xã Hoằng Quỳ	H. Hoằng Hoá	19° 52' 52"	105° 47' 54"					E-48-8-B-a
sông Trà Giang	TV	xã Hoằng Sơn	H. Hoằng Hoá			19° 57' 47"	105° 54' 12"	19° 53' 38"	105° 51' 47"	E-48-8-B-a
thôn Bàn Định	DC	xã Hoằng Sơn	H. Hoằng Hoá	19° 54' 13"	105° 51' 07"					E-48-8-B-a
thôn Cẩm Lũ	DC	xã Hoằng Sơn	H. Hoằng Hoá	19° 53' 53"	105° 50' 07"					E-48-8-B-a
thôn Cổ Bản	DC	xã Hoằng Sơn	H. Hoằng Hoá	19° 53' 48"	105° 50' 19"					E-48-8-B-a
thôn Long Thành	DC	xã Hoằng Sơn	H. Hoằng Hoá	19° 54' 01"	105° 50' 56"					E-48-8-B-a
thôn Xuân Sơn	DC	xã Hoằng Sơn	H. Hoằng Hoá	19° 54' 27"	105° 50' 20"					E-48-8-B-a
Sông Mã	TV	xã Hoằng Tân	H. Hoằng Hoá			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	E-48-8-B-c
thôn Bột Trung	DC	xã Hoằng Tân	H. Hoằng Hoá	19° 47' 14"	105° 51' 48"					E-48-8-B-c
thôn Cẩm Trung 1	DC	xã Hoằng Tân	H. Hoằng Hoá	19° 47' 01"	105° 51' 39"					E-48-8-B-c
thôn Cẩm Trung 2	DC	xã Hoằng Tân	H. Hoằng Hoá	19° 47' 08"	105° 51' 47"					E-48-8-B-c
thôn Cẩm Vinh 1	DC	xã Hoằng Tân	H. Hoằng Hoá	19° 47' 04"	105° 51' 24"					E-48-8-B-c
thôn Cẩm Vinh 2	DC	xã Hoằng Tân	H. Hoằng Hoá	19° 46' 57"	105° 51' 22"					E-48-8-B-c
thôn Đồng Long 1	DC	xã Hoằng Tân	H. Hoằng Hoá	19° 47' 06"	105° 51' 03"					E-48-8-B-c
thôn Đồng Long 2	DC	xã Hoằng Tân	H. Hoằng Hoá	19° 46' 53"	105° 51' 01"					E-48-8-B-c
thôn Trung Hoà	DC	xã Hoằng Tân	H. Hoằng Hoá	19° 46' 37"	105° 51' 58"					E-48-8-B-c
thôn 1	DC	xã Hoằng Thái	H. Hoằng Hoá	19° 50' 03"	105° 51' 06"					E-48-8-B-c
thôn 2	DC	xã Hoằng Thái	H. Hoằng Hoá	19° 49' 54"	105° 51' 09"					E-48-8-B-c
thôn 3	DC	xã Hoằng Thái	H. Hoằng Hoá	19° 49' 59"	105° 50' 58"					E-48-8-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phut,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn 4	DC	xã Hoằng Thái	H. Hoằng Hoá	19° 49' 50"	105° 50' 57"					E-48-8-B-c
thôn 5	DC	xã Hoằng Thái	H. Hoằng Hoá	19° 49' 44"	105° 50' 56"					E-48-8-B-c
thôn 6	DC	xã Hoằng Thái	H. Hoằng Hoá	19° 49' 35"	105° 50' 56"					E-48-8-B-c
thôn 7	DC	xã Hoằng Thái	H. Hoằng Hoá	19° 49' 34"	105° 51' 03"					E-48-8-B-c
thôn 8	DC	xã Hoằng Thái	H. Hoằng Hoá	19° 49' 33"	105° 51' 10"					E-48-8-B-c
thôn 9	DC	xã Hoằng Thái	H. Hoằng Hoá	19° 49' 36"	105° 51' 16"					E-48-8-B-c
thôn 10	DC	xã Hoằng Thái	H. Hoằng Hoá	19° 49' 45"	105° 51' 14"					E-48-8-B-c
Sông Cung	TV	xã Hoằng Thắng	H. Hoằng Hoá			19° 52' 51"	106° 53' 44"	19° 47' 41"	105° 54' 54"	E-48-8-B-d
thôn Gia Hoà 5	DC	xã Hoằng Thắng	H. Hoằng Hoá	19° 49' 59"	105° 52' 07"					E-48-8-B-c
thôn Hải Phúc 6	DC	xã Hoằng Thắng	H. Hoằng Hoá	19° 49' 50"	105° 52' 22"					E-48-8-B-c
thôn Hải Phúc 7	DC	xã Hoằng Thắng	H. Hoằng Hoá	19° 49' 46"	105° 52' 36"					E-48-8-B-d
thôn Hải Phúc 8	DC	xã Hoằng Thắng	H. Hoằng Hoá	19° 49' 39"	105° 52' 25"					E-48-8-B-c
thôn Hoằng Trì 10	DC	xã Hoằng Thắng	H. Hoằng Hoá	19° 49' 30"	105° 52' 21"					E-48-8-B-c
thôn Hoằng Trì 11	DC	xã Hoằng Thắng	H. Hoằng Hoá	19° 49' 24"	105° 52' 32"					E-48-8-B-d
thôn Hoằng Trì 12	DC	xã Hoằng Thắng	H. Hoằng Hoá	19° 49' 17"	105° 52' 29"					E-48-8-B-d
thôn Hoằng Trì 13	DC	xã Hoằng Thắng	H. Hoằng Hoá	19° 49' 21"	105° 52' 16"					E-48-8-B-c
thôn Hoằng Trì 9	DC	xã Hoằng Thắng	H. Hoằng Hoá	19° 49' 31"	105° 52' 34"					E-48-8-B-d
thôn Hồng Nhuệ 1	DC	xã Hoằng Thắng	H. Hoằng Hoá	19° 50' 44"	105° 52' 06"					E-48-8-B-c
thôn Hồng Nhuệ 2	DC	xã Hoằng Thắng	H. Hoằng Hoá	19° 50' 33"	105° 52' 02"					E-48-8-B-c
thôn Hồng Nhuệ 3	DC	xã Hoằng Thắng	H. Hoằng Hoá	19° 50' 16"	105° 51' 57"					E-48-8-B-c
thôn Hồng Nhuệ 4	DC	xã Hoằng Thắng	H. Hoằng Hoá	19° 50' 10"	105° 51' 59"					E-48-8-B-c
thôn Đại Long	DC	xã Hoằng Thanh	H. Hoằng Hoá	19° 50' 27"	105° 55' 23"					E-48-8-B-d
thôn Đông Tây Hải	DC	xã Hoằng Thanh	H. Hoằng Hoá	19° 49' 44"	105° 55' 26"					E-48-8-B-d
thôn Đông Xuân Vi	DC	xã Hoằng Thanh	H. Hoằng Hoá	19° 49' 29"	105° 55' 41"					E-48-8-B-d
thôn Liên Hà	DC	xã Hoằng Thanh	H. Hoằng Hoá	19° 50' 07"	105° 55' 20"					E-48-8-B-d
Kênh Nam	TV	xã Hoằng Thanh	H. Hoằng Hoá			19° 55' 57"	106° 45' 50"	19° 50' 33"	105° 55' 44"	E-48-8-B-d
thôn Quang Trung	DC	xã Hoằng Thanh	H. Hoằng Hoá	19° 50' 21"	105° 55' 47"					E-48-8-B-d
thôn Tây Xuân Vi	DC	xã Hoằng Thanh	H. Hoằng Hoá	19° 49' 33"	105° 55' 31"					E-48-8-B-d
thôn Trung Hải	DC	xã Hoằng Thanh	H. Hoằng Hoá	19° 50' 01"	105° 55' 39"					E-48-8-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn 1	DC	xã Hoằng Thành	H. Hoằng Hoá	19° 48' 49"	105° 50' 35"					E-48-8-B-c
thôn 2	DC	xã Hoằng Thành	H. Hoằng Hoá	19° 48' 30"	105° 50' 46"					E-48-8-B-c
thôn 3	DC	xã Hoằng Thành	H. Hoằng Hoá	19° 48' 30"	105° 50' 32"					E-48-8-B-c
thôn 4	DC	xã Hoằng Thành	H. Hoằng Hoá	19° 48' 22"	105° 50' 47"					E-48-8-B-c
thôn 5	DC	xã Hoằng Thành	H. Hoằng Hoá	19° 48' 27"	105° 51' 00"					E-48-8-B-c
thôn 6	DC	xã Hoằng Thành	H. Hoằng Hoá	19° 48' 49"	105° 51' 44"					E-48-8-B-c
thôn 7	DC	xã Hoằng Thành	H. Hoằng Hoá	19° 48' 29"	105° 51' 50"					E-48-8-B-c
thôn 8	DC	xã Hoằng Thành	H. Hoằng Hoá	19° 48' 33"	105° 52' 08"					E-48-8-B-c
thôn 1	DC	xã Hoằng Thịnh	H. Hoằng Hoá	19° 50' 03"	105° 50' 38"					E-48-8-B-c
thôn 2	DC	xã Hoằng Thịnh	H. Hoằng Hoá	19° 50' 00"	105° 50' 30"					E-48-8-B-c
thôn 3	DC	xã Hoằng Thịnh	H. Hoằng Hoá	19° 49' 53"	105° 50' 37"					E-48-8-B-c
thôn 4	DC	xã Hoằng Thịnh	H. Hoằng Hoá	19° 49' 40"	105° 50' 36"					E-48-8-B-c
thôn 5	DC	xã Hoằng Thịnh	H. Hoằng Hoá	19° 49' 33"	105° 50' 34"					E-48-8-B-c
thôn 6	DC	xã Hoằng Thịnh	H. Hoằng Hoá	19° 49' 18"	105° 50' 34"					E-48-8-B-c
thôn 7	DC	xã Hoằng Thịnh	H. Hoằng Hoá	19° 49' 23"	105° 50' 24"					E-48-8-B-c
thôn 8	DC	xã Hoằng Thịnh	H. Hoằng Hoá	19° 49' 31"	105° 50' 13"					E-48-8-B-c
thôn 9	DC	xã Hoằng Thịnh	H. Hoằng Hoá	19° 49' 41"	105° 50' 20"					E-48-8-B-c
kênh N18	TV	xã Hoằng Thịnh	H. Hoằng Hoá			19° 51' 06"	105° 49' 41"	19° 49' 23"	105° 49' 08"	E-48-8-B-c
thôn Đông Thành 1	DC	xã Hoằng Tiến	H. Hoằng Hoá	19° 50' 57"	105° 55' 59"					E-48-8-B-d
thôn Đông Thành 2	DC	xã Hoằng Tiến	H. Hoằng Hoá	19° 50' 59"	105° 55' 25"					E-48-8-B-d
thôn Kim Sơn 1	DC	xã Hoằng Tiến	H. Hoằng Hoá	19° 51' 13"	105° 54' 56"					E-48-8-B-d
thôn Kim Sơn 2	DC	xã Hoằng Tiến	H. Hoằng Hoá	19° 51' 03"	105° 55' 03"					E-48-8-B-d
thôn Kim Tân 1	DC	xã Hoằng Tiến	H. Hoằng Hoá	19° 51' 27"	105° 54' 35"					E-48-8-B-d
thôn Kim Tân 2	DC	xã Hoằng Tiến	H. Hoằng Hoá	19° 51' 03"	105° 54' 30"					E-48-8-B-d
Kênh Nam	TV	xã Hoằng Tiến	H. Hoằng Hoá			19° 55' 57"	105° 45' 50"	19° 50' 33"	105° 55' 44"	E-48-8-B-d
thôn Phong Lan 1	DC	xã Hoằng Tiến	H. Hoằng Hoá	19° 50' 48"	105° 54' 46"					E-48-8-B-d
thôn Phong Lan 2	DC	xã Hoằng Tiến	H. Hoằng Hoá	19° 50' 38"	105° 54' 45"					E-48-8-B-d
thôn Tiền Thôn 1	DC	xã Hoằng Tiến	H. Hoằng Hoá	19° 50' 43"	105° 55' 44"					E-48-8-B-d
thôn Tiền Thôn 2	DC	xã Hoằng Tiến	H. Hoằng Hoá	19° 50' 51"	105° 55' 24"					E-48-8-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn 1	DC	xã Hoằng Trạch	H. Hoằng Hoá	19° 48' 17"	105° 50' 40"					E-48-8-B-c
thôn 2	DC	xã Hoằng Trạch	H. Hoằng Hoá	19° 48' 09"	105° 50' 42"					E-48-8-B-c
thôn 3	DC	xã Hoằng Trạch	H. Hoằng Hoá	19° 47' 57"	105° 50' 42"					E-48-8-B-c
thôn 4	DC	xã Hoằng Trạch	H. Hoằng Hoá	19° 47' 24"	105° 50' 51"					E-48-8-B-c
thôn 5	DC	xã Hoằng Trạch	H. Hoằng Hoá	19° 48' 06"	105° 50' 48"					E-48-8-B-c
thôn 6	DC	xã Hoằng Trạch	H. Hoằng Hoá	19° 48' 08"	105° 50' 54"					E-48-8-B-c
thôn 7	DC	xã Hoằng Trạch	H. Hoằng Hoá	19° 48' 16"	105° 51' 04"					E-48-8-B-c
thôn 8	DC	xã Hoằng Trạch	H. Hoằng Hoá	19° 48' 09"	105° 51' 27"					E-48-8-B-c
Sông Mã	TV	xã Hoằng Trạch	H. Hoằng Hoá			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	E-48-8-B-c
quốc lộ 1A	KX	xã Hoằng Trinh	H. Hoằng Hoá			20° 08' 01"	105° 51' 32"	19° 18' 42"	105° 43' 16"	E-48-8-B-a
Sông Âu	TV	xã Hoằng Trinh	H. Hoằng Hoá			19° 54' 46"	105° 45' 58"	19° 54' 30"	105° 51' 18"	E-48-8-B-a
Núi Đền	SV	xã Hoằng Trinh	H. Hoằng Hoá	19° 54' 50"	105° 49' 11"					E-48-8-B-a
Núi Gai	SV	xã Hoằng Trinh	H. Hoằng Hoá	19° 55' 44"	105° 49' 05"					E-48-8-B-a
thôn Thanh Nga 1	DC	xã Hoằng Trinh	H. Hoằng Hoá	19° 55' 08"	105° 49' 54"					E-48-8-B-a
thôn Thanh Nga 2	DC	xã Hoằng Trinh	H. Hoằng Hoá	19° 55' 12"	105° 49' 58"					E-48-8-B-a
thôn Thanh Nga 3	DC	xã Hoằng Trinh	H. Hoằng Hoá	19° 55' 17"	105° 50' 03"					E-48-8-B-a
thôn Thanh Nga 4	DC	xã Hoằng Trinh	H. Hoằng Hoá	19° 55' 20"	105° 50' 06"					E-48-8-B-a
thôn Trinh Nga 1	DC	xã Hoằng Trinh	H. Hoằng Hoá	19° 54' 56"	105° 49' 19"					E-48-8-B-a
thôn Trinh Nga 2	DC	xã Hoằng Trinh	H. Hoằng Hoá	19° 54' 50"	105° 49' 20"					E-48-8-B-a
thôn Trinh Nga 3	DC	xã Hoằng Trinh	H. Hoằng Hoá	19° 54' 53"	105° 49' 26"					E-48-8-B-a
thôn Trinh Nga 4	DC	xã Hoằng Trinh	H. Hoằng Hoá	19° 54' 53"	105° 49' 32"					E-48-8-B-a
thôn Trung Hoà 1	DC	xã Hoằng Trinh	H. Hoằng Hoá	19° 55' 17"	105° 49' 13"					E-48-8-B-a
thôn Trung Hoà 2	DC	xã Hoằng Trinh	H. Hoằng Hoá	19° 55' 11"	105° 49' 18"					E-48-8-B-a
quốc lộ 1A	KX	xã Hoằng Trung	H. Hoằng Hoá			20° 08' 01"	105° 51' 32"	19° 18' 42"	105° 43' 16"	E-48-8-B-a
ga Nghĩa Trang	KX	xã Hoằng Trung	H. Hoằng Hoá	19° 55' 02"	105° 48' 43"					E-48-8-B-a
Sông Âu	TV	xã Hoằng Trung	H. Hoằng Hoá			19° 54' 46"	105° 45' 58"	19° 54' 30"	105° 51' 18"	E-48-8-B-a
thôn Dương Thanh	DC	xã Hoằng Trung	H. Hoằng Hoá	19° 55' 36"	105° 48' 15"					E-48-8-B-a
kênh N1	TV	xã Hoằng Trung	H. Hoằng Hoá			19° 55' 22"	105° 46' 05"	19° 56' 43"	105° 49' 02"	E-48-8-B-a
núi Sơn Trang	SV	xã Hoằng Trung	H. Hoằng Hoá	19° 55' 48"	105° 47' 22"					E-48-8-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Thị Tứ Nghĩa Trang	DC	xã Hoằng Trung	H. Hoằng Hoá	19° 54' 57"	105° 48' 38"					E-48-8-B-a
thôn Trinh Hà 1	DC	xã Hoằng Trung	H. Hoằng Hoá	19° 54' 57"	105° 48' 46"					E-48-8-B-a
thôn Trinh Hà 2	DC	xã Hoằng Trung	H. Hoằng Hoá	19° 55' 01"	105° 48' 59"					E-48-8-B-a
thôn Trung Hậu	DC	xã Hoằng Trung	H. Hoằng Hoá	19° 55' 00"	105° 48' 21"					E-48-8-B-a
thôn Tự Nhiên	DC	xã Hoằng Trung	H. Hoằng Hoá	19° 55' 10"	105° 48' 30"					E-48-8-B-a
thôn Xa Vệ 1	DC	xã Hoằng Trung	H. Hoằng Hoá	19° 54' 56"	105° 47' 59"					E-48-8-B-a
thôn Xa Vệ 2	DC	xã Hoằng Trung	H. Hoằng Hoá	19° 54' 56"	105° 48' 03"					E-48-8-B-a
thôn Xa Vệ 3	DC	xã Hoằng Trung	H. Hoằng Hoá	19° 54' 56	105° 48' 10"					E-48-8-B-a
thôn Xa Vệ 4	DC	xã Hoằng Trung	H. Hoằng Hoá	19° 55' 22"	105° 47' 47"					E-48-8-B-a
thôn 2	DC	xã Hoằng Trường	H. Hoằng Hoá	19° 52' 01"	105° 56' 25"					E-48-8-B-d
thôn 3	DC	xã Hoằng Trường	H. Hoằng Hoá	19° 51' 52"	105° 56' 29"					E-48-8-B-d
thôn 5	DC	xã Hoằng Trường	H. Hoằng Hoá	19° 51' 45"	105° 56' 16"					E-48-8-B-d
thôn 6	DC	xã Hoằng Trường	H. Hoằng Hoá	19° 51' 36"	105° 56' 11"					E-48-8-B-d
cửa Lạch Trường	TV	xã Hoằng Trường	H. Hoằng Hoá	19° 53' 19"	105° 56' 43"					E-48-8-B-b
làng Cát Tường	DC	xã Hoằng Trường	H. Hoằng Hoá	19° 51' 37"	105° 56' 21"					E-48-8-B-d
thôn Giang Sơn	DC	xã Hoằng Trường	H. Hoằng Hoá	19° 53' 19"	105° 57' 23"					E-48-8-B-b
thôn Hải Sơn	DC	xã Hoằng Trường	H. Hoằng Hoá	19° 52' 56"	105° 57' 07"					E-48-8-B-b
làng Hải Thanh	DC	xã Hoằng Trường	H. Hoằng Hoá	19° 51' 57"	105° 56' 33"					E-48-8-B-d
thôn Liên Minh	DC	xã Hoằng Trường	H. Hoằng Hoá	19° 53' 07"	105° 57' 15"					E-48-8-B-b
núi Linh Trường	SV	xã Hoằng Trường	H. Hoằng Hoá	19° 52' 43"	105° 56' 02"					E-48-8-B-b
thôn Linh Trường	DC	xã Hoằng Trường	H. Hoằng Hoá	19° 53' 11"	105° 57' 17"					E-48-8-B-b
làng Ngọc Lĩnh	DC	xã Hoằng Trường	H. Hoằng Hoá	19° 52' 06"	105° 56' 02"					E-48-8-B-d
làng Phúc Ngư	DC	xã Hoằng Trường	H. Hoằng Hoá	19° 52' 24"	105° 56' 46"					E-48-8-B-d
thôn Thành Xuân	DC	xã Hoằng Trường	H. Hoằng Hoá	19° 52' 45"	105° 56' 59"					E-48-8-B-b
thôn 1	DC	xã Hoằng Vinh	H. Hoằng Hoá	19° 51' 25"	105° 50' 36"					E-48-8-B-c
thôn 2	DC	xã Hoằng Vinh	H. Hoằng Hoá	19° 51' 10"	105° 50' 53"					E-48-8-B-c
thôn 3	DC	xã Hoằng Vinh	H. Hoằng Hoá	19° 51' 01"	105° 50' 53"					E-48-8-B-c
thôn 4	DC	xã Hoằng Vinh	H. Hoằng Hoá	19° 50' 42"	105° 50' 44"					E-48-8-B-c
thôn 5	DC	xã Hoằng Vinh	H. Hoằng Hoá	19° 50' 48"	105° 50' 35"					E-48-8-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn 6	DC	xã Hoằng Vinh	H. Hoằng Hoá	19° 51' 00"	105° 50' 31"					E-48-8-B-c
thôn 7	DC	xã Hoằng Vinh	H. Hoằng Hoá	19° 50' 48"	105° 50' 22"					E-48-8-B-c
Sông Gòng	TV	xã Hoằng Vinh	H. Hoằng Hoá			19° 50' 40"	105° 48' 11"	19° 51' 50"	105° 52' 06"	E-48-8-B-c
cầu Gòng 2	KX	xã Hoằng Vinh	H. Hoằng Hoá	19° 51' 19"	105° 50' 56"					E-48-8-B-c
Kênh Nam	TV	xã Hoằng Vinh	H. Hoằng Hoá			19° 55' 57"	105° 45' 50"	19° 50' 33"	105° 55' 44"	E-48-8-B-c
Sông Âu	TV	xã Hoằng Xuân	H. Hoằng Hoá			19° 54' 46"	105° 45' 58"	19° 54' 30"	105° 51' 18"	E-48-8-B-a
Sông Mã	TV	xã Hoằng Xuân	H. Hoằng Hoá			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	E-48-8-B-a
thôn Mỹ Cầu	DC	xã Hoằng Xuân	H. Hoằng Hoá	19° 54' 50"	105° 45' 59"					E-48-8-B-a
kênh N1	TV	xã Hoằng Xuân	H. Hoằng Hoá			19° 55' 22"	105° 46' 05"	19° 56' 43"	105° 49' 02"	E-48-8-B-a
Kênh Nam	TV	xã Hoằng Xuân	H. Hoằng Hoá			19° 55' 57"	105° 45' 50"	19° 50' 33"	105° 55' 44"	E-48-8-B-a
thôn Nga Phú 1	DC	xã Hoằng Xuân	H. Hoằng Hoá	19° 54' 33"	105° 46' 15"					E-48-8-B-a
thôn Nga Phú 2	DC	xã Hoằng Xuân	H. Hoằng Hoá	19° 54' 40"	105° 46' 17"					E-48-8-B-a
thôn Nghĩa Hương	DC	xã Hoằng Xuân	H. Hoằng Hoá	19° 54' 40"	105° 46' 8"					E-48-8-B-a
núi Sơn Trang	SV	xã Hoằng Xuân	H. Hoằng Hoá	19° 55' 48"	105° 47' 22"					E-48-8-B-a
hồ Vĩnh Gia	TV	xã Hoằng Xuân	H. Hoằng Hoá	19° 54' 30"	105° 46' 05"					E-48-8-B-a
thôn Xuân Phú	DC	xã Hoằng Xuân	H. Hoằng Hoá	19° 55' 00"	105° 46' 59"					E-48-8-B-a
quốc lộ 10	KX	xã Hoằng Xuyên	H. Hoằng Hoá			20° 03' 48"	106° 02' 24"	19° 51' 05"	105° 48' 00"	E-48-8-B-a
kênh N13	TV	xã Hoằng Xuyên	H. Hoằng Hoá			19° 53' 02"	105° 51' 25"	19° 52' 09"	105° 48' 25"	E-48-8-B-a
sông Trà Giang	TV	xã Hoằng Xuyên	H. Hoằng Hoá			19° 57' 47"	105° 54' 12"	19° 53' 38"	105° 51' 47"	E-48-8-B-a
thôn Bắc Long	DC	xã Hoằng Xuyên	H. Hoằng Hoá	19° 52' 48"	105° 51' 04"					E-48-8-B-a
thôn Đông Thôn	DC	xã Hoằng Xuyên	H. Hoằng Hoá	19° 53' 13"	105° 50' 44"					E-48-8-B-a
sông Lạch Trường	TV	xã Hoằng Xuyên	H. Hoằng Hoá			19° 51' 10"	105° 47' 13"	19° 53' 19"	105° 56' 43"	E-48-8-B-(a,c)
thôn Mỹ Tiến	DC	xã Hoằng Xuyên	H. Hoằng Hoá	19° 52' 36"	105° 51' 27"					E-48-8-B-a
thôn Nam Long	DC	xã Hoằng Xuyên	H. Hoằng Hoá	19° 52' 40"	105° 51' 04"					E-48-8-B-a
thôn Nga Bình	DC	xã Hoằng Xuyên	H. Hoằng Hoá	19° 52' 40"	105° 50' 57"					E-48-8-B-a
thôn Thanh Bình	DC	xã Hoằng Xuyên	H. Hoằng Hoá	19° 52' 42"	105° 50' 40"					E-48-8-B-a
thôn Trung Tuyết	DC	xã Hoằng Xuyên	H. Hoằng Hoá	19° 52' 53"	105° 51' 25"					E-48-8-B-a
thôn Yên Xuân	DC	xã Hoằng Xuyên	H. Hoằng Hoá	19° 52' 42"	105° 51' 9"					E-48-8-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn 1	DC	xã Hoằng Yến	H. Hoằng Hoá	19° 52' 49"	105° 55' 44"					E-48-8-B-b
thôn 2	DC	xã Hoằng Yến	H. Hoằng Hoá	19° 52' 49"	105° 54' 35"					E-48-8-B-b
thôn 3	DC	xã Hoằng Yến	H. Hoằng Hoá	19° 52' 33"	105° 54' 20"					E-48-8-B-b
thôn 4	DC	xã Hoằng Yến	H. Hoằng Hoá	19° 52' 10"	105° 54' 13"					E-48-8-B-d
thôn 5	DC	xã Hoằng Yến	H. Hoằng Hoá	19° 51' 53"	105° 53' 50"					E-48-8-B-d
thôn 6	DC	xã Hoằng Yến	H. Hoằng Hoá	19° 52' 01"	105° 54' 21"					E-48-8-B-d
thôn 7	DC	xã Hoằng Yến	H. Hoằng Hoá	19° 52' 17"	105° 54' 26"					E-48-8-B-d
thôn 8	DC	xã Hoằng Yến	H. Hoằng Hoá	19° 52' 09"	105° 54' 55"					E-48-8-B-d
thôn 9	DC	xã Hoằng Yến	H. Hoằng Hoá	19° 51' 54"	105° 55' 05"					E-48-8-B-d
thôn 10	DC	xã Hoằng Yến	H. Hoằng Hoá	19° 51' 38"	105° 55' 02"					E-48-8-B-d
thôn 11	DC	xã Hoằng Yến	H. Hoằng Hoá	19° 51' 33"	105° 55' 03"					E-48-8-B-d
thôn 12	DC	xã Hoằng Yến	H. Hoằng Hoá	19° 51' 44"	105° 55' 11"					E-48-8-B-d
thôn 13	DC	xã Hoằng Yến	H. Hoằng Hoá	19° 51' 35"	105° 55' 13"					E-48-8-B-d
cửa Lạch Trường	TV	xã Hoằng Yến	H. Hoằng Hoá	19° 53' 19"	105° 56' 43"					E-48-8-B-b
Sông Cung	TV	xã Hoằng Yến	H. Hoằng Hoá			19° 52' 51"	105° 53' 44"	19° 47' 41"	105° 54' 54"	E-48-8-B-b
núi Đá Tràm	SV	xã Hoằng Yến	H. Hoằng Hoá	19° 56' 42"	105° 54' 07"					E-48-8-B-d
núi Lạch Trường	SV	xã Hoằng Yến	H. Hoằng Hoá	19° 52' 43"	105° 56' 02"					E-48-8-B-b
sông Trường Giang	TV	xã Hoằng Yến	H. Hoằng Hoá			19° 51' 10"	105° 47' 13"	19° 53' 19"	105° 56' 43"	E-48-8-B-(b,d)
phố 3	DC	TT. Lang Chánh	H. Lang Chánh	20° 09' 35"	105° 14' 33"					F-48-91-C
tổ 1 phố 1	DC	TT. Lang Chánh	H. Lang Chánh	20° 09' 19"	105° 14' 27"					F-48-91-C
tổ 1 phố 2	DC	TT. Lang Chánh	H. Lang Chánh	20° 09' 03"	105° 15' 18"					F-48-91-C
tổ 2 phố 1	DC	TT. Lang Chánh	H. Lang Chánh	20° 09' 26"	105° 14' 22"					F-48-91-C
tổ 2 phố 2	DC	TT. Lang Chánh	H. Lang Chánh	20° 09' 19"	105° 14' 50"					F-48-91-C
tổ 3 phố 1	DC	TT. Lang Chánh	H. Lang Chánh	20° 09' 13"	105° 14' 13"					F-48-91-C
quốc lộ 15A	KX	TT. Lang Chánh	H. Lang Chánh			20° 33' 37"	105° 01' 17"	20° 05' 33"	105° 22' 16"	F-48-91-C, F-48-91-D-a
Sông Âm	TV	TT. Lang Chánh	H. Lang Chánh			20° 13' 16"	105° 06' 53"	19° 55' 29"	105° 22' 16"	F-48-91-C
Đồi Bái	SV	TT. Lang Chánh	H. Lang Chánh	20° 09' 10"	105° 15' 11"					F-48-91-D-a
ngã ba Đồng Lương	KX	TT. Lang Chánh	H. Lang Chánh	20° 09' 27"	105° 15' 03"					F-48-91-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Bản Lưỡi	DC	TT. Lang Chánh	H. Lang Chánh	20° 09' 29"	105° 14' 38"					F-48-91-C
bản Trải 1	DC	TT. Lang Chánh	H. Lang Chánh	20° 09' 00"	105° 14' 26"					F-48-91-C
bản Trải 2	DC	TT. Lang Chánh	H. Lang Chánh	20° 09' 10"	105° 14' 08"					F-48-91-C
quốc lộ 15A	KX	xã Đồng Lương	H. Lang Chánh			20° 33' 37"	105° 01' 17"	20° 05' 33"	105° 22' 16"	F-48-91-C, F-48-91-D-a
núi Bò Lăn	SV	xã Đồng Lương	H. Lang Chánh	20° 11' 12"	105° 16' 08"					F-48-91-D-a
núi Bù Bằng	SV	xã Đồng Lương	H. Lang Chánh	20° 09' 10"	105° 17' 00"					F-48-91-D-a
Thôn Cắm	DC	xã Đồng Lương	H. Lang Chánh	20° 08' 19"	105° 16' 01"					F-48-91-D-a
thôn Chiềng Khạt	DC	xã Đồng Lương	H. Lang Chánh	20° 10' 36"	105° 15' 00"					F-48-91-D-a
Thôn Chỏng	DC	xã Đồng Lương	H. Lang Chánh	20° 08' 56"	105° 15' 40"					F-48-91-D-a
đập Chu Mon	KX	xã Đồng Lương	H. Lang Chánh	20° 11' 39"	105° 14' 03"					F-48-91-C-b
Pu Chức	SV	xã Đồng Lương	H. Lang Chánh	20° 10' 23"	105° 13' 37"					F-48-91-C
Thôn Cốc	DC	xã Đồng Lương	H. Lang Chánh	20° 11' 29"	105° 14' 06"					F-48-91-C
Thôn Cui	DC	xã Đồng Lương	H. Lang Chánh	20° 09' 48"	105° 14' 46"					F-48-91-C
đồi Đá Lăn	SV	xã Đồng Lương	H. Lang Chánh	20° 08' 35"	105° 16' 34"					F-48-91-D-a
núi Đá Song	SV	xã Đồng Lương	H. Lang Chánh	20° 10' 15"	105° 16' 42"					F-48-91-D-a
Đồi Hồng	SV	xã Đồng Lương	H. Lang Chánh	20° 08' 28"	105° 15' 54"					F-48-91-D-a
núi Ken Chon	SV	xã Đồng Lương	H. Lang Chánh	20° 12' 35"	105° 14' 07"					F-48-91-C
Thôn Mốc	DC	xã Đồng Lương	H. Lang Chánh	20° 11' 19"	105° 13' 26"					F-48-91-C
núi Môm Voi	SV	xã Đồng Lương	H. Lang Chánh	20° 08' 02"	105° 16' 12"					F-48-91-D-a
Thôn Nê	DC	xã Đồng Lương	H. Lang Chánh	20° 08' 55"	105° 16' 05"					F-48-91-D-a
Đồi Ngang	SV	xã Đồng Lương	H. Lang Chánh	20° 07' 46"	105° 16' 39"					F-48-91-D-a
Đồi Pan	SV	xã Đồng Lương	H. Lang Chánh	20° 08' 17"	105° 16' 48"					F-48-91-D-a
Pu Páo	SV	xã Đồng Lương	H. Lang Chánh	20° 11' 36"	105° 13' 34"					F-48-91-C
Pu Pẹo	SV	xã Đồng Lương	H. Lang Chánh	20° 11' 05"	105° 13' 48"					F-48-91-C
Đồi Pi	SV	xã Đồng Lương	H. Lang Chánh	20° 08' 13"	105° 15' 47"					F-48-91-D-a
Thôn Quắc	DC	xã Đồng Lương	H. Lang Chánh	20° 10' 47"	105° 14' 06"					F-48-91-C
Thôn Quên	DC	xã Đồng Lương	H. Lang Chánh	20° 11' 19"	105° 14' 13"					F-48-91-C
núi Sáp Ong	SV	xã Đồng Lương	H. Lang Chánh	20° 12' 58"	105° 13' 05"					F-48-91-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
đồi Tà Dù	SV	xã Đồng Lương	H. Lang Chánh	20° 09' 48"	105° 16' 26"					F-48-91-D-a
Thôn Thung	DC	xã Đồng Lương	H. Lang Chánh	20° 10' 39"	105° 16' 05"					F-48-91-D-a
Thôn Xuốm	DC	xã Đồng Lương	H. Lang Chánh	20° 09' 19"	105° 15' 29"					F-48-91-D-a
Làng Ang	DC	xã Giao An	H. Lang Chánh	20° 06' 51"	105° 15' 47"					F-48-91-D-c
Sông Âm	TV	xã Giao An	H. Lang Chánh			20° 13' 16"	105° 06' 53"	19° 55' 29"	105° 22' 16"	F-48-91-D-c
làng Bắc Nặm	DC	xã Giao An	H. Lang Chánh	20° 06' 05"	105° 15' 36"					F-48-91-D-c
Sông Cảy	TV	xã Giao An	H. Lang Chánh			20° 07' 44"	105° 12' 29"	20° 05' 50"	105° 15' 28"	F-48-91-C, F-48-91-D-c
làng Chiềng Nang	DC	xã Giao An	H. Lang Chánh	20° 05' 28"	105° 14' 28"					F-48-91-C
Đồi Chùa	SV	xã Giao An	H. Lang Chánh	20° 04' 53"	105° 16' 53"					F-48-91-D-c
Pu Đê	SV	xã Giao An	H. Lang Chánh	20° 04' 49"	105° 15' 18"					F-48-91-D-c
đồi Đồng Lình	SV	xã Giao An	H. Lang Chánh	20° 03' 46"	105° 11' 06"					F-48-91-C
Đồi Giang 1	SV	xã Giao An	H. Lang Chánh	20° 05' 13"	105° 16' 44"					F-48-91-D-c
Núi Ginh	SV	xã Giao An	H. Lang Chánh	20° 03' 51"	105° 11' 56"					F-48-91-C
đồi Hón Chan	SV	xã Giao An	H. Lang Chánh	20° 07' 11"	105° 14' 28"					F-48-91-C
Suối Lậm	TV	xã Giao An	H. Lang Chánh			20° 04' 12"	105° 14' 45"	20° 04' 31"	105° 15' 54"	F-48-91-C, F-48-91-D-c
Suối Nang	TV	xã Giao An	H. Lang Chánh			20° 05' 18"	105° 13' 08"	20° 05' 40"	105° 14' 56"	F-48-91-C
Làng Trô	DC	xã Giao An	H. Lang Chánh	20° 05' 05"	105° 16' 01"					F-48-91-D-c
Làng Viên	DC	xã Giao An	H. Lang Chánh	20° 04' 44"	105° 14' 28"					F-48-91-C
Sông Âm	TV	xã Giao Thiện	H. Lang Chánh			20° 13' 16"	105° 06' 53"	19° 55' 29"	105° 22' 16"	F-48-91-D-c
thôn Bí Nghịu	DC	xã Giao Thiện	H. Lang Chánh	20° 00' 53"	105° 15' 15"					F-48-91-D-c
núi Bù Khương	SV	xã Giao Thiện	H. Lang Chánh	20° 02' 30"	105° 15' 47"					F-48-91-D-c
núi Bù Song Long	SV	xã Giao Thiện	H. Lang Chánh	20° 01' 13"	105° 15' 25"					F-48-91-D-c
núi Bù Tôn	SV	xã Giao Thiện	H. Lang Chánh	20° 00' 45"	105° 12' 14"					F-48-91-C
thôn Chiềng Lẹn	DC	xã Giao Thiện	H. Lang Chánh	20° 02' 29"	105° 14' 22"					F-48-91-C
đồi Đá Bí	SV	xã Giao Thiện	H. Lang Chánh	20° 00' 49"	105° 15' 32"					F-48-91-D-c
Pu Đê	SV	xã Giao Thiện	H. Lang Chánh	20° 04' 49"	105° 15' 18"					F-48-91-D-c
đồi Đồng Lình	SV	xã Giao Thiện	H. Lang Chánh	20° 03' 46"	105° 11' 06"					F-48-91-C
Núi Ginh	SV	xã Giao Thiện	H. Lang Chánh	20° 03' 51"	105° 11' 56"					F-48-91-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Pu Ginh	SV	xã Giao Thiện	H. Lang Chánh	20° 03' 23"	105° 09' 50"					F-48-91-C
Pù Han	SV	xã Giao Thiện	H. Lang Chánh	20° 00' 54"	105° 09' 50"					F-48-91-D-c
Pù Hon	SV	xã Giao Thiện	H. Lang Chánh	20° 00' 40"	105° 10' 36"					F-48-91-D-c
Thôn Húng	DC	xã Giao Thiện	H. Lang Chánh	20° 01' 57"	105° 11' 35"					F-48-91-C
thôn Khụ 1	DC	xã Giao Thiện	H. Lang Chánh	20° 03' 29"	105° 15' 52"					F-48-91-D-c
thôn Khụ 2	DC	xã Giao Thiện	H. Lang Chánh	20° 03' 31"	105° 16' 15"					F-48-91-D-c
thôn Khụ 3	DC	xã Giao Thiện	H. Lang Chánh	20° 02' 28"	105° 16' 35"					F-48-91-D-c
Suối Lậm	TV	xã Giao Thiện	H. Lang Chánh			20° 04' 12"	105° 14' 45"	20° 04' 31"	105° 15' 54"	F-48-91-C, F-48-91-D-c
thôn Lằn Sổ	DC	xã Giao Thiện	H. Lang Chánh	20° 01' 58"	105° 13' 52"					F-48-91-C
núi Lén Buồng	SV	xã Giao Thiện	H. Lang Chánh	20° 01' 26"	105° 16' 59"					F-48-91-D-c
Thôn Poọng	DC	xã Giao Thiện	H. Lang Chánh	20° 01' 58"	105° 14' 42"					F-48-91-C
suối Pù Nông	TV	xã Giao Thiện	H. Lang Chánh			20° 04' 14"	105° 16' 26"	20° 04' 30"	105° 16' 41"	F-48-91-D-c
Sông Sạo	TV	xã Giao Thiện	H. Lang Chánh			20° 03' 08"	105° 09' 48"	20° 01' 56"	105° 18' 00"	F-48-91-C, F-48-91-D-c
Thôn Tượt	DC	xã Giao Thiện	H. Lang Chánh	20° 01' 21"	105° 14' 39"					F-48-91-C
đồi Vùng Vàng	SV	xã Giao Thiện	H. Lang Chánh	20° 04' 33"	105° 16' 31"					F-48-91-D-c
Bản Buốc	DC	xã Lâm Phú	H. Lang Chánh	20° 14' 22"	105° 04' 08"					F-48-91-C
pu Cánh Tiên	SV	xã Lâm Phú	H. Lang Chánh	20° 17' 32"	105° 01' 30"					F-48-91-A-c
Bản Cháo	DC	xã Lâm Phú	H. Lang Chánh	20° 16' 25"	105° 02' 10"					F-48-91-A-c
núi Cô Cân	SV	xã Lâm Phú	H. Lang Chánh	20° 13' 32"	105° 04' 55"					F-48-91-C
Suối Đang	TV	xã Lâm Phú	H. Lang Chánh			20° 13' 38"	105° 01' 06"	20° 13' 16"	105° 06' 53"	F-48-91-C
Bản Đôn	DC	xã Lâm Phú	H. Lang Chánh	20° 15' 55"	105° 02' 49"					F-48-91-A-c
pu Ếch Chạng	SV	xã Lâm Phú	H. Lang Chánh	20° 13' 50"	105° 06' 29"					F-48-91-C
núi Hang Khoai	SV	xã Lâm Phú	H. Lang Chánh	20° 16' 44"	105° 03' 09"					F-48-91-A-c
núi Hín Chay	SV	xã Lâm Phú	H. Lang Chánh	20° 17' 46"	105° 01' 44"					F-48-91-A-c
núi Keo Cong Pa Ruốc	SV	xã Lâm Phú	H. Lang Chánh	20° 12' 07"	105° 00' 54"					F-48-91-C
Pu Khúm	SV	xã Lâm Phú	H. Lang Chánh	20° 12' 47"	105° 05' 56"					F-48-91-C
Pu Măn	SV	xã Lâm Phú	H. Lang Chánh	20° 14' 27"	105° 00' 22"					F-48-91-C
bản Nà Đang	DC	xã Lâm Phú	H. Lang Chánh	20° 12' 47"	105° 01' 05"					F-48-91-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Pu Nga	SV	xã Lâm Phú	H. Lang Chánh	20° 16' 21"	105° 04' 51"					F-48-91-A-c
Bản Ngày	DC	xã Lâm Phú	H. Lang Chánh	20° 14' 57"	105° 03' 47"					F-48-91-C
sắn Nhá Nhung	SV	xã Lâm Phú	H. Lang Chánh	20° 14' 01"	105° 01' 23"					F-48-91-C
sắn Nóc Ngua	SV	xã Lâm Phú	H. Lang Chánh	20° 14' 23"	105° 01' 01"					F-48-91-C
dãy Ông Soạn	SV	xã Lâm Phú	H. Lang Chánh	20° 12' 35"	105° 03' 40"					F-48-91-C
núi Pha Vàng	SV	xã Lâm Phú	H. Lang Chánh	20° 12' 45"	105° 04' 41"					F-48-91-C
Pu Phang	SV	xã Lâm Phú	H. Lang Chánh	20° 16' 05"	105° 01' 19"					F-48-91-A-c
Bản Pi	DC	xã Lâm Phú	H. Lang Chánh	20° 16' 39"	105° 01' 50"					F-48-91-A-c
Bản Poọng	DC	xã Lâm Phú	H. Lang Chánh	20° 15' 22"	105° 03' 50"					F-48-91-A-c
núi Sắn Căng	SV	xã Lâm Phú	H. Lang Chánh	20° 13' 13"	105° 00' 11"					F-48-91-C
Bản Tiên	DC	xã Lâm Phú	H. Lang Chánh	20° 16' 54"	105° 01' 37"					F-48-91-A-c
Bản Tiến	DC	xã Lâm Phú	H. Lang Chánh	20° 14' 24"	105° 05' 06"					F-48-91-C
núi Tiên Trong	SV	xã Lâm Phú	H. Lang Chánh	20° 16' 08"	105° 05' 07"					F-48-91-A-c
Suối Xầy	TV	xã Lâm Phú	H. Lang Chánh			20° 16' 20"	105° 03' 14"	20° 18' 24"	105° 02' 46"	F-48-91-A-c
quốc lộ 15A	KX	xã Quang Hiến	H. Lang Chánh			20° 33' 37"	105° 01' 17"	20° 05' 33"	105° 22' 16"	F-48-91-D-a
Sông Âm	TV	xã Quang Hiến	H. Lang Chánh			20° 13' 16"	105° 06' 53"	19° 55' 29"	105° 22' 16"	F-48-91-C, F-48-91-D-(a,c)
Thôn Ăng	DC	xã Quang Hiến	H. Lang Chánh	20° 08' 48"	105° 13' 41"					F-48-91-C
Đồi Bái	SV	xã Quang Hiến	H. Lang Chánh	20° 09' 10"	105° 15' 11"					F-48-91-D-a
đồi Bái Đùn	SV	xã Quang Hiến	H. Lang Chánh	20° 08' 08"	105° 15' 32"					F-48-91-D-a
Thôn Bàn	DC	xã Quang Hiến	H. Lang Chánh	20° 09' 40"	105° 13' 52"					F-48-91-C
Thôn Bang	DC	xã Quang Hiến	H. Lang Chánh	20° 07' 52"	105° 14' 46"					F-48-91-C
Đồi Bò	SV	xã Quang Hiến	H. Lang Chánh	20° 07' 50"	105° 14' 10"					F-48-91-C
thôn Chiềng Ban	DC	xã Quang Hiến	H. Lang Chánh	20° 09' 31"	105° 13' 39"					F-48-91-C
Thôn Chiếu	DC	xã Quang Hiến	H. Lang Chánh	20° 07' 19"	105° 15' 07"					F-48-91-D-c
Pu Duốc	SV	xã Quang Hiến	H. Lang Chánh	20° 09' 15"	105° 10' 16"					F-48-91-C
Đồi Giang	SV	xã Quang Hiến	H. Lang Chánh	20° 07' 20"	105° 16' 26"					F-48-91-D-c
Thôn Giáng	DC	xã Quang Hiến	H. Lang Chánh	20° 08' 46"	105° 14' 56"					F-48-91-C
đồi Hón Chan	SV	xã Quang Hiến	H. Lang Chánh	20° 07' 11"	105° 14' 28"					F-48-91-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Chùa Mèo	KX	xã Quang Hiến	H. Lang Chánh	20° 09' 14"	105° 13' 49"					F-48-91-C-b
Thôn Oi	DC	xã Quang Hiến	H. Lang Chánh	20° 09' 20"	105° 13' 16"					F-48-91-C
Hón Phách	TV	xã Quang Hiến	H. Lang Chánh			20° 12' 51"	105° 11' 05"	20° 09' 28"	105° 13' 55"	F-48-91-C
Thôn Phống	DC	xã Quang Hiến	H. Lang Chánh	20° 08' 48"	105° 13' 55"					F-48-91-C
Đồi Pi	SV	xã Quang Hiến	H. Lang Chánh	20° 08' 13"	105° 15' 47"					F-48-91-D-a
thôn Quang Tân	DC	xã Quang Hiến	H. Lang Chánh	20° 09' 02"	105° 13' 58"					F-48-91-C
Thôn Tỉu	DC	xã Quang Hiến	H. Lang Chánh	20° 08' 15"	105° 15' 36"					F-48-91-D-a
Thôn Trùng	DC	xã Quang Hiến	H. Lang Chánh	20° 08' 23"	105° 13' 52"					F-48-91-C
Pu Xiềng	SV	xã Quang Hiến	H. Lang Chánh	20° 09' 17"	105° 12' 04"					F-48-91-C
đồi Xum Pà	SV	xã Quang Hiến	H. Lang Chánh	20° 08' 57"	105° 10' 44"					F-48-91-C
Sông Âm	TV	xã Tam Văn	H. Lang Chánh			20° 13' 16"	105° 06' 53"	19° 55' 29"	105° 22' 16"	F-48-91-C
Núi Báng	SV	xã Tam Văn	H. Lang Chánh	20° 10' 31"	105° 09' 11"					F-48-91-C
Bản Căm	DC	xã Tam Văn	H. Lang Chánh	20° 12' 48"	105° 08' 13"					F-48-91-C
pu Có Hao	SV	xã Tam Văn	H. Lang Chánh	20° 13' 34"	105° 08' 00"					F-48-91-C
núi Có Hụm Pha Phá	SV	xã Tam Văn	H. Lang Chánh	20° 11' 20"	105° 07' 59"					F-48-91-C
pom Có Muống	SV	xã Tam Văn	H. Lang Chánh	20° 12' 19"	105° 05' 20"					F-48-91-C
pom Có Pục	SV	xã Tam Văn	H. Lang Chánh	20° 10' 42"	105° 09' 58"					F-48-91-C
bản Cú Tá	DC	xã Tam Văn	H. Lang Chánh	20° 10' 47"	105° 10' 59"					F-48-91-C
núi Đèn Mương	SV	xã Tam Văn	H. Lang Chánh	20° 13' 29"	105° 07' 08"					F-48-91-C
pu Én Chạng	SV	xã Tam Văn	H. Lang Chánh	20° 13' 50"	105° 06' 29"					F-48-91-C
Pu Khúm	SV	xã Tam Văn	H. Lang Chánh	20° 12' 47"	105° 05' 56"					F-48-91-C
Bản Lọng	DC	xã Tam Văn	H. Lang Chánh	20° 12' 35"	105° 08' 42"					F-48-91-C
Bản Lót	DC	xã Tam Văn	H. Lang Chánh	20° 13' 07"	105° 07' 05"					F-48-91-C
Pu Muống	SV	xã Tam Văn	H. Lang Chánh	20° 11' 59"	105° 05' 24"					F-48-91-C
Pu Nhương	SV	xã Tam Văn	H. Lang Chánh	20° 12' 18"	105° 09' 22"					F-48-91-C
Bản Phá	DC	xã Tam Văn	H. Lang Chánh	20° 12' 27"	105° 07' 30"					F-48-91-C
núi Phá Bằng	SV	xã Tam Văn	H. Lang Chánh	20° 10' 54"	105° 08' 38"					F-48-91-C
núi Phá Cáng	SV	xã Tam Văn	H. Lang Chánh	20° 11' 45"	105° 07' 08"					F-48-91-C
núi Sắn Có Pảng	SV	xã Tam Văn	H. Lang Chánh	20° 11' 07"	105° 11' 20"					F-48-91-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
núi Sắn Pa Bái	SV	xã Tam Văn	H. Lang Chánh	20° 11' 42"	105° 10' 30"					F-48-91-C
núi Sao Ba	SV	xã Tam Văn	H. Lang Chánh	20° 10' 14"	105° 09' 50"					F-48-91-C
sông Thác Lạn	TV	xã Tam Văn	H. Lang Chánh			20° 11' 20"	105° 05' 59"	20° 13' 16"	105° 06' 53"	F-48-91-C
Bản U	DC	xã Tam Văn	H. Lang Chánh	20° 11' 49"	105° 09' 58"					F-48-91-C
quốc lộ 15A	KX	xã Tân Phúc	H. Lang Chánh			20° 33' 37"	105° 01' 17"	20° 05' 33"	105° 22' 16"	F-48-91-C
Sông Âm	TV	xã Tân Phúc	H. Lang Chánh			20° 13' 16"	105° 06' 53"	19° 55' 29"	105° 22' 16"	F-48-91-C
Pu Chức	SV	xã Tân Phúc	H. Lang Chánh	20° 10' 23"	105° 13' 37"					F-48-91-C
Núi Cỏn	SV	xã Tân Phúc	H. Lang Chánh	20° 14' 31"	105° 11' 24"					F-48-91-C
Suối Đàm	TV	xã Tân Phúc	H. Lang Chánh			20° 14' 06"	105° 10' 30"	20° 11' 32"	105° 11' 56"	F-48-91-C
Pu Đáy	SV	xã Tân Phúc	H. Lang Chánh	20° 09' 46"	105° 11' 17"					F-48-91-C
Pu Duốc	SV	xã Tân Phúc	H. Lang Chánh	20° 09' 15"	105° 10' 16"					F-48-91-C
Đồi Hượn	SV	xã Tân Phúc	H. Lang Chánh	20° 14' 54"	105° 10' 34"					F-48-91-C
Pu Mèo	SV	xã Tân Phúc	H. Lang Chánh	20° 13' 24"	105° 09' 30"					F-48-91-C
Suối Mèo	TV	xã Tân Phúc	H. Lang Chánh			20° 12' 46"	105° 10' 26"	20° 12' 21"	105° 11' 28"	F-48-91-C
Suối Mống	TV	xã Tân Phúc	H. Lang Chánh			20° 11' 50"	105° 13' 19"	20° 10' 22"	105° 13' 16"	F-48-91-C
Pu Mùn	SV	xã Tân Phúc	H. Lang Chánh	20° 14' 08"	105° 10' 08"					F-48-91-C
núi Na Tốp	SV	xã Tân Phúc	H. Lang Chánh	20° 09' 46"	105° 10' 41"					F-48-91-C
Pu Ngang	SV	xã Tân Phúc	H. Lang Chánh	20° 12' 45"	105° 12' 28"					F-48-91-C
Pu Nhương	SV	xã Tân Phúc	H. Lang Chánh	20° 12' 18"	105° 09' 22"					F-48-91-C
Núi Pảng	SV	xã Tân Phúc	H. Lang Chánh	20° 13' 24"	105° 11' 59"					F-48-91-C
Pu Páo	SV	xã Tân Phúc	H. Lang Chánh	20° 11' 36"	105° 13' 34"					F-48-91-C
Pu Pẹo	SV	xã Tân Phúc	H. Lang Chánh	20° 11' 05"	105° 13' 48"					F-48-91-C
núi Phá Pa	SV	xã Tân Phúc	H. Lang Chánh	20° 11' 19"	105° 12' 11"					F-48-91-C
Hón Phách	TV	xã Tân Phúc	H. Lang Chánh			20° 12' 51"	105° 11' 05"	20° 09' 28"	105° 13' 55"	F-48-91-C
núi Puốc Phê	SV	xã Tân Phúc	H. Lang Chánh	20° 14' 28"	105° 11' 02"					F-48-91-C
núi Sắn Có Pảng	SV	xã Tân Phúc	H. Lang Chánh	20° 11' 07"	105° 11' 20"					F-48-91-C
núi Sắn Pa Bái	SV	xã Tân Phúc	H. Lang Chánh	20° 11' 42"	105° 10' 30"					F-48-91-C
núi Sáp Ong	SV	xã Tân Phúc	H. Lang Chánh	20° 12' 58"	105° 13' 05"					F-48-91-C
làng Sơn Thuỷ	DC	xã Tân Phúc	H. Lang Chánh	20° 12' 32"	105° 11' 49"					F-48-91-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
làng Tân Biên	DC	xã Tân Phúc	H. Lang Chánh	20° 14' 09"	105° 10' 34"					F-48-91-C
làng Tân Bình	DC	xã Tân Phúc	H. Lang Chánh	20° 12' 06"	105° 10' 48"					F-48-91-C
làng Tân Cương	DC	xã Tân Phúc	H. Lang Chánh	20° 13' 27"	105° 11' 10"					F-48-91-C
làng Tân Lập	DC	xã Tân Phúc	H. Lang Chánh	20° 10' 24"	105° 11' 49"					F-48-91-C
làng Tân Phong	DC	xã Tân Phúc	H. Lang Chánh	20° 10' 56"	105° 13' 01"					F-48-91-C
làng Tân Sơn	DC	xã Tân Phúc	H. Lang Chánh	20° 12' 46"	105° 11' 49"					F-48-91-C
làng Tân Thành	DC	xã Tân Phúc	H. Lang Chánh	20° 10' 03"	105° 13' 35"					F-48-91-C
làng Tân Thuỷ	DC	xã Tân Phúc	H. Lang Chánh	20° 12' 05"	105° 11' 56"					F-48-91-C
làng Tân Tiến	DC	xã Tân Phúc	H. Lang Chánh	20° 11' 47"	105° 13' 01"					F-48-91-C
Pu Xiềng	SV	xã Tân Phúc	H. Lang Chánh	20° 09' 17"	105° 12' 04"					F-48-91-C
Pu Bun	SV	xã Trí Nang	H. Lang Chánh	20° 04' 02"	105° 09' 04"					F-48-91-C
Làng Cảy	DC	xã Trí Nang	H. Lang Chánh	20° 07' 02"	105° 13' 12"					F-48-91-C
Sông Cảy	TV	xã Trí Nang	H. Lang Chánh			20° 07' 44"	105° 12' 29"	20° 05' 50"	105° 15' 28"	F-48-91-C
đồi Đồng Lình	SV	xã Trí Nang	H. Lang Chánh	20° 03' 46"	105° 11' 06"					F-48-91-C
Pu Duốc	SV	xã Trí Nang	H. Lang Chánh	20° 09' 15"	105° 10' 16"					F-48-91-C
Làng En	DC	xã Trí Nang	H. Lang Chánh	20° 07' 49"	105° 12' 16"					F-48-91-C
Làng Giàng	DC	xã Trí Nang	H. Lang Chánh	20° 06' 52"	105° 13' 51"					F-48-91-C
Pu Ginh	SV	xã Trí Nang	H. Lang Chánh	20° 03' 23"	105° 09' 50"					F-48-91-C
Làng Hắc	DC	xã Trí Nang	H. Lang Chánh	20° 08' 06"	105° 11' 08"					F-48-91-C
Hón Hỗi	TV	xã Trí Nang	H. Lang Chánh			20° 06' 27"	105° 11' 06"	20° 07' 44"	105° 12' 29"	F-48-91-C
Hón Mũi	TV	xã Trí Nang	H. Lang Chánh			20° 08' 09"	105° 10' 34"	20° 07' 44"	105° 12' 29"	F-48-91-C
làng Năng Cát	DC	xã Trí Nang	H. Lang Chánh	20° 07' 19"	105° 09' 50"					F-48-91-C
pu Phạ Mựt	SV	xã Trí Nang	H. Lang Chánh	20° 06' 49"	105° 07' 36"					F-48-91-C
Pu Rinh	SV	xã Trí Nang	H. Lang Chánh	20° 07' 16"	105° 07' 37"					F-48-91-C
Suối Tá	TV	xã Trí Nang	H. Lang Chánh			20° 06' 24"	105° 07' 32"	20° 06' 27"	105° 11' 06"	F-48-91-C
Pu Tên	SV	xã Trí Nang	H. Lang Chánh	20° 08' 42"	105° 09' 18"					F-48-91-C
Làng Vìn	DC	xã Trí Nang	H. Lang Chánh	20° 06' 25"	105° 13' 50"					F-48-91-C
đồi Xum Pà	SV	xã Trí Nang	H. Lang Chánh	20° 08' 57"	105° 10' 44"					F-48-91-C
Bản Bôn	DC	xã Yên Khương	H. Lang Chánh	20° 09' 41"	105° 02' 51"					F-48-91-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
suối Ca Lung	TV	xã Yên Khương	H. Lang Chánh			20° 08' 48"	105° 00' 47"	20° 08' 39"	105° 02' 02"	F-48-91-C
Pom Câu	SV	xã Yên Khương	H. Lang Chánh	20° 09' 17"	105° 03' 36"					F-48-91-C
bản Chí Lý	DC	xã Yên Khương	H. Lang Chánh	20° 09' 59"	105° 03' 32"					F-48-91-C
Suối Chiềng	TV	xã Yên Khương	H. Lang Chánh			20° 06' 45"	104° 58' 48"	20° 10' 50"	105° 04' 57"	F-48-91-C
Pu Cồ	SV	xã Yên Khương	H. Lang Chánh	20° 11' 18"	105° 02' 10"					F-48-91-C
núi Có Hiêng	SV	xã Yên Khương	H. Lang Chánh	20° 08' 10"	105° 03' 04"					F-48-91-C
pom Có Hiêng	SV	xã Yên Khương	H. Lang Chánh	20° 11' 34"	105° 04' 05"					F-48-91-C
Pu Cú	SV	xã Yên Khương	H. Lang Chánh	20° 04' 25"	105° 03' 09"					F-48-91-C
Bản Giàng	DC	xã Yên Khương	H. Lang Chánh	20° 10' 56"	105° 01' 30"					F-48-91-C
Pu Hại	SV	xã Yên Khương	H. Lang Chánh	20° 05' 00"	105° 01' 31"					F-48-91-C
Bản Hằng	DC	xã Yên Khương	H. Lang Chánh	20° 06' 14"	104° 58' 52"					F-48-90-D
núi Háy Hom Tay	SV	xã Yên Khương	H. Lang Chánh	20° 11' 33"	105° 04' 44"					F-48-91-C
Pu Hụng	SV	xã Yên Khương	H. Lang Chánh	20° 08' 40"	105° 03' 00"					F-48-91-C
núi Huối Phá	SV	xã Yên Khương	H. Lang Chánh	20° 08' 37"	105° 02' 20"					F-48-91-C
núi Keo Cong Pa Ruốc	SV	xã Yên Khương	H. Lang Chánh	20° 12' 07"	105° 00' 54"					F-48-91-C
Suối Khoa	TV	xã Yên Khương	H. Lang Chánh			20° 07' 46"	104° 57' 34"	20° 06' 45"	104° 58' 48"	F-48-90-D
Bản Khon	DC	xã Yên Khương	H. Lang Chánh	20° 06' 46"	104° 58' 41"					F-48-90-D
Suối Khon	TV	xã Yên Khương	H. Lang Chánh			20° 06' 26"	105° 01' 59"	20° 07' 15"	105° 00' 42"	F-48-91-C
pu Lầy Phạ	SV	xã Yên Khương	H. Lang Chánh	20° 07' 21"	105° 02' 17"					F-48-91-C
Bản Mè	DC	xã Yên Khương	H. Lang Chánh	20° 10' 26"	105° 02' 35"					F-48-91-C
Suối Mè	TV	xã Yên Khương	H. Lang Chánh			20° 11' 12"	105° 02' 20"	20° 10' 30"	105° 04' 16"	F-48-91-C
Bản Muỗng	DC	xã Yên Khương	H. Lang Chánh	20° 08' 06"	105° 01' 26"					F-48-90-D
bản Nậm Đanh	DC	xã Yên Khương	H. Lang Chánh	20° 10' 26"	105° 03' 11"					F-48-91-C
dãy Ông Soạn	SV	xã Yên Khương	H. Lang Chánh	20° 12' 35"	105° 03' 40"					F-48-91-C
núi Pà Cù	SV	xã Yên Khương	H. Lang Chánh	20° 07' 59"	105° 02' 20"					F-48-91-C
núi Pà Cụt	SV	xã Yên Khương	H. Lang Chánh	20° 06' 43"	105° 02' 17"					F-48-91-C
núi Pha Vàng	SV	xã Yên Khương	H. Lang Chánh	20° 12' 45"	105° 04' 41"					F-48-91-C
Pu Phang	SV	xã Yên Khương	H. Lang Chánh	20° 08' 23"	105° 02' 53"					F-48-91-C
pu Phạy Mạy	SV	xã Yên Khương	H. Lang Chánh	20° 05' 34"	105° 00' 18"					F-48-91-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Pu Phụng	SV	xã Yên Khương	H. Lang Chánh	20° 06' 02"	105° 02' 10"					F-48-91-C
Suối Piềng	TV	xã Yên Khương	H. Lang Chánh			20° 10' 37"	105° 01' 44"	20° 10' 13"	105° 03' 29"	F-48-91-C
pu Sơ Lát	SV	xã Yên Khương	H. Lang Chánh	20° 05' 57"	104° 58' 26"					F-48-90-D
pu Sư Na Nọi	SV	xã Yên Khương	H. Lang Chánh	20° 08' 20"	104° 59' 13"					F-48-90-D
bản Tứ Chiềng	DC	xã Yên Khương	H. Lang Chánh	20° 09' 29"	105° 03' 00"					F-48-91-C
Bản Xã	DC	xã Yên Khương	H. Lang Chánh	20° 10' 01"	105° 02' 46"					F-48-91-C
Bản Xắng	DC	xã Yên Khương	H. Lang Chánh	20° 06' 03"	104° 59' 06"					F-48-90-D
bản Yên Lập	DC	xã Yên Khương	H. Lang Chánh	20° 09' 11"	105° 03' 00"					F-48-91-C
bản Yên Phong	DC	xã Yên Khương	H. Lang Chánh	20° 08' 51"	105° 02' 38"					F-48-91-C
Núi Báng	SV	xã Yên Thắng	H. Lang Chánh	20° 10' 31"	105° 09' 11"					F-48-91-C
núi Búng Cừu	SV	xã Yên Thắng	H. Lang Chánh	20° 08' 10"	105° 07' 44"					F-48-91-C
suối Cáng Lù	TV	xã Yên Thắng	H. Lang Chánh			20° 09' 39"	105° 08' 02"	20° 11' 20"	105° 06' 00"	F-48-91-C
Pom Câu	SV	xã Yên Thắng	H. Lang Chánh	20° 09' 17"	105° 03' 36"					F-48-91-C
núi Cô Cân	SV	xã Yên Thắng	H. Lang Chánh	20° 13' 32"	105° 04' 55"					F-48-91-C
núi Có Hiêng	SV	xã Yên Thắng	H. Lang Chánh	20° 08' 10"	105° 03' 04"					F-48-91-C
pom Có Hiêng	SV	xã Yên Thắng	H. Lang Chánh	20° 11' 34"	105° 04' 05"					F-48-91-C
núi Có Hụm Pha Phá	SV	xã Yên Thắng	H. Lang Chánh	20° 11' 20"	105° 07' 59"					F-48-91-C
pom Có Muống	SV	xã Yên Thắng	H. Lang Chánh	20° 12' 19"	105° 05' 20"					F-48-91-C
Bản Cơn	DC	xã Yên Thắng	H. Lang Chánh	20° 10' 55"	105° 05' 08"					F-48-91-C
núi Háy Hom Tay	SV	xã Yên Thắng	H. Lang Chánh	20° 11' 33"	105° 04' 44"					F-48-91-C
Pu Hinh	SV	xã Yên Thắng	H. Lang Chánh	20° 07' 31"	105° 06' 29"					F-48-91-C
Pu Hụng	SV	xã Yên Thắng	H. Lang Chánh	20° 08' 40"	105° 03' 00"					F-48-91-C
pu Huối Cọ	SV	xã Yên Thắng	H. Lang Chánh	20° 05' 15"	105° 05' 30"					F-48-91-C
núi Huối Sai	SV	xã Yên Thắng	H. Lang Chánh	20° 04' 45"	105° 04' 34"					F-48-91-C
Pu Khúm	SV	xã Yên Thắng	H. Lang Chánh	20° 12' 47"	105° 05' 56"					F-48-91-C
póm Lá Nặm	SV	xã Yên Thắng	H. Lang Chánh	20° 09' 11"	105° 06' 25"					F-48-91-C
pu Láy Phạ	SV	xã Yên Thắng	H. Lang Chánh	20° 07' 21"	105° 02' 17"					F-48-91-C
pu Muống	SV	xã Yên Thắng	H. Lang Chánh	20° 11' 59"	105° 05' 24"					F-48-91-C
Bản Ngàm	DC	xã Yên Thắng	H. Lang Chánh	20° 09' 16"	105° 04' 19"					F-48-91-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Pu Nhèo	SV	xã Yên Thắng	H. Lang Chánh	20° 09' 17"	105° 08' 42"					F-48-91-C
dãy Ông Soạn	SV	xã Yên Thắng	H. Lang Chánh	20° 12' 35"	105° 03' 40"					F-48-91-C
núi Pà Cù	SV	xã Yên Thắng	H. Lang Chánh	20° 07' 59"	105° 02' 20"					F-48-91-C
Bản Peo	DC	xã Yên Thắng	H. Lang Chánh	20° 08' 47"	105° 05' 02"					F-48-91-C
núi Phá Bằng	SV	xã Yên Thắng	H. Lang Chánh	20° 10' 54"	105° 08' 38"					F-48-91-C
núi Phá Cáng	SV	xã Yên Thắng	H. Lang Chánh	20° 11' 45"	105° 07' 08"					F-48-91-C
núi Pha Vàng	SV	xã Yên Thắng	H. Lang Chánh	20° 12' 45"	105° 04' 41"					F-48-91-C
Pu Phụng	SV	xã Yên Thắng	H. Lang Chánh	20° 06' 02"	105° 02' 10"					F-48-91-C
Pu Rinh	SV	xã Yên Thắng	H. Lang Chánh	20° 07' 16"	105° 07' 37"					F-48-91-C
núi Tang Luống	SV	xã Yên Thắng	H. Lang Chánh	20° 08' 48"	105° 03' 36"					F-48-91-C
Pu Tên	SV	xã Yên Thắng	H. Lang Chánh	20° 08' 42"	105° 09' 18"					F-48-91-C
sông Thác Lạn	TV	xã Yên Thắng	H. Lang Chánh			20° 11' 20"	105° 05' 59"	20° 13' 16"	105° 06' 53"	F-48-91-C
Bản Tráng	DC	xã Yên Thắng	H. Lang Chánh	20° 08' 43"	105° 06' 29"					F-48-91-C
Suối Vần	TV	xã Yên Thắng	H. Lang Chánh			20° 05' 33"	105° 03' 44"	20° 11' 20"	105° 05' 59"	F-48-91-C
Bản Vặn	DC	xã Yên Thắng	H. Lang Chánh	20° 07' 55"	105° 03' 32"					F-48-91-C
bản Vần Ngoài	DC	xã Yên Thắng	H. Lang Chánh	20° 09' 52"	105° 05' 42"					F-48-91-C
bản Vần Trong	DC	xã Yên Thắng	H. Lang Chánh	20° 09' 47"	105° 05' 17"					F-48-91-C
Bản Vịn	DC	xã Yên Thắng	H. Lang Chánh	20° 11' 09"	105° 05' 06"					F-48-91-C
bản Yên Thành	DC	xã Yên Thắng	H. Lang Chánh	20° 08' 50"	105° 07' 55"					F-48-91-C
khu 1	DC	TT. Mường Lát	H. Mường Lát	20° 30' 47"	104° 35' 20"					F-48-78-C
khu 2	DC	TT. Mường Lát	H. Mường Lát	20° 31' 43"	104° 35' 56"					F-48-78-C
khu 3	DC	TT. Mường Lát	H. Mường Lát	20° 31' 43"	104° 36' 04"					F-48-78-C
khu 4	DC	TT. Mường Lát	H. Mường Lát	20° 31' 25"	104° 34' 59"					F-48-78-C
đường tỉnh 520	KX	TT. Mường Lát	H. Mường Lát			20° 23' 42"	105° 05' 13"	20° 31' 59"	104° 29' 09"	F-48-78-C
Sông Mã	TV	TT. Mường Lát	H. Mường Lát			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	F-48-78-C
Ban quản lý Rừng phòng hộ Mường Lát	KX	TT. Mường Lát	H. Mường Lát	20° 31' 38"	104° 34' 24"					F-48-78-C
Suối Pong	TV	TT. Mường Lát	H. Mường Lát			20° 28' 18"	104° 33' 56"	20° 32' 07"	104° 36' 15"	F-48-78-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Trạm kiểm soát Biên phòng 489	KX	xã Mường Chanh	H. Mường Lát	20° 24' 35"	104° 24' 50"					F-48-89-B
Suối Ái	TV	xã Mường Chanh	H. Mường Lát			20° 25' 24"	104° 24' 40"	20° 24' 45"	104° 24' 14"	F-48-89-B
suối Bản Chai	TV	xã Mường Chanh	H. Mường Lát			20° 24' 13"	104° 31' 24"	20° 24' 24"	104° 27' 25"	F-48-89-B, F-48-90-A
suối Bản Lách	TV	xã Mường Chanh	H. Mường Lát			20° 22' 53"	104° 29' 24"	20° 23' 56"	104° 28' 16"	F-48-89-B
Núi Bo	SV	xã Mường Chanh	H. Mường Lát	20° 22' 54"	104° 25' 44"					F-48-89-B
Bản Bóng	DC	xã Mường Chanh	H. Mường Lát	20° 24' 11"	104° 26' 14"					F-48-89-B
Suối Boóng	TV	xã Mường Chanh	H. Mường Lát			20° 23' 35"	104° 25' 10"	20° 24' 11"	104° 25' 30"	F-48-89-B
Bản Cang	DC	xã Mường Chanh	H. Mường Lát	20° 24' 20"	104° 25' 23"					F-48-89-B
Bản Chai	DC	xã Mường Chanh	H. Mường Lát	20° 23' 57"	104° 28' 30"					F-48-89-B
suối Kloong	TV	xã Mường Chanh	H. Mường Lát			20° 22' 32"	104° 27' 51"	20° 24' 23"	104° 27' 16"	F-48-89-B
Bản Lách	DC	xã Mường Chanh	H. Mường Lát	20° 23' 45"	104° 28' 16"					F-48-89-B
Suối Luốn	TV	xã Mường Chanh	H. Mường Lát			20° 24' 55"	104° 25' 37"	20° 24' 11"	104° 25' 30"	F-48-89-B
bản Na Chừa	DC	xã Mường Chanh	H. Mường Lát	20° 25' 23"	104° 27' 54"					F-48-89-B
bản Na Hào	DC	xã Mường Chanh	H. Mường Lát	20° 24' 13"	104° 26' 38"					F-48-89-B
bản Na Hin	DC	xã Mường Chanh	H. Mường Lát	20° 24' 31"	104° 25' 01"					F-48-89-B
Bản Ngố	DC	xã Mường Chanh	H. Mường Lát	20° 25' 03"	104° 27' 50"					F-48-89-B
Suối Ngố	TV	xã Mường Chanh	H. Mường Lát			20° 24' 47"	104° 31' 17"	20° 25' 02"	104° 27' 58"	F-48-89-B, F-48-90-A
núi Pa Pạng	SV	xã Mường Chanh	H. Mường Lát	20° 23' 11"	104° 25' 01"					F-48-89-B
phu Phả Viêng	SV	xã Mường Chanh	H. Mường Lát	20° 22' 51"	104° 26' 42"					F-48-89-B
bản Piềng Tặt	DC	xã Mường Chanh	H. Mường Lát	20° 24' 11"	104° 26' 49"					F-48-89-B
núi Pò Lậu 1	SV	xã Mường Chanh	H. Mường Lát	20° 24' 52"	104° 31' 34"					F-48-90-A
núi Poọng Bo	SV	xã Mường Chanh	H. Mường Lát	20° 25' 39"	104° 24' 47"					F-48-89-B
Suối Sim	TV	xã Mường Chanh	H. Mường Lát			20° 24' 45"	104° 24' 16"	20° 31' 58"	104° 29' 13"	F-48-77-D, F-48-89-B
Suối Cầu	TV	xã Mường Lý	H. Mường Lát			20° 32' 52"	104° 49' 01"	20° 33' 57"	104° 48' 25"	F-48-78-D
bản Chà Lan	DC	xã Mường Lý	H. Mường Lát	20° 31' 48"	104° 41' 24"					F-48-78-C
suối Chà Lan	TV	xã Mường Lý	H. Mường Lát			20° 32' 30"	104° 41' 38"	20° 31' 40"	104° 41' 31"	F-48-78-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
bản Chiềng Nưa	DC	xã Mường Lý	H. Mường Lát	20° 31' 35"	104° 42' 04"					F-48-78-C
suối Chiềng Nưa	TV	xã Mường Lý	H. Mường Lát			20° 33' 19"	104° 42' 00"	20° 31' 31"	104° 41' 53"	F-48-78-C
Suối Con	TV	xã Mường Lý	H. Mường Lát			20° 32' 33"	104° 42' 29"	20° 31' 26"	104° 42' 22"	F-48-78-C
Suối Đôn	TV	xã Mường Lý	H. Mường Lát			20° 33' 18"	104° 40' 44"	20° 31' 57"	104° 40' 37"	F-48-78-C
Sông Mã	TV	xã Mường Lý	H. Mường Lát			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	F-48-78-C, F-48-78-D
Bản Mau	DC	xã Mường Lý	H. Mường Lát	20° 34' 08"	104° 49' 05"					F-48-78-D
Suối Muống	TV	xã Mường Lý	H. Mường Lát			20° 33' 45"	104° 44' 53"	20° 32' 01"	104° 45' 11"	F-48-78-C, F-48-78-D
bản Muống 1	DC	xã Mường Lý	H. Mường Lát	20° 34' 35"	104° 44' 58"					F-48-78-D
bản Muống 2	DC	xã Mường Lý	H. Mường Lát	20° 32' 21"	104° 44' 53"					F-48-78-D
núi Nà Lai	SV	xã Mường Lý	H. Mường Lát	20° 34' 23"	104° 41' 09"					F-48-78-C
Suối Nàng	TV	xã Mường Lý	H. Mường Lát			20° 35' 04"	104° 45' 33"	20° 32' 24"	104° 45' 57"	F-48-78-D
bản Nàng 1	DC	xã Mường Lý	H. Mường Lát	20° 32' 31"	104° 45' 58"					F-48-78-D
bản Nàng 2	DC	xã Mường Lý	H. Mường Lát	20° 33' 21"	104° 45' 52"					F-48-78-D
Suối Nún	TV	xã Mường Lý	H. Mường Lát			20° 34' 46"	104° 47' 13"	20° 32' 36"	104° 47' 20"	F-48-78-D
Suối Pá	TV	xã Mường Lý	H. Mường Lát			20° 35' 35"	104° 40' 59"	20° 34' 20"	104° 43' 12"	F-48-78-C
Suối Phót	TV	xã Mường Lý	H. Mường Lát			20° 36' 02"	104° 41' 48"	20° 31' 34"	104° 43' 16"	F-48-78-C
bản Piềng Kít	DC	xã Mường Lý	H. Mường Lát	20° 32' 49"	104° 48' 20"					F-48-78-D
bản Sài Khao	DC	xã Mường Lý	H. Mường Lát	20° 35' 45"	104° 41' 04"					F-48-78-C
núi Sài Khao	SV	xã Mường Lý	H. Mường Lát	20° 35' 41"	104° 40' 34"					F-48-78-C
núi Sam Lát	SV	xã Mường Lý	H. Mường Lát	20° 34' 08"	104° 42' 25"					F-48-78-C
bản Tài Chánh	DC	xã Mường Lý	H. Mường Lát	20° 32' 51"	104° 47' 20"					F-48-78-D
núi Tang Me	SV	xã Mường Lý	H. Mường Lát	20° 34' 29"	104° 44' 17"					F-48-78-C
bản Trung Thắng	DC	xã Mường Lý	H. Mường Lát	20° 35' 05"	104° 41' 24"					F-48-78-C
bản Trung Tiến 1	DC	xã Mường Lý	H. Mường Lát	20° 34' 53"	104° 43' 09"					F-48-78-C
bản Trung Tiến 2	DC	xã Mường Lý	H. Mường Lát	20° 34' 06"	104° 43' 16"					F-48-78-C
Bản Ún	DC	xã Mường Lý	H. Mường Lát	20° 35' 09"	104° 43' 12"					F-48-78-C
Suối Ún	TV	xã Mường Lý	H. Mường Lát			20° 36' 19"	104° 42' 47"	20° 34' 54"	104° 43' 08"	F-48-78-C
bản Xa Lung	DC	xã Mường Lý	H. Mường Lát	20° 32' 43"	104° 44' 06"					F-48-78-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
suối Xa Lung	TV	xã Mường Lý	H. Mường Lát			20° 34' 13"	104° 44' 20"	20° 31' 48"	104° 44' 20"	F-48-78-C
bản Xì Lồ	DC	xã Mường Lý	H. Mường Lát	20° 33' 43"	104° 43' 12"					F-48-78-C
đường tỉnh 520	KX	xã Nhi Sơn	H. Mường Lát			20° 23' 42"	105° 05' 13"	20° 31' 59"	104° 29' 09"	F-48-90-A
Bản Cặt	DC	xã Nhi Sơn	H. Mường Lát	20° 29' 03"	104° 36' 40"					F-48-90-A
Bản Chim	DC	xã Nhi Sơn	H. Mường Lát	20° 28' 49"	104° 38' 20"					F-48-90-A
bản Kéo Hượn	DC	xã Nhi Sơn	H. Mường Lát	20° 28' 49"	104° 39' 11"					F-48-90-A
bản Kéo Té	DC	xã Nhi Sơn	H. Mường Lát	20° 28' 34"	104° 40' 16"					F-48-90-A
Suối Khoái	TV	xã Nhi Sơn	H. Mường Lát			20° 29' 52"	104° 39' 47"	20° 31' 37"	104° 39' 00"	F-48-78-C, F-48-90-A
bản Lốc Há	DC	xã Nhi Sơn	H. Mường Lát	20° 29' 27"	104° 36' 07"					F-48-90-A
suối Nam Pha	TV	xã Nhi Sơn	H. Mường Lát			20° 29' 31"	104° 36' 40"	20° 31' 37"	104° 37' 12"	F-48-78-C, F-48-90-A
Suối Nghiết	TV	xã Nhi Sơn	H. Mường Lát			20° 27' 29"	104° 36' 50"	20° 31' 30"	104° 38' 31"	F-48-78-C, F-48-90-A
bản Pá Hộc	DC	xã Nhi Sơn	H. Mường Lát	20° 28' 16"	104° 37' 19"					F-48-90-A
núi Pá Khổm	SV	xã Nhi Sơn	H. Mường Lát	20° 27' 53"	104° 40' 05"					F-48-90-A
núi Pha Băng	SV	xã Nhi Sơn	H. Mường Lát	20° 30' 01"	104° 40' 37"					F-48-78-C
Suối Sâu	TV	xã Nhi Sơn	H. Mường Lát			20° 28' 16"	104° 39' 29"	20° 29' 42"	104° 42' 04"	F-48-90-A
đường tỉnh 520	KX	xã Pù Nhi	H. Mường Lát			20° 23' 42"	105° 05' 13"	20° 31' 59"	104° 29' 09"	F-48-78-C, F-48-90-A
bản Cá Nọi	DC	xã Pù Nhi	H. Mường Lát	20° 28' 08"	104° 32' 12"					F-48-90-A
suối Cá Nọi	TV	xã Pù Nhi	H. Mường Lát			20° 28' 16"	104° 32' 12"	20° 28' 03"	104° 33' 17"	F-48-90-A
bản Cá Tớp	DC	xã Pù Nhi	H. Mường Lát	20° 28' 00"	104° 33' 14"					F-48-90-A
Bản Cơm	DC	xã Pù Nhi	H. Mường Lát	20° 26' 48"	104° 34' 44"					F-48-90-A
Suối Cơm	TV	xã Pù Nhi	H. Mường Lát			20° 25' 41"	104° 36' 32"	20° 28' 18"	104° 33' 56"	F-48-90-A
Pha Đén	SV	xã Pù Nhi	H. Mường Lát	20° 29' 58"	104° 33' 47"					F-48-78-C
bản Đông Ban	DC	xã Pù Nhi	H. Mường Lát	20° 29' 10"	104° 34' 23"					F-48-90-A
bản Hạ Sơn	DC	xã Pù Nhi	H. Mường Lát	20° 30' 02"	104° 35' 10"					F-48-78-C
bản Hua Pù	DC	xã Pù Nhi	H. Mường Lát	20° 29' 02"	104° 32' 35"					F-48-90-A
bản Na Tao	DC	xã Pù Nhi	H. Mường Lát	20° 28' 42"	104° 33' 54"					F-48-90-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
bản Pha Đén	DC	xã Pù Nhi	H. Mường Lát	20° 30' 09"	104° 33' 58"					F-48-78-C
phu Po Rạu 2	SV	xã Pù Nhi	H. Mường Lát	20° 25' 17"	104° 32' 02"					F-48-90-A
Suối Pong	TV	xã Pù Nhi	H. Mường Lát			20° 28' 18"	104° 33' 56"	20° 32' 07"	104° 36' 15"	F-48-78-C, F-48-90-A
bản Pù Ngùa	DC	xã Pù Nhi	H. Mường Lát	20° 27' 23"	104° 32' 38"					F-48-90-A
suối Pù Ngùa	TV	xã Pù Nhi	H. Mường Lát			20° 25' 10"	104° 34' 14"	20° 27' 58"	104° 33' 16"	F-48-90-A
bản Pù Quăn	DC	xã Pù Nhi	H. Mường Lát	20° 27' 18"	104° 31' 16"					F-48-90-A
bản Pù Toong	DC	xã Pù Nhi	H. Mường Lát	20° 28' 58"	104° 35' 13"					F-48-90-A
Pu Qua	SV	xã Pù Nhi	H. Mường Lát	20° 27' 29"	104° 31' 44"					F-48-90-A
Pu Quăn	SV	xã Pù Nhi	H. Mường Lát	20° 26' 15"	104° 31' 44"					F-48-90-A
Suối Tắt	TV	xã Pù Nhi	H. Mường Lát			20° 26' 31"	104° 36' 38"	20° 28' 03"	104° 34' 13"	F-48-90-A
Đồn Biên phòng 489	KX	xã Quang Chiểu	H. Mường Lát	20° 27' 40"	104° 27' 25"					F-48-89-B
Bản Bàn	DC	xã Quang Chiểu	H. Mường Lát	20° 28' 06"	104° 27' 14"					F-48-89-B
Suối Bàn	TV	xã Quang Chiểu	H. Mường Lát			20° 25' 20"	104° 31' 47"	20° 28' 11"	104° 27' 09"	F-48-89-B, F-48-90-A
pu Bản Bó	SV	xã Quang Chiểu	H. Mường Lát	20° 26' 12"	104° 23' 42"					F-48-89-B
núi Buốc Ngùa	SV	xã Quang Chiểu	H. Mường Lát	20° 27' 56"	104° 30' 54"					F-48-90-A
pu Căng Chai	SV	xã Quang Chiểu	H. Mường Lát	20° 26' 30"	104° 23' 20"					F-48-89-B
suối Cha Lo	TV	xã Quang Chiểu	H. Mường Lát			20° 26' 44"	104° 22' 46"	20° 27' 39"	104° 27' 21"	F-48-89-B
phu Chom	SV	xã Quang Chiểu	H. Mường Lát	20° 26' 39"	104° 22' 30"					F-48-89-B
bản Co Cài	DC	xã Quang Chiểu	H. Mường Lát	20° 26' 29"	104° 25' 08"					F-48-89-B
suối Co Dồm	TV	xã Quang Chiểu	H. Mường Lát			20° 29' 39"	104° 29' 31"	20° 29' 51"	104° 28' 39"	F-48-89-B
bản Con Dao	DC	xã Quang Chiểu	H. Mường Lát	20° 28' 16"	104° 24' 51"					F-48-89-B
Bản Cúm	DC	xã Quang Chiểu	H. Mường Lát	20° 27' 23"	104° 28' 30"					F-48-89-B
Bản Hạm	DC	xã Quang Chiểu	H. Mường Lát	20° 29' 08"	104° 26' 46"					F-48-89-B
Suối Hào	TV	xã Quang Chiểu	H. Mường Lát			20° 30' 41"	104° 26' 53"	20° 29' 19"	104° 27' 22"	F-48-77-D, F-48-89-B
Núi Loong	SV	xã Quang Chiểu	H. Mường Lát	20° 27' 53"	104° 22' 52"					F-48-89-B
núi Loọng Quăn	SV	xã Quang Chiểu	H. Mường Lát	20° 30' 49"	104° 27' 25"					F-48-77-D
Suối Mè	TV	xã Quang Chiểu	H. Mường Lát			20° 29' 30"	104° 25' 03"	20° 29' 15"	104° 27' 04"	F-48-89-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Bản Mờng	DC	xã Quang Chiểu	H. Mường Lát	20° 29' 53"	104° 28' 34"					F-48-89-B
Suối Mờng	TV	xã Quang Chiểu	H. Mường Lát			20° 29' 07"	104° 29' 46"	20° 29' 56"	104° 28' 38"	F-48-89-B
núi Pa Loòng	SV	xã Quang Chiểu	H. Mường Lát	20° 30' 31"	104° 30' 32"					F-48-78-C
Suối Pén	TV	xã Quang Chiểu	H. Mường Lát			20° 27' 31"	104° 31' 26"	20° 28' 11"	104° 27' 11"	F-48-89-B, F-48-90-A
núi Pò Lậu 1	SV	xã Quang Chiểu	H. Mường Lát	20° 24' 52"	104° 31' 34"					F-48-90-A
phu Po Rạu 2	SV	xã Quang Chiểu	H. Mường Lát	20° 25' 17"	104° 32' 02"					F-48-90-A
pu Pom Ban	SV	xã Quang Chiểu	H. Mường Lát	20° 25' 48"	104° 24' 22"					F-48-89-B
Bản Poọng	DC	xã Quang Chiểu	H. Mường Lát	20° 27' 50"	104° 27' 22"					F-48-89-B
núi Poọng Bo	SV	xã Quang Chiểu	H. Mường Lát	20° 25' 39"	104° 24' 47"					F-48-89-B
bản Pù Đứa	DC	xã Quang Chiểu	H. Mường Lát	20° 26' 50"	104° 29' 49"					F-48-89-B
Bản Pùng	DC	xã Quang Chiểu	H. Mường Lát	20° 29' 25"	104° 28' 08"					F-48-89-B
Bản Qua	DC	xã Quang Chiểu	H. Mường Lát	20° 29' 10"	104° 28' 59"					F-48-89-B
Pu Qua	SV	xã Quang Chiểu	H. Mường Lát	20° 27' 29"	104° 31' 44"					F-48-90-A
Pu Quăn	SV	xã Quang Chiểu	H. Mường Lát	20° 26' 15"	104° 31' 44"					F-48-90-A
suối Quan Giao	TV	xã Quang Chiểu	H. Mường Lát			20° 28' 23"	104° 22' 52"	20° 28' 54"	104° 25' 57"	F-48-89-B
bản Sáng Dưới	DC	xã Quang Chiểu	H. Mường Lát	20° 27' 21"	104° 27' 32"					F-48-89-B
bản Sáng Trên	DC	xã Quang Chiểu	H. Mường Lát	20° 26' 56"	104° 27' 39"					F-48-89-B
bản Suối Tút	DC	xã Quang Chiểu	H. Mường Lát	20° 28' 57"	104° 24' 47"					F-48-89-B
suối Ta Lanh	TV	xã Quang Chiểu	H. Mường Lát			20° 27' 27"	104° 24' 32"	20° 27' 07"	104° 26' 34"	F-48-89-B
Suối Tíu	TV	xã Quang Chiểu	H. Mường Lát			20° 27' 59"	104° 25' 42"	20° 27' 26"	104° 27' 01"	F-48-89-B
Suối Tò	TV	xã Quang Chiểu	H. Mường Lát			20° 25' 37"	104° 26' 46"	20° 25' 52"	104° 27' 32"	F-48-89-B
Suối Tút	TV	xã Quang Chiểu	H. Mường Lát			20° 29' 01"	104° 23' 31"	20° 28' 54"	104° 25' 57"	F-48-89-B
Suối Xén	TV	xã Quang Chiểu	H. Mường Lát			20° 28' 54"	104° 25' 57"	20° 29' 25"	104° 28' 01"	F-48-89-B
Suối Xim	TV	xã Quang Chiểu	H. Mường Lát			20° 24' 45"	104° 24' 16"	20° 31' 58"	104° 29' 13"	F-48-89-B
bản Xim Dưới	DC	xã Quang Chiểu	H. Mường Lát	20° 28' 52"	104° 27' 50"					F-48-89-B
bản Xim Trên	DC	xã Quang Chiểu	H. Mường Lát	20° 28' 48"	104° 27' 29"					F-48-89-B
Suối Iếc	TV	xã Quang Chiểu	H. Mường Lát			20° 25' 20"	104° 25' 55"	20° 26' 38"	104° 27' 29"	F-48-89-B
Suối Áng	TV	xã Tam Chung	H. Mường Lát			20° 32' 21"	104° 37' 19"	20° 31' 38"	104° 37' 19"	F-48-78-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Suối Báu	TV	xã Tam Chung	H. Mường Lát			20° 34' 40"	104° 40' 08"	20° 34' 19"	104° 38' 17"	F-48-78-C
Bản Cân	DC	xã Tam Chung	H. Mường Lát	20° 30' 46"	104° 38' 31"					F-48-78-C
suối Cầu Mùng	TV	xã Tam Chung	H. Mường Lát			20° 33' 24"	104° 39' 47"	20° 31' 59"	104° 40' 10"	F-48-78-C
Suối Đôn	TV	xã Tam Chung	H. Mường Lát			20° 33' 18"	104° 40' 44"	20° 31' 57"	104° 40' 37"	F-48-78-C
suối Khơ Ni	TV	xã Tam Chung	H. Mường Lát			20° 33' 07"	104° 37' 51"	20° 31' 31"	104° 37' 44"	F-48-78-C
suối Khoái	TV	xã Tam Chung	H. Mường Lát			20° 29' 52"	104° 39' 47"	20° 31' 37"	104° 39' 00"	F-48-78-C
Bản Lát	DC	xã Tam Chung	H. Mường Lát	20° 32' 16"	104° 35' 53"					F-48-78-C
Núi Lát	SV	xã Tam Chung	H. Mường Lát	20° 35' 57"	104° 36' 18"					F-48-78-C
Pha Lát	SV	xã Tam Chung	H. Mường Lát	20° 32' 52"	104° 34' 55"					F-48-78-C
Suối Lát	TV	xã Tam Chung	H. Mường Lát			20° 35' 23"	104° 38' 46"	20° 32' 16"	104° 36' 00"	F-48-78-C
Suối Lóng	TV	xã Tam Chung	H. Mường Lát			20° 33' 40"	104° 38' 56"	20° 31' 56"	104° 39' 32"	F-48-78-C
Suối Lồng	TV	xã Tam Chung	H. Mường Lát			20° 33' 06"	104° 38' 34"	20° 31' 32"	104° 38' 31"	F-48-78-C
Sông Mã	TV	xã Tam Chung	H. Mường Lát			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	F-48-78-C
suối Na Lài	TV	xã Tam Chung	H. Mường Lát			20° 34' 06"	104° 40' 37"	20° 34' 27"	104° 39' 18"	F-48-78-C
núi Nà Lại	SV	xã Tam Chung	H. Mường Lát	20° 34' 23"	104° 41' 09"					F-48-78-C
suối Nam Pha	TV	xã Tam Chung	H. Mường Lát			20° 29' 31"	104° 36' 40"	20° 31' 37"	104° 37' 12"	F-48-78-C
Suối Nghiết	TV	xã Tam Chung	H. Mường Lát			20° 29' 11"	104° 37' 34"	20° 31' 30"	104° 38' 31"	F-48-78-C
Bản Ón	DC	xã Tam Chung	H. Mường Lát	20° 37' 32"	104° 38' 56"					F-48-78-C
Suối Ón	TV	xã Tam Chung	H. Mường Lát			20° 39' 08"	104° 38' 08"	20° 35' 23"	104° 38' 46"	F-48-78-C
núi Pa Khom	SV	xã Tam Chung	H. Mường Lát	20° 36' 12"	104° 35' 56"					F-48-78-C
núi Pha Băng	SV	xã Tam Chung	H. Mường Lát	20° 30' 01"	104° 40' 37"					F-48-78-C
núi Pha Luông	SV	xã Tam Chung	H. Mường Lát	20° 38' 01"	104° 39' 18"					F-48-78-C
bản Pom Khuông	DC	xã Tam Chung	H. Mường Lát	20° 31' 36"	104° 36' 43"					F-48-78-C
Bản Poọng	DC	xã Tam Chung	H. Mường Lát	20° 33' 53"	104° 37' 01"					F-48-78-C
núi Sài Khao	SV	xã Tam Chung	H. Mường Lát	20° 35' 41"	104° 40' 34"					F-48-78-C
núi Sam Lát	SV	xã Tam Chung	H. Mường Lát	20° 33' 43"	104° 40' 12"					F-48-78-C
Suối Sàng	TV	xã Tam Chung	H. Mường Lát			20° 35' 21"	104° 36' 32"	20° 34' 17"	104° 38' 13"	F-48-78-C
bản Suối Lóng	DC	xã Tam Chung	H. Mường Lát	20° 32' 58"	104° 39' 04"					F-48-78-C
bản Suối Phái	DC	xã Tam Chung	H. Mường Lát	20° 33' 54"	104° 35' 57"					F-48-78-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
bản Tân Hương	DC	xã Tam Chung	H. Mường Lát	20° 30' 23"	104° 38' 17"					F-48-78-C
Suối Ui	TV	xã Tam Chung	H. Mường Lát			20° 36' 07"	104° 35' 49"	20° 33' 10"	104° 36' 32"	F-48-78-C
Pha Xét	SV	xã Tam Chung	H. Mường Lát	20° 32' 41"	104° 34' 31"					F-48-78-C
Đồn Biên phòng 485	KX	xã Tén Tằn	H. Mường Lát	20° 31' 29"	104° 30' 18"					F-48-78-C
đường tỉnh 520	KX	xã Tén Tằn	H. Mường Lát			20° 23' 42"	105° 05' 13"	20° 31' 59"	104° 29' 09"	F-48-77-D, F-48-78-C
Suối Bo	TV	xã Tén Tằn	H. Mường Lát			20° 32' 53"	104° 30' 52"	20° 31' 29"	104° 30' 58"	F-48-78-C
Bản Buốn	DC	xã Tén Tằn	H. Mường Lát	20° 31' 12"	104° 32' 33"					F-48-78-C
Suối Buốn	TV	xã Tén Tằn	H. Mường Lát			20° 29' 07"	104° 32' 38"	20° 31' 12"	104° 32' 20"	F-48-78-C, F-48-90-A
Suối Cánh	TV	xã Tén Tằn	H. Mường Lát			20° 36' 16"	104° 35' 30"	20° 32' 43"	104° 32' 53"	F-48-78-C
bản Chiên Pục	DC	xã Tén Tằn	H. Mường Lát	20° 30' 12"	104° 30' 58"					F-48-90-A
bản Chiềng Cồng	DC	xã Tén Tằn	H. Mường Lát	20° 31' 17"	104° 30' 04"					F-48-78-C
Pha Đén	SV	xã Tén Tằn	H. Mường Lát	20° 29' 58"	104° 33' 47"					F-48-90-A
bản Đoàn Kết	DC	xã Tén Tằn	H. Mường Lát	20° 32' 46"	104° 33' 07"					F-48-78-C
Phu Dớt	SV	xã Tén Tằn	H. Mường Lát	20° 35' 58"	104° 32' 38"					F-48-78-C
Suối Đục	TV	xã Tén Tằn	H. Mường Lát			20° 30' 17"	104° 29' 56"	20° 31' 34"	104° 30' 18"	F-48-77-D, F-48-78-C
Suối Ha	TV	xã Tén Tằn	H. Mường Lát			20° 34' 22"	104° 31' 34"	20° 32' 43"	104° 32' 53"	F-48-78-C
Núi Hịa	SV	xã Tén Tằn	H. Mường Lát	20° 30' 19"	104° 31' 44"					F-48-78-C
Suối Hười	TV	xã Tén Tằn	H. Mường Lát			20° 34' 15"	104° 32' 35"	20° 34' 06"	104° 33' 22"	F-48-78-C
Núi Lát	SV	xã Tén Tằn	H. Mường Lát	20° 35' 57"	104° 36' 18"					F-48-78-C
Pha Lát	SV	xã Tén Tằn	H. Mường Lát	20° 32' 52"	104° 34' 55"					F-48-78-C
núi Loong Quan	SV	xã Tén Tằn	H. Mường Lát	20° 30' 49"	104° 27' 25"					F-48-77-D
Sông Mã	TV	xã Tén Tằn	H. Mường Lát			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	F-48-78-C, F-48-77-D
suối Ma Khà	TV	xã Tén Tằn	H. Mường Lát			20° 29' 16"	104° 32' 08"	20° 31' 27"	104° 31' 05"	F-48-78-C, F-48-90-A
bản Na Khà	DC	xã Tén Tằn	H. Mường Lát	20° 31' 17"	104° 31' 01"					F-48-78-C
núi Pa Khom	SV	xã Tén Tằn	H. Mường Lát	20° 36' 12"	104° 35' 56"					F-48-78-C
núi Pa Loòng	SV	xã Tén Tằn	H. Mường Lát	20° 30' 31"	104° 30' 32"					F-48-78-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Suối Phung	TV	xã Tén Tằn	H. Mường Lát			20° 28' 06"	104° 31' 40"	20° 29' 40"	104° 31' 08"	F-48-90-A
bản Piềng Mòn	DC	xã Tén Tằn	H. Mường Lát	20° 31' 31"	104° 29' 10"					F-48-78-D
phu Play	SV	xã Tén Tằn	H. Mường Lát	20° 36' 04"	104° 32' 13"					F-48-78-C
Suối Play	TV	xã Tén Tằn	H. Mường Lát			20° 34' 48"	104° 32' 49"	20° 34' 08"	104° 33' 22"	F-48-78-C
suối Tà Lồm	TV	xã Tén Tằn	H. Mường Lát			20° 30' 22"	104° 33' 29"	20° 31' 20"	104° 32' 56"	F-48-78-C
suối Ta Mươn	TV	xã Tén Tằn	H. Mường Lát			20° 30' 45"	104° 31' 30"	20° 31' 16"	104° 31' 48"	F-48-78-C
bản Tén Tằn	DC	xã Tén Tằn	H. Mường Lát	20° 31' 35"	104° 29' 28"					F-48-77-D
Cầu Trằn	KX	xã Tén Tằn	H. Mường Lát	20° 31' 52"	104° 29' 17"					F-48-77-D
Huổi Vong	TV	xã Tén Tằn	H. Mường Lát			20° 24' 45"	104° 24' 16"	20° 31' 58"	104° 29' 13"	F-48-77-D, F-48-89-B
Pha Xét	SV	xã Tén Tằn	H. Mường Lát	20° 32' 41"	104° 34' 31"					F-48-78-C
đường tỉnh 520	KX	xã Trung Lý	H. Mường Lát			20° 23' 42"	105° 05' 13"	20° 31' 59"	104° 29' 09"	F-48-90-A, F-48-90-B
Suối Bừm	TV	xã Trung Lý	H. Mường Lát			20° 32' 16"	104° 51' 40"	20° 33' 08"	104° 49' 22"	F-48-78-D
bản Ca Giáng	DC	xã Trung Lý	H. Mường Lát	20° 31' 46"	104° 48' 28"					F-48-78-D
bản Cánh Cộng	DC	xã Trung Lý	H. Mường Lát	20° 32' 13"	104° 48' 56"					F-48-78-D
suối Chà Làn	TV	xã Trung Lý	H. Mường Lát			20° 26' 04"	104° 44' 16"	20° 31' 49"	104° 44' 42"	F-48-78-C, F-48-78-D, F-48-90-A, F-48-90-B
núi Chéo Phe	SV	xã Trung Lý	H. Mường Lát	20° 28' 46"	104° 50' 26"					F-48-90-B
bản Co Cài	DC	xã Trung Lý	H. Mường Lát	20° 30' 02"	104° 47' 31"					F-48-78-D
núi Cồ Luồng	SV	xã Trung Lý	H. Mường Lát	20° 29' 27"	104° 48' 36"					F-48-90-B
Pu Đɛn	SV	xã Trung Lý	H. Mường Lát	20° 28' 39"	104° 49' 24"					F-48-90-B
Pu È	SV	xã Trung Lý	H. Mường Lát	20° 29' 17"	104° 51' 14"					F-48-90-B
Pu Hu	SV	xã Trung Lý	H. Mường Lát	20° 33' 46"	104° 52' 20"					F-48-78-D
pu Hu Luông	SV	xã Trung Lý	H. Mường Lát	20° 29' 53"	104° 52' 08"					F-48-90-B
núi Keo Dù	SV	xã Trung Lý	H. Mường Lát	20° 31' 47"	104° 46' 37"					F-48-78-D
núi Kéo Hòng	SV	xã Trung Lý	H. Mường Lát	20° 27' 17"	104° 46' 16"					F-48-90-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Suối Kép	TV	xã Trung Lý	H. Mường Lát			20° 29' 00"	104° 49' 37"	20° 30' 19"	104° 49' 16"	F-48-78-D, F-48-90-B
bản Khằm 1	DC	xã Trung Lý	H. Mường Lát	20° 27' 34"	104° 43' 04"					F-48-90-A
bản Khằm 2	DC	xã Trung Lý	H. Mường Lát	20° 26' 52"	104° 44' 10"					F-48-90-A
bản Khằm 3	DC	xã Trung Lý	H. Mường Lát	20° 27' 01"	104° 44' 59"					F-48-90-A
Bản Lìn	DC	xã Trung Lý	H. Mường Lát	20° 31' 48"	104° 45' 58"					F-48-78-D
Kéo Lý	SV	xã Trung Lý	H. Mường Lát	20° 26' 25"	104° 45' 39"					F-48-90-B
Suối Lý	TV	xã Trung Lý	H. Mường Lát			20° 30' 06"	104° 47' 31"	20° 32' 29"	104° 47' 20"	F-48-78-D
Sông Mã	TV	xã Trung Lý	H. Mường Lát			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	F-48-78-C, F-48-78-D
bản Ma Hác	DC	xã Trung Lý	H. Mường Lát	20° 29' 37"	104° 41' 28"					F-48-90-A
bản Nà Ón	DC	xã Trung Lý	H. Mường Lát	20° 29' 58"	104° 42' 14"					F-48-90-A
bản Pa Búa	DC	xã Trung Lý	H. Mường Lát	20° 30' 59"	104° 44' 35"					F-48-78-C
núi Pá Khổm	SV	xã Trung Lý	H. Mường Lát	20° 27' 53"	104° 40' 05"					F-48-90-A
bản Pá Quăn	DC	xã Trung Lý	H. Mường Lát	20° 27' 00"	104° 45' 50"					F-48-90-B
núi Pha Băng	SV	xã Trung Lý	H. Mường Lát	20° 30' 01"	104° 40' 37"					F-48-78-C
pu Pin Láu	SV	xã Trung Lý	H. Mường Lát	20° 27' 58"	104° 47' 14"					F-48-90-B
núi Pom Ché	SV	xã Trung Lý	H. Mường Lát	20° 30' 21"	104° 48' 18"					F-48-78-D
suối Quặc	TV	xã Trung Lý	H. Mường Lát			20° 31' 19"	104° 51' 45"	20° 31' 41"	104° 49' 13"	F-48-78-D
suối Sa Vít	TV	xã Trung Lý	H. Mường Lát			20° 25' 41"	104° 42' 18"	20° 27' 16"	104° 41' 20"	F-48-90-A
suối Sao Luông	TV	xã Trung Lý	H. Mường Lát			20° 26' 50"	104° 40' 29"	20° 31' 24"	104° 42' 18"	F-48-78-C
Suối Sâu	TV	xã Trung Lý	H. Mường Lát			20° 28' 16"	104° 39' 29"	20° 29' 42"	104° 42' 04"	F-48-90-A
bản Suối Hộc	DC	xã Trung Lý	H. Mường Lát	20° 31' 21"	104° 43' 08"					F-48-78-C
bản Suối Tung	DC	xã Trung Lý	H. Mường Lát	20° 31' 01"	104° 41' 18"					F-48-78-C
bản Tà Cóm	DC	xã Trung Lý	H. Mường Lát	20° 33' 00"	104° 49' 50"					F-48-78-D
Bản Táo	DC	xã Trung Lý	H. Mường Lát	20° 27' 32"	104° 41' 24"					F-48-90-A
Suối Trại	TV	xã Trung Lý	H. Mường Lát			20° 33' 13"	104° 52' 08"	20° 33' 45"	104° 49' 44"	F-48-78-D
bản Xa Lao	DC	xã Trung Lý	H. Mường Lát	20° 30' 36"	104° 42' 24"					F-48-78-C
tiểu khu 1	DC	TT. Nga Sơn	H. Nga Sơn	20° 00' 33"	105° 57' 47"					F-48-92-D-d
tiểu khu 2	DC	TT. Nga Sơn	H. Nga Sơn	20° 00' 16"	105° 58' 08"					F-48-92-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
tiểu khu 3	DC	TT. Nga Sơn	H. Nga Sơn	20° 00' 33"	105° 58' 11"					F-48-92-D-d
quốc lộ 10	KX	TT. Nga Sơn	H. Nga Sơn			20° 03' 48"	106° 02' 24"	19° 51' 05"	105° 48' 00"	F-48-92-D-d
tiểu khu Ba Đình 1	DC	TT. Nga Sơn	H. Nga Sơn	20° 00' 34"	105° 57' 50"					F-48-92-D-d
tiểu khu Ba Đình 2	DC	TT. Nga Sơn	H. Nga Sơn	20° 00' 30"	105° 58' 01"					F-48-92-D-d
sông Hưng Long	TV	TT. Nga Sơn	H. Nga Sơn			20° 02' 16"	105° 54' 34"	19° 58' 59"	106° 01' 19"	F-48-92-D-d
tiểu khu Hưng Long	DC	TT. Nga Sơn	H. Nga Sơn	20° 00' 27"	105° 58' 08"					F-48-92-D-d
Cầu Kênh	KX	TT. Nga Sơn	H. Nga Sơn	20° 00' 31"	105° 58' 08"					F-48-92-D-d
thôn Chiến Thắng	DC	xã Ba Đình	H. Nga Sơn	20° 01' 04"	105° 55' 05"					F-48-92-D-d
thôn Điền Hộ	DC	xã Ba Đình	H. Nga Sơn	20° 01' 22"	105° 55' 59"					F-48-92-D-d
Sông Hoạt	TV	xã Ba Đình	H. Nga Sơn			20° 03' 40"	106° 01' 30"	19° 58' 20"	105° 55' 15"	F-48-92-D-d
sông Hưng Long	TV	xã Ba Đình	H. Nga Sơn			20° 02' 16"	105° 54' 34"	19° 58' 59"	106° 01' 19"	F-48-92-D-d
thôn Mậu Lâm	DC	xã Ba Đình	H. Nga Sơn	20° 01' 27"	105° 55' 26"					F-48-92-D-d
thôn Mậu Thịnh	DC	xã Ba Đình	H. Nga Sơn	20° 01' 23"	105° 55' 34"					F-48-92-D-d
thôn Mỹ Khê	DC	xã Ba Đình	H. Nga Sơn	20° 01' 24"	105° 55' 19"					F-48-92-D-d
thôn Mỹ Thành	DC	xã Ba Đình	H. Nga Sơn	20° 01' 56"	105° 54' 40"					F-48-92-D-d
thôn Thượng Thọ Ngoại	DC	xã Ba Đình	H. Nga Sơn	20° 01' 34"	105° 55' 52"					F-48-92-D-d
thôn Thượng Thọ Nội	DC	xã Ba Đình	H. Nga Sơn	20° 01' 31"	105° 55' 37"					F-48-92-D-d
thôn Vần Chùa	DC	xã Ba Đình	H. Nga Sơn	20° 01' 31"	105° 55' 26"					F-48-92-D-d
quốc lộ 10	KX	xã Nga An	H. Nga Sơn			20° 03' 48"	106° 02' 24"	19° 51' 05"	105° 48' 00"	F-48-93-C-c
xóm Bắc Sơn	DC	xã Nga An	H. Nga Sơn	20° 02' 24"	106° 00' 41"					F-48-93-C-c
xóm Bình Hoà	DC	xã Nga An	H. Nga Sơn	20° 01' 54"	106° 01' 55"					F-48-93-C-c
xóm Đông Sơn	DC	xã Nga An	H. Nga Sơn	20° 02' 07"	106° 01' 04"					F-48-93-C-c
hồ Đồng Vụa	TV	xã Nga An	H. Nga Sơn	20° 02' 50"	106° 01' 37"					F-48-93-C-c
xóm Hà Nam	DC	xã Nga An	H. Nga Sơn	20° 01' 55"	106° 00' 39"					F-48-93-C-c
xóm Hà Trung	DC	xã Nga An	H. Nga Sơn	20° 02' 14"	106° 00' 27"					F-48-93-C-c
xóm Minh Đức	DC	xã Nga An	H. Nga Sơn	20° 01' 42"	106° 01' 18"					F-48-93-C-c
xóm Nam Sơn	DC	xã Nga An	H. Nga Sơn	20° 02' 23"	106° 00' 20"					F-48-93-C-c
xóm Nam Trung	DC	xã Nga An	H. Nga Sơn	20° 02' 01"	106° 00' 22"					F-48-93-C-c
xóm Ngưu Sơn	DC	xã Nga An	H. Nga Sơn	20° 02' 07"	106° 02' 28"					F-48-93-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm Nhân Sơn	DC	xã Nga An	H. Nga Sơn	20° 02' 38"	106° 01' 47"					F-48-93-C-c
xóm Quang Trung	DC	xã Nga An	H. Nga Sơn	20° 01' 52"	106° 01' 08"					F-48-93-C-c
dãy Răng Cưa	SV	xã Nga An	H. Nga Sơn	20° 03' 21"	106° 00' 11"					F-48-93-C-c
xóm Thuần Hậu	DC	xã Nga An	H. Nga Sơn	20° 02' 14"	106° 01' 34"					F-48-93-C-c
quốc lộ 10	KX	xã Nga Bạch	H. Nga Sơn			20° 03' 48"	106° 02' 24"	19° 51' 05"	105° 48' 00"	F-48-92-D-d
thôn Bạch Đằng	DC	xã Nga Bạch	H. Nga Sơn	19° 57' 57"	105° 58' 16"					E-48-8-B-b
thôn Bạch Đông	DC	xã Nga Bạch	H. Nga Sơn	19° 57' 53"	105° 57' 38"					E-48-8-B-b
thôn Bạch Hải	DC	xã Nga Bạch	H. Nga Sơn	19° 57' 57"	105° 58' 26"					E-48-8-B-b
thôn Bạch Hùng	DC	xã Nga Bạch	H. Nga Sơn	19° 57' 53"	105° 57' 47"					E-48-8-B-b
thôn Bạch Thái	DC	xã Nga Bạch	H. Nga Sơn	19° 58' 13"	105° 57' 36"					E-48-8-B-b
thôn Bạch Thắng	DC	xã Nga Bạch	H. Nga Sơn	19° 57' 57"	105° 58' 05"					E-48-8-B-b
thôn Bạch Thành	DC	xã Nga Bạch	H. Nga Sơn	19° 58' 11"	105° 58' 22"					E-48-8-B-b
thôn Bạch Triệu	DC	xã Nga Bạch	H. Nga Sơn	19° 58' 10"	105° 58' 09"					E-48-8-B-b
thôn Bạch Trưng	DC	xã Nga Bạch	H. Nga Sơn	19° 58' 06"	105° 57' 56"					E-48-8-B-b
Sông Lèn	TV	xã Nga Bạch	H. Nga Sơn			19° 57' 31"	105° 45' 38"	19° 57' 07"	106° 00' 04"	E-48-8-B-b
kênh Sao Sa	TV	xã Nga Bạch	H. Nga Sơn			19° 59' 02"	105° 56' 15"	19° 57' 51"	105° 58' 23"	E-48-8-B-b
xóm 1	DC	xã Nga Điền	H. Nga Sơn	20° 03' 28"	106° 02' 13"					F-48-93-C-c
xóm 2	DC	xã Nga Điền	H. Nga Sơn	20° 03' 36"	106° 02' 20"					F-48-93-C-c
xóm 3	DC	xã Nga Điền	H. Nga Sơn	20° 03' 47"	106° 02' 40"					F-48-93-C-c
xóm 4	DC	xã Nga Điền	H. Nga Sơn	20° 03' 46"	106° 02' 53"					F-48-93-C-c
xóm 5	DC	xã Nga Điền	H. Nga Sơn	20° 03' 12"	106° 03' 32"					F-48-93-C-c
xóm 6	DC	xã Nga Điền	H. Nga Sơn	20° 03' 21"	106° 04' 19"					F-48-93-C-c
xóm 7	DC	xã Nga Điền	H. Nga Sơn	20° 03' 18"	106° 01' 12"					F-48-93-C-c
xóm 8	DC	xã Nga Điền	H. Nga Sơn	20° 03' 21"	106° 02' 02"					F-48-93-C-c
quốc lộ 10	KX	xã Nga Điền	H. Nga Sơn			20° 03' 48"	106° 02' 24"	19° 51' 05"	105° 48' 00"	F-48-93-C-c
Sông Càn	TV	xã Nga Điền	H. Nga Sơn			20° 03' 20"	106° 01' 21"	19° 56' 55"	106° 01' 26"	F-48-93-C-c
cầu Điền Hộ	KX	xã Nga Điền	H. Nga Sơn	20° 03' 40"	106° 02' 31"					F-48-93-C-c
Sông Hoạt	TV	xã Nga Điền	H. Nga Sơn			20° 03' 40"	106° 01' 30"	19° 58' 20"	105° 55' 15"	F-48-92-D-d, F-48-93-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
sông Lai Thành	TV	xã Nga Điền	H. Nga Sơn			20° 03' 49"	106° 02' 33"	20° 02' 18"	106° 03' 52"	F-48-93-C-c
dãy Răng Cưa	SV	xã Nga Điền	H. Nga Sơn	20° 03' 21"	106° 00' 11"					F-48-93-C-c
quốc lộ 10	KX	xã Nga Giáp	H. Nga Sơn			20° 03' 48"	106° 02' 24"	19° 51' 05"	105° 48' 00"	F-48-92-D-d, F-48-93-C-c
thôn Hanh Gia	DC	xã Nga Giáp	H. Nga Sơn	20° 01' 39"	105° 58' 41"					F-48-92-D-d
thôn Lục Hải	DC	xã Nga Giáp	H. Nga Sơn	20° 02' 10"	105° 59' 27"					F-48-92-D-d
thôn Lục Sơn	DC	xã Nga Giáp	H. Nga Sơn	20° 02' 21"	105° 59' 51"					F-48-92-D-d
thôn Lục Trung	DC	xã Nga Giáp	H. Nga Sơn	20° 02' 18"	105° 59' 31"					F-48-92-D-d
thôn Ngoại 1	DC	xã Nga Giáp	H. Nga Sơn	20° 01' 54"	105° 58' 48"					F-48-92-D-d
thôn Ngoại 2	DC	xã Nga Giáp	H. Nga Sơn	20° 02' 06"	105° 58' 57"					F-48-92-D-d
thôn Ngoại 3	DC	xã Nga Giáp	H. Nga Sơn	20° 02' 12"	105° 59' 02"					F-48-92-D-d
thôn Nội 1	DC	xã Nga Giáp	H. Nga Sơn	20° 02' 38"	105° 59' 25"					F-48-92-D-d
thôn Nội 2	DC	xã Nga Giáp	H. Nga Sơn	20° 02' 35"	105° 59' 17"					F-48-92-D-d
thôn Nội 3	DC	xã Nga Giáp	H. Nga Sơn	20° 02' 29"	105° 59' 13"					F-48-92-D-d
thôn Nội 4	DC	xã Nga Giáp	H. Nga Sơn	20° 02' 19"	105° 59' 06"					F-48-92-D-d
dãy Răng Cưa	SV	xã Nga Giáp	H. Nga Sơn	20° 03' 21"	106° 00' 11"					F-48-93-C-c
quốc lộ 10	KX	xã Nga Hải	H. Nga Sơn			20° 03' 48"	106° 02' 24"	19° 51' 05"	105° 48' 00"	F-48-92-D-d
xóm Bắc Sơn	DC	xã Nga Hải	H. Nga Sơn	20° 01' 23"	105° 59' 46"					F-48-92-D-d
xóm Cần Thanh	DC	xã Nga Hải	H. Nga Sơn	20° 01' 20"	105° 59' 00"					F-48-92-D-d
làng Cầu Hải	DC	xã Nga Hải	H. Nga Sơn	20° 01' 30"	105° 59' 24"					F-48-92-D-d
xóm Đông Hải	DC	xã Nga Hải	H. Nga Sơn	20° 01' 17"	106° 00' 00"					F-48-93-C-c
xóm Hải Bình	DC	xã Nga Hải	H. Nga Sơn	20° 01' 39"	105° 59' 10"					F-48-92-D-d
xóm Hải Lộc	DC	xã Nga Hải	H. Nga Sơn	20° 00' 49"	105° 59' 35"					F-48-92-D-d
xóm Hải Nam	DC	xã Nga Hải	H. Nga Sơn	20° 01' 04"	105° 59' 53"					F-48-92-D-d
xóm Hải Tiến	DC	xã Nga Hải	H. Nga Sơn	20° 01' 01"	105° 58' 59"					F-48-92-D-d
xóm Tây Sơn	DC	xã Nga Hải	H. Nga Sơn	20° 01' 32"	105° 59' 25"					F-48-92-D-d
xóm Trung Tiến	DC	xã Nga Hải	H. Nga Sơn	20° 01' 13"	105° 59' 38"					F-48-92-D-d
xóm 1	DC	xã Nga Hưng	H. Nga Sơn	19° 59' 13"	105° 58' 37"					E-48-8-B-b
xóm 2	DC	xã Nga Hưng	H. Nga Sơn	19° 59' 18"	105° 58' 39"					E-48-8-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm 3	DC	xã Nga Hưng	H. Nga Sơn	19° 59' 33"	105° 58' 42"					E-48-8-B-b
xóm 4	DC	xã Nga Hưng	H. Nga Sơn	19° 59' 48"	105° 58' 34"					E-48-8-B-b
xóm 5	DC	xã Nga Hưng	H. Nga Sơn	19° 59' 33"	105° 58' 29"					E-48-8-B-b
xóm 6	DC	xã Nga Hưng	H. Nga Sơn	19° 59' 36"	105° 58' 14"					E-48-8-B-b
xóm 7	DC	xã Nga Hưng	H. Nga Sơn	19° 59' 47"	105° 58' 17"					E-48-8-B-b
xóm 8	DC	xã Nga Hưng	H. Nga Sơn	19° 59' 31"	105° 58' 50"					E-48-8-B-b
làng Hưng Thắng	DC	xã Nga Hưng	H. Nga Sơn	19° 59' 39"	105° 58' 16"					E-48-8-B-b
làng Hưng Thịnh	DC	xã Nga Hưng	H. Nga Sơn	19° 59' 33"	105° 58' 12"					E-48-8-B-b
làng Long Khang	DC	xã Nga Hưng	H. Nga Sơn	19° 59' 19"	105° 58' 41"					E-48-8-B-b
xóm 1	DC	xã Nga Liên	H. Nga Sơn	20° 00' 46"	106° 01' 24"					F-48-93-C-c
xóm 2	DC	xã Nga Liên	H. Nga Sơn	20° 01' 00"	106° 01' 01"					F-48-93-C-c
xóm 3	DC	xã Nga Liên	H. Nga Sơn	20° 00' 46"	106° 00' 34"					F-48-93-C-c
xóm 4	DC	xã Nga Liên	H. Nga Sơn	20° 00' 40"	106° 00' 28"					F-48-93-C-c
xóm 5	DC	xã Nga Liên	H. Nga Sơn	20° 00' 28"	106° 00' 15"					F-48-93-C-c
xóm 6	DC	xã Nga Liên	H. Nga Sơn	20° 00' 32"	106° 00' 01"					F-48-93-C-c
xóm 7	DC	xã Nga Liên	H. Nga Sơn	20° 00' 45"	106° 00' 14"					F-48-93-C-c
xóm 8	DC	xã Nga Liên	H. Nga Sơn	20° 01' 00"	106° 00' 26"					F-48-93-C-c
xóm 9	DC	xã Nga Liên	H. Nga Sơn	20° 01' 07"	106° 01' 23"					F-48-93-C-c
cầu Hói Đào	KX	xã Nga Liên	H. Nga Sơn	20° 00' 29"	105° 59' 56"					F-48-92-D-d
sông Hưng Long	TV	xã Nga Liên	H. Nga Sơn			20° 02' 16"	105° 54' 34"	19° 58' 59"	106° 01' 19"	F-48-92-D-d, F-48-93-C-c, E-48-9-A-a
đường tỉnh 508	KX	xã Nga Lĩnh	H. Nga Sơn			20° 00' 29"	105° 50' 53"	19° 59' 44"	105° 57' 50"	E-48-8-B-b
cầu Báo Văn	KX	xã Nga Lĩnh	H. Nga Sơn	19° 59' 03"	105° 55' 18"					E-48-8-B-b
thôn Báo Văn	DC	xã Nga Lĩnh	H. Nga Sơn	19° 59' 02"	105° 55' 30"					E-48-8-B-b
thôn Đồng Đội	DC	xã Nga Lĩnh	H. Nga Sơn	19° 58' 41"	105° 56' 06"					E-48-8-B-b
thôn Giải Uấn	DC	xã Nga Lĩnh	H. Nga Sơn	19° 58' 32"	105° 55' 26"					E-48-8-B-b
Sông Hoạt	TV	xã Nga Lĩnh	H. Nga Sơn			20° 03' 40"	106° 01' 30"	19° 58' 20"	105° 55' 15"	E-48-8-B-b
thôn Hội Kê	DC	xã Nga Lĩnh	H. Nga Sơn	19° 58' 45"	105° 55' 19"					E-48-8-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Sông Lèn	TV	xã Nga Lĩnh	H. Nga Sơn			19° 57' 31"	105° 45' 38"	19° 57' 07"	106° 00' 04"	E-48-8-B-b
kênh Sao Sa	TV	xã Nga Lĩnh	H. Nga Sơn			19° 59' 02"	105° 56' 15"	19° 57' 51"	105° 58' 23"	E-48-8-B-b
núi Vân Hoàn	SV	xã Nga Lĩnh	H. Nga Sơn	19° 58' 09"	105° 55' 55"					E-48-8-B-b
thôn Vân Hoàn	DC	xã Nga Lĩnh	H. Nga Sơn	19° 58' 28"	105° 56' 02"					E-48-8-B-b
sông Văn Thắng	TV	xã Nga Lĩnh	H. Nga Sơn			20° 00' 48"	105° 56' 53"	19° 59' 24"	105° 55' 20"	E-48-8-B-b
thôn 1	DC	xã Nga Mỹ	H. Nga Sơn	20° 00' 04"	105° 57' 58"					F-48-92-D-d
thôn 2	DC	xã Nga Mỹ	H. Nga Sơn	19° 59' 47"	105° 57' 50"					E-48-8-B-b
thôn 3	DC	xã Nga Mỹ	H. Nga Sơn	19° 59' 57"	105° 57' 43"					E-48-8-B-b
thôn 4	DC	xã Nga Mỹ	H. Nga Sơn	19° 59' 40"	105° 57' 41"					E-48-8-B-b
thôn 5	DC	xã Nga Mỹ	H. Nga Sơn	19° 59' 41"	105° 57' 29"					E-48-8-B-b
thôn 6	DC	xã Nga Mỹ	H. Nga Sơn	19° 59' 51"	105° 57' 23"					E-48-8-B-b
thôn 7	DC	xã Nga Mỹ	H. Nga Sơn	20° 00' 01"	105° 57' 26"					F-48-92-D-d
thôn 8	DC	xã Nga Mỹ	H. Nga Sơn	20° 00' 11"	105° 57' 29"					F-48-92-D-d
quốc lộ 10	KX	xã Nga Mỹ	H. Nga Sơn			20° 03' 48"	106° 02' 24"	19° 51' 05"	105° 48' 00"	F-48-92-D-d, E-48-8-B-b
đường tỉnh 508	KX	xã Nga Mỹ	H. Nga Sơn			20° 00' 29"	105° 50' 53"	19° 59' 44"	105° 57' 50"	E-48-8-B-b
xóm 1	DC	xã Nga Nhân	H. Nga Sơn	19° 58' 40"	105° 57' 23"					E-48-8-B-b
xóm 2	DC	xã Nga Nhân	H. Nga Sơn	19° 58' 23"	105° 57' 21"					E-48-8-B-b
xóm 3	DC	xã Nga Nhân	H. Nga Sơn	19° 58' 22"	105° 56' 55"					E-48-8-B-b
xóm 4	DC	xã Nga Nhân	H. Nga Sơn	19° 58' 08"	105° 56' 51"					E-48-8-B-b
xóm 5	DC	xã Nga Nhân	H. Nga Sơn	19° 58' 32"	105° 56' 42"					E-48-8-B-b
xóm 6	DC	xã Nga Nhân	H. Nga Sơn	19° 58' 25"	105° 56' 32"					E-48-8-B-b
xóm 7	DC	xã Nga Nhân	H. Nga Sơn	19° 58' 22"	105° 56' 28"					E-48-8-B-b
xóm 8	DC	xã Nga Nhân	H. Nga Sơn	19° 58' 17"	105° 57' 07"					E-48-8-B-b
quốc lộ 10	KX	xã Nga Nhân	H. Nga Sơn			20° 03' 48"	106° 02' 24"	19° 51' 05"	105° 48' 00"	E-48-8-B-b
kênh Sao Sa	TV	xã Nga Nhân	H. Nga Sơn			19° 59' 02"	105° 56' 15"	19° 57' 51"	105° 58' 23"	E-48-8-B-b
quốc lộ 10	KX	xã Nga Phú	H. Nga Sơn			20° 03' 48"	106° 02' 24"	19° 51' 05"	105° 48' 00"	E-48-8-B-b
Sông Càn	TV	xã Nga Phú	H. Nga Sơn			20° 03' 20"	106° 01' 21"	19° 56' 55"	106° 01' 26"	F-48-93-C-c
xóm Chính Nghĩa	DC	xã Nga Phú	H. Nga Sơn	20° 02' 40"	106° 02' 46"					F-48-93-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
cầu Điền Hộ	KX	xã Nga Phú	H. Nga Sơn	20° 03' 40"	106° 02' 31"					F-48-93-C-c
núi Mai An Tiêm	SV	xã Nga Phú	H. Nga Sơn	20° 02' 43"	106° 02' 24"					F-48-93-C-c
xóm Nhân Sơn	DC	xã Nga Phú	H. Nga Sơn	20° 03' 17"	106° 02' 31"					F-48-93-C-c
xóm Phong Phú	DC	xã Nga Phú	H. Nga Sơn	20° 02' 54"	106° 03' 18"					F-48-93-C-c
xóm Tân Hải	DC	xã Nga Phú	H. Nga Sơn	20° 02' 16"	106° 03' 43"					F-48-93-C-c
xóm Tân Phát	DC	xã Nga Phú	H. Nga Sơn	20° 01' 33"	106° 03' 36"					F-48-93-C-c
xóm Tân Thịnh	DC	xã Nga Phú	H. Nga Sơn	20° 02' 28"	106° 03' 22"					F-48-93-C-c
xóm Văn Đức	DC	xã Nga Phú	H. Nga Sơn	20° 03' 09"	106° 02' 56"					F-48-93-C-c
xóm 1	DC	xã Nga Tân	H. Nga Sơn	19° 58' 53"	106° 00' 18"					E-48-9-A-a
xóm 2	DC	xã Nga Tân	H. Nga Sơn	19° 59' 44"	106° 00' 10"					E-48-9-A-a
xóm 3	DC	xã Nga Tân	H. Nga Sơn	19° 59' 37"	106° 00' 18"					E-48-9-A-a
xóm 4	DC	xã Nga Tân	H. Nga Sơn	19° 59' 25"	105° 59' 49"					E-48-8-B-b
xóm 5	DC	xã Nga Tân	H. Nga Sơn	19° 59' 16"	105° 59' 41"					E-48-8-B-b
xóm 6	DC	xã Nga Tân	H. Nga Sơn	19° 59' 08"	105° 59' 38"					E-48-8-B-b
xóm 7	DC	xã Nga Tân	H. Nga Sơn	19° 58' 59"	105° 59' 31"					E-48-8-B-b
xóm 8	DC	xã Nga Tân	H. Nga Sơn	19° 58' 53"	105° 59' 29"					E-48-8-B-b
Sông Càn	TV	xã Nga Tân	H. Nga Sơn			20° 03' 20"	106° 01' 21"	19° 56' 55"	106° 01' 26"	E-48-9-A-a
sông Hưng Long	TV	xã Nga Tân	H. Nga Sơn			20° 02' 16"	105° 54' 34"	19° 58' 59"	106° 01' 19"	E-48-9-A-a
làng Tân Hưng	DC	xã Nga Tân	H. Nga Sơn	19° 59' 25"	105° 59' 49"					E-48-8-B-b
quốc lộ 10	KX	xã Nga Thạch	H. Nga Sơn			20° 03' 48"	106° 02' 24"	19° 51' 05"	105° 48' 00"	E-48-8-B-b
xóm Hậu Trạch 1	DC	xã Nga Thạch	H. Nga Sơn	19° 57' 31"	105° 57' 03"					E-48-8-B-b
xóm Hậu Trạch 2	DC	xã Nga Thạch	H. Nga Sơn	19° 57' 33"	105° 56' 55"					E-48-8-B-b
xóm Hậu Trạch 3	DC	xã Nga Thạch	H. Nga Sơn	19° 57' 36"	105° 56' 52"					E-48-8-B-b
Sông Lèn	TV	xã Nga Thạch	H. Nga Sơn			19° 57' 31"	105° 45' 38"	19° 57' 07"	106° 00' 04"	E-48-8-B-b
xóm Phương Phú 1	DC	xã Nga Thạch	H. Nga Sơn	19° 57' 49"	105° 57' 13"					E-48-8-B-b
xóm Phương Phú 2	DC	xã Nga Thạch	H. Nga Sơn	19° 57' 39"	105° 57' 11"					E-48-8-B-b
Cầu phao Thắm	KX	xã Nga Thạch	H. Nga Sơn	19° 56' 56"	105° 55' 40"					E-48-8-B-b
xóm Thanh Lăng 1	DC	xã Nga Thạch	H. Nga Sơn	19° 57' 14"	105° 56' 05"					E-48-8-B-b
xóm Thanh Lăng 2	DC	xã Nga Thạch	H. Nga Sơn	19° 57' 11"	105° 56' 06"					E-48-8-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Trung Thành	DC	xã Nga Thạch	H. Nga Sơn	19° 57' 44"	105° 56' 31"					E-48-8-B-b
xóm Trung Thành 1	DC	xã Nga Thạch	H. Nga Sơn	19° 57' 48"	105° 56' 37"					E-48-8-B-b
xóm Trung Thành 2	DC	xã Nga Thạch	H. Nga Sơn	19° 57' 44"	105° 56' 31"					E-48-8-B-b
xóm 1	DC	xã Nga Thái	H. Nga Sơn	20° 00' 58"	106° 01' 50"					F-48-93-C-c
xóm 2	DC	xã Nga Thái	H. Nga Sơn	20° 01' 21"	106° 01' 33"					F-48-93-C-c
xóm 3	DC	xã Nga Thái	H. Nga Sơn	20° 00' 55"	106° 02' 13"					F-48-93-C-c
xóm 6	DC	xã Nga Thái	H. Nga Sơn	20° 01' 04"	106° 02' 53"					F-48-93-C-c
xóm 7	DC	xã Nga Thái	H. Nga Sơn	20° 01' 46"	106° 02' 23"					F-48-93-C-c
xóm 8	DC	xã Nga Thái	H. Nga Sơn	20° 01' 51"	106° 02' 40"					F-48-93-C-c
xóm 9	DC	xã Nga Thái	H. Nga Sơn	20° 01' 00"	106° 02' 55"					F-48-93-C-c
Sông Càn	TV	xã Nga Thái	H. Nga Sơn			20° 03' 20"	106° 01' 21"	19° 56' 55"	106° 01' 26"	F-48-93-C-c
làng Trường Sơn	DC	xã Nga Thái	H. Nga Sơn	20° 01' 01"	106° 02' 28"					F-48-93-C-c
thôn 1	DC	xã Nga Thắng	H. Nga Sơn	20° 00' 22"	105° 56' 02"					F-48-92-D-d
thôn 2	DC	xã Nga Thắng	H. Nga Sơn	20° 00' 19"	105° 55' 52"					F-48-92-D-d
thôn 3	DC	xã Nga Thắng	H. Nga Sơn	20° 00' 10"	105° 55' 59"					F-48-92-D-d
thôn 4	DC	xã Nga Thắng	H. Nga Sơn	19° 59' 29"	105° 55' 41"					E-48-8-B-b
thôn 5	DC	xã Nga Thắng	H. Nga Sơn	19° 59' 44"	105° 55' 18"					F-48-92-D-d
thôn 6	DC	xã Nga Thắng	H. Nga Sơn	20° 00' 09"	105° 54' 58"					F-48-92-D-d
thôn 7	DC	xã Nga Thắng	H. Nga Sơn	20° 00' 30"	105° 54' 54"					F-48-92-D-d
thôn 8	DC	xã Nga Thắng	H. Nga Sơn	19° 59' 16"	105° 56' 17"					E-48-8-B-b
đường tỉnh 508	KX	xã Nga Thắng	H. Nga Sơn			20° 00' 29"	105° 50' 53"	19° 59' 44"	105° 57' 50"	E-48-8-B-b
Sông Hoạt	TV	xã Nga Thắng	H. Nga Sơn			20° 03' 40"	106° 01' 30"	19° 58' 20"	105° 55' 15"	F-48-92-D-d, E-48-8-B-b
Núi Sến	SV	xã Nga Thắng	H. Nga Sơn	20° 00' 19"	105° 56' 06"					F-48-92-D-d
sông Văn Thắng	TV	xã Nga Thắng	H. Nga Sơn			20° 00' 48"	105° 56' 53"	19° 59' 24"	105° 55' 20"	F-48-92-D-d, E-48-8-B-b
xóm 1	DC	xã Nga Thanh	H. Nga Sơn	20° 00' 27"	105° 59' 52"					F-48-92-D-d
xóm 2	DC	xã Nga Thanh	H. Nga Sơn	20° 00' 18"	105° 59' 42"					F-48-92-D-d
xóm 3	DC	xã Nga Thanh	H. Nga Sơn	20° 00' 10"	105° 59' 34"					F-48-92-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm 4	DC	xã Nga Thanh	H. Nga Sơn	20° 00' 00"	105° 59' 28"					E-48-8-B-b
xóm 5	DC	xã Nga Thanh	H. Nga Sơn	19° 59' 47"	105° 59' 20"					E-48-8-B-b
xóm 6	DC	xã Nga Thanh	H. Nga Sơn	19° 59' 34"	105° 59' 10"					E-48-8-B-b
xóm 7	DC	xã Nga Thanh	H. Nga Sơn	20° 00' 04"	105° 59' 10"					F-48-92-D-d
cầu Hói Đào	KX	xã Nga Thanh	H. Nga Sơn	20° 00' 29"	105° 59' 56"					F-48-92-D-d
sông Hưng Long	TV	xã Nga Thanh	H. Nga Sơn			20° 02' 16"	105° 54' 34"	19° 58' 59"	106° 01' 19"	F-48-92-D-d, F-48-93-C-c, E-48-9-A-a
xóm Bắc Thành	DC	xã Nga Thành	H. Nga Sơn	20° 01' 48"	106° 00' 18"					F-48-93-C-c
xóm Đông Thành	DC	xã Nga Thành	H. Nga Sơn	20° 01' 43"	106° 00' 26"					F-48-93-C-c
xóm Hồ Đông	DC	xã Nga Thành	H. Nga Sơn	20° 01' 35"	106° 00' 54"					F-48-93-C-c
xóm Hồ Nam	DC	xã Nga Thành	H. Nga Sơn	20° 01' 19"	106° 00' 32"					F-48-93-C-c
xóm Nam Thành	DC	xã Nga Thành	H. Nga Sơn	20° 01' 38"	106° 00' 07"					F-48-93-C-c
xóm Trung Thành	DC	xã Nga Thành	H. Nga Sơn	20° 01' 44"	106° 00' 11"					F-48-93-C-c
xóm Xuân Thành	DC	xã Nga Thành	H. Nga Sơn	20° 01' 37"	106° 00' 21"					F-48-93-C-c
thôn 1	DC	xã Nga Thiện	H. Nga Sơn	20° 01' 45"	105° 57' 36"					F-48-92-D-d
thôn 2	DC	xã Nga Thiện	H. Nga Sơn	20° 01' 50"	105° 57' 40"					F-48-92-D-d
thôn 3	DC	xã Nga Thiện	H. Nga Sơn	20° 01' 58"	105° 57' 43"					F-48-92-D-d
thôn 4	DC	xã Nga Thiện	H. Nga Sơn	20° 02' 04"	105° 57' 47"					F-48-92-D-d
thôn 5	DC	xã Nga Thiện	H. Nga Sơn	20° 02' 09"	105° 57' 50"					F-48-92-D-d
thôn 6	DC	xã Nga Thiện	H. Nga Sơn	20° 02' 26"	105° 58' 01"					F-48-92-D-d
thôn 7	DC	xã Nga Thiện	H. Nga Sơn	20° 02' 40"	105° 58' 11"					F-48-92-D-d
thôn 8	DC	xã Nga Thiện	H. Nga Sơn	20° 02' 45"	105° 58' 34"					F-48-92-D-d
núi Áng Trong	SV	xã Nga Thiện	H. Nga Sơn	20° 03' 08"	105° 58' 01"					F-48-92-D-d
Sông Hoạt	TV	xã Nga Thiện	H. Nga Sơn			20° 03' 40"	106° 01' 30"	19° 58' 20"	105° 55' 15"	F-48-92-D-d
động Từ Thức	SV	xã Nga Thiện	H. Nga Sơn	20° 02' 55"	105° 58' 41"					F-48-92-D-d
thôn 1	DC	xã Nga Thuỷ	H. Nga Sơn	19° 59' 28"	105° 59' 09"					E-48-8-B-b
thôn 2	DC	xã Nga Thuỷ	H. Nga Sơn	19° 59' 20"	105° 59' 04"					E-48-8-B-b
thôn 3	DC	xã Nga Thuỷ	H. Nga Sơn	19° 59' 13"	105° 58' 55"					E-48-8-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn 4	DC	xã Nga Thuỷ	H. Nga Sơn	19° 58' 59"	105° 58' 51"					E-48-8-B-b
thôn 5	DC	xã Nga Thuỷ	H. Nga Sơn	19° 58' 44"	105° 58' 50"					E-48-8-B-b
thôn 6	DC	xã Nga Thuỷ	H. Nga Sơn	19° 58' 36"	105° 58' 50"					E-48-8-B-b
thôn 7	DC	xã Nga Thuỷ	H. Nga Sơn	19° 58' 25"	105° 58' 48"					E-48-8-B-b
thôn 8	DC	xã Nga Thuỷ	H. Nga Sơn	19° 58' 17"	105° 58' 45"					E-48-8-B-b
thôn 9	DC	xã Nga Thuỷ	H. Nga Sơn	19° 58' 03"	105° 58' 38"					E-48-8-B-b
thôn 10	DC	xã Nga Thuỷ	H. Nga Sơn	19° 58' 44"	105° 59' 28"					E-48-8-B-b
Sông Lèn	TV	xã Nga Thuỷ	H. Nga Sơn			19° 57' 31"	105° 45' 38"	19° 57' 07"	106° 00' 04"	E-48-8-B-b, E-48-9-A-a
Lạch Sung	TV	xã Nga Thuỷ	H. Nga Sơn			19° 57' 07"	106° 00' 04"	19° 56' 40"	106° 00' 09"	E-48-9-A-a
xóm 1	DC	xã Nga Tiến	H. Nga Sơn	20° 00' 41"	106° 02' 12"					F-48-93-C-c
xóm 2	DC	xã Nga Tiến	H. Nga Sơn	20° 00' 54"	106° 02' 01"					F-48-93-C-c
xóm 3	DC	xã Nga Tiến	H. Nga Sơn	20° 00' 49"	106° 01' 51"					F-48-93-C-c
xóm 4	DC	xã Nga Tiến	H. Nga Sơn	20° 00' 44"	106° 01' 40"					F-48-93-C-c
xóm 5	DC	xã Nga Tiến	H. Nga Sơn	20° 00' 38"	106° 01' 34"					F-48-93-C-c
xóm 6	DC	xã Nga Tiến	H. Nga Sơn	20° 00' 31"	106° 01' 25"					F-48-93-C-c
xóm 7	DC	xã Nga Tiến	H. Nga Sơn	20° 00' 29"	106° 01' 11"					F-48-93-C-c
xóm 8	DC	xã Nga Tiến	H. Nga Sơn	20° 00' 15"	106° 00' 55"					F-48-93-C-c
xóm 9	DC	xã Nga Tiến	H. Nga Sơn	20° 00' 07"	106° 00' 44"					F-48-93-C-c
xóm 10	DC	xã Nga Tiến	H. Nga Sơn	19° 59' 52"	106° 00' 32"					E-48-9-A-a
Sông Càn	TV	xã Nga Tiến	H. Nga Sơn			20° 03' 20"	106° 01' 21"	19° 56' 55"	106° 01' 26"	E-48-9-A-a, F-48-93-C-c
sông Hưng Long	TV	xã Nga Tiến	H. Nga Sơn			20° 02' 16"	105° 54' 34"	19° 58' 59"	106° 01' 19"	E-48-9-A-a
xóm 1	DC	xã Nga Trung	H. Nga Sơn	19° 59' 00"	105° 57' 26"					E-48-8-B-b
xóm 2	DC	xã Nga Trung	H. Nga Sơn	19° 59' 17"	105° 57' 30"					E-48-8-B-b
xóm 3	DC	xã Nga Trung	H. Nga Sơn	19° 58' 56"	105° 57' 47"					E-48-8-B-b
xóm 4	DC	xã Nga Trung	H. Nga Sơn	19° 59' 07"	105° 57' 49"					E-48-8-B-b
xóm 5	DC	xã Nga Trung	H. Nga Sơn	19° 59' 09"	105° 58' 25"					E-48-8-B-b
xóm 6	DC	xã Nga Trung	H. Nga Sơn	19° 58' 57"	105° 58' 21"					E-48-8-B-b
xóm 7	DC	xã Nga Trung	H. Nga Sơn	19° 59' 03"	105° 58' 32"					E-48-8-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm 8	DC	xã Nga Trung	H. Nga Sơn	19° 58' 53"	105° 58' 37"					E-48-8-B-b
xóm 9	DC	xã Nga Trung	H. Nga Sơn	19° 58' 35"	105° 58' 26"					E-48-8-B-b
xóm 10	DC	xã Nga Trung	H. Nga Sơn	19° 58' 30"	105° 58' 08"					E-48-8-B-b
quốc lộ 10	KX	xã Nga Trung	H. Nga Sơn			20° 03' 48"	106° 02' 24"	19° 51' 05"	105° 48' 00"	E-48-8-B-b
kênh Sao Sa	TV	xã Nga Trung	H. Nga Sơn			19° 59' 02"	105° 56' 15"	19° 57' 51"	105° 58' 23"	E-48-8-B-b
xóm 1	DC	xã Nga Trường	H. Nga Sơn	20° 01' 36"	105° 56' 58"					F-48-92-D-d
xóm 2	DC	xã Nga Trường	H. Nga Sơn	20° 01' 47"	105° 57' 07"					F-48-92-D-d
xóm 3	DC	xã Nga Trường	H. Nga Sơn	20° 01' 39"	105° 57' 13"					F-48-92-D-d
xóm 4A	DC	xã Nga Trường	H. Nga Sơn	20° 01' 33"	105° 57' 09"					F-48-92-D-d
xóm 4B	DC	xã Nga Trường	H. Nga Sơn	20° 01' 30"	105° 57' 25"					F-48-92-D-d
xóm 5	DC	xã Nga Trường	H. Nga Sơn	20° 01' 42"	105° 57' 18"					F-48-92-D-d
xóm 6	DC	xã Nga Trường	H. Nga Sơn	20° 01' 38"	105° 57' 32"					F-48-92-D-d
xóm 7A	DC	xã Nga Trường	H. Nga Sơn	20° 01' 09"	105° 57' 54"					F-48-92-D-d
xóm 7B	DC	xã Nga Trường	H. Nga Sơn	20° 01' 18"	105° 57' 57"					F-48-92-D-d
xóm 8	DC	xã Nga Trường	H. Nga Sơn	20° 01' 31"	105° 58' 01"					F-48-92-D-d
Sông Hoạt	TV	xã Nga Trường	H. Nga Sơn			20° 03' 40"	106° 01' 30"	19° 58' 20"	105° 55' 15"	F-48-92-D-d
xóm Tân Tiến	DC	xã Nga Trường	H. Nga Sơn	20° 02' 37"	105° 56' 49"					F-48-92-D-d
xóm 1	DC	xã Nga Văn	H. Nga Sơn	20° 01' 05"	105° 57' 16"					F-48-92-D-d
xóm 2	DC	xã Nga Văn	H. Nga Sơn	20° 00' 59"	105° 57' 11"					F-48-92-D-d
xóm 3	DC	xã Nga Văn	H. Nga Sơn	20° 00' 51"	105° 57' 07"					F-48-92-D-d
xóm 4	DC	xã Nga Văn	H. Nga Sơn	20° 00' 39"	105° 57' 01"					F-48-92-D-d
xóm 5	DC	xã Nga Văn	H. Nga Sơn	20° 00' 32"	105° 56' 57"					F-48-92-D-d
xóm 6	DC	xã Nga Văn	H. Nga Sơn	20° 00' 21"	105° 56' 53"					F-48-92-D-d
xóm 7	DC	xã Nga Văn	H. Nga Sơn	20° 00' 22"	105° 57' 02"					F-48-92-D-d
xóm 8	DC	xã Nga Văn	H. Nga Sơn	19° 59' 58"	105° 56' 54"					E-48-8-B-b
xóm 9	DC	xã Nga Văn	H. Nga Sơn	19° 59' 40"	105° 56' 40"					E-48-8-B-b
xóm 10	DC	xã Nga Văn	H. Nga Sơn	19° 59' 49"	105° 56' 54"					E-48-8-B-b
đường tỉnh 508	KX	xã Nga Văn	H. Nga Sơn			20° 00' 29"	105° 50' 53"	19° 59' 44"	105° 57' 50"	E-48-8-B-b
sông Hưng Long	TV	xã Nga Văn	H. Nga Sơn			20° 02' 16"	105° 54' 34"	19° 58' 59"	106° 01' 19"	F-48-92-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
sông Văn Thắng	TV	xã Nga Văn	H. Nga Sơn			20° 00' 48"	105° 56' 53"	19° 59' 24"	105° 55' 20"	F-48-92-D-d, E-48-8-B-b
thôn 7	DC	xã Nga Vịnh	H. Nga Sơn	20° 02' 35"	105° 55' 05"					F-48-92-D-d
thôn 8	DC	xã Nga Vịnh	H. Nga Sơn	20° 02' 32"	105° 54' 54"					F-48-92-D-d
thôn 9	DC	xã Nga Vịnh	H. Nga Sơn	20° 02' 14"	105° 54' 43"					F-48-92-D-d
cầu Đa Nam	KX	xã Nga Vịnh	H. Nga Sơn	20° 02' 49"	105° 54' 54"					F-48-92-D-d
Sông Hoạt	TV	xã Nga Vịnh	H. Nga Sơn			20° 03' 40"	106° 01' 30"	19° 58' 20"	105° 55' 15"	F-48-92-D-d
sông Hưng Long	TV	xã Nga Vịnh	H. Nga Sơn			20° 02' 16"	105° 54' 34"	19° 58' 59"	106° 01' 19"	F-48-92-D-d
thôn Nghi Vịnh	DC	xã Nga Vịnh	H. Nga Sơn	20° 01' 55"	105° 56' 24"					F-48-92-D-d
thôn Tuân Đạo	DC	xã Nga Vịnh	H. Nga Sơn	20° 02' 04"	105° 56' 06"					F-48-92-D-d
thôn Vĩnh An	DC	xã Nga Vịnh	H. Nga Sơn	20° 02' 31"	105° 56' 13"					F-48-92-D-d
thôn Vĩnh Lộc	DC	xã Nga Vịnh	H. Nga Sơn	20° 02' 37"	105° 55' 44"					F-48-92-D-d
thôn Vĩnh Thọ	DC	xã Nga Vịnh	H. Nga Sơn	20° 02' 36"	105° 56' 02"					F-48-92-D-d
xóm 1	DC	xã Nga Yên	H. Nga Sơn	20° 00' 36"	105° 59' 13"					F-48-92-D-d
xóm 2	DC	xã Nga Yên	H. Nga Sơn	20° 00' 30"	105° 58' 48"					F-48-92-D-d
xóm 3	DC	xã Nga Yên	H. Nga Sơn	20° 00' 37"	105° 58' 52"					F-48-92-D-d
xóm 4	DC	xã Nga Yên	H. Nga Sơn	20° 00' 45"	105° 58' 40"					F-48-92-D-d
xóm 5	DC	xã Nga Yên	H. Nga Sơn	20° 00' 44"	105° 58' 08"					F-48-92-D-d
xóm 6	DC	xã Nga Yên	H. Nga Sơn	20° 00' 56"	105° 58' 18"					F-48-92-D-d
xóm 7	DC	xã Nga Yên	H. Nga Sơn	20° 01' 08"	105° 58' 23"					F-48-92-D-d
xóm 8	DC	xã Nga Yên	H. Nga Sơn	20° 01' 18"	105° 58' 29"					F-48-92-D-d
xóm 9	DC	xã Nga Yên	H. Nga Sơn	20° 01' 30"	105° 58' 31"					F-48-92-D-d
xóm 10	DC	xã Nga Yên	H. Nga Sơn	20° 01' 28"	105° 58' 39"					F-48-92-D-d
quốc lộ 10	KX	xã Nga Yên	H. Nga Sơn			20° 03' 48"	106° 02' 24"	19° 51' 05"	105° 48' 00"	F-48-92-D-d
sông Hưng Long	TV	xã Nga Yên	H. Nga Sơn			20° 02' 16"	105° 54' 34"	19° 58' 59"	106° 01' 19"	F-48-92-D-d
làng Yên Khoái	DC	xã Nga Yên	H. Nga Sơn	20° 01' 03"	105° 58' 19"					F-48-92-D-d
làng Yên Lộc	DC	xã Nga Yên	H. Nga Sơn	20° 01' 25"	105° 58' 30"					F-48-92-D-d
đường Hồ Chí Minh	KX	TT. Ngọc Lặc	H. Ngọc Lặc			20° 21' 59"	105° 31' 19"	19° 26' 37"	105° 26' 53"	F-48-91-D-d
quốc lộ 15A	KX	TT. Ngọc Lặc	H. Ngọc Lặc			20° 33' 37"	105° 01' 17"	20° 05' 33"	105° 22' 16"	F-48-91-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
sông Cầu Chày	TV	TT. Ngọc Lặc	H. Ngọc Lặc			20° 06' 52"	105° 21' 58"	19° 57' 04"	105° 45' 41"	F-48-91-D-d, F-48-91-D-c
phố Lê Đình Chinh	DC	TT. Ngọc Lặc	H. Ngọc Lặc	20° 04' 05"	105° 23' 15"					F-48-91-D-d
phố Lê Duẩn	DC	TT. Ngọc Lặc	H. Ngọc Lặc	20° 05' 36"	105° 22' 12"					F-48-91-D-c
phố Lê Hoàn	DC	TT. Ngọc Lặc	H. Ngọc Lặc	20° 05' 38"	105° 21' 57"					F-48-91-D-c
phố Lê Lai	DC	TT. Ngọc Lặc	H. Ngọc Lặc	20° 05' 32"	105° 22' 25"					F-48-91-D-c
phố Lê Lợi	DC	TT. Ngọc Lặc	H. Ngọc Lặc	20° 04' 58"	105° 22' 40"					F-48-91-D-c
phố Lê Thánh Tông	DC	TT. Ngọc Lặc	H. Ngọc Lặc	20° 05' 10"	105° 22' 34"					F-48-91-D-d
Suối Ngọc	TV	TT. Ngọc Lặc	H. Ngọc Lặc			20° 05' 00"	105° 21' 14"	20° 05' 21"	105° 22' 39"	F-48-91-D-c, F-48-91-D-d
phố Nguyễn Du	DC	TT. Ngọc Lặc	H. Ngọc Lặc	20° 04' 43"	105° 22' 45"					F-48-91-D-d
phố Nguyễn Trãi	DC	TT. Ngọc Lặc	H. Ngọc Lặc	20° 04' 31"	105° 22' 59"					F-48-91-D-d
phố Trần Phú	DC	TT. Ngọc Lặc	H. Ngọc Lặc	20° 05' 56"	105° 22' 12"					F-48-91-D-c
đồi Bái Cong	SV	xã Cao Ngọc	H. Ngọc Lặc	20° 03' 00"	105° 19' 48"					F-48-91-D-c
núi Ba Đan	SV	xã Cao Ngọc	H. Ngọc Lặc	20° 03' 54"	105° 18' 25"					F-48-91-D-c
đồi Bái Đập	SV	xã Cao Ngọc	H. Ngọc Lặc	20° 02' 49"	105° 20' 08"					F-48-91-D-c
đồi Bái Gió	SV	xã Cao Ngọc	H. Ngọc Lặc	20° 02' 36"	105° 20' 41"					F-48-91-D-c
Làng Ban	DC	xã Cao Ngọc	H. Ngọc Lặc	20° 04' 11"	105° 20' 21"					F-48-91-D-c
Suối Ban	TV	xã Cao Ngọc	H. Ngọc Lặc			20° 04' 17"	105° 20' 20"	20° 04' 27"	105° 20' 31"	F-48-91-D-c
Đồi Bưởi	SV	xã Cao Ngọc	H. Ngọc Lặc	20° 02' 22"	105° 21' 03"					F-48-91-D-c
làng Cây Thị	DC	xã Cao Ngọc	H. Ngọc Lặc	20° 02' 43"	105° 21' 24"					F-48-91-D-c
làng Chò Tráng	DC	xã Cao Ngọc	H. Ngọc Lặc	20° 03' 44"	105° 19' 12"					F-48-91-D-c
Làng Chù	DC	xã Cao Ngọc	H. Ngọc Lặc	20° 03' 05"	105° 21' 02"					F-48-91-D-c
Đồi Cồ	SV	xã Cao Ngọc	H. Ngọc Lặc	20° 03' 34"	105° 22' 21"					F-48-91-D-c
làng Cò Mùn	DC	xã Cao Ngọc	H. Ngọc Lặc	20° 03' 31"	105° 21' 06"					F-48-91-D-c
Làng Côn	DC	xã Cao Ngọc	H. Ngọc Lặc	20° 02' 56"	105° 20' 29"					F-48-91-D-c
Làng Cọn	DC	xã Cao Ngọc	H. Ngọc Lặc	20° 03' 28"	105° 20' 08"					F-48-91-D-c
hồ Cống Khê	TV	xã Cao Ngọc	H. Ngọc Lặc	20° 04' 53"	105° 20' 34"					F-48-91-D-c
Núi Dụn	SV	xã Cao Ngọc	H. Ngọc Lặc	20° 03' 26"	105° 18' 42"					F-48-91-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
đồi Ke Re	SV	xã Cao Ngọc	H. Ngọc Lặc	20° 03' 10"	105° 19' 33"					F-48-91-D-c
Làng Lỏ	DC	xã Cao Ngọc	H. Ngọc Lặc	20° 03' 12"	105° 21' 02"					F-48-91-D-c
Suối Mật	TV	xã Cao Ngọc	H. Ngọc Lặc			20° 03' 54"	105° 19' 01"	20° 04' 33"	105° 16' 55"	F-48-91-D-c
suối Mật Ngoài	TV	xã Cao Ngọc	H. Ngọc Lặc			20° 04' 31"	105° 19' 23"	20° 03' 54"	105° 19' 01"	F-48-91-D-c
suối Mật Trong	TV	xã Cao Ngọc	H. Ngọc Lặc			20° 04' 15"	105° 19' 34"	20° 03' 54"	105° 19' 01"	F-48-91-D-c
Núi Mục	SV	xã Cao Ngọc	H. Ngọc Lặc	20° 05' 09"	105° 18' 23"					F-48-91-D-c
Làng Nghiện	DC	xã Cao Ngọc	H. Ngọc Lặc	20° 03' 16"	105° 21' 39"					F-48-91-D-c
làng Ngọc Mùn	DC	xã Cao Ngọc	H. Ngọc Lặc	20° 03' 06"	105° 19' 57"					F-48-91-D-c
Làng Nhỏi	DC	xã Cao Ngọc	H. Ngọc Lặc	20° 03' 30"	105° 19' 40"					F-48-91-D-c
Đồi Sấn	SV	xã Cao Ngọc	H. Ngọc Lặc	20° 04' 33"	105° 19' 47"					F-48-91-D-c
Núi Sung	SV	xã Cao Ngọc	H. Ngọc Lặc	20° 03' 52"	105° 21' 34"					F-48-91-D-c
Làng Thau	DC	xã Cao Ngọc	H. Ngọc Lặc	20° 03' 27"	105° 20' 38"					F-48-91-D-c
Làng Thi	DC	xã Cao Ngọc	H. Ngọc Lặc	20° 03' 46"	105° 19' 52"					F-48-91-D-c
Núi Tích	SV	xã Cao Ngọc	H. Ngọc Lặc	20° 04' 00"	105° 21' 08"					F-48-91-D-c
Làng Ủng	DC	xã Cao Ngọc	H. Ngọc Lặc	20° 03' 39"	105° 20' 09"					F-48-91-D-c
Làng Vìn	DC	xã Cao Ngọc	H. Ngọc Lặc	20° 03' 33"	105° 19' 56"					F-48-91-D-c
Làng Xam	DC	xã Cao Ngọc	H. Ngọc Lặc	20° 02' 44"	105° 20' 59"					F-48-91-D-c
Suối Xam	TV	xã Cao Ngọc	H. Ngọc Lặc			20° 03' 00"	105° 21' 06"	20° 02' 49"	105° 19' 12"	F-48-91-D-c
làng 61	DC	xã Cao Thịnh	H. Ngọc Lặc	20° 04' 23"	105° 29' 16"					F-48-91-D-d
đồi Ba Đồi	SV	xã Cao Thịnh	H. Ngọc Lặc	20° 05' 00"	105° 27' 19"					F-48-91-D-d
làng Bò Lội	DC	xã Cao Thịnh	H. Ngọc Lặc	20° 03' 44"	105° 28' 08"					F-48-91-D-d
Làng Bứa	DC	xã Cao Thịnh	H. Ngọc Lặc	20° 02' 37"	105° 28' 08"					F-48-91-D-d
làng Cao Khánh	DC	xã Cao Thịnh	H. Ngọc Lặc	20° 03' 18"	105° 30' 10"					F-48-92-C-c
làng Cao Sơn	DC	xã Cao Thịnh	H. Ngọc Lặc	20° 03' 25"	105° 29' 12"					F-48-91-D-d
làng Cao Thắng	DC	xã Cao Thịnh	H. Ngọc Lặc	20° 02' 52"	105° 29' 22"					F-48-91-D-d
làng Đồng Giành	DC	xã Cao Thịnh	H. Ngọc Lặc	20° 03' 58"	105° 27' 49"					F-48-91-D-d
núi Đồng Hồ	SV	xã Cao Thịnh	H. Ngọc Lặc	20° 03' 16"	105° 29' 52"					F-48-91-D-d
Suối Giành	TV	xã Cao Thịnh	H. Ngọc Lặc			20° 03' 57"	105° 26' 49"	20° 03' 57"	105° 28' 44"	F-48-91-D-d
núi Hang Cá	SV	xã Cao Thịnh	H. Ngọc Lặc	20° 03' 49"	105° 30' 25"					F-48-92-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Sông Hép	TV	xã Cao Thịnh	H. Ngọc Lặc			20° 06' 08"	105° 25' 20"	19° 59' 58"	105° 31' 53"	F-48-91-D-d
làng Khánh Thượng	DC	xã Cao Thịnh	H. Ngọc Lặc	20° 03' 32"	105° 29' 51"					F-48-91-D-d
làng Lim Còm	DC	xã Cao Thịnh	H. Ngọc Lặc	20° 04' 37"	105° 28' 25"					F-48-91-D-d
Làng Mai	DC	xã Cao Thịnh	H. Ngọc Lặc	20° 03' 01"	105° 28' 26"					F-48-91-D-d
núi Nhả Lá	SV	xã Cao Thịnh	H. Ngọc Lặc	20° 03' 39"	105° 29' 44"					F-48-91-D-d
Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Thống Nhất	KX	xã Cao Thịnh	H. Ngọc Lặc	20° 01' 52"	105° 29' 02"					F-48-91-D-d
núi Thung Đắng	SV	xã Cao Thịnh	H. Ngọc Lặc	20° 03' 28"	105° 29' 43"					F-48-91-D-d
làng Z111	DC	xã Cao Thịnh	H. Ngọc Lặc	20° 03' 59"	105° 29' 32"					F-48-91-D-d
hồ Bai Ao	TV	xã Đồng Thịnh	H. Ngọc Lặc	20° 07' 27"	105° 25' 37"					F-48-91-D-b, F-48-91-D-d
Làng Bương	DC	xã Đồng Thịnh	H. Ngọc Lặc	20° 07' 13"	105° 26' 18"					F-48-91-D-d
Suối Cái	TV	xã Đồng Thịnh	H. Ngọc Lặc			20° 07' 35"	105° 25' 08"	20° 06' 31"	105° 25' 16"	F-48-91-D-b, F-48-91-D-d
Làng Chiềng	DC	xã Đồng Thịnh	H. Ngọc Lặc	20° 07' 24"	105° 26' 29"					F-48-91-D-d
đồi Đào Đất	SV	xã Đồng Thịnh	H. Ngọc Lặc	20° 08' 19"	105° 26' 01"					F-48-91-D-b
làng Đồi Đỏ	DC	xã Đồng Thịnh	H. Ngọc Lặc	20° 07' 42"	105° 25' 58"					F-48-91-D-b
Làng Lim	DC	xã Đồng Thịnh	H. Ngọc Lặc	20° 07' 29"	105° 25' 13"					F-48-91-D-d
Làng Me	DC	xã Đồng Thịnh	H. Ngọc Lặc	20° 07' 16"	105° 27' 07"					F-48-91-D-d
Làng Mới	DC	xã Đồng Thịnh	H. Ngọc Lặc	20° 07' 25"	105° 25' 24"					F-48-91-D-d
Làng Mùn	DC	xã Đồng Thịnh	H. Ngọc Lặc	20° 07' 17"	105° 26' 03"					F-48-91-D-d
Làng Rềnh	DC	xã Đồng Thịnh	H. Ngọc Lặc	20° 06' 59"	105° 25' 34"					F-48-91-D-d
đồi Tổng Cờ	SV	xã Đồng Thịnh	H. Ngọc Lặc	20° 08' 08"	105° 26' 35"					F-48-91-D-b
đồi Tro Hoa	SV	xã Đồng Thịnh	H. Ngọc Lặc	20° 07' 00"	105° 27' 04"					F-48-91-D-d
đồi Trò Hoa	SV	xã Đồng Thịnh	H. Ngọc Lặc	20° 06' 56"	105° 25' 52"					F-48-91-D-d
Đồi Vải	SV	xã Đồng Thịnh	H. Ngọc Lặc	20° 07' 22"	105° 25' 42"					F-48-91-D-d
Đồi Vọ	SV	xã Đồng Thịnh	H. Ngọc Lặc	20° 07' 10"	105° 28' 00"					F-48-91-D-d
Đồi Xiêng	SV	xã Đồng Thịnh	H. Ngọc Lặc	20° 07' 53"	105° 27' 28"					F-48-91-D-b
đồi Yên Ương	SV	xã Đồng Thịnh	H. Ngọc Lặc	20° 06' 36"	105° 26' 43"					F-48-91-D-d
làng 11	DC	xã Kiên Thọ	H. Ngọc Lặc	19° 57' 38"	105° 25' 08"					E-48-7-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Kiên Thọ	H. Ngọc Lặc			20° 21' 59"	105° 31' 19"	19° 26' 37"	105° 26' 53"	E-48-7-B-b
làng Ba Si	DC	xã Kiên Thọ	H. Ngọc Lặc	19° 57' 54"	105° 23' 38"					E-48-7-B-b
Suối Cái	TV	xã Kiên Thọ	H. Ngọc Lặc			19° 58' 23"	105° 21' 32"	19° 57' 46"	105° 23' 43"	E-48-7-B-b, E-48-7-B-a
đồi Cây Trám	SV	xã Kiên Thọ	H. Ngọc Lặc	19° 56' 10"	105° 23' 01"					E-48-7-B-b
Sông Chu	TV	xã Kiên Thọ	H. Ngọc Lặc			19° 55' 20"	105° 07' 59"	19° 53' 02"	105° 45' 23"	E-48-7-B-b
Suối Cồn	TV	xã Kiên Thọ	H. Ngọc Lặc			19° 57' 36"	105° 21' 29"	19° 56' 12"	105° 23' 24"	E-48-7-B-b
Đồi Đá	SV	xã Kiên Thọ	H. Ngọc Lặc	19° 57' 06"	105° 23' 11"					E-48-7-B-b
làng Đội 1	DC	xã Kiên Thọ	H. Ngọc Lặc	19° 56' 14"	105° 24' 34"					E-48-7-B-b
làng Đức Thịnh	DC	xã Kiên Thọ	H. Ngọc Lặc	19° 57' 02"	105° 24' 22"					E-48-7-B-b
làng Kiên Minh	DC	xã Kiên Thọ	H. Ngọc Lặc	19° 57' 39"	105° 24' 11"					E-48-7-B-b
đền Lê Lai	KX	xã Kiên Thọ	H. Ngọc Lặc	19° 58' 26"	105° 23' 27"					E-48-7-B-b
Suối Nam	TV	xã Kiên Thọ	H. Ngọc Lặc			19° 59' 23"	105° 22' 18"	19° 58' 55"	105° 23' 17"	E-48-7-B-b
Suối Ngũ	TV	xã Kiên Thọ	H. Ngọc Lặc			19° 57' 46"	105° 23' 43"	19° 56' 42"	105° 25' 12"	E-48-7-B-b
suối Nhà Lê	TV	xã Kiên Thọ	H. Ngọc Lặc			19° 58' 18"	105° 25' 44"	19° 57' 27"	105° 26' 31"	E-48-7-B-b
Núi Nhượng	SV	xã Kiên Thọ	H. Ngọc Lặc	19° 56' 52"	105° 22' 45"					E-48-7-B-b
Ngã ba Si	KX	xã Kiên Thọ	H. Ngọc Lặc	19° 57' 59"	105° 23' 46"					E-48-7-B-b
Suối Tép	TV	xã Kiên Thọ	H. Ngọc Lặc			19° 58' 52"	105° 23' 17"	19° 57' 46"	105° 23' 42"	E-48-7-B-b
làng Thành Công	DC	xã Kiên Thọ	H. Ngọc Lặc	19° 58' 37"	105° 24' 44"					E-48-7-B-b
làng Thành Sơn	DC	xã Kiên Thọ	H. Ngọc Lặc	19° 58' 13"	105° 23' 12"					E-48-7-B-b
làng Thọ Liên	DC	xã Kiên Thọ	H. Ngọc Lặc	19° 58' 01"	105° 23' 59"					E-48-7-B-b
làng Thọ Phú	DC	xã Kiên Thọ	H. Ngọc Lặc	19° 56' 25"	105° 23' 58"					E-48-7-B-b
làng Thọ Sơn	DC	xã Kiên Thọ	H. Ngọc Lặc	19° 58' 04"	105° 25' 50"					E-48-7-B-b
làng Thống nhất	DC	xã Kiên Thọ	H. Ngọc Lặc	19° 57' 26"	105° 25' 32"					E-48-7-B-b
Làng Trai	DC	xã Kiên Thọ	H. Ngọc Lặc	19° 56' 50"	105° 24' 39"					E-48-7-B-b
làng Xuân Thành	DC	xã Kiên Thọ	H. Ngọc Lặc	19° 58' 24"	105° 25' 27"					E-48-7-B-b
thôn 4	DC	xã Lam Sơn	H. Ngọc Lặc	20° 00' 52"	105° 25' 36"					F-48-91-D-d
thôn 5	DC	xã Lam Sơn	H. Ngọc Lặc	19° 59' 38"	105° 28' 02"					F-48-91-D-d
thôn 6	DC	xã Lam Sơn	H. Ngọc Lặc	20° 01' 14"	105° 26' 29"					F-48-91-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn 7	DC	xã Lam Sơn	H. Ngọc Lặc	20° 02' 09"	105° 26' 29"					F-48-91-D-d
thôn 8	DC	xã Lam Sơn	H. Ngọc Lặc	20° 01' 32"	105° 24' 31"					F-48-91-D-d
thôn 9	DC	xã Lam Sơn	H. Ngọc Lặc	20° 00' 42"	105° 25' 12"					F-48-91-D-d
thôn 12	DC	xã Lam Sơn	H. Ngọc Lặc	20° 01' 15"	105° 25' 20"					F-48-91-D-d
sông Cầu Chày	TV	xã Lam Sơn	H. Ngọc Lặc			20° 06' 52"	105° 21' 58"	19° 57' 04"	105° 45' 41"	F-48-91-D-d
Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lam Sơn	KX	xã Lam Sơn	H. Ngọc Lặc	20° 00' 24"	105° 24' 45"					F-48-91-D-d
thôn Minh Thuỷ	DC	xã Lam Sơn	H. Ngọc Lặc	20° 01' 39"	105° 27' 05"					F-48-91-D-d
thôn Trụ Sở	DC	xã Lam Sơn	H. Ngọc Lặc	20° 00' 58"	105° 25' 24"					F-48-91-D-d
thôn Trung Tâm	DC	xã Lam Sơn	H. Ngọc Lặc	20° 00' 56"	105° 25' 08"					F-48-91-D-d
đồi Ba Đồi	SV	xã Lộc Thịnh	H. Ngọc Lặc	20° 05' 00"	105° 27' 19"					F-48-91-D-d
núi Bái Mạ	SV	xã Lộc Thịnh	H. Ngọc Lặc	20° 05' 02"	105° 29' 32"					F-48-91-D-d
làng Bãi Mí	DC	xã Lộc Thịnh	H. Ngọc Lặc	20° 05' 39"	105° 29' 13"					F-48-91-D-d
Núi Bò	SV	xã Lộc Thịnh	H. Ngọc Lặc	20° 05' 47"	105° 28' 12"					F-48-91-D-d
Núi Chung	SV	xã Lộc Thịnh	H. Ngọc Lặc	20° 06' 00"	105° 27' 50"					F-48-91-D-d
làng Cò Chè	DC	xã Lộc Thịnh	H. Ngọc Lặc	20° 05' 29"	105° 28' 46"					F-48-91-D-d
làng Cò Dừa	DC	xã Lộc Thịnh	H. Ngọc Lặc	20° 05' 58"	105° 28' 38"					F-48-91-D-d
làng Đồi Nâu	DC	xã Lộc Thịnh	H. Ngọc Lặc	20° 05' 45"	105° 28' 58"					F-48-91-D-d
làng Đồng Trôi	DC	xã Lộc Thịnh	H. Ngọc Lặc	20° 05' 11"	105° 29' 11"					F-48-91-D-d
Làng Dụn	DC	xã Lộc Thịnh	H. Ngọc Lặc	20° 06' 18"	105° 29' 01"					F-48-91-D-d
Làng Hép	DC	xã Lộc Thịnh	H. Ngọc Lặc	20° 06' 19"	105° 27' 20"					F-48-91-D-d
Sông Hép	TV	xã Lộc Thịnh	H. Ngọc Lặc			20° 06' 08"	105° 25' 20"	19° 59' 58"	105° 31' 53"	F-48-91-D-d
làng Lộc Nam	DC	xã Lộc Thịnh	H. Ngọc Lặc	20° 05' 33"	105° 29' 00"					F-48-91-D-d
Núi Mèo	SV	xã Lộc Thịnh	H. Ngọc Lặc	20° 05' 08"	105° 28' 52"					F-48-91-D-d
làng Ngã Hón	DC	xã Lộc Thịnh	H. Ngọc Lặc	20° 05' 25"	105° 28' 13"					F-48-91-D-d
đồi Tro Hoa	SV	xã Lộc Thịnh	H. Ngọc Lặc	20° 07' 00"	105° 27' 04"					F-48-91-D-d
Làng Vịn	DC	xã Lộc Thịnh	H. Ngọc Lặc	20° 06' 36"	105° 28' 00"					F-48-91-D-d
Đồi Vọ	SV	xã Lộc Thịnh	H. Ngọc Lặc	20° 07' 10"	105° 28' 00"					F-48-91-D-d
đồi Yên Ương	SV	xã Lộc Thịnh	H. Ngọc Lặc	20° 06' 36"	105° 26' 43"					F-48-91-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Minh Sơn	H. Ngọc Lặc			20° 21' 59"	105° 31' 19"	19° 26' 37"	105° 26' 53"	F-48-91-D-d
Thôn Mèn	DC	xã Minh Sơn	H. Ngọc Lặc	20° 01' 58"	105° 23' 57"					F-48-91-D-d
Thôn Ẳng	DC	xã Minh Sơn	H. Ngọc Lặc	20° 02' 21"	105° 25' 13"					F-48-91-D-d
Thôn Bông	DC	xã Minh Sơn	H. Ngọc Lặc	20° 01' 51"	105° 25' 05"					F-48-91-D-d
núi Bồng Bông/Tích	SV	xã Minh Sơn	H. Ngọc Lặc	20° 03' 41"	105° 24' 16"					F-48-91-D-d
Thôn Bót	DC	xã Minh Sơn	H. Ngọc Lặc	20° 02' 58"	105° 23' 32"					F-48-91-D-d
Đồi Bùi	SV	xã Minh Sơn	H. Ngọc Lặc	20° 01' 33"	105° 20' 28"					F-48-91-D-c
Đồi Bưởi	SV	xã Minh Sơn	H. Ngọc Lặc	20° 02' 22"	105° 21' 03"					F-48-91-D-c
sông Cầu Chày	TV	xã Minh Sơn	H. Ngọc Lặc			20° 06' 52"	105° 21' 58"	19° 57' 04"	105° 45' 41"	F-48-91-D-d
Đồi Cồ	SV	xã Minh Sơn	H. Ngọc Lặc	20° 03' 34"	105° 22' 21"					F-48-91-D-c
Núi Đệch	SV	xã Minh Sơn	H. Ngọc Lặc	20° 03' 16"	105° 25' 13"					F-48-91-D-d
Thôn Giữa	DC	xã Minh Sơn	H. Ngọc Lặc	20° 01' 35"	105° 23' 53"					F-48-91-D-d
Thôn Hón	DC	xã Minh Sơn	H. Ngọc Lặc	20° 02' 01"	105° 23' 37"					F-48-91-D-d
thôn Minh Châu 1	DC	xã Minh Sơn	H. Ngọc Lặc	20° 02' 12"	105° 24' 09"					F-48-91-D-d
thôn Minh Châu 2	DC	xã Minh Sơn	H. Ngọc Lặc	20° 02' 01"	105° 24' 27"					F-48-91-D-d
thôn Minh Hoà	DC	xã Minh Sơn	H. Ngọc Lặc	20° 02' 53"	105° 24' 48"					F-48-91-D-d
thôn Minh Lai	DC	xã Minh Sơn	H. Ngọc Lặc	20° 02' 29"	105° 24' 13"					F-48-91-D-d
thôn Minh Liên	DC	xã Minh Sơn	H. Ngọc Lặc	20° 03' 25"	105° 23' 29"					F-48-91-D-d
thôn Minh Lương	DC	xã Minh Sơn	H. Ngọc Lặc	20° 02' 16"	105° 22' 31"					F-48-91-D-d
thôn Minh Nguyên	DC	xã Minh Sơn	H. Ngọc Lặc	20° 01' 51"	105° 21' 35"					F-48-91-D-c
thôn Minh Thái	DC	xã Minh Sơn	H. Ngọc Lặc	20° 03' 10"	105° 23' 51"					F-48-91-D-d
thôn Minh Thọ	DC	xã Minh Sơn	H. Ngọc Lặc	20° 01' 25"	105° 22' 13"					F-48-91-D-c
thôn Minh Thuận	DC	xã Minh Sơn	H. Ngọc Lặc	20° 02' 00"	105° 23' 00"					F-48-91-D-d
Thôn Mơ	DC	xã Minh Sơn	H. Ngọc Lặc	20° 02' 48"	105° 23' 42"					F-48-91-D-d
Thôn Mới	DC	xã Minh Sơn	H. Ngọc Lặc	20° 02' 35"	105° 24' 44"					F-48-91-D-d
Thôn Muỗng	DC	xã Minh Sơn	H. Ngọc Lặc	20° 02' 19"	105° 23' 52"					F-48-91-D-d
thôn Ngọc Ẳng	DC	xã Minh Sơn	H. Ngọc Lặc	20° 02' 06"	105° 25' 38"					F-48-91-D-d
Suối Song	TV	xã Minh Sơn	H. Ngọc Lặc			20° 02' 18"	105° 21' 15"	20° 03' 09"	105° 24' 09"	F-48-91-D-c, F-48-91-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Trung Hoà	DC	xã Minh Sơn	H. Ngọc Lặc	20° 02' 31"	105° 25' 13"					F-48-91-D-d
thôn 2	DC	xã Minh Tiến	H. Ngọc Lặc	19° 59' 20"	105° 24' 24"					F-48-91-D-d
thôn 10	DC	xã Minh Tiến	H. Ngọc Lặc	20° 00' 52"	105° 23' 27"					F-48-91-D-d
thôn 66	DC	xã Minh Tiến	H. Ngọc Lặc	20° 00' 22"	105° 25' 18"					F-48-91-D-d
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Minh Tiến	H. Ngọc Lặc			20° 21' 59"	105° 31' 19"	19° 26' 37"	105° 26' 53"	E-48-7-B-b
thôn Đồng Tiến	DC	xã Minh Tiến	H. Ngọc Lặc	20° 01' 33"	105° 26' 04"					F-48-91-D-d
núi Gò Tô	SV	xã Minh Tiến	H. Ngọc Lặc	20° 00' 11"	105° 25' 34"					F-48-91-D-d
thôn Hương Tiến	DC	xã Minh Tiến	H. Ngọc Lặc	20° 01' 26"	105° 25' 43"					F-48-91-D-d
Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lam Sơn	KX	xã Minh Tiến	H. Ngọc Lặc	20° 00' 24"	105° 24' 45"					F-48-91-D-d
thôn Minh Lập	DC	xã Minh Tiến	H. Ngọc Lặc	20° 00' 34"	105° 25' 41"					F-48-91-D-d
thôn Minh Phong	DC	xã Minh Tiến	H. Ngọc Lặc	20° 01' 31"	105° 24' 22"					F-48-91-D-d
thôn Minh Thanh	DC	xã Minh Tiến	H. Ngọc Lặc	20° 00' 48"	105° 24' 53"					F-48-91-D-d
thôn Minh Thành	DC	xã Minh Tiến	H. Ngọc Lặc	20° 00' 22"	105° 23' 36"					F-48-91-D-d
thôn Phúc Long	DC	xã Minh Tiến	H. Ngọc Lặc	20° 00' 17"	105° 25' 59"					F-48-91-D-d
thôn Thành Phong	DC	xã Minh Tiến	H. Ngọc Lặc	20° 00' 56"	105° 24' 13"					F-48-91-D-d
thôn Thanh Sơn	DC	xã Minh Tiến	H. Ngọc Lặc	20° 01' 09"	105° 24' 41"					F-48-91-D-d
thôn Tiến Sơn	DC	xã Minh Tiến	H. Ngọc Lặc	20° 00' 22"	105° 24' 21"					F-48-91-D-d
thôn Tiểu Tu	DC	xã Minh Tiến	H. Ngọc Lặc	20° 01' 00"	105° 26' 03"					F-48-91-D-d
quốc lộ 15A	KX	xã Mỹ Tân	H. Ngọc Lặc			20° 33' 37"	105° 01' 17"	20° 05' 33"	105° 22' 16"	F-48-91-D-a
Làng Beo	DC	xã Mỹ Tân	H. Ngọc Lặc	20° 05' 11"	105° 20' 24"					F-48-91-D-c
Làng Chả	DC	xã Mỹ Tân	H. Ngọc Lặc	20° 06' 35"	105° 16' 56"					F-48-91-D-c
đồi Chu Ngom	SV	xã Mỹ Tân	H. Ngọc Lặc	20° 06' 07"	105° 19' 33"					F-48-91-D-c
núi Co Bản	SV	xã Mỹ Tân	H. Ngọc Lặc	20° 07' 51"	105° 17' 39"					F-48-91-D-a
hồ Cống Khê	TV	xã Mỹ Tân	H. Ngọc Lặc	20° 04' 53"	105° 20' 34"					F-48-91-D-c
núi Đá Lọn	SV	xã Mỹ Tân	H. Ngọc Lặc	20° 06' 25"	105° 17' 46"					F-48-91-D-c
Đồi Giang	SV	xã Mỹ Tân	H. Ngọc Lặc	20° 07' 20"	105° 16' 26"					F-48-91-D-c
Làng Hạ	DC	xã Mỹ Tân	H. Ngọc Lặc	20° 06' 11"	105° 17' 51"					F-48-91-D-c
Đồi Khê	SV	xã Mỹ Tân	H. Ngọc Lặc	20° 05' 20"	105° 17' 02"					F-48-91-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Làng Mí	DC	xã Mỹ Tân	H. Ngọc Lặc	20° 06' 14"	105° 18' 25"					F-48-91-D-c
Làng Mỏ	DC	xã Mỹ Tân	H. Ngọc Lặc	20° 07' 48"	105° 17' 06"					F-48-91-D-a
Làng Mốc	DC	xã Mỹ Tân	H. Ngọc Lặc	20° 05' 43"	105° 18' 40"					F-48-91-D-c
Làng Mới	DC	xã Mỹ Tân	H. Ngọc Lặc	20° 05' 55"	105° 17' 28"					F-48-91-D-c
Làng Mống	DC	xã Mỹ Tân	H. Ngọc Lặc	20° 07' 09"	105° 17' 34"					F-48-91-D-c
Đồi Mục	SV	xã Mỹ Tân	H. Ngọc Lặc	20° 05' 09"	105° 18' 23"					F-48-91-D-c
Đồi Mùi	SV	xã Mỹ Tân	H. Ngọc Lặc	20° 06' 36"	105° 18' 37"					F-48-91-D-c
Đồi Ngang	SV	xã Mỹ Tân	H. Ngọc Lặc	20° 07' 46"	105° 16' 39"					F-48-91-D-a
Đồi Pan	SV	xã Mỹ Tân	H. Ngọc Lặc	20° 08' 17"	105° 16' 48"					F-48-91-D-a
Đồi Sấn	SV	xã Mỹ Tân	H. Ngọc Lặc	20° 04' 33"	105° 19' 47"					F-48-91-D-c
Làng Thi	DC	xã Mỹ Tân	H. Ngọc Lặc	20° 05' 43"	105° 18' 13"					F-48-91-D-c
Suối Thi	TV	xã Mỹ Tân	H. Ngọc Lặc			20° 05' 47"	105° 19' 05"	20° 05' 19"	105° 20' 02"	F-48-91-D-c
Làng Thượng	DC	xã Mỹ Tân	H. Ngọc Lặc	20° 06' 17"	105° 17' 11"					F-48-91-D-c
Đồi Tô	SV	xã Mỹ Tân	H. Ngọc Lặc	20° 05' 46"	105° 20' 08"					F-48-91-D-c
Làng Vải	DC	xã Mỹ Tân	H. Ngọc Lặc	20° 05' 28"	105° 19' 04"					F-48-91-D-c
Suối Vắt	TV	xã Mỹ Tân	H. Ngọc Lặc			20° 05' 07"	105° 18' 54"	20° 05' 47"	105° 19' 05"	F-48-91-D-c
Đồi Xè	SV	xã Mỹ Tân	H. Ngọc Lặc	20° 05' 56"	105° 17' 04"					F-48-91-D-c
Đồi Xế	SV	xã Mỹ Tân	H. Ngọc Lặc	20° 07' 35"	105° 18' 14"					F-48-91-D-a
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Ngọc Khê	H. Ngọc Lặc			20° 21' 59"	105° 31' 19"	19° 26' 37"	105° 26' 53"	F-48-91-D-c; F-48-91-D-d
quốc lộ 15A	KX	xã Ngọc Khê	H. Ngọc Lặc			20° 33' 37"	105° 01' 17"	20° 05' 33"	105° 22' 16"	F-48-91-D-c
Đồi Bùi	SV	xã Ngọc Khê	H. Ngọc Lặc	20° 05' 12"	105° 23' 33"					F-48-91-D-d
thôn Cao Hoà	DC	xã Ngọc Khê	H. Ngọc Lặc	20° 06' 14"	105° 20' 19"					F-48-91-D-c
thôn Cao Nguyên	DC	xã Ngọc Khê	H. Ngọc Lặc	20° 05' 09"	105° 21' 40"					F-48-91-D-c
thôn Cao Phong	DC	xã Ngọc Khê	H. Ngọc Lặc	20° 05' 21"	105° 23' 13"					F-48-91-D-d
thôn Cao Thượng	DC	xã Ngọc Khê	H. Ngọc Lặc	20° 05' 43"	105° 22' 35"					F-48-91-D-d
thôn Cao Vân	DC	xã Ngọc Khê	H. Ngọc Lặc	20° 06' 31"	105° 19' 51"					F-48-91-D-c
thôn Cao Xuân	DC	xã Ngọc Khê	H. Ngọc Lặc	20° 07' 10"	105° 18' 42"					F-48-91-D-c
thôn Cao Yên	DC	xã Ngọc Khê	H. Ngọc Lặc	20° 05' 46"	105° 20' 58"					F-48-91-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
sông Cầu Chày	TV	xã Ngọc Khê	H. Ngọc Lặc			20° 06' 52"	105° 21' 58"	19° 57' 04"	105° 45' 41"	F-48-91-D-d, F-48-91-D-c
đồi Chu Ngom	SV	xã Ngọc Khê	H. Ngọc Lặc	20° 06' 07"	105° 19' 33"					F-48-91-D-c
Đồi Cồ	SV	xã Ngọc Khê	H. Ngọc Lặc	20° 03' 34"	105° 22' 21"					F-48-91-D-c
đồi Cống Khê	SV	xã Ngọc Khê	H. Ngọc Lặc	20° 04' 31"	105° 21' 53"					F-48-91-D-c
hồ Cống Khê	TV	xã Ngọc Khê	H. Ngọc Lặc	20° 04' 53"	105° 20' 34"					F-48-91-D-c
núi Đá Vàng	SV	xã Ngọc Khê	H. Ngọc Lặc	20° 06' 50"	105° 19' 47"					F-48-91-D-c
thôn Hạ Sơn	DC	xã Ngọc Khê	H. Ngọc Lặc	20° 04' 00"	105° 23' 02"					F-48-91-D-d
Đồi Hùa	SV	xã Ngọc Khê	H. Ngọc Lặc	20° 05' 36"	105° 23' 09"					F-48-91-D-d
thôn Hưng Sơn	DC	xã Ngọc Khê	H. Ngọc Lặc	20° 04' 47"	105° 22' 26"					F-48-91-D-c
Phố Một	DC	xã Ngọc Khê	H. Ngọc Lặc	20° 06' 10"	105° 22' 21"					F-48-91-D-c
Đồi Mu	SV	xã Ngọc Khê	H. Ngọc Lặc	20° 05' 22"	105° 23' 23"					F-48-91-D-d
Núi Mùi	SV	xã Ngọc Khê	H. Ngọc Lặc	20° 06' 36"	105° 18' 37"					F-48-91-D-c
Đồi Ngô	SV	xã Ngọc Khê	H. Ngọc Lặc	20° 06' 18"	105° 21' 48"					F-48-91-D-c
Suối Ngọc	TV	xã Ngọc Khê	H. Ngọc Lặc			20° 05' 00"	105° 21' 14"	20° 05' 21"	105° 22' 39"	F-48-91-D-c, F-48-91-D-d
thôn Ngọc Lan	DC	xã Ngọc Khê	H. Ngọc Lặc	20° 05' 41"	105° 21' 25"					F-48-91-D-c
thôn Ngọc Minh	DC	xã Ngọc Khê	H. Ngọc Lặc	20° 06' 16"	105° 22' 27"					F-48-91-D-c
Thung Nhót	SV	xã Ngọc Khê	H. Ngọc Lặc	20° 04' 52"	105° 23' 16"					F-48-91-D-d
đồi Pheo Vàng	SV	xã Ngọc Khê	H. Ngọc Lặc	20° 05' 51"	105° 22' 47"					F-48-91-D-d
Núi Sắt	SV	xã Ngọc Khê	H. Ngọc Lặc	20° 06' 12"	105° 21' 19"					F-48-91-D-c
Núi Sung	SV	xã Ngọc Khê	H. Ngọc Lặc	20° 03' 52"	105° 21' 34"					F-48-91-D-c
thôn Tân Thành	DC	xã Ngọc Khê	H. Ngọc Lặc	20° 05' 46"	105° 21' 35"					F-48-91-D-c
Đồi Thôn	SV	xã Ngọc Khê	H. Ngọc Lặc	20° 05' 19"	105° 23' 31"					F-48-91-D-d
Núi Tích	SV	xã Ngọc Khê	H. Ngọc Lặc	20° 04' 00"	105° 21' 08"					F-48-91-D-c
Đồi Tô	SV	xã Ngọc Khê	H. Ngọc Lặc	20° 05' 46"	105° 20' 08"					F-48-91-D-c
Núi Xế	SV	xã Ngọc Khê	H. Ngọc Lặc	20° 07' 35"	105° 18' 14"					F-48-91-D-a
thôn 1	DC	xã Ngọc Liên	H. Ngọc Lặc	20° 06' 38"	105° 24' 17"					F-48-91-D-d
thôn 2	DC	xã Ngọc Liên	H. Ngọc Lặc	20° 06' 27"	105° 24' 21"					F-48-91-D-d
thôn 3	DC	xã Ngọc Liên	H. Ngọc Lặc	20° 06' 15"	105° 24' 30"					F-48-91-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn 4	DC	xã Ngọc Liên	H. Ngọc Lặc	20° 06' 04"	105° 23' 43"					F-48-91-D-d
thôn 5	DC	xã Ngọc Liên	H. Ngọc Lặc	20° 06' 06"	105° 24' 42"					F-48-91-D-d
thôn 6	DC	xã Ngọc Liên	H. Ngọc Lặc	20° 06' 03"	105° 24' 58"					F-48-91-D-d
thôn 7	DC	xã Ngọc Liên	H. Ngọc Lặc	20° 05' 48"	105° 24' 49"					F-48-91-D-d
thôn 8	DC	xã Ngọc Liên	H. Ngọc Lặc	20° 05' 38"	105° 25' 30"					F-48-91-D-d
thôn 9	DC	xã Ngọc Liên	H. Ngọc Lặc	20° 05' 49"	105° 25' 46"					F-48-91-D-d
thôn 10	DC	xã Ngọc Liên	H. Ngọc Lặc	20° 05' 56"	105° 26' 05"					F-48-91-D-d
thôn 11	DC	xã Ngọc Liên	H. Ngọc Lặc	20° 06' 17"	105° 25' 33"					F-48-91-D-d
thôn 12	DC	xã Ngọc Liên	H. Ngọc Lặc	20° 06' 33"	105° 25' 39"					F-48-91-D-d
thôn 13	DC	xã Ngọc Liên	H. Ngọc Lặc	20° 06' 46"	105° 25' 46"					F-48-91-D-d
hồ Bai Thanh	TV	xã Ngọc Liên	H. Ngọc Lặc	20° 05' 28"	105° 25' 16"					F-48-91-D-d
đồi Bưởi Đường	SV	xã Ngọc Liên	H. Ngọc Lặc	20° 05' 08"	105° 24' 53"					F-48-91-D-d
Suối Cái	TV	xã Ngọc Liên	H. Ngọc Lặc			20° 07' 35"	105° 25' 08"	20° 06' 31"	105° 25' 16"	F-48-91-D-d
suối Đá Mái	TV	xã Ngọc Liên	H. Ngọc Lặc			20° 06' 23"	105° 26' 38"	20° 05' 38"	105° 26' 28"	F-48-91-D-d
hồ Giếng Thiếng	TV	xã Ngọc Liên	H. Ngọc Lặc	20° 06' 05"	105° 24' 22"					F-48-91-D-d
Sông Hép	TV	xã Ngọc Liên	H. Ngọc Lặc			20° 06' 08"	105° 25' 20"	19° 59' 58"	105° 31' 53"	F-48-91-D-d
đồi Mỏ Giang	SV	xã Ngọc Liên	H. Ngọc Lặc	20° 05' 10"	105° 25' 36"					F-48-91-D-d
Đồi Ngấn	SV	xã Ngọc Liên	H. Ngọc Lặc	20° 05' 33"	105° 25' 02"					F-48-91-D-d
Đồi Nương	SV	xã Ngọc Liên	H. Ngọc Lặc	20° 05' 49"	105° 26' 10"					F-48-91-D-d
Khe Rồng	TV	xã Ngọc Liên	H. Ngọc Lặc			20° 06' 53"	105° 24' 29"	20° 06' 09"	105° 25' 19"	F-48-91-D-d
Đồi Sú	SV	xã Ngọc Liên	H. Ngọc Lặc	20° 05' 34"	105° 24' 26"					F-48-91-D-d
đồi Trò Hoa	SV	xã Ngọc Liên	H. Ngọc Lặc	20° 06' 56"	105° 25' 52"					F-48-91-D-d
đồi Yên Ương	SV	xã Ngọc Liên	H. Ngọc Lặc	20° 06' 36"	105° 26' 43"					F-48-91-D-d
Đồi Bùi	SV	xã Ngọc Sơn	H. Ngọc Lặc	20° 05' 12"	105° 23' 33"					F-48-91-D-d
đồi Bưởi Đường	SV	xã Ngọc Sơn	H. Ngọc Lặc	20° 05' 08"	105° 24' 53"					F-48-91-D-d
đồi Cao Quốc	SV	xã Ngọc Sơn	H. Ngọc Lặc	20° 05' 17"	105° 26' 20"					F-48-91-D-d
đồi Cây Đa	SV	xã Ngọc Sơn	H. Ngọc Lặc	20° 04' 59"	105° 23' 57"					F-48-91-D-d
Núi Đệch	SV	xã Ngọc Sơn	H. Ngọc Lặc	20° 03' 16"	105° 25' 13"					F-48-91-D-d
thôn Điền Sơn 1	DC	xã Ngọc Sơn	H. Ngọc Lặc	20° 05' 00"	105° 23' 47"					F-48-91-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Điền Sơn 2	DC	xã Ngọc Sơn	H. Ngọc Lặc	20° 04' 47"	105° 23' 48"					F-48-91-D-d
thôn Điền Sơn 3	DC	xã Ngọc Sơn	H. Ngọc Lặc	20° 05' 04"	105° 24' 13"					F-48-91-D-d
Sông Hép	TV	xã Ngọc Sơn	H. Ngọc Lặc			20° 06' 08"	105° 25' 20"	19° 59' 58"	105° 31' 53"	F-48-91-D-d
thôn Hoành Sơn	DC	xã Ngọc Sơn	H. Ngọc Lặc	20° 03' 57"	105° 25' 38"					F-48-91-D-d
thôn Kim Thuỷ	DC	xã Ngọc Sơn	H. Ngọc Lặc	20° 04' 23"	105° 24' 29"					F-48-91-D-d
thôn Linh Sơn	DC	xã Ngọc Sơn	H. Ngọc Lặc	20° 04' 00"	105° 25' 10"					F-48-91-D-d
Đồi Ly	SV	xã Ngọc Sơn	H. Ngọc Lặc	20° 04' 21"	105° 24' 33"					F-48-91-D-d
Suối Mạ	TV	xã Ngọc Sơn	H. Ngọc Lặc			20° 04' 01"	105° 25' 17"	20° 02' 40"	105° 26' 48"	F-48-91-D-d
thôn Minh Phong	DC	xã Ngọc Sơn	H. Ngọc Lặc	20° 05' 16"	105° 25' 58"					F-48-91-D-d
thôn Minh Tiến	DC	xã Ngọc Sơn	H. Ngọc Lặc	20° 04' 44"	105° 25' 37"					F-48-91-D-d
đồi Mỏ Giang	SV	xã Ngọc Sơn	H. Ngọc Lặc	20° 05' 10"	105° 25' 36"					F-48-91-D-d
đồi Nhà Thờ	SV	xã Ngọc Sơn	H. Ngọc Lặc	20° 04' 20"	105° 25' 13"					F-48-91-D-d
khe Rừng Mú	TV	xã Ngọc Sơn	H. Ngọc Lặc			20° 04' 26"	105° 24' 43"	20° 04' 01"	105° 25' 17"	F-48-91-D-d
Đồi Sú	SV	xã Ngọc Sơn	H. Ngọc Lặc	20° 05' 34"	105° 24' 26"					F-48-91-D-d
thôn Thanh Sơn	DC	xã Ngọc Sơn	H. Ngọc Lặc	20° 04' 45"	105° 25' 18"					F-48-91-D-d
Đồi Thôn	SV	xã Ngọc Sơn	H. Ngọc Lặc	20° 05' 19"	105° 23' 31"					F-48-91-D-d
thôn Tiền Phong	DC	xã Ngọc Sơn	H. Ngọc Lặc	20° 05' 10"	105° 25' 24"					F-48-91-D-d
đồi Ba Đồi	SV	xã Ngọc Trung	H. Ngọc Lặc	20° 05' 00"	105° 27' 19"					F-48-91-D-d
sông Cầu Chày	TV	xã Ngọc Trung	H. Ngọc Lặc			20° 06' 52"	105° 21' 58"	19° 57' 04"	105° 45' 41"	F-48-91-D-d
Làng Đệch	DC	xã Ngọc Trung	H. Ngọc Lặc	20° 03' 04"	105° 25' 45"					F-48-91-D-d
Núi Đệch	SV	xã Ngọc Trung	H. Ngọc Lặc	20° 03' 16"	105° 25' 13"					F-48-91-D-d
Suối Giành	TV	xã Ngọc Trung	H. Ngọc Lặc			20° 03' 57"	105° 26' 49"	20° 03' 57"	105° 28' 44"	F-48-91-D-d
Sông Hép	TV	xã Ngọc Trung	H. Ngọc Lặc			20° 06' 08"	105° 25' 20"	19° 59' 58"	105° 31' 53"	F-48-91-D-d
Làng Lươn	DC	xã Ngọc Trung	H. Ngọc Lặc	20° 03' 12"	105° 26' 16"					F-48-91-D-d
Suối Mạ	TV	xã Ngọc Trung	H. Ngọc Lặc			20° 04' 01"	105° 25' 17"	20° 02' 40"	105° 26' 48"	F-48-91-D-d
thôn Minh Lâm	DC	xã Ngọc Trung	H. Ngọc Lặc	20° 02' 35"	105° 27' 15"					F-48-91-D-d
thôn Minh Thành	DC	xã Ngọc Trung	H. Ngọc Lặc	20° 03' 31"	105° 26' 00"					F-48-91-D-d
thôn Minh Xuân	DC	xã Ngọc Trung	H. Ngọc Lặc	20° 02' 57"	105° 25' 52"					F-48-91-D-d
thôn Ngọc Tân	DC	xã Ngọc Trung	H. Ngọc Lặc	20° 04' 05"	105° 26' 51"					F-48-91-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Quang Thành	DC	xã Ngọc Trung	H. Ngọc Lặc	20° 02' 51"	105° 26' 19"					F-48-91-D-d
thôn Tân Mỹ	DC	xã Ngọc Trung	H. Ngọc Lặc	20° 04' 34"	105° 26' 53"					F-48-91-D-d
Đồi Tát	SV	xã Ngọc Trung	H. Ngọc Lặc	20° 03' 18"	105° 25' 48"					F-48-91-D-d
thôn Thọ Phú	DC	xã Ngọc Trung	H. Ngọc Lặc	20° 03' 27"	105° 26' 39"					F-48-91-D-d
Làng Trẩy	DC	xã Ngọc Trung	H. Ngọc Lặc	20° 03' 53"	105° 26' 15"					F-48-91-D-d
Đồi Tròn	SV	xã Ngọc Trung	H. Ngọc Lặc	20° 02' 53"	105° 26' 06"					F-48-91-D-d
Làng Tròn	DC	xã Ngọc Trung	H. Ngọc Lặc	20° 02' 45"	105° 26' 14"					F-48-91-D-d
Đồi Voạ	SV	xã Ngọc Trung	H. Ngọc Lặc	20° 03' 04"	105° 25' 55"					F-48-91-D-d
thôn Xuân Minh	DC	xã Ngọc Trung	H. Ngọc Lặc	20° 04' 10"	105° 26' 12"					F-48-91-D-d
thôn Yên Thắng	DC	xã Ngọc Trung	H. Ngọc Lặc	20° 03' 37"	105° 27' 15"					F-48-91-D-d
đồi Bái Dài	SV	xã Nguyệt Ấn	H. Ngọc Lặc	19° 57' 30"	105° 21' 14"					E-48-7-B-a
đồi Bái Trồng	SV	xã Nguyệt Ấn	H. Ngọc Lặc	19° 57' 52"	105° 20' 36"					E-48-7-B-a
làng Bảng Lảng	DC	xã Nguyệt Ấn	H. Ngọc Lặc	19° 59' 51"	105° 20' 34"					E-48-7-B-a
Suối Cái	TV	xã Nguyệt Ấn	H. Ngọc Lặc			19° 58' 23"	105° 21' 32"	19° 57' 46"	105° 23' 43"	E-48-7-B-a
Suối Cồn	TV	xã Nguyệt Ấn	H. Ngọc Lặc			19° 57' 36"	105° 21' 29"	19° 56' 12"	105° 23' 24"	E-48-7-B-a
núi Đằng Đằng	SV	xã Nguyệt Ấn	H. Ngọc Lặc	19° 58' 34"	105° 19' 15"					E-48-7-B-a
làng Đội 4	DC	xã Nguyệt Ấn	H. Ngọc Lặc	19° 59' 51"	105° 20' 42"					E-48-7-B-a
làng Đồng Cạn	DC	xã Nguyệt Ấn	H. Ngọc Lặc	19° 57' 14"	105° 21' 44"					E-48-7-B-a
làng Đồng Đang	DC	xã Nguyệt Ấn	H. Ngọc Lặc	19° 58' 18"	105° 22' 19"					E-48-7-B-a
làng Đồng Thuận	DC	xã Nguyệt Ấn	H. Ngọc Lặc	19° 58' 27"	105° 20' 18"					E-48-7-B-a
làng Đồng Trại	DC	xã Nguyệt Ấn	H. Ngọc Lặc	19° 58' 55"	105° 20' 33"					E-48-7-B-a
Đồi Dụn	SV	xã Nguyệt Ấn	H. Ngọc Lặc	19° 57' 28"	105° 22' 11"					E-48-7-B-a
Làng Keo	DC	xã Nguyệt Ấn	H. Ngọc Lặc	19° 57' 35"	105° 21' 25"					E-48-7-B-a
làng Khe Ba	DC	xã Nguyệt Ấn	H. Ngọc Lặc	19° 58' 05"	105° 21' 53"					E-48-7-B-a
làng Liên Cơ 1	DC	xã Nguyệt Ấn	H. Ngọc Lặc	19° 58' 35"	105° 20' 48"					E-48-7-B-a
làng Liên Cơ 2	DC	xã Nguyệt Ấn	H. Ngọc Lặc	19° 58' 31"	105° 20' 54"					E-48-7-B-a
làng Liên Cơ 3	DC	xã Nguyệt Ấn	H. Ngọc Lặc	19° 58' 29"	105° 20' 56"					E-48-7-B-a
làng Lương Bình	DC	xã Nguyệt Ấn	H. Ngọc Lặc	19° 58' 23"	105° 19' 42"					E-48-7-B-a
làng Minh Thạch	DC	xã Nguyệt Ấn	H. Ngọc Lặc	19° 58' 11"	105° 20' 42"					E-48-7-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Làng Mới	DC	xã Nguyệt Ấn	H. Ngọc Lặc	19° 59' 14"	105° 20' 21"					E-48-7-B-a
làng Môn Tía	DC	xã Nguyệt Ấn	H. Ngọc Lặc	19° 59' 26"	105° 22' 17"					E-48-7-B-a
Làng Mót	DC	xã Nguyệt Ấn	H. Ngọc Lặc	19° 59' 05"	105° 21' 24"					E-48-7-B-a
Suối Nam	TV	xã Nguyệt Ấn	H. Ngọc Lặc			19° 59' 23"	105° 22' 18"	19° 58' 55"	105° 23' 17"	E-48-7-B-a, E-48-7-B-b
Làng Nán	DC	xã Nguyệt Ấn	H. Ngọc Lặc	19° 58' 19"	105° 21' 15"					E-48-7-B-a
Làng Pheo	DC	xã Nguyệt Ấn	H. Ngọc Lặc	19° 59' 27"	105° 21' 59"					E-48-7-B-a
Suối Pheo	TV	xã Nguyệt Ấn	H. Ngọc Lặc			19° 58' 57"	105° 20' 38"	19° 59' 12"	105° 18' 29"	E-48-7-B-a
Làng Rềnh	DC	xã Nguyệt Ấn	H. Ngọc Lặc	19° 59' 09"	105° 20' 14"					E-48-7-B-a
Suối Rềnh	TV	xã Nguyệt Ấn	H. Ngọc Lặc			19° 59' 21"	105° 20' 02"	19° 58' 57"	105° 19' 30"	E-48-7-B-a
Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Sông Âm	KX	xã Nguyệt Ấn	H. Ngọc Lặc	19° 58' 36"	105° 21' 25"					E-48-7-B-a
Đồi Sú	SV	xã Nguyệt Ấn	H. Ngọc Lặc	19° 57' 41"	105° 22' 01"					E-48-7-B-a
Làng Thé	DC	xã Nguyệt Ấn	H. Ngọc Lặc	19° 58' 03"	105° 22' 16"					E-48-7-B-a
đồi Tổng Hổng	SV	xã Nguyệt Ấn	H. Ngọc Lặc	19° 57' 46"	105° 19' 52"					E-48-7-B-a
Làng Tường	DC	xã Nguyệt Ấn	H. Ngọc Lặc	19° 58' 18"	105° 21' 31"					E-48-7-B-a
Làng Ươu	DC	xã Nguyệt Ấn	H. Ngọc Lặc	19° 58' 53"	105° 21' 00"					E-48-7-B-a
Làng Xăm	DC	xã Nguyệt Ấn	H. Ngọc Lặc	19° 59' 23"	105° 20' 44"					E-48-7-B-a
Sông Âm	TV	xã Phúc Thịnh	H. Ngọc Lặc			20° 13' 16"	105° 06' 53"	19° 55' 29"	105° 22' 16"	E-48-7-B-a
Làng Bái	DC	xã Phúc Thịnh	H. Ngọc Lặc	19° 57' 01"	105° 21' 51"					E-48-7-B-a
đồi Bái Dài	SV	xã Phúc Thịnh	H. Ngọc Lặc	19° 57' 30"	105° 21' 14"					E-48-7-B-a
đồi Bái Trồng	SV	xã Phúc Thịnh	H. Ngọc Lặc	19° 57' 52"	105° 20' 36"					E-48-7-B-a
Làng Bào	DC	xã Phúc Thịnh	H. Ngọc Lặc	19° 57' 23"	105° 22' 27"					E-48-7-B-a
Sông Cái	TV	xã Phúc Thịnh	H. Ngọc Lặc			19° 58' 23"	105° 21' 32"	19° 57' 46"	105° 23' 43"	E-48-7-B-a
đồi Cây Ngấy	SV	xã Phúc Thịnh	H. Ngọc Lặc	19° 56' 07"	105° 21' 18"					E-48-7-B-a
đồi Cây Trám	SV	xã Phúc Thịnh	H. Ngọc Lặc	19° 56' 10"	105° 23' 01"					E-48-7-B-b
Núi Chu	SV	xã Phúc Thịnh	H. Ngọc Lặc	19° 56' 40"	105° 20' 45"					E-48-7-B-a
Sông Chu	TV	xã Phúc Thịnh	H. Ngọc Lặc			19° 55' 20"	105° 07' 59"	19° 53' 02"	105° 45' 23"	E-48-7-B-b, E-48-7-B-a
làng Cò Mót	DC	xã Phúc Thịnh	H. Ngọc Lặc	19° 56' 45"	105° 22' 21"					E-48-7-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Sông Cồn	TV	xã Phúc Thịnh	H. Ngọc Lặc			19° 57' 36"	105° 21' 29"	19° 56' 12"	105° 23' 24"	E-48-7-B-a, E-48-7-B-b
Đồi Đá	SV	xã Phúc Thịnh	H. Ngọc Lặc	19° 57' 06"	105° 23' 11"					E-48-7-B-b
Đồi Dụn	SV	xã Phúc Thịnh	H. Ngọc Lặc	19° 57' 28"	105° 22' 11"					E-48-7-B-a
Làng Miềng	DC	xã Phúc Thịnh	H. Ngọc Lặc	19° 55' 48"	105° 22' 15"					E-48-7-B-a
Núi Miềng	SV	xã Phúc Thịnh	H. Ngọc Lặc	19° 55' 55"	105° 21' 53"					E-48-7-B-a
làng Ngã Ba	DC	xã Phúc Thịnh	H. Ngọc Lặc	19° 57' 16"	105° 20' 26"					E-48-7-B-a
đồi Ngọc Kéo	SV	xã Phúc Thịnh	H. Ngọc Lặc	19° 57' 27"	105° 19' 54"					E-48-7-B-a
Núi Nhượng	SV	xã Phúc Thịnh	H. Ngọc Lặc	19° 56' 52"	105° 22' 45"					E-48-7-B-b
Núi Phiến	SV	xã Phúc Thịnh	H. Ngọc Lặc	19° 56' 28"	105° 21' 09"					E-48-7-B-a
Làng Quên	DC	xã Phúc Thịnh	H. Ngọc Lặc	19° 57' 00"	105° 21' 20"					E-48-7-B-a
Làng Sòng	DC	xã Phúc Thịnh	H. Ngọc Lặc	19° 56' 34"	105° 21' 36"					E-48-7-B-a
Đồi Sú	SV	xã Phúc Thịnh	H. Ngọc Lặc	19° 57' 41"	105° 22' 01"					E-48-7-B-a
đồi Tổng Hổng	SV	xã Phúc Thịnh	H. Ngọc Lặc	19° 57' 46"	105° 19' 52"					E-48-7-B-a
Làng Trạc	DC	xã Phúc Thịnh	H. Ngọc Lặc	19° 57' 10"	105° 20' 52"					E-48-7-B-a
Sông Âm	TV	xã Phùng Giáo	H. Ngọc Lặc			20° 13' 16"	105° 06' 53"	19° 55' 29"	105° 22' 16"	E-48-7-B-a, F-48-91-D-c
Làng Bằng	DC	xã Phùng Giáo	H. Ngọc Lặc	19° 59' 00"	105° 18' 34"					E-48-7-B-a
Làng Bứa	DC	xã Phùng Giáo	H. Ngọc Lặc	20° 00' 00"	105° 19' 46"					E-48-7-B-a
Đồi Bùi	SV	xã Phùng Giáo	H. Ngọc Lặc	20° 01' 33"	105° 20' 28"					F-48-91-D-c
Làng Chầm	DC	xã Phùng Giáo	H. Ngọc Lặc	19° 59' 59"	105° 18' 53"					E-48-7-B-a
Đồi Chan	SV	xã Phùng Giáo	H. Ngọc Lặc	20° 01' 22"	105° 19' 48"					F-48-91-D-c
Làng Chuối	DC	xã Phùng Giáo	H. Ngọc Lặc	19° 59' 21"	105° 19' 08"					E-48-7-B-a
núi Đằng Đằng	SV	xã Phùng Giáo	H. Ngọc Lặc	19° 58' 34"	105° 19' 15"					E-48-7-B-a
Làng Lau	DC	xã Phùng Giáo	H. Ngọc Lặc	20° 00' 12"	105° 19' 25"					F-48-91-D-c
Suối Lau	TV	xã Phùng Giáo	H. Ngọc Lặc			20° 00' 45"	105° 19' 52"	19° 59' 47"	105° 18' 40"	F-48-91-D-c, E-48-7-B-a
Làng Môn	DC	xã Phùng Giáo	H. Ngọc Lặc	19° 58' 47"	105° 17' 58"					E-48-7-B-a
Suối Pheo	TV	xã Phùng Giáo	H. Ngọc Lặc			19° 58' 57"	105° 20' 38"	19° 59' 12"	105° 18' 29"	E-48-7-B-a
làng Phùng Sơn	DC	xã Phùng Giáo	H. Ngọc Lặc	20° 00' 57"	105° 20' 13"					F-48-91-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Suối Rềnh	TV	xã Phùng Giáo	H. Ngọc Lặc			19° 59' 21"	105° 20' 02"	19° 58' 57"	105° 19' 30"	E-48-7-B-a
làng Rộc Mơ	DC	xã Phùng Giáo	H. Ngọc Lặc	19° 58' 45"	105° 18' 30"					E-48-7-B-a
làng Tân Thành	DC	xã Phùng Giáo	H. Ngọc Lặc	19° 59' 06"	105° 19' 08"					E-48-7-B-a
Đồi Thiềng	SV	xã Phùng Giáo	H. Ngọc Lặc	19° 59' 33"	105° 19' 22"					E-48-7-B-a
Sông Âm	TV	xã Phùng Minh	H. Ngọc Lặc			20° 13' 16"	105° 06' 53"	19° 55' 29"	105° 22' 16"	E-48-7-B-a
đồi Cây Ngẫy	SV	xã Phùng Minh	H. Ngọc Lặc	19° 56' 07"	105° 21' 18"					E-48-7-B-a
Làng Chu	DC	xã Phùng Minh	H. Ngọc Lặc	19° 56' 13"	105° 20' 42"					E-48-7-B-a
Núi Chu	SV	xã Phùng Minh	H. Ngọc Lặc	19° 56' 40"	105° 20' 45"					E-48-7-B-a
Làng Cốc	DC	xã Phùng Minh	H. Ngọc Lặc	19° 56' 46"	105° 19' 51"					E-48-7-B-a
núi Đẳng Đẳng	SV	xã Phùng Minh	H. Ngọc Lặc	19° 58' 34"	105° 19' 15"					E-48-7-B-a
Hón Dường	TV	xã Phùng Minh	H. Ngọc Lặc			20° 00' 30	105° 15' 04"	19° 56' 50"	105° 19' 16"	E-48-7-B-a
Hồ Hạ	TV	xã Phùng Minh	H. Ngọc Lặc	19° 57' 33"	105° 19' 41"					E-48-7-B-a
Làng Hạ	DC	xã Phùng Minh	H. Ngọc Lặc	19° 57' 14"	105° 19' 30"					E-48-7-B-a
Làng Lãi	DC	xã Phùng Minh	H. Ngọc Lặc	19° 57' 37"	105° 18' 51"					E-48-7-B-a
Suối Lãi	TV	xã Phùng Minh	H. Ngọc Lặc			19° 58' 08"	105° 17' 42"	19° 58' 06"	105° 18' 43"	E-48-7-B-a
Núi Miềng	SV	xã Phùng Minh	H. Ngọc Lặc	19° 55' 55"	105° 21' 53"					E-48-7-B-a
làng Minh Tân	DC	xã Phùng Minh	H. Ngọc Lặc	19° 57' 41"	105° 19' 25"					E-48-7-B-a
Làng Mui	DC	xã Phùng Minh	H. Ngọc Lặc	19° 57' 03"	105° 19' 02"					E-48-7-B-a
đồi Ngọc Kéo	SV	xã Phùng Minh	H. Ngọc Lặc	19° 57' 27"	105° 19' 54"					E-48-7-B-a
Núi Phiến	SV	xã Phùng Minh	H. Ngọc Lặc	19° 56' 28"	105° 21' 09"					E-48-7-B-a
Làng Quỳ	DC	xã Phùng Minh	H. Ngọc Lặc	19° 58' 06"	105° 19' 23"					E-48-7-B-a
làng Tân Lập	DC	xã Phùng Minh	H. Ngọc Lặc	19° 58' 19"	105° 18' 42"					E-48-7-B-a
Làng Thượng	DC	xã Phùng Minh	H. Ngọc Lặc	19° 57' 50"	105° 19' 33"					E-48-7-B-a
đồi Tổng Hổng	SV	xã Phùng Minh	H. Ngọc Lặc	19° 57' 46"	105° 19' 52"					E-48-7-B-a
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Quang Trung	H. Ngọc Lặc			20° 21' 59"	105° 31' 19"	19° 26' 37"	105° 26' 53"	F-48-91-D-b, F-48-91-D-d
hồ Bai Manh	TV	xã Quang Trung	H. Ngọc Lặc	20° 07' 45"	105° 24' 54"					F-48-91-D-b
Suối Cái	TV	xã Quang Trung	H. Ngọc Lặc			20° 07' 35"	105° 25' 08"	20° 06' 31"	105° 25' 16"	F-48-91-D-d
đồi Đào Đất	SV	xã Quang Trung	H. Ngọc Lặc	20° 08' 19"	105° 26' 01"					F-48-91-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Đồi Giếng	SV	xã Quang Trung	H. Ngọc Lặc	20° 09' 15"	105° 24' 59"					F-48-91-D-b
làng Quang Bái	DC	xã Quang Trung	H. Ngọc Lặc	20° 07' 52"	105° 24' 35"					F-48-91-D-b
làng Quang Hoà	DC	xã Quang Trung	H. Ngọc Lặc	20° 06' 56"	105° 24' 09"					F-48-91-D-d
làng Quang Hợp	DC	xã Quang Trung	H. Ngọc Lặc	20° 07' 46"	105° 23' 22"					F-48-91-D-b
làng Quang Hưng	DC	xã Quang Trung	H. Ngọc Lặc	20° 06' 41"	105° 23' 06"					F-48-91-D-d
làng Quang Lộc	DC	xã Quang Trung	H. Ngọc Lặc	20° 07' 32"	105° 23' 33"					F-48-91-D-b
làng Quang Lưu	DC	xã Quang Trung	H. Ngọc Lặc	20° 08' 09"	105° 23' 07"					F-48-91-D-b
làng Quang Phú	DC	xã Quang Trung	H. Ngọc Lặc	20° 07' 37"	105° 24' 35"					F-48-91-D-b
làng Quang Phúc	DC	xã Quang Trung	H. Ngọc Lặc	20° 08' 11"	105° 23' 44"					F-48-91-D-b
làng Quang Sơn	DC	xã Quang Trung	H. Ngọc Lặc	20° 08' 56"	105° 23' 36"					F-48-91-D-b
làng Quang Sơn	DC	xã Quang Trung	H. Ngọc Lặc	20° 08' 33"	105° 24' 30"					F-48-91-D-b
làng Quang Thái Bình	DC	xã Quang Trung	H. Ngọc Lặc	20° 08' 31"	105° 25' 20"					F-48-91-D-b
làng Quang Thắng	DC	xã Quang Trung	H. Ngọc Lặc	20° 08' 33"	105° 24' 30"					F-48-91-D-b
làng Quang Thọ	DC	xã Quang Trung	H. Ngọc Lặc	20° 08' 18"	105° 24' 40"					F-48-91-D-b
làng Quang Thuận	DC	xã Quang Trung	H. Ngọc Lặc	20° 07' 09"	105° 23' 52"					F-48-91-D-d
làng Quang Thuỷ	DC	xã Quang Trung	H. Ngọc Lặc	20° 08' 44"	105° 23' 00"					F-48-91-D-b
làng Quang Tiến	DC	xã Quang Trung	H. Ngọc Lặc	20° 07' 46"	105° 24' 03"					F-48-91-D-b
làng Quang Toạ	DC	xã Quang Trung	H. Ngọc Lặc	20° 08' 02"	105° 24' 19"					F-48-91-D-b
phố Quang Trung 1	DC	xã Quang Trung	H. Ngọc Lặc	20° 07' 00"	105° 22' 46"					F-48-91-D-d
làng Quang Vinh	DC	xã Quang Trung	H. Ngọc Lặc	20° 07' 17"	105° 24' 43"					F-48-91-D-d
Làng Ràm	DC	xã Quang Trung	H. Ngọc Lặc	20° 07' 48"	105° 23' 41"					F-48-91-D-b
Đồi Tô	SV	xã Quang Trung	H. Ngọc Lặc	20° 09' 00"	105° 25' 31"					F-48-91-D-b
làng Bình Sơn	DC	xã Thạch Lập	H. Ngọc Lặc	20° 09' 45"	105° 20' 53"					F-48-91-D-a
núi Bò Lăn	SV	xã Thạch Lập	H. Ngọc Lặc	20° 11' 12"	105° 16' 08"					F-48-91-D-a
làng Cao Sơn	DC	xã Thạch Lập	H. Ngọc Lặc	20° 09' 54"	105° 19' 51"					F-48-91-D-a
Đồi Chao	SV	xã Thạch Lập	H. Ngọc Lặc	20° 09' 48"	105° 18' 03"					F-48-91-D-a
đồi Chi Vi	SV	xã Thạch Lập	H. Ngọc Lặc	20° 08' 17"	105° 21' 58"					F-48-91-D-a
Suối Cụt	TV	xã Thạch Lập	H. Ngọc Lặc			20° 10' 41"	105° 19' 06"	20° 09' 06"	105° 20' 43"	F-48-91-D-a
núi Đá Song	SV	xã Thạch Lập	H. Ngọc Lặc	20° 09' 48"	105° 17' 01"					F-48-91-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Đồi Đèn	SV	xã Thạch Lập	H. Ngọc Lặc	20° 11' 51"	105° 18' 10"					F-48-91-D-a
làng Đô Quăn	DC	xã Thạch Lập	H. Ngọc Lặc	20° 09' 49"	105° 19' 04"					F-48-91-D-a
làng Đô Sơn	DC	xã Thạch Lập	H. Ngọc Lặc	20° 10' 30"	105° 17' 43"					F-48-91-D-a
làng Đô Ung	DC	xã Thạch Lập	H. Ngọc Lặc	20° 09' 41"	105° 21' 03"					F-48-91-D-a
Đồi Hích	SV	xã Thạch Lập	H. Ngọc Lặc	20° 11' 14"	105° 20' 18"					F-48-91-D-a
làng Lập Thắng	DC	xã Thạch Lập	H. Ngọc Lặc	20° 09' 36"	105° 20' 25"					F-48-91-D-a
làng Lương Ngô	DC	xã Thạch Lập	H. Ngọc Lặc	20° 09' 30"	105° 22' 35"					F-48-91-D-b
làng Lương Thiện	DC	xã Thạch Lập	H. Ngọc Lặc	20° 08' 20"	105° 22' 16"					F-48-91-D-a
làng Lương Thuận	DC	xã Thạch Lập	H. Ngọc Lặc	20° 09' 54"	105° 20' 14"					F-48-91-D-a
làng Minh Tiến	DC	xã Thạch Lập	H. Ngọc Lặc	20° 09' 09"	105° 21' 39"					F-48-91-D-a
Đồi Ngang	SV	xã Thạch Lập	H. Ngọc Lặc	20° 08' 23"	105° 21' 13"					F-48-91-D-a
núi Pưa Dấn	SV	xã Thạch Lập	H. Ngọc Lặc	20° 11' 25"	105° 18' 09"					F-48-91-D-a
Đồi Quăn	SV	xã Thạch Lập	H. Ngọc Lặc	20° 09' 12"	105° 19' 35"					F-48-91-D-a
Hang Sáo	SV	xã Thạch Lập	H. Ngọc Lặc	20° 12' 41"	105° 15' 15"					F-48-91-D-a
làng Tân Lập	DC	xã Thạch Lập	H. Ngọc Lặc	20° 08' 55"	105° 21' 38"					F-48-91-D-a
làng Tân Thành	DC	xã Thạch Lập	H. Ngọc Lặc	20° 09' 28"	105° 21' 47"					F-48-91-D-a
làng Thạch Yến	DC	xã Thạch Lập	H. Ngọc Lặc	20° 08' 48"	105° 21' 56"					F-48-91-D-a
núi Thung Chon	SV	xã Thạch Lập	H. Ngọc Lặc	20° 08' 52"	105° 18' 40"					F-48-91-D-a
Pu Tiên	SV	xã Thạch Lập	H. Ngọc Lặc	20° 10' 25"	105° 23' 06"					F-48-91-D-b
làng Trốc Trang	DC	xã Thạch Lập	H. Ngọc Lặc	20° 09' 59"	105° 17' 37"					F-48-91-D-a
Pu Trong	SV	xã Thạch Lập	H. Ngọc Lặc	20° 11' 43"	105° 16' 18"					F-48-91-D-a
Suối Trong	TV	xã Thạch Lập	H. Ngọc Lặc			20° 12' 12"	105° 16' 07"	20° 09' 48"	105° 18' 58"	F-48-91-D-a
làng Trường Sơn	DC	xã Thạch Lập	H. Ngọc Lặc	20° 09' 57"	105° 20' 47"					F-48-91-D-a
Đồi Ung	SV	xã Thạch Lập	H. Ngọc Lặc	20° 10' 54"	105° 21' 06"					F-48-91-D-a
Đồi Vót	SV	xã Thạch Lập	H. Ngọc Lặc	20° 10' 57"	105° 18' 15"					F-48-91-D-a
suối Vùng Thang	TV	xã Thạch Lập	H. Ngọc Lặc			20° 09' 06"	105° 20' 43"	20° 06' 52"	105° 21' 58"	F-48-91-D-a
làng Xuân Chính	DC	xã Thạch Lập	H. Ngọc Lặc	20° 08' 51"	105° 22' 03"					F-48-91-D-a
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Thúy Sơn	H. Ngọc Lặc			20° 21' 59"	105° 31' 19"	19° 26' 37"	105° 26' 53"	F-48-91-D-d
thôn Bình Sơn	DC	xã Thúy Sơn	H. Ngọc Lặc	20° 07' 45"	105° 20' 59"					F-48-91-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
núi Bù Bằng	SV	xã Thúy Sơn	H. Ngọc Lặc	20° 09' 10"	105° 17' 00"					F-48-91-D-a
núi Bù Tôn	SV	xã Thúy Sơn	H. Ngọc Lặc	20° 08' 30"	105° 20' 02"					F-48-91-D-a
thôn Cao Sơn	DC	xã Thúy Sơn	H. Ngọc Lặc	20° 08' 35"	105° 16' 53"					F-48-91-D-a
sông Cầu Chày	TV	xã Thúy Sơn	H. Ngọc Lặc			20° 06' 52"	105° 21' 58"	19° 57' 04"	105° 45' 41"	F-48-91-D-c
đồi Chi Vi	SV	xã Thúy Sơn	H. Ngọc Lặc	20° 08' 17"	105° 21' 58"					F-48-91-D-a
núi Co Bản	SV	xã Thúy Sơn	H. Ngọc Lặc	20° 07' 51"	105° 17' 39"					F-48-91-D-a
núi Đá Lăn	SV	xã Thúy Sơn	H. Ngọc Lặc	20° 08' 35"	105° 16' 34"					F-48-91-D-a
núi Đá Song	SV	xã Thúy Sơn	H. Ngọc Lặc	20° 09' 48"	105° 17' 01"					F-48-91-D-a
núi Đá Vàng	SV	xã Thúy Sơn	H. Ngọc Lặc	20° 06' 50"	105° 19' 47"					F-48-91-D-c
thôn Đồng Sơn	DC	xã Thúy Sơn	H. Ngọc Lặc	20° 07' 59"	105° 18' 08"					F-48-91-D-a
thôn Giang Sơn	DC	xã Thúy Sơn	H. Ngọc Lặc	20° 07' 34"	105° 22' 19"					F-48-91-D-d
thôn Hoa Sơn	DC	xã Thúy Sơn	H. Ngọc Lặc	20° 08' 14"	105° 17' 33"					F-48-91-D-a
thôn Hồng Sơn	DC	xã Thúy Sơn	H. Ngọc Lặc	20° 06' 28"	105° 22' 03"					F-48-91-D-c
thôn Lương Sơn	DC	xã Thúy Sơn	H. Ngọc Lặc	20° 07' 16"	105° 21' 26"					F-48-91-D-c
Đồi Ngang	SV	xã Thúy Sơn	H. Ngọc Lặc	20° 08' 23"	105° 21' 13"					F-48-91-D-a
Đồi Ngô	SV	xã Thúy Sơn	H. Ngọc Lặc	20° 06' 18"	105° 21' 48"					F-48-91-D-c
thôn Ngọc Sơn	DC	xã Thúy Sơn	H. Ngọc Lặc	20° 06' 46"	105° 22' 16"					F-48-91-D-c
Đồi Pan	SV	xã Thúy Sơn	H. Ngọc Lặc	20° 08' 17"	105° 16' 48"					F-48-91-D-a
thôn Phú Sơn	DC	xã Thúy Sơn	H. Ngọc Lặc	20° 07' 55"	105° 20' 46"					F-48-91-D-a
Núi Sắt	SV	xã Thúy Sơn	H. Ngọc Lặc	20° 06' 12"	105° 21' 19"					F-48-91-D-c
thôn Tam Đồng	DC	xã Thúy Sơn	H. Ngọc Lặc	20° 08' 20"	105° 18' 55"					F-48-91-D-a
thôn Thanh Sơn	DC	xã Thúy Sơn	H. Ngọc Lặc	20° 07' 28"	105° 21' 15"					F-48-91-D-c
núi Thung Chon	SV	xã Thúy Sơn	H. Ngọc Lặc	20° 08' 52"	105° 18' 40"					F-48-91-D-a
thôn Trung Sơn	DC	xã Thúy Sơn	H. Ngọc Lặc	20° 08' 00"	105° 19' 33"					F-48-91-D-a
thôn Vân Sơn	DC	xã Thúy Sơn	H. Ngọc Lặc	20° 07' 23"	105° 21' 58"					F-48-91-D-c
suối Vùng Thang	TV	xã Thúy Sơn	H. Ngọc Lặc			20° 09' 06"	105° 20' 43"	20° 06' 52"	105° 21' 58"	F-48-91-D-a
Núi Xế	SV	xã Thúy Sơn	H. Ngọc Lặc	20° 07' 35"	105° 18' 14"					F-48-91-D-a
thôn Xuân Sơn	DC	xã Thúy Sơn	H. Ngọc Lặc	20° 06' 49"	105° 22' 23"					F-48-91-D-c
đồi Bái Cong	SV	xã Vân Am	H. Ngọc Lặc	20° 03' 00"	105° 19' 48"					F-48-91-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Làng Âm	DC	xã Vân Am	H. Ngọc Lặc	20° 02' 05"	105° 18' 13"					F-48-91-D-c
Sông Âm	TV	xã Vân Am	H. Ngọc Lặc			20° 13' 16"	105° 06' 53"	19° 55' 29"	105° 22' 16"	F-48-91-D-c
Làng Bà	DC	xã Vân Am	H. Ngọc Lặc	20° 01' 05"	105° 17' 38"					F-48-91-D-c
Suối Bà	TV	xã Vân Am	H. Ngọc Lặc			20° 00' 23"	105° 16' 43"	20° 00' 24"	105° 18' 25"	F-48-91-D-c
làng Ba Nhà	DC	xã Vân Am	H. Ngọc Lặc	20° 02' 17"	105° 17' 29"					F-48-91-D-c
đồi Bái Đập	SV	xã Vân Am	H. Ngọc Lặc	20° 02' 49"	105° 20' 08"					F-48-91-D-c
đồi Bái Gió	SV	xã Vân Am	H. Ngọc Lặc	20° 02' 36"	105° 20' 41"					F-48-91-D-c
Làng Bên	DC	xã Vân Am	H. Ngọc Lặc	20° 03' 46"	105° 18' 12"					F-48-91-D-c
Đồi Bùi	SV	xã Vân Am	H. Ngọc Lặc	20° 01' 33"	105° 20' 28"					F-48-91-D-c
Đồi Bưởi	SV	xã Vân Am	H. Ngọc Lặc	20° 02' 22"	105° 21' 03"					F-48-91-D-c
Hón Cáo	TV	xã Vân Am	H. Ngọc Lặc			20° 02' 52"	105° 17' 06"	20° 02' 56"	105° 17' 42"	F-48-91-D-c
đồi Cây Trám	SV	xã Vân Am	H. Ngọc Lặc	20° 00' 33"	105° 16' 40"					F-48-91-D-c
Đồi Chan	SV	xã Vân Am	H. Ngọc Lặc	20° 01' 22"	105° 19' 48"					F-48-91-D-c
Đồi Chùa	SV	xã Vân Am	H. Ngọc Lặc	20° 04' 53"	105° 16' 53"					F-48-91-D-c
Đồi Cối	SV	xã Vân Am	H. Ngọc Lặc	20° 04' 05"	105° 17' 38"					F-48-91-D-c
Làng Đắm	DC	xã Vân Am	H. Ngọc Lặc	20° 02' 50"	105° 17' 59"					F-48-91-D-c
Làng Đóng	DC	xã Vân Am	H. Ngọc Lặc	20° 03' 11"	105° 16' 52"					F-48-91-D-c
Núi Dụn	SV	xã Vân Am	H. Ngọc Lặc	20° 03' 26"	105° 18' 42"					F-48-91-D-c
Đồi Giang	SV	xã Vân Am	H. Ngọc Lặc	20° 03' 29"	105° 17' 49"					F-48-91-D-c
Giới Hạ	DC	xã Vân Am	H. Ngọc Lặc	20° 03' 40"	105° 17' 39"					F-48-91-D-c
đồi Ke Re	SV	xã Vân Am	H. Ngọc Lặc	20° 03' 10"	105° 19' 33"					F-48-91-D-c
Đồi Khế	SV	xã Vân Am	H. Ngọc Lặc	20° 05' 20"	105° 17' 02"					F-48-91-D-c
đồi Lèn Buông	SV	xã Vân Am	H. Ngọc Lặc	20° 01' 14"	105° 17' 09"					F-48-91-D-c
Làng Liếu	DC	xã Vân Am	H. Ngọc Lặc	20° 02' 35"	105° 19' 01"					F-48-91-D-c
Suối Liếu	TV	xã Vân Am	H. Ngọc Lặc			20° 02' 49"	105° 19' 12"	20° 02' 20"	105° 18' 11"	F-48-91-D-c
Suối Mật	TV	xã Vân Am	H. Ngọc Lặc			20° 03' 54"	105° 19' 01"	20° 04' 33"	105° 16' 55"	F-48-91-D-c
Làng Mết	DC	xã Vân Am	H. Ngọc Lặc	20° 01' 03"	105° 18' 32"					F-48-91-D-c
Núi Mục	SV	xã Vân Am	H. Ngọc Lặc	20° 05' 09"	105° 18' 23"					F-48-91-D-c
Khén Ngoại	DC	xã Vân Am	H. Ngọc Lặc	20° 02' 48"	105° 19' 32"					F-48-91-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Khén Nội	DC	xã Vân Am	H. Ngọc Lặc	20° 02' 26"	105° 19' 40"					F-48-91-D-c
suối Pù Nông	TV	xã Vân Am	H. Ngọc Lặc			20° 04' 14"	105° 16' 26"	20° 04' 30"	105° 16' 41"	F-48-91-D-c
Làng Rẻ	DC	xã Vân Am	H. Ngọc Lặc	20° 00' 32"	105° 18' 40"					F-48-91-D-c
Suối Rẻ	TV	xã Vân Am	H. Ngọc Lặc			20° 00' 45"	105° 19' 16"	20° 00' 17"	105° 18' 18"	F-48-91-D-c
Sông Sạo	TV	xã Vân Am	H. Ngọc Lặc			20° 03' 08"	105° 09' 48"	20° 01' 56"	105° 18' 00"	F-48-91-D-c
Làng Sống	DC	xã Vân Am	H. Ngọc Lặc	20° 02' 55"	105° 18' 34"					F-48-91-D-c
Làng Sùng	DC	xã Vân Am	H. Ngọc Lặc	20° 01' 11"	105° 18' 13"					F-48-91-D-c
Hón Thành	TV	xã Vân Am	H. Ngọc Lặc			20° 01' 15"	105° 19' 19"	20° 01' 24"	105° 18' 25"	F-48-91-D-c
Giỏi Thượng	DC	xã Vân Am	H. Ngọc Lặc	20° 04' 5	105° 17' 20"					F-48-91-D-c
Làng Tráng	DC	xã Vân Am	H. Ngọc Lặc	20° 01' 47"	105° 18' 52"					F-48-91-D-c
Suối Tráng	TV	xã Vân Am	H. Ngọc Lặc			20° 01' 30"	105° 19' 55"	20° 02' 01"	105° 18' 02"	F-48-91-D-c
núi Tráng Ngoài	SV	xã Vân Am	H. Ngọc Lặc	20° 02' 14"	105° 18' 53"					F-48-91-D-c
núi Tráng Trong	SV	xã Vân Am	H. Ngọc Lặc	20° 01' 49"	105° 19' 38"					F-48-91-D-c
Làng Tró	DC	xã Vân Am	H. Ngọc Lặc	20° 04' 38"	105° 17' 36"					F-48-91-D-c
Hón Tược	TV	xã Vân Am	H. Ngọc Lặc			20° 01' 49"	105° 20' 20"	20° 02' 43"	105° 18' 58"	F-48-91-D-c
đồi Vùng Vàng	SV	xã Vân Am	H. Ngọc Lặc	20° 04' 22"	105° 16' 38"					F-48-91-D-c
Suối Xam	TV	xã Vân Am	H. Ngọc Lặc			20° 03' 00"	105° 21' 06"	20° 02' 49"	105° 19' 12"	F-48-91-D-c
khu phố 1	DC	TT. Bến Sung	H. Như Thanh	19° 37' 59"	105° 34' 46"					E-48-8-C-a
khu phố 2	DC	TT. Bến Sung	H. Như Thanh	19° 38' 00"	105° 34' 55"					E-48-8-C-a
khu phố 3	DC	TT. Bến Sung	H. Như Thanh	19° 38' 10"	105° 34' 32"					E-48-8-C-a
khu phố 4	DC	TT. Bến Sung	H. Như Thanh	19° 38' 07"	105° 35' 10"					E-48-8-C-a
quốc lộ 45	KX	TT. Bến Sung	H. Như Thanh			20° 10' 25"	105° 46' 47"	19° 48' 05"	105° 26' 03"	E-48-8-C-a
khu phố Hải Ninh	DC	TT. Bến Sung	H. Như Thanh	19° 38' 33"	105° 34' 51"					E-48-8-C-a
khu phố Hải Tiến	DC	TT. Bến Sung	H. Như Thanh	19° 38' 38"	105° 35' 24"					E-48-8-C-a
Sông Mực	TV	TT. Bến Sung	H. Như Thanh			19° 37' 55"	105° 33' 45"	19° 38' 41"	105° 42' 58"	E-48-8-C-a
khu phố Vĩnh Long 1	DC	TT. Bến Sung	H. Như Thanh	19° 38' 33"	105° 34' 36"					E-48-8-C-a
khu phố Vĩnh Long 2	DC	TT. Bến Sung	H. Như Thanh	19° 38' 48"	105° 34' 37"					E-48-8-C-a
khu phố Xuân Điền	DC	TT. Bến Sung	H. Như Thanh	19° 38' 13"	105° 35' 42"					E-48-8-C-a
thôn 1	DC	xã Cán Khê	H. Như Thanh	19° 47' 30"	105° 28' 23"					E-48-7-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn 2	DC	xã Cán Khê	H. Như Thanh	19° 47' 24"	105° 29' 17"					E-48-7-B-d
thôn 3	DC	xã Cán Khê	H. Như Thanh	19° 47' 09"	105° 29' 38"					E-48-7-B-d
thôn 4	DC	xã Cán Khê	H. Như Thanh	19° 46' 29"	105° 29' 49"					E-48-7-B-d
thôn 5	DC	xã Cán Khê	H. Như Thanh	19° 46' 02"	105° 30' 47"					E-48-8-A-c
thôn 6	DC	xã Cán Khê	H. Như Thanh	19° 46' 24"	105° 30' 25"					E-48-8-A-c
thôn 7	DC	xã Cán Khê	H. Như Thanh	19° 46' 48"	105° 30' 17"					E-48-8-A-c
thôn 8	DC	xã Cán Khê	H. Như Thanh	19° 47' 25"	105° 29' 42"					E-48-7-B-d
thôn 9	DC	xã Cán Khê	H. Như Thanh	19° 47' 37"	105° 30' 20"					E-48-7-B-d
thôn 10	DC	xã Cán Khê	H. Như Thanh	19° 47' 21"	105° 30' 29"					E-48-8-A-c
thôn 11	DC	xã Cán Khê	H. Như Thanh	19° 47' 29"	105° 31' 12"					E-48-8-A-c
thôn 12	DC	xã Cán Khê	H. Như Thanh	19° 47' 42"	105° 30' 13"					E-48-8-A-c
thôn 13	DC	xã Cán Khê	H. Như Thanh	19° 47' 59"	105° 30' 58"					E-48-8-A-c
đường tỉnh 514	KX	xã Cán Khê	H. Như Thanh			19° 50' 09"	105° 38' 42"	19° 52' 28"	105° 27' 45"	E-48-7-D-b, E-48-7-B-d
núi Bờ Ban	SV	xã Cán Khê	H. Như Thanh	19° 47' 39"	105° 26' 22"					E-48-7-B-d
Núi Cao	SV	xã Cán Khê	H. Như Thanh	19° 47' 48"	105° 29' 15"					E-48-7-B-d
Khe Dài	TV	xã Cán Khê	H. Như Thanh			19° 44' 46"	105° 29' 13"	19° 45' 06"	105° 25' 25"	E-48-7-B-d
Núi Xưa	SV	xã Cán Khê	H. Như Thanh	19° 47' 10"	105° 30' 25"					E-48-8-A-c
quốc lộ 45	KX	xã Hải Long	H. Như Thanh			20° 10' 25"	105° 46' 47"	19° 48' 05"	105° 26' 03"	E-48-8-C-a
thôn Cầu Đất	DC	xã Hải Long	H. Như Thanh	19° 39' 14"	105° 33' 29"					E-48-8-C-a
thôn Đồng Hải	DC	xã Hải Long	H. Như Thanh	19° 38' 08"	105° 33' 54"					E-48-8-C-a
thôn Đồng Lớn	DC	xã Hải Long	H. Như Thanh	19° 38' 23"	105° 33' 23"					E-48-8-C-a
thôn Đồng Long	DC	xã Hải Long	H. Như Thanh	19° 38' 55"	105° 34' 08"					E-48-8-C-a
thôn Đồng Xuân	DC	xã Hải Long	H. Như Thanh	19° 38' 36"	105° 33' 22"					E-48-8-C-a
thôn Hải Tân	DC	xã Hải Long	H. Như Thanh	19° 38' 46"	105° 33' 32"					E-48-8-C-a
thôn Hải Thanh	DC	xã Hải Long	H. Như Thanh	19° 38' 46"	105° 33' 54"					E-48-8-C-a
thôn Hải Xuân	DC	xã Hải Long	H. Như Thanh	19° 38' 57"	105° 33' 18"					E-48-8-C-a
Sông Mực	TV	xã Hải Long	H. Như Thanh			19° 37' 55"	105° 33' 45"	19° 38' 41"	105° 42' 58"	E-48-8-C-a
hồ Sông Mực	TV	xã Hải Long	H. Như Thanh	19° 36' 23"	105° 31' 12"					E-48-8-C-a, E-48-8-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Tân Long	DC	xã Hải Long	H. Như Thanh	19° 38' 22"	105° 32' 17"					E-48-8-C-a
thôn Vĩnh Lợi	DC	xã Hải Long	H. Như Thanh	19° 39' 07"	105° 34' 37"					E-48-8-C-a
quốc lộ 15A	KX	xã Hải Vân	H. Như Thanh			20° 33' 37"	105° 01' 17"	20° 05' 33"	105° 22' 16"	E-48-8-C-a, E-48-8-C-c
thôn Bến En	DC	xã Hải Vân	H. Như Thanh	19° 37' 13"	105° 32' 16"					E-48-8-C-c
thôn Cầu Máng	DC	xã Hải Vân	H. Như Thanh	19° 37' 47"	105° 35' 02"					E-48-8-C-a
thôn Đồi Dẻ	DC	xã Hải Vân	H. Như Thanh	19° 37' 34"	105° 34' 23"					E-48-8-C-a
núi Đồng Hang	SV	xã Hải Vân	H. Như Thanh	19° 37' 19"	105° 33' 40"					E-48-8-C-c
thôn Đồng Mười	DC	xã Hải Vân	H. Như Thanh	19° 37' 09"	105° 34' 52"					E-48-8-C-c
thôn Kim Sơn	DC	xã Hải Vân	H. Như Thanh	19° 38' 14"	105° 34' 19"					E-48-8-C-a
Sông Mực	TV	xã Hải Vân	H. Như Thanh			19° 37' 55"	105° 33' 45"	19° 38' 41"	105° 42' 58"	E-48-8-C-a
hồ Sông Mực	TV	xã Hải Vân	H. Như Thanh	19° 36' 23"	105° 31' 12"					E-48-8-C-a, E-48-8-C-c
thôn Vân Thành	DC	xã Hải Vân	H. Như Thanh	19° 36' 35"	105° 34' 19"					E-48-8-C-c
thôn Xuân Lai	DC	xã Hải Vân	H. Như Thanh	19° 36' 40"	105° 33' 32"					E-48-8-C-c
thôn Xuân Phong	DC	xã Hải Vân	H. Như Thanh	19° 37' 55"	105° 34' 23"					E-48-8-C-a
thôn Bái Gạo 1	DC	xã Mậu Lâm	H. Như Thanh	19° 40' 57"	105° 34' 30"					E-48-8-C-a
thôn Bái Gạo 2	DC	xã Mậu Lâm	H. Như Thanh	19° 41' 07"	105° 34' 30"					E-48-8-C-a
đỉnh Bu Bu	SV	xã Mậu Lâm	H. Như Thanh	19° 44' 13"	105° 34' 20"					E-48-8-C-a
Đồi Cả	SV	xã Mậu Lâm	H. Như Thanh	19° 40' 57"	105° 36' 04"					E-48-8-C-a
Khe Cái	TV	xã Mậu Lâm	H. Như Thanh			19° 44' 02"	105° 31' 19"	19° 40' 19"	105° 35' 42"	E-48-8-C-a
thôn Cầu Hồ	DC	xã Mậu Lâm	H. Như Thanh	19° 42' 18"	105° 34' 12"					E-48-8-C-a
suối Cửa Rừng	TV	xã Mậu Lâm	H. Như Thanh			19° 41' 20"	105° 36' 40"	19° 40' 02"	105° 37' 08"	E-48-8-C-a
thôn Đồng Bớp	DC	xã Mậu Lâm	H. Như Thanh	19° 42' 04"	105° 33' 29"					E-48-8-C-a
thôn Đồng Mọc	DC	xã Mậu Lâm	H. Như Thanh	19° 40' 57"	105° 35' 28"					E-48-8-C-a
thôn Đồng Nghiêm	DC	xã Mậu Lâm	H. Như Thanh	19° 41' 39"	105° 34' 12"					E-48-8-C-a
thôn Đồng Thọ	DC	xã Mậu Lâm	H. Như Thanh	19° 41' 50"	105° 35' 06"					E-48-8-C-a
thôn Đồng Tiến	DC	xã Mậu Lâm	H. Như Thanh	19° 41' 19"	105° 35' 42"					E-48-8-C-a
thôn Đồng Vinh	DC	xã Mậu Lâm	H. Như Thanh	19° 41' 55"	105° 34' 30"					E-48-8-C-a
thôn Đồng Yên	DC	xã Mậu Lâm	H. Như Thanh	19° 39' 58"	105° 34' 55"					E-48-8-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Hợp Tiến	DC	xã Mậu Lâm	H. Như Thanh	19° 40' 21"	105° 34' 52"					E-48-8-C-a
thôn Liên Minh	DC	xã Mậu Lâm	H. Như Thanh	19° 40' 40"	105° 35' 28"					E-48-8-C-a
hồ Mậu Lâm	TV	xã Mậu Lâm	H. Như Thanh	19° 41' 29"	105° 34' 55"					E-48-8-C-a
đồi Nâm Chùa	SV	xã Mậu Lâm	H. Như Thanh	19° 40' 33"	105° 35' 49"					E-48-8-C-a
Khe Ngạt	TV	xã Mậu Lâm	H. Như Thanh			19° 40' 19"	105° 35' 42"	19° 38' 27"	105° 36' 14"	E-48-8-C-a
Núi Nưa	SV	xã Mậu Lâm	H. Như Thanh	19° 43' 00"	105° 36' 14"					E-48-8-C-a
thôn Phúc Tân	DC	xã Mậu Lâm	H. Như Thanh	19° 42' 58"	105° 34' 44"					E-48-8-C-a
thôn Rộc Môn	DC	xã Mậu Lâm	H. Như Thanh	19° 42' 48"	105° 33' 50"					E-48-8-C-a
Khe Sình	TV	xã Mậu Lâm	H. Như Thanh			19° 40' 51"	105° 35' 53"	19° 40' 02"	105° 37' 08"	E-48-8-C-a
thôn Tâm Tiến	DC	xã Mậu Lâm	H. Như Thanh	19° 40' 58"	105° 35' 56"					E-48-8-C-a
thôn Tiến Tâm	DC	xã Mậu Lâm	H. Như Thanh	19° 42' 06"	105° 34' 59"					E-48-8-C-a
thôn Yên Thọ	DC	xã Mậu Lâm	H. Như Thanh	19° 39' 50"	105° 35' 46"					E-48-8-C-a
thôn Bồng Sơn	DC	xã Phú Nhuận	H. Như Thanh	19° 39' 33"	105° 37' 54"					E-48-8-C-b
thôn Bồng Thượng	DC	xã Phú Nhuận	H. Như Thanh	19° 39' 36"	105° 37' 59"					E-48-8-C-b
suối Cửa Rừng	TV	xã Phú Nhuận	H. Như Thanh			19° 41' 20"	105° 36' 40"	19° 40' 02"	105° 37' 08"	E-48-8-C-a
hồ Đá Bàn	TV	xã Phú Nhuận	H. Như Thanh	19° 40' 07"	105° 37' 52"					E-48-8-C-b
thôn Đồng Sình	DC	xã Phú Nhuận	H. Như Thanh	19° 39' 30"	105° 36' 45"					E-48-8-C-a
thôn Đức Nhuận	DC	xã Phú Nhuận	H. Như Thanh	19° 39' 11"	105° 38' 15"					E-48-8-C-b
thôn Eo Son	DC	xã Phú Nhuận	H. Như Thanh	19° 39' 01"	105° 37' 10"					E-48-8-C-a
núi Hạ Sơn	SV	xã Phú Nhuận	H. Như Thanh	19° 41' 20"	105° 38' 20"					E-48-8-C-b
thôn Khe Sình	DC	xã Phú Nhuận	H. Như Thanh	19° 39' 56"	105° 37' 24"					E-48-8-C-a
Sông Mực	TV	xã Phú Nhuận	H. Như Thanh			19° 37' 55"	105° 33' 45"	19° 38' 41"	105° 42' 58"	E-48-8-C-a
Núi Ná	SV	xã Phú Nhuận	H. Như Thanh	19° 38' 33"	105° 36' 43"					E-48-8-C-a
Đồi Nậm	SV	xã Phú Nhuận	H. Như Thanh	19° 40' 33"	105° 35' 49"					E-48-8-C-a
Khe Ngạt	TV	xã Phú Nhuận	H. Như Thanh			19° 40' 19"	105° 35' 42"	19° 38' 27"	105° 36' 14"	E-48-8-C-a
Núi Nưa	SV	xã Phú Nhuận	H. Như Thanh	19° 41' 44"	105° 38' 17"					E-48-8-C-b
thôn Phú Nhuận	DC	xã Phú Nhuận	H. Như Thanh	19° 40' 13"	105° 36' 04"					E-48-8-C-a
thôn Phú Phượng 1	DC	xã Phú Nhuận	H. Như Thanh	19° 40' 34"	105° 35' 59"					E-48-8-C-a
thôn Phú Phượng 2	DC	xã Phú Nhuận	H. Như Thanh	19° 40' 35"	105° 36' 14"					E-48-8-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Phú Phượng 3	DC	xã Phú Nhuận	H. Như Thanh	19° 40' 38"	105° 36' 19"					E-48-8-C-a
thôn Phú Phượng 4	DC	xã Phú Nhuận	H. Như Thanh	19° 40' 39"	105° 36' 46"					E-48-8-C-a
thôn Phú Quang	DC	xã Phú Nhuận	H. Như Thanh	19° 39' 10"	105° 36' 08"					E-48-8-C-a
Khe Sình	TV	xã Phú Nhuận	H. Như Thanh			19° 40' 51"	105° 35' 53"	19° 40' 02"	105° 37' 08"	E-48-8-C-a
thôn Tân Phú	DC	xã Phú Nhuận	H. Như Thanh	19° 39' 41"	105° 36' 04"					E-48-8-C-a
thôn Thanh Sơn	DC	xã Phú Nhuận	H. Như Thanh	19° 40' 03"	105° 36' 37"					E-48-8-C-a
thôn Thung Khế	DC	xã Phú Nhuận	H. Như Thanh	19° 38' 42"	105° 36' 31"					E-48-8-C-a
Suối Vắt	TV	xã Phú Nhuận	H. Như Thanh			19° 40' 01"	105° 37' 08"	19° 38' 49"	105° 38' 42"	E-48-8-C-a, E-48-8-C-b
thôn 1	DC	xã Phúc Đường	H. Như Thanh	19° 33' 22"	105° 34' 49"					E-48-8-C-c
thôn 2	DC	xã Phúc Đường	H. Như Thanh	19° 33' 02"	105° 35' 05"					E-48-8-C-c
thôn 3	DC	xã Phúc Đường	H. Như Thanh	19° 32' 40"	105° 35' 19"					E-48-8-C-c
thôn 4	DC	xã Phúc Đường	H. Như Thanh	19° 32' 39"	105° 35' 36"					E-48-8-C-c
thôn 5	DC	xã Phúc Đường	H. Như Thanh	19° 32' 00"	105° 35' 34"					E-48-8-C-c
thôn 6	DC	xã Phúc Đường	H. Như Thanh	19° 33' 30"	105° 35' 56"					E-48-8-C-c
thôn 7	DC	xã Phúc Đường	H. Như Thanh	19° 33' 33"	105° 35' 38"					E-48-8-C-c
Suối Cốm	TV	xã Phúc Đường	H. Như Thanh			19° 30' 46"	105° 34' 39"	19° 34' 53"	105° 37' 11"	E-48-8-C-c
hồ Khe Dài	TV	xã Phúc Đường	H. Như Thanh	19° 32' 41"	105° 34' 52"					E-48-8-C-c
Núi Voi	SV	xã Phúc Đường	H. Như Thanh	19° 30' 31"	105° 34' 41"					E-48-8-C-c
thôn Bái Bò	DC	xã Phượng Nghi	H. Như Thanh	19° 43' 57"	105° 33' 32"					E-48-8-C-a
thôn Bái Đa 1	DC	xã Phượng Nghi	H. Như Thanh	19° 43' 06"	105° 32' 52"					E-48-8-C-a
thôn Bái Đa 2	DC	xã Phượng Nghi	H. Như Thanh	19° 42' 44"	105° 33' 18"					E-48-8-C-a
đỉnh Bu Bu	SV	xã Phượng Nghi	H. Như Thanh	19° 44' 13"	105° 34' 20"					E-48-8-C-a
Khe Cái	TV	xã Phượng Nghi	H. Như Thanh			19° 44' 02"	105° 31' 19"	19° 40' 19"	105° 35' 42"	E-48-8-C-a
thôn Đồng Bai	DC	xã Phượng Nghi	H. Như Thanh	19° 43' 33"	105° 32' 28"					E-48-8-C-a
thôn Đồng Bể	DC	xã Phượng Nghi	H. Như Thanh	19° 45' 07"	105° 32' 15"					E-48-8-A-c
khe Đồng Eo	TV	xã Phượng Nghi	H. Như Thanh			19° 45' 21"	105° 33' 11"	19° 45' 28"	105° 32' 38"	E-48-8-A-c
núi Đồng Huân	SV	xã Phượng Nghi	H. Như Thanh	19° 43' 16"	105° 29' 33"					E-48-7-D-b
thôn Đồng Mách	DC	xã Phượng Nghi	H. Như Thanh	19° 43' 31"	105° 31' 59"					E-48-8-C-a
thôn Đồng Phông	DC	xã Phượng Nghi	H. Như Thanh	19° 43' 21"	105° 30' 54"					E-48-8-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Đồng Thung	DC	xã Phượng Nghi	H. Như Thanh	19° 45' 00"	105° 32' 53"					E-48-8-C-a
Núi Khau	SV	xã Phượng Nghi	H. Như Thanh	19° 44' 43"	105° 28' 57"					E-48-7-D-b
thôn Khe Đen	DC	xã Phượng Nghi	H. Như Thanh	19° 43' 43"	105° 31' 59"					E-48-8-C-a
thôn Khe Tre	DC	xã Phượng Nghi	H. Như Thanh	19° 44' 04"	105° 31' 15"					E-48-8-C-a
dốc Nổ Đó	SV	xã Phượng Nghi	H. Như Thanh	19° 44' 27"	105° 32' 42"					E-48-8-C-a
Núi Nưa	SV	xã Phượng Nghi	H. Như Thanh	19° 45' 15"	105° 33' 47"					E-48-8-A-c
thôn Phượng Hưng	DC	xã Phượng Nghi	H. Như Thanh	19° 43' 20"	105° 33' 47"					E-48-8-C-a
thôn Bái Ổi	DC	xã Thanh Kỳ	H. Như Thanh	19° 26' 58"	105° 37' 26"					E-48-20-A-a
thôn Bái Sim	DC	xã Thanh Kỳ	H. Như Thanh	19° 27' 16"	105° 38' 29"					E-48-20-A-b
Núi Đền	SV	xã Thanh Kỳ	H. Như Thanh	19° 27' 22"	105° 37' 08"					E-48-20-A-a
thôn Đồng Hẩm	DC	xã Thanh Kỳ	H. Như Thanh	19° 27' 59"	105° 37' 34"					E-48-20-A-b
thôn Đồng Tâm	DC	xã Thanh Kỳ	H. Như Thanh	19° 24' 17"	105° 37' 37"					E-48-20-A-b
thôn Đồng Tiến	DC	xã Thanh Kỳ	H. Như Thanh	19° 24' 31"	105° 37' 21"					E-48-20-A-a
thôn Đồng Ván	DC	xã Thanh Kỳ	H. Như Thanh	19° 25' 02"	105° 37' 39"					E-48-20-A-b
suối Hòn Chuối	TV	xã Thanh Kỳ	H. Như Thanh			19° 25' 35"	105° 39' 11"	19° 27' 18"	105° 38' 38"	E-48-20-A-b
núi Hòn Quánh	SV	xã Thanh Kỳ	H. Như Thanh	19° 27' 22"	105° 38' 56"					E-48-20-A-b
thôn Khe Cát	DC	xã Thanh Kỳ	H. Như Thanh	19° 28' 24"	105° 36' 42"					E-48-20-A-a
thôn Kim Đồng	DC	xã Thanh Kỳ	H. Như Thanh	19° 27' 45"	105° 38' 03"					E-48-20-A-b
thôn Kỳ Thượng	DC	xã Thanh Kỳ	H. Như Thanh	19° 28' 37"	105° 37' 55"					E-48-20-A-b
núi Lốc Ê	SV	xã Thanh Kỳ	H. Như Thanh	19° 25' 27"	105° 38' 34"					E-48-20-A-b
đường Nghi Sơn/Bãi Trành	KX	xã Thanh Kỳ	H. Như Thanh			19° 18' 39"	105° 48' 02"	19° 28' 10"	105° 26' 16"	E-48-20-A-b, E-48-20-A-a
Suối Nứa	TV	xã Thanh Kỳ	H. Như Thanh			19° 24' 35"	105° 37' 41"	19° 23' 47"	105° 38' 53"	E-48-20-A-b
thôn Thanh Bình	DC	xã Thanh Kỳ	H. Như Thanh	19° 26' 25"	105° 36' 50"					E-48-20-A-a
thôn Thanh Sơn	DC	xã Thanh Kỳ	H. Như Thanh	19° 27' 24"	105° 37' 34"					E-48-20-A-a
thôn Thanh Tâm	DC	xã Thanh Kỳ	H. Như Thanh	19° 25' 18"	105° 37' 20"					E-48-20-A-a
thôn Thanh Trung	DC	xã Thanh Kỳ	H. Như Thanh	19° 27' 43"	105° 37' 11"					E-48-20-A-a
thôn Thanh Xuân	DC	xã Thanh Kỳ	H. Như Thanh	19° 25' 47"	105° 37' 05"					E-48-20-A-a
hồ Yên Mỹ	TV	xã Thanh Kỳ	H. Như Thanh	19° 29' 02"	105° 38' 46"					E-48-20-A-a, E-48-20-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
đường tỉnh 505	KX	xã Thanh Tân	H. Như Thanh			19° 37' 31"	105° 38' 49"	19° 28' 30"	105° 36' 04"	E-48-20-A-a
suối Ba Thang	TV	xã Thanh Tân	H. Như Thanh			19° 23' 54"	105° 35' 28"	19° 26' 33"	105° 35' 46"	E-48-20-A-a
núi Bái Bếp	SV	xã Thanh Tân	H. Như Thanh	19° 27' 35"	105° 31' 44"					E-48-20-A-a
Khe Bồ	TV	xã Thanh Tân	H. Như Thanh			19° 24' 35"	105° 34' 36"	19° 23' 54"	105° 35' 28"	E-48-20-A-a
thôn Bò Lăn	DC	xã Thanh Tân	H. Như Thanh	19° 23' 45"	105° 34' 55"					E-48-20-A-a
Khe Chè	TV	xã Thanh Tân	H. Như Thanh			19° 25' 32"	105° 34' 30"	19° 24' 23"	105° 35' 42"	E-48-20-A-a
khe Đá Mài	TV	xã Thanh Tân	H. Như Thanh			19° 29' 51"	105° 34' 52"	19° 29' 56"	105° 35' 53"	E-48-8-C-c, E-48-20-A-a
Suối Dâu	TV	xã Thanh Tân	H. Như Thanh			19° 26' 43"	105° 34' 26"	19° 28' 03"	105° 35' 42"	E-48-20-A-a
Núi Đền	SV	xã Thanh Tân	H. Như Thanh	19° 26' 30"	105° 32' 20"					E-48-20-A-a
thôn Đồng Dẻ	DC	xã Thanh Tân	H. Như Thanh	19° 28' 43"	105° 26' 14"					E-48-20-A-a
thôn Đồng Lấm	DC	xã Thanh Tân	H. Như Thanh	19° 29' 21"	105° 36' 22"					E-48-20-A-a
Suối Giang	TV	xã Thanh Tân	H. Như Thanh			19° 30' 40"	105° 33' 36"	19° 29' 17"	105° 31' 22"	E-48-8-C-c, E-48-20-A-a
núi Hòn Chùa	SV	xã Thanh Tân	H. Như Thanh	19° 29' 49"	105° 36' 11"					E-48-20-A-a
thôn Khả La	DC	xã Thanh Tân	H. Như Thanh	19° 30' 05"	105° 39' 17"					E-48-20-A-a
thôn Khe Cát	DC	xã Thanh Tân	H. Như Thanh	19° 28' 35"	105° 33' 22"					E-48-20-A-a
Khe Lương	TV	xã Thanh Tân	H. Như Thanh			19° 22' 47"	105° 36' 00"	19° 23' 54"	105° 35' 28"	E-48-20-A-c, E-48-20-A-a
suối Máy Lu	TV	xã Thanh Tân	H. Như Thanh			19° 30' 02"	105° 34' 23"	19° 27' 39"	105° 32' 17"	E-48-8-C-c, E-48-20-A-a
đường Nghi Sơn/Bãi Trành	KX	xã Thanh Tân	H. Như Thanh			19° 18' 39"	105° 48' 02"	19° 28' 10"	105° 26' 16"	E-48-20-A-a
thôn Tân Hùng	DC	xã Thanh Tân	H. Như Thanh	19° 25' 00"	105° 36' 07"					E-48-20-A-a
thôn Tân Mỹ	DC	xã Thanh Tân	H. Như Thanh	19° 30' 15"	105° 36' 04"					E-48-20-A-a
thôn Tân Quang	DC	xã Thanh Tân	H. Như Thanh	19° 27' 59"	105° 33' 50"					E-48-20-A-a
thôn Tân Thành	DC	xã Thanh Tân	H. Như Thanh	19° 28' 17"	105° 35' 20"					E-48-20-A-a
thôn Tân Tiến	DC	xã Thanh Tân	H. Như Thanh	19° 28' 26"	105° 35' 58"					E-48-20-A-a
thôn Tân Vinh	DC	xã Thanh Tân	H. Như Thanh	19° 27' 06"	105° 33' 28"					E-48-20-A-a
thôn Thanh Quang	DC	xã Thanh Tân	H. Như Thanh	19° 27' 13"	105° 33' 00"					E-48-20-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Thanh Vinh	DC	xã Thanh Tân	H. Như Thanh	19° 26' 20"	105° 33' 32"					E-48-20-A-a
thôn Thanh Xuân	DC	xã Thanh Tân	H. Như Thanh	19° 28' 11"	105° 34' 48"					E-48-20-A-a
thôn Tiền Tiến	DC	xã Thanh Tân	H. Như Thanh	19° 26' 42"	105° 35' 42"					E-48-20-A-a
suối Tờ Lờng	TV	xã Thanh Tân	H. Như Thanh			19° 27' 39"	105° 32' 17"	19° 27' 12"	105° 32' 02"	E-48-20-A-a
Khe Trổ	TV	xã Thanh Tân	H. Như Thanh			19° 26' 33"	105° 35' 46"	19° 28' 03"	105° 35' 46"	E-48-20-A-a
thôn Trung Tiến	DC	xã Thanh Tân	H. Như Thanh	19° 25' 40"	105° 36' 03"					E-48-20-A-a
Núi Voi	SV	xã Thanh Tân	H. Như Thanh	19° 30' 31"	105° 34' 41"					E-48-8-C-c
thôn Vườn Dâu	DC	xã Thanh Tân	H. Như Thanh	19° 27' 39"	105° 35' 06"					E-48-20-A-a
hồ Yên Mỹ	TV	xã Thanh Tân	H. Như Thanh	19° 29' 02"	105° 38' 46"					E-48-20-A-a
kênh C6	TV	xã Xuân Du	H. Như Thanh			19° 54' 54"	105° 30' 08"	19° 46' 59"	105° 34' 55"	E-48-8-A-c
Làng Các	DC	xã Xuân Du	H. Như Thanh	19° 47' 19"	105° 33' 44"					E-48-8-A-c
Làng Chén	DC	xã Xuân Du	H. Như Thanh	19° 46' 29"	105° 34' 01"					E-48-8-A-c
Làng Chùa	DC	xã Xuân Du	H. Như Thanh	19° 47' 32"	105° 33' 22"					E-48-8-A-c
hồ Đồng Bể	TV	xã Xuân Du	H. Như Thanh	19° 45' 25"	105° 32' 13"					E-48-8-A-c
làng Đông Bún	DC	xã Xuân Du	H. Như Thanh	19° 45' 17"	105° 31' 39"					E-48-8-A-c
khe Đồng Eo	TV	xã Xuân Du	H. Như Thanh			19° 45' 21"	105° 33' 11"	19° 45' 28"	105° 32' 38"	E-48-8-A-c
làng Đông Phú	DC	xã Xuân Du	H. Như Thanh	19° 47' 23"	105° 34' 27"					E-48-8-A-c
làng Giang Khê	DC	xã Xuân Du	H. Như Thanh	19° 47' 05"	105° 33' 01"					E-48-8-A-c
Làng Hợi	DC	xã Xuân Du	H. Như Thanh	19° 46' 03"	105° 32' 25"					E-48-8-A-c
Làng Lâu	DC	xã Xuân Du	H. Như Thanh	19° 46' 22"	105° 33' 24"					E-48-8-A-c
Làng Mĩ	DC	xã Xuân Du	H. Như Thanh	19° 46' 32"	105° 33' 16"					E-48-8-A-c
Núi Nưa	SV	xã Xuân Du	H. Như Thanh	19° 45' 15"	105° 33' 47"					E-48-8-A-c
chùa Phủ Na	KX	xã Xuân Du	H. Như Thanh	19° 45' 51"	105° 33' 14"					E-48-8-A-c
Làng Sen	DC	xã Xuân Du	H. Như Thanh	19° 46' 22"	105° 32' 56"					E-48-8-A-c
làng Tân Lập	DC	xã Xuân Du	H. Như Thanh	19° 46' 45"	105° 34' 30"					E-48-8-A-c
làng Trung Vạo	DC	xã Xuân Du	H. Như Thanh	19° 47' 24"	105° 34' 01"					E-48-8-A-c
làng Trường Sơn	DC	xã Xuân Du	H. Như Thanh	19° 46' 34"	105° 34' 12"					E-48-8-A-c
làng Xuân Hùng	DC	xã Xuân Du	H. Như Thanh	19° 46' 24"	105° 33' 47"					E-48-8-A-c
quốc lộ 45	KX	xã Xuân Khang	H. Như Thanh			20° 10' 25"	105° 46' 47"	19° 48' 05"	105° 26' 03"	E-48-8-C-a, E-48-7-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
suối Bến Ván	TV	xã Xuân Khang	H. Như Thanh			19° 41' 29"	105° 31' 07"	19° 40' 35"	105° 31' 33"	E-48-8-C-a
suối Đồng Hơn	TV	xã Xuân Khang	H. Như Thanh			19° 40' 55"	105° 28' 48"	19° 38' 32"	105° 34' 27"	E-48-8-C-a, E-48-7-D-b
thôn Đồng Hơn	DC	xã Xuân Khang	H. Như Thanh	19° 40' 35"	105° 31' 12"					E-48-8-C-a
thôn Đồng Mưa	DC	xã Xuân Khang	H. Như Thanh	19° 41' 12"	105° 29' 53"					E-48-7-D-b
thôn Phượng Xuân	DC	xã Xuân Khang	H. Như Thanh	19° 41' 44"	105° 31' 04"					E-48-8-C-a
thôn Trạch Khang	DC	xã Xuân Khang	H. Như Thanh	19° 41' 02"	105° 31' 32"					E-48-8-C-a
Dốc Trầu	SV	xã Xuân Khang	H. Như Thanh	19° 41' 08"	105° 28' 30"					E-48-7-D-b
thôn Xuân Cường	DC	xã Xuân Khang	H. Như Thanh	19° 39' 47"	105° 33' 14"					E-48-8-C-a
thôn Xuân Hoà	DC	xã Xuân Khang	H. Như Thanh	19° 41' 31"	105° 31' 03"					E-48-8-C-a
thôn Xuân Hưng	DC	xã Xuân Khang	H. Như Thanh	19° 39' 28"	105° 32' 59"					E-48-8-C-a
thôn Xuân Lộc	DC	xã Xuân Khang	H. Như Thanh	19° 40' 34"	105° 31' 52"					E-48-8-C-a
thôn Xuân Sinh	DC	xã Xuân Khang	H. Như Thanh	19° 39' 34"	105° 32' 49"					E-48-8-C-a
thôn Xuân Thành	DC	xã Xuân Khang	H. Như Thanh	19° 40' 12"	105° 32' 31"					E-48-8-C-a
thôn Xuân Tiến	DC	xã Xuân Khang	H. Như Thanh	19° 40' 21"	105° 30' 47"					E-48-8-C-a
thôn 1	DC	xã Xuân Phúc	H. Như Thanh	19° 34' 39"	105° 35' 31"					E-48-8-C-c
thôn 2	DC	xã Xuân Phúc	H. Như Thanh	19° 34' 43"	105° 34' 59"					E-48-8-C-c
thôn 3	DC	xã Xuân Phúc	H. Như Thanh	19° 35' 03"	105° 35' 02"					E-48-8-C-c
thôn 4	DC	xã Xuân Phúc	H. Như Thanh	19° 35' 15"	105° 35' 35"					E-48-8-C-c
thôn 5	DC	xã Xuân Phúc	H. Như Thanh	19° 35' 40"	105° 34' 48"					E-48-8-C-c
thôn 6	DC	xã Xuân Phúc	H. Như Thanh	19° 35' 51"	105° 34' 48"					E-48-8-C-c
thôn 7	DC	xã Xuân Phúc	H. Như Thanh	19° 35' 58"	105° 34' 34"					E-48-8-C-c
thôn 8	DC	xã Xuân Phúc	H. Như Thanh	19° 36' 05"	105° 35' 28"					E-48-8-C-c
thôn 9	DC	xã Xuân Phúc	H. Như Thanh	19° 35' 25"	105° 34' 52"					E-48-8-C-c
Suối Cốm	TV	xã Xuân Phúc	H. Như Thanh			19° 30' 46"	105° 34' 39"	19° 34' 53"	105° 37' 11"	E-48-8-C-c
Dốc Cục	SV	xã Xuân Phúc	H. Như Thanh	19° 34' 52"	105° 33' 40"					E-48-8-C-c
núi Đầu Lợn	SV	xã Xuân Phúc	H. Như Thanh	19° 35' 37"	105° 33' 16"					E-48-8-C-c
núi Đồng Mười	SV	xã Xuân Phúc	H. Như Thanh	19° 36' 10"	105° 35' 13"					E-48-8-C-c
Núi Lum	SV	xã Xuân Phúc	H. Như Thanh	19° 35' 36"	105° 35' 51"					E-48-8-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Ao Ràng	DC	xã Xuân Thái	H. Như Thanh	19° 32' 43"	105° 31' 41"					E-48-8-C-c
thôn Ấp Cũ	DC	xã Xuân Thái	H. Như Thanh	19° 32' 22"	105° 32' 20"					E-48-8-C-c
thôn Ba Bái	DC	xã Xuân Thái	H. Như Thanh	19° 31' 55"	105° 29' 38"					E-48-7-D-d
thôn Cây Nghia	DC	xã Xuân Thái	H. Như Thanh	19° 32' 46"	105° 32' 06"					E-48-8-C-c
thôn Cốc 1	DC	xã Xuân Thái	H. Như Thanh	19° 31' 51"	105° 30' 43"					E-48-8-C-c
thôn Cốc 2	DC	xã Xuân Thái	H. Như Thanh	19° 32' 01"	105° 31' 05"					E-48-8-C-c
Dốc Cục	SV	xã Xuân Thái	H. Như Thanh	19° 34' 52"	105° 33' 40"					E-48-8-C-c
núi Đầu Lợn	SV	xã Xuân Thái	H. Như Thanh	19° 35' 37"	105° 33' 16"					E-48-8-C-c
thôn Đồng Lườn	DC	xã Xuân Thái	H. Như Thanh	19° 33' 33"	105° 31' 59"					E-48-8-C-c
suối Đồng Thô	TV	xã Xuân Thái	H. Như Thanh			19° 32' 53"	105° 28' 37"	19° 33' 21"	105° 30' 15"	E-48-7-D-d, E-48-8-C-c
Suối Giang	TV	xã Xuân Thái	H. Như Thanh			19° 30' 40"	105° 33' 36"	19° 29' 17"	105° 31' 22"	E-48-8-C-c, E-48-20-A-a
Sông Hận	TV	xã Xuân Thái	H. Như Thanh			19° 33' 13"	105° 27' 29"	19° 34' 09"	105° 28' 59"	E-48-7-D-d
thôn Làng Lúng	DC	xã Xuân Thái	H. Như Thanh	19° 32' 34"	105° 31' 19"					E-48-8-C-c
núi Nậm Dạc	SV	xã Xuân Thái	H. Như Thanh	19° 31' 05"	105° 26' 49"					E-48-7-D-d
đường Nghi Sơn/Bãi Trành	KX	xã Xuân Thái	H. Như Thanh			19° 18' 39"	105° 48' 02"	19° 28' 10"	105° 26' 16"	E-48-20-A-a
Suối Quảng	TV	xã Xuân Thái	H. Như Thanh			19° 31' 14"	105° 32' 06"	19° 33' 21"	105° 30' 15"	E-48-7-D-d, E-48-8-C-c, E-48-19-B-b
thôn Quảng Đại	DC	xã Xuân Thái	H. Như Thanh	19° 30' 39"	105° 29' 31"					E-48-7-D-d
hồ Sông Mực	TV	xã Xuân Thái	H. Như Thanh	19° 36' 23"	105° 31' 12"					E-48-7-D-d, E-48-8-C-c
thôn Thanh Xuân	DC	xã Xuân Thái	H. Như Thanh	19° 29' 05"	105° 31' 05"					E-48-20-A-a
thôn Yên Khang	DC	xã Xuân Thái	H. Như Thanh	19° 34' 42"	105° 32' 13"					E-48-8-C-c
thôn Yên Vinh	DC	xã Xuân Thái	H. Như Thanh	19° 29' 52"	105° 30' 25"					E-48-20-A-a
thôn 5	DC	xã Xuân Thọ	H. Như Thanh	19° 46' 33"	105° 27' 47"					E-48-7-B-d
thôn 6	DC	xã Xuân Thọ	H. Như Thanh	19° 45' 15"	105° 29' 20"					E-48-7-B-d
đường tỉnh 514	KX	xã Xuân Thọ	H. Như Thanh			19° 50' 09"	105° 38' 42"	19° 52' 28"	105° 27' 45"	E-48-8-C-a, E-48-7-B-d
núi Bờ Ban	SV	xã Xuân Thọ	H. Như Thanh	19° 47' 39"	105° 26' 22"					E-48-7-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Thôn Chanh	DC	xã Xuân Thọ	H. Như Thanh	19° 45' 57"	105° 28' 30"					E-48-7-B-d
Suối Dài	TV	xã Xuân Thọ	H. Như Thanh			19° 44' 46"	105° 29' 13"	19° 45' 06"	105° 25' 25"	E-48-7-D-b, E-48-7-D-b
Thôn Đông	DC	xã Xuân Thọ	H. Như Thanh	19° 46' 33"	105° 29' 02"					E-48-7-B-d
Núi Khau	SV	xã Xuân Thọ	H. Như Thanh	19° 44' 43"	105° 28' 57"					E-48-7-D-b
Dốc Lìu	SV	xã Xuân Thọ	H. Như Thanh	19° 46' 41"	105° 29' 02"					E-48-7-B-d
thôn Mó 1	DC	xã Xuân Thọ	H. Như Thanh	19° 44' 58"	105° 28' 08"					E-48-7-D-b
thôn Mó 2	DC	xã Xuân Thọ	H. Như Thanh	19° 45' 37"	105° 27' 43"					E-48-7-B-d
thôn Ao Mè	DC	xã Yên Lạc	H. Như Thanh	19° 31' 40"	105° 37' 51"					E-48-8-C-d
hồ Ao Sen	TV	xã Yên Lạc	H. Như Thanh	19° 32' 57"	105° 37' 48"					E-48-8-C-d
thôn Ba Cồn	DC	xã Yên Lạc	H. Như Thanh	19° 32' 02"	105° 38' 23"					E-48-8-C-d
khe Cỗ Ngựa	TV	xã Yên Lạc	H. Như Thanh			19° 30' 37"	105° 36' 53"	19° 31' 32"	105° 40' 58"	E-48-8-C-d
núi Dốc Sạn	SV	xã Yên Lạc	H. Như Thanh	19° 30' 58"	105° 36' 01"					E-48-8-C-c
thôn Đồng Trung	DC	xã Yên Lạc	H. Như Thanh	19° 32' 44"	105° 38' 19"					E-48-8-C-d
thôn Đồng Yên	DC	xã Yên Lạc	H. Như Thanh	19° 32' 46"	105° 37' 59"					E-48-8-C-c
hồ Khe Lau	TV	xã Yên Lạc	H. Như Thanh	19° 32' 21"	105° 37' 44"					E-48-8-C-c, E-48-8-C-d
hồ Khe Tre	TV	xã Yên Lạc	H. Như Thanh	19° 30' 36"	105° 36' 43"					E-48-8-C-c
thôn Mỹ Lạc	DC	xã Yên Lạc	H. Như Thanh	19° 31' 27"	105° 38' 28"					E-48-8-C-d
thôn Tân Long	DC	xã Yên Lạc	H. Như Thanh	19° 31' 05"	105° 38' 14"					E-48-8-C-d
thôn Tân Tiến	DC	xã Yên Lạc	H. Như Thanh	19° 30' 58"	105° 37' 58"					E-48-8-C-d
thôn Tân Xuân	DC	xã Yên Lạc	H. Như Thanh	19° 30' 48"	105° 37' 17"					E-48-8-C-c
kênh Bắc Sông Mực	TV	xã Yên Thọ	H. Như Thanh			19° 37' 43"	105° 35' 56"	19° 50' 59"	105° 36' 24"	E-48-8-C-a
Suối Chậm	TV	xã Yên Thọ	H. Như Thanh			19° 34' 53"	105° 37' 11"	19° 36' 18"	105° 40' 05"	E-48-8-C-c, E-48-8-C-d
thôn Chẩm Khê	DC	xã Yên Thọ	H. Như Thanh	19° 35' 40"	105° 37' 19"					E-48-8-C-c
thôn Chợ Mới	DC	xã Yên Thọ	H. Như Thanh	19° 36' 17"	105° 35' 56"					E-48-8-C-c
Suối Cốm	TV	xã Yên Thọ	H. Như Thanh			19° 30' 46"	105° 34' 39"	19° 34' 53"	105° 37' 11"	E-48-8-C-c
thôn Cự Thịnh	DC	xã Yên Thọ	H. Như Thanh	19° 36' 27"	105° 36' 07"					E-48-8-C-c
núi Đồng Mười	SV	xã Yên Thọ	H. Như Thanh	19° 36' 10"	105° 35' 13"					E-48-8-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Hợp Thịnh	DC	xã Yên Thọ	H. Như Thanh	19° 35' 53"	105° 36' 33"					E-48-8-C-c
thôn Hùng Sơn	DC	xã Yên Thọ	H. Như Thanh	19° 34' 57"	105° 36' 32"					E-48-8-C-c
Núi Lum	SV	xã Yên Thọ	H. Như Thanh	19° 35' 36"	105° 35' 51"					E-48-8-C-c
thôn Minh Thịnh	DC	xã Yên Thọ	H. Như Thanh	19° 35' 57"	105° 36' 12"					E-48-8-C-c
Sông Mực	TV	xã Yên Thọ	H. Như Thanh			19° 37' 55"	105° 33' 45"	19° 38' 41"	105° 42' 58"	E-48-8-C-a
kênh Nam Sông Mực	TV	xã Yên Thọ	H. Như Thanh			19° 37' 52"	105° 33' 46"	19° 35' 38"	105° 37' 46"	E-48-8-C-a, E-48-8-C-c
thôn Quần Thọ	DC	xã Yên Thọ	H. Như Thanh	19° 37' 24"	105° 35' 31"					E-48-8-C-c
thôn Tân Hùng	DC	xã Yên Thọ	H. Như Thanh	19° 34' 42"	105° 36' 54"					E-48-8-C-c
thôn Tân Thịnh	DC	xã Yên Thọ	H. Như Thanh	19° 36' 14"	105° 36' 07"					E-48-8-C-c
thôn Tân Thọ	DC	xã Yên Thọ	H. Như Thanh	19° 36' 55"	105° 35' 45"					E-48-8-C-c
thôn Thống Nhất	DC	xã Yên Thọ	H. Như Thanh	19° 35' 03"	105° 37' 12"					E-48-8-C-c
thôn Xuân Thịnh	DC	xã Yên Thọ	H. Như Thanh	19° 35' 39"	105° 36' 22"					E-48-8-C-c
thôn Xuân Thọ	DC	xã Yên Thọ	H. Như Thanh	19° 36' 36"	105° 35' 38"					E-48-8-C-c
thôn Yên Trung	DC	xã Yên Thọ	H. Như Thanh	19° 38' 13"	105° 36' 00"					E-48-8-C-a
thôn Yên Xuân	DC	xã Yên Thọ	H. Như Thanh	19° 35' 15"	105° 36' 18"					E-48-8-C-c
khu phố 1	DC	TT. Yên Cát	H. Như Xuân	19° 40' 01"	105° 26' 00"					E-48-7-D-b
khu phố 2	DC	TT. Yên Cát	H. Như Xuân	19° 40' 02"	105° 26' 24"					E-48-7-D-b
khu phố 3	DC	TT. Yên Cát	H. Như Xuân	19° 40' 10"	105° 26' 10"					E-48-7-D-b
khu phố 4	DC	TT. Yên Cát	H. Như Xuân	19° 39' 54"	105° 25' 44"					E-48-7-D-b
quốc lộ 45	KX	TT. Yên Cát	H. Như Xuân			20° 10' 25"	105° 46' 47"	19° 48' 05"	105° 26' 03"	E-48-7-D-b
núi Đá Lèn	SV	TT. Yên Cát	H. Như Xuân	19° 39' 31"	105° 26' 42"					E-48-7-D-b
đường Hồ Chí Minh	KX	TT. Yên Cát	H. Như Xuân			20° 21' 59"	105° 31' 19"	19° 26' 37"	105° 26' 53"	E-48-7-D-b
Thôn Lúng	DC	TT. Yên Cát	H. Như Xuân	19° 40' 11"	105° 25' 48"					E-48-7-D-b
thôn Thăng Bình	DC	TT. Yên Cát	H. Như Xuân	19° 39' 50"	105° 27' 00"					E-48-7-D-b
thôn 1	DC	xã Bãi Trành	H. Như Xuân	19° 28' 16"	105° 26' 28"					E-48-19-B-b
thôn 3	DC	xã Bãi Trành	H. Như Xuân	19° 28' 31"	105° 26' 02"					E-48-19-B-b
thôn 6	DC	xã Bãi Trành	H. Như Xuân	19° 28' 42"	105° 24' 25"					E-48-19-B-b
thôn 10	DC	xã Bãi Trành	H. Như Xuân	19° 28' 48"	105° 23' 46"					E-48-19-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
núi Bao Chè	SV	xã Bãi Trành	H. Như Xuân	19° 29' 16"	105° 24' 54"					E-48-19-B-b
Thôn Cầu	DC	xã Bãi Trành	H. Như Xuân	19° 28' 12"	105° 26' 17"					E-48-19-B-b
thôn Chôi Trờn	DC	xã Bãi Trành	H. Như Xuân	19° 27' 34"	105° 26' 39"					E-48-19-B-b
Thôn Hồ	DC	xã Bãi Trành	H. Như Xuân	19° 28' 08"	105° 26' 30"					E-48-19-B-b
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Bãi Trành	H. Như Xuân			20° 21' 59"	105° 31' 19"	19° 26' 37"	105° 26' 53"	E-48-19-B-b
Thôn Má	DC	xã Bãi Trành	H. Như Xuân	19° 27' 38"	105° 23' 38"					E-48-19-B-b
Thôn Me	DC	xã Bãi Trành	H. Như Xuân	19° 27' 39"	105° 26' 42"					E-48-19-B-b
Núi Mơ	SV	xã Bãi Trành	H. Như Xuân	19° 28' 02"	105° 26' 53"					E-48-19-B-b
đường Nghi Sơn/Bãi Trành	KX	xã Bãi Trành	H. Như Xuân			19° 18' 39"	105° 48' 02"	19° 28' 10"	105° 26' 16"	E-48-19-B-b
thôn Nhà Máy	DC	xã Bãi Trành	H. Như Xuân	19° 28' 27"	105° 26' 38"					E-48-19-B-b
thôn Vật Tư	DC	xã Bãi Trành	H. Như Xuân	19° 28' 36"	105° 26' 20"					E-48-19-B-b
thôn Xuân Khánh	DC	xã Bãi Trành	H. Như Xuân	19° 27' 48"	105° 26' 24"					E-48-19-B-b
thôn Xuân Phúc	DC	xã Bãi Trành	H. Như Xuân	19° 27' 54"	105° 26' 52"					E-48-19-B-b
núi Bao Khế	SV	xã Bình Lương	H. Như Xuân	19° 34' 35"	105° 27' 32"					E-48-7-D-d
Dốc Bươn	SV	xã Bình Lương	H. Như Xuân	19° 37' 45"	105° 26' 37"					E-48-7-D-b
Đồi Chu	SV	xã Bình Lương	H. Như Xuân	19° 37' 51"	105° 27' 50"					E-48-7-D-b
núi Đá Lèn	SV	xã Bình Lương	H. Như Xuân	19° 39' 31"	105° 26' 42"					E-48-7-D-b
thôn Đồng Cần	DC	xã Bình Lương	H. Như Xuân	19° 38' 28"	105° 27' 21"					E-48-7-D-b
thôn Đồng Chèo	DC	xã Bình Lương	H. Như Xuân	19° 38' 08"	105° 26' 49"					E-48-7-D-b
thôn Đồng Thổ	DC	xã Bình Lương	H. Như Xuân	19° 37' 40"	105° 26' 17"					E-48-7-D-b
Sông Hận	TV	xã Bình Lương	H. Như Xuân			19° 33' 13"	105° 27' 29"	19° 34' 09"	105° 28' 59"	E-48-7-D-d
thôn Hợp Thành	DC	xã Bình Lương	H. Như Xuân	19° 36' 46"	105° 27' 26"					E-48-7-D-d
thôn Làng Gió	DC	xã Bình Lương	H. Như Xuân	19° 38' 55"	105° 26' 12"					E-48-7-D-b
thôn Làng Lườn	DC	xã Bình Lương	H. Như Xuân	19° 39' 18"	105° 25' 35"					E-48-7-D-b
thôn Làng Mài	DC	xã Bình Lương	H. Như Xuân	19° 36' 16"	105° 28' 20"					E-48-7-D-d
thôn Làng Sao	DC	xã Bình Lương	H. Như Xuân	19° 38' 35"	105° 26' 48"					E-48-7-D-b
thôn Quang Trung	DC	xã Bình Lương	H. Như Xuân	19° 39' 32"	105° 26' 10"					E-48-7-D-b
hồ Sông Mực	TV	xã Bình Lương	H. Như Xuân	19° 36' 23"	105° 31' 12"					E-48-7-D-d, E-48-8-C-c
thôn Thắng Lộc	DC	xã Bình Lương	H. Như Xuân	19° 38' 54"	105° 26' 52"					E-48-7-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Dốc Trực	SV	xã Bình Lương	H. Như Xuân	19° 38' 43"	105° 27' 47"					E-48-7-D-b
thôn Xuân Lương	DC	xã Bình Lương	H. Như Xuân	19° 36' 24"	105° 27' 47"					E-48-7-D-d
thôn Cát Lợi	DC	xã Cát Tân	H. Như Xuân	19° 41' 37"	105° 23' 44"					E-48-7-D-b
thôn Cát Thịnh	DC	xã Cát Tân	H. Như Xuân	19° 42' 44"	105° 22' 01"					E-48-7-D-a
thôn Cát Xuân	DC	xã Cát Tân	H. Như Xuân	19° 41' 02"	105° 24' 35"					E-48-7-D-b
thôn Phụ Vân	DC	xã Cát Tân	H. Như Xuân	19° 42' 40"	105° 22' 49"					E-48-7-D-b
thôn Tân Lợi	DC	xã Cát Tân	H. Như Xuân	19° 41' 50"	105° 23' 38"					E-48-7-D-b
thôn Tân Thanh	DC	xã Cát Tân	H. Như Xuân	19° 40' 43"	105° 23' 37"					E-48-7-D-b
thôn Tân Xuân	DC	xã Cát Tân	H. Như Xuân	19° 41' 33"	105° 24' 18"					E-48-7-D-b
thôn Thanh Vân	DC	xã Cát Tân	H. Như Xuân	19° 40' 56"	105° 23' 31"					E-48-7-D-b
Sông Xanh	TV	xã Cát Tân	H. Như Xuân			19° 43' 42"	105° 22' 41"	19° 43' 45"	105° 26' 12"	E-48-7-D-b
thôn Vân Bình	DC	xã Cát Vân	H. Như Xuân	19° 41' 50"	105° 22' 41"					E-48-7-D-b
thôn Vân Hoà	DC	xã Cát Vân	H. Như Xuân	19° 41' 02"	105° 22' 58"					E-48-7-D-b
thôn Vân Phúc	DC	xã Cát Vân	H. Như Xuân	19° 41' 08"	105° 20' 51"					E-48-7-D-a
thôn Vân Sơn	DC	xã Cát Vân	H. Như Xuân	19° 41' 12"	105° 22' 15"					E-48-7-D-a
thôn Vân Thành	DC	xã Cát Vân	H. Như Xuân	19° 41' 05"	105° 22' 07"					E-48-7-D-a
thôn Vân Thọ	DC	xã Cát Vân	H. Như Xuân	19° 41' 27"	105° 22' 34"					E-48-7-D-b
thôn Vân Thương	DC	xã Cát Vân	H. Như Xuân	19° 41' 18"	105° 22' 47"					E-48-7-D-a
thôn Vân Thượng	DC	xã Cát Vân	H. Như Xuân	19° 40' 39"	105° 22' 07"					E-48-7-D-b
thôn Vân Tiến	DC	xã Cát Vân	H. Như Xuân	19° 42' 04"	105° 20' 49"					E-48-7-D-a
thôn Vân Trung	DC	xã Cát Vân	H. Như Xuân	19° 41' 42"	105° 21' 47"					E-48-7-D-a
thôn Đồng Quan	DC	xã Hoá Quỳ	H. Như Xuân	19° 40' 07"	105° 23' 02"					E-48-7-D-b
thôn Đồng Tâm	DC	xã Hoá Quỳ	H. Như Xuân	19° 40' 12"	105° 23' 32"					E-48-7-D-b
thôn Đồng Xuân	DC	xã Hoá Quỳ	H. Như Xuân	19° 38' 36"	105° 24' 25"					E-48-7-D-b
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Hoá Quỳ	H. Như Xuân			20° 21' 59"	105° 31' 19"	19° 26' 37"	105° 26' 53"	E-48-7-D-b
thôn Liên Hiệp	DC	xã Hoá Quỳ	H. Như Xuân	19° 39' 05"	105° 23' 41"					E-48-7-D-b
thôn Luống Đồng	DC	xã Hoá Quỳ	H. Như Xuân	19° 37' 35"	105° 24' 42"					E-48-7-D-b
thôn Quảng Hợp	DC	xã Hoá Quỳ	H. Như Xuân	19° 38' 21"	105° 24' 32"					E-48-7-D-b
Suối Quyền	TV	xã Hoá Quỳ	H. Như Xuân			19° 38' 01"	105° 24' 11"	19° 35' 32"	105° 20' 35"	E-48-7-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Tân Thịnh	DC	xã Hoá Quỳ	H. Như Xuân	19° 38' 33"	105° 24' 04"					E-48-7-D-b
thôn Thanh Lương	DC	xã Hoá Quỳ	H. Như Xuân	19° 37' 20"	105° 25' 35"					E-48-7-D-d
thôn Thanh Tân	DC	xã Hoá Quỳ	H. Như Xuân	19° 38' 45"	105° 24' 42"					E-48-7-D-b
thôn Thanh Xuân	DC	xã Hoá Quỳ	H. Như Xuân	19° 38' 03"	105° 24' 33"					E-48-7-D-b
thôn Thịnh Lạc	DC	xã Hoá Quỳ	H. Như Xuân	19° 38' 48"	105° 23' 32"					E-48-7-D-b
thôn Xóm Đon	DC	xã Hoá Quỳ	H. Như Xuân	19° 39' 09"	105° 23' 25"					E-48-7-D-b
thôn Xuân Đàm	DC	xã Hoá Quỳ	H. Như Xuân	19° 36' 12"	105° 25' 12"					E-48-7-D-b
Đồi Chu	SV	xã Tân Bình	H. Như Xuân	19° 37' 51"	105° 27' 50"					E-48-7-D-b
thôn Đức Bình	DC	xã Tân Bình	H. Như Xuân	19° 38' 40"	105° 30' 11"					E-48-8-C-a
thôn Làng Lung	DC	xã Tân Bình	H. Như Xuân	19° 37' 40"	105° 28' 26"					E-48-7-D-b
thôn Mai Thắng	DC	xã Tân Bình	H. Như Xuân	19° 38' 20"	105° 28' 23"					E-48-7-D-b
thôn Rộc Nái	DC	xã Tân Bình	H. Như Xuân	19° 38' 15"	105° 30' 36"					E-48-8-C-a
thôn Sơn Bình	DC	xã Tân Bình	H. Như Xuân	19° 39' 08"	105° 30' 25"					E-48-8-C-a
thôn Sơn Thuỷ	DC	xã Tân Bình	H. Như Xuân	19° 38' 13"	105° 29' 17"					E-48-7-D-b
hồ Sông Mực	TV	xã Tân Bình	H. Như Xuân	19° 36' 23"	105° 31' 12"					E-48-7-D-(b,d), E-48-8-C-(a,c)
thôn Tân Lập	DC	xã Tân Bình	H. Như Xuân	19° 38' 40"	105° 28' 34"					E-48-7-D-b
thôn Tân Sơn	DC	xã Tân Bình	H. Như Xuân	19° 40' 11"	105° 28' 16"					E-48-7-D-b
thôn Tân Thắng	DC	xã Tân Bình	H. Như Xuân	19° 39' 10"	105° 28' 52"					E-48-7-D-b
thôn Tân Thành	DC	xã Tân Bình	H. Như Xuân	19° 39' 04"	105° 29' 42"					E-48-7-D-b
thôn Thanh Bình	DC	xã Tân Bình	H. Như Xuân	19° 39' 04"	105° 29' 42"					E-48-7-D-b
hồ Trại Cáo	TV	xã Tân Bình	H. Như Xuân	19° 39' 25"	105° 28' 08"					E-48-7-D-b
Dốc Trực	SV	xã Tân Bình	H. Như Xuân	19° 38' 43"	105° 27' 47"					E-48-7-D-b
Trại giam C4	KX	xã Thanh Hoà	H. Như Xuân	19° 37' 03"	105° 19' 37"					E-48-7-D-c
Sông Chàng	TV	xã Thanh Hoà	H. Như Xuân			19° 42' 44"	105° 10' 19"	19° 31' 14"	105° 16' 23"	E-48-7-D-c
Sông Hiếu	TV	xã Thanh Hoà	H. Như Xuân			19° 31' 12"	105° 16' 19"	19° 28' 37"	105° 17' 31"	E-48-7-D-c
thôn Làng Bai	DC	xã Thanh Hoà	H. Như Xuân	19° 37' 40"	105° 17' 57"					E-48-7-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Làng Cống	DC	xã Thanh Hoà	H. Như Xuân	19° 37' 33"	105° 18' 31"					E-48-7-D-a
Núi Nay	SV	xã Thanh Hoà	H. Như Xuân	19° 35' 55"	105° 19' 08"					E-48-7-D-c
Sông Quyền	TV	xã Thanh Hoà	H. Như Xuân			19° 38' 01"	105° 24' 11"	19° 35' 32"	105° 20' 35"	E-48-7-D-c
thôn Tân Hiệp	DC	xã Thanh Hoà	H. Như Xuân	19° 37' 29"	105° 18' 21"					E-48-7-D-c
thôn Tân Hoà	DC	xã Thanh Hoà	H. Như Xuân	19° 37' 01"	105° 19' 02"					E-48-7-D-c
thôn Tân Thành	DC	xã Thanh Hoà	H. Như Xuân	19° 37' 54"	105° 18' 10"					E-48-7-D-a
thôn Thanh Sơn	DC	xã Thanh Hoà	H. Như Xuân	19° 35' 16"	105° 19' 10"					E-48-7-D-c
Sông Chàng	TV	xã Thanh Lâm	H. Như Xuân			19° 42' 44"	105° 10' 19"	19° 31' 14"	105° 16' 23"	E-48-7-D-a, E-48-7-D-c
thôn Đoàn Trung	DC	xã Thanh Lâm	H. Như Xuân	19° 38' 05"	105° 20' 46"					E-48-7-D-a
thôn Làng Chảo	DC	xã Thanh Lâm	H. Như Xuân	19° 39' 29"	105° 17' 53"					E-48-7-D-a
thôn Làng Cọc	DC	xã Thanh Lâm	H. Như Xuân	19° 38' 59"	105° 18' 47"					E-48-7-D-a
thôn Làng Kèn	DC	xã Thanh Lâm	H. Như Xuân	19° 39' 21"	105° 18' 32"					E-48-7-D-a
thôn Làng Kha	DC	xã Thanh Lâm	H. Như Xuân	19° 38' 18"	105° 19' 01"					E-48-7-D-a
thôn Làng Lồng	DC	xã Thanh Lâm	H. Như Xuân	19° 38' 57"	105° 18' 26"					E-48-7-D-a
thôn Làng Lự	DC	xã Thanh Lâm	H. Như Xuân	19° 39' 57"	105° 17' 49"					E-48-7-D-a
thôn Làng Rãy	DC	xã Thanh Lâm	H. Như Xuân	19° 39' 40"	105° 18' 08"					E-48-7-D-a
thôn Làng Xẳm	DC	xã Thanh Lâm	H. Như Xuân	19° 38' 37"	105° 19' 19"					E-48-7-D-a
thôn Làng Xắng	DC	xã Thanh Lâm	H. Như Xuân	19° 40' 11"	105° 17' 10"					E-48-7-D-a
thôn Ngọc Thanh	DC	xã Thanh Lâm	H. Như Xuân	19° 38' 04"	105° 19' 58"					E-48-7-D-a
Núi Vịnh	SV	xã Thanh Lâm	H. Như Xuân	19° 37' 19"	105° 21' 40"					E-48-7-D-c
Sông Chàng	TV	xã Thanh Phong	H. Như Xuân			19° 42' 44"	105° 10' 19"	19° 31' 14"	105° 16' 23"	E-48-7-D-a, E-48-7-C
thôn Chạng Vung	DC	xã Thanh Phong	H. Như Xuân	19° 38' 32"	105° 17' 27"					E-48-7-D-a
thôn Đồng Bàn	DC	xã Thanh Phong	H. Như Xuân	19° 40' 21"	105° 15' 31"					E-48-7-D-a
thôn Hai Huân	DC	xã Thanh Phong	H. Như Xuân	19° 39' 37"	105° 16' 12"					E-48-7-D-a
thôn Làng Mèn	DC	xã Thanh Phong	H. Như Xuân	19° 39' 18"	105° 16' 53"					E-48-7-D-a
thôn Ná Húng	DC	xã Thanh Phong	H. Như Xuân	19° 40' 27"	105° 14' 58"					E-48-7-D-a
thôn Quang Hùng	DC	xã Thanh Phong	H. Như Xuân	19° 40' 15"	105° 15' 20"					E-48-7-D-a
thôn Tân Hùng	DC	xã Thanh Phong	H. Như Xuân	19° 40' 13"	105° 14' 35"					E-48-7-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Tân Phong	DC	xã Thanh Phong	H. Như Xuân	19° 39' 11"	105° 16' 40"					E-48-7-D-a
núi Tèn Quan	SV	xã Thanh Phong	H. Như Xuân	19° 38' 59"	105° 13' 19"					E-48-7-C
Thôn Vung	DC	xã Thanh Phong	H. Như Xuân	19° 38' 42"	105° 17' 06"					E-48-7-D-a
thôn Xuân Phong	DC	xã Thanh Phong	H. Như Xuân	19° 38' 49"	105° 16' 44"					E-48-7-D-a
Núi Câu	SV	xã Thanh Quân	H. Như Xuân	19° 40' 04"	105° 12' 04"					E-48-7-C
Sông Chàng	TV	xã Thanh Quân	H. Như Xuân			19° 42' 44"	105° 10' 19"	19° 31' 14"	105° 16' 23"	E-48-7-C
thôn Chiềng Cà 1	DC	xã Thanh Quân	H. Như Xuân	19° 41' 32"	105° 12' 36"					E-48-7-C
thôn Chiềng Cà 2	DC	xã Thanh Quân	H. Như Xuân	19° 41' 31"	105° 12' 22"					E-48-7-C
Núi Cốc	SV	xã Thanh Quân	H. Như Xuân	19° 39' 23"	105° 12' 50"					E-48-7-C
thôn Kẻ Lạn	DC	xã Thanh Quân	H. Như Xuân	19° 42' 01"	105° 13' 11"					E-48-7-C
Bù Kha	SV	xã Thanh Quân	H. Như Xuân	19° 40' 56"	105° 10' 48"					E-48-7-C
thôn Làng Trung	DC	xã Thanh Quân	H. Như Xuân	19° 42' 09"	105° 11' 20"					E-48-7-C
thôn Lâu Quán	DC	xã Thanh Quân	H. Như Xuân	19° 40' 53"	105° 14' 06"					E-48-7-C
thôn Ná Cà 1	DC	xã Thanh Quân	H. Như Xuân	19° 41' 19"	105° 13' 16"					E-48-7-C
thôn Ná Cà 2	DC	xã Thanh Quân	H. Như Xuân	19° 41' 33"	105° 13' 34"					E-48-7-C
Suối Quăn	TV	xã Thanh Quân	H. Như Xuân			19° 42' 36"	105° 16' 12"	19° 41' 45"	105° 13' 12"	E-48-7-C
thôn Thanh Hương	DC	xã Thanh Quân	H. Như Xuân	19° 42' 05"	105° 12' 43"					E-48-7-C
thôn Thanh Nhân	DC	xã Thanh Quân	H. Như Xuân	19° 41' 06"	105° 13' 41"					E-48-7-C
thôn Thanh Tân	DC	xã Thanh Quân	H. Như Xuân	19° 41' 42"	105° 12' 00"					E-48-7-C
thôn Thanh Tiến	DC	xã Thanh Quân	H. Như Xuân	19° 42' 24"	105° 12' 04"					E-48-7-C
thôn Thống Nhất	DC	xã Thanh Quân	H. Như Xuân	19° 42' 03"	105° 11' 42"					E-48-7-C
Bù Tôn	SV	xã Thanh Quân	H. Như Xuân	19° 41' 05"	105° 09' 50"					E-48-7-C
Suối Tôn	TV	xã Thanh Quân	H. Như Xuân			19° 41' 51"	105° 10' 34"	19° 42' 13"	105° 11' 42"	E-48-7-C
thôn Đồng Chạng	DC	xã Thanh Sơn	H. Như Xuân	19° 42' 28"	105° 14' 45"					E-48-7-D-a
thôn Đồng Sán	DC	xã Thanh Sơn	H. Như Xuân	19° 42' 23"	105° 15' 24"					E-48-7-D-a
thôn Hón Tỉnh	DC	xã Thanh Sơn	H. Như Xuân	19° 44' 03"	105° 15' 28"					E-48-7-D-a
thôn Kẻ Mạnh 1	DC	xã Thanh Sơn	H. Như Xuân	19° 42' 21"	105° 13' 30"					E-48-7-C
thôn Kẻ Mạnh 2	DC	xã Thanh Sơn	H. Như Xuân	19° 42' 28"	105° 13' 59"					E-48-7-C
thôn Kẻ Xui	DC	xã Thanh Sơn	H. Như Xuân	19° 42' 28"	105° 14' 20"					E-48-7-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Làng Mới	DC	xã Thanh Sơn	H. Như Xuân	19° 42' 12"	105° 14' 57"					E-48-7-D-a
thôn Ná Cọ	DC	xã Thanh Sơn	H. Như Xuân	19° 42' 15"	105° 15' 59"					E-48-7-D-a
Suối Quăn	TV	xã Thanh Sơn	H. Như Xuân			19° 42' 36"	105° 16' 12"	19° 41' 45"	105° 13' 12"	E-48-7-D-a, E-48-7-C
thôn Quăn 1	DC	xã Thanh Sơn	H. Như Xuân	19° 42' 08"	105° 14' 35"					E-48-7-C
thôn Quăn 2	DC	xã Thanh Sơn	H. Như Xuân	19° 42' 18"	105° 14' 21"					E-48-7-C
Sông Chàng	TV	xã Thanh Xuân	H. Như Xuân			19° 42' 44"	105° 10' 19"	19° 31' 14"	105° 16' 23"	E-48-7-D-a
thôn Đồng Phống	DC	xã Thanh Xuân	H. Như Xuân	19° 41' 43"	105° 19' 41"					E-48-7-D-a
thôn Lâm Chính	DC	xã Thanh Xuân	H. Như Xuân	19° 42' 03"	105° 18' 29"					E-48-7-D-a
núi Mỏm Mồ	SV	xã Thanh Xuân	H. Như Xuân	19° 42' 00"	105° 19' 08"					E-48-7-D-a
thôn Thanh Bình	DC	xã Thanh Xuân	H. Như Xuân	19° 41' 39"	105° 17' 38"					E-48-7-D-a
thôn Thanh Đồng	DC	xã Thanh Xuân	H. Như Xuân	19° 41' 36"	105° 20' 10"					E-48-7-D-a
thôn Thanh Thuỷ	DC	xã Thanh Xuân	H. Như Xuân	19° 42' 43"	105° 18' 18"					E-48-7-D-a
thôn Thanh Tiến	DC	xã Thanh Xuân	H. Như Xuân	19° 40' 36"	105° 16' 37"					E-48-7-D-a
thôn Xuân Hoà	DC	xã Thanh Xuân	H. Như Xuân	19° 42' 12"	105° 17' 13"					E-48-7-D-a
đường tỉnh 514	KX	xã Thượng Ninh	H. Như Xuân			19° 50' 09"	105° 38' 42"	19° 52' 28"	105° 27' 45"	E-48-7-D-b
sông Bến Mới	TV	xã Thượng Ninh	H. Như Xuân			19° 41' 32"	105° 27' 34"	19° 43' 45"	105° 26' 12"	E-48-7-D-b
thôn Bến Ván	DC	xã Thượng Ninh	H. Như Xuân	19° 42' 55"	105° 25' 42"					E-48-7-D-b
Sông Đằn	TV	xã Thượng Ninh	H. Như Xuân			19° 43' 45"	105° 26' 12"	19° 52' 34"	105° 21' 32"	E-48-7-B-d, E-48-7-D-b
thôn Đồng Chành	DC	xã Thượng Ninh	H. Như Xuân	19° 42' 51"	105° 25' 16"					E-48-7-D-b
thôn Đồng Hả	DC	xã Thượng Ninh	H. Như Xuân	19° 42' 50"	105° 24' 34"					E-48-7-D-b
núi Đồng Huân	SV	xã Thượng Ninh	H. Như Xuân	19° 43' 16"	105° 29' 33"					E-48-7-D-b
thôn Đồng Minh	DC	xã Thượng Ninh	H. Như Xuân	19° 42' 40"	105° 26' 10"					E-48-7-D-b
thôn Đồng Ngấn	DC	xã Thượng Ninh	H. Như Xuân	19° 43' 09"	105° 28' 05"					E-48-7-D-b
núi Đồng Nòng	SV	xã Thượng Ninh	H. Như Xuân	19° 44' 10"	105° 24' 19"					E-48-7-D-b
thôn Đồng Sòng	DC	xã Thượng Ninh	H. Như Xuân	19° 42' 20"	105° 25' 57"					E-48-7-D-b
thôn Đồng Tâm	DC	xã Thượng Ninh	H. Như Xuân	19° 43' 29"	105° 25' 34"					E-48-7-D-b
thôn Đồng Thanh	DC	xã Thượng Ninh	H. Như Xuân	19° 42' 15"	105° 26' 10"					E-48-7-D-b
thôn Đồng Xuân	DC	xã Thượng Ninh	H. Như Xuân	19° 42' 53"	105° 26' 31"					E-48-7-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Đức Thắng	DC	xã Thượng Ninh	H. Như Xuân	19° 42' 28"	105° 26' 35"					E-48-7-D-b
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Thượng Ninh	H. Như Xuân			20° 21' 59"	105° 31' 19"	19° 26' 37"	105° 26' 53"	E-48-7-D-b
thôn Khe Khoai	DC	xã Thượng Ninh	H. Như Xuân	19° 43' 30"	105° 27' 21"					E-48-7-D-b
thôn Minh Đức	DC	xã Thượng Ninh	H. Như Xuân	19° 42' 05"	105° 27' 04"					E-48-7-D-b
thôn Sông Xanh	DC	xã Thượng Ninh	H. Như Xuân	19° 42' 51"	105° 25' 51"					E-48-7-D-b
thôn Tiến Thành	DC	xã Thượng Ninh	H. Như Xuân	19° 44' 24"	105° 24' 55"					E-48-7-D-b
Sông Xanh	TV	xã Thượng Ninh	H. Như Xuân			19° 43' 42"	105° 22' 41"	19° 43' 45"	105° 26' 12"	E-48-7-D-b
thôn Xuân Phú	DC	xã Thượng Ninh	H. Như Xuân	19° 43' 51"	105° 26' 24"					E-48-7-D-b
thôn Xuân Thượng	DC	xã Thượng Ninh	H. Như Xuân	19° 43' 19"	105° 26' 13"					E-48-7-D-b
thôn 4	DC	xã Xuân Bình	H. Như Xuân	19° 28' 13"	105° 27' 43"					E-48-19-B-b
thôn 5	DC	xã Xuân Bình	H. Như Xuân	19° 27' 49"	105° 28' 19"					E-48-19-B-b
thôn 7	DC	xã Xuân Bình	H. Như Xuân	19° 28' 54"	105° 29' 13"					E-48-19-B-b
thôn 9	DC	xã Xuân Bình	H. Như Xuân	19° 28' 27"	105° 28' 39"					E-48-19-B-b
thôn 12	DC	xã Xuân Bình	H. Như Xuân	19° 27' 57"	105° 28' 44"					E-48-19-B-b
thôn 13	DC	xã Xuân Bình	H. Như Xuân	19° 27' 55"	105° 29' 24"					E-48-19-B-b
núi Bao Chè	SV	xã Xuân Bình	H. Như Xuân	19° 29' 16"	105° 24' 54"					E-48-19-B-b
hồ Đồng Cần	TV	xã Xuân Bình	H. Như Xuân	19° 29' 09"	105° 27' 43"					E-48-19-B-b
Thôn Hào	DC	xã Xuân Bình	H. Như Xuân	19° 27' 17"	105° 27' 14"					E-48-19-B-b
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Xuân Bình	H. Như Xuân			20° 21' 59"	105° 31' 19"	19° 26' 37"	105° 26' 53"	E-48-19-B-b
thôn Hùng Tiến	DC	xã Xuân Bình	H. Như Xuân	19° 28' 42"	105° 27' 29"					E-48-19-B-b
Thôn Mít	DC	xã Xuân Bình	H. Như Xuân	19° 27' 39"	105° 27' 22"					E-48-19-B-b
Thôn Mơ	DC	xã Xuân Bình	H. Như Xuân	19° 28' 39"	105° 26' 46"					E-48-19-B-b
núi Nậm Dạc	SV	xã Xuân Bình	H. Như Xuân	19° 31' 05"	105° 26' 49"					E-48-7-D-d
đường Nghi Sơn/Bãi Trành	KX	xã Xuân Bình	H. Như Xuân			19° 18' 39"	105° 48' 02"	19° 28' 10"	105° 26' 16"	E-48-19-B-b
Thôn Sim	DC	xã Xuân Bình	H. Như Xuân	19° 28' 58"	105° 26' 29"					E-48-19-B-b
thôn Xuân Hợp	DC	xã Xuân Bình	H. Như Xuân	19° 29' 05"	105° 27' 14"					E-48-19-B-b
thôn Xuân Phú	DC	xã Xuân Bình	H. Như Xuân	19° 29' 20"	105° 26' 38"					E-48-19-B-b
Trại giam số 1	KX	xã Xuân Hoà	H. Như Xuân	19° 34' 47"	105° 21' 58"					E-48-7-D-c
thôn 8	DC	xã Xuân Hoà	H. Như Xuân	19° 32' 21"	105° 24' 00"					E-48-7-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
núi Bao Mái	SV	xã Xuân Hoà	H. Như Xuân	19° 30' 13"	105° 22' 26"					E-48-7-D-c
núi Bao Trê	SV	xã Xuân Hoà	H. Như Xuân	19° 29' 16"	105° 24' 54"					E-48-19-B-b
Suối Chai	TV	xã Xuân Hoà	H. Như Xuân			19° 32' 47"	105° 19' 57"	19° 31' 56"	105° 20' 17"	E-48-7-D-c
núi Đá Chai	SV	xã Xuân Hoà	H. Như Xuân	19° 32' 35"	105° 21' 22"					E-48-7-D-c
thôn Đồng Trình	DC	xã Xuân Hoà	H. Như Xuân	19° 30' 14"	105° 24' 11"					E-48-7-D-d
Thôn Giăng	DC	xã Xuân Hoà	H. Như Xuân	19° 31' 57"	105° 23' 38"					E-48-7-D-d
Sông Hiếu	TV	xã Xuân Hoà	H. Như Xuân			19° 31' 12"	105° 16' 19"	19° 28' 37"	105° 17' 31"	E-48-19-B-a, E-48-7-D-c
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Xuân Hoà	H. Như Xuân			20° 21' 59"	105° 31' 19"	19° 26' 37"	105° 26' 53"	E-48-7-D-d
hồ Khe Hương	TV	xã Xuân Hoà	H. Như Xuân	19° 32' 15"	105° 24' 04"					E-48-7-D-d
hồ Khe Mộc	TV	xã Xuân Hoà	H. Như Xuân	19° 32' 57"	105° 23' 42"					E-48-7-D-d
Núi Liệt	SV	xã Xuân Hoà	H. Như Xuân	19° 32' 25"	105° 19' 16"					E-48-7-D-c
núi Nậm Dạc	SV	xã Xuân Hoà	H. Như Xuân	19° 31' 05"	105° 26' 49"					E-48-7-D-d
Thôn Nghịu	DC	xã Xuân Hoà	H. Như Xuân	19° 32' 10"	105° 23' 24"					E-48-7-D-d
Thôn Ngòi	DC	xã Xuân Hoà	H. Như Xuân	19° 32' 30"	105° 23' 31"					E-48-7-D-d
Thôn Ó	DC	xã Xuân Hoà	H. Như Xuân	19° 31' 51"	105° 23' 24"					E-48-7-D-d
Sông Quyền	TV	xã Xuân Hoà	H. Như Xuân			19° 38' 01"	105° 24' 11"	19° 35' 32"	105° 20' 35"	E-48-7-D-c
Suối Sịa	TV	xã Xuân Hoà	H. Như Xuân			19° 31' 07"	105° 25' 01"	19° 34' 51"	105° 23' 38"	E-48-7-D-d
Suối Tòng	TV	xã Xuân Hoà	H. Như Xuân			19° 30' 52"	105° 14' 45"	19° 28' 37"	105° 17' 31"	E-48-19-B-a, E-48-7-D-c
hồ Trại 1	TV	xã Xuân Hoà	H. Như Xuân	19° 34' 45"	105° 22' 34"					E-48-7-D-c, E-48-7-D-d
thôn Xuân Thành	DC	xã Xuân Hoà	H. Như Xuân	19° 32' 21"	105° 23' 20"					E-48-7-D-d
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Xuân Quỳ	H. Như Xuân			20° 21' 59"	105° 31' 19"	19° 26' 37"	105° 26' 53"	E-48-7-D-d
thôn Làng Quyền	DC	xã Xuân Quỳ	H. Như Xuân	19° 37' 00"	105° 23' 06"					E-48-7-D-d
Sông Quyền	TV	xã Xuân Quỳ	H. Như Xuân			19° 38' 01"	105° 24' 11"	19° 35' 32"	105° 20' 35"	E-48-7-D-b, E-48-7-D-c, E-48-7-D-d
thôn Tân Thành	DC	xã Xuân Quỳ	H. Như Xuân	19° 36' 01"	105° 22' 34"					E-48-7-D-d
thôn Thanh Hương	DC	xã Xuân Quỳ	H. Như Xuân	19° 36' 58"	105° 22' 37"					E-48-7-D-d
thôn Thanh Xuân	DC	xã Xuân Quỳ	H. Như Xuân	19° 36' 53"	105° 21' 53"					E-48-7-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Núi Vịnh	SV	xã Xuân Quỳ	H. Như Xuân	19° 37' 19"	105° 21' 40"					E-48-7-D-c
thôn Xóm Chuối	DC	xã Xuân Quỳ	H. Như Xuân	19° 37' 13"	105° 23' 12"					E-48-7-D-d
thôn Xuân Hương	DC	xã Xuân Quỳ	H. Như Xuân	19° 37' 03"	105° 22' 26"					E-48-7-D-c
thôn Xuân Thành	DC	xã Xuân Quỳ	H. Như Xuân	19° 36' 50"	105° 23' 40"					E-48-7-D-c
quốc lộ 45	KX	xã Yên Lễ	H. Như Xuân			20° 10' 25"	105° 46' 47"	19° 48' 05"	105° 26' 03"	E-48-7-D-b
núi Ba Đất	SV	xã Yên Lễ	H. Như Xuân	19° 40' 13"	105° 24' 48"					E-48-7-D-b
Dốc Bích	SV	xã Yên Lễ	H. Như Xuân	19° 40' 54"	105° 26' 15"					E-48-7-D-b
thôn Cát Tiến	DC	xã Yên Lễ	H. Như Xuân	19° 40' 48"	105° 27' 32"					E-48-7-D-b
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Yên Lễ	H. Như Xuân			20° 21' 59"	105° 31' 19"	19° 26' 37"	105° 26' 53"	E-48-7-D-b
thôn Mỹ Ré	DC	xã Yên Lễ	H. Như Xuân	19° 40' 11"	105° 26' 39"					E-48-7-D-b
thôn Phú Lễ	DC	xã Yên Lễ	H. Như Xuân	19° 41' 51"	105° 27' 41"					E-48-7-D-b
Thôn Quế	DC	xã Yên Lễ	H. Như Xuân	19° 41' 49"	105° 27' 07"					E-48-7-D-b
thôn Thắng Sơn	DC	xã Yên Lễ	H. Như Xuân	19° 41' 01"	105° 25' 34"					E-48-7-D-b
thôn Thanh Yên	DC	xã Yên Lễ	H. Như Xuân	19° 40' 18"	105° 26' 31"					E-48-7-D-b
Dốc Trầu	SV	xã Yên Lễ	H. Như Xuân	19° 41' 08"	105° 28' 30"					E-48-7-D-b
thôn Trung Thành	DC	xã Yên Lễ	H. Như Xuân	19° 41' 08"	105° 25' 03"					E-48-7-D-b
thôn Xuân Chính	DC	xã Yên Lễ	H. Như Xuân	19° 39' 27"	105° 25' 08"					E-48-7-D-b
thôn Yên Phú	DC	xã Yên Lễ	H. Như Xuân	19° 41' 23"	105° 26' 52"					E-48-7-D-b
thôn Yên Thắng	DC	xã Yên Lễ	H. Như Xuân	19° 40' 31"	105° 25' 26"					E-48-7-D-b
thôn Yên Thịnh	DC	xã Yên Lễ	H. Như Xuân	19° 39' 50"	105° 25' 15"					E-48-7-D-b
thôn Yên Xuân	DC	xã Yên Lễ	H. Như Xuân	19° 40' 04"	105° 24' 43"					E-48-7-D-b
quốc lộ 45	KX	TT. Nông Cống	H. Nông Cống			20° 10' 25"	105° 46' 47"	19° 48' 05"	105° 26' 03"	E-48-8-C-b, E-48-8-C-d
đường tỉnh 505	KX	TT. Nông Cống	H. Nông Cống			19° 37' 31"	105° 38' 49"	19° 28' 30"	105° 36' 04"	E-48-8-C-d, E-48-8-C-b
tiểu khu Minh Tân	DC	TT. Nông Cống	H. Nông Cống	19° 37' 46"	105° 38' 49"					E-48-8-C-b
tiểu khu Bắc Giang	DC	TT. Nông Cống	H. Nông Cống	19° 38' 01"	105° 39' 15"					E-48-8-C-b
tiểu khu Đông Hoà	DC	TT. Nông Cống	H. Nông Cống	19° 37' 21"	105° 38' 54"					E-48-8-C-d
tiểu khu Hợp Nhất	DC	TT. Nông Cống	H. Nông Cống	19° 37' 33"	105° 38' 40"					E-48-8-C-b
Sông Mực	TV	TT. Nông Cống	H. Nông Cống			19° 37' 55"	105° 33' 45"	19° 38' 41"	105° 42' 58"	E-48-8-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
tiểu khu Nam Giang	DC	TT. Nông Cống	H. Nông Cống	19° 37' 30"	105° 39' 01"					E-48-8-C-d
tiểu khu Nam Tiến	DC	TT. Nông Cống	H. Nông Cống	19° 37' 24"	105° 38' 43"					E-48-8-C-d
tiểu khu Xuân Hoà	DC	TT. Nông Cống	H. Nông Cống	19° 37' 20"	105° 38' 46"					E-48-8-C-d
đường tỉnh 505	KX	xã Công Bình	H. Nông Cống			19° 37' 31"	105° 38' 49"	19° 28' 30"	105° 36' 04"	E-48-8-C-d, E-48-20-A-a
khe Cổ Ngựa	TV	xã Công Bình	H. Nông Cống			19° 30' 37"	105° 36' 53"	19° 31' 32"	105° 40' 58"	E-48-8-C-d
núi Hòn Nhên	SV	xã Công Bình	H. Nông Cống	19° 30' 06"	105° 36' 57"					E-48-8-C-c
hồ Khe Tre	TV	xã Công Bình	H. Nông Cống	19° 30' 36"	105° 36' 43"					E-48-8-C-c
thôn Mỹ Hưng	DC	xã Công Bình	H. Nông Cống	19° 30' 35"	105° 38' 12"					E-48-8-C-d
Thôn Ná	DC	xã Công Bình	H. Nông Cống	19° 29' 54"	105° 37' 59"					E-48-20-A-b
thôn Ôn Lâm 1	DC	xã Công Bình	H. Nông Cống	19° 30' 08"	105° 37' 52"					E-48-8-C-d
thôn Ôn Lâm 2	DC	xã Công Bình	H. Nông Cống	19° 30' 26"	105° 37' 19"					E-48-8-C-c
thôn Phú Đa	DC	xã Công Bình	H. Nông Cống	19° 30' 29"	105° 38' 01"					E-48-8-C-d
thôn Tân Bình	DC	xã Công Bình	H. Nông Cống	19° 30' 46"	105° 39' 18"					E-48-8-C-d
sông Thị Long	TV	xã Công Bình	H. Nông Cống			19° 30' 13"	105° 41' 06"	19° 36' 29"	105° 45' 36"	E-48-8-C-d
thôn Yên Hoà	DC	xã Công Bình	H. Nông Cống	19° 30' 38"	105° 39' 45"					E-48-8-C-d
thôn Yên Lai	DC	xã Công Bình	H. Nông Cống	19° 30' 41"	105° 40' 27"					E-48-8-C-d
thôn Yên Nẫm 1	DC	xã Công Bình	H. Nông Cống	19° 30' 54"	105° 40' 48"					E-48-8-C-d
thôn Yên Nẫm 2	DC	xã Công Bình	H. Nông Cống	19° 30' 20"	105° 41' 02"					E-48-8-C-d
thôn Yên Nẫm 3	DC	xã Công Bình	H. Nông Cống	19° 31' 09"	105° 40' 39"					E-48-8-C-d
thôn Yên Ninh	DC	xã Công Bình	H. Nông Cống	19° 30' 33"	105° 39' 28"					E-48-8-C-d
thôn Yên Phú	DC	xã Công Bình	H. Nông Cống	19° 30' 17"	105° 38' 32"					E-48-8-C-d
thôn 327	DC	xã Công Chính	H. Nông Cống	19° 31' 09"	105° 39' 19"					E-48-8-C-d
đường tỉnh 505	KX	xã Công Chính	H. Nông Cống			19° 37' 31"	105° 38' 49"	19° 28' 30"	105° 36' 04"	E-48-8-C-d
đường tỉnh 512	KX	xã Công Chính	H. Nông Cống			19° 31' 58"	105° 47' 31"	19° 31' 32"	105° 40' 55"	E-48-8-C-d, E-48-8-D-c
khe Cổ Ngựa	TV	xã Công Chính	H. Nông Cống			19° 30' 37"	105° 36' 53"	19° 31' 32"	105° 40' 58"	E-48-8-C-d
thôn Giải Trại	DC	xã Công Chính	H. Nông Cống	19° 32' 15"	105° 38' 56"					E-48-8-C-d
thôn Hoà Giáo	DC	xã Công Chính	H. Nông Cống	19° 32' 29"	105° 39' 45"					E-48-8-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Hoà Luật	DC	xã Công Chính	H. Nông Cống	19° 32' 18"	105° 39' 25"					E-48-8-C-d
thôn Hoà Trung	DC	xã Công Chính	H. Nông Cống	19° 31' 59"	105° 39' 12"					E-48-8-C-d
thôn Hồng Thái	DC	xã Công Chính	H. Nông Cống	19° 31' 35"	105° 40' 50"					E-48-8-C-d
thôn Long Thắng	DC	xã Công Chính	H. Nông Cống	19° 31' 33"	105° 39' 53"					E-48-8-C-d
thôn Mỹ Tân	DC	xã Công Chính	H. Nông Cống	19° 31' 03"	105° 39' 44"					E-48-8-C-d
thôn Mỹ Tiến	DC	xã Công Chính	H. Nông Cống	19° 30' 55"	105° 40' 00"					E-48-8-C-d
thôn Rọc Năn	DC	xã Công Chính	H. Nông Cống	19° 31' 31"	105° 39' 01"					E-48-8-C-d
hồ Rọc Phường	TV	xã Công Chính	H. Nông Cống	19° 32' 07"	105° 40' 34"					E-48-8-C-d
thôn Tân Chính	DC	xã Công Chính	H. Nông Cống	19° 32' 56"	105° 39' 50"					E-48-8-C-d
thôn Tân Luật	DC	xã Công Chính	H. Nông Cống	19° 32' 15"	105° 40' 11"					E-48-8-C-d
thôn Thái Sơn 1	DC	xã Công Chính	H. Nông Cống	19° 31' 52"	105° 40' 06"					E-48-8-C-d
thôn Thái Sơn 2	DC	xã Công Chính	H. Nông Cống	19° 31' 51"	105° 40' 27"					E-48-8-C-d
thôn Thái Yên	DC	xã Công Chính	H. Nông Cống	19° 31' 52"	105° 40' 26"					E-48-8-C-d
sông Thị Long	TV	xã Công Chính	H. Nông Cống			19° 30' 13"	105° 41' 06"	19° 36' 29"	105° 45' 36"	E-48-8-C-d
Núi Voi	SV	xã Công Chính	H. Nông Cống	19° 32' 53"	105° 40' 33"					E-48-8-C-d
đường tỉnh 505	KX	xã Công Liêm	H. Nông Cống			19° 37' 31"	105° 38' 49"	19° 28' 30"	105° 36' 04"	E-48-8-C-d
thôn Đoài Đạo	DC	xã Công Liêm	H. Nông Cống	19° 34' 20"	105° 38' 41"					E-48-8-C-d
thôn Cự Phú	DC	xã Công Liêm	H. Nông Cống	19° 32' 55"	105° 38' 55"					E-48-8-C-d
thôn Đồng Trung	DC	xã Công Liêm	H. Nông Cống	19° 33' 06"	105° 38' 07"					E-48-8-C-d
thôn Hậu Áng	DC	xã Công Liêm	H. Nông Cống	19° 34' 16"	105° 39' 17"					E-48-8-C-d
thôn Hậu Sơn	DC	xã Công Liêm	H. Nông Cống	19° 33' 54"	105° 38' 50"					E-48-8-C-d
thôn Lộc Tuy	DC	xã Công Liêm	H. Nông Cống	19° 34' 04"	105° 39' 29"					E-48-8-C-d
kênh Nam Sông Mực	TV	xã Công Liêm	H. Nông Cống			19° 37' 52"	105° 33' 46"	19° 35' 38"	105° 37' 46"	E-48-8-C-d
thôn Phú Đa	DC	xã Công Liêm	H. Nông Cống	19° 33' 44"	105° 40' 08"					E-48-8-C-d
thôn Phú Sơn	DC	xã Công Liêm	H. Nông Cống	19° 33' 21"	105° 39' 09"					E-48-8-C-d
Hồ Sen	TV	xã Công Liêm	H. Nông Cống	19° 34' 06"	105° 38' 17"					E-48-8-C-d
hồ Sơn Thành	TV	xã Công Liêm	H. Nông Cống	19° 33' 20"	105° 38' 20"					E-48-8-C-d
thôn Sơn Thành	DC	xã Công Liêm	H. Nông Cống	19° 34' 04"	105° 40' 38"					E-48-8-C-d
thôn Tân Kỳ	DC	xã Công Liêm	H. Nông Cống	19° 33' 16"	105° 39' 46"					E-48-8-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Thượng Sơn	DC	xã Công Liêm	H. Nông Cống	19° 33' 41"	105° 39' 11"					E-48-8-C-d
Thôn Trầu	DC	xã Công Liêm	H. Nông Cống	19° 33' 51"	105° 39' 26"					E-48-8-C-d
thôn Trung Sơn	DC	xã Công Liêm	H. Nông Cống	19° 33' 30"	105° 39' 07"					E-48-8-C-d
thôn Tuy Yên	DC	xã Công Liêm	H. Nông Cống	19° 33' 58"	105° 39' 33"					E-48-8-C-d
Núi Voi	SV	xã Công Liêm	H. Nông Cống	19° 32' 53"	105° 40' 33"					E-48-8-C-d
quốc lộ 45	KX	xã Hoàng Giang	H. Nông Cống			20° 10' 25"	105° 46' 47"	19° 48' 05"	105° 26' 03"	E-48-8-C-b
thôn Cao Hậu	DC	xã Hoàng Giang	H. Nông Cống	19° 42' 12"	105° 42' 29"					E-48-8-C-b
Sông Hoàng	TV	xã Hoàng Giang	H. Nông Cống			19° 43' 55"	105° 42' 41"	19° 39' 45"	105° 44' 04"	E-48-8-C-b
thôn Kim Sơn	DC	xã Hoàng Giang	H. Nông Cống	19° 43' 20"	105° 42' 24"					E-48-8-C-b
thôn Ngọc Tháp	DC	xã Hoàng Giang	H. Nông Cống	19° 42' 20"	105° 43' 06"					E-48-8-C-b
Sông Hoàng	TV	xã Hoàng Giang	H. Nông Cống			19° 54' 19"	105° 30' 00"	19° 44' 24"	105° 44' 42"	E-48-8-C-b
thôn Phu Huệ	DC	xã Hoàng Giang	H. Nông Cống	19° 42' 31"	105° 42' 46"					E-48-8-C-b
Trung tâm Giáo dục Lao động Xã hội Thanh Hoá	KX	xã Hoàng Giang	H. Nông Cống	19° 43' 47"	105° 42' 19"					E-48-8-C-b
thôn Tháp Lĩnh	DC	xã Hoàng Giang	H. Nông Cống	19° 42' 13"	105° 42' 46"					E-48-8-C-b
thôn Văn Đôi	DC	xã Hoàng Giang	H. Nông Cống	19° 42' 54"	105° 42' 50"					E-48-8-C-b
ga Yên Thái	KX	xã Hoàng Giang	H. Nông Cống	19° 43' 09"	105° 42' 20"					E-48-8-C-b
thôn Yên Thái	DC	xã Hoàng Giang	H. Nông Cống	19° 43' 06"	105° 42' 11"					E-48-8-C-b
quốc lộ 45	KX	xã Hoàng Sơn	H. Nông Cống			20° 10' 25"	105° 46' 47"	19° 48' 05"	105° 26' 03"	E-48-8-C-b
Núi Chùa	SV	xã Hoàng Sơn	H. Nông Cống	19° 44' 13"	105° 40' 50"					E-48-8-C-b
thôn Hồi Cù	DC	xã Hoàng Sơn	H. Nông Cống	19° 43' 01"	105° 41' 44"					E-48-8-C-b
Sông Hoàng	TV	xã Hoàng Sơn	H. Nông Cống			19° 54' 19"	105° 30' 00"	19° 44' 24"	105° 44' 42"	E-48-8-C-b
thôn Nham Cát	DC	xã Hoàng Sơn	H. Nông Cống	19° 44' 33"	105° 41' 13"					E-48-8-C-b
thôn Phú Quý	DC	xã Hoàng Sơn	H. Nông Cống	19° 42' 33"	105° 41' 46"					E-48-8-C-b
thôn Thanh Liêm	DC	xã Hoàng Sơn	H. Nông Cống	19° 42' 58"	105° 41' 22"					E-48-8-C-b
thôn Yên Mỗ	DC	xã Hoàng Sơn	H. Nông Cống	19° 43' 20"	105° 41' 09"					E-48-8-C-b
ga Minh Khôi	KX	xã Minh Khôi	H. Nông Cống	19° 38' 02"	105° 42' 01"					E-48-8-C-b
thôn Cồn Vàng	DC	xã Minh Khôi	H. Nông Cống	19° 38' 39"	105° 42' 35"					E-48-8-C-b
thôn Cộng Hoà	DC	xã Minh Khôi	H. Nông Cống	19° 38' 42"	105° 42' 15"					E-48-8-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Sông Mực	TV	xã Minh Khôi	H. Nông Cống			19° 37' 55"	105° 33' 45"	19° 38' 41"	105° 42' 58"	E-48-8-C-b, E-48-8-C-d
thôn Sài Thôn	DC	xã Minh Khôi	H. Nông Cống	19° 37' 47"	105° 42' 27"					E-48-8-C-b
thôn Tân Hoà	DC	xã Minh Khôi	H. Nông Cống	19° 38' 32"	105° 41' 57"					E-48-8-C-b
thôn Tân Thắng	DC	xã Minh Khôi	H. Nông Cống	19° 39' 10"	105° 41' 42"					E-48-8-C-b
thôn Thống Nhất 1	DC	xã Minh Khôi	H. Nông Cống	19° 38' 19"	105° 41' 50"					E-48-8-C-b
thôn Thống Nhất 2	DC	xã Minh Khôi	H. Nông Cống	19° 38' 04"	105° 41' 41"					E-48-8-C-b
thôn Thống Nhất 3	DC	xã Minh Khôi	H. Nông Cống	19° 38' 15"	105° 41' 35"					E-48-8-C-b
thôn Tiên Lược	DC	xã Minh Khôi	H. Nông Cống	19° 38' 21"	105° 42' 13"					E-48-8-C-b
thôn Trường Loan	DC	xã Minh Khôi	H. Nông Cống	19° 39' 07"	105° 42' 26"					E-48-8-C-b
Sông Yên	TV	xã Minh Khôi	H. Nông Cống			19° 39' 44"	105° 42' 50"	19° 34' 32"	105° 48' 36"	E-48-8-C-b
thôn Bình Minh	DC	xã Minh Nghĩa	H. Nông Cống	19° 38' 16"	105° 40' 47"					E-48-8-C-b
Núi Chay	TV	xã Minh Nghĩa	H. Nông Cống	19° 39' 32"	105° 41' 29"					E-48-8-C-b
Sông Lim	TV	xã Minh Nghĩa	H. Nông Cống			19° 39' 30"	105° 39' 50"	19° 38' 09"	105° 40' 12"	E-48-8-C-b
thôn Minh Châu	DC	xã Minh Nghĩa	H. Nông Cống	19° 37' 39"	105° 40' 41"					E-48-8-C-d
thôn Minh Quang	DC	xã Minh Nghĩa	H. Nông Cống	19° 37' 53"	105° 41' 14"					E-48-8-C-b
thôn Minh Sơn	DC	xã Minh Nghĩa	H. Nông Cống	19° 39' 17"	105° 41' 25"					E-48-8-C-b
thôn Minh Thành	DC	xã Minh Nghĩa	H. Nông Cống	19° 38' 50"	105° 41' 27"					E-48-8-C-b
thôn Minh Tiền	DC	xã Minh Nghĩa	H. Nông Cống	19° 37' 08"	105° 40' 53"					E-48-8-C-d
thôn Minh Trường	DC	xã Minh Nghĩa	H. Nông Cống	19° 37' 28"	105° 41' 10"					E-48-8-C-d
thôn Minh Xuân	DC	xã Minh Nghĩa	H. Nông Cống	19° 38' 57"	105° 41' 03"					E-48-8-C-b
Sông Mực	TV	xã Minh Nghĩa	H. Nông Cống			19° 37' 55"	105° 33' 45"	19° 38' 41"	105° 42' 58"	E-48-8-C-b, E-48-8-C-d
thôn Thanh Bình	DC	xã Minh Nghĩa	H. Nông Cống	19° 38' 13"	105° 40' 34"					E-48-8-C-b
thôn Thanh Minh	DC	xã Minh Nghĩa	H. Nông Cống	19° 38' 26"	105° 40' 28"					E-48-8-C-b
thôn Lê Xá 1	DC	xã Minh Thọ	H. Nông Cống	19° 38' 00"	105° 39' 30"					E-48-8-C-b
thôn Lê Xá 2	DC	xã Minh Thọ	H. Nông Cống	19° 37' 21"	105° 40' 13"					E-48-8-C-d
Sông Lim	TV	xã Minh Thọ	H. Nông Cống			19° 39' 30"	105° 39' 50"	19° 38' 09"	105° 40' 12"	E-48-8-C-b
Hồ Mơ	TV	xã Minh Thọ	H. Nông Cống	19° 39' 46"	105° 38' 46"					E-48-8-C-b
Sông Nhơm	TV	xã Minh Thọ	H. Nông Cống			19° 48' 39"	105° 31' 13"	19° 39' 44"	105° 42' 50"	E-48-8-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
kênh N8	TV	xã Minh Thọ	H. Nông Cống			19° 45' 25"	105° 37' 55"	19° 36' 48"	105° 39' 20"	E-48-8-C-b
thôn Tập Cát 2	DC	xã Minh Thọ	H. Nông Cống	19° 38' 17"	105° 38' 54"					E-48-8-C-b
thôn Tập Cát 3	DC	xã Minh Thọ	H. Nông Cống	19° 38' 05"	105° 38' 52"					E-48-8-C-b
thôn Thái Hoà 1	DC	xã Minh Thọ	H. Nông Cống	19° 38' 46"	105° 39' 36"					E-48-8-C-b
thôn Thái Hoà 2	DC	xã Minh Thọ	H. Nông Cống	19° 38' 35"	105° 39' 28"					E-48-8-C-b
thôn Vũ Yên 2	DC	xã Minh Thọ	H. Nông Cống	19° 38' 56"	105° 39' 00"					E-48-8-C-b
đường tỉnh 506	KX	xã Tân Khang	H. Nông Cống			19° 42' 19"	105° 41' 04"	19° 54' 50"	105° 24' 40"	E-48-8-C-b
chùa Am Tiên	KX	xã Tân Khang	H. Nông Cống	19° 42' 49"	105° 37' 15"					E-48-8-C-a
kênh N8	TV	xã Tân Khang	H. Nông Cống			19° 45' 25"	105° 37' 55"	19° 36' 48"	105° 39' 20"	E-48-8-C-b
Kênh Nam	TV	xã Tân Khang	H. Nông Cống			19° 54' 41"	105° 32' 31"	19° 40' 11"	105° 42' 52"	E-48-8-C-b
Sông Nhơm	TV	xã Tân Khang	H. Nông Cống			19° 48' 39"	105° 31' 13"	19° 39' 44"	105° 42' 50"	E-48-8-C-b
Núi Nưa	SV	xã Tân Khang	H. Nông Cống	19° 41' 44"	105° 38' 17"					E-48-8-C-b
thôn Tân Ấp	DC	xã Tân Khang	H. Nông Cống	19° 42' 26"	105° 38' 42"					E-48-8-C-b
thôn Tân Cầu	DC	xã Tân Khang	H. Nông Cống	19° 44' 08"	105° 39' 24"					E-48-8-C-b
thôn Tân Lai	DC	xã Tân Khang	H. Nông Cống	19° 43' 34"	105° 39' 17"					E-48-8-C-b
thôn Tân Sơn	DC	xã Tân Khang	H. Nông Cống	19° 43' 04"	105° 39' 30"					E-48-8-C-b
thôn Tân Thịnh	DC	xã Tân Khang	H. Nông Cống	19° 43' 25"	105° 38' 34"					E-48-8-C-b
thôn 1	DC	xã Tân Phúc	H. Nông Cống	19° 43' 33"	105° 40' 42"					E-48-8-C-b
thôn 2	DC	xã Tân Phúc	H. Nông Cống	19° 43' 42"	105° 40' 38"					E-48-8-C-b
thôn 3	DC	xã Tân Phúc	H. Nông Cống	19° 43' 51"	105° 40' 30"					E-48-8-C-b
thôn 4	DC	xã Tân Phúc	H. Nông Cống	19° 44' 13"	105° 40' 11"					E-48-8-C-b
thôn 5	DC	xã Tân Phúc	H. Nông Cống	19° 44' 16"	105° 39' 53"					E-48-8-C-b
thôn 6	DC	xã Tân Phúc	H. Nông Cống	19° 44' 26"	105° 39' 57"					E-48-8-C-b
thôn 7	DC	xã Tân Phúc	H. Nông Cống	19° 44' 33"	105° 39' 38"					E-48-8-C-b
thôn 8	DC	xã Tân Phúc	H. Nông Cống	19° 45' 08"	105° 39' 49"					E-48-8-A-d
Núi Chùa	SV	xã Tân Phúc	H. Nông Cống	19° 44' 13"	105° 40' 50"					E-48-8-C-b
Kênh Nam	TV	xã Tân Phúc	H. Nông Cống			19° 54' 41"	105° 32' 31"	19° 40' 11"	105° 42' 52"	E-48-8-C-b
sông Nhà Lê	TV	xã Tân Phúc	H. Nông Cống			19° 54' 19"	105° 30' 00"	19° 44' 24"	105° 44' 42"	E-48-8-C-b, E-48-8-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
núi Vụng Lạt	SV	xã Tân Phúc	H. Nông Cống	19° 44' 31"	105° 40' 31"					E-48-8-C-b
đường tỉnh 506	KX	xã Tân Thọ	H. Nông Cống			19° 42' 19"	105° 41' 04"	19° 54' 50"	105° 24' 40"	E-48-8-C-b
thôn Mỹ Phong	DC	xã Tân Thọ	H. Nông Cống	19° 44' 08"	105° 39' 10"					E-48-8-C-b
kênh N8	TV	xã Tân Thọ	H. Nông Cống			19° 45' 25"	105° 37' 55"	19° 36' 48"	105° 39' 20"	E-48-8-C-b
Kênh Nam	TV	xã Tân Thọ	H. Nông Cống			19° 54' 41"	105° 32' 31"	19° 40' 11"	105° 42' 52"	E-48-8-C-b
sông Nhà Lê	TV	xã Tân Thọ	H. Nông Cống			19° 48' 39"	105° 31' 13"	19° 39' 44"	105° 42' 50"	E-48-8-C-b
thôn Phú Ninh	DC	xã Tân Thọ	H. Nông Cống	19° 44' 15"	105° 38' 52"					E-48-8-C-b
thôn Quý Phong	DC	xã Tân Thọ	H. Nông Cống	19° 44' 22"	105° 38' 59"					E-48-8-C-b
thôn Tân Ấp	DC	xã Tân Thọ	H. Nông Cống	19° 42' 53"	105° 38' 25"					E-48-8-C-b
thôn Thanh Y	DC	xã Tân Thọ	H. Nông Cống	19° 44' 13"	105° 38' 54"					E-48-8-C-b
thôn Thọ Bình	DC	xã Tân Thọ	H. Nông Cống	19° 44' 24"	105° 38' 39"					E-48-8-C-b
thôn Vinh Quang	DC	xã Tân Thọ	H. Nông Cống	19° 44' 07"	105° 38' 52"					E-48-8-C-b
quốc lộ 45	KX	xã Tế Lợi	H. Nông Cống			20° 10' 25"	105° 46' 47"	19° 48' 05"	105° 26' 03"	E-48-8-C-b
thôn Cương Quyết	DC	xã Tế Lợi	H. Nông Cống	19° 40' 23"	105° 40' 57"					E-48-8-C-b
thôn Cương Thắng	DC	xã Tế Lợi	H. Nông Cống	19° 40' 19"	105° 41' 16"					E-48-8-C-b
thôn Cương Thịnh	DC	xã Tế Lợi	H. Nông Cống	19° 39' 51"	105° 41' 07"					E-48-8-C-b
thôn Cương Tiến	DC	xã Tế Lợi	H. Nông Cống	19° 40' 26"	105° 41' 13"					E-48-8-C-b
núi Hạ Sơn	SV	xã Tế Lợi	H. Nông Cống	19° 41' 20"	105° 38' 20"					E-48-8-C-b
thôn Hữu Cần	DC	xã Tế Lợi	H. Nông Cống	19° 40' 01"	105° 40' 29"					E-48-8-C-b
thôn Hữu Chính	DC	xã Tế Lợi	H. Nông Cống	19° 40' 18"	105° 40' 51"					E-48-8-C-b
thôn Hữu Kiệm	DC	xã Tế Lợi	H. Nông Cống	19° 40' 10"	105° 40' 29"					E-48-8-C-b
thôn Hữu Liêm	DC	xã Tế Lợi	H. Nông Cống	19° 40' 12"	105° 40' 44"					E-48-8-C-b
Sông Lim	TV	xã Tế Lợi	H. Nông Cống			19° 39' 30"	105° 39' 50"	19° 38' 09"	105° 40' 12"	E-48-8-C-b
Hồ Mơ	TV	xã Tế Lợi	H. Nông Cống	19° 39' 46"	105° 38' 46"					E-48-8-C-b
kênh N8	TV	xã Tế Lợi	H. Nông Cống			19° 45' 25"	105° 37' 55"	19° 36' 48"	105° 39' 20"	E-48-8-C-b
Sông Nhơm	TV	xã Tế Lợi	H. Nông Cống			19° 48' 39"	105° 31' 13"	19° 39' 44"	105° 42' 50"	E-48-8-C-b
Trại giam Thanh Phong	KX	xã Tế Lợi	H. Nông Cống	19° 40' 03"	105° 39' 14"					E-48-8-C-b
thôn Trường Thọ	DC	xã Tế Lợi	H. Nông Cống	19° 39' 22"	105° 40' 14"					E-48-8-C-b
thôn Yên Bái	DC	xã Tế Lợi	H. Nông Cống	19° 39' 55"	105° 40' 06"					E-48-8-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
làng Châu Sơn	DC	xã Tế Nông	H. Nông Cống	19° 39' 32"	105° 42' 12"					E-48-8-C-b
thôn Châu Sơn 5	DC	xã Tế Nông	H. Nông Cống	19° 39' 20"	105° 42' 35"					E-48-8-C-b
thôn Châu Sơn 6	DC	xã Tế Nông	H. Nông Cống	19° 39' 24"	105° 42' 10"					E-48-8-C-b
thôn Châu Sơn 7	DC	xã Tế Nông	H. Nông Cống	19° 39' 29"	105° 41' 37"					E-48-8-C-b
thôn Hà Khẩu 4	DC	xã Tế Nông	H. Nông Cống	19° 40' 13"	105° 42' 15"					E-48-8-C-b
Sông Hoàng	TV	xã Tế Nông	H. Nông Cống			19° 43' 55"	105° 42' 41"	19° 39' 45"	105° 44' 04"	E-48-8-C-b
thôn Minh Nông 1	DC	xã Tế Nông	H. Nông Cống	19° 39' 34"	105° 42' 41"					E-48-8-C-b
thôn Minh Nông 2	DC	xã Tế Nông	H. Nông Cống	19° 39' 50"	105° 42' 40"					E-48-8-C-b
Sông Nhơm	TV	xã Tế Nông	H. Nông Cống			19° 48' 39"	105° 31' 13"	19° 39' 44"	105° 42' 50"	E-48-8-C-b
thôn Phòng Không 11	DC	xã Tế Nông	H. Nông Cống	19° 40' 05"	105° 41' 53"					E-48-8-C-b
thôn Quan Hoạch 3	DC	xã Tế Nông	H. Nông Cống	19° 39' 49"	105° 42' 25"					E-48-8-C-b
thôn Tế Độ 1	DC	xã Tế Nông	H. Nông Cống	19° 39' 59"	105° 43' 41"					E-48-8-C-b
thôn Tế Độ 2	DC	xã Tế Nông	H. Nông Cống	19° 40' 03"	105° 43' 31"					E-48-8-C-b
thôn Tế Độ 3	DC	xã Tế Nông	H. Nông Cống	19° 40' 05"	105° 43' 16"					E-48-8-C-b
thôn Tế Độ 4	DC	xã Tế Nông	H. Nông Cống	19° 39' 54"	105° 43' 00"					E-48-8-C-b
thôn Thịnh Lạc 8	DC	xã Tế Nông	H. Nông Cống	19° 39' 50"	105° 41' 37"					E-48-8-C-b
thôn 1	DC	xã Tế Tân	H. Nông Cống	19° 40' 59"	105° 41' 39"					E-48-8-C-b
thôn 2	DC	xã Tế Tân	H. Nông Cống	19° 40' 54"	105° 41' 46"					E-48-8-C-b
thôn 3	DC	xã Tế Tân	H. Nông Cống	19° 40' 48"	105° 42' 14"					E-48-8-C-b
thôn 4	DC	xã Tế Tân	H. Nông Cống	19° 40' 15"	105° 42' 37"					E-48-8-C-b
thôn 5	DC	xã Tế Tân	H. Nông Cống	19° 40' 26"	105° 42' 55"					E-48-8-C-b
thôn 6	DC	xã Tế Tân	H. Nông Cống	19° 40' 41"	105° 42' 53"					E-48-8-C-b
thôn 7	DC	xã Tế Tân	H. Nông Cống	19° 41' 19"	105° 42' 31"					E-48-8-C-b
thôn 8	DC	xã Tế Tân	H. Nông Cống	19° 41' 45"	105° 42' 17"					E-48-8-C-b
Sông Hoàng	TV	xã Tế Tân	H. Nông Cống			19° 43' 55"	105° 42' 41"	19° 39' 45"	105° 44' 04"	E-48-8-C-b
Kênh Nam	TV	xã Tế Tân	H. Nông Cống			19° 54' 41"	105° 32' 31"	19° 40' 11"	105° 42' 52"	E-48-8-C-b
Sông Nhơm	TV	xã Tế Tân	H. Nông Cống			19° 48' 39"	105° 31' 13"	19° 39' 44"	105° 42' 50"	E-48-8-C-b
quốc lộ 45	KX	xã Tế Thắng	H. Nông Cống			20° 10' 25"	105° 46' 47"	19° 48' 05"	105° 26' 03"	E-48-8-C-b
thôn Đại Đồng A	DC	xã Tế Thắng	H. Nông Cống	19° 40' 59"	105° 41' 02"					E-48-8-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Đại Đồng B	DC	xã Tế Thắng	H. Nông Cống	19° 41' 10"	105° 40' 54"					E-48-8-C-b
thôn Đậu Yên	DC	xã Tế Thắng	H. Nông Cống	19° 40' 27"	105° 40' 13"					E-48-8-C-b
thôn Giá Mai A	DC	xã Tế Thắng	H. Nông Cống	19° 40' 38"	105° 40' 18"					E-48-8-C-b
thôn Giá Mai B	DC	xã Tế Thắng	H. Nông Cống	19° 40' 51"	105° 40' 20"					E-48-8-C-b
núi Hạ Sơn	SV	xã Tế Thắng	H. Nông Cống	19° 41' 20"	105° 38' 20"					E-48-8-C-b
kênh N8	TV	xã Tế Thắng	H. Nông Cống			19° 45' 25"	105° 37' 55"	19° 36' 48"	105° 39' 20"	E-48-8-C-b
Sông Nhơm	TV	xã Tế Thắng	H. Nông Cống			19° 48' 39"	105° 31' 13"	19° 39' 44"	105° 42' 50"	E-48-8-C-b
thôn Quả Cảm	DC	xã Tế Thắng	H. Nông Cống	19° 40' 44"	105° 41' 42"					E-48-8-C-b
thôn Thổ Bắc	DC	xã Tế Thắng	H. Nông Cống	19° 41' 00"	105° 40' 26"					E-48-8-C-b
thôn Thổ Nam	DC	xã Tế Thắng	H. Nông Cống	19° 41' 13"	105° 40' 18"					E-48-8-C-b
thôn Thổ Tân	DC	xã Tế Thắng	H. Nông Cống	19° 41' 19"	105° 39' 44"					E-48-8-C-b
thôn Thổ Trung	DC	xã Tế Thắng	H. Nông Cống	19° 41' 07"	105° 40' 24"					E-48-8-C-b
thôn Thổ Vị	DC	xã Tế Thắng	H. Nông Cống	19° 41' 07"	105° 40' 24"					E-48-8-C-b
thôn Yên Cách	DC	xã Tế Thắng	H. Nông Cống	19° 41' 18"	105° 41' 28"					E-48-8-C-b
thôn Lai Phục	DC	xã Thăng Bình	H. Nông Cống	19° 35' 56"	105° 41' 23"					E-48-8-C-d
thôn Lý Bắc	DC	xã Thăng Bình	H. Nông Cống	19° 35' 28"	105° 41' 11"					E-48-8-C-d
thôn Lý Đông	DC	xã Thăng Bình	H. Nông Cống	19° 35' 02"	105° 41' 47"					E-48-8-C-d
thôn Lý Nam	DC	xã Thăng Bình	H. Nông Cống	19° 35' 24"	105° 41' 33"					E-48-8-C-d
thôn Lý Tây	DC	xã Thăng Bình	H. Nông Cống	19° 35' 15"	105° 41' 41"					E-48-8-C-d
Sông Mực	TV	xã Thăng Bình	H. Nông Cống			19° 37' 55"	105° 33' 45"	19° 38' 41"	105° 42' 58"	E-48-8-C-d
thôn Mỹ Trí	DC	xã Thăng Bình	H. Nông Cống	19° 36' 30"	105° 40' 45"					E-48-8-C-d
kênh Nam Sông Mực	TV	xã Thăng Bình	H. Nông Cống			19° 37' 52"	105° 33' 46"	19° 35' 38"	105° 37' 46"	E-48-8-C-d
thôn Ngọ Hạ	DC	xã Thăng Bình	H. Nông Cống	19° 35' 22"	105° 40' 55"					E-48-8-C-d
thôn Ngọ Thượng	DC	xã Thăng Bình	H. Nông Cống	19° 34' 48"	105° 40' 55"					E-48-8-C-d
thôn Ngọ Trung	DC	xã Thăng Bình	H. Nông Cống	19° 35' 02"	105° 41' 01"					E-48-8-C-d
thôn Quần Bối	DC	xã Thăng Bình	H. Nông Cống	19° 35' 22"	105° 40' 25"					E-48-8-C-d
Núi Sẻ	SV	xã Thăng Bình	H. Nông Cống	19° 35' 00"	105° 41' 32"					E-48-8-C-d
thôn Tây Giang	DC	xã Thăng Bình	H. Nông Cống	19° 36' 16"	105° 40' 50"					E-48-8-C-d
thôn Thái Giai	DC	xã Thăng Bình	H. Nông Cống	19° 36' 15"	105° 41' 07"					E-48-8-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Thái Sơn	DC	xã Thăng Bình	H. Nông Cống	19° 35' 33"	105° 40' 53"					E-48-8-C-d
đường tỉnh 505	KX	xã Thăng Long	H. Nông Cống			19° 37' 31"	105° 38' 49"	19° 28' 30"	105° 36' 04"	E-48-8-C-d
thôn Ân Phú	DC	xã Thăng Long	H. Nông Cống	19° 36' 15"	105° 37' 52"					E-48-8-C-d
xóm Cầu Chậm	DC	xã Thăng Long	H. Nông Cống	19° 36' 03"	105° 38' 14"					E-48-8-C-d
Suối Chậm	TV	xã Thăng Long	H. Nông Cống			19° 34' 53"	105° 37' 11"	19° 36' 18"	105° 40' 05"	E-48-8-C-d
hồ Cồ Cò	TV	xã Thăng Long	H. Nông Cống	19° 34' 06"	105° 38' 17"					E-48-8-C-d
thôn Đại Bản	DC	xã Thăng Long	H. Nông Cống	19° 36' 33"	105° 39' 10"					E-48-8-C-d
thôn Mỹ Quang	DC	xã Thăng Long	H. Nông Cống	19° 34' 30"	105° 37' 43"					E-48-8-C-d
kênh Nam Sông Mực	TV	xã Thăng Long	H. Nông Cống			19° 37' 52"	105° 33' 46"	19° 35' 38"	105° 37' 46"	E-48-8-C-c, E-48-8-C-d
thôn Ngọc Chẩm	DC	xã Thăng Long	H. Nông Cống	19° 35' 29"	105° 38' 39"					E-48-8-C-d
thôn Ngư Thôn	DC	xã Thăng Long	H. Nông Cống	19° 36' 27"	105° 38' 41"					E-48-8-C-d
Thôn Ốc	DC	xã Thăng Long	H. Nông Cống	19° 35' 57"	105° 39' 00"					E-48-8-C-d
Núi Rỏn	SV	xã Thăng Long	H. Nông Cống	19° 36' 38"	105° 39' 25"					E-48-8-C-d
thôn Tân Đại	DC	xã Thăng Long	H. Nông Cống	19° 35' 12"	105° 37' 38"					E-48-8-C-d
thôn Tân Giao	DC	xã Thăng Long	H. Nông Cống	19° 35' 50"	105° 37' 48"					E-48-8-C-d
thôn Tân Vinh	DC	xã Thăng Long	H. Nông Cống	19° 36' 12"	105° 37' 22"					E-48-8-C-c
thôn Thập Lý	DC	xã Thăng Long	H. Nông Cống	19° 35' 47"	105° 37' 22"					E-48-8-C-d
thôn Vạn Thành	DC	xã Thăng Long	H. Nông Cống	19° 34' 51"	105° 37' 59"					E-48-8-C-d
thôn 1	DC	xã Thăng Thọ	H. Nông Cống	19° 34' 59"	105° 38' 41"					E-48-8-C-d
thôn 2	DC	xã Thăng Thọ	H. Nông Cống	19° 35' 05"	105° 38' 50"					E-48-8-C-d
thôn 3	DC	xã Thăng Thọ	H. Nông Cống	19° 35' 01"	105° 38' 58"					E-48-8-C-d
thôn 4	DC	xã Thăng Thọ	H. Nông Cống	19° 34' 55"	105° 39' 09"					E-48-8-C-d
thôn 5	DC	xã Thăng Thọ	H. Nông Cống	19° 34' 59"	105° 39' 18"					E-48-8-C-d
thôn 6	DC	xã Thăng Thọ	H. Nông Cống	19° 35' 07"	105° 39' 14"					E-48-8-C-d
thôn 7	DC	xã Thăng Thọ	H. Nông Cống	19° 35' 11"	105° 39' 22"					E-48-8-C-d
thôn 8	DC	xã Thăng Thọ	H. Nông Cống	19° 35' 22"	105° 39' 22"					E-48-8-C-d
thôn 9	DC	xã Thăng Thọ	H. Nông Cống	19° 35' 13"	105° 39' 27"					E-48-8-C-d
thôn 10	DC	xã Thăng Thọ	H. Nông Cống	19° 35' 04"	105° 39' 36"					E-48-8-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn 11	DC	xã Thăng Thọ	H. Nông Cống	19° 34' 35"	105° 39' 25"					E-48-8-C-d
đường tỉnh 505	KX	xã Thăng Thọ	H. Nông Cống			19° 37' 31"	105° 38' 49"	19° 28' 30"	105° 36' 04"	E-48-8-C-d
kênh Nam Sông Mực	TV	xã Thăng Thọ	H. Nông Cống			19° 37' 52"	105° 33' 46"	19° 35' 38"	105° 37' 46"	E-48-8-C-d
thôn 1	DC	xã Trung Chính	H. Nông Cống	19° 42' 37"	105° 39' 40"					E-48-8-C-b
thôn 2	DC	xã Trung Chính	H. Nông Cống	19° 42' 45"	105° 39' 44"					E-48-8-C-b
thôn 3	DC	xã Trung Chính	H. Nông Cống	19° 42' 39"	105° 39' 46"					E-48-8-C-b
thôn 4	DC	xã Trung Chính	H. Nông Cống	19° 42' 31"	105° 40' 09"					E-48-8-C-b
thôn 5	DC	xã Trung Chính	H. Nông Cống	19° 42' 40"	105° 40' 30"					E-48-8-C-b
thôn 6	DC	xã Trung Chính	H. Nông Cống	19° 42' 40"	105° 40' 41"					E-48-8-C-b
thôn 7	DC	xã Trung Chính	H. Nông Cống	19° 42' 24"	105° 41' 02"					E-48-8-C-b
thôn 8	DC	xã Trung Chính	H. Nông Cống	19° 42' 45"	105° 40' 53"					E-48-8-C-b
quốc lộ 45	KX	xã Trung Chính	H. Nông Cống			20° 10' 25"	105° 46' 47"	19° 48' 05"	105° 26' 03"	E-48-8-C-b
đường tỉnh 506	KX	xã Trung Chính	H. Nông Cống			19° 42' 19"	105° 41' 04"	19° 54' 50"	105° 24' 40"	E-48-8-C-b
kênh N8	TV	xã Trung Chính	H. Nông Cống			19° 45' 25"	105° 37' 55"	19° 36' 48"	105° 39' 20"	E-48-8-C-b
Kênh Nam	TV	xã Trung Chính	H. Nông Cống			19° 54' 41"	105° 32' 31"	19° 40' 11"	105° 42' 52"	E-48-8-C-b
Sông Nhơm	TV	xã Trung Chính	H. Nông Cống			19° 48' 39"	105° 31' 13"	19° 39' 44"	105° 42' 50"	E-48-8-C-b
Cầu Quan	KX	xã Trung Chính	H. Nông Cống	19° 42' 19"	105° 41' 02"					E-48-8-C-b
quốc lộ 45	KX	xã Trung Thành	H. Nông Cống			20° 10' 25"	105° 46' 47"	19° 48' 05"	105° 26' 03"	E-48-8-C-b
thôn Côn Sơn	DC	xã Trung Thành	H. Nông Cống	19° 42' 29"	105° 40' 39"					E-48-8-C-b
thôn Đông Yên	DC	xã Trung Thành	H. Nông Cống	19° 42' 17"	105° 38' 59"					E-48-8-C-b
núi Hạ Sơn	SV	xã Trung Thành	H. Nông Cống	19° 41' 20"	105° 38' 20"					E-48-8-C-b
thôn Lương Mộng	DC	xã Trung Thành	H. Nông Cống	19° 42' 04"	105° 39' 44"					E-48-8-C-b
kênh N8	TV	xã Trung Thành	H. Nông Cống			19° 45' 25"	105° 37' 55"	19° 36' 48"	105° 39' 20"	E-48-8-C-b
Sông Nhơm	TV	xã Trung Thành	H. Nông Cống			19° 48' 39"	105° 31' 13"	19° 39' 44"	105° 42' 50"	E-48-8-C-b
Núi Nưa	SV	xã Trung Thành	H. Nông Cống	19° 41' 44"	105° 38' 17"					E-48-8-C-b
thôn Phú Mỹ	DC	xã Trung Thành	H. Nông Cống	19° 41' 44"	105° 40' 06"					E-48-8-C-b
Cầu Quan	KX	xã Trung Thành	H. Nông Cống	19° 42' 19"	105° 41' 02"					E-48-8-C-b
thôn Yên Dân	DC	xã Trung Thành	H. Nông Cống	19° 41' 47"	105° 39' 27"					E-48-8-C-b
thôn Yên Quả 1	DC	xã Trung Thành	H. Nông Cống	19° 41' 57"	105° 40' 42"					E-48-8-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Yên Quả 2	DC	xã Trung Thành	H. Nông Cống	19° 42' 15"	105° 40' 48"					E-48-8-C-b
thôn 1	DC	xã Trung Ý	H. Nông Cống	19° 41' 39"	105° 41' 20"					E-48-8-C-b
thôn 2	DC	xã Trung Ý	H. Nông Cống	19° 41' 48"	105° 41' 13"					E-48-8-C-b
thôn 3	DC	xã Trung Ý	H. Nông Cống	19° 41' 37"	105° 41' 02"					E-48-8-C-b
thôn 4	DC	xã Trung Ý	H. Nông Cống	19° 41' 37"	105° 41' 11"					E-48-8-C-b
thôn 5	DC	xã Trung Ý	H. Nông Cống	19° 41' 23"	105° 41' 02"					E-48-8-C-b
thôn 6	DC	xã Trung Ý	H. Nông Cống	19° 41' 29"	105° 41' 16"					E-48-8-C-b
Kênh Nam	TV	xã Trung Ý	H. Nông Cống			19° 54' 41"	105° 32' 31"	19° 40' 11"	105° 42' 52"	E-48-8-C-b
Sông Nhơm	TV	xã Trung Ý	H. Nông Cống			19° 48' 39"	105° 31' 13"	19° 39' 44"	105° 42' 50"	E-48-8-C-b
thôn 1	DC	xã Trường Giang	H. Nông Cống	19° 36' 34"	105° 45' 13"					E-48-8-D-c
thôn 2	DC	xã Trường Giang	H. Nông Cống	19° 36' 48"	105° 45' 05"					E-48-8-D-c
thôn 3	DC	xã Trường Giang	H. Nông Cống	19° 36' 48"	105° 44' 48"					E-48-8-C-d
thôn 4	DC	xã Trường Giang	H. Nông Cống	19° 36' 52"	105° 44' 33"					E-48-8-C-d
thôn 5	DC	xã Trường Giang	H. Nông Cống	19° 37' 10"	105° 44' 43"					E-48-8-C-d
thôn 6	DC	xã Trường Giang	H. Nông Cống	19° 36' 56"	105° 44' 40"					E-48-8-C-d
thôn 7	DC	xã Trường Giang	H. Nông Cống	19° 36' 37"	105° 45' 16"					E-48-8-D-c
thôn 8	DC	xã Trường Giang	H. Nông Cống	19° 37' 02"	105° 44' 34"					E-48-8-C-d
thôn 9	DC	xã Trường Giang	H. Nông Cống	19° 37' 58"	105° 45' 56"					E-48-8-D-a
thôn 10	DC	xã Trường Giang	H. Nông Cống	19° 37' 45"	105° 45' 13"					E-48-8-D-a
thôn 11	DC	xã Trường Giang	H. Nông Cống	19° 37' 40"	105° 46' 01"					E-48-8-D-a
Sông Hoàng	TV	xã Trường Giang	H. Nông Cống			19° 43' 55"	105° 42' 41"	19° 36' 31"	105° 46' 34"	E-48-8-D-a
kênh Nam Sông Mực	TV	xã Trường Giang	H. Nông Cống			19° 37' 52"	105° 33' 46"	19° 35' 38"	105° 37' 46"	E-48-8-D-c, E-48-8-C-d
sông Thị Long	TV	xã Trường Giang	H. Nông Cống			19° 30' 13"	105° 41' 06"	19° 36' 29"	105° 45' 36"	E-48-8-D-c, E-48-8-C-d
làng Tuy Hoà	DC	xã Trường Giang	H. Nông Cống	19° 36' 37"	105° 45' 16"					E-48-8-C-d
Sông Yên	TV	xã Trường Giang	H. Nông Cống			19° 39' 44"	105° 42' 50"	19° 34' 32"	105° 48' 36"	E-48-8-D-c, E-48-8-C-b, E-48-8-D-a
thôn Đồi Thôn	DC	xã Trường Minh	H. Nông Cống	19° 36' 45"	105° 42' 13"					E-48-8-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Minh Côi	DC	xã Trường Minh	H. Nông Cống	19° 37' 10"	105° 42' 47"					E-48-8-C-d
Sông Mực	TV	xã Trường Minh	H. Nông Cống			19° 37' 55"	105° 33' 45"	19° 38' 41"	105° 42' 58"	E-48-8-C-d, E-48-8-C-b
thôn Phú Đặng	DC	xã Trường Minh	H. Nông Cống	19° 36' 14"	105° 42' 15"					E-48-8-C-d
thôn Phú Nẫm	DC	xã Trường Minh	H. Nông Cống	19° 36' 42"	105° 41' 28"					E-48-8-C-d
thôn Phú Viên	DC	xã Trường Minh	H. Nông Cống	19° 36' 38"	105° 42' 48"					E-48-8-C-d
thôn Thạch Lăng	DC	xã Trường Minh	H. Nông Cống	19° 36' 58"	105° 41' 23"					E-48-8-C-d
thôn Trường Đổi	DC	xã Trường Minh	H. Nông Cống	19° 37' 00"	105° 41' 58"					E-48-8-C-d
thôn Trường Phúc	DC	xã Trường Minh	H. Nông Cống	19° 37' 09"	105° 41' 38"					E-48-8-C-d
thôn Bất Nộ	DC	xã Trường Sơn	H. Nông Cống	19° 37' 05"	105° 43' 07"					E-48-8-C-d
thôn Kim Phú	DC	xã Trường Sơn	H. Nông Cống	19° 36' 29"	105° 43' 31"					E-48-8-C-d
kênh Nam Sông Mực	TV	xã Trường Sơn	H. Nông Cống			19° 37' 52"	105° 33' 46"	19° 35' 38"	105° 37' 46"	E-48-8-C-d
thôn Phúc Thọ	DC	xã Trường Sơn	H. Nông Cống	19° 36' 20"	105° 44' 03"					E-48-8-C-d
thôn Thành Liên	DC	xã Trường Sơn	H. Nông Cống	19° 37' 01"	105° 44' 03"					E-48-8-C-d
thôn Thọ Tiên	DC	xã Trường Sơn	H. Nông Cống	19° 36' 28"	105° 43' 48"					E-48-8-C-d
thôn Trung Yên	DC	xã Trường Sơn	H. Nông Cống	19° 36' 47"	105° 43' 58"					E-48-8-C-d
thôn Văn Độ	DC	xã Trường Sơn	H. Nông Cống	19° 36' 24"	105° 43' 04"					E-48-8-C-d
thôn Yên Minh	DC	xã Trường Sơn	H. Nông Cống	19° 36' 31"	105° 44' 12"					E-48-8-C-d
thôn Đông Xuân	DC	xã Trường Trung	H. Nông Cống	19° 37' 32"	105° 43' 20"					E-48-8-C-b
Sông Mực	TV	xã Trường Trung	H. Nông Cống			19° 37' 55"	105° 33' 45"	19° 38' 41"	105° 42' 58"	E-48-8-C-b, E-48-8-C-d
kênh Nam Sông Mực	TV	xã Trường Trung	H. Nông Cống			19° 37' 52"	105° 33' 46"	19° 35' 38"	105° 37' 46"	E-48-8-C-d
thôn Phượng Đoài	DC	xã Trường Trung	H. Nông Cống	19° 37' 26"	105° 43' 06"					E-48-8-C-b
thôn Tín Bản	DC	xã Trường Trung	H. Nông Cống	19° 37' 38"	105° 44' 30"					E-48-8-C-b
thôn Trung Liệt	DC	xã Trường Trung	H. Nông Cống	19° 37' 42"	105° 44' 14"					E-48-8-C-b
Sông Yên	TV	xã Trường Trung	H. Nông Cống			19° 39' 44"	105° 42' 50"	19° 34' 32"	105° 48' 36"	E-48-8-C-b, E-48-8-D-a
thôn Yên Lăng	DC	xã Trường Trung	H. Nông Cống	19° 37' 46"	105° 44' 33"					E-48-8-C-b
thôn Hoàng Lâm	DC	xã Tượng Lĩnh	H. Nông Cống	19° 34' 09"	105° 41' 48"					E-48-8-C-d
thôn Long Vực	DC	xã Tượng Lĩnh	H. Nông Cống	19° 34' 45"	105° 43' 11"					E-48-8-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
kênh Nam Sông Mực	TV	xã Tượng Lĩnh	H. Nông Cống			19° 37' 52"	105° 33' 46"	19° 35' 38"	105° 37' 46"	E-48-8-C-d
thôn Nga Thượng	DC	xã Tượng Lĩnh	H. Nông Cống	19° 34' 48"	105° 42' 32"					E-48-8-C-d
thôn Nhuyễn Sơn	DC	xã Tượng Lĩnh	H. Nông Cống	19° 34' 24"	105° 42' 06"					E-48-8-C-d
thôn Phú Long	DC	xã Tượng Lĩnh	H. Nông Cống	19° 35' 40"	105° 42' 36"					E-48-8-C-d
thôn Phú Sơn	DC	xã Tượng Lĩnh	H. Nông Cống	19° 34' 52"	105° 42' 06"					E-48-8-C-d
thôn Quang Vinh	DC	xã Tượng Lĩnh	H. Nông Cống	19° 34' 13"	105° 43' 00"					E-48-8-C-d
Núi Sẻ	SV	xã Tượng Lĩnh	H. Nông Cống	19° 35' 00"	105° 41' 32"					E-48-8-C-d
sông Thị Long	TV	xã Tượng Lĩnh	H. Nông Cống			19° 30' 13"	105° 41' 06"	19° 36' 29"	105° 45' 36"	E-48-8-C-d
thôn Thọ Nga	DC	xã Tượng Lĩnh	H. Nông Cống	19° 35' 05"	105° 42' 58"					E-48-8-C-d
thôn Vĩnh Lại	DC	xã Tượng Lĩnh	H. Nông Cống	19° 34' 33"	105° 43' 19"					E-48-8-C-d
đường tỉnh 512	KX	xã Tượng Sơn	H. Nông Cống			19° 31' 58"	105° 47' 31"	19° 31' 32"	105° 40' 56"	E-48-8-C-d
thôn Sơn Long	DC	xã Tượng Sơn	H. Nông Cống	19° 32' 08"	105° 42' 20"					E-48-8-C-d
thôn Bồng Sơn	DC	xã Tượng Sơn	H. Nông Cống	19° 32' 25"	105° 42' 51"					E-48-8-C-d
thôn Cát Lễ	DC	xã Tượng Sơn	H. Nông Cống	19° 33' 22"	105° 42' 05"					E-48-8-C-d
thôn Cát Sơn	DC	xã Tượng Sơn	H. Nông Cống	19° 32' 54"	105° 42' 25"					E-48-8-C-d
hồ Đầm Húng	TV	xã Tượng Sơn	H. Nông Cống	19° 33' 51"	105° 41' 42"					E-48-8-C-d
thôn Đức Minh	DC	xã Tượng Sơn	H. Nông Cống	19° 34' 00"	105° 42' 05"					E-48-8-C-d
thôn Kén Thôn	DC	xã Tượng Sơn	H. Nông Cống	19° 33' 44"	105° 43' 01"					E-48-8-C-d
hồ Khe Ba	TV	xã Tượng Sơn	H. Nông Cống	19° 33' 00"	105° 41' 53"					E-48-8-C-d
thôn Phú Triều	DC	xã Tượng Sơn	H. Nông Cống	19° 33' 55"	105° 42' 26"					E-48-8-C-d
thôn Tân Sơn	DC	xã Tượng Sơn	H. Nông Cống	19° 33' 22"	105° 41' 45"					E-48-8-C-d
thôn Thái Tượng	DC	xã Tượng Sơn	H. Nông Cống	19° 32' 42"	105° 42' 18"					E-48-8-C-d
cầu Thị Long	KX	xã Tượng Sơn	H. Nông Cống	19° 31' 58"	105° 42' 31"					E-48-8-C-d
ga Thị Long	KX	xã Tượng Sơn	H. Nông Cống	19° 32' 37"	105° 42' 30"					E-48-8-C-d
sông Thị Long	TV	xã Tượng Sơn	H. Nông Cống			19° 30' 13"	105° 41' 06"	19° 36' 29"	105° 45' 36"	E-48-8-C-d
thôn Thị Long	DC	xã Tượng Sơn	H. Nông Cống	19° 32' 35"	105° 41' 57"					E-48-8-C-d
núi Thiên Thân	SV	xã Tượng Sơn	H. Nông Cống	19° 33' 42"	105° 42' 05"					E-48-8-C-d
thôn Trúc Thịnh	DC	xã Tượng Sơn	H. Nông Cống	19° 33' 47"	105° 41' 19"					E-48-8-C-d
thôn Vân Thạch	DC	xã Tượng Sơn	H. Nông Cống	19° 33' 39"	105° 42' 20"					E-48-8-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Vinh Sơn	DC	xã Tượng Sơn	H. Nông Cống	19° 33' 06"	105° 42' 09"					E-48-8-C-d
Núi Voi	SV	xã Tượng Sơn	H. Nông Cống	19° 32' 53"	105° 40' 33"					E-48-8-C-d
thôn Đa Tiền	DC	xã Tượng Văn	H. Nông Cống	19° 35' 27"	105° 43' 16"					E-48-8-C-d
thôn Hùng Sơn	DC	xã Tượng Văn	H. Nông Cống	19° 34' 28"	105° 44' 12"					E-48-8-C-d
kênh Nam Sông Mực	TV	xã Tượng Văn	H. Nông Cống			19° 37' 52"	105° 33' 46"	19° 35' 38"	105° 37' 46"	E-48-8-C-d
thôn Phú Bắc	DC	xã Tượng Văn	H. Nông Cống	19° 36' 00"	105° 43' 21"					E-48-8-C-d
thôn Phú Đông	DC	xã Tượng Văn	H. Nông Cống	19° 35' 38"	105° 43' 27"					E-48-8-C-d
thôn Phú Nam	DC	xã Tượng Văn	H. Nông Cống	19° 35' 32"	105° 43' 23"					E-48-8-C-d
thôn Phú Tây	DC	xã Tượng Văn	H. Nông Cống	19° 35' 46"	105° 42' 51"					E-48-8-C-d
thôn Phú Thứ	DC	xã Tượng Văn	H. Nông Cống	19° 35' 57"	105° 44' 00"					E-48-8-C-d
thôn Phú Trung	DC	xã Tượng Văn	H. Nông Cống	19° 35' 39"	105° 43' 18"					E-48-8-C-d
thôn Quỳnh Tiến	DC	xã Tượng Văn	H. Nông Cống	19° 35' 31"	105° 43' 54"					E-48-8-C-d
sông Thị Long	TV	xã Tượng Văn	H. Nông Cống			19° 30' 13"	105° 41' 06"	19° 36' 29"	105° 45' 36"	E-48-8-C-d
thôn Thọ Tiến	DC	xã Tượng Văn	H. Nông Cống	19° 35' 22"	105° 44' 19"					E-48-8-C-d
thôn Thọ Xương	DC	xã Tượng Văn	H. Nông Cống	19° 35' 32"	105° 44' 39"					E-48-8-C-d
thôn Trí Phú	DC	xã Tượng Văn	H. Nông Cống	19° 35' 21"	105° 43' 57"					E-48-8-C-d
thôn Trúc Đại	DC	xã Tượng Văn	H. Nông Cống	19° 35' 03"	105° 44' 05"					E-48-8-C-d
quốc lộ 45	KX	xã Vạn Hoà	H. Nông Cống			20° 10' 25"	105° 46' 47"	19° 48' 05"	105° 26' 03"	E-48-8-C-b
đường tỉnh 505	KX	xã Vạn Hoà	H. Nông Cống			19° 37' 31"	105° 38' 49"	19° 28' 30"	105° 36' 04"	E-48-8-C-d
kênh Bắc Sông Mực	TV	xã Vạn Hoà	H. Nông Cống			19° 37' 43"	105° 35' 56"	19° 50' 59"	105° 36' 24"	E-48-8-C-a,
thôn Bái Đa	DC	xã Vạn Hoà	H. Nông Cống	19° 37' 52"	105° 38' 36"					E-48-8-C-b
thôn Cẩm Bào	DC	xã Vạn Hoà	H. Nông Cống	19° 38' 10"	105° 37' 57"					E-48-8-C-b
thôn Cẩm Phúc	DC	xã Vạn Hoà	H. Nông Cống	19° 38' 28"	105° 37' 44"					E-48-8-C-a
thôn Đồng Lương	DC	xã Vạn Hoà	H. Nông Cống	19° 38' 17"	105° 38' 14"					E-48-8-C-b
hồ Đồng Thọ	TV	xã Vạn Hoà	H. Nông Cống	19° 37' 29"	105° 38' 10"					E-48-8-C-d, E-48-8-C-b
thôn Đồng Thọ	DC	xã Vạn Hoà	H. Nông Cống	19° 37' 41"	105° 37' 55"					E-48-8-C-b
Núi Lùng	SV	xã Vạn Hoà	H. Nông Cống	19° 37' 01"	105° 37' 36"					E-48-8-C-c
Núi Mét	SV	xã Vạn Hoà	H. Nông Cống	19° 38' 18"	105° 37' 17"					E-48-8-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Sông Mực	TV	xã Vạn Hoà	H. Nông Cống			19° 37' 55"	105° 33' 45"	19° 38' 41"	105° 42' 58"	E-48-8-C-a, E-48-8-C-b
Núi Muôn	SV	xã Vạn Hoà	H. Nông Cống	19° 38' 47"	105° 37' 45"					E-48-8-C-b
Núi Ná	SV	xã Vạn Hoà	H. Nông Cống	19° 38' 37"	105° 36' 43"					E-48-8-C-a
thôn Ngọc Bản	DC	xã Vạn Hoà	H. Nông Cống	19° 38' 31"	105° 38' 37"					E-48-8-C-b
thôn Quyết Chiến	DC	xã Vạn Hoà	H. Nông Cống	19° 38' 09"	105° 37' 38"					E-48-8-C-b
thôn Thanh Ban	DC	xã Vạn Hoà	H. Nông Cống	19° 37' 38"	105° 38' 33"					E-48-8-C-b
thôn Thanh Điền	DC	xã Vạn Hoà	H. Nông Cống	19° 38' 36"	105° 38' 43"					E-48-8-C-b
thôn Thiện Na	DC	xã Vạn Hoà	H. Nông Cống	19° 38' 04"	105° 37' 58"					E-48-8-C-b
thôn Thọ Sơn	DC	xã Vạn Hoà	H. Nông Cống	19° 37' 22"	105° 38' 12"					E-48-8-C-d
thôn Tùng Thiện	DC	xã Vạn Hoà	H. Nông Cống	19° 38' 13"	105° 38' 39"					E-48-8-C-b
thôn Vạn Trạch	DC	xã Vạn Hoà	H. Nông Cống	19° 36' 54"	105° 38' 19"					E-48-8-C-d
Suối Vắt	TV	xã Vạn Hoà	H. Nông Cống			19° 40' 01"	105° 37' 08"	19° 38' 49"	105° 38' 42"	E-48-8-C-b
quốc lộ 45	KX	xã Vạn Thắng	H. Nông Cống			20° 10' 25"	105° 46' 47"	19° 48' 05"	105° 26' 03"	E-48-8-C-a, E-48-8-C-b
kênh Bắc Sông Mực	TV	xã Vạn Thắng	H. Nông Cống			19° 37' 43"	105° 35' 56"	19° 50' 59"	105° 36' 24"	E-48-8-C-a
thôn Ban Thọ	DC	xã Vạn Thắng	H. Nông Cống	19° 37' 34"	105° 36' 32"					E-48-8-C-a
thôn Đông Hoa	DC	xã Vạn Thắng	H. Nông Cống	19° 37' 56"	105° 35' 46"					E-48-8-C-a
thôn Đông Tài	DC	xã Vạn Thắng	H. Nông Cống	19° 37' 50"	105° 36' 14"					E-48-8-C-a
thôn Giản Hiền	DC	xã Vạn Thắng	H. Nông Cống	19° 37' 43"	105° 37' 07"					E-48-8-C-a
thôn Lăng Thôn	DC	xã Vạn Thắng	H. Nông Cống	19° 37' 06"	105° 36' 34"					E-48-8-C-c
Núi Lùng	SV	xã Vạn Thắng	H. Nông Cống	19° 37' 01"	105° 37' 36"					E-48-8-C-c
Núi Mét	SV	xã Vạn Thắng	H. Nông Cống	19° 38' 18"	105° 37' 17"					E-48-8-C-a
Sông Mực	TV	xã Vạn Thắng	H. Nông Cống			19° 37' 55"	105° 33' 45"	19° 38' 41"	105° 42' 58"	E-48-8-C-a, E-48-8-C-b
Núi Ná	SV	xã Vạn Thắng	H. Nông Cống	19° 38' 37"	105° 36' 43"					E-48-8-C-a
kênh Nam Sông Mực	TV	xã Vạn Thắng	H. Nông Cống			19° 37' 52"	105° 33' 46"	19° 35' 38"	105° 37' 46"	E-48-8-C-c, E-48-8-C-a
thôn Nhuệ Thôn	DC	xã Vạn Thắng	H. Nông Cống	19° 38' 02"	105° 37' 05"					E-48-8-C-a
thôn Phố Mới	DC	xã Vạn Thắng	H. Nông Cống	19° 37' 39"	105° 36' 42"					E-48-8-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Quỳ Thắng	DC	xã Vạn Thắng	H. Nông Cống	19° 36' 42"	105° 36' 17"					E-48-8-C-c
thôn Quyết Thắng	DC	xã Vạn Thắng	H. Nông Cống	19° 37' 44"	105° 37' 24"					E-48-8-C-a
thôn Sinh Tân	DC	xã Vạn Thắng	H. Nông Cống	19° 37' 11"	105° 37' 03"					E-48-8-C-c
thôn Tân Đạo	DC	xã Vạn Thắng	H. Nông Cống	19° 36' 55"	105° 37' 23"					E-48-8-C-c
đường tỉnh 505	KX	xã Vạn Thiện	H. Nông Cống			19° 37' 31"	105° 38' 49"	19° 28' 30"	105° 36' 04"	E-48-8-C-d
thôn Cao Nhuận	DC	xã Vạn Thiện	H. Nông Cống	19° 37' 43"	105° 39' 49"					E-48-8-C-b
Suối Chậm	TV	xã Vạn Thiện	H. Nông Cống			19° 34' 53"	105° 37' 12"	19° 36' 18"	105° 40' 05"	E-48-8-C-d
thôn Cộng Hoà	DC	xã Vạn Thiện	H. Nông Cống	19° 36' 56"	105° 39' 00"					E-48-8-C-d
Xóm Giữa	DC	xã Vạn Thiện	H. Nông Cống	19° 37' 12"	105° 40' 18"					E-48-8-C-d
thôn Liên Minh	DC	xã Vạn Thiện	H. Nông Cống	19° 37' 58"	105° 40' 32"					E-48-8-C-b
Sông Mực	TV	xã Vạn Thiện	H. Nông Cống			19° 37' 55"	105° 33' 45"	19° 38' 41"	105° 42' 58"	E-48-8-C-b, E-48-8-C-d
kênh N8	TV	xã Vạn Thiện	H. Nông Cống			19° 45' 25"	105° 37' 55"	19° 36' 48"	105° 39' 20"	E-48-8-C-b, E-48-8-C-d
Núi Nhến	SV	xã Vạn Thiện	H. Nông Cống	19° 36' 54"	105° 38' 42"					E-48-8-C-d
thôn Quyết Thanh 1	DC	xã Vạn Thiện	H. Nông Cống	19° 37' 37"	105° 39' 14"					E-48-8-C-b
thôn Quyết Thanh 2	DC	xã Vạn Thiện	H. Nông Cống	19° 37' 37"	105° 39' 33"					E-48-8-C-b
thôn Tân Lập	DC	xã Vạn Thiện	H. Nông Cống	19° 36' 48"	105° 39' 45"					E-48-8-C-d
thôn Tân Trù	DC	xã Vạn Thiện	H. Nông Cống	19° 37' 09"	105° 40' 07"					E-48-8-C-d
thôn Thiện Sơn	DC	xã Vạn Thiện	H. Nông Cống	19° 36' 50"	105° 38' 26"					E-48-8-C-b
thôn Xóm Chuyền	DC	xã Vạn Thiện	H. Nông Cống	19° 37' 22"	105° 40' 23"					E-48-8-C-d
đường tỉnh 505	KX	xã Yên Mỹ	H. Nông Cống			19° 37' 31"	105° 38' 49"	19° 28' 30"	105° 36' 04"	E-48-20-A-b, E-48-8-C-d, E-48-8-C-d
hồ Bòng Bòng	TV	xã Yên Mỹ	H. Nông Cống	19° 29' 51"	105° 40' 44"					E-48-20-A-b, E-48-8-C-d
thôn Lâm Hoà	DC	xã Yên Mỹ	H. Nông Cống	19° 29' 35"	105° 37' 00"					E-48-20-A-a
thôn Mỹ Phong	DC	xã Yên Mỹ	H. Nông Cống	19° 30' 14"	105° 40' 20"					E-48-8-C-d
thôn Sơn Đồng	DC	xã Yên Mỹ	H. Nông Cống	19° 29' 43"	105° 38' 01"					E-48-20-A-b
thôn Trung Phú	DC	xã Yên Mỹ	H. Nông Cống	19° 29' 39"	105° 39' 13"					E-48-20-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Trung Tâm	DC	xã Yên Mỹ	H. Nông Cống	19° 29' 53"	105° 39' 59"					E-48-20-A-b
thôn Xuân Thịnh	DC	xã Yên Mỹ	H. Nông Cống	19° 30' 22"	105° 39' 46"					E-48-8-C-d
hồ Yên Mỹ	TV	xã Yên Mỹ	H. Nông Cống	19° 29' 02"	105° 38' 46"					E-48-20-A-a, E-48-20-A-b
quốc lộ 1A	KX	TT. Quảng Xương	H. Quảng Xương			20° 08' 01"	105° 51' 32"	19° 18' 42"	105° 43' 16"	E-48-8-D-a
khu phố 1	DC	TT. Quảng Xương	H. Quảng Xương	19° 43' 44"	105° 46' 47"					E-48-8-D-a
khu phố 2	DC	TT. Quảng Xương	H. Quảng Xương	19° 44' 13"	105° 46' 52"					E-48-8-D-a
thôn Đắc Tú	DC	TT. Quảng Xương	H. Quảng Xương	19° 44' 14"	105° 46' 43"					E-48-8-D-a
thôn Đông Đa	DC	TT. Quảng Xương	H. Quảng Xương	19° 43' 50"	105° 47' 06"					E-48-8-D-a
khu phố Tân Phong	DC	TT. Quảng Xương	H. Quảng Xương	19° 43' 53"	105° 46' 52"					E-48-8-D-a
thôn Tân Thượng	DC	TT. Quảng Xương	H. Quảng Xương	19° 43' 58"	105° 46' 45"					E-48-8-D-a
quốc lộ 1A	KX	xã Quảng Bình	H. Quảng Xương			20° 08' 01"	105° 51' 32"	19° 18' 42"	105° 43' 16"	E-48-8-D-a
thôn 1	DC	xã Quảng Bình	H. Quảng Xương	19° 41' 08"	105° 47' 00"					E-48-8-D-a
thôn 2	DC	xã Quảng Bình	H. Quảng Xương	19° 40' 56"	105° 46' 48"					E-48-8-D-a
thôn 3	DC	xã Quảng Bình	H. Quảng Xương	19° 40' 33"	105° 47' 24"					E-48-8-D-a
thôn 4	DC	xã Quảng Bình	H. Quảng Xương	19° 40' 24"	105° 47' 20"					E-48-8-D-a
thôn 5	DC	xã Quảng Bình	H. Quảng Xương	19° 40' 16"	105° 47' 33"					E-48-8-D-a
thôn 6	DC	xã Quảng Bình	H. Quảng Xương	19° 40' 05"	105° 47' 30"					E-48-8-D-a
thôn 7	DC	xã Quảng Bình	H. Quảng Xương	19° 41' 11"	105° 47' 56"					E-48-8-D-a
thôn 8	DC	xã Quảng Bình	H. Quảng Xương	19° 41' 15"	105° 47' 46"					E-48-8-D-a
thôn 9	DC	xã Quảng Bình	H. Quảng Xương	19° 41' 20"	105° 47' 05"					E-48-8-D-a
Sông Lý	TV	xã Quảng Bình	H. Quảng Xương			19° 44' 24"	105° 44' 42"	19° 37' 09"	105° 48' 47"	E-48-8-D-a
làng Ngưu Trung	DC	xã Quảng Bình	H. Quảng Xương	19° 40' 24"	105° 47' 20"					E-48-8-D-a
làng Trần Cầu	DC	xã Quảng Bình	H. Quảng Xương	19° 41' 02"	105° 46' 55"					E-48-8-D-a
làng Xa Thư	DC	xã Quảng Bình	H. Quảng Xương	19° 41' 15"	105° 47' 46"					E-48-8-D-a
quốc lộ 47	KX	xã Quảng Châu	H. Quảng Xương			19° 44' 00"	105° 53' 56"	19° 53' 36"	105° 24' 14"	E-48-8-D-a, E-48-8-D-b
đền thờ An Dương Vương	KX	xã Quảng Châu	H. Quảng Xương	19° 44' 53"	105° 52' 34"					E-48-8-D-b
cầu Bình Hoà	KX	xã Quảng Châu	H. Quảng Xương	19° 44' 36"	105° 52' 48"					E-48-8-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Châu An	DC	xã Quảng Châu	H. Quảng Xương	19° 44' 55"	105° 52' 19"					E-48-8-D-a
thôn Châu Bình	DC	xã Quảng Châu	H. Quảng Xương	19° 44' 50"	105° 52' 11"					E-48-8-D-a
thôn Châu Chính	DC	xã Quảng Châu	H. Quảng Xương	19° 45' 11"	105° 52' 26"					E-48-8-B-c
thôn Châu Giang	DC	xã Quảng Châu	H. Quảng Xương	19° 46' 04"	105° 52' 59"					E-48-8-B-c
thôn Châu Lộc	DC	xã Quảng Châu	H. Quảng Xương	19° 46' 03"	105° 52' 41"					E-48-8-B-d
thôn Châu Thành	DC	xã Quảng Châu	H. Quảng Xương	19° 44' 55"	105° 52' 34"					E-48-8-D-b
Sông Đơ	TV	xã Quảng Châu	H. Quảng Xương			19° 46' 20"	105° 53' 20"	19° 43' 37"	105° 52' 37"	E-48-8-B-d, E-48-8-B-c
làng Kiều Đại	DC	xã Quảng Châu	H. Quảng Xương	19° 45' 34"	105° 52' 12"					E-48-8-B-c
thôn Kiều Đại 1	DC	xã Quảng Châu	H. Quảng Xương	19° 45' 22"	105° 52' 14"					E-48-8-B-c
thôn Kiều Đại 2	DC	xã Quảng Châu	H. Quảng Xương	19° 45' 34"	105° 52' 12"					E-48-8-B-c
thôn Kiều Đại 3	DC	xã Quảng Châu	H. Quảng Xương	19° 45' 48"	105° 52' 06"					E-48-8-B-c
Sông Mã	TV	xã Quảng Châu	H. Quảng Xương			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	E-48-8-B-d, E-48-8-B-c
sông Thống Nhất	TV	xã Quảng Châu	H. Quảng Xương			19° 47' 53"	105° 47' 13"	19° 46' 18"	105° 53' 02"	E-48-8-B-d, E-48-8-B-c
làng Xuân Phương	DC	xã Quảng Châu	H. Quảng Xương	19° 45' 30"	105° 52' 30"					E-48-8-B-d
thôn Xuân Phương 1	DC	xã Quảng Châu	H. Quảng Xương	19° 45' 25"	105° 52' 31"					E-48-8-B-d
thôn Xuân Phương 2	DC	xã Quảng Châu	H. Quảng Xương	19° 45' 30"	105° 52' 30"					E-48-8-B-d
thôn Xuân Phương 3	DC	xã Quảng Châu	H. Quảng Xương	19° 45' 37"	105° 52' 27"					E-48-8-B-c
thôn Yên Trạch	DC	xã Quảng Châu	H. Quảng Xương	19° 45' 26"	105° 52' 37"					E-48-8-B-d
quốc lộ 1A	KX	xã Quảng Chính	H. Quảng Xương			20° 08' 01"	105° 51' 32"	19° 18' 42"	105° 43' 16"	E-48-8-D-c, E-48-8-D-a
thôn Chính Đa	DC	xã Quảng Chính	H. Quảng Xương	19° 36' 52"	105° 47' 31"					E-48-8-D-c
thôn Đại Đồng	DC	xã Quảng Chính	H. Quảng Xương	19° 37' 20"	105° 47' 17"					E-48-8-D-c
Sông Hoàng	TV	xã Quảng Chính	H. Quảng Xương			19° 43' 55"	105° 42' 41"	19° 36' 31"	105° 46' 34"	E-48-8-D-a, E-48-8-D-c
Sông Lý	TV	xã Quảng Chính	H. Quảng Xương			19° 44' 24"	105° 44' 42"	19° 37' 09"	105° 48' 47"	E-48-8-D-a
thôn Ngọc Diêm 1	DC	xã Quảng Chính	H. Quảng Xương	19° 37' 39"	105° 47' 49"					E-48-8-D-a
thôn Ngọc Diêm 2	DC	xã Quảng Chính	H. Quảng Xương	19° 37' 18"	105° 47' 56"					E-48-8-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Phú Lương	DC	xã Quảng Chính	H. Quảng Xương	19° 37' 36"	105° 47' 28"					E-48-8-D-a
cầu Sông Lý	KX	xã Quảng Chính	H. Quảng Xương	19° 38' 09"	105° 47' 46"					E-48-8-D-a
thôn Thanh Xuân	DC	xã Quảng Chính	H. Quảng Xương	19° 37' 10"	105° 47' 38"					E-48-8-D-c
Sông Yên	TV	xã Quảng Chính	H. Quảng Xương			19° 39' 44"	105° 42' 50"	19° 34' 32"	105° 48' 36"	E-48-8-D-c
thôn 1	DC	xã Quảng Đại	H. Quảng Xương	19° 42' 51"	105° 50' 22"					E-48-8-D-a
thôn 2	DC	xã Quảng Đại	H. Quảng Xương	19° 42' 34"	105° 50' 16"					E-48-8-D-a
thôn 3	DC	xã Quảng Đại	H. Quảng Xương	19° 42' 39"	105° 50' 24"					E-48-8-D-a
thôn 4	DC	xã Quảng Đại	H. Quảng Xương	19° 42' 28"	105° 50' 22"					E-48-8-D-a
thôn 5	DC	xã Quảng Đại	H. Quảng Xương	19° 42' 37"	105° 50' 35"					E-48-8-D-a
thôn 6	DC	xã Quảng Đại	H. Quảng Xương	19° 42' 24"	105° 50' 31"					E-48-8-D-a
thôn 7	DC	xã Quảng Đại	H. Quảng Xương	19° 42' 26"	105° 50' 56"					E-48-8-D-a
thôn 8	DC	xã Quảng Đại	H. Quảng Xương	19° 42' 24"	105° 51' 00"					E-48-8-D-a
thôn 9	DC	xã Quảng Đại	H. Quảng Xương	19° 42' 15"	105° 50' 53"					E-48-8-D-a
thôn 1	DC	xã Quảng Định	H. Quảng Xương	19° 44' 07"	105° 48' 00"					E-48-8-D-a
thôn 2	DC	xã Quảng Định	H. Quảng Xương	19° 44' 16"	105° 47' 56"					E-48-8-D-a
thôn 3	DC	xã Quảng Định	H. Quảng Xương	19° 44' 21"	105° 48' 00"					E-48-8-D-a
thôn 4	DC	xã Quảng Định	H. Quảng Xương	19° 44' 26"	105° 48' 00"					E-48-8-D-a
thôn 5	DC	xã Quảng Định	H. Quảng Xương	19° 44' 28"	105° 47' 58"					E-48-8-D-a
thôn 6	DC	xã Quảng Định	H. Quảng Xương	19° 44' 32"	105° 48' 04"					E-48-8-D-a
thôn 7	DC	xã Quảng Định	H. Quảng Xương	19° 44' 35"	105° 47' 57"					E-48-8-D-a
thôn 8	DC	xã Quảng Định	H. Quảng Xương	19° 44' 41"	105° 48' 04"					E-48-8-D-a
thôn 9	DC	xã Quảng Định	H. Quảng Xương	19° 45' 08"	105° 48' 04"					E-48-8-B-c
thôn 10	DC	xã Quảng Định	H. Quảng Xương	19° 44' 57"	105° 48' 02"					E-48-8-D-a
thôn 11	DC	xã Quảng Định	H. Quảng Xương	19° 45' 04"	105° 47' 49"					E-48-8-B-c
thôn 12	DC	xã Quảng Định	H. Quảng Xương	19° 44' 38"	105° 48' 40"					E-48-8-D-a
thôn 13	DC	xã Quảng Định	H. Quảng Xương	19° 44' 33"	105° 48' 54"					E-48-8-D-a
thôn 14	DC	xã Quảng Định	H. Quảng Xương	19° 44' 43"	105° 49' 16"					E-48-8-D-a
thôn 15	DC	xã Quảng Định	H. Quảng Xương	19° 45' 23"	105° 47' 32"					E-48-8-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
sông Nông Giang	TV	xã Quảng Định	H. Quảng Xương			19° 53' 46"	105° 22' 38"	19° 50' 04"	105° 42' 15"	E-48-8-B-c, E-48-8-D-a
thôn An Toàn	DC	xã Quảng Đức	H. Quảng Xương	19° 43' 49"	105° 47' 38"					E-48-8-D-a
thôn Đức Cao	DC	xã Quảng Đức	H. Quảng Xương	19° 43' 35"	105° 48' 32"					E-48-8-D-a
thôn Đức Sơn	DC	xã Quảng Đức	H. Quảng Xương	19° 43' 47"	105° 48' 54"					E-48-8-D-a
thôn Đức Thắng	DC	xã Quảng Đức	H. Quảng Xương	19° 42' 49"	105° 48' 36"					E-48-8-D-a
thôn Đức Thành	DC	xã Quảng Đức	H. Quảng Xương	19° 43' 30"	105° 48' 04"					E-48-8-D-a
thôn Đức Trang	DC	xã Quảng Đức	H. Quảng Xương	19° 43' 18"	105° 47' 56"					E-48-8-D-a
thôn Đức Trung	DC	xã Quảng Đức	H. Quảng Xương	19° 43' 14"	105° 48' 25"					E-48-8-D-a
thôn Phú Đa 1	DC	xã Quảng Đức	H. Quảng Xương	19° 43' 16"	105° 47' 31"					E-48-8-D-a
thôn Phú Đa 2	DC	xã Quảng Đức	H. Quảng Xương	19° 43' 18"	105° 47' 56"					E-48-8-D-a
thôn Phú Đa 3	DC	xã Quảng Đức	H. Quảng Xương	19° 42' 58"	105° 47' 49"					E-48-8-D-a
thôn Quang Tiền	DC	xã Quảng Đức	H. Quảng Xương	19° 43' 25"	105° 47' 38"					E-48-8-D-a
thôn Tiền Thịnh 15	DC	xã Quảng Đức	H. Quảng Xương	19° 43' 57"	105° 47' 56"					E-48-8-D-a
thôn Tiền Thịnh 8	DC	xã Quảng Đức	H. Quảng Xương	19° 43' 52"	105° 47' 56"					E-48-8-D-a
thôn Tiền Thịnh 9	DC	xã Quảng Đức	H. Quảng Xương	19° 43' 46"	105° 47' 56"					E-48-8-D-a
thôn 1	DC	xã Quảng Giao	H. Quảng Xương	19° 43' 18"	105° 50' 13"					E-48-8-D-a
thôn 2	DC	xã Quảng Giao	H. Quảng Xương	19° 43' 13"	105° 50' 08"					E-48-8-D-a
thôn 3	DC	xã Quảng Giao	H. Quảng Xương	19° 43' 05"	105° 50' 02"					E-48-8-D-a
thôn 4	DC	xã Quảng Giao	H. Quảng Xương	19° 43' 13"	105° 49' 52"					E-48-8-D-a
thôn 5	DC	xã Quảng Giao	H. Quảng Xương	19° 42' 59"	105° 49' 59"					E-48-8-D-a
thôn 6	DC	xã Quảng Giao	H. Quảng Xương	19° 42' 57"	105° 49' 44"					E-48-8-D-a
thôn 7	DC	xã Quảng Giao	H. Quảng Xương	19° 42' 50"	105° 49' 54"					E-48-8-D-a
thôn 8	DC	xã Quảng Giao	H. Quảng Xương	19° 42' 41"	105° 49' 37"					E-48-8-D-a
thôn 9	DC	xã Quảng Giao	H. Quảng Xương	19° 42' 30"	105° 49' 44"					E-48-8-D-a
đường tỉnh 511	KX	xã Quảng Giao	H. Quảng Xương			19° 45' 15"	105° 50' 20"	19° 38' 43"	105° 47' 49"	E-48-8-D-a
làng Bùi Tây	DC	xã Quảng Giao	H. Quảng Xương	19° 42' 59"	105° 49' 12"					E-48-8-D-a
sông Nông Giang	TV	xã Quảng Giao	H. Quảng Xương			19° 53' 46"	105° 22' 38"	19° 50' 04"	105° 42' 15"	E-48-8-D-a
thôn 1	DC	xã Quảng Hải	H. Quảng Xương	19° 42' 05"	105° 50' 24"					E-48-8-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn 2	DC	xã Quảng Hải	H. Quảng Xương	19° 42' 16"	105° 50' 13"					E-48-8-D-a
thôn 3	DC	xã Quảng Hải	H. Quảng Xương	19° 42' 23"	105° 50' 06"					E-48-8-D-a
thôn 4	DC	xã Quảng Hải	H. Quảng Xương	19° 42' 09"	105° 49' 59"					E-48-8-D-a
thôn 5	DC	xã Quảng Hải	H. Quảng Xương	19° 41' 55"	105° 49' 52"					E-48-8-D-a
thôn 6	DC	xã Quảng Hải	H. Quảng Xương	19° 41' 45"	105° 49' 52"					E-48-8-D-a
thôn 7	DC	xã Quảng Hải	H. Quảng Xương	19° 41' 34"	105° 49' 59"					E-48-8-D-a
thôn 8	DC	xã Quảng Hải	H. Quảng Xương	19° 41' 30"	105° 50' 28"					E-48-8-D-a
thôn 9	DC	xã Quảng Hải	H. Quảng Xương	19° 41' 52"	105° 50' 46"					E-48-8-D-a
thôn 10	DC	xã Quảng Hải	H. Quảng Xương	19° 42' 03"	105° 50' 49"					E-48-8-D-a
thôn 11	DC	xã Quảng Hải	H. Quảng Xương	19° 41' 49"	105° 50' 06"					E-48-8-D-a
kênh B22	TV	xã Quảng Hoà	H. Quảng Xương			19° 44' 12"	105° 44' 49"	19° 38' 56"	105° 46' 37"	E-48-8-C-b
thôn Hoà Đạt	DC	xã Quảng Hoà	H. Quảng Xương	19° 42' 47"	105° 44' 20"					E-48-8-C-b
thôn Hoà Đông	DC	xã Quảng Hoà	H. Quảng Xương	19° 42' 41"	105° 45' 07"					E-48-8-D-a
thôn Hoà Thành	DC	xã Quảng Hoà	H. Quảng Xương	19° 42' 09"	105° 44' 35"					E-48-8-C-b
cầu Hoà Triều	KX	xã Quảng Hoà	H. Quảng Xương	19° 43' 25"	105° 45' 25"					E-48-8-D-a
thôn Hoà Triều	DC	xã Quảng Hoà	H. Quảng Xương	19° 43' 32"	105° 45' 25"					E-48-8-D-a
thôn Hoà Trinh	DC	xã Quảng Hoà	H. Quảng Xương	19° 42' 57"	105° 45' 11"					E-48-8-D-a
thôn Hoà Văn	DC	xã Quảng Hoà	H. Quảng Xương	19° 42' 40"	105° 44' 53"					E-48-8-C-b
Sông Lý	TV	xã Quảng Hoà	H. Quảng Xương			19° 44' 24"	105° 44' 42"	19° 37' 09"	105° 48' 47"	E-48-8-D-a
thôn Tân Thái	DC	xã Quảng Hoà	H. Quảng Xương	19° 43' 24"	105° 44' 38"					E-48-8-C-b
kênh B22	TV	xã Quảng Hợp	H. Quảng Xương			19° 44' 12"	105° 44' 49"	19° 38' 56"	105° 46' 37"	E-48-8-C-b
thôn Đồng Cơ	DC	xã Quảng Hợp	H. Quảng Xương	19° 41' 29"	105° 46' 08"					E-48-8-D-a
cầu Gia Hà	KX	xã Quảng Hợp	H. Quảng Xương	19° 41' 06"	105° 46' 16"					E-48-8-D-a
thôn Gia Hà	DC	xã Quảng Hợp	H. Quảng Xương	19° 41' 02"	105° 46' 12"					E-48-8-D-a
thôn Hợp Bình	DC	xã Quảng Hợp	H. Quảng Xương	19° 41' 56"	105° 45' 36"					E-48-8-D-a
thôn Hợp Danh	DC	xã Quảng Hợp	H. Quảng Xương	19° 41' 34"	105° 45' 29"					E-48-8-D-a
thôn Hợp Én	DC	xã Quảng Hợp	H. Quảng Xương	19° 42' 08"	105° 45' 28"					E-48-8-D-a
thôn Hợp Giang	DC	xã Quảng Hợp	H. Quảng Xương	19° 42' 04"	105° 45' 40"					E-48-8-D-a
thôn Hợp Hưng	DC	xã Quảng Hợp	H. Quảng Xương	19° 41' 08"	105° 45' 51"					E-48-8-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Hợp Linh	DC	xã Quảng Hợp	H. Quảng Xương	19° 41' 13"	105° 45' 38"					E-48-8-D-a
thôn Hợp Lực	DC	xã Quảng Hợp	H. Quảng Xương	19° 41' 52"	105° 44' 49"					E-48-8-C-b
thôn Hợp Phương	DC	xã Quảng Hợp	H. Quảng Xương	19° 41' 37"	105° 45' 47"					E-48-8-D-a
Sông Lý	TV	xã Quảng Hợp	H. Quảng Xương			19° 44' 24"	105° 44' 42"	19° 37' 09"	105° 48' 47"	E-48-8-D-a
núi Văn Trinh	SV	xã Quảng Hợp	H. Quảng Xương	19° 41' 01"	105° 45' 22"					E-48-8-D-a
thôn 1	DC	xã Quảng Hùng	H. Quảng Xương	19° 43' 03"	105° 51' 22"					E-48-8-D-a
thôn 2	DC	xã Quảng Hùng	H. Quảng Xương	19° 42' 51"	105° 51' 14"					E-48-8-D-a
thôn 3	DC	xã Quảng Hùng	H. Quảng Xương	19° 42' 43"	105° 51' 07"					E-48-8-D-a
thôn 4	DC	xã Quảng Hùng	H. Quảng Xương	19° 42' 57"	105° 50' 56"					E-48-8-D-a
thôn 5	DC	xã Quảng Hùng	H. Quảng Xương	19° 43' 08"	105° 50' 46"					E-48-8-D-a
thôn 6	DC	xã Quảng Hùng	H. Quảng Xương	19° 43' 10"	105° 51' 07"					E-48-8-D-a
thôn 7	DC	xã Quảng Hùng	H. Quảng Xương	19° 43' 29"	105° 50' 31"					E-48-8-D-a
thôn 8	DC	xã Quảng Hùng	H. Quảng Xương	19° 43' 26"	105° 50' 20"					E-48-8-D-a
thôn 9	DC	xã Quảng Hùng	H. Quảng Xương	19° 43' 36"	105° 49' 59"					E-48-8-D-a
thôn 10	DC	xã Quảng Hùng	H. Quảng Xương	19° 43' 25"	105° 49' 55"					E-48-8-D-a
đường tỉnh 511	KX	xã Quảng Hùng	H. Quảng Xương			19° 45' 15"	105° 50' 20"	19° 38' 43"	105° 47' 49"	E-48-8-D-a
làng Hùng Tiến	DC	xã Quảng Hùng	H. Quảng Xương	19° 42' 51"	105° 50' 46"					E-48-8-D-a
sông Nông Giang	TV	xã Quảng Hùng	H. Quảng Xương			19° 53' 46"	105° 22' 38"	19° 50' 04"	105° 42' 15"	E-48-8-D-a
quốc lộ 1A	KX	xã Quảng Khê	H. Quảng Xương			20° 08' 01"	105° 51' 32"	19° 18' 42"	105° 43' 16"	E-48-8-D-a
thôn 1	DC	xã Quảng Khê	H. Quảng Xương	19° 38' 57"	105° 47' 24"					E-48-8-D-a
thôn 2	DC	xã Quảng Khê	H. Quảng Xương	19° 38' 54"	105° 47' 00"					E-48-8-D-a
thôn 3	DC	xã Quảng Khê	H. Quảng Xương	19° 38' 32"	105° 46' 23"					E-48-8-D-a
thôn 4	DC	xã Quảng Khê	H. Quảng Xương	19° 38' 23"	105° 46' 25"					E-48-8-D-a
thôn 5	DC	xã Quảng Khê	H. Quảng Xương	19° 38' 13"	105° 47' 20"					E-48-8-D-a
thôn 6	DC	xã Quảng Khê	H. Quảng Xương	19° 38' 20"	105° 47' 34"					E-48-8-D-a
thôn 7	DC	xã Quảng Khê	H. Quảng Xương	19° 38' 56"	105° 46' 53"					E-48-8-D-a
thôn 8	DC	xã Quảng Khê	H. Quảng Xương	19° 38' 36"	105° 46' 48"					E-48-8-D-a
làng Đại Trung	DC	xã Quảng Khê	H. Quảng Xương	19° 38' 13"	105° 47' 20"					E-48-8-D-a
Làng Hà	DC	xã Quảng Khê	H. Quảng Xương	19° 39' 00"	105° 47' 20"					E-48-8-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Sông Hoàng	TV	xã Quảng Khê	H. Quảng Xương			19° 43' 55"	105° 42' 41"	19° 36' 31"	105° 46' 34"	E-48-8-D-a
Sông Lý	TV	xã Quảng Khê	H. Quảng Xương			19° 44' 24"	105° 44' 42"	19° 37' 09"	105° 48' 47"	E-48-8-D-a
Làng Nga	DC	xã Quảng Khê	H. Quảng Xương	19° 38' 32"	105° 46' 23"					E-48-8-D-a
sông Nông Giang	TV	xã Quảng Khê	H. Quảng Xương			19° 53' 46"	105° 22' 38"	19° 50' 04"	105° 42' 15"	E-48-8-D-a
cầu Sông Lý	KX	xã Quảng Khê	H. Quảng Xương	19° 38' 09"	105° 47' 46"					E-48-8-D-a
quốc lộ 1A	KX	xã Quảng Lĩnh	H. Quảng Xương			20° 08' 01"	105° 51' 32"	19° 18' 42"	105° 43' 16"	E-48-8-D-a
thôn 1	DC	xã Quảng Lĩnh	H. Quảng Xương	19° 38' 32"	105° 48' 18"					E-48-8-D-a
thôn 2	DC	xã Quảng Lĩnh	H. Quảng Xương	19° 38' 44"	105° 47' 53"					E-48-8-D-a
thôn 3	DC	xã Quảng Lĩnh	H. Quảng Xương	19° 39' 06"	105° 48' 29"					E-48-8-D-a
thôn 4	DC	xã Quảng Lĩnh	H. Quảng Xương	19° 39' 09"	105° 48' 00"					E-48-8-D-a
thôn 5	DC	xã Quảng Lĩnh	H. Quảng Xương	19° 39' 14"	105° 47' 02"					E-48-8-D-a
đường tỉnh 511	KX	xã Quảng Lĩnh	H. Quảng Xương			19° 45' 15"	105° 50' 20"	19° 38' 43"	105° 47' 49"	E-48-8-D-a
Núi Chẹt	SV	xã Quảng Lĩnh	H. Quảng Xương	19° 38' 25"	105° 48' 00"					E-48-8-D-a
Sông Lý	TV	xã Quảng Lĩnh	H. Quảng Xương			19° 44' 24"	105° 44' 42"	19° 37' 09"	105° 48' 47"	E-48-8-D-a
cầu Ngọc Phương	KX	xã Quảng Lĩnh	H. Quảng Xương	19° 39' 46"	105° 47' 42"					E-48-8-D-a
Núi Nhọn	SV	xã Quảng Lĩnh	H. Quảng Xương	19° 38' 09"	105° 48' 11"					E-48-8-D-a
sông Nông Giang	TV	xã Quảng Lĩnh	H. Quảng Xương			19° 53' 46"	105° 22' 38"	19° 50' 04"	105° 42' 15"	E-48-8-D-a
Núi Tó	SV	xã Quảng Lĩnh	H. Quảng Xương	19° 38' 13"	105° 48' 18"					E-48-8-D-a
thôn 1	DC	xã Quảng Lộc	H. Quảng Xương	19° 40' 11"	105° 49' 19"					E-48-8-D-a
thôn 2	DC	xã Quảng Lộc	H. Quảng Xương	19° 40' 14"	105° 49' 01"					E-48-8-D-a
thôn 3	DC	xã Quảng Lộc	H. Quảng Xương	19° 39' 50"	105° 49' 26"					E-48-8-D-a
thôn 4	DC	xã Quảng Lộc	H. Quảng Xương	19° 39' 54"	105° 49' 16"					E-48-8-D-a
thôn 5	DC	xã Quảng Lộc	H. Quảng Xương	19° 39' 57"	105° 49' 00"					E-48-8-D-a
thôn 6	DC	xã Quảng Lộc	H. Quảng Xương	19° 39' 43"	105° 49' 11"					E-48-8-D-a
thôn 7	DC	xã Quảng Lộc	H. Quảng Xương	19° 39' 22"	105° 49' 12"					E-48-8-D-a
thôn 8	DC	xã Quảng Lộc	H. Quảng Xương	19° 39' 34"	105° 48' 54"					E-48-8-D-a
đường tỉnh 511	KX	xã Quảng Lộc	H. Quảng Xương			19° 45' 15"	105° 50' 20"	19° 38' 43"	105° 47' 49"	E-48-8-D-a
sông Nông Giang	TV	xã Quảng Lộc	H. Quảng Xương			19° 53' 46"	105° 22' 38"	19° 50' 04"	105° 42' 15"	E-48-8-D-a
đường tỉnh 511	KX	xã Quảng Lợi	H. Quảng Xương			19° 45' 15"	105° 50' 20"	19° 38' 43"	105° 47' 49"	E-48-8-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Hồng Phong	DC	xã Quảng Lợi	H. Quảng Xương	19° 38' 45"	105° 49' 19"					E-48-8-D-a
Núi Lau	SV	xã Quảng Lợi	H. Quảng Xương	19° 37' 59"	105° 48' 50"					E-48-8-D-a
thôn Lọc Trại	DC	xã Quảng Lợi	H. Quảng Xương	19° 38' 28"	105° 48' 54"					E-48-8-D-a
sông Nông Giang	TV	xã Quảng Lợi	H. Quảng Xương			19° 53' 46"	105° 22' 38"	19° 50' 04"	105° 42' 15"	E-48-8-D-a
thôn Phúc Thành	DC	xã Quảng Lợi	H. Quảng Xương	19° 38' 36"	105° 49' 00"					E-48-8-D-a
thôn Thủ Lộc	DC	xã Quảng Lợi	H. Quảng Xương	19° 39' 05"	105° 49' 02"					E-48-8-D-a
thôn Tiên Phong	DC	xã Quảng Lợi	H. Quảng Xương	19° 38' 36"	105° 49' 30"					E-48-8-D-a
thôn Tiên Thắng	DC	xã Quảng Lợi	H. Quảng Xương	19° 38' 05"	105° 49' 09"					E-48-8-D-a
khu công nghiệp Du lịch biển Tiên Trang	KX	xã Quảng Lợi	H. Quảng Xương	19° 38' 27"	105° 49' 41"					E-48-8-D-a
thôn Tiên Trang	DC	xã Quảng Lợi	H. Quảng Xương	19° 38' 36"	105° 48' 44"					E-48-8-D-a
kênh B22	TV	xã Quảng Long	H. Quảng Xương			19° 44' 12"	105° 44' 49"	19° 38' 56"	105° 46' 37"	E-48-8-C-b
thôn Bái Đông	DC	xã Quảng Long	H. Quảng Xương	19° 41' 57"	105° 43' 12"					E-48-8-C-b
Sông Hoàng	TV	xã Quảng Long	H. Quảng Xương			19° 43' 55"	105° 42' 41"	19° 36' 31"	105° 46' 34"	E-48-8-C-b
thôn Lộc Long	DC	xã Quảng Long	H. Quảng Xương	19° 42' 18"	105° 43' 19"					E-48-8-C-b
thôn Lộc Xá	DC	xã Quảng Long	H. Quảng Xương	19° 42' 39"	105° 43' 52"					E-48-8-C-b
thôn Long Đại	DC	xã Quảng Long	H. Quảng Xương	19° 42' 55"	105° 43' 19"					E-48-8-C-b
thôn Long Thành	DC	xã Quảng Long	H. Quảng Xương	19° 42' 16"	105° 43' 37"					E-48-8-C-b
thôn Long Thọ	DC	xã Quảng Long	H. Quảng Xương	19° 43' 09"	105° 44' 06"					E-48-8-C-b
thôn Thổ Ngoã	DC	xã Quảng Long	H. Quảng Xương	19° 41' 43"	105° 43' 08"					E-48-8-C-b
thôn Xuân Bảng	DC	xã Quảng Long	H. Quảng Xương	19° 41' 13"	105° 43' 23"					E-48-8-C-b
thôn 1	DC	xã Quảng Lưu	H. Quảng Xương	19° 41' 12"	105° 50' 09"					E-48-8-D-a
thôn 2	DC	xã Quảng Lưu	H. Quảng Xương	19° 41' 20"	105° 49' 44"					E-48-8-D-a
thôn 3	DC	xã Quảng Lưu	H. Quảng Xương	19° 41' 05"	105° 49' 44"					E-48-8-D-a
thôn 4	DC	xã Quảng Lưu	H. Quảng Xương	19° 41' 37"	105° 49' 19"					E-48-8-D-a
thôn 5	DC	xã Quảng Lưu	H. Quảng Xương	19° 41' 19"	105° 49' 16"					E-48-8-D-a
thôn 6	DC	xã Quảng Lưu	H. Quảng Xương	19° 40' 54"	105° 49' 08"					E-48-8-D-a
thôn 7	DC	xã Quảng Lưu	H. Quảng Xương	19° 41' 00"	105° 49' 26"					E-48-8-D-a
thôn 8	DC	xã Quảng Lưu	H. Quảng Xương	19° 41' 02"	105° 49' 38"					E-48-8-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn 9	DC	xã Quảng Lưu	H. Quảng Xương	19° 40' 52"	105° 49' 37"					E-48-8-D-a
thôn 10	DC	xã Quảng Lưu	H. Quảng Xương	19° 40' 49"	105° 49' 48"					E-48-8-D-a
thôn 11	DC	xã Quảng Lưu	H. Quảng Xương	19° 40' 46"	105° 49' 37"					E-48-8-D-a
thôn 12	DC	xã Quảng Lưu	H. Quảng Xương	19° 40' 40"	105° 49' 23"					E-48-8-D-a
thôn 13	DC	xã Quảng Lưu	H. Quảng Xương	19° 40' 32"	105° 49' 34"					E-48-8-D-a
thôn 14	DC	xã Quảng Lưu	H. Quảng Xương	19° 40' 22"	105° 49' 30"					E-48-8-D-a
thôn 15	DC	xã Quảng Lưu	H. Quảng Xương	19° 40' 23"	105° 49' 16"					E-48-8-D-a
thôn 16	DC	xã Quảng Lưu	H. Quảng Xương	19° 40' 34"	105° 49' 01"					E-48-8-D-a
đường tỉnh 511	KX	xã Quảng Lưu	H. Quảng Xương			19° 45' 15"	105° 50' 20"	19° 38' 43"	105° 47' 49"	E-48-8-D-a
xóm Đông Tiến	DC	xã Quảng Lưu	H. Quảng Xương	19° 41' 19"	105° 49' 54"					E-48-8-D-a
xóm Hiền Bắc	DC	xã Quảng Lưu	H. Quảng Xương	19° 40' 54"	105° 49' 08"					E-48-8-D-a
xóm Hiền Lưu	DC	xã Quảng Lưu	H. Quảng Xương	19° 41' 00"	105° 49' 26"					E-48-8-D-a
xóm Hiền Nam	DC	xã Quảng Lưu	H. Quảng Xương	19° 40' 40"	105° 49' 23"					E-48-8-D-a
xóm Hiền Thắng	DC	xã Quảng Lưu	H. Quảng Xương	19° 40' 46"	105° 49' 37"					E-48-8-D-a
xóm Mậu Tây	DC	xã Quảng Lưu	H. Quảng Xương	19° 41' 37"	105° 49' 19"					E-48-8-D-a
xóm Mậu Trung	DC	xã Quảng Lưu	H. Quảng Xương	19° 41' 05"	105° 49' 44"					E-48-8-D-a
sông Nông Giang	TV	xã Quảng Lưu	H. Quảng Xương			19° 53' 46"	105° 22' 38"	19° 50' 04"	105° 42' 15"	E-48-8-D-a
thôn 1	DC	xã Quảng Minh	H. Quảng Xương	19° 43' 27"	105° 51' 03"					E-48-8-D-a
thôn 2	DC	xã Quảng Minh	H. Quảng Xương	19° 43' 45"	105° 50' 56"					E-48-8-D-a
thôn 3	DC	xã Quảng Minh	H. Quảng Xương	19° 43' 36"	105° 50' 46"					E-48-8-D-a
thôn 4	DC	xã Quảng Minh	H. Quảng Xương	19° 43' 57"	105° 50' 35"					E-48-8-D-a
thôn 5	DC	xã Quảng Minh	H. Quảng Xương	19° 43' 44"	105° 50' 20"					E-48-8-D-a
thôn 6	DC	xã Quảng Minh	H. Quảng Xương	19° 44' 03"	105° 50' 13"					E-48-8-D-a
thôn 7	DC	xã Quảng Minh	H. Quảng Xương	19° 43' 48"	105° 50' 05"					E-48-8-D-a
thôn 8	DC	xã Quảng Minh	H. Quảng Xương	19° 43' 53"	105° 49' 19"					E-48-8-D-a
đường tỉnh 511	KX	xã Quảng Minh	H. Quảng Xương			19° 45' 15"	105° 50' 20"	19° 38' 43"	105° 47' 49"	E-48-8-D-a
sông Nông Giang	TV	xã Quảng Minh	H. Quảng Xương			19° 53' 46"	105° 22' 38"	19° 50' 04"	105° 42' 15"	E-48-8-D-a
kênh B22	TV	xã Quảng Ngọc	H. Quảng Xương			19° 44' 12"	105° 44' 49"	19° 38' 56"	105° 46' 37"	E-48-8-D-a, E-48-8-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
làng Bất Động	DC	xã Quảng Ngọc	H. Quảng Xương	19° 39' 45"	105° 45' 58"					E-48-8-D-a
thôn Bất Động 1	DC	xã Quảng Ngọc	H. Quảng Xương	19° 39' 50"	105° 46' 06"					E-48-8-D-a
thôn Bất Động 2	DC	xã Quảng Ngọc	H. Quảng Xương	19° 39' 50"	105° 45' 49"					E-48-8-D-a
thôn Bất Động 3	DC	xã Quảng Ngọc	H. Quảng Xương	19° 39' 35"	105° 45' 35"					E-48-8-D-a
thôn Gia Đại	DC	xã Quảng Ngọc	H. Quảng Xương	19° 40' 07"	105° 45' 58"					E-48-8-D-a
thôn Gia Hằng	DC	xã Quảng Ngọc	H. Quảng Xương	19° 40' 35"	105° 45' 46"					E-48-8-D-a
Sông Hoàng	TV	xã Quảng Ngọc	H. Quảng Xương			19° 43' 55"	105° 42' 41"	19° 36' 31"	105° 46' 34"	E-48-8-C-b
thôn Kỳ Anh	DC	xã Quảng Ngọc	H. Quảng Xương	19° 40' 30"	105° 45' 29"					E-48-8-D-a
thôn Kỳ Lan	DC	xã Quảng Ngọc	H. Quảng Xương	19° 40' 30"	105° 45' 01"					E-48-8-D-a
làng Kỳ Vĩ	DC	xã Quảng Ngọc	H. Quảng Xương	19° 40' 43"	105° 45' 11"					E-48-8-D-a
Sông Lý	TV	xã Quảng Ngọc	H. Quảng Xương			19° 44' 24"	105° 44' 42"	19° 37' 09"	105° 48' 47"	E-48-8-D-a
thôn Ngọc Trinh	DC	xã Quảng Ngọc	H. Quảng Xương	19° 40' 49"	105° 45' 40"					E-48-8-D-a
làng Tam Uy	DC	xã Quảng Ngọc	H. Quảng Xương	19° 40' 15"	105° 45' 29"					E-48-8-D-a
làng Thắng Phú	DC	xã Quảng Ngọc	H. Quảng Xương	19° 40' 10"	105° 44' 02"					E-48-8-C-b
thôn Uy Bắc	DC	xã Quảng Ngọc	H. Quảng Xương	19° 40' 27"	105° 45' 36"					E-48-8-D-a
núi Văn Trinh	SV	xã Quảng Ngọc	H. Quảng Xương	19° 41' 01"	105° 45' 22"					E-48-8-D-a
thôn Xuân Mộc	DC	xã Quảng Ngọc	H. Quảng Xương	19° 39' 56"	105° 45' 29"					E-48-8-D-a
thôn Xuân Thắng	DC	xã Quảng Ngọc	H. Quảng Xương	19° 39' 42"	105° 44' 49"					E-48-8-C-b
thôn Yên Lãng	DC	xã Quảng Ngọc	H. Quảng Xương	19° 40' 42"	105° 46' 17"					E-48-8-D-a
Thôn Bắc	DC	xã Quảng Nham	H. Quảng Xương	19° 37' 18"	105° 49' 12"					E-48-8-D-c
Thôn Bình	DC	xã Quảng Nham	H. Quảng Xương	19° 37' 09"	105° 49' 09"					E-48-8-D-c
Thôn Điền	DC	xã Quảng Nham	H. Quảng Xương	19° 37' 09"	105° 49' 01"					E-48-8-D-c
Thôn Đông	DC	xã Quảng Nham	H. Quảng Xương	19° 36' 49"	105° 49' 05"					E-48-8-D-c
Thôn Đức	DC	xã Quảng Nham	H. Quảng Xương	19° 36' 37"	105° 49' 08"					E-48-8-D-c
Thôn Hải	DC	xã Quảng Nham	H. Quảng Xương	19° 36' 55"	105° 49' 08"					E-48-8-D-c
Thôn Hoà	DC	xã Quảng Nham	H. Quảng Xương	19° 37' 01"	105° 49' 08"					E-48-8-D-c
cửa Lạch Ghép	TV	xã Quảng Nham	H. Quảng Xương	19° 34' 32"	105° 48' 36"					E-48-8-D-c
Thôn Tân	DC	xã Quảng Nham	H. Quảng Xương	19° 35' 51"	105° 49' 04"					E-48-8-D-c
Thôn Thắng	DC	xã Quảng Nham	H. Quảng Xương	19° 36' 42"	105° 49' 12"					E-48-8-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Thôn Thanh	DC	xã Quảng Nham	H. Quảng Xương	19° 36' 59"	105° 49' 01"					E-48-8-D-c
Thôn Thuận	DC	xã Quảng Nham	H. Quảng Xương	19° 36' 41"	105° 49' 01"					E-48-8-D-c
Thôn Tiến	DC	xã Quảng Nham	H. Quảng Xương	19° 36' 22"	105° 49' 08"					E-48-8-D-c
Thôn Trung	DC	xã Quảng Nham	H. Quảng Xương	19° 37' 14"	105° 49' 09"					E-48-8-D-c
Sông Yên	TV	xã Quảng Nham	H. Quảng Xương			19° 39' 44"	105° 42' 50"	19° 34' 32"	105° 48' 36"	E-48-8-D-c
thôn 1	DC	xã Quảng Nhân	H. Quảng Xương	19° 42' 02"	105° 49' 23"					E-48-8-D-a
thôn 2	DC	xã Quảng Nhân	H. Quảng Xương	19° 42' 32"	105° 49' 08"					E-48-8-D-a
thôn 3	DC	xã Quảng Nhân	H. Quảng Xương	19° 42' 16"	105° 48' 40"					E-48-8-D-a
thôn 4	DC	xã Quảng Nhân	H. Quảng Xương	19° 41' 43"	105° 48' 12"					E-48-8-D-a
thôn 5	DC	xã Quảng Nhân	H. Quảng Xương	19° 41' 46"	105° 48' 12"					E-48-8-D-a
thôn 6	DC	xã Quảng Nhân	H. Quảng Xương	19° 41' 37"	105° 48' 46"					E-48-8-D-a
đường tỉnh 511	KX	xã Quảng Nhân	H. Quảng Xương			19° 45' 15"	105° 50' 20"	19° 38' 43"	105° 47' 49"	E-48-8-D-a
sông Nông Giang	TV	xã Quảng Nhân	H. Quảng Xương			19° 53' 46"	105° 22' 38"	19° 50' 04"	105° 42' 15"	E-48-8-D-a
quốc lộ 1A	KX	xã Quảng Ninh	H. Quảng Xương			20° 08' 01"	105° 51' 32"	19° 18' 42"	105° 43' 16"	E-48-8-D-a
thôn Cống Trúc	DC	xã Quảng Ninh	H. Quảng Xương	19° 41' 40"	105° 47' 02"					E-48-8-D-a
cầu Dần Cau	KX	xã Quảng Ninh	H. Quảng Xương	19° 41' 52"	105° 47' 02"					E-48-8-D-a
Sông Lý	TV	xã Quảng Ninh	H. Quảng Xương			19° 44' 24"	105° 44' 42"	19° 37' 09"	105° 48' 47"	E-48-8-D-a
thôn Ninh Dụ	DC	xã Quảng Ninh	H. Quảng Xương	19° 41' 57"	105° 46' 44"					E-48-8-D-a
thôn Ninh Phạm	DC	xã Quảng Ninh	H. Quảng Xương	19° 41' 50"	105° 47' 24"					E-48-8-D-a
thôn Ninh Phúc	DC	xã Quảng Ninh	H. Quảng Xương	19° 42' 11"	105° 47' 17"					E-48-8-D-a
thôn Ninh Thái	DC	xã Quảng Ninh	H. Quảng Xương	19° 42' 26"	105° 46' 44"					E-48-8-D-a
thôn Ninh Thọ	DC	xã Quảng Ninh	H. Quảng Xương	19° 41' 56"	105° 46' 08"					E-48-8-D-a
thôn Ninh Ước	DC	xã Quảng Ninh	H. Quảng Xương	19° 42' 39"	105° 47' 28"					E-48-8-D-a
thôn Phúc Thành	DC	xã Quảng Ninh	H. Quảng Xương	19° 42' 38"	105° 47' 13"					E-48-8-D-a
Cầu Trúc	KX	xã Quảng Ninh	H. Quảng Xương	19° 41' 33"	105° 47' 06"					E-48-8-D-a
quốc lộ 1A	KX	xã Quảng Phong	H. Quảng Xương			20° 08' 01"	105° 51' 32"	19° 18' 42"	105° 43' 16"	E-48-8-D-a
thôn Bái Thịnh	DC	xã Quảng Phong	H. Quảng Xương	19° 42' 50"	105° 46' 26"					E-48-8-D-a
thôn Bái Vàng	DC	xã Quảng Phong	H. Quảng Xương	19° 43' 11"	105° 46' 09"					E-48-8-D-a
thôn Chính Trung	DC	xã Quảng Phong	H. Quảng Xương	19° 43' 26"	105° 47' 01"					E-48-8-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Cống Dễ	KX	xã Quảng Phong	H. Quảng Xương	19° 42' 58"	105° 46' 55"					E-48-8-D-a
thôn Đông Đa	DC	xã Quảng Phong	H. Quảng Xương	19° 43' 43"	105° 47' 15"					E-48-8-D-a
thôn Đồng Võng	DC	xã Quảng Phong	H. Quảng Xương	19° 43' 15"	105° 45' 54"					E-48-8-D-a
thôn Làng Mới	DC	xã Quảng Phong	H. Quảng Xương	19° 42' 45"	105° 45' 32"					E-48-8-D-a
Sông Lý	TV	xã Quảng Phong	H. Quảng Xương			19° 44' 24"	105° 44' 42"	19° 37' 09"	105° 48' 47"	E-48-8-D-a
Công ty cổ phần Phước An ISUZU	KX	xã Quảng Phong	H. Quảng Xương	19° 43' 27"	105° 46' 52"					E-48-8-D-a
thôn Thanh Trung	DC	xã Quảng Phong	H. Quảng Xương	19° 43' 17"	105° 45' 29"					E-48-8-D-a
tnôn Tri Hoà	DC	xã Quảng Phong	H. Quảng Xương	19° 43' 39"	105° 46' 42"					E-48-8-D-a
thôn Trung Phong	DC	xã Quảng Phong	H. Quảng Xương	19° 43' 08"	105° 46' 52"					E-48-8-D-a
thôn Ước Ngoại	DC	xã Quảng Phong	H. Quảng Xương	19° 42' 51"	105° 47' 20"					E-48-8-D-a
thôn Xóm Khang	DC	xã Quảng Phong	H. Quảng Xương	19° 42' 46"	105° 46' 16"					E-48-8-D-a
thôn Xóm Lượng	DC	xã Quảng Phong	H. Quảng Xương	19° 42' 31"	105° 45' 47"					E-48-8-D-a
thôn Xuân Uyên	DC	xã Quảng Phong	H. Quảng Xương	19° 43' 24"	105° 47' 13"					E-48-8-D-a
Sông Hoàng	TV	xã Quảng Phúc	H. Quảng Xương			19° 43' 55"	105° 42' 41"	19° 36' 31"	105° 46' 34"	E-48-8-C-b
thôn Ngọc Đới 1	DC	xã Quảng Phúc	H. Quảng Xương	19° 39' 30"	105° 43' 55"					E-48-8-C-b
thôn Ngọc Đới 2	DC	xã Quảng Phúc	H. Quảng Xương	19° 39' 33"	105° 43' 16"					E-48-8-C-b
thôn Ngọc Đới 3	DC	xã Quảng Phúc	H. Quảng Xương	19° 39' 25"	105° 43' 12"					E-48-8-C-b
thôn Ngọc Đới 4	DC	xã Quảng Phúc	H. Quảng Xương	19° 39' 22"	105° 43' 16"					E-48-8-C-b
thôn Thanh Minh	DC	xã Quảng Phúc	H. Quảng Xương	19° 38' 39"	105° 43' 30"					E-48-8-C-b
thôn Văn Bình	DC	xã Quảng Phúc	H. Quảng Xương	19° 38' 34"	105° 43' 52"					E-48-8-C-b
Sông Yên	TV	xã Quảng Phúc	H. Quảng Xương			19° 39' 44"	105° 42' 50"	19° 34' 32"	105° 48' 36"	E-48-8-C-b
quốc lộ 1A	KX	xã Quảng Tân	H. Quảng Xương			20° 08' 01"	105° 51' 32"	19° 18' 42"	105° 43' 16"	E-48-8-D-a, E-48-8-B-c
thôn Dục Tú	DC	xã Quảng Tân	H. Quảng Xương	19° 44' 24"	105° 46' 37"					E-48-8-D-a
sông Nông Giang	TV	xã Quảng Tân	H. Quảng Xương			19° 53' 46"	105° 22' 38"	19° 50' 04"	105° 42' 15"	E-48-8-B-c
thôn Tân Cổ	DC	xã Quảng Tân	H. Quảng Xương	19° 45' 06"	105° 46' 52"					E-48-8-B-c
thôn Tân Đa	DC	xã Quảng Tân	H. Quảng Xương	19° 44' 11"	105° 46' 34"					E-48-8-D-a
thôn Tân Đắc	DC	xã Quảng Tân	H. Quảng Xương	19° 44' 16"	105° 46' 34"					E-48-8-D-a
thôn Tân Đoài	DC	xã Quảng Tân	H. Quảng Xương	19° 44' 18"	105° 46' 59"					E-48-8-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Tân Hậu	DC	xã Quảng Tân	H. Quảng Xương	19° 44' 55"	105° 47' 06"					E-48-8-D-a
thôn Tân Hoa	DC	xã Quảng Tân	H. Quảng Xương	19° 44' 42"	105° 47' 24"					E-48-8-D-a
thôn Tân Hưng	DC	xã Quảng Tân	H. Quảng Xương	19° 44' 26"	105° 46' 44"					E-48-8-D-a
thôn Tân Thượng	DC	xã Quảng Tân	H. Quảng Xương	19° 43' 55"	105° 46' 37"					E-48-8-D-a
thôn Tân Tiền	DC	xã Quảng Tân	H. Quảng Xương	19° 44' 31"	105° 46' 59"					E-48-8-D-a
thôn Tân Trúc	DC	xã Quảng Tân	H. Quảng Xương	19° 45' 04"	105° 47' 24"					E-48-8-B-c
Núi Đỏ	SV	xã Quảng Thạch	H. Quảng Xương	19° 37' 53"	105° 48' 11"					E-48-8-D-a
Sông Lý	TV	xã Quảng Thạch	H. Quảng Xương			19° 44' 24"	105° 44' 42"	19° 37' 09"	105° 48' 47"	E-48-8-D-a, E-48-8-D-c
Núi Nhát	SV	xã Quảng Thạch	H. Quảng Xương	19° 38' 09"	105° 48' 11"					E-48-8-D-a
thôn Sơn Lâm	DC	xã Quảng Thạch	H. Quảng Xương	19° 37' 49"	105° 48' 40"					E-48-8-D-a
thôn Thạch Bắc	DC	xã Quảng Thạch	H. Quảng Xương	19° 37' 39"	105° 49' 19"					E-48-8-D-a
thôn Thạch Đông	DC	xã Quảng Thạch	H. Quảng Xương	19° 37' 18"	105° 48' 50"					E-48-8-D-c
thôn Thạch Hải	DC	xã Quảng Thạch	H. Quảng Xương	19° 37' 30"	105° 49' 01"					E-48-8-D-c
thôn Thạch Nam	DC	xã Quảng Thạch	H. Quảng Xương	19° 37' 22"	105° 49' 16"					E-48-8-D-a
thôn Thạch Ngọc	DC	xã Quảng Thạch	H. Quảng Xương	19° 37' 53"	105° 48' 07"					E-48-8-D-a
thôn Thạch Tiến	DC	xã Quảng Thạch	H. Quảng Xương	19° 37' 28"	105° 49' 08"					E-48-8-D-c
thôn Thạch Trung	DC	xã Quảng Thạch	H. Quảng Xương	19° 37' 45"	105° 48' 00"					E-48-8-D-a
Núi Tó	SV	xã Quảng Thạch	H. Quảng Xương	19° 38' 13"	105° 48' 18"					E-48-8-D-a
Sông Yên	TV	xã Quảng Thạch	H. Quảng Xương			19° 39' 44"	105° 42' 50"	19° 34' 32"	105° 48' 36"	E-48-8-D-c
thôn 1	DC	xã Quảng Thái	H. Quảng Xương	19° 40' 47"	105° 50' 06"					E-48-8-D-a
thôn 2	DC	xã Quảng Thái	H. Quảng Xương	19° 40' 42"	105° 50' 13"					E-48-8-D-a
thôn 3	DC	xã Quảng Thái	H. Quảng Xương	19° 40' 30"	105° 50' 13"					E-48-8-D-a
thôn 4	DC	xã Quảng Thái	H. Quảng Xương	19° 40' 14"	105° 50' 02"					E-48-8-D-a
thôn 5	DC	xã Quảng Thái	H. Quảng Xương	19° 40' 21"	105° 49' 59"					E-48-8-D-a
thôn 6	DC	xã Quảng Thái	H. Quảng Xương	19° 40' 05"	105° 49' 52"					E-48-8-D-a
thôn 7	DC	xã Quảng Thái	H. Quảng Xương	19° 39' 53"	105° 49' 55"					E-48-8-D-a
thôn 8	DC	xã Quảng Thái	H. Quảng Xương	19° 39' 38"	105° 49' 48"					E-48-8-D-a
thôn 9	DC	xã Quảng Thái	H. Quảng Xương	19° 39' 18"	105° 49' 44"					E-48-8-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn 10	DC	xã Quảng Thái	H. Quảng Xương	19° 39' 04"	105° 49' 41"					E-48-8-D-a
quốc lộ 47	KX	xã Quảng Thọ	H. Quảng Xương			19° 44' 00"	105° 53' 56"	19° 53' 36"	105° 24' 14"	E-48-8-D-a
Sông Mã	TV	xã Quảng Thọ	H. Quảng Xương			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	E-48-8-B-c
thôn Thọ Đài	DC	xã Quảng Thọ	H. Quảng Xương	19° 45' 08"	105° 51' 47"					E-48-8-B-c
thôn Thọ Đồn	DC	xã Quảng Thọ	H. Quảng Xương	19° 44' 51"	105° 51' 25"					E-48-8-D-a
thôn Thọ Khang	DC	xã Quảng Thọ	H. Quảng Xương	19° 45' 13"	105° 51' 14"					E-48-8-B-c
thôn Thọ Kinh	DC	xã Quảng Thọ	H. Quảng Xương	19° 44' 41"	105° 51' 14"					E-48-8-D-a
thôn Thọ Mới	DC	xã Quảng Thọ	H. Quảng Xương	19° 44' 57"	105° 51' 50"					E-48-8-D-a
thôn Thọ Phú	DC	xã Quảng Thọ	H. Quảng Xương	19° 44' 31"	105° 51' 50"					E-48-8-D-a
thôn Thọ Phúc	DC	xã Quảng Thọ	H. Quảng Xương	19° 45' 33"	105° 51' 29"					E-48-8-B-c
thôn Thọ Thái	DC	xã Quảng Thọ	H. Quảng Xương	19° 45' 20"	105° 51' 22"					E-48-8-B-c
thôn Thọ Thông	DC	xã Quảng Thọ	H. Quảng Xương	19° 44' 49"	105° 50' 56"					E-48-8-D-a
thôn Thọ Trại	DC	xã Quảng Thọ	H. Quảng Xương	19° 44' 45"	105° 51' 36"					E-48-8-D-a
thôn Thọ Trúc	DC	xã Quảng Thọ	H. Quảng Xương	19° 45' 09"	105° 51' 36"					E-48-8-B-c
thôn Thọ Trung	DC	xã Quảng Thọ	H. Quảng Xương	19° 44' 52"	105° 51' 17"					E-48-8-D-a
thôn Thọ Văn	DC	xã Quảng Thọ	H. Quảng Xương	19° 44' 36"	105° 51' 54"					E-48-8-D-a
thôn Thọ Vinh	DC	xã Quảng Thọ	H. Quảng Xương	19° 45' 18"	105° 51' 43"					E-48-8-B-c
sông Thống Nhất	TV	xã Quảng Thọ	H. Quảng Xương			19° 47' 53"	105° 47' 13"	19° 46' 18"	105° 53' 02"	E-48-8-B-c
quốc lộ 45	KX	xã Quảng Trạch	H. Quảng Xương			20° 10' 25"	105° 46' 47"	19° 48' 05"	105° 26' 03"	E-48-8-C-b, E-48-8-D-a
thôn Hồng 1	DC	xã Quảng Trạch	H. Quảng Xương	19° 44' 46"	105° 45' 58"					E-48-8-D-a
thôn Hồng 2	DC	xã Quảng Trạch	H. Quảng Xương	19° 44' 50"	105° 46' 05"					E-48-8-D-a
Sông Lý	TV	xã Quảng Trạch	H. Quảng Xương			19° 44' 24"	105° 44' 42"	19° 37' 09"	105° 48' 47"	E-48-8-D-a, E-48-8-C-b
sông Nhà Lê	TV	xã Quảng Trạch	H. Quảng Xương			19° 47' 32"	105° 45' 11"	19° 44' 24"	105° 44' 42"	E-48-8-B-c, E-48-8-C-b, E-48-8-D-a
thôn Phúc 1	DC	xã Quảng Trạch	H. Quảng Xương	19° 43' 56"	105° 45' 00"					E-48-8-D-a
thôn Phúc 2	DC	xã Quảng Trạch	H. Quảng Xương	19° 43' 45"	105° 45' 07"					E-48-8-D-a
thôn Trạch 1	DC	xã Quảng Trạch	H. Quảng Xương	19° 44' 37"	105° 45' 00"					E-48-8-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Trạch 2	DC	xã Quảng Trạch	H. Quảng Xương	19° 44' 42"	105° 44' 53"					E-48-8-C-b
thôn Trạch 3	DC	xã Quảng Trạch	H. Quảng Xương	19° 44' 34"	105° 44' 49"					E-48-8-C-b
thôn Trạch 4	DC	xã Quảng Trạch	H. Quảng Xương	19° 44' 24"	105° 44' 49"					E-48-8-C-b
thôn Trạch Câu	DC	xã Quảng Trạch	H. Quảng Xương	19° 44' 20"	105° 45' 47"					E-48-8-D-a
thôn Trạch Đồng	DC	xã Quảng Trạch	H. Quảng Xương	19° 44' 31"	105° 45' 54"					E-48-8-D-a
thôn Trạch Khang	DC	xã Quảng Trạch	H. Quảng Xương	19° 44' 02"	105° 45' 25"					E-48-8-D-a
thôn Trạch Khê	DC	xã Quảng Trạch	H. Quảng Xương	19° 44' 09"	105° 45' 22"					E-48-8-D-a
thôn Trạch Nhân	DC	xã Quảng Trạch	H. Quảng Xương	19° 44' 43"	105° 45' 11"					E-48-8-D-a
thôn Trạch Trung	DC	xã Quảng Trạch	H. Quảng Xương	19° 43' 40"	105° 45' 58"					E-48-8-D-a
quốc lộ 1A	KX	xã Quảng Trung	H. Quảng Xương			20° 08' 01"	105° 51' 32"	19° 18' 42"	105° 43' 16"	E-48-8-D-c
Cầu Ghép	KX	xã Quảng Trung	H. Quảng Xương	19° 35' 47"	105° 47' 24"					E-48-8-D-c
Sông Hoàng	TV	xã Quảng Trung	H. Quảng Xương			19° 43' 55"	105° 42' 41"	19° 36' 31"	105° 46' 34"	E-48-8-D-a, E-48-8-D-c
làng Lộc Tiến	DC	xã Quảng Trung	H. Quảng Xương	19° 36' 43"	105° 46' 52"					E-48-8-D-c
thôn Lộc Tiến 1	DC	xã Quảng Trung	H. Quảng Xương	19° 36' 42"	105° 47' 03"					E-48-8-D-c
thôn Lộc Tiến 2	DC	xã Quảng Trung	H. Quảng Xương	19° 36' 45"	105° 46' 44"					E-48-8-D-c
thôn Ngọc Trà 1	DC	xã Quảng Trung	H. Quảng Xương	19° 36' 17"	105° 47' 02"					E-48-8-D-c
thôn Ngọc Trà 2	DC	xã Quảng Trung	H. Quảng Xương	19° 36' 25"	105° 46' 45"					E-48-8-D-c
làng Thạch Tiến	DC	xã Quảng Trung	H. Quảng Xương	19° 36' 46"	105° 47' 24"					E-48-8-D-c
thôn Thạch Tiến 1	DC	xã Quảng Trung	H. Quảng Xương	19° 36' 44"	105° 47' 25"					E-48-8-D-c
thôn Thạch Tiến 2	DC	xã Quảng Trung	H. Quảng Xương	19° 36' 52"	105° 47' 14"					E-48-8-D-c
thôn Trung Dũng	DC	xã Quảng Trung	H. Quảng Xương	19° 36' 26"	105° 46' 15"					E-48-8-D-c
thôn Trung Nhân	DC	xã Quảng Trung	H. Quảng Xương	19° 36' 19"	105° 46' 54"					E-48-8-D-c
Đò Tuần	KX	xã Quảng Trung	H. Quảng Xương	19° 36' 23"	105° 45' 43"					E-48-8-D-c
Sông Yên	TV	xã Quảng Trung	H. Quảng Xương			19° 39' 44"	105° 42' 50"	19° 34' 32"	105° 48' 36"	E-48-8-D-c
kênh B22	TV	xã Quảng Trường	H. Quảng Xương			19° 44' 12"	105° 44' 49"	19° 38' 56"	105° 46' 37"	E-48-8-D-a
thôn Châu Thanh	DC	xã Quảng Trường	H. Quảng Xương	19° 39' 03"	105° 45' 58"					E-48-8-D-a
thôn Đồng Tiến	DC	xã Quảng Trường	H. Quảng Xương	19° 39' 45"	105° 46' 30"					E-48-8-D-a
thôn Lộc Trường	DC	xã Quảng Trường	H. Quảng Xương	19° 39' 26"	105° 46' 41"					E-48-8-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Sông Lý	TV	xã Quảng Trường	H. Quảng Xương			19° 39' 12"	105° 46' 52"	19° 38' 16"	105° 45' 58"	E-48-8-D-a
thôn Phú Cường	DC	xã Quảng Trường	H. Quảng Xương	19° 39' 12"	105° 45' 32"					E-48-8-D-a
thôn Phúc Lộc	DC	xã Quảng Trường	H. Quảng Xương	19° 40' 01"	105° 46' 16"					E-48-8-D-a
thôn Phúc Lợi	DC	xã Quảng Trường	H. Quảng Xương	19° 39' 58"	105° 46' 55"					E-48-8-D-a
thôn Thịnh Bình	DC	xã Quảng Trường	H. Quảng Xương	19° 39' 03"	105° 46' 23"					E-48-8-D-a
thôn Trung Đông	DC	xã Quảng Trường	H. Quảng Xương	19° 39' 10"	105° 46' 12"					E-48-8-D-a
Núi Trường	SV	xã Quảng Trường	H. Quảng Xương	19° 38' 36"	105° 45' 43"					E-48-8-D-a
kênh B22	TV	xã Quảng Văn	H. Quảng Xương			19° 44' 12"	105° 44' 49"	19° 38' 56"	105° 46' 37"	E-48-8-C-b
Sông Hoàng	TV	xã Quảng Văn	H. Quảng Xương			19° 43' 55"	105° 42' 41"	19° 39' 45"	105° 44' 04"	E-48-8-C-b
thôn Quang Minh	DC	xã Quảng Văn	H. Quảng Xương	19° 41' 33"	105° 44' 13"					E-48-8-C-b
thôn Sơn Đình	DC	xã Quảng Văn	H. Quảng Xương	19° 41' 12"	105° 44' 49"					E-48-8-C-b
thôn Trang Thành	DC	xã Quảng Văn	H. Quảng Xương	19° 40' 54"	105° 44' 49"					E-48-8-C-b
thôn Văn Đồng	DC	xã Quảng Văn	H. Quảng Xương	19° 40' 30"	105° 44' 10"					E-48-8-C-b
thôn Văn Giang	DC	xã Quảng Văn	H. Quảng Xương	19° 41' 45"	105° 44' 20"					E-48-8-C-b
thôn Văn Kim	DC	xã Quảng Văn	H. Quảng Xương	19° 40' 51"	105° 43' 41"					E-48-8-C-b
thôn Văn Lâm	DC	xã Quảng Văn	H. Quảng Xương	19° 40' 34"	105° 43' 34"					E-48-8-C-b
thôn Văn Môn	DC	xã Quảng Văn	H. Quảng Xương	19° 41' 34"	105° 44' 24"					E-48-8-C-b
thôn Văn Phong	DC	xã Quảng Văn	H. Quảng Xương	19° 42' 04"	105° 44' 02"					E-48-8-C-b
núi Văn Trinh	SV	xã Quảng Văn	H. Quảng Xương	19° 41' 01"	105° 45' 22"					E-48-8-D-a
thôn Văn Trung	DC	xã Quảng Văn	H. Quảng Xương	19° 41' 39"	105° 43' 55"					E-48-8-C-b
thôn Yên Hưng	DC	xã Quảng Văn	H. Quảng Xương	19° 41' 18"	105° 44' 28"					E-48-8-C-b
Sông Đơ	TV	xã Quảng Vinh	H. Quảng Xương			19° 46' 20"	105° 53' 20"	19° 43' 37"	105° 52' 37"	E-48-8-D-b
thôn Đông Bắc 1	DC	xã Quảng Vinh	H. Quảng Xương	19° 43' 40"	105° 52' 05"					E-48-8-D-a
thôn Đông Bắc 2	DC	xã Quảng Vinh	H. Quảng Xương	19° 43' 34"	105° 52' 01"					E-48-8-D-a
thôn Đông Bắc 3	DC	xã Quảng Vinh	H. Quảng Xương	19° 43' 30"	105° 51' 50"					E-48-8-D-a
thôn Đông Bắc 4	DC	xã Quảng Vinh	H. Quảng Xương	19° 43' 21"	105° 51' 47"					E-48-8-D-a
thôn Đông Bắc 5	DC	xã Quảng Vinh	H. Quảng Xương	19° 43' 11"	105° 51' 36"					E-48-8-D-a
thôn Thanh Minh 1	DC	xã Quảng Vinh	H. Quảng Xương	19° 44' 05"	105° 52' 23"					E-48-8-D-a
thôn Thanh Minh 2	DC	xã Quảng Vinh	H. Quảng Xương	19° 43' 51"	105° 52' 26"					E-48-8-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Thanh Minh 3	DC	xã Quảng Vinh	H. Quảng Xương	19° 43' 49"	105° 52' 19"					E-48-8-D-a
thôn Thanh Minh 4	DC	xã Quảng Vinh	H. Quảng Xương	19° 43' 45"	105° 52' 19"					E-48-8-D-a
thôn Thanh Minh 5	DC	xã Quảng Vinh	H. Quảng Xương	19° 43' 42"	105° 52' 12"					E-48-8-D-a
thôn Thống Nhất 1	DC	xã Quảng Vinh	H. Quảng Xương	19° 43' 44"	105° 51' 29"					E-48-8-D-a
thôn Thống Nhất 2	DC	xã Quảng Vinh	H. Quảng Xương	19° 44' 01"	105° 51' 40"					E-48-8-D-a
thôn Thống Nhất 3	DC	xã Quảng Vinh	H. Quảng Xương	19° 44' 14"	105° 51' 47"					E-48-8-D-a
thôn Thống Nhất 4	DC	xã Quảng Vinh	H. Quảng Xương	19° 44' 19"	105° 51' 29"					E-48-8-D-a
thôn Thống Nhất 5	DC	xã Quảng Vinh	H. Quảng Xương	19° 44' 06"	105° 51' 18"					E-48-8-D-a
thôn 1	DC	xã Quảng Vọng	H. Quảng Xương	19° 39' 34"	105° 44' 29"					E-48-8-C-b
thôn 2	DC	xã Quảng Vọng	H. Quảng Xương	19° 39' 29"	105° 44' 28"					E-48-8-C-b
thôn 3	DC	xã Quảng Vọng	H. Quảng Xương	19° 39' 11"	105° 44' 56"					E-48-8-C-b
thôn 4	DC	xã Quảng Vọng	H. Quảng Xương	19° 39' 09"	105° 44' 19"					E-48-8-C-b
thôn 5	DC	xã Quảng Vọng	H. Quảng Xương	19° 39' 24"	105° 44' 00"					E-48-8-C-b
thôn 6	DC	xã Quảng Vọng	H. Quảng Xương	19° 39' 13"	105° 43' 49"					E-48-8-C-b
thôn 7	DC	xã Quảng Vọng	H. Quảng Xương	19° 38' 39"	105° 44' 54"					E-48-8-C-b
thôn 8	DC	xã Quảng Vọng	H. Quảng Xương	19° 38' 32"	105° 45' 08"					E-48-8-D-a
thôn 9	DC	xã Quảng Vọng	H. Quảng Xương	19° 38' 25"	105° 45' 26"					E-48-8-D-a
thôn 10	DC	xã Quảng Vọng	H. Quảng Xương	19° 38' 19"	105° 45' 44"					E-48-8-D-a
Sông Hoàng	TV	xã Quảng Vọng	H. Quảng Xương			19° 43' 55"	105° 42' 41"	19° 36' 31"	105° 46' 34"	E-48-8-D-a
Sông Lý	TV	xã Quảng Vọng	H. Quảng Xương			19° 39' 12"	105° 46' 52"	19° 38' 16"	105° 45' 58"	E-48-8-D-a
làng Ngọc Nhị	DC	xã Quảng Vọng	H. Quảng Xương	19° 39' 16"	105° 43' 52"					E-48-8-C-b
làng Phúc Tâm	DC	xã Quảng Vọng	H. Quảng Xương	19° 39' 29"	105° 44' 31"					E-48-8-C-b
Núi Trường	SV	xã Quảng Vọng	H. Quảng Xương	19° 38' 36"	105° 45' 43"					E-48-8-D-a
làng Văn Sơn	DC	xã Quảng Vọng	H. Quảng Xương	19° 38' 35"	105° 44' 56"					E-48-8-C-b
Sông Yên	TV	xã Quảng Vọng	H. Quảng Xương			19° 39' 44"	105° 42' 50"	19° 34' 32"	105° 48' 36"	E-48-8-C-b
quốc lộ 45	KX	xã Quảng Yên	H. Quảng Xương			20° 10' 25"	105° 46' 47"	19° 48' 05"	105° 26' 03"	E-48-8-C-b
kênh B22	TV	xã Quảng Yên	H. Quảng Xương			19° 44' 12"	105° 44' 49"	19° 38' 56"	105° 46' 37"	E-48-8-C-b
thôn Chín Cảnh	DC	xã Quảng Yên	H. Quảng Xương	19° 43' 55"	105° 44' 02"					E-48-8-C-b
Sông Hoàng	TV	xã Quảng Yên	H. Quảng Xương			19° 43' 55"	105° 42' 41"	19° 39' 45"	105° 44' 04"	E-48-8-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Sông Lý	TV	xã Quảng Yên	H. Quảng Xương			19° 44' 24"	105° 44' 42"	19° 37' 09"	105° 48' 47"	E-48-8-D-a, E-48-8-C-b
Sông Hoàng	TV	xã Quảng Yên	H. Quảng Xương			19° 54' 19"	105° 30' 00"	19° 44' 24"	105° 44' 42"	E-48-8-C-b
thôn Vực 1	DC	xã Quảng Yên	H. Quảng Xương	19° 43' 33"	105° 44' 31"					E-48-8-C-b
thôn Vực 2	DC	xã Quảng Yên	H. Quảng Xương	19° 43' 45"	105° 44' 31"					E-48-8-C-b
thôn Yên Bình	DC	xã Quảng Yên	H. Quảng Xương	19° 44' 01"	105° 43' 23"					E-48-8-C-b
thôn Yên Cảnh	DC	xã Quảng Yên	H. Quảng Xương	19° 44' 20"	105° 44' 38"					E-48-8-C-b
thôn Yên Cỗ	DC	xã Quảng Yên	H. Quảng Xương	19° 43' 07"	105° 43' 01"					E-48-8-C-b
thôn Yên Đào	DC	xã Quảng Yên	H. Quảng Xương	19° 43' 24"	105° 43' 55"					E-48-8-C-b
thôn Yên Đoài	DC	xã Quảng Yên	H. Quảng Xương	19° 44' 12"	105° 43' 34"					E-48-8-C-b
thôn Yên Đông	DC	xã Quảng Yên	H. Quảng Xương	19° 44' 14"	105° 43' 52"					E-48-8-C-b
thôn Yên Duệ	DC	xã Quảng Yên	H. Quảng Xương	19° 43' 21"	105° 43' 19"					E-48-8-C-b
thôn Yên Khang	DC	xã Quảng Yên	H. Quảng Xương	19° 44' 00"	105° 43' 12"					E-48-8-C-b
thôn Yên Ninh	DC	xã Quảng Yên	H. Quảng Xương	19° 43' 58"	105° 43' 05"					E-48-8-C-b
thôn Yên Phú	DC	xã Quảng Yên	H. Quảng Xương	19° 43' 56"	105° 42' 50"					E-48-8-C-b
thôn Yên Trung	DC	xã Quảng Yên	H. Quảng Xương	19° 43' 35"	105° 43' 48"					E-48-8-C-b
khu 1	DC	TT. Quan Hóa	H. Quan Hoá	20° 22' 13"	105° 05' 53"					F-48-91-A-a
khu 2	DC	TT. Quan Hóa	H. Quan Hoá	20° 23' 05"	105° 06' 02"					F-48-91-A-a
khu 3	DC	TT. Quan Hóa	H. Quan Hoá	20° 23' 01"	105° 06' 08"					F-48-91-A-a
khu 4	DC	TT. Quan Hóa	H. Quan Hoá	20° 22' 51"	105° 06' 22"					F-48-91-A-a
khu 5	DC	TT. Quan Hóa	H. Quan Hoá	20° 22' 35"	105° 06' 52"					F-48-91-A-a
khu 6	DC	TT. Quan Hóa	H. Quan Hoá	20° 22' 14"	105° 07' 12"					F-48-91-A-c
khu 7	DC	TT. Quan Hóa	H. Quan Hoá	20° 22' 22"	105° 07' 12"					F-48-91-A-c
quốc lộ 15A	KX	TT. Quan Hóa	H. Quan Hoá			20° 33' 37"	105° 01' 17"	20° 05' 33"	105° 22' 16"	F-48-91-A-a, F-48-91-A-c
Sông Mã	TV	TT. Quan Hóa	H. Quan Hoá			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	F-48-91-A-a, F-48-91-A-c, F-48-91-A-d
cầu Na Sài	KX	TT. Quan Hóa	H. Quan Hoá	20° 22' 19"	105° 07' 26"					F-48-91-A-c
Pha Tam	SV	TT. Quan Hóa	H. Quan Hoá	20° 23' 12"	105° 07' 24"					F-48-91-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
đường tỉnh 520	KX	xã Hiền Chung	H. Quan Hoá			20° 23' 42"	105° 05' 13"	20° 31' 59"	104° 29' 09"	F-48-90-B
Suối Báng	TV	xã Hiền Chung	H. Quan Hoá			20° 26' 23"	104° 53' 17"	20° 26' 41"	104° 52' 37"	F-48-90-B
Suối Báu	TV	xã Hiền Chung	H. Quan Hoá			20° 24' 50"	104° 50' 02"	20° 25' 39"	104° 50' 38"	F-48-90-B
Bản Bó	DC	xã Hiền Chung	H. Quan Hoá	20° 25' 19"	104° 52' 04"					F-48-90-B
Bản Chại	DC	xã Hiền Chung	H. Quan Hoá	20° 24' 48"	104° 52' 38"					F-48-90-B
núi Chéo Phe	SV	xã Hiền Chung	H. Quan Hoá	20° 28' 46"	104° 50' 26"					F-48-90-B
Núi Chiềng	SV	xã Hiền Chung	H. Quan Hoá	20° 26' 22"	104° 49' 11"					F-48-90-B
Pu Côn	SV	xã Hiền Chung	H. Quan Hoá	20° 27' 14"	104° 48' 57"					F-48-90-B
Pu Đen	SV	xã Hiền Chung	H. Quan Hoá	20° 28' 39"	104° 49' 24"					F-48-90-B
Pu È	SV	xã Hiền Chung	H. Quan Hoá	20° 29' 17"	104° 51' 14"					F-48-90-B
Bản Hai	DC	xã Hiền Chung	H. Quan Hoá	20° 25' 29"	104° 51' 20"					F-48-90-B
Bản Hán	DC	xã Hiền Chung	H. Quan Hoá	20° 25' 36"	104° 51' 42"					F-48-90-B
pu Hu Luông	SV	xã Hiền Chung	H. Quan Hoá	20° 29' 53"	104° 52' 08"					F-48-90-B
pu Hu Nọi	SV	xã Hiền Chung	H. Quan Hoá	20° 29' 38"	104° 52' 58"					F-48-90-B
Póm Khẹn	SV	xã Hiền Chung	H. Quan Hoá	20° 27' 15"	104° 50' 26"					F-48-90-B
Suối Khiết	TV	xã Hiền Chung	H. Quan Hoá			20° 24' 30"	104° 43' 03"	20° 22' 18"	104° 55' 38"	F-48-90-B
Pom Khoai	SV	xã Hiền Chung	H. Quan Hoá	20° 24' 21"	104° 50' 16"					F-48-90-B
Pom Khoẻ	SV	xã Hiền Chung	H. Quan Hoá	20° 26' 30"	104° 53' 49"					F-48-90-B
Bản Lóp	DC	xã Hiền Chung	H. Quan Hoá	20° 25' 33"	104° 50' 51"					F-48-90-B
Pu Mó	SV	xã Hiền Chung	H. Quan Hoá	20° 24' 17"	104° 51' 03"					F-48-90-B
Pu Ôi	SV	xã Hiền Chung	H. Quan Hoá	20° 23' 24"	104° 48' 24"					F-48-90-B
Suối Ón	TV	xã Hiền Chung	H. Quan Hoá			20° 25' 28"	104° 49' 01"	20° 26' 03"	104° 49' 44"	F-48-90-B
pom Pa Loòng	SV	xã Hiền Chung	H. Quan Hoá	20° 24' 22"	104° 51' 55"					F-48-90-B
pom Pha Khao	SV	xã Hiền Chung	H. Quan Hoá	20° 24' 58"	104° 54' 03"					F-48-90-B
Bản Pheo	DC	xã Hiền Chung	H. Quan Hoá	20° 25' 57"	104° 51' 56"					F-48-90-B
Suối Pheo	TV	xã Hiền Chung	H. Quan Hoá			20° 27' 19"	104° 51' 50"	20° 25' 26"	104° 52' 02"	F-48-90-B
pom Sam Mường	SV	xã Hiền Chung	H. Quan Hoá	20° 27' 48"	104° 53' 29"					F-48-90-B
Suối Tâm	TV	xã Hiền Chung	H. Quan Hoá			20° 28' 55"	104° 52' 34"	20° 27' 19"	104° 51' 50"	F-48-90-B
kéo Thắm Pu	SV	xã Hiền Chung	H. Quan Hoá	20° 24' 37"	104° 47' 55"					F-48-90-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Bản Yên	DC	xã Hiền Chung	H. Quan Hoá	20° 27' 33"	104° 51' 52"					F-48-90-B
đường tỉnh 520	KX	xã Hiền Kiệt	H. Quan Hoá			20° 23' 42"	105° 05' 13"	20° 31' 59"	104° 29' 09"	F-48-90-B
núi Bản Xá	SV	xã Hiền Kiệt	H. Quan Hoá	20° 24' 35"	104° 48' 33"					F-48-90-B
Núi Cày	SV	xã Hiền Kiệt	H. Quan Hoá	20° 24' 37"	104° 47' 55"					F-48-90-B
Suối Cày	TV	xã Hiền Kiệt	H. Quan Hoá			20° 24' 22"	104° 46' 08"	20° 25' 19"	104° 45' 58"	F-48-90-B
Bản Cháo	DC	xã Hiền Kiệt	H. Quan Hoá	20° 25' 29"	104° 46' 17"					F-48-90-B
bản Chiềng Căm	DC	xã Hiền Kiệt	H. Quan Hoá	20° 26' 13"	104° 49' 38"					F-48-90-B
bản Chiềng Hin	DC	xã Hiền Kiệt	H. Quan Hoá	20° 25' 57"	104° 49' 47"					F-48-90-B
Pu Đen	SV	xã Hiền Kiệt	H. Quan Hoá	20° 28' 39"	104° 49' 24"					F-48-90-B
Đồn Biên phòng Hiền Kiệt	KX	xã Hiền Kiệt	H. Quan Hoá	20° 26' 13"	104° 48' 07"					F-48-90-B
Bản Ho	DC	xã Hiền Kiệt	H. Quan Hoá	20° 24' 55"	104° 44' 52"					F-48-90-A
Suối Ho	TV	xã Hiền Kiệt	H. Quan Hoá			20° 23' 51"	104° 45' 25"	20° 25' 04"	104° 44' 56"	F-48-90-A,
Suối Hụng	TV	xã Hiền Kiệt	H. Quan Hoá			20° 25' 42"	104° 44' 02"	20° 24' 55"	104° 44' 49"	F-48-90-A
núi Kéo Hòng	SV	xã Hiền Kiệt	H. Quan Hoá	20° 27' 17"	104° 46' 16"					F-48-90-B
Suối Khiết	TV	xã Hiền Kiệt	H. Quan Hoá			20° 24' 30"	104° 43' 03"	20° 22' 18"	104° 55' 38"	F-48-90-A, F-48-90-B
Kéo Lý	SV	xã Hiền Kiệt	H. Quan Hoá	20° 26' 25"	104° 45' 39"					F-48-90-B
póm Nam Kheo	SV	xã Hiền Kiệt	H. Quan Hoá	20° 27' 14"	104° 48' 57"					F-48-90-B
pu Pin Láu	SV	xã Hiền Kiệt	H. Quan Hoá	20° 27' 58"	104° 47' 14"					F-48-90-B
núi Poom Sơn	SV	xã Hiền Kiệt	H. Quan Hoá	20° 25' 21"	104° 43' 51"					F-48-90-A
bản Poọng 1	DC	xã Hiền Kiệt	H. Quan Hoá	20° 26' 04"	104° 48' 39"					F-48-90-B
bản Poọng 2	DC	xã Hiền Kiệt	H. Quan Hoá	20° 26' 13"	104° 48' 23"					F-48-90-B
Bản San	DC	xã Hiền Kiệt	H. Quan Hoá	20° 26' 41"	104° 47' 24"					F-48-90-B
Suối San	TV	xã Hiền Kiệt	H. Quan Hoá			20° 27' 00"	104° 46' 59"	20° 26' 13"	104° 48' 04"	F-48-90-B
póm Tai Xấy	SV	xã Hiền Kiệt	H. Quan Hoá	20° 23' 32"	104° 44' 27"					F-48-90-A
suối Tra Lát	TV	xã Hiền Kiệt	H. Quan Hoá			20° 25' 47"	104° 44' 56"	20° 25' 16"	104° 45' 47"	F-48-90-A, F-48-90-B
đường tỉnh 520	KX	xã Hồi Xuân	H. Quan Hoá			20° 23' 42"	105° 05' 13"	20° 31' 59"	104° 29' 09"	F-48-91-A-a
quốc lộ 15A	KX	xã Hồi Xuân	H. Quan Hoá			20° 33' 37"	105° 01' 17"	20° 05' 33"	105° 22' 16"	F-48-91-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Bản Ban	DC	xã Hồi Xuân	H. Quan Hoá	20° 23' 37"	105° 05' 46"					F-48-91-A-a
Pu Bàn	SV	xã Hồi Xuân	H. Quan Hoá	20° 24' 38"	105° 00' 23"					F-48-91-A-a
núi Buốc Mu	SV	xã Hồi Xuân	H. Quan Hoá	20° 25' 35"	105° 04' 52"					F-48-91-A-a
pu Chầu Ngậu	SV	xã Hồi Xuân	H. Quan Hoá	20° 27' 20"	105° 06' 07"					F-48-91-A-a
pha Co Cá	SV	xã Hồi Xuân	H. Quan Hoá	20° 25' 10"	105° 05' 17"					F-48-91-A-a
Bản Cốc	DC	xã Hồi Xuân	H. Quan Hoá	20° 25' 37"	105° 03' 23"					F-48-91-A-a
suối Cơm Hạo	TV	xã Hồi Xuân	H. Quan Hoá			20° 27' 08"	105° 03' 58"	20° 26' 50"	105° 03' 04"	F-48-91-A-a
Pòm Đồn	SV	xã Hồi Xuân	H. Quan Hoá	20° 26' 42"	105° 06' 45"					F-48-91-A-a
pom Đông Chu Dưới	SV	xã Hồi Xuân	H. Quan Hoá	20° 24' 10"	105° 02' 12"					F-48-91-A-a
pom Đông Chu Trên	SV	xã Hồi Xuân	H. Quan Hoá	20° 23' 57"	105° 01' 35"					F-48-91-A-a
núi Đông Vòng	SV	xã Hồi Xuân	H. Quan Hoá	20° 26' 07"	105° 02' 41"					F-48-91-A-a
Pha Giang	SV	xã Hồi Xuân	H. Quan Hoá	20° 27' 23"	105° 04' 20"					F-48-91-A-a
Pha Hạm	SV	xã Hồi Xuân	H. Quan Hoá	20° 25' 00"	105° 07' 01"					F-48-91-A-a
núi Hang Ma	SV	xã Hồi Xuân	H. Quan Hoá	20° 24' 19"	105° 04' 00"					F-48-91-A-a
cầu Hồi Xuân	KX	xã Hồi Xuân	H. Quan Hoá	20° 23' 40"	105° 05' 10"					F-48-91-A-a
khu phố Hồi Xuân	DC	xã Hồi Xuân	H. Quan Hoá	20° 23' 19"	105° 05' 41"					F-48-91-A-a
Bản Khằm	DC	xã Hồi Xuân	H. Quan Hoá	20° 23' 37"	105° 05' 28"					F-48-91-A-a
Bản Khó	DC	xã Hồi Xuân	H. Quan Hoá	20° 24' 44"	105° 06' 18"					F-48-91-A-a
Suối Khó	TV	xã Hồi Xuân	H. Quan Hoá			20° 25' 47"	105° 05' 45"	20° 23' 26"	105° 05' 31"	F-48-91-A-a
pha Linh Non	SV	xã Hồi Xuân	H. Quan Hoá	20° 24' 02"	105° 06' 39"					F-48-91-A-a
Sông Lò	TV	xã Hồi Xuân	H. Quan Hoá			20° 09' 53"	104° 51' 54"	20° 22' 47"	105° 06' 00"	F-48-91-A-a, F-48-91-A-c
Nặm Lung	TV	xã Hồi Xuân	H. Quan Hoá			20° 22' 43"	105° 05' 13"	20° 22' 24"	105° 05' 46"	F-48-91-A-c
Pu Luông	SV	xã Hồi Xuân	H. Quan Hoá	20° 26' 06"	105° 07' 02"					F-48-91-A-a
Sông Luồng	TV	xã Hồi Xuân	H. Quan Hoá			20° 18' 18"	104° 37' 03"	20° 24' 07"	105° 04' 37"	F-48-91-A-a
Sông Mã	TV	xã Hồi Xuân	H. Quan Hoá			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	F-48-91-A-a, F-48-91-A-c
Pha Mò	SV	xã Hồi Xuân	H. Quan Hoá	20° 21' 49"	105° 06' 24"					F-48-91-A-c
Bản Mướp	DC	xã Hồi Xuân	H. Quan Hoá	20° 25' 46"	105° 03' 52"					F-48-91-A-a
Dốc Mướp	SV	xã Hồi Xuân	H. Quan Hoá	20° 26' 10"	105° 03' 42"					F-48-91-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Suối Mướp	TV	xã Hồi Xuân	H. Quan Hoá			20° 26' 38"	105° 04' 48"	20° 25' 36"	105° 03' 32"	F-48-91-A-a
Bản Nghèo	DC	xã Hồi Xuân	H. Quan Hoá	20° 25' 31"	105° 05' 54"					F-48-91-A-a
Pu Ngừa	SV	xã Hồi Xuân	H. Quan Hoá	20° 24' 38"	105° 07' 01"					F-48-91-A-a
Pu Ông	SV	xã Hồi Xuân	H. Quan Hoá	20° 25' 29"	105° 01' 23"					F-48-91-A-a
núi Pa Chiêng	SV	xã Hồi Xuân	H. Quan Hoá	20° 26' 31"	105° 06' 57"					F-48-91-A-a
pom Pa Co	SV	xã Hồi Xuân	H. Quan Hoá	20° 24' 25"	105° 03' 00"					F-48-91-A-a
pom Pa Láy	SV	xã Hồi Xuân	H. Quan Hoá	20° 24' 32"	105° 03' 22"					F-48-91-A-a
Pu Pùng	SV	xã Hồi Xuân	H. Quan Hoá	20° 25' 40"	105° 02' 12"					F-48-91-A-a
Pha Tam	SV	xã Hồi Xuân	H. Quan Hoá	20° 23' 12"	105° 07' 24"					F-48-91-A-a
Suối Tọi	TV	xã Hồi Xuân	H. Quan Hoá			20° 24' 32"	105° 00' 58"	20° 25' 19"	105° 03' 25"	F-48-91-A-a
Pha Tốm	SV	xã Hồi Xuân	H. Quan Hoá	20° 25' 54"	105° 04' 45"					F-48-91-A-a
đường tỉnh 520	KX	xã Nam Động	H. Quan Hoá			20° 23' 42"	105° 05' 13"	20° 31' 59"	104° 29' 09"	F-48-90-B
Bản Bắt	DC	xã Nam Động	H. Quan Hoá	20° 20' 53"	104° 57' 57"					F-48-90-B
Bản Bâu	DC	xã Nam Động	H. Quan Hoá	20° 20' 04"	104° 51' 10"					F-48-90-B
Suối Bâu	TV	xã Nam Động	H. Quan Hoá			20° 20' 46"	104° 50' 28"	20° 19' 56"	104° 51' 25"	F-48-90-B
Bản Chiềng	DC	xã Nam Động	H. Quan Hoá	20° 22' 23"	104° 55' 50"					F-48-90-B
Pu Cút	SV	xã Nam Động	H. Quan Hoá	20° 18' 28"	104° 53' 28"					F-48-90-B
Phá Đáy	SV	xã Nam Động	H. Quan Hoá	20° 20' 41"	104° 51' 18"					F-48-90-B
Huối Đe	TV	xã Nam Động	H. Quan Hoá			20° 20' 20"	104° 57' 46"	20° 18' 00"	105° 00' 22"	F-48-90-B
Phá Đúng	SV	xã Nam Động	H. Quan Hoá	20° 22' 24"	104° 54' 31"					F-48-90-B
núi Hín Hài	SV	xã Nam Động	H. Quan Hoá	20° 21' 37"	104° 50' 32"					F-48-90-B
Phá Huốt	SV	xã Nam Động	H. Quan Hoá	20° 21' 19"	104° 55' 36"					F-48-90-B
pom Keo Cốc	SV	xã Nam Động	H. Quan Hoá	20° 22' 24"	104° 54' 30"					F-48-90-B
Suối Khiết	TV	xã Nam Động	H. Quan Hoá			20° 24' 30"	104° 43' 03"	20° 22' 18"	104° 55' 38"	F-48-90-B
Bản Khương	DC	xã Nam Động	H. Quan Hoá	20° 22' 38"	104° 56' 55"					F-48-90-B
Bản Làng	DC	xã Nam Động	H. Quan Hoá	20° 22' 32"	104° 56' 42"					F-48-90-B
Bản Lở	DC	xã Nam Động	H. Quan Hoá	20° 20' 37"	104° 53' 48"					F-48-90-B
Sông Luồng	TV	xã Nam Động	H. Quan Hoá			20° 18' 18"	104° 37' 03"	20° 24' 07"	105° 04' 37"	F-48-90-B
pom Mục Ngách	SV	xã Nam Động	H. Quan Hoá	20° 22' 09"	104° 51' 44"					F-48-90-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Pom Mươi	SV	xã Nam Động	H. Quan Hoá	20° 23' 38"	104° 56' 39"					F-48-90-B
póm Nà Cối	SV	xã Nam Động	H. Quan Hoá	20° 19' 16"	104° 52' 54"					F-48-90-B
pha Nặm Giặt	SV	xã Nam Động	H. Quan Hoá	20° 21' 18"	104° 53' 42"					F-48-90-B
Phá Ngách	SV	xã Nam Động	H. Quan Hoá	20° 22' 08"	104° 57' 56"					F-48-90-B
Bản Nót	DC	xã Nam Động	H. Quan Hoá	20° 20' 56"	104° 50' 12"					F-48-90-B
núi Pa Sần	SV	xã Nam Động	H. Quan Hoá	20° 20' 46"	104° 48' 37"					F-48-90-B
Phá Phánh	SV	xã Nam Động	H. Quan Hoá	20° 18' 36"	104° 52' 15"					F-48-90-B
Pu Tác	SV	xã Nam Động	H. Quan Hoá	20° 23' 10"	104° 55' 37"					F-48-90-B
pom Trà Khót	SV	xã Nam Động	H. Quan Hoá	20° 21' 42"	104° 57' 00"					F-48-90-B
đường tỉnh 520	KX	xã Nam Tiến	H. Quan Hoá			20° 23' 42"	105° 05' 13"	20° 31' 59"	104° 29' 09"	F-48-90-B, F-48-91-A-a
Suối Bôn	TV	xã Nam Tiến	H. Quan Hoá			20° 21' 52"	104° 58' 26"	20° 22' 35"	104° 59' 13"	F-48-90-B
Pu Bưởi	SV	xã Nam Tiến	H. Quan Hoá	20° 26' 01"	104° 58' 16"					F-48-90-B
núi Căng Phô	SV	xã Nam Tiến	H. Quan Hoá	20° 24' 10"	104° 56' 06"					F-48-90-B
núi Cha Thượng	SV	xã Nam Tiến	H. Quan Hoá	20° 28' 14"	104° 56' 38"					F-48-90-B
núi Chọ Lọc	SV	xã Nam Tiến	H. Quan Hoá	20° 28' 21"	104° 55' 49"					F-48-90-B
núi Chom Lếnh	SV	xã Nam Tiến	H. Quan Hoá	20° 27' 23"	104° 57' 34"					F-48-90-B
bản Cốc 1	DC	xã Nam Tiến	H. Quan Hoá	20° 25' 23"	104° 56' 56"					F-48-90-B
bản Cốc 2	DC	xã Nam Tiến	H. Quan Hoá	20° 25' 38"	104° 56' 40"					F-48-90-B
bản Cốc 3	DC	xã Nam Tiến	H. Quan Hoá	20° 26' 43"	104° 56' 35"					F-48-90-B
Bản Cua	DC	xã Nam Tiến	H. Quan Hoá	20° 24' 50"	104° 57' 27"					F-48-90-B
Suối Cua	TV	xã Nam Tiến	H. Quan Hoá			20° 27' 01"	104° 57' 43"	20° 24' 49"	104° 57' 22"	F-48-90-B
Bản Cụm	DC	xã Nam Tiến	H. Quan Hoá	20° 25' 56"	104° 57' 43"					F-48-90-B
Pom Đê	SV	xã Nam Tiến	H. Quan Hoá	20° 28' 11"	104° 55' 34"					F-48-90-B
pu Hu Nọi	SV	xã Nam Tiến	H. Quan Hoá	20° 29' 38"	104° 52' 58"					F-48-90-B
núi Hua Khoái	SV	xã Nam Tiến	H. Quan Hoá	20° 23' 55"	104° 58' 57"					F-48-90-B
pom Huối Bo	SV	xã Nam Tiến	H. Quan Hoá	20° 20' 58"	105° 00' 38"					F-48-91-A-c
Suối Ken	TV	xã Nam Tiến	H. Quan Hoá			20° 21' 10"	105° 00' 18"	20° 22' 50"	104° 59' 17"	F-48-91-A-c, F-48-90-B
bản Ken 1	DC	xã Nam Tiến	H. Quan Hoá	20° 22' 38"	104° 59' 13"					F-48-90-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
bản Ken 2	DC	xã Nam Tiến	H. Quan Hoá	20° 22' 20"	104° 59' 19"					F-48-90-B
Pu Kha	SV	xã Nam Tiến	H. Quan Hoá	20° 24' 21"	104° 59' 24"					F-48-90-B
Suối Khá	TV	xã Nam Tiến	H. Quan Hoá			20° 24' 14"	104° 59' 02"	20° 23' 41"	104° 58' 12"	F-48-90-B
bản Khang 1	DC	xã Nam Tiến	H. Quan Hoá	20° 23' 25"	104° 58' 10"					F-48-90-B
bản Khang 2	DC	xã Nam Tiến	H. Quan Hoá	20° 23' 47"	104° 57' 52"					F-48-90-B
Pom Khoẻ	SV	xã Nam Tiến	H. Quan Hoá	20° 26' 30"	104° 53' 49"					F-48-90-B
Pom Lau	SV	xã Nam Tiến	H. Quan Hoá	20° 20' 18"	104° 59' 19"					F-48-90-B
Bản Lếp	DC	xã Nam Tiến	H. Quan Hoá	20° 22' 51"	105° 00' 02"					F-48-90-B
Sông Luồng	TV	xã Nam Tiến	H. Quan Hoá			20° 18' 18"	104° 37' 03"	20° 24' 07"	105° 04' 37"	F-48-91-A-a, F-48-90-B
Pu Mại	SV	xã Nam Tiến	H. Quan Hoá	20° 24' 47"	104° 58' 49"					F-48-90-B
Pom Mươi	SV	xã Nam Tiến	H. Quan Hoá	20° 23' 38"	104° 56' 39"					F-48-90-B
Bản Ngà	DC	xã Nam Tiến	H. Quan Hoá	20° 23' 07"	104° 57' 30"					F-48-90-B
Suối Ngà	TV	xã Nam Tiến	H. Quan Hoá			20° 27' 21"	104° 55' 23"	20° 23' 21"	104° 58' 08"	F-48-90-B
Pha Ngách	SV	xã Nam Tiến	H. Quan Hoá	20° 22' 08"	104° 57' 56"					F-48-90-B
Pha Nhụng	SV	xã Nam Tiến	H. Quan Hoá	20° 24' 18"	104° 54' 59"					F-48-90-B
Suối Pan	TV	xã Nam Tiến	H. Quan Hoá			20° 23' 54"	104° 59' 35"	20° 22' 46"	104° 59' 31"	F-48-90-B
núi Pha Chọm	SV	xã Nam Tiến	H. Quan Hoá	20° 25' 03"	104° 54' 49"					F-48-90-B
bản Phố Mới	DC	xã Nam Tiến	H. Quan Hoá	20° 23' 17"	104° 58' 07"					F-48-90-B
Suối Phúc	TV	xã Nam Tiến	H. Quan Hoá			20° 25' 09"	104° 58' 19"	20° 24' 24"	104° 57' 47"	F-48-90-B
núi Pom Ten	SV	xã Nam Tiến	H. Quan Hoá	20° 26' 31"	104° 56' 22"					F-48-90-B
pom Sam Mường	SV	xã Nam Tiến	H. Quan Hoá	20° 27' 48"	104° 53' 29"					F-48-90-B
núi Săn Đồn	SV	xã Nam Tiến	H. Quan Hoá	20° 26' 55"	104° 54' 39"					F-48-90-B
núi Tàng Tâm	SV	xã Nam Tiến	H. Quan Hoá	20° 24' 09"	105° 00' 43"					F-48-91-A-a
bản Tiến Lập	DC	xã Nam Tiến	H. Quan Hoá	20° 23' 24"	104° 58' 25"					F-48-90-B
Núi Xai	SV	xã Nam Tiến	H. Quan Hoá	20° 21' 22"	104° 58' 50"					F-48-90-B
Núi Xôm	SV	xã Nam Tiến	H. Quan Hoá	20° 26' 44"	104° 58' 10"					F-48-90-B
đội 3	DC	xã Nam Xuân	H. Quan Hoá	20° 22' 31"	105° 00' 52"					F-48-91-A-a
đường tỉnh 520	KX	xã Nam Xuân	H. Quan Hoá			20° 23' 42"	105° 05' 13"	20° 31' 59"	104° 29' 09"	F-48-91-A-a, F-48-91-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
suối Ánh Mạ	TV	xã Nam Xuân	H. Quan Hoá			20° 24' 04"	105° 03' 04"	20° 23' 45"	105° 03' 29"	F-48-91-A-a
Pu Bai	SV	xã Nam Xuân	H. Quan Hoá	20° 21' 33"	105° 02' 41"					F-48-91-A-c
núi Buốc Mu Luông	SV	xã Nam Xuân	H. Quan Hoá	20° 23' 17"	105° 04' 13"					F-48-91-A-a
Bản Bút	DC	xã Nam Xuân	H. Quan Hoá	20° 22' 41"	105° 03' 49"					F-48-91-A-a
Pu Cạn	SV	xã Nam Xuân	H. Quan Hoá	20° 20' 44"	105° 02' 32"					F-48-91-A-c
pu Có Nọi	SV	xã Nam Xuân	H. Quan Hoá	20° 20' 57"	105° 01' 53"					F-48-91-A-c
pom Đông Chu Dưới	SV	xã Nam Xuân	H. Quan Hoá	20° 24' 10"	105° 02' 12"					F-48-91-A-a
pom Đông Chu Trên	SV	xã Nam Xuân	H. Quan Hoá	20° 23' 57"	105° 01' 35"					F-48-91-A-a
Pha Đun	SV	xã Nam Xuân	H. Quan Hoá	20° 21' 56"	105° 01' 29"					F-48-91-A-c
bản Đun Pù	DC	xã Nam Xuân	H. Quan Hoá	20° 21' 51"	105° 01' 50"					F-48-91-A-c
núi Hang Ma	SV	xã Nam Xuân	H. Quan Hoá	20° 24' 19"	105° 04' 00"					F-48-91-A-a
pom Huối Bo	SV	xã Nam Xuân	H. Quan Hoá	20° 20' 58"	105° 00' 38"					F-48-91-A-c
Bản Khuông	DC	xã Nam Xuân	H. Quan Hoá	20° 22' 29"	105° 01' 28"					F-48-91-A-a
Sông Luồng	TV	xã Nam Xuân	H. Quan Hoá			20° 18' 18"	104° 37' 03"	20° 24' 07"	105° 04' 37"	F-48-91-A-a, F-48-91-A-c
pha Muống	SV	xã Nam Xuân	H. Quan Hoá	20° 21' 49"	105° 04' 12"					F-48-91-A-c
bản Na Cốc	DC	xã Nam Xuân	H. Quan Hoá	20° 23' 05"	105° 03' 11"					F-48-91-A-a
bản Na Lặc	DC	xã Nam Xuân	H. Quan Hoá	20° 22' 49"	105° 03' 09"					F-48-91-A-a
bản Nam Tân	DC	xã Nam Xuân	H. Quan Hoá	20° 22' 28"	105° 02' 02"					F-48-91-A-a
pom Pa Co	SV	xã Nam Xuân	H. Quan Hoá	20° 24' 25"	105° 03' 00"					F-48-91-A-a
núi Pa Đay	SV	xã Nam Xuân	H. Quan Hoá	20° 21' 25"	105° 03' 42"					F-48-91-A-c
pom Pa Láy	SV	xã Nam Xuân	H. Quan Hoá	20° 24' 32"	105° 03' 22"					F-48-91-A-a
núi Tàng Tâm	SV	xã Nam Xuân	H. Quan Hoá	20° 24' 09"	105° 00' 43"					F-48-91-A-a
núi Tén Luông	SV	xã Nam Xuân	H. Quan Hoá	20° 21' 11"	105° 03' 42"					F-48-91-A-c
núi Tre Luống	SV	xã Nam Xuân	H. Quan Hoá	20° 20' 56"	105° 03' 08"					F-48-91-A-c
núi Xa La	SV	xã Nam Xuân	H. Quan Hoá	20° 21' 08"	105° 03' 09"					F-48-91-A-c
quốc lộ 15A	KX	xã Phú Lệ	H. Quan Hoá			20° 33' 37"	105° 01' 17"	20° 05' 33"	105° 22' 16"	F-48-79-C-c
quốc lộ 15C	KX	xã Phú Lệ	H. Quan Hoá			20° 33' 11"	105° 01' 17"	20° 21' 18"	105° 12' 32"	F-48-79-C-c
Suối Bái	TV	xã Phú Lệ	H. Quan Hoá			20° 31' 31"	105° 01' 37"	20° 31' 16"	105° 01' 23"	F-48-79-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
núi Buốc Pát	SV	xã Phú Lệ	H. Quan Hoá	20° 33' 28"	105° 02' 38"					F-48-79-C-c
pha Cằng Cúp	SV	xã Phú Lệ	H. Quan Hoá	20° 32' 35"	105° 01' 36"					F-48-79-C-c
núi Co Đếnh	SV	xã Phú Lệ	H. Quan Hoá	20° 32' 53"	105° 02' 04"					F-48-79-C-c
pom Co Lềm	SV	xã Phú Lệ	H. Quan Hoá	20° 31' 31"	105° 02' 19"					F-48-79-C-c
núi Cong Hụm	SV	xã Phú Lệ	H. Quan Hoá	20° 30' 39"	105° 04' 41"					F-48-79-C-c
Pha Đanh	SV	xã Phú Lệ	H. Quan Hoá	20° 33' 59"	105° 03' 37"					F-48-79-C-c
Bản Đuốm	DC	xã Phú Lệ	H. Quan Hoá	20° 32' 15"	105° 03' 35"					F-48-79-C-c
Bản Hang	DC	xã Phú Lệ	H. Quan Hoá	20° 31' 52"	105° 04' 39"					F-48-79-C-c
Thung Hang	SV	xã Phú Lệ	H. Quan Hoá	20° 32' 32"	105° 05' 54"					F-48-79-C-c
Sông Mã	TV	xã Phú Lệ	H. Quan Hoá			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	F-48-79-C-c
Pha Nọi	SV	xã Phú Lệ	H. Quan Hoá	20° 32' 41"	105° 01' 20"					F-48-79-C-c
núi Pa Co	SV	xã Phú Lệ	H. Quan Hoá	20° 33' 05"	105° 02' 19"					F-48-79-C-c
thẩm Pá Co	SV	xã Phú Lệ	H. Quan Hoá	20° 30' 30"	105° 03' 08"					F-48-79-C-c
pom Pá Hịa	SV	xã Phú Lệ	H. Quan Hoá	20° 31' 27"	105° 02' 41"					F-48-79-C-c
pom Pha Loòng	SV	xã Phú Lệ	H. Quan Hoá	20° 33' 43"	105° 03' 03"					F-48-79-C-c
Suối Pưng	TV	xã Phú Lệ	H. Quan Hoá			20° 30' 23"	105° 06' 04"	20° 32' 17"	105° 01' 05"	F-48-79-C-c
núi Ruổi Bá	SV	xã Phú Lệ	H. Quan Hoá	20° 32' 40"	105° 01' 48"					F-48-79-C-c
Bản Sại	DC	xã Phú Lệ	H. Quan Hoá	20° 32' 04"	105° 01' 08"					F-48-79-C-c
bản Tân Phúc	DC	xã Phú Lệ	H. Quan Hoá	20° 32' 12"	105° 02' 37"					F-48-79-C-c
núi Thung Pa Hịa	SV	xã Phú Lệ	H. Quan Hoá	20° 33' 03"	105° 05' 20"					F-48-79-C-c
bản Ca Me	DC	xã Phú Nghiêm	H. Quan Hoá	20° 23' 21"	105° 08' 37"					F-48-91-A-b
bản Đồng Tâm	DC	xã Phú Nghiêm	H. Quan Hoá	20° 23' 38"	105° 08' 43"					F-48-91-A-b
Pu Đoóc	SV	xã Phú Nghiêm	H. Quan Hoá	20° 23' 17"	105° 09' 49"					F-48-91-A-b
Pha Hạm	SV	xã Phú Nghiêm	H. Quan Hoá	20° 24' 43"	105° 07' 21"					F-48-91-A-a
Pu Hò	SV	xã Phú Nghiêm	H. Quan Hoá	20° 24' 18"	105° 09' 42"					F-48-91-A-b
Pu Luông	SV	xã Phú Nghiêm	H. Quan Hoá	20° 24' 30"	105° 09' 12"					F-48-91-A-b
Sông Mã	TV	xã Phú Nghiêm	H. Quan Hoá			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	F-48-91-A-d, F-48-91-A-c
núi Pa Tén	SV	xã Phú Nghiêm	H. Quan Hoá	20° 22' 21"	105° 09' 33"					F-48-91-A-d
Bản Poọng	DC	xã Phú Nghiêm	H. Quan Hoá	20° 23' 02"	105° 08' 41"					F-48-91-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Pha Poọng	SV	xã Phú Nghiêm	H. Quan Hoá	20° 22' 42"	105° 09' 04"					F-48-91-A-b
Suối Poọng	TV	xã Phú Nghiêm	H. Quan Hoá			20° 24' 29"	105° 07' 46"	20° 22' 21"	105° 08' 13"	F-48-91-A-b, F-48-91-A-d
Pha Tam	SV	xã Phú Nghiêm	H. Quan Hoá	20° 23' 12"	105° 07' 24"					F-48-91-A-a
bản Vinh Quang	DC	xã Phú Nghiêm	H. Quan Hoá	20° 24' 04"	105° 08' 09"					F-48-91-A-b
Pha Bau	SV	xã Phú Sơn	H. Quan Hoá	20° 30' 32"	104° 59' 45"					F-48-78-D
pha Bo Ngón	SV	xã Phú Sơn	H. Quan Hoá	20° 27' 58"	104° 57' 39"					F-48-90-B
núi Cha Thượng	SV	xã Phú Sơn	H. Quan Hoá	20° 28' 14"	104° 56' 38"					F-48-90-B
Bản Chiềng	DC	xã Phú Sơn	H. Quan Hoá	20° 31' 40"	105° 00' 20"					F-48-79-C-c
núi Chọ Lọc	SV	xã Phú Sơn	H. Quan Hoá	20° 28' 21"	104° 55' 49"					F-48-90-B
Pom Côi	SV	xã Phú Sơn	H. Quan Hoá	20° 29' 27"	104° 59' 01"					F-48-90-B
Pom Đê	SV	xã Phú Sơn	H. Quan Hoá	20° 28' 11"	104° 55' 34"					F-48-90-B
núi Hin Chồng Pàn	SV	xã Phú Sơn	H. Quan Hoá	20° 28' 53"	104° 58' 45"					F-48-90-B
pu Hu Nọi	SV	xã Phú Sơn	H. Quan Hoá	20° 29' 38"	104° 52' 58"					F-48-90-B
Bản Khoa	DC	xã Phú Sơn	H. Quan Hoá	20° 29' 34"	104° 57' 43"					F-48-90-B
pom Lương En	SV	xã Phú Sơn	H. Quan Hoá	20° 32' 09"	105° 00' 24"					F-48-79-C-c
Sông Mã	TV	xã Phú Sơn	H. Quan Hoá			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	F-48-79-C-c
pòm Mang Khúng	SV	xã Phú Sơn	H. Quan Hoá	20° 32' 48"	104° 58' 02"					F-48-78-D
Bản Ôn	DC	xã Phú Sơn	H. Quan Hoá	20° 31' 31"	104° 59' 44"					F-48-78-D
Suối Ôn	TV	xã Phú Sơn	H. Quan Hoá			20° 31' 33"	104° 59' 38"	20° 31' 53"	105° 01' 05"	F-48-79-C-c, F-48-78-D
suối Pàn Pin	TV	xã Phú Sơn	H. Quan Hoá			20° 30' 50"	105° 01' 01"	20° 30' 59"	105° 01' 26"	F-48-79-C-c
Pha Phứa	SV	xã Phú Sơn	H. Quan Hoá	20° 30' 47"	105° 01' 19"					F-48-79-C-c
bản Suối Tôn	DC	xã Phú Sơn	H. Quan Hoá	20° 29' 14"	104° 57' 56"					F-48-90-B
bản Tai Giác	DC	xã Phú Sơn	H. Quan Hoá	20° 31' 16"	104° 58' 37"					F-48-78-D
pom Thám Pùng	SV	xã Phú Sơn	H. Quan Hoá	20° 32' 41"	104° 57' 35"					F-48-78-D
Pha Thơn	SV	xã Phú Sơn	H. Quan Hoá	20° 30' 54"	105° 00' 00"					F-48-78-D
Suối Tra	TV	xã Phú Sơn	H. Quan Hoá			20° 31' 38"	104° 57' 32"	20° 31' 11"	104° 58' 16"	F-48-78-D
quốc lộ 15A	KX	xã Phú Thanh	H. Quan Hoá			20° 33' 37"	105° 01' 17"	20° 05' 33"	105° 22' 16"	F-48-79-C-c
quốc lộ 15C	KX	xã Phú Thanh	H. Quan Hoá			20° 33' 11"	105° 01' 17"	20° 21' 18"	105° 12' 32"	F-48-79-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
núi Buốc Pát	SV	xã Phú Thanh	H. Quan Hoá	20° 33' 28"	105° 02' 38"					F-48-79-C-c
pom Buốc Trạng	SV	xã Phú Thanh	H. Quan Hoá	20° 35' 41"	104° 58' 391					F-48-78-D
Huối Cải	TV	xã Phú Thanh	H. Quan Hoá			20° 35' 48"	104° 57' 36"	20° 34' 52"	104° 57' 29"	F-48-78-D
pha Cằng Cúp	SV	xã Phú Thanh	H. Quan Hoá	20° 32' 35"	105° 01' 36"					F-48-79-C-c
Bản Chăng	DC	xã Phú Thanh	H. Quan Hoá	20° 32' 44"	105° 00' 54"					F-48-79-C-c
núi Co Đếnh	SV	xã Phú Thanh	H. Quan Hoá	20° 32' 53"	105° 02' 04"					F-48-79-C-c
huối Đen Mường	TV	xã Phú Thanh	H. Quan Hoá			20° 34' 12"	104° 57' 22"	20° 34' 49"	104° 57' 29"	F-48-78-D
Bản Đỏ	DC	xã Phú Thanh	H. Quan Hoá	20° 33' 09"	105° 01' 10"					F-48-79-C-c
Bản En	DC	xã Phú Thanh	H. Quan Hoá	20° 34' 28"	104° 59' 17"					F-48-78-D
pom Lương En	SV	xã Phú Thanh	H. Quan Hoá	20° 32' 09"	105° 00' 24"					F-48-79-C-c
Sông Mã	TV	xã Phú Thanh	H. Quan Hoá			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	F-48-79-C-c, F-48-78-D
pòm Mang Khúng	SV	xã Phú Thanh	H. Quan Hoá	20° 32' 48"	104° 58' 02"					F-48-78-D
pom Mỏ Tôm	SV	xã Phú Thanh	H. Quan Hoá	20° 33' 25"	105° 00' 32"					F-48-79-C-c
Pha Nọi	SV	xã Phú Thanh	H. Quan Hoá	20° 32' 41"	105° 01' 20"					F-48-79-C-c
Huối Nung	TV	xã Phú Thanh	H. Quan Hoá			20° 32' 42"	104° 59' 20"	20° 33' 26"	105° 00' 00"	F-48-79-C-c
núi Pa Co	SV	xã Phú Thanh	H. Quan Hoá	20° 33' 05"	105° 02' 19"					F-48-79-C-c
Bản Páng	DC	xã Phú Thanh	H. Quan Hoá	20° 33' 28"	105° 00' 59"					F-48-79-C-c
Huối Páng	TV	xã Phú Thanh	H. Quan Hoá			20° 33' 26"	105° 00' 00"	20° 33' 50"	105° 00' 58"	F-48-79-C-c
póm Pha Khao	SV	xã Phú Thanh	H. Quan Hoá	20° 36' 29"	104° 57' 35"					F-48-78-D
pom Pha Loòng	SV	xã Phú Thanh	H. Quan Hoá	20° 33' 43"	105° 03' 03"					F-48-79-C-c
pom Pha Uôn	SV	xã Phú Thanh	H. Quan Hoá	20° 35' 31"	104° 58' 10"					F-48-78-D
Huối Quyên	TV	xã Phú Thanh	H. Quan Hoá			20° 35' 31"	104° 58' 56"	20° 34' 32"	104° 58' 39"	F-48-78-D
núi Ruồi Bá	SV	xã Phú Thanh	H. Quan Hoá	20° 32' 40"	105° 01' 48"					F-48-79-C-c
Pom Soi	SV	xã Phú Thanh	H. Quan Hoá	20° 34' 03"	104° 57' 24"					F-48-78-D
pom Thám Pùng	SV	xã Phú Thanh	H. Quan Hoá	20° 32' 41"	104° 57' 35"					F-48-78-D
bản Trung Tân	DC	xã Phú Thanh	H. Quan Hoá	20° 32' 56"	105° 01' 36"					F-48-79-C-c
Bản Uôn	DC	xã Phú Thanh	H. Quan Hoá	20° 34' 39"	104° 58' 31"					F-48-78-D
quốc lộ 15A	KX	xã Phú Xuân	H. Quan Hoá			20° 33' 37"	105° 01' 17"	20° 05' 33"	105° 22' 16"	F-48-79-C-c, F-48-91-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Bản Bá	DC	xã Phú Xuân	H. Quan Hoá	20° 29' 25"	105° 01' 47"					F-48-91-A-a
Suối Bái	TV	xã Phú Xuân	H. Quan Hoá			20° 31' 31"	105° 01' 37"	20° 31' 16"	105° 01' 23"	F-48-79-C-c
Pha Bau	SV	xã Phú Xuân	H. Quan Hoá	20° 30' 32"	104° 59' 45"					F-48-78-D
pom Co Lềm	SV	xã Phú Xuân	H. Quan Hoá	20° 31' 31"	105° 02' 19"					F-48-79-C-c
suối Co Sán	TV	xã Phú Xuân	H. Quan Hoá			20° 28' 54"	105° 01' 41"	20° 28' 56"	105° 01' 55"	F-48-91-A-a
Pom Cội	SV	xã Phú Xuân	H. Quan Hoá	20° 29' 16"	105° 00' 01"					F-48-91-A-a
núi Hang Tặng	SV	xã Phú Xuân	H. Quan Hoá	20° 29' 01"	105° 00' 59"					F-48-91-A-a
Sông Mã	TV	xã Phú Xuân	H. Quan Hoá			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	F-48-91-A-a, F-48-79-C-c
Bản Mí	DC	xã Phú Xuân	H. Quan Hoá	20° 30' 03"	105° 01' 17"					F-48-79-C-c
Bản Mỏ	DC	xã Phú Xuân	H. Quan Hoá	20° 30' 30"	105° 01' 45"					F-48-79-C-c
thắm Pá Co	SV	xã Phú Xuân	H. Quan Hoá	20° 30' 30"	105° 03' 08"					F-48-79-C-c
pom Pá Hịa	SV	xã Phú Xuân	H. Quan Hoá	20° 31' 27"	105° 02' 41"					F-48-79-C-c
Bản Pan	DC	xã Phú Xuân	H. Quan Hoá	20° 29' 28"	105° 01' 58"					F-48-91-A-a
núi Pha Lộc	SV	xã Phú Xuân	H. Quan Hoá	20° 29' 16"	105° 03' 30"					F-48-91-A-a
núi Pha Mường Khoòng	SV	xã Phú Xuân	H. Quan Hoá	20° 29' 10"	105° 04' 46"					F-48-91-A-a
Bản Phé	DC	xã Phú Xuân	H. Quan Hoá	20° 29' 52"	105° 01' 38"					F-48-91-A-a
Pha Phứa	SV	xã Phú Xuân	H. Quan Hoá	20° 30' 47"	105° 01' 19"					F-48-79-C-c
Pha Thơn	SV	xã Phú Xuân	H. Quan Hoá	20° 30' 54"	105° 00' 00"					F-48-78-D
Suối U	TV	xã Phú Xuân	H. Quan Hoá			20° 29' 09"	105° 02' 24"	20° 29' 04"	105° 01' 59"	F-48-91-A-a
Bản Bai	DC	xã Thành Sơn	H. Quan Hoá	20° 35' 41"	104° 55' 50"					F-48-78-D
Huối Bai	TV	xã Thành Sơn	H. Quan Hoá			20° 36' 25"	104° 55' 41"	20° 35' 29"	104° 56' 02"	F-48-78-D
Huối Bó	TV	xã Thành Sơn	H. Quan Hoá			20° 37' 08"	104° 53' 46"	20° 36' 12"	104° 52' 52"	F-48-78-D
Bản Bước	DC	xã Thành Sơn	H. Quan Hoá	20° 38' 13"	104° 55' 36"					F-48-78-D
Huối Cải	TV	xã Thành Sơn	H. Quan Hoá			20° 35' 48"	104° 57' 36"	20° 34' 52"	104° 57' 29"	F-48-78-D
bản Chiềng Yên	DC	xã Thành Sơn	H. Quan Hoá	20° 35' 23"	104° 54' 31"					F-48-78-D
pom Co Dó	SV	xã Thành Sơn	H. Quan Hoá	20° 39' 13"	104° 55' 28"					F-48-78-D
pu Đông Khoang	SV	xã Thành Sơn	H. Quan Hoá	20° 39' 34"	104° 55' 01"					F-48-78-D
Sông Mã	TV	xã Thành Sơn	H. Quan Hoá			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	F-48-78-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
bản Nam Thành	DC	xã Thành Sơn	H. Quan Hoá	20° 35' 16"	104° 54' 41"					F-48-78-D
pu Pa Sác	SV	xã Thành Sơn	H. Quan Hoá	20° 38' 43"	104° 52' 42"					F-48-78-D
pom Pha Chon	SV	xã Thành Sơn	H. Quan Hoá	20° 37' 57"	104° 55' 03"					F-48-78-D
pom Pha Đanh	SV	xã Thành Sơn	H. Quan Hoá	20° 35' 31"	104° 55' 15"					F-48-78-D
pom Pha Khao	SV	xã Thành Sơn	H. Quan Hoá	20° 36' 29"	104° 57' 35"					F-48-78-D
pom Pha Làng	SV	xã Thành Sơn	H. Quan Hoá	20° 37' 39"	104° 56' 02"					F-48-78-D
Bản Pu	DC	xã Thành Sơn	H. Quan Hoá	20° 37' 28"	104° 56' 36"					F-48-78-D
Huối Pu	TV	xã Thành Sơn	H. Quan Hoá			20° 39' 54"	104° 53' 51"	20° 34' 38"	104° 56' 10"	F-48-78-D
pom Pù Chon	SV	xã Thành Sơn	H. Quan Hoá	20° 38' 40"	104° 56' 39"					F-48-78-D
pom Pù Hóc	SV	xã Thành Sơn	H. Quan Hoá	20° 40' 15"	104° 53' 15"					F-48-78-D
pom Pù Sung	SV	xã Thành Sơn	H. Quan Hoá	20° 37' 15"	104° 54' 29"					F-48-78-D
Cằng Pượn	SV	xã Thành Sơn	H. Quan Hoá	20° 38' 55"	104° 53' 05"					F-48-78-D
bản Sơn Thành	DC	xã Thành Sơn	H. Quan Hoá	20° 34' 34"	104° 56' 01"					F-48-78-D
bản Tân Hương	DC	xã Thành Sơn	H. Quan Hoá	20° 34' 56"	104° 56' 45"					F-48-78-D
bản Thành Tân	DC	xã Thành Sơn	H. Quan Hoá	20° 35' 52"	104° 54' 20"					F-48-78-D
quốc lộ 15A	KX	xã Thanh Xuân	H. Quan Hoá			20° 33' 37"	105° 01' 17"	20° 05' 33"	105° 22' 16"	F-48-91-A-a
pha Bo Ngón	SV	xã Thanh Xuân	H. Quan Hoá	20° 27' 58"	104° 57' 39"					F-48-90-B
Pu Bưởi	SV	xã Thanh Xuân	H. Quan Hoá	20° 26' 01"	104° 58' 16"					F-48-90-B
núi Chom Lếnh	SV	xã Thanh Xuân	H. Quan Hoá	20° 27' 23"	104° 57' 34"					F-48-90-B
suối Co Sán	TV	xã Thanh Xuân	H. Quan Hoá			20° 28' 54"	105° 01' 41"	20° 28' 56"	105° 01' 55"	F-48-91-A-a
Pom Côi	SV	xã Thanh Xuân	H. Quan Hoá	20° 29' 27"	104° 59' 01"					F-48-90-B
Pom Cội	SV	xã Thanh Xuân	H. Quan Hoá	20° 29' 16"	104° 00' 01"					F-48-91-A-a
suối Cơm Hạo	TV	xã Thanh Xuân	H. Quan Hoá			20° 27' 08"	105° 03' 58"	20° 26' 50"	105° 03' 04"	F-48-91-A-a
Suối Cú	TV	xã Thanh Xuân	H. Quan Hoá			20° 28' 48"	105° 02' 20"	20° 28' 49"	105° 01' 59"	F-48-91-A-a
núi Đông Chu Dưới	SV	xã Thanh Xuân	H. Quan Hoá	20° 26' 33"	105° 02' 47"					F-48-91-A-a
núi Đông Chu Trên	SV	xã Thanh Xuân	H. Quan Hoá	20° 26' 07"	105° 02' 41"					F-48-91-A-a
núi Đông Láng	SV	xã Thanh Xuân	H. Quan Hoá	20° 25' 06"	105° 00' 21"					F-48-91-A-a
núi Đông Vòng	SV	xã Thanh Xuân	H. Quan Hoá	20° 26' 07"	105° 02' 41"					F-48-91-A-a
Bản Éo	DC	xã Thanh Xuân	H. Quan Hoá	20° 27' 58"	105° 02' 11"					F-48-91-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Suối Éo	TV	xã Thanh Xuân	H. Quan Hoá			20° 27' 39"	105° 04' 16"	20° 27' 45"	105° 01' 48"	F-48-91-A-a
Bản Giá	DC	xã Thanh Xuân	H. Quan Hoá	20° 26' 33"	105° 03' 07"					F-48-91-A-a
Suối Giá	TV	xã Thanh Xuân	H. Quan Hoá			20° 26' 20"	104° 58' 59"	20° 26' 39"	105° 03' 07"	F-48-90-B, F-48-91-A-a
Pha Giang	SV	xã Thanh Xuân	H. Quan Hoá	20° 27' 23"	105° 04' 20"					F-48-91-A-a
núi Hang Tặng	SV	xã Thanh Xuân	H. Quan Hoá	20° 29' 01"	105° 00' 59"					F-48-91-A-a
núi Hin Chồng Pàn	SV	xã Thanh Xuân	H. Quan Hoá	20° 28' 53"	104° 58' 45"					F-48-90-B
Pu Kha	SV	xã Thanh Xuân	H. Quan Hoá	20° 24' 21"	104° 59' 24"					F-48-90-B
Pu Ky	SV	xã Thanh Xuân	H. Quan Hoá	20° 28' 00"	105° 00' 38"					F-48-91-A-a
Suối Lót	TV	xã Thanh Xuân	H. Quan Hoá			20° 27' 12"	105° 01' 05"	20° 27' 36"	105° 01' 44"	F-48-91-A-a
Sông Mã	TV	xã Thanh Xuân	H. Quan Hoá			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	F-48-91-A-a
Pu Mại	SV	xã Thanh Xuân	H. Quan Hoá	20° 24' 47"	104° 58' 49"					F-48-90-B
Pu Ngùa	SV	xã Thanh Xuân	H. Quan Hoá	20° 27' 21"	105° 03' 33"					F-48-91-A-a
Pu Ông	SV	xã Thanh Xuân	H. Quan Hoá	20° 25' 29"	105° 01' 23"					F-48-91-A-a
Pu Pàn	SV	xã Thanh Xuân	H. Quan Hoá	20° 24' 38"	105° 00' 23"					F-48-91-A-a
núi Pha Mường Khoòng	SV	xã Thanh Xuân	H. Quan Hoá	20° 29' 10"	105° 04' 46"					F-48-91-A-a
pu Pha Phong	SV	xã Thanh Xuân	H. Quan Hoá	20° 28' 27"	105° 05' 21"					F-48-91-A-a
Pu Púng	SV	xã Thanh Xuân	H. Quan Hoá	20° 26' 06"	105° 02' 02"					F-48-91-A-a
Pu Pùng	SV	xã Thanh Xuân	H. Quan Hoá	20° 25' 40"	105° 02' 12"					F-48-91-A-a
Pu Pươi	SV	xã Thanh Xuân	H. Quan Hoá	20° 26' 33"	104° 59' 17"					F-48-90-B
bản Sa Lắng	DC	xã Thanh Xuân	H. Quan Hoá	20° 27' 32"	105° 01' 44"					F-48-91-A-a
bản Tân Sơn	DC	xã Thanh Xuân	H. Quan Hoá	20° 27' 46"	105° 03' 27"					F-48-91-A-a
núi Tàng Tâm	SV	xã Thanh Xuân	H. Quan Hoá	20° 24' 09"	105° 00' 43"					F-48-91-A-a
bản Thu Đông	DC	xã Thanh Xuân	H. Quan Hoá	20° 29' 06"	105° 02' 10"					F-48-91-A-a
Suối U	TV	xã Thanh Xuân	H. Quan Hoá			20° 29' 09"	105° 02' 24"	20° 29' 04"	105° 01' 59"	F-48-91-A-a
Bản Vui	DC	xã Thanh Xuân	H. Quan Hoá	20° 27' 39"	105° 00' 03"					F-48-91-A-a
Suối Vui	TV	xã Thanh Xuân	H. Quan Hoá			20° 27' 37"	104° 58' 59"	20° 28' 23"	105° 01' 59"	F-48-90-B, F-48-91-A-a
Núi Xôm	SV	xã Thanh Xuân	H. Quan Hoá	20° 26' 44"	104° 58' 10"					F-48-90-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
đường tỉnh 520	KX	xã Thiên Phủ	H. Quan Hoá			20° 23' 42"	105° 05' 13"	20° 31' 59"	104° 29' 09"	F-48-90-B
Suối Cang	TV	xã Thiên Phủ	H. Quan Hoá			20° 22' 38"	104° 49' 03"	20° 23' 49"	104° 53' 42"	F-48-90-B
núi Căng Phô	SV	xã Thiên Phủ	H. Quan Hoá	20° 24' 10"	104° 56' 06"					F-48-90-B
Bản Chong	DC	xã Thiên Phủ	H. Quan Hoá	20° 23' 53"	104° 53' 53"					F-48-90-B
Bản Dôi	DC	xã Thiên Phủ	H. Quan Hoá	20° 23' 01"	104° 55' 17"					F-48-90-B
Pha Đúng	SV	xã Thiên Phủ	H. Quan Hoá	20° 22' 24"	104° 54' 30"					F-48-90-B
Bản Giồi	DC	xã Thiên Phủ	H. Quan Hoá	20° 22' 44"	104° 50' 18"					F-48-90-B
Bản Hàm	DC	xã Thiên Phủ	H. Quan Hoá	20° 23' 15"	104° 51' 58"					F-48-90-B
Bản Háng	DC	xã Thiên Phủ	H. Quan Hoá	20° 22' 56"	104° 52' 11"					F-48-90-B
pom Keo Cốc	SV	xã Thiên Phủ	H. Quan Hoá	20° 23' 54"	104° 56' 12"					F-48-90-B
Pha Khao	SV	xã Thiên Phủ	H. Quan Hoá	20° 24' 58"	104° 54' 03"					F-48-90-B
Suối Khiết	TV	xã Thiên Phủ	H. Quan Hoá			20° 24' 30"	104° 43' 03"	20° 22' 18"	104° 55' 38"	F-48-90-B
Pom Khoai	SV	xã Thiên Phủ	H. Quan Hoá	20° 24' 21"	104° 50' 16"					F-48-90-B
Bản Lớt	DC	xã Thiên Phủ	H. Quan Hoá	20° 23' 13"	104° 50' 46"					F-48-90-B
Pu Mó	SV	xã Thiên Phủ	H. Quan Hoá	20° 24' 17"	104° 51' 03"					F-48-90-B
pom Mục Ngách	SV	xã Thiên Phủ	H. Quan Hoá	20° 22' 09"	104° 51' 44"					F-48-90-B
hang Nàng Mọm	SV	xã Thiên Phủ	H. Quan Hoá	20° 21' 48"	104° 49' 17"					F-48-90-B
Bản Nhụng	DC	xã Thiên Phủ	H. Quan Hoá	20° 23' 03"	104° 52' 59"					F-48-90-B
Pha Nhụng	SV	xã Thiên Phủ	H. Quan Hoá	20° 24' 18"	104° 54' 59"					F-48-90-B
Pu Ôi	SV	xã Thiên Phủ	H. Quan Hoá	20° 23' 24"	104° 48' 24"					F-48-90-B
pom Pù Ro	SV	xã Thiên Phủ	H. Quan Hoá	20° 23' 12"	104° 49' 55"					F-48-90-B
pom Pù Sung	SV	xã Thiên Phủ	H. Quan Hoá	20° 24' 22"	104° 51' 55"					F-48-90-B
bản Sài 1	DC	xã Thiên Phủ	H. Quan Hoá	20° 23' 33"	104° 54' 51"					F-48-90-B
bản Sài 2	DC	xã Thiên Phủ	H. Quan Hoá	20° 23' 41"	104° 54' 32"					F-48-90-B
pom Săn Đen Đin	SV	xã Thiên Phủ	H. Quan Hoá	20° 23' 00"	104° 54' 43"					F-48-90-B
Bản Sắng	DC	xã Thiên Phủ	H. Quan Hoá	20° 24' 16"	104° 53' 02"					F-48-90-B
Pu Tác	SV	xã Thiên Phủ	H. Quan Hoá	20° 23' 10"	104° 55' 37"					F-48-90-B
bản Thành Long	DC	xã Thiên Phủ	H. Quan Hoá	20° 23' 59"	104° 53' 33"					F-48-90-B
tén A Ứng	SV	xã Trung Sơn	H. Quan Hoá	20° 35' 22"	104° 50' 46"					F-48-78-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Pom Biềng	SV	xã Trung Sơn	H. Quan Hoá	20° 36' 33"	104° 48' 09"					F-48-78-D
Bản Bó	DC	xã Trung Sơn	H. Quan Hoá	20° 36' 41"	104° 53' 00"					F-48-78-D
Huối Bó	TV	xã Trung Sơn	H. Quan Hoá			20° 37' 08"	104° 53' 46"	20° 36' 12"	104° 52' 52"	F-48-78-D
Bản Chiềng	DC	xã Trung Sơn	H. Quan Hoá	20° 36' 19"	104° 51' 21"					F-48-78-D
bản Co Me	DC	xã Trung Sơn	H. Quan Hoá	20° 36' 53"	104° 50' 42"					F-48-78-D
Suối Con	TV	xã Trung Sơn	H. Quan Hoá			20° 37' 13"	104° 47' 46"	20° 37' 56"	104° 48' 36"	F-48-78-D
Pu Hu	SV	xã Trung Sơn	H. Quan Hoá	20° 33' 46"	104° 52' 20"					F-48-78-D
Pha Khao	SV	xã Trung Sơn	H. Quan Hoá	20° 38' 07"	104° 49' 37"					F-48-78-D
Suối Lượng	TV	xã Trung Sơn	H. Quan Hoá			20° 34' 13"	104° 51' 07"	20° 35' 05"	104° 49' 44"	F-48-78-D
Sông Mã	TV	xã Trung Sơn	H. Quan Hoá			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	F-48-78-D
cằng Nà Bá	SV	xã Trung Sơn	H. Quan Hoá	20° 39' 06"	104° 50' 39"					F-48-78-D
pu Pa Sác	SV	xã Trung Sơn	H. Quan Hoá	20° 38' 43"	104° 52' 42"					F-48-78-D
Bản Pạo	DC	xã Trung Sơn	H. Quan Hoá	20° 36' 38"	104° 51' 36"					F-48-78-D
Suối Pạo	TV	xã Trung Sơn	H. Quan Hoá			20° 38' 18"	104° 53' 13"	20° 36' 31"	104° 51' 32"	F-48-78-D
Suối Phang	TV	xã Trung Sơn	H. Quan Hoá			20° 35' 18"	104° 48' 47"	20° 35' 10"	104° 49' 44"	F-48-78-D
Cằng Pôi	SV	xã Trung Sơn	H. Quan Hoá	20° 38' 20"	104° 52' 14"					F-48-78-D
Suối Pôi	TV	xã Trung Sơn	H. Quan Hoá			20° 38' 56"	104° 51' 43"	20° 37' 14"	104° 49' 33"	F-48-78-D
pom Pù Hóc	SV	xã Trung Sơn	H. Quan Hoá	20° 40' 15"	104° 53' 15"					F-48-78-D
pom Pù Hu	SV	xã Trung Sơn	H. Quan Hoá	20° 37' 32"	104° 53' 12"					F-48-78-D
pom Pù Sung	SV	xã Trung Sơn	H. Quan Hoá	20° 37' 15"	104° 54' 29"					F-48-78-D
Bản Pượn	DC	xã Trung Sơn	H. Quan Hoá	20° 38' 12"	104° 52' 59"					F-48-78-D
Cằng Pượn	SV	xã Trung Sơn	H. Quan Hoá	20° 38' 55"	104° 53' 05"					F-48-78-D
Suối Quanh	TV	xã Trung Sơn	H. Quan Hoá			20° 37' 56"	104° 48' 36"	20° 36' 18"	104° 49' 52"	F-48-78-D
bản Ta Bán	DC	xã Trung Sơn	H. Quan Hoá	20° 37' 19"	104° 50' 06"					F-48-78-D
Suối Tìm	TV	xã Trung Sơn	H. Quan Hoá			20° 35' 50"	104° 51' 43"	20° 36' 24"	104° 51' 29"	F-48-78-D
bản Buốc Hiềng	DC	xã Trung Thành	H. Quan Hoá	20° 32' 50"	104° 55' 13"					F-48-78-D
Bản Cá	DC	xã Trung Thành	H. Quan Hoá	20° 33' 30"	104° 55' 02"					F-48-78-D
Huối Cá	TV	xã Trung Thành	H. Quan Hoá			20° 32' 46"	104° 56' 49"	20° 33' 32"	104° 55' 16"	F-48-78-D
Bản Chiềng	DC	xã Trung Thành	H. Quan Hoá	20° 34' 11"	104° 55' 36"					F-48-78-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Huối Cú	TV	xã Trung Thành	H. Quan Hoá			20° 34' 58"	104° 52' 48"	20° 35' 49"	104° 53' 31"	F-48-78-D
huối Đen Mường	TV	xã Trung Thành	H. Quan Hoá			20° 34' 12"	104° 57' 22"	20° 34' 49"	104° 57' 29"	F-48-78-D
Pu Hu	SV	xã Trung Thành	H. Quan Hoá	20° 33' 46"	104° 52' 20"					F-48-78-D
pu Hu Luông	SV	xã Trung Thành	H. Quan Hoá	20° 29' 53"	104° 52' 08"					F-48-90-B
pu Hu Nọi	SV	xã Trung Thành	H. Quan Hoá	20° 29' 38"	104° 52' 58"					F-48-90-B
Huối Long	TV	xã Trung Thành	H. Quan Hoá			20° 33' 00"	104° 52' 26"	20° 33' 10"	104° 54' 52"	F-48-78-D
Sông Mã	TV	xã Trung Thành	H. Quan Hoá			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	F-48-78-D
Huối Nánh	TV	xã Trung Thành	H. Quan Hoá			20° 34' 19"	104° 53' 38"	20° 35' 33"	104° 54' 00"	F-48-78-D
Bản Phai	DC	xã Trung Thành	H. Quan Hoá	20° 34' 21"	104° 56' 13"					F-48-78-D
Huối Phai	TV	xã Trung Thành	H. Quan Hoá			20° 33' 40"	104° 56' 46"	20° 34' 35"	104° 56' 17"	F-48-78-D
Huối Quýt	TV	xã Trung Thành	H. Quan Hoá			20° 30' 58"	104° 54' 30"	20° 34' 22"	104° 55' 43"	F-48-78-D
Huối Sang	TV	xã Trung Thành	H. Quan Hoá			20° 30' 54"	104° 53' 06"	20° 31' 39"	104° 55' 01"	F-48-78-D
Bản Sạy	DC	xã Trung Thành	H. Quan Hoá	20° 35' 47"	104° 52' 56"					F-48-78-D
Pom Soi	SV	xã Trung Thành	H. Quan Hoá	20° 34' 03"	104° 57' 24"					F-48-78-D
Bản Tang	DC	xã Trung Thành	H. Quan Hoá	20° 35' 02"	104° 54' 25"					F-48-78-D
Huối Tang	TV	xã Trung Thành	H. Quan Hoá			20° 34' 16"	104° 54' 07"	20° 35' 16"	104° 54' 25"	F-48-78-D
pom Thám Pùng	SV	xã Trung Thành	H. Quan Hoá	20° 32' 41"	104° 57' 35"					F-48-78-D
Huối Tìm	TV	xã Trung Thành	H. Quan Hoá			20° 35' 33"	104° 52' 34"	20° 36' 01"	104° 53' 02"	F-48-78-D
bản Trung Lập	DC	xã Trung Thành	H. Quan Hoá	20° 32' 03"	104° 55' 15"					F-48-78-D
bản Trung Tâm	DC	xã Trung Thành	H. Quan Hoá	20° 32' 36"	104° 54' 54"					F-48-78-D
bản Trung Thắng	DC	xã Trung Thành	H. Quan Hoá	20° 33' 07"	104° 54' 49"					F-48-78-D
bản Trung Tiến	DC	xã Trung Thành	H. Quan Hoá	20° 33' 17"	104° 55' 30"					F-48-78-D
quốc lộ 15A	KX	xã Xuân Phú	H. Quan Hoá			20° 33' 37"	105° 01' 17"	20° 05' 33"	105° 22' 16"	F-48-91-A-c, F-48-91-A-d
Núi Cả	SV	xã Xuân Phú	H. Quan Hoá	20° 21' 01"	105° 11' 11"					F-48-91-A-d
Bản Cang	DC	xã Xuân Phú	H. Quan Hoá	20° 20' 20"	105° 09' 43"					F-48-91-A-d
Suối Cang	TV	xã Xuân Phú	H. Quan Hoá			20° 21' 11"	105° 10' 23"	20° 20' 13"	105° 10' 08"	F-48-91-A-d
Bản Chăm	DC	xã Xuân Phú	H. Quan Hoá	20° 21' 23"	105° 08' 44"					F-48-91-A-d
Huối Chắm	TV	xã Xuân Phú	H. Quan Hoá			20° 21' 06"	105° 08' 24"	20° 21' 08"	105° 08' 49"	F-48-91-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Huối Côi	TV	xã Xuân Phú	H. Quan Hoá			20° 21' 51"	105° 07' 48"	20° 22' 22"	105° 07' 48"	F-48-91-A-d
Bản Cỗi	DC	xã Xuân Phú	H. Quan Hoá	20° 22' 14"	105° 07' 56"					F-48-91-A-d
núi Đa Bể	SV	xã Xuân Phú	H. Quan Hoá	20° 22' 07"	105° 09' 31"					F-48-91-A-d
Pha Đeng	SV	xã Xuân Phú	H. Quan Hoá	20° 21' 33"	105° 09' 43"					F-48-91-A-d
Pha Đón	SV	xã Xuân Phú	H. Quan Hoá	20° 21' 04"	105° 07' 08"					F-48-91-A-c
núi Hang Bang	SV	xã Xuân Phú	H. Quan Hoá	20° 20' 20"	105° 10' 53"					F-48-91-A-d
núi Hang Rơi	SV	xã Xuân Phú	H. Quan Hoá	20° 20' 35"	105° 10' 47"					F-48-91-A-d
núi Hin Hạc	SV	xã Xuân Phú	H. Quan Hoá	20° 21' 49"	105° 09' 36"					F-48-91-A-d
Bản Khiêu	DC	xã Xuân Phú	H. Quan Hoá	20° 21' 52"	105° 07' 19"					F-48-91-A-c
Huối Khiêu	TV	xã Xuân Phú	H. Quan Hoá			20° 20' 57"	105° 07' 30"	20° 21' 55"	105° 07' 12"	F-48-91-A-d, F-48-91-A-c
Sông Mã	TV	xã Xuân Phú	H. Quan Hoá			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	F-48-91-A-d, F-48-91-A-c
Huối Muống	TV	xã Xuân Phú	H. Quan Hoá			20° 21' 31"	105° 08' 10"	20° 21' 38"	105° 08' 49"	F-48-91-A-d
cầu Na Sài	KX	xã Xuân Phú	H. Quan Hoá	20° 22' 19"	105° 07' 26"					F-48-91-A-c
núi Pa Tén	SV	xã Xuân Phú	H. Quan Hoá	20° 22' 21"	105° 09' 33"					F-48-91-A-d
núi Pha Háng	SV	xã Xuân Phú	H. Quan Hoá	20° 20' 17"	105° 08' 01"					F-48-91-A-d
núi Pha Mò	SV	xã Xuân Phú	H. Quan Hoá	20° 21' 49"	105° 06' 24"					F-48-91-A-c
Pha Phụ	SV	xã Xuân Phú	H. Quan Hoá	20° 21' 32"	105° 06' 42"					F-48-91-A-c
dãy Tạng Tới	SV	xã Xuân Phú	H. Quan Hoá	20° 20' 09"	105° 08' 11"					F-48-91-A-d
núi Trang Nhạ	SV	xã Xuân Phú	H. Quan Hoá	20° 20' 40"	105° 07' 36"					F-48-91-A-d
pu Xam Mường	SV	xã Xuân Phú	H. Quan Hoá	20° 21' 15"	105° 10' 32"					F-48-91-A-d
khu 1	DC	TT. Quan Sơn	H. Quan Sơn	20° 14' 54"	104° 56' 20"					F-48-90-D
khu 2	DC	TT. Quan Sơn	H. Quan Sơn	20° 15' 01"	104° 56' 24"					F-48-90-B
khu 3	DC	TT. Quan Sơn	H. Quan Sơn	20° 15' 13"	104° 56' 49"					F-48-90-B
khu 4	DC	TT. Quan Sơn	H. Quan Sơn	20° 15' 19"	104° 56' 42"					F-48-90-B
khu 5	DC	TT. Quan Sơn	H. Quan Sơn	20° 15' 34"	104° 56' 34"					F-48-90-B
khu 6	DC	TT. Quan Sơn	H. Quan Sơn	20° 15' 46"	104° 56' 38"					F-48-90-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
quốc lộ 217	KX	TT. Quan Sơn	H. Quan Sơn			19° 59' 42"	105° 50' 35"	20° 17' 51"	104° 37' 12"	F-48-90-(B,D)
núi Eo Hiên	SV	TT. Quan Sơn	H. Quan Sơn	20° 15' 57"	104° 55' 24"					F-48-90-B
Sông Lò	TV	TT. Quan Sơn	H. Quan Sơn			20° 09' 53"	104° 51' 54"	20° 22' 47"	105° 06' 00"	F-48-90-(B,D)
núi Pa Đưa	SV	TT. Quan Sơn	H. Quan Sơn	20° 15' 12"	104° 54' 38"					F-48-90-B
núi Pha Đen Đin	SV	TT. Quan Sơn	H. Quan Sơn	20° 15' 30"	104° 57' 29"					F-48-90-B
núi Phòng Không	SV	TT. Quan Sơn	H. Quan Sơn	20° 16' 37"	104° 56' 35"					F-48-90-B
núi Pu Sai	SV	TT. Quan Sơn	H. Quan Sơn	20° 16' 26"	104° 55' 30"					F-48-90-B
quốc lộ 217	KX	xã Mường Mìn	H. Quan Sơn			19° 59' 42"	105° 50' 35"	20° 17' 51"	104° 37' 12"	F-48-90-(A,B)
Bản Bơn	DC	xã Mường Mìn	H. Quan Sơn	20° 17' 33"	104° 45' 00"					F-48-90-A
Huối Bóng	TV	xã Mường Mìn	H. Quan Sơn			20° 16' 38"	104° 42' 33"	20° 17' 14"	104° 45' 00"	F-48-90-A
suối Chà Khót	TV	xã Mường Mìn	H. Quan Sơn			20° 14' 06"	104° 40' 34"	20° 15' 09"	104° 38' 42"	F-48-90-C
Bản Chiềng	DC	xã Mường Mìn	H. Quan Sơn	20° 16' 41"	104° 45' 29"					F-48-90-B
Huối Én	TV	xã Mường Mìn	H. Quan Sơn			20° 15' 14"	104° 42' 04"	20° 16' 20"	104° 45' 04"	F-48-90-A
Huối Hặc	TV	xã Mường Mìn	H. Quan Sơn			20° 13' 19"	104° 46' 39"	20° 14' 23"	104° 44' 37"	F-48-90-C, F-48-90-D
Pha Hen	SV	xã Mường Mìn	H. Quan Sơn	20° 18' 08"	104° 45' 54"					F-48-90-B
núi Keo Len	SV	xã Mường Mìn	H. Quan Sơn	20° 16' 54"	104° 42' 11"					F-48-90-A
bản Luốc Làu	DC	xã Mường Mìn	H. Quan Sơn	20° 16' 38"	104° 45' 11"					F-48-90-B
Sông Luồng	TV	xã Mường Mìn	H. Quan Sơn			20° 18' 18"	104° 37' 03"	20° 24' 07"	105° 04' 37"	F-48-90-A, F-48-90-B
Bản Mìn	DC	xã Mường Mìn	H. Quan Sơn	20° 15' 58"	104° 44' 53"					F-48-90-A
núi Pha Lon	SV	xã Mường Mìn	H. Quan Sơn	20° 18' 23"	104° 48' 09"					F-48-90-B
núi Pha Rùa	SV	xã Mường Mìn	H. Quan Sơn	20° 18' 18"	104° 44' 10"					F-48-90-A
núi Pù Cút	SV	xã Mường Mìn	H. Quan Sơn	20° 14' 48"	104° 40' 48"					F-48-90-C
núi Pù Páo	SV	xã Mường Mìn	H. Quan Sơn	20° 14' 38"	104° 40' 12"					F-48-90-C
núi Pù Xà Lầy	SV	xã Mường Mìn	H. Quan Sơn	20° 12' 05"	104° 46' 01"					F-48-90-D
Bản Yên	DC	xã Mường Mìn	H. Quan Sơn	20° 14' 16"	104° 44' 24"					F-48-90-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Suối Yên	TV	xã Mường Mìn	H. Quan Sơn			20° 13' 39"	104° 40' 12"	20° 16' 48"	104° 45' 45"	F-48-90-C
quốc lộ 217	KX	xã Na Mèo	H. Quan Sơn			19° 59' 42"	105° 50' 35"	20° 17' 51"	104° 37' 12"	F-48-90-A
Bản Bo	DC	xã Na Mèo	H. Quan Sơn	20° 17' 46"	104° 41' 53"					F-48-90-A
Suối Bu (Pu)	TV	xã Na Mèo	H. Quan Sơn			20° 18' 34"	104° 39' 57"	20° 17' 54"	104° 38' 17"	F-48-90-A
Suối Cái	TV	xã Na Mèo	H. Quan Sơn			20° 16' 00"	104° 37' 43"	20° 17' 18"	104° 38' 54"	F-48-90-A
bản Cha Khót	DC	xã Na Mèo	H. Quan Sơn	20° 15' 01"	104° 38' 28"					F-48-90-A
suối Chà Khót	TV	xã Na Mèo	H. Quan Sơn			20° 14' 06"	104° 40' 34"	20° 15' 09"	104° 38' 42"	F-48-90-A, F-48-90-C
bản Ché Lầu	DC	xã Na Mèo	H. Quan Sơn	20° 21' 17"	104° 40' 01"					F-48-90-A
Bản Hiềng	DC	xã Na Mèo	H. Quan Sơn	20° 17' 47"	104° 41' 17"					F-48-90-A
núi Keo Cánh	SV	xã Na Mèo	H. Quan Sơn	20° 18' 37"	104° 40' 55"					F-48-90-A
núi Kéo Len	SV	xã Na Mèo	H. Quan Sơn	20° 16' 54"	104° 42' 11"					F-48-90-A
Suối Khâm	TV	xã Na Mèo	H. Quan Sơn			20° 17' 10"	104° 37' 34"	20° 17' 56"	104° 37' 16"	F-48-90-A
đội Km 76	DC	xã Na Mèo	H. Quan Sơn	20° 16' 33"	104° 41' 56"					F-48-90-A
bản Km 83	DC	xã Na Mèo	H. Quan Sơn	20° 17' 27"	104° 39' 07"					F-48-90-A
đội Km 84	DC	xã Na Mèo	H. Quan Sơn	20° 17' 26"	104° 38' 53"					F-48-90-A
Sông Luồng	TV	xã Na Mèo	H. Quan Sơn			20° 18' 18"	104° 37' 03"	20° 24' 07"	105° 04' 37"	F-48-90-A
bản Na Mèo	DC	xã Na Mèo	H. Quan Sơn	20° 17' 59"	104° 37' 34"					F-48-90-A
cửa khẩu Na Mèo	KX	xã Na Mèo	H. Quan Sơn	20° 17' 48"	104° 37' 08"					F-48-90-A
bản Na Poọng	DC	xã Na Mèo	H. Quan Sơn	20° 16' 35"	104° 39' 47"					F-48-90-A
suối Nặm Sôi	TV	xã Na Mèo	H. Quan Sơn			20° 16' 29"	104° 36' 32"	20° 17' 51"	104° 37' 08"	F-48-90-A
núi Pha Bo	SV	xã Na Mèo	H. Quan Sơn	20° 18' 20"	104° 42' 18"					F-48-90-A
núi Pha Sần	SV	xã Na Mèo	H. Quan Sơn	20° 18' 21"	104° 40' 19"					F-48-90-A
núi Pù Cút	SV	xã Na Mèo	H. Quan Sơn	20° 14' 48"	104° 40' 48"					F-48-90-C
núi Pù Páo	SV	xã Na Mèo	H. Quan Sơn	20° 14' 38"	104° 40' 12"					F-48-90-C
Suối Pun	TV	xã Na Mèo	H. Quan Sơn			20° 19' 11"	104° 37' 48"	20° 18' 17"	104° 37' 37"	F-48-90-A
bản Sa Ná	DC	xã Na Mèo	H. Quan Sơn	20° 19' 01"	104° 41' 10"					F-48-90-A
Bản Son	DC	xã Na Mèo	H. Quan Sơn	20° 19' 27"	104° 40' 26"					F-48-90-A
Suối Son	TV	xã Na Mèo	H. Quan Sơn			20° 22' 13"	104° 37' 46"	20° 18' 08"	104° 41' 17"	F-48-90-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
bản Sộp Huối	DC	xã Na Mèo	H. Quan Sơn	20° 17' 28"	104° 40' 26"					F-48-90-A
huổi Ta Ngươn	TV	xã Na Mèo	H. Quan Sơn			20° 21' 23"	104° 36' 51"	20° 18' 01"	104° 36' 58"	F-48-90-A
quốc lộ 217	KX	xã Sơn Điện	H. Quan Sơn			19° 59' 42"	105° 50' 35"	20° 17' 51"	104° 37' 12"	F-48-90-B
Bản Ban	DC	xã Sơn Điện	H. Quan Sơn	20° 16' 26"	104° 48' 58"					F-48-90-B
Bản Bun	DC	xã Sơn Điện	H. Quan Sơn	20° 16' 31"	104° 49' 42"					F-48-90-B
Suối Côi	TV	xã Sơn Điện	H. Quan Sơn			20° 14' 05"	104° 47' 46"	20° 14' 59"	104° 47' 38"	F-48-90-D
Huối Hặc	TV	xã Sơn Điện	H. Quan Sơn			20° 13' 19"	104° 46' 39"	20° 14' 23"	104° 44' 37"	F-48-90-(A,B,C,D)
eo Len Mường	SV	xã Sơn Điện	H. Quan Sơn	20° 16' 27"	104° 51' 31"					F-48-90-B
suối Lọng Na	TV	xã Sơn Điện	H. Quan Sơn			20° 14' 09"	104° 49' 12"	20° 15' 28"	104° 48' 14"	F-48-90-B, F-48-90-D
Sông Luồng	TV	xã Sơn Điện	H. Quan Sơn			20° 18' 18"	104° 37' 03"	20° 24' 07"	105° 04' 37"	F-48-90-B
bản Na Hồ	DC	xã Sơn Điện	H. Quan Sơn	20° 18' 12"	104° 50' 42"					F-48-90-B
bản Na Lộc	DC	xã Sơn Điện	H. Quan Sơn	20° 16' 27"	104° 47' 10"					F-48-90-B
bản Na Nghịu	DC	xã Sơn Điện	H. Quan Sơn	20° 16' 36"	104° 46' 59"					F-48-90-B
bản Na Phường	DC	xã Sơn Điện	H. Quan Sơn	20° 19' 12"	104° 50' 06"					F-48-90-B
Bản Ngàm	DC	xã Sơn Điện	H. Quan Sơn	20° 16' 59"	104° 48' 18"					F-48-90-B
Bản Nhài	DC	xã Sơn Điện	H. Quan Sơn	20° 16' 33"	104° 46' 23"					F-48-90-B
núi Pa Sần	SV	xã Sơn Điện	H. Quan Sơn	20° 20' 27"	104° 48' 50"					F-48-90-B
núi Pha Lon	SV	xã Sơn Điện	H. Quan Sơn	20° 18' 23"	104° 48' 09"					F-48-90-B
núi Pha Phanh	SV	xã Sơn Điện	H. Quan Sơn	20° 18' 54"	104° 52' 16"					F-48-90-B
núi Pha Yếc	SV	xã Sơn Điện	H. Quan Sơn	20° 13' 58"	104° 49' 52"					F-48-90-D
núi Pu Báo	SV	xã Sơn Điện	H. Quan Sơn	20° 15' 30"	104° 50' 02"					F-48-90-B
núi Pu Ngòi	SV	xã Sơn Điện	H. Quan Sơn	20° 15' 58"	104° 51' 29"					F-48-90-B
núi Pù Xà Lầy	SV	xã Sơn Điện	H. Quan Sơn	20° 12' 05"	104° 46' 01"					F-48-90-D
Bản Sủa	DC	xã Sơn Điện	H. Quan Sơn	20° 18' 45"	104° 50' 24"					F-48-90-B
bản Tân Sơn	DC	xã Sơn Điện	H. Quan Sơn	20° 16' 37"	104° 46' 19"					F-48-90-B
pu Tén Chồng	SV	xã Sơn Điện	H. Quan Sơn	20° 13' 49"	104° 47' 42"					F-48-90-D
bản Xa Mang	DC	xã Sơn Điện	H. Quan Sơn	20° 14' 54"	104° 47' 24"					F-48-90-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
suối Xa Mang	TV	xã Sơn Điện	H. Quan Sơn			20° 14' 32"	104° 45' 44"	20° 18' 10"	104° 50' 37"	F-48-90-D
Bản Hạ	DC	xã Sơn Hà	H. Quan Sơn	20° 13' 57"	104° 56' 20"					F-48-90-D
Suối Hạ	TV	xã Sơn Hà	H. Quan Sơn			20° 10' 01"	104° 58' 23"	20° 14' 44"	104° 56' 13"	F-48-90-D
núi Keo Lanh	SV	xã Sơn Hà	H. Quan Sơn	20° 13' 02"	104° 56' 02"					F-48-90-D
Suối Khoa	TV	xã Sơn Hà	H. Quan Sơn			20° 07' 46"	104° 57' 34"	20° 06' 45"	104° 58' 48"	F-48-90-D
Bản Làng	DC	xã Sơn Hà	H. Quan Sơn	20° 14' 28"	104° 56' 28"					F-48-90-D
Bản Lầu	DC	xã Sơn Hà	H. Quan Sơn	20° 13' 17"	104° 57' 47"					F-48-90-D
Sông Lò	TV	xã Sơn Hà	H. Quan Sơn			20° 09' 53"	104° 51' 54"	20° 22' 47"	105° 06' 00"	F-48-90-D
Pu Măn	SV	xã Sơn Hà	H. Quan Sơn	20° 14' 27"	105° 00' 22"					F-48-91-C
Suối Mẳn	TV	xã Sơn Hà	H. Quan Sơn			20° 14' 17"	104° 58' 55"	20° 14' 29"	104° 56' 35"	F-48-90-D
bản Nà Ơi	DC	xã Sơn Hà	H. Quan Sơn	20° 13' 30"	104° 56' 38"					F-48-90-D
bản Nà Sắng	DC	xã Sơn Hà	H. Quan Sơn	20° 13' 56"	104° 56' 53"					F-48-90-D
núi Nhót Huối Khà	SV	xã Sơn Hà	H. Quan Sơn	20° 15' 10"	104° 58' 26"					F-48-90-B
núi Pha Han	SV	xã Sơn Hà	H. Quan Sơn	20° 14' 08"	104° 55' 02"					F-48-90-D
núi Pha Hào	SV	xã Sơn Hà	H. Quan Sơn	20° 12' 21"	104° 57' 18"					F-48-90-D
núi Pha Lanh	SV	xã Sơn Hà	H. Quan Sơn	20° 11' 41"	104° 55' 44"					F-48-90-D
núi Pha Mè	SV	xã Sơn Hà	H. Quan Sơn	20° 11' 08"	104° 56' 06"					F-48-90-D
núi Pha Muốp	SV	xã Sơn Hà	H. Quan Sơn	20° 13' 20"	104° 55' 48"					F-48-90-D
núi Pha Ngàm	SV	xã Sơn Hà	H. Quan Sơn	20° 12' 40"	104° 55' 44"					F-48-90-D
núi Pom Cơ No	SV	xã Sơn Hà	H. Quan Sơn	20° 09' 33"	104° 57' 36"					F-48-90-D
núi Pù Lung Linh	SV	xã Sơn Hà	H. Quan Sơn	20° 08' 04"	104° 57' 47"					F-48-90-D
núi Sắn Căng	SV	xã Sơn Hà	H. Quan Sơn	20° 13' 13"	105° 00' 11"					F-48-91-C
núi Săn Pom Nưa	SV	xã Sơn Hà	H. Quan Sơn	20° 13' 59"	104° 58' 01"					F-48-90-D
pu Sơ Lát	SV	xã Sơn Hà	H. Quan Sơn	20° 05' 57"	104° 58' 26"					F-48-90-D
pu Sư Na Nọi	SV	xã Sơn Hà	H. Quan Sơn	20° 08' 20"	104° 59' 13"					F-48-90-D
Suối Tái	TV	xã Sơn Hà	H. Quan Sơn			20° 11' 17"	104° 57' 29"	20° 13' 52"	104° 56' 13"	F-48-90-D
Bản Xum	DC	xã Sơn Hà	H. Quan Sơn	20° 11' 42"	104° 59' 06"					F-48-90-D
quốc lộ 217	KX	xã Sơn Lư	H. Quan Sơn			19° 59' 42"	105° 50' 35"	20° 17' 51"	104° 37' 12"	F-48-90-(B,D)

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Bản Bìn	DC	xã Sơn Lư	H. Quan Sơn	20° 16' 13"	104° 52' 12"					F-48-90-B
Bản Bon	DC	xã Sơn Lư	H. Quan Sơn	20° 15' 06"	104° 55' 37"					F-48-90-B
núi Eo Hiên	SV	xã Sơn Lư	H. Quan Sơn	20° 15' 57"	104° 55' 24"					F-48-90-B
Bản Hao	DC	xã Sơn Lư	H. Quan Sơn	20° 15' 35"	104° 54' 11"					F-48-90-B
Bản Hẹ	DC	xã Sơn Lư	H. Quan Sơn	20° 15' 48"	104° 54' 00"					F-48-90-B
eo Len Mường	SV	xã Sơn Lư	H. Quan Sơn	20° 16' 27"	104° 51' 31"					F-48-90-B
Sông Lò	TV	xã Sơn Lư	H. Quan Sơn			20° 09' 53"	104° 51' 54"	20° 22' 47"	105° 06' 00"	F-48-90-B, F-48-90-D
núi Pa Pa	SV	xã Sơn Lư	H. Quan Sơn	20° 18' 02"	104° 53' 55"					F-48-90-B
Bản Păng	DC	xã Sơn Lư	H. Quan Sơn	20° 14' 41"	104° 55' 48"					F-48-90-D
núi Pha Đưa	SV	xã Sơn Lư	H. Quan Sơn	20° 15' 12"	104° 54' 38"					F-48-90-B
núi Pha Han	SV	xã Sơn Lư	H. Quan Sơn	20° 14' 08"	104° 55' 02"					F-48-90-D
núi Pha Phanh	SV	xã Sơn Lư	H. Quan Sơn	20° 18' 54"	104° 52' 16"					F-48-90-B
núi Pha Yếc	SV	xã Sơn Lư	H. Quan Sơn	20° 13' 58"	104° 49' 52"					F-48-90-D
núi Pu Báo	SV	xã Sơn Lư	H. Quan Sơn	20° 15' 30"	104° 50' 02"					F-48-90-B
núi Pu Khoang	SV	xã Sơn Lư	H. Quan Sơn	20° 14' 53"	104° 51' 50"					F-48-90-D
núi Pu Lâu	SV	xã Sơn Lư	H. Quan Sơn	20° 14' 37"	104° 50' 56"					F-48-90-D
núi Pu Ngòi	SV	xã Sơn Lư	H. Quan Sơn	20° 15' 58"	104° 51' 29"					F-48-90-B
núi Pu Sai	SV	xã Sơn Lư	H. Quan Sơn	20° 16' 26"	104° 55' 30"					F-48-90-B
Bản Sỏi	DC	xã Sơn Lư	H. Quan Sơn	20° 15' 46"	104° 52' 14"					F-48-90-B
Suối Sỏi	TV	xã Sơn Lư	H. Quan Sơn			20° 14' 26"	104° 50' 36"	20° 16' 10"	104° 52' 30"	F-48-90-B
núi Tạng Lông	SV	xã Sơn Lư	H. Quan Sơn	20° 16' 43"	104° 55' 19"					F-48-90-B
núi Tén Chong	SV	xã Sơn Lư	H. Quan Sơn	20° 17' 50"	104° 54' 07"					F-48-90-B
núi Tén Trương	SV	xã Sơn Lư	H. Quan Sơn	20° 17' 07"	104° 54' 26"					F-48-90-B
Suối Tuốp	TV	xã Sơn Lư	H. Quan Sơn			20° 16' 10"	104° 52' 30"	20° 15' 11"	104° 55' 01"	F-48-90-B
Pha Cày	SV	xã Sơn Thuỷ	H. Quan Sơn	20° 24' 37"	104° 47' 55"					F-48-90-B
Bản Chanh	DC	xã Sơn Thuỷ	H. Quan Sơn	20° 21' 28"	104° 47' 02"					F-48-90-B
bản Chung Sơn	DC	xã Sơn Thuỷ	H. Quan Sơn	20° 18' 56"	104° 44' 35"					F-48-90-A
Bản Cóc	DC	xã Sơn Thuỷ	H. Quan Sơn	20° 19' 30"	104° 45' 47"					F-48-90-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
pha Hang Cáp	SV	xã Sơn Thuỷ	H. Quan Sơn	20° 21' 52"	104° 45' 50"					F-48-90-B
Pha Hen	SV	xã Sơn Thuỷ	H. Quan Sơn	20° 18' 08"	104° 45' 54"					F-48-90-B
Bản Hiết	DC	xã Sơn Thuỷ	H. Quan Sơn	20° 20' 21"	104° 45' 50"					F-48-90-B
pha Hin Lệch	SV	xã Sơn Thuỷ	H. Quan Sơn	20° 20' 57"	104° 42' 32"					F-48-90-A
Bản Khà	DC	xã Sơn Thuỷ	H. Quan Sơn	20° 22' 26"	104° 43' 52"					F-48-90-A
Pu Khằng	SV	xã Sơn Thuỷ	H. Quan Sơn	20° 21' 12"	104° 48' 00"					F-48-90-B
Suối Khua	TV	xã Sơn Thuỷ	H. Quan Sơn			20° 24' 14"	104° 40' 59"	20° 22' 38"	104° 42' 36"	F-48-90-A
Sông Luồng	TV	xã Sơn Thuỷ	H. Quan Sơn			20° 18' 18"	104° 37' 03"	20° 24' 07"	105° 04' 37"	F-48-90-(A,B)
bản Mùa Xuân	DC	xã Sơn Thuỷ	H. Quan Sơn	20° 21' 37"	104° 41' 42"					F-48-90-A
Bản Muống	DC	xã Sơn Thuỷ	H. Quan Sơn	20° 19' 56"	104° 45' 18"					F-48-90-B
Suối Muống	TV	xã Sơn Thuỷ	H. Quan Sơn			20° 21' 13"	104° 43' 52"	20° 19' 50"	104° 45' 12"	F-48-90-A
Pu Ôi	SV	xã Sơn Thuỷ	H. Quan Sơn	20° 23' 24"	104° 48' 24"					F-48-90-B
núi Pa Sần	SV	xã Sơn Thuỷ	H. Quan Sơn	20° 20' 46"	104° 48' 37"					F-48-90-B
Suối Pấn	TV	xã Sơn Thuỷ	H. Quan Sơn			20° 20' 36"	104° 45' 11"	20° 20' 13"	104° 45' 43"	F-48-90-B
núi Pha Bo	SV	xã Sơn Thuỷ	H. Quan Sơn	20° 18' 20"	104° 42' 18"					F-48-90-A
núi Pha Rùa	SV	xã Sơn Thuỷ	H. Quan Sơn	20° 18' 18"	104° 44' 10"					F-48-90-A
Pha Pung	SV	xã Sơn Thuỷ	H. Quan Sơn	20° 20' 38"	104° 47' 46"					F-48-90-B
suối Sa Lước	TV	xã Sơn Thuỷ	H. Quan Sơn			20° 21' 19"	104° 41' 19"	20° 22' 38"	104° 42' 36"	F-48-90-A
hủa Sía Nhay	TV	xã Sơn Thuỷ	H. Quan Sơn			20° 23' 05"	104° 39' 18"	20° 23' 31"	104° 40' 19"	F-48-90-A
póm Tai Xấy	SV	xã Sơn Thuỷ	H. Quan Sơn	20° 23' 32"	104° 44' 27"					F-48-90-A
bản Thuỷ Chung	DC	xã Sơn Thuỷ	H. Quan Sơn	20° 19' 07"	104° 44' 49"					F-48-90-A
bản Thuỷ Sơn	DC	xã Sơn Thuỷ	H. Quan Sơn	20° 18' 56"	104° 44' 53"					F-48-90-A
bản Thuỷ Thành	DC	xã Sơn Thuỷ	H. Quan Sơn	20° 19' 25"	104° 43' 16"					F-48-90-A
Suối Xia	TV	xã Sơn Thuỷ	H. Quan Sơn			20° 22' 38"	104° 42' 36"	20° 18' 58"	104° 44' 46"	F-48-90-A, F-48-90-B
bản Xía Nọi	DC	xã Sơn Thuỷ	H. Quan Sơn	20° 23' 09"	104° 41' 49"					F-48-90-A
suối Xia Tốp	TV	xã Sơn Thuỷ	H. Quan Sơn			20° 23' 31"	104° 40' 19"	20° 22' 38"	104° 42' 36"	F-48-90-A
bản Xuân Thành	DC	xã Sơn Thuỷ	H. Quan Sơn	20° 18' 46"	104° 43' 30"					F-48-90-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
núi Bom Co Mơ	SV	xã Tam Lư	H. Quan Sơn	20° 09' 33"	104° 57' 36"					F-48-90-D
núi Bom Co Mòn	SV	xã Tam Lư	H. Quan Sơn	20° 10' 32"	104° 54' 36"					F-48-90-D
pom Co Lầu	SV	xã Tam Lư	H. Quan Sơn	20° 12' 15"	104° 54' 54"					F-48-90-D
Bản Hát	DC	xã Tam Lư	H. Quan Sơn	20° 14' 14"	104° 54' 00"					F-48-90-D
Bản Hậu	DC	xã Tam Lư	H. Quan Sơn	20° 13' 29"	104° 54' 11"					F-48-90-D
núi Keo Lanh	SV	xã Tam Lư	H. Quan Sơn	20° 13' 02"	104° 56' 02"					F-48-90-D
Suối Khà	TV	xã Tam Lư	H. Quan Sơn			20° 10' 51"	104° 56' 15"	20° 11' 21"	104° 52' 37"	F-48-90-D
Sông Lò	TV	xã Tam Lư	H. Quan Sơn			20° 09' 53"	104° 51' 54"	20° 22' 47"	105° 06' 00"	F-48-90-D
Pu Móc	SV	xã Tam Lư	H. Quan Sơn	20° 07' 23"	104° 56' 46"					F-48-90-D
Bản Muống	DC	xã Tam Lư	H. Quan Sơn	20° 13' 17"	104° 54' 32"					F-48-90-D
núi Pha Han	SV	xã Tam Lư	H. Quan Sơn	20° 14' 08"	104° 55' 02"					F-48-90-D
núi Pha Lanh	SV	xã Tam Lư	H. Quan Sơn	20° 11' 41"	104° 55' 44"					F-48-90-D
núi Pha Lanh	SV	xã Tam Lư	H. Quan Sơn	20° 13' 49"	104° 50' 10"					F-48-90-D
núi Pha Mé	SV	xã Tam Lư	H. Quan Sơn	20° 10' 03"	104° 56' 20"					F-48-90-D
núi Phả Mé	SV	xã Tam Lư	H. Quan Sơn	20° 11' 08"	104° 56' 06"					F-48-90-D
núi Pha Mốt	SV	xã Tam Lư	H. Quan Sơn	20° 10' 24"	104° 56' 49"					F-48-90-D
núi Pha Muốp	SV	xã Tam Lư	H. Quan Sơn	20° 13' 20"	104° 55' 48"					F-48-90-D
phu Phả Mựt	SV	xã Tam Lư	H. Quan Sơn	20° 09' 30"	104° 55' 12"					F-48-90-D
núi Pha Ngàm	SV	xã Tam Lư	H. Quan Sơn	20° 12' 40"	104° 55' 44"					F-48-90-D
núi Pha sần	SV	xã Tam Lư	H. Quan Sơn	20° 11' 17"	104° 54' 14"					F-48-90-D
bản Piềng Khoé	DC	xã Tam Lư	H. Quan Sơn	20° 12' 27"	104° 53' 35"					F-48-90-D
núi Pu Khoang	SV	xã Tam Lư	H. Quan Sơn	20° 14' 53"	104° 51' 50"					F-48-90-D
núi Pu Khoé	SV	xã Tam Lư	H. Quan Sơn	20° 13' 20"	104° 51' 22"					F-48-90-D
núi Pu Lâu	SV	xã Tam Lư	H. Quan Sơn	20° 14' 37"	104° 50' 56"					F-48-90-D
núi Pù Lung Linh	SV	xã Tam Lư	H. Quan Sơn	20° 08' 04"	104° 57' 47"					F-48-90-D
Bản Sại	DC	xã Tam Lư	H. Quan Sơn	20° 12' 36"	104° 53' 46"					F-48-90-D
phu Sang Si	SV	xã Tam Lư	H. Quan Sơn	20° 09' 01"	104° 55' 37"					F-48-90-D
Bản Tình	DC	xã Tam Lư	H. Quan Sơn	20° 14' 21"	104° 52' 48"					F-48-90-D
suối Nậm Mộ	TV	xã Tam Thanh	H. Quan Sơn			20° 09' 13"	104° 54' 07"	20° 09' 53"	104° 51' 54"	F-48-90-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
suối Áng Ngước Nọi	TV	xã Tam Thanh	H. Quan Sơn			20° 08' 37"	104° 51' 30"	20° 08' 55"	104° 51' 14"	F-48-90-D
suối Áng Ngước Tốp	TV	xã Tam Thanh	H. Quan Sơn			20° 09' 03"	104° 50' 20"	20° 08' 54"	104° 51' 11"	F-48-90-D
núi Bom Co Mòn	SV	xã Tam Thanh	H. Quan Sơn	20° 10' 32"	104° 54' 36"					F-48-90-D
Bản Bôn	DC	xã Tam Thanh	H. Quan Sơn	20° 11' 25"	104° 52' 12"					F-48-90-D
bản Cha Lung	DC	xã Tam Thanh	H. Quan Sơn	20° 12' 25"	104° 51' 04"					F-48-90-D
Suối Dốc	TV	xã Tam Thanh	H. Quan Sơn			20° 10' 27"	104° 49' 35"	20° 09' 25"	104° 51' 32"	F-48-90-D
Phu Hao	SV	xã Tam Thanh	H. Quan Sơn	20° 09' 24"	104° 49' 44"					F-48-90-D
Suối Khà	TV	xã Tam Thanh	H. Quan Sơn			20° 10' 51"	104° 56' 15"	20° 11' 21"	104° 52' 37"	F-48-90-D
Bản Kham	DC	xã Tam Thanh	H. Quan Sơn	20° 11' 01"	104° 52' 01"					F-48-90-D
Sông Lò	TV	xã Tam Thanh	H. Quan Sơn			20° 09' 53"	104° 51' 54"	20° 22' 47"	105° 06' 00"	F-48-90-D
Suối Loang	TV	xã Tam Thanh	H. Quan Sơn			20° 11' 21"	104° 49' 12"	20° 12' 17"	104° 50' 53"	F-48-90-D
Suối Lôn	TV	xã Tam Thanh	H. Quan Sơn			20° 09' 19"	104° 50' 30"	20° 09' 08"	104° 51' 11"	F-48-90-D
phu Lung Tạo	SV	xã Tam Thanh	H. Quan Sơn	20° 08' 54"	104° 53' 10"					F-48-90-D
Bản Mò	DC	xã Tam Thanh	H. Quan Sơn	20° 11' 35"	104° 53' 24"					F-48-90-D
bản Nà Ấu	DC	xã Tam Thanh	H. Quan Sơn	20° 11' 47"	104° 52' 52"					F-48-90-D
suối Nặm Mò	TV	xã Tam Thanh	H. Quan Sơn			20° 08' 55"	104° 51' 14"	20° 09' 53"	104° 51' 54"	F-48-90-D
Bản Ngàm	DC	xã Tam Thanh	H. Quan Sơn	20° 11' 11"	104° 52' 34"					F-48-90-D
Bản Pa	DC	xã Tam Thanh	H. Quan Sơn	20° 12' 35"	104° 50' 02"					F-48-90-D
Suối Pa	TV	xã Tam Thanh	H. Quan Sơn			20° 13' 02"	104° 48' 10"	20° 12' 17"	104° 50' 53"	F-48-90-D
núi Pha Lanh	SV	xã Tam Thanh	H. Quan Sơn	20° 13' 49"	104° 50' 10"					F-48-90-D
phu Phả Mựt	SV	xã Tam Thanh	H. Quan Sơn	20° 09' 30"	104° 55' 12"					F-48-90-D
núi Pha Sần	SV	xã Tam Thanh	H. Quan Sơn	20° 11' 17"	104° 54' 14"					F-48-90-D
Bản Phe	DC	xã Tam Thanh	H. Quan Sơn	20° 12' 05"	104° 51' 54"					F-48-90-D
Suối Phe	TV	xã Tam Thanh	H. Quan Sơn			20° 12' 17"	104° 50' 53"	20° 11' 33"	104° 52' 37"	F-48-90-D
núi Phu Yếc	SV	xã Tam Thanh	H. Quan Sơn	20° 13' 58"	104° 49' 52"					F-48-90-D
Suối Phúm	TV	xã Tam Thanh	H. Quan Sơn			20° 10' 45"	104° 50' 42"	20° 10' 14"	104° 51' 47"	F-48-90-D
bản Piềng Pa	DC	xã Tam Thanh	H. Quan Sơn	20° 11' 36"	104° 52' 30"					F-48-90-D
núi Pu Khoé	SV	xã Tam Thanh	H. Quan Sơn	20° 13' 20"	104° 51' 22"					F-48-90-D
núi Pù Xà Lầy	SV	xã Tam Thanh	H. Quan Sơn	20° 12' 05"	104° 46' 01"					F-48-90-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Suối Pum	TV	xã Tam Thanh	H. Quan Sơn			20° 13' 07"	104° 50' 44"	20° 12' 46"	104° 50' 28"	F-48-90-D
sải Sạ Lạy	SV	xã Tam Thanh	H. Quan Sơn	20° 10' 22"	104° 48' 54"					F-48-90-D
sải Sảm Hèm	SV	xã Tam Thanh	H. Quan Sơn	20° 10' 50"	104° 48' 04"					F-48-90-D
núi Sảm Liềm	SV	xã Tam Thanh	H. Quan Sơn	20° 11' 58"	104° 46' 23"					F-48-90-D
Đồn Biên phòng Tam Thanh	KX	xã Tam Thanh	H. Quan Sơn	20° 12' 01"	104° 53' 17"					F-48-90-D
pu Tén Chồng	SV	xã Tam Thanh	H. Quan Sơn	20° 13' 49"	104° 47' 42"					F-48-90-D
quốc lộ 217	KX	xã Trung Hạ	H. Quan Sơn			19° 59' 42"	105° 50' 35"	20° 17' 51"	104° 37' 12"	F-48-91-A-c
Bản Bá	DC	xã Trung Hạ	H. Quan Sơn	20° 17' 48"	105° 03' 25"					F-48-91-A-c
Suối Bá	TV	xã Trung Hạ	H. Quan Sơn			20° 16' 21"	105° 03' 47"	20° 18' 23"	105° 03' 00"	F-48-91-A-c
Suối Cánh	TV	xã Trung Hạ	H. Quan Sơn			20° 20' 07"	105° 01' 34"	20° 18' 43"	105° 02' 02"	F-48-91-A-c
bản Chiềng Xầy	DC	xã Trung Hạ	H. Quan Sơn	20° 18' 00"	105° 02' 24"					F-48-91-A-c
pu Có Nọi	SV	xã Trung Hạ	H. Quan Sơn	20° 20' 57"	105° 01' 53"					F-48-91-A-c
Bản Din	DC	xã Trung Hạ	H. Quan Sơn	20° 18' 39"	105° 01' 41"					F-48-91-A-c
núi Hang Dơi	SV	xã Trung Hạ	H. Quan Sơn	20° 19' 48"	105° 00' 26"					F-48-91-A-c
núi Hang Khoai	SV	xã Trung Hạ	H. Quan Sơn	20° 16' 44"	105° 03' 09"					F-48-91-A-c
núi Hang Lươm	SV	xã Trung Hạ	H. Quan Sơn	20° 18' 13"	105° 04' 08"					F-48-91-A-c
núi Hín Chay	SV	xã Trung Hạ	H. Quan Sơn	20° 17' 46"	105° 01' 44"					F-48-91-A-c
Pu Hô	SV	xã Trung Hạ	H. Quan Sơn	20° 18' 20"	105° 04' 41"					F-48-91-A-c
pom Huối Bo	SV	xã Trung Hạ	H. Quan Sơn	20° 20' 58"	105° 00' 38"					F-48-91-A-c
Bản Lang	DC	xã Trung Hạ	H. Quan Sơn	20° 17' 34"	105° 04' 16"					F-48-91-A-c
Sông Lò	TV	xã Trung Hạ	H. Quan Sơn			20° 09' 53"	104° 51' 54"	20° 22' 47"	105° 06' 00"	F-48-91-A-c
Bản Lợi	DC	xã Trung Hạ	H. Quan Sơn	20° 19' 01"	105° 01' 19"					F-48-91-A-c
Suối Lợi	TV	xã Trung Hạ	H. Quan Sơn			20° 19' 37"	105° 00' 54"	20° 18' 47"	105° 01' 30"	F-48-91-A-c
đồi Lung Nhung	SV	xã Trung Hạ	H. Quan Sơn	20° 17' 25"	105° 05' 06"					F-48-91-A-c
Pu Nga	SV	xã Trung Hạ	H. Quan Sơn	20° 16' 21"	105° 04' 51"					F-48-91-A-c
pom Pa Chè	SV	xã Trung Hạ	H. Quan Sơn	20° 16' 47"	105° 05' 01"					F-48-91-A-c
núi Pha Lăng Héo	SV	xã Trung Hạ	H. Quan Sơn	20° 18' 40"	105° 01' 05"					F-48-91-A-c
núi Pha Lanh	SV	xã Trung Hạ	H. Quan Sơn	20° 19' 09"	105° 00' 50"					F-48-91-A-c
núi Pu Huống	SV	xã Trung Hạ	H. Quan Sơn	20° 18' 51"	105° 02' 53"					F-48-91-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
núi Săn Căng	SV	xã Trung Hạ	H. Quan Sơn	20° 17' 57"	105° 04' 59"					F-48-91-A-c
núi Săn Chưa Dượng	SV	xã Trung Hạ	H. Quan Sơn	20° 19' 59"	105° 00' 22"					F-48-91-A-c
núi Săn Hin Cáp	SV	xã Trung Hạ	H. Quan Sơn	20° 19' 03"	105° 02' 28"					F-48-91-A-c
núi Săn Pa Bua	SV	xã Trung Hạ	H. Quan Sơn	20° 18' 48"	105° 00' 58"					F-48-91-A-c
suối Si Ly	TV	xã Trung Hạ	H. Quan Sơn			20° 17' 49"	105° 01' 34"	20° 18' 26"	105° 01' 12"	F-48-91-A-c
núi Tén Lầu	SV	xã Trung Hạ	H. Quan Sơn	20° 18' 04"	105° 01' 55"					F-48-91-A-c
Bản Xanh	DC	xã Trung Hạ	H. Quan Sơn	20° 16' 56"	105° 03' 58"					F-48-91-A-c
Bản Xầy	DC	xã Trung Hạ	H. Quan Sơn	20° 18' 11"	105° 02' 42"					F-48-91-A-c
Suối Xầy	TV	xã Trung Hạ	H. Quan Sơn			20° 16' 20"	105° 03' 14"	20° 18' 24"	105° 02' 46"	F-48-91-A-c
quốc lộ 217	KX	xã Trung Thượng	H. Quan Sơn			19° 59' 42"	105° 50' 35"	20° 17' 51"	104° 37' 12"	F-48-90-B, F-48-91-A-c
Bản Bách	DC	xã Trung Thượng	H. Quan Sơn	20° 17' 15"	104° 59' 13"					F-48-90-B
Bản Bàng	DC	xã Trung Thượng	H. Quan Sơn	20° 17' 37"	104° 56' 13"					F-48-90-B
Bản Bôn	DC	xã Trung Thượng	H. Quan Sơn	20° 16' 48"	104° 57' 36"					F-48-90-B
Bản Khạn	DC	xã Trung Thượng	H. Quan Sơn	20° 17' 58"	104° 57' 58"					F-48-90-B
Huối Khạn	TV	xã Trung Thượng	H. Quan Sơn			20° 18' 24"	104° 57' 32"	20° 16' 50"	104° 58' 08"	F-48-90-B
Sông Lò	TV	xã Trung Thượng	H. Quan Sơn			20° 09' 53"	104° 51' 54"	20° 22' 47"	105° 06' 00"	F-48-91-A-c
Bản Máy	DC	xã Trung Thượng	H. Quan Sơn	20° 17' 02"	104° 56' 38"					F-48-90-B
Huối Máy	TV	xã Trung Thượng	H. Quan Sơn			20° 19' 04"	104° 55' 59"	20° 16' 49"	104° 57' 25"	F-48-90-B
Bản Ngàm	DC	xã Trung Thượng	H. Quan Sơn	20° 16' 49"	104° 58' 37"					F-48-90-B
Huối Ngàm	TV	xã Trung Thượng	H. Quan Sơn			20° 15' 27"	104° 59' 03"	20° 16' 54"	104° 58' 30"	F-48-90-B
núi Nhót Huối Khả	SV	xã Trung Thượng	H. Quan Sơn	20° 15' 10"	104° 58' 26"					F-48-90-B
núi Pa Pa	SV	xã Trung Thượng	H. Quan Sơn	20° 18' 02"	104° 53' 55"					F-48-90-B
núi Pha Đen Đin	SV	xã Trung Thượng	H. Quan Sơn	20° 15' 30"	104° 57' 29"					F-48-90-B
núi Phòng Không	SV	xã Trung Thượng	H. Quan Sơn	20° 16' 37"	104° 56' 35"					F-48-90-B
núi Pu Sai	SV	xã Trung Thượng	H. Quan Sơn	20° 16' 26"	104° 55' 30"					F-48-90-B
núi Tạng Lông	SV	xã Trung Thượng	H. Quan Sơn	20° 16' 43"	104° 55' 19"					F-48-90-B
núi Tén Chong	SV	xã Trung Thượng	H. Quan Sơn	20° 17' 50"	104° 54' 07"					F-48-90-B
núi Tén Trương	SV	xã Trung Thượng	H. Quan Sơn	20° 17' 07"	104° 54' 26"					F-48-90-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Phá Tót	SV	xã Trung Thượng	H. Quan Sơn	20° 17' 16"	104° 57' 32"					F-48-90-B
tiểu khu 22	DC	xã Trung Tiến	H. Quan Sơn	20° 18' 17"	105° 01' 05"					F-48-91-A-c
quốc lộ 217	KX	xã Trung Tiến	H. Quan Sơn			19° 59' 42"	105° 50' 35"	20° 17' 51"	104° 37' 12"	F-48-90-B, F-48-91-A-c
pu Cánh Tiên	SV	xã Trung Tiến	H. Quan Sơn	20° 17' 32"	105° 01' 30"					F-48-91-A-c
Bản Chè	DC	xã Trung Tiến	H. Quan Sơn	20° 17' 18"	105° 00' 20"					F-48-91-A-c
Bản Cum	DC	xã Trung Tiến	H. Quan Sơn	20° 16' 42"	105° 00' 32"					F-48-91-A-c
Huối Cum	TV	xã Trung Tiến	H. Quan Sơn			20° 15' 45"	105° 01' 29"	20° 17' 19"	105° 00' 11"	F-48-91-A-c
Pu Dạ	SV	xã Trung Tiến	H. Quan Sơn	20° 17' 27"	105° 00' 50"					F-48-91-A-c
Bản Đe	DC	xã Trung Tiến	H. Quan Sơn	20° 19' 29"	104° 58' 58"					F-48-90-B
Huối Đe	TV	xã Trung Tiến	H. Quan Sơn			20° 20' 20"	104° 57' 46"	20° 18' 00"	105° 00' 22"	F-48-90-B,
Pha Đoan	SV	xã Trung Tiến	H. Quan Sơn	20° 15' 41"	105° 01' 44"					F-48-91-A-c
núi Hang Dơi	SV	xã Trung Tiến	H. Quan Sơn	20° 19' 48"	105° 00' 26"					F-48-91-A-c
núi Hín Chay	SV	xã Trung Tiến	H. Quan Sơn	20° 17' 46"	105° 01' 44"					F-48-91-A-c
Bản Lâm	DC	xã Trung Tiến	H. Quan Sơn	20° 17' 49"	105° 00' 32"					F-48-91-A-c
Pom Lau	SV	xã Trung Tiến	H. Quan Sơn	20° 20' 06"	104° 59' 10"					F-48-90-B
Sông Lò	TV	xã Trung Tiến	H. Quan Sơn			20° 09' 53"	104° 51' 54"	20° 22' 47"	105° 06' 00"	F-48-91-A-c
Bản Lốc	DC	xã Trung Tiến	H. Quan Sơn	20° 17' 46"	105° 00' 54"					F-48-91-A-c
núi Pha Lăng Héo	SV	xã Trung Tiến	H. Quan Sơn	20° 18' 40"	105° 01' 05"					F-48-91-A-c
núi Pha Lanh	SV	xã Trung Tiến	H. Quan Sơn	20° 19' 09"	105° 00' 50"					F-48-91-A-c
Pu Phang	SV	xã Trung Tiến	H. Quan Sơn	20° 16' 05"	105° 01' 19"					F-48-91-A-c
Bản Pọng	DC	xã Trung Tiến	H. Quan Sơn	20° 18' 55"	104° 59' 35"					F-48-90-B
núi Săn Co Hăm	SV	xã Trung Tiến	H. Quan Sơn	20° 19' 47"	105° 00' 07"					F-48-91-A-c
núi Săn Pa Bua	SV	xã Trung Tiến	H. Quan Sơn	20° 18' 48"	105° 00' 58"					F-48-91-A-c
Huối Sến	TV	xã Trung Tiến	H. Quan Sơn			20° 19' 20"	105° 00' 25"	20° 18' 29"	105° 01' 04"	F-48-91-A-c
suối Si Ly	TV	xã Trung Tiến	H. Quan Sơn			20° 17' 49"	105° 01' 34"	20° 18' 26"	105° 01' 12"	F-48-91-A-c
Bản Tong	DC	xã Trung Tiến	H. Quan Sơn	20° 18' 11"	105° 00' 47"					F-48-91-A-c
núi Buốc Mu	SV	xã Trung Xuân	H. Quan Sơn	20° 22' 26"	105° 05' 02"					F-48-91-A-c
săn Buốc Mu	SV	xã Trung Xuân	H. Quan Sơn	20° 22' 08"	105° 05' 13"					F-48-91-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Bản Cạn	DC	xã Trung Xuân	H. Quan Sơn	20° 19' 01"	105° 03' 23"					F-48-91-A-c
Pu Cạn	SV	xã Trung Xuân	H. Quan Sơn	20° 20' 44"	105° 02' 32"					F-48-91-A-c
pu Có Nọi	SV	xã Trung Xuân	H. Quan Sơn	20° 20' 57"	105° 01' 53"					F-48-91-A-c
Pha Đanh	SV	xã Trung Xuân	H. Quan Sơn	20° 18' 49"	105° 05' 17"					F-48-91-A-c
Pha Đón	SV	xã Trung Xuân	H. Quan Sơn	20° 21' 04"	105° 07' 08"					F-48-91-A-c
Pu Hô	SV	xã Trung Xuân	H. Quan Sơn	20° 18' 20"	105° 04' 41"					F-48-91-A-c
núi Hoa Ngoằng	SV	xã Trung Xuân	H. Quan Sơn	20° 20' 36"	105° 03' 29"					F-48-91-A-c
Bản La	DC	xã Trung Xuân	H. Quan Sơn	20° 19' 26"	105° 04' 12"					F-48-91-A-c
Suối La	TV	xã Trung Xuân	H. Quan Sơn			20° 18' 46"	105° 04' 52"	20° 19' 41"	105° 04' 16"	F-48-91-A-c
Sông Lò	TV	xã Trung Xuân	H. Quan Sơn			20° 09' 53"	104° 51' 54"	20° 22' 47"	105° 06' 00"	F-48-91-A-c
Nặm Lung	TV	xã Trung Xuân	H. Quan Sơn			20° 22' 43"	105° 05' 13"	20° 22' 24"	105° 05' 46"	F-48-91-A-c
Pha Lý	SV	xã Trung Xuân	H. Quan Sơn	20° 21' 23"	105° 06' 00"					F-48-91-A-c
Bản Mòn	DC	xã Trung Xuân	H. Quan Sơn	20° 19' 55"	105° 04' 08"					F-48-91-A-c
Bản Muống	DC	xã Trung Xuân	H. Quan Sơn	20° 20' 55"	105° 04' 37"					F-48-91-A-c
Pha Muống	SV	xã Trung Xuân	H. Quan Sơn	20° 21' 49"	105° 04' 12"					F-48-91-A-c
suối Na Ngón	TV	xã Trung Xuân	H. Quan Sơn			20° 20' 17"	105° 06' 30"	20° 21' 21"	105° 05' 38"	F-48-91-A-c
núi Nóc Ngua	SV	xã Trung Xuân	H. Quan Sơn	20° 22' 14"	105° 05' 06"					F-48-91-A-c
Pha Ong	SV	xã Trung Xuân	H. Quan Sơn	20° 20' 40"	105° 03' 43"					F-48-91-A-c
Suối Ong	TV	xã Trung Xuân	H. Quan Sơn			20° 20' 54"	105° 04' 01"	20° 20' 32"	105° 04' 41"	F-48-91-A-c
núi Pa Đay	SV	xã Trung Xuân	H. Quan Sơn	20° 21' 25"	105° 03' 42"					F-48-91-A-c
núi Pa Hịa	SV	xã Trung Xuân	H. Quan Sơn	20° 19' 57"	105° 07' 21"					F-48-91-A-c
núi Pha Mò	SV	xã Trung Xuân	H. Quan Sơn	20° 21' 49"	105° 06' 24"					F-48-91-A-c
Pha Phụ	SV	xã Trung Xuân	H. Quan Sơn	20° 21' 32"	105° 06' 42"					F-48-91-A-c
bản Phú Nam	DC	xã Trung Xuân	H. Quan Sơn	20° 20' 00"	105° 05' 20"					F-48-91-A-c
Bản Phụn	DC	xã Trung Xuân	H. Quan Sơn	20° 20' 22"	105° 04' 48"					F-48-91-A-c
Suối Phụn	TV	xã Trung Xuân	H. Quan Sơn			20° 18' 32"	105° 05' 42"	20° 20' 30"	105° 04' 44"	F-48-91-A-c
bản Piềng Phố	DC	xã Trung Xuân	H. Quan Sơn	20° 20' 01"	105° 04' 37"					F-48-91-A-c
núi Pu Huống	SV	xã Trung Xuân	H. Quan Sơn	20° 18' 51"	105° 02' 53"					F-48-91-A-c
núi Săn Căng	SV	xã Trung Xuân	H. Quan Sơn	20° 17' 57"	105° 04' 59"					F-48-91-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
núi Săn Hin Cáp	SV	xã Trung Xuân	H. Quan Sơn	20° 19' 03"	105° 02' 28"					F-48-91-A-c
núi Tén Luông	SV	xã Trung Xuân	H. Quan Sơn	20° 21' 11"	105° 03' 42"					F-48-91-A-c
núi Tre Luống	SV	xã Trung Xuân	H. Quan Sơn	20° 20' 56"	105° 03' 08"					F-48-91-A-c
khu phố 1	DC	TT. Vân Du	H. Thạch Thành	20° 08' 34"	105° 44' 02"					F-48-92-C-b
khu phố 2	DC	TT. Vân Du	H. Thạch Thành	20° 08' 41"	105° 44' 10"					F-48-92-C-b
khu phố 3	DC	TT. Vân Du	H. Thạch Thành	20° 08' 50"	105° 44' 13"					F-48-92-C-b
khu phố 4	DC	TT. Vân Du	H. Thạch Thành	20° 08' 25"	105° 44' 24"					F-48-92-C-b
đường tỉnh 522	KX	TT. Vân Du	H. Thạch Thành			20° 04' 03"	105° 51' 00"	20° 12' 37"	105° 36' 50"	F-48-92-C-b
dốc Càng Cua	SV	TT. Vân Du	H. Thạch Thành	20° 07' 54"	105° 44' 02"					F-48-92-C-b
Khu phố Cát	DC	TT. Vân Du	H. Thạch Thành	20° 08' 56"	105° 44' 06"					F-48-92-C-b
đồi Đồng Sỏ	SV	TT. Vân Du	H. Thạch Thành	20° 08' 06"	105° 44' 34"					F-48-92-C-b
khu phố Lọng Ngọc	DC	TT. Vân Du	H. Thạch Thành	20° 08' 07"	105° 44' 13"					F-48-92-C-b
khu phố Long Vân	DC	TT. Vân Du	H. Thạch Thành	20° 08' 37"	105° 44' 35"					F-48-92-C-b
Nhà máy Đường Việt Đài	KX	TT. Vân Du	H. Thạch Thành	20° 08' 48"	105° 43' 55"					F-48-92-C-b
khu phố 1	DC	TT. Kim Tân	H. Thạch Thành	20° 08' 02"	105° 40' 37"					F-48-92-C-b
khu phố 2	DC	TT. Kim Tân	H. Thạch Thành	20° 07' 57"	105° 40' 19"					F-48-92-C-b
khu phố 3	DC	TT. Kim Tân	H. Thạch Thành	20° 07' 39"	105° 40' 04"					F-48-92-C-b
khu phố 4	DC	TT. Kim Tân	H. Thạch Thành	20° 07' 39"	105° 39' 40"					F-48-92-C-b
khu phố 5	DC	TT. Kim Tân	H. Thạch Thành	20° 07' 40"	105° 40' 05"					F-48-92-C-b
khu phố 6	DC	TT. Kim Tân	H. Thạch Thành	20° 07' 49"	105° 39' 29"					F-48-92-C-b
quốc lộ 45	KX	TT. Kim Tân	H. Thạch Thành			20° 10' 25"	105° 46' 47"	19° 48' 05"	105° 26' 03"	F-48-92-C-b
Sông Bưởi	TV	TT. Kim Tân	H. Thạch Thành			20° 22' 12"	105° 31' 26"	20° 01' 09"	105° 38' 06"	F-48-92-C-b
cầu Nổ Soái	KX	TT. Kim Tân	H. Thạch Thành	20° 08' 09"	105° 40' 41"					F-48-92-C-b
thôn Dọc Dành	DC	xã Ngọc Trạo	H. Thạch Thành	20° 05' 49"	105° 46' 08"					F-48-92-D-c
hồ Đồng Ngư	TV	xã Ngọc Trạo	H. Thạch Thành	20° 05' 45"	105° 42' 58"					F-48-92-C-d
thôn Ngọc An	DC	xã Ngọc Trạo	H. Thạch Thành	20° 05' 08"	105° 44' 06"					F-48-92-C-d
thôn Ngọc Long	DC	xã Ngọc Trạo	H. Thạch Thành	20° 05' 48"	105° 45' 25"					F-48-92-D-c
thôn Ngọc Thanh	DC	xã Ngọc Trạo	H. Thạch Thành	20° 05' 01"	105° 46' 19"					F-48-92-D-c
thôn Ngọc Trạo	DC	xã Ngọc Trạo	H. Thạch Thành	20° 05' 19"	105° 44' 56"					F-48-92-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
núi Tây Neo Bồ	SV	xã Ngọc Trạo	H. Thạch Thành	20° 04' 11"	105° 43' 39"					F-48-92-C-d
thôn Thiềm Niêm	DC	xã Ngọc Trạo	H. Thạch Thành	20° 05' 29"	105° 45' 40"					F-48-92-D-c
suối Vạn Bảo	TV	xã Ngọc Trạo	H. Thạch Thành			20° 06' 28"	105° 46' 44"	20° 04' 39"	105° 46' 51"	F-48-92-D-c
thôn Án Đình	DC	xã Thạch Bình	H. Thạch Thành	20° 09' 21"	105° 37' 12"					F-48-92-C-a
thôn Án Kim	DC	xã Thạch Bình	H. Thạch Thành	20° 09' 59"	105° 36' 43"					F-48-92-C-a
thôn Án Long	DC	xã Thạch Bình	H. Thạch Thành	20° 09' 42"	105° 36' 59"					F-48-92-C-a
thôn Án Phượng	DC	xã Thạch Bình	H. Thạch Thành	20° 09' 43"	105° 36' 49"					F-48-92-C-a
thôn Án Sơn	DC	xã Thạch Bình	H. Thạch Thành	20° 09' 57"	105° 36' 52"					F-48-92-C-a
thôn Bằng Lợi	DC	xã Thạch Bình	H. Thạch Thành	20° 10' 09"	105° 35' 31"					F-48-92-C-a
thôn Bằng Phú	DC	xã Thạch Bình	H. Thạch Thành	20° 09' 47"	105° 35' 49"					F-48-92-C-a
Sông Bưởi	TV	xã Thạch Bình	H. Thạch Thành			20° 22' 12"	105° 31' 26"	20° 01' 09"	105° 38' 06"	F-48-92-C-b
thôn Châu Sơn	DC	xã Thạch Bình	H. Thạch Thành	20° 09' 08"	105° 36' 07"					F-48-92-C-a
đồi Chồng Mâm	SV	xã Thạch Bình	H. Thạch Thành	20° 10' 02"	105° 35' 29"					F-48-92-C-a
đồi Gò La	SV	xã Thạch Bình	H. Thạch Thành	20° 09' 25"	105° 36' 02"					F-48-92-C-a
thôn Gò La	DC	xã Thạch Bình	H. Thạch Thành	20° 09' 41"	105° 36' 18"					F-48-92-C-a
thôn Thanh Giang	DC	xã Thạch Bình	H. Thạch Thành	20° 09' 50"	105° 37' 37"					F-48-92-C-b
thôn Yên Khánh	DC	xã Thạch Bình	H. Thạch Thành	20° 10' 16"	105° 37' 20"					F-48-92-C-a
thôn Yên Phú	DC	xã Thạch Bình	H. Thạch Thành	20° 10' 42"	105° 37' 16"					F-48-92-C-a
thôn Yên Thanh	DC	xã Thạch Bình	H. Thạch Thành	20° 10' 03"	105° 37' 28"					F-48-92-C-a
núi Bai Làng	SV	xã Thạch Cẩm	H. Thạch Thành	20° 15' 25"	105° 30' 52"					F-48-92-A-c
xóm Bu Bu	DC	xã Thạch Cẩm	H. Thạch Thành	20° 14' 58"	105° 31' 26"					F-48-92-C-a
Sông Bưởi	TV	xã Thạch Cẩm	H. Thạch Thành			20° 22' 12"	105° 31' 26"	20° 01' 09"	105° 38' 06"	F-48-92-C-a, F-48-92-A-c
thôn Cẩm Lợi 1	DC	xã Thạch Cẩm	H. Thạch Thành	20° 14' 30"	105° 33' 32"					F-48-92-C-a
thôn Cẩm Lợi 2	DC	xã Thạch Cẩm	H. Thạch Thành	20° 14' 38"	105° 33' 19"					F-48-92-C-a
thôn Cẩm Mới	DC	xã Thạch Cẩm	H. Thạch Thành	20° 15' 35"	105° 32' 39"					F-48-92-A-c
đồi Cây Sú	SV	xã Thạch Cẩm	H. Thạch Thành	20° 15' 14"	105° 31' 56"					F-48-92-A-c
Đồi Chu	SV	xã Thạch Cẩm	H. Thạch Thành	20° 14' 20"	105° 32' 01"					F-48-92-C-a
núi Có Bương	SV	xã Thạch Cẩm	H. Thạch Thành	20° 14' 24"	105° 30' 44"					F-48-92-C-a
Đồi Con	SV	xã Thạch Cẩm	H. Thạch Thành	20° 13' 53"	105° 33' 32"					F-48-92-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Đồi Đồng	SV	xã Thạch Cẩm	H. Thạch Thành	20° 13' 46"	105° 30' 38"					F-48-92-C-a
xóm Đồng Tân	DC	xã Thạch Cẩm	H. Thạch Thành	20° 15' 07"	105° 31' 54"					F-48-92-A-c
thôn Đồng Tiến	DC	xã Thạch Cẩm	H. Thạch Thành	20° 14' 51"	105° 32' 00"					F-48-92-C-a
núi Hang Khuôn	SV	xã Thạch Cẩm	H. Thạch Thành	20° 14' 14"	105° 34' 09"					F-48-92-C-a
hồ Khe Môn	TV	xã Thạch Cẩm	H. Thạch Thành	20° 16' 00"	105° 31' 55"					F-48-92-A-c
xóm Làng Cầu	DC	xã Thạch Cẩm	H. Thạch Thành	20° 16' 03"	105° 31' 48"					F-48-92-A-c
đồi Ổ Tráng	SV	xã Thạch Cẩm	H. Thạch Thành	20° 12' 57"	105° 33' 15"					F-48-92-C-a
xóm Thạch Lũng	DC	xã Thạch Cẩm	H. Thạch Thành	20° 14' 33"	105° 33' 34"					F-48-92-C-a
thôn Thạch Môn	DC	xã Thạch Cẩm	H. Thạch Thành	20° 15' 55"	105° 32' 11"					F-48-92-A-c
thôn Thạch Yến 1	DC	xã Thạch Cẩm	H. Thạch Thành	20° 14' 57"	105° 33' 00"					F-48-92-A-c
thôn Thạch Yến 2	DC	xã Thạch Cẩm	H. Thạch Thành	20° 15' 07"	105° 32' 39"					F-48-92-A-c
xóm Thành Long	DC	xã Thạch Cẩm	H. Thạch Thành	20° 14' 01"	105° 33' 52"					F-48-92-C-a
xóm Thành Minh	DC	xã Thạch Cẩm	H. Thạch Thành	20° 14' 11"	105° 33' 50"					F-48-92-C-a
thôn Thành Quang	DC	xã Thạch Cẩm	H. Thạch Thành	20° 13' 39"	105° 34' 13"					F-48-92-C-a
cầu phao Thành Vinh	KX	xã Thạch Cẩm	H. Thạch Thành	20° 13' 33"	105° 35' 20"					F-48-92-C-a
Núi Thờ	SV	xã Thạch Cẩm	H. Thạch Thành	20° 14' 37"	105° 34' 00"					F-48-92-C-a
đồi Thung Gai	SV	xã Thạch Cẩm	H. Thạch Thành	20° 15' 23"	105° 32' 12"					F-48-92-A-c
đồi Vó Nước	SV	xã Thạch Cẩm	H. Thạch Thành	20° 15' 34"	105° 31' 46"					F-48-92-A-c
đồi Vó Vàng	SV	xã Thạch Cẩm	H. Thạch Thành	20° 15' 56"	105° 31' 35"					F-48-92-A-c
thôn Xuân Long	DC	xã Thạch Cẩm	H. Thạch Thành	20° 13' 09"	105° 34' 43"					F-48-92-C-a
hồ Xuân Lũng	TV	xã Thạch Cẩm	H. Thạch Thành	20° 12' 49"	105° 34' 08"					F-48-92-C-a
thôn Xuân Thắng	DC	xã Thạch Cẩm	H. Thạch Thành	20° 12' 51"	105° 34' 32"					F-48-92-C-a
thôn Xuân Tiến	DC	xã Thạch Cẩm	H. Thạch Thành	20° 13' 29"	105° 34' 11"					F-48-92-C-a
Sông Bưởi	TV	xã Thạch Định	H. Thạch Thành			20° 22' 12"	105° 31' 26"	20° 01' 09"	105° 38' 06"	F-48-92-C-b
thôn Định Cát	DC	xã Thạch Định	H. Thạch Thành	20° 07' 57"	105° 40' 04"					F-48-92-C-b
thôn Định Hưng	DC	xã Thạch Định	H. Thạch Thành	20° 07' 58"	105° 39' 34"					F-48-92-C-b
thôn Định Tân	DC	xã Thạch Định	H. Thạch Thành	20° 08' 23"	105° 39' 19"					F-48-92-C-b
thôn Định Tường	DC	xã Thạch Định	H. Thạch Thành	20° 08' 36"	105° 38' 57"					F-48-92-C-b
thôn Thạch An	DC	xã Thạch Định	H. Thạch Thành	20° 09' 09"	105° 38' 51"					F-48-92-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Thạch Toàn	DC	xã Thạch Định	H. Thạch Thành	20° 09' 35"	105° 38' 41"					F-48-92-C-b
thôn Tiến Thành	DC	xã Thạch Định	H. Thạch Thành	20° 08' 23"	105° 39' 45"					F-48-92-C-b
Sông Bưởi	TV	xã Thạch Đồng	H. Thạch Thành			20° 22' 12"	105° 31' 26"	20° 01' 09"	105° 38' 06"	F-48-92-C-b, F-48-92-C-d
Núi Chiêng	SV	xã Thạch Đồng	H. Thạch Thành	20° 09' 06"	105° 36' 58"					F-48-92-C-a
thôn Cự Môn	DC	xã Thạch Đồng	H. Thạch Thành	20° 08' 28"	105° 37' 52"					F-48-92-C-b
thôn Đại Dương	DC	xã Thạch Đồng	H. Thạch Thành	20° 08' 13"	105° 36' 30"					F-48-92-C-a
thôn Đại Phong	DC	xã Thạch Đồng	H. Thạch Thành	20° 08' 44"	105° 36' 27"					F-48-92-C-a
thôn Đồng Thịnh	DC	xã Thạch Đồng	H. Thạch Thành	20° 08' 32"	105° 36' 20"					F-48-92-C-a
thôn Đồng Trạch	DC	xã Thạch Đồng	H. Thạch Thành	20° 08' 07"	105° 38' 08"					F-48-92-C-b
thôn Duyên Linh	DC	xã Thạch Đồng	H. Thạch Thành	20° 07' 20"	105° 37' 50"					F-48-92-C-d
thôn Phù An	DC	xã Thạch Đồng	H. Thạch Thành	20° 08' 44"	105° 37' 25"					F-48-92-C-a
thôn Phù Ninh	DC	xã Thạch Đồng	H. Thạch Thành	20° 09' 05"	105° 37' 16"					F-48-92-C-a
đồi Rộc Sung	SV	xã Thạch Đồng	H. Thạch Thành	20° 07' 32"	105° 36' 33"					F-48-92-C-a
Đồi Than	SV	xã Thạch Đồng	H. Thạch Thành	20° 08' 40"	105° 37' 48"					F-48-92-C-b
đồi Thánh Giá	SV	xã Thạch Đồng	H. Thạch Thành	20° 08' 15"	105° 36' 07"					F-48-92-C-a
Núi Thờ	SV	xã Thạch Đồng	H. Thạch Thành	20° 08' 07"	105° 37' 03"					F-48-92-C-a
Nông trường 26/3	KX	xã Thạch Lâm	H. Thạch Thành	20° 18' 22"	105° 31' 37"					F-48-92-A-c
Thôn Biện	DC	xã Thạch Lâm	H. Thạch Thành	20° 21' 55"	105° 31' 49"					F-48-92-A-c
Đồi Bu	SV	xã Thạch Lâm	H. Thạch Thành	20° 22' 50"	105° 25' 41"					F-48-91-B-b
Sông Bưởi	TV	xã Thạch Lâm	H. Thạch Thành			20° 22' 12"	105° 31' 26"	20° 01' 09"	105° 38' 06"	F-48-92-A-c
núi Cống Hang	SV	xã Thạch Lâm	H. Thạch Thành	20° 19' 37"	105° 29' 52"					F-48-91-B-d
Thôn Đăng	DC	xã Thạch Lâm	H. Thạch Thành	20° 21' 58"	105° 26' 59"					F-48-91-B-d
Thôn Đồi	DC	xã Thạch Lâm	H. Thạch Thành	20° 20' 59"	105° 31' 37"					F-48-92-A-c
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Thạch Lâm	H. Thạch Thành			20° 21' 59"	105° 31' 19"	19° 26' 37"	105° 26' 53"	F-48-92-A-c
Sông Ngang	TV	xã Thạch Lâm	H. Thạch Thành			20° 21' 47"	105° 26' 48	20° 20' 01"	105° 31' 05"	F-48-92-A-c
Suối Ngang	TV	xã Thạch Lâm	H. Thạch Thành			20° 22' 42"	105° 25' 09	20° 21' 47"	105° 26' 48"	F-48-92-A-c
Thôn Nghéo	DC	xã Thạch Lâm	H. Thạch Thành	20° 19' 43"	105° 31' 38"					F-48-92-A-c
thôn Nội Thành	DC	xã Thạch Lâm	H. Thạch Thành	20° 21' 46"	105° 28' 12"					F-48-91-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Thống Nhất	DC	xã Thạch Lâm	H. Thạch Thành	20° 20' 01"	105° 30' 56"					F-48-92-A-c
núi Thung Cắn	SV	xã Thạch Lâm	H. Thạch Thành	20° 22' 04"	105° 25' 00"					F-48-91-B-d
Thôn Thượng	DC	xã Thạch Lâm	H. Thạch Thành	20° 21' 57"	105° 26' 10"					F-48-91-B-d
Núi Voi	SV	xã Thạch Lâm	H. Thạch Thành	20° 19' 05"	105° 31' 31"					F-48-92-A-c
thôn 1	DC	xã Thạch Long	H. Thạch Thành	20° 06' 25"	105° 37' 37"					F-48-92-C-c
thôn 2	DC	xã Thạch Long	H. Thạch Thành	20° 07' 10"	105° 37' 26"					F-48-92-C-c
thôn 3	DC	xã Thạch Long	H. Thạch Thành	20° 07' 17"	105° 36' 41"					F-48-92-C-c
thôn 4	DC	xã Thạch Long	H. Thạch Thành	20° 07' 03"	105° 36' 22"					F-48-92-C-c
thôn 5	DC	xã Thạch Long	H. Thạch Thành	20° 07' 38"	105° 36' 16"					F-48-92-C-a
thôn 6	DC	xã Thạch Long	H. Thạch Thành	20° 07' 39"	105° 36' 45"					F-48-92-C-a
quốc lộ 45	KX	xã Thạch Long	H. Thạch Thành			20° 10' 25"	105° 46' 47"	19° 48' 05"	105° 26' 03"	F-48-92-C-d
Sông Bưởi	TV	xã Thạch Long	H. Thạch Thành			20° 22' 12"	105° 31' 26"	20° 01' 09"	105° 38' 06"	F-48-92-C-d,
cầu Cổ Tế	KX	xã Thạch Long	H. Thạch Thành	20° 06' 34"	105° 37' 48"					F-48-92-C-d
đồi Hang Ma	SV	xã Thạch Long	H. Thạch Thành	20° 07' 10"	105° 35' 56"					F-48-92-C-c
đồi Rộc Sung	SV	xã Thạch Long	H. Thạch Thành	20° 07' 32"	105° 36' 33"					F-48-92-C-a
đồi Thánh Giá	SV	xã Thạch Long	H. Thạch Thành	20° 08' 15"	105° 36' 07"					F-48-92-C-a
Nông trường 26/3	KX	xã Thạch Quảng	H. Thạch Thành	20° 18' 22"	105° 31' 37"					F-48-92-A-c
núi Ái Nàng	SV	xã Thạch Quảng	H. Thạch Thành	20° 16' 36"	105° 28' 53"					F-48-91-B-d
núi Bai Làng	SV	xã Thạch Quảng	H. Thạch Thành	20° 15' 25"	105° 30' 52"					F-48-92-A-c
thôn Bái Thố	DC	xã Thạch Quảng	H. Thạch Thành	20° 16' 26"	105° 31' 29"					F-48-92-A-c
Sông Bưởi	TV	xã Thạch Quảng	H. Thạch Thành			20° 22' 12"	105° 31' 26"	20° 01' 09"	105° 38' 06"	F-48-92-A-c
Núi Bương	SV	xã Thạch Quảng	H. Thạch Thành	20° 18' 10"	105° 30' 43"					F-48-92-A-c
Núi Chùa	SV	xã Thạch Quảng	H. Thạch Thành	20° 17' 14"	105° 30' 24"					F-48-92-A-c
Đồi Đầm	SV	xã Thạch Quảng	H. Thạch Thành	20° 16' 51"	105° 32' 07"					F-48-92-A-c
núi Đồng Mới	SV	xã Thạch Quảng	H. Thạch Thành	20° 17' 25"	105° 30' 18"					F-48-92-A-c
hồ Đồng Múc	TV	xã Thạch Quảng	H. Thạch Thành	20° 16' 48"	105° 30' 18"					F-48-92-A-c
thôn Đồng Múc	DC	xã Thạch Quảng	H. Thạch Thành	20° 16' 44"	105° 30' 39"					F-48-92-A-c
núi Đóng Thu	SV	xã Thạch Quảng	H. Thạch Thành	20° 18' 15"	105° 32' 03"					F-48-92-A-c
dốc Eo Trăn	SV	xã Thạch Quảng	H. Thạch Thành	20° 15' 38"	105° 30' 41"					F-48-92-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Thạch Quảng	H. Thạch Thành			20° 21' 59"	105° 31' 19"	19° 26' 37"	105° 26' 53"	F-48-92-A-c
Thôn Mợ	DC	xã Thạch Quảng	H. Thạch Thành	20° 16' 08"	105° 31' 17"					F-48-92-A-c
Núi Núc	SV	xã Thạch Quảng	H. Thạch Thành	20° 18' 09"	105° 31' 53"					F-48-92-A-c
Thôn Phố	DC	xã Thạch Quảng	H. Thạch Thành	20° 16' 49"	105° 31' 15"					F-48-92-A-c
thôn Quảng Be	DC	xã Thạch Quảng	H. Thạch Thành	20° 16' 26"	105° 31' 46"					F-48-92-A-c
thôn Quảng Bình	DC	xã Thạch Quảng	H. Thạch Thành	20° 17' 23"	105° 30' 46"					F-48-92-A-c
thôn Quảng Cư	DC	xã Thạch Quảng	H. Thạch Thành	20° 17' 09"	105° 31' 29"					F-48-92-A-c
thôn Quảng Giang	DC	xã Thạch Quảng	H. Thạch Thành	20° 17' 48"	105° 31' 32"					F-48-92-A-c
thôn Quảng Lâm	DC	xã Thạch Quảng	H. Thạch Thành	20° 17' 06"	105° 30' 29"					F-48-92-A-c
thôn Quảng Tân	DC	xã Thạch Quảng	H. Thạch Thành	20° 16' 51"	105° 31' 39"					F-48-92-A-c
thôn Quảng Thành	DC	xã Thạch Quảng	H. Thạch Thành	20° 16' 54"	105° 30' 56"					F-48-92-A-c
thôn Quảng Trung	DC	xã Thạch Quảng	H. Thạch Thành	20° 17' 47"	105° 30' 54"					F-48-92-A-c
thôn Quảng Yên	DC	xã Thạch Quảng	H. Thạch Thành	20° 17' 13"	105° 31' 11"					F-48-92-A-c
Thôn Thố	DC	xã Thạch Quảng	H. Thạch Thành	20° 16' 25"	105° 31' 07"					F-48-92-A-c
Thôn Thóc	DC	xã Thạch Quảng	H. Thạch Thành	20° 16' 38"	105° 31' 03"					F-48-92-A-c
núi Thung Nai	SV	xã Thạch Quảng	H. Thạch Thành	20° 18' 27"	105° 30' 29"					F-48-92-A-c
thôn Bái Đằng	DC	xã Thạch Sơn	H. Thạch Thành	20° 12' 17"	105° 35' 23"					F-48-92-C-a
thôn Bình Chính	DC	xã Thạch Sơn	H. Thạch Thành	20° 11' 23"	105° 37' 01"					F-48-92-C-a
thôn Bình Sậy	DC	xã Thạch Sơn	H. Thạch Thành	20° 11' 36"	105° 36' 34"					F-48-92-C-a
Sông Bưởi	TV	xã Thạch Sơn	H. Thạch Thành			20° 22' 12"	105° 31' 26"	20° 01' 09"	105° 38' 06"	F-48-92-C-a, F-48-92-C-b
Đồi Cao	SV	xã Thạch Sơn	H. Thạch Thành	20° 11' 41"	105° 36' 19"					F-48-92-C-a
thôn Đằng Sơn	DC	xã Thạch Sơn	H. Thạch Thành	20° 11' 38"	105° 35' 07"					F-48-92-C-a
thôn Đồng Hương	DC	xã Thạch Sơn	H. Thạch Thành	20° 11' 47"	105° 36' 06"					F-48-92-C-a
núi Hang Bống	SV	xã Thạch Sơn	H. Thạch Thành	20° 11' 52"	105° 35' 32"					F-48-92-C-a
thôn Liên Sơn	DC	xã Thạch Sơn	H. Thạch Thành	20° 10' 59"	105° 35' 50"					F-48-92-C-a
thôn Minh Sơn	DC	xã Thạch Sơn	H. Thạch Thành	20° 11' 18"	105° 36' 34"					F-48-92-C-a
núi Ông Voi	SV	xã Thạch Sơn	H. Thạch Thành	20° 12' 07"	105° 35' 14"					F-48-92-C-a
thôn Trường Sơn	DC	xã Thạch Sơn	H. Thạch Thành	20° 12' 37"	105° 35' 49"					F-48-92-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
khu 1	DC	xã Thạch Tân	H. Thạch Thành	20° 09' 47"	105° 38' 21"					F-48-92-C-b
khu 2	DC	xã Thạch Tân	H. Thạch Thành	20° 09' 38"	105° 38' 08"					F-48-92-C-b
khu 3	DC	xã Thạch Tân	H. Thạch Thành	20° 09' 32"	105° 38' 18"					F-48-92-C-b
khu 4	DC	xã Thạch Tân	H. Thạch Thành	20° 09' 50"	105° 37' 55"					F-48-92-C-b
Sông Bưởi	SV	xã Thạch Tân	H. Thạch Thành			20° 22' 12"	105° 31' 26"	20° 01' 09"	105° 38' 06"	F-48-92-C-b
cầu Thạch Định	KX	xã Thạch Tân	H. Thạch Thành	20° 10' 01"	105° 38' 35"					F-48-92-C-b
Đồi Than	SV	xã Thạch Tân	H. Thạch Thành	20° 08' 40"	105° 37' 48"					F-48-92-C-b
núi Ái Nàng	SV	xã Thạch Tượng	H. Thạch Thành	20° 16' 36"	105° 28' 53"					F-48-91-B-d
đập Bai Sao	KX	xã Thạch Tượng	H. Thạch Thành	20° 17' 39"	105° 29' 38"					F-48-91-B-d
Núi Cái	SV	xã Thạch Tượng	H. Thạch Thành	20° 20' 16"	105° 24' 53"					F-48-91-B-d
đồi Cây Mí	SV	xã Thạch Tượng	H. Thạch Thành	20° 19' 05"	105° 26' 19"					F-48-91-B-d
Đồi Cha	SV	xã Thạch Tượng	H. Thạch Thành	20° 18' 09"	105° 27' 40"					F-48-91-B-d
núi Cống Hang	SV	xã Thạch Tượng	H. Thạch Thành	20° 19' 37"	105° 29' 52"					F-48-91-B-d
núi Đồng Mới	SV	xã Thạch Tượng	H. Thạch Thành	20° 17' 25"	105° 30' 18"					F-48-92-A-c
núi Eo Ngác	SV	xã Thạch Tượng	H. Thạch Thành	20° 17' 18"	105° 28' 09"					F-48-91-B-d
Núi Mí	SV	xã Thạch Tượng	H. Thạch Thành	20° 19' 24"	105° 25' 56"					F-48-91-B-d
thôn Tân Lập	DC	xã Thạch Tượng	H. Thạch Thành	20° 17' 52"	105° 29' 38"					F-48-91-B-d
thôn Thống Nhất	DC	xã Thạch Tượng	H. Thạch Thành	20° 17' 32"	105° 29' 52"					F-48-92-A-c
thôn Tượng Liên 1	DC	xã Thạch Tượng	H. Thạch Thành	20° 18' 47"	105° 28' 28"					F-48-91-B-d
thôn Tượng Liên 2	DC	xã Thạch Tượng	H. Thạch Thành	20° 18' 02"	105° 28' 50"					F-48-91-B-d
thôn Tượng Liên 3	DC	xã Thạch Tượng	H. Thạch Thành	20° 18' 03"	105° 29' 14"					F-48-91-B-d
thôn Tượng Sơn 1	DC	xã Thạch Tượng	H. Thạch Thành	20° 20' 09"	105° 26' 43"					F-48-91-B-d
thôn Tượng Sơn 2	DC	xã Thạch Tượng	H. Thạch Thành	20° 19' 37"	105° 27' 02"					F-48-91-B-d
thôn Tượng Sơn 3	DC	xã Thạch Tượng	H. Thạch Thành	20° 19' 11"	105° 27' 45"					F-48-91-B-d
Đồi Vóng	SV	xã Thạch Tượng	H. Thạch Thành	20° 20' 19"	105° 26' 09"					F-48-91-B-d
Đồi Bùi	SV	xã Thành An	H. Thạch Thành	20° 06' 58"	105° 42' 30"					F-48-92-C-d
núi Cò Bai	SV	xã Thành An	H. Thạch Thành	20° 04' 43"	105° 42' 48"					F-48-92-C-d
hồ Đồng Ngư	TV	xã Thành An	H. Thạch Thành	20° 05' 45"	105° 42' 58"					F-48-92-C-d
thôn Đồng Ngư	DC	xã Thành An	H. Thạch Thành	20° 06' 11"	105° 42' 26"					F-48-92-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Dỹ Thắng	DC	xã Thành An	H. Thạch Thành	20° 06' 44"	105° 42' 44"					F-48-92-C-d
thôn Dỹ Tiến	DC	xã Thành An	H. Thạch Thành	20° 06' 32"	105° 43' 09"					F-48-92-C-d
thôn Hoà Lễ	DC	xã Thành An	H. Thạch Thành	20° 06' 22"	105° 43' 53"					F-48-92-C-d
đồi Sau Làng	SV	xã Thành An	H. Thạch Thành	20° 05' 43"	105° 42' 08"					F-48-92-C-d
núi Tây Neo Bồ	SV	xã Thành An	H. Thạch Thành	20° 04' 11"	105° 43' 39"					F-48-92-C-d
thôn Thạch Cừ	DC	xã Thành An	H. Thạch Thành	20° 06' 08"	105° 43' 12"					F-48-92-C-d
đồi Voi Sạc	SV	xã Thành An	H. Thạch Thành	20° 05' 12"	105° 43' 26"					F-48-92-C-d
đường tỉnh 522	KX	xã Thành Công	H. Thạch Thành			20° 04' 03"	105° 51' 00"	20° 12' 37"	105° 36' 50"	F-48-92-C-b
thôn Bắt Mê	DC	xã Thành Công	H. Thạch Thành	20° 11' 38"	105° 39' 36"					F-48-92-C-b
thôn Bông Bụt	DC	xã Thành Công	H. Thạch Thành	20° 11' 56"	105° 40' 10"					F-48-92-C-b
Quèn Cao	KX	xã Thành Công	H. Thạch Thành	20° 12' 54"	105° 41' 02"					F-48-92-C-b
núi Đá Bạch	SV	xã Thành Công	H. Thạch Thành	20° 12' 53"	105° 42' 16"					F-48-92-C-b
núi Đá Voi	SV	xã Thành Công	H. Thạch Thành	20° 12' 57"	105° 40' 52"					F-48-92-C-b
thôn Đồng Chư	DC	xã Thành Công	H. Thạch Thành	20° 11' 27"	105° 39' 58"					F-48-92-C-b
thôn Đồng Đa	DC	xã Thành Công	H. Thạch Thành	20° 12' 24"	105° 40' 01"					F-48-92-C-b
thôn Đồng Hội	DC	xã Thành Công	H. Thạch Thành	20° 12' 00"	105° 41' 53"					F-48-92-C-b
thôn Đồng Thượng	DC	xã Thành Công	H. Thạch Thành	20° 11' 09"	105° 40' 30"					F-48-92-C-b
Thung Dưa	SV	xã Thành Công	H. Thạch Thành	20° 12' 41"	105° 41' 18"					F-48-92-C-b
thung Hang Hiêm	SV	xã Thành Công	H. Thạch Thành	20° 13' 07"	105° 40' 47"					F-48-92-C-b
thôn Ngọc Lâu	DC	xã Thành Công	H. Thạch Thành	20° 12' 24"	105° 40' 44"					F-48-92-C-b
Thung Ổi	SV	xã Thành Công	H. Thạch Thành	20° 12' 48"	105° 40' 54"					F-48-92-C-b
Quèn Si	KX	xã Thành Công	H. Thạch Thành	20° 13' 09"	105° 41' 31"					F-48-92-C-b
cầu Thành Công	KX	xã Thành Công	H. Thạch Thành	20° 11' 52"	105° 40' 16"					F-48-92-C-b
thôn Trường Châu	DC	xã Thành Công	H. Thạch Thành	20° 11' 35"	105° 40' 42"					F-48-92-C-b
quốc lộ 45	KX	xã Thành Hưng	H. Thạch Thành			20° 10' 25"	105° 46' 47"	19° 48' 05"	105° 26' 03"	F-48-92-C-d, F-48-92-C-b
Sông Bưởi	TV	xã Thành Hưng	H. Thạch Thành			20° 22' 12"	105° 31' 26"	20° 01' 09"	105° 38' 06"	F-48-92-C-d, F-48-92-C-c, F-48-92-C-d, F-48-92-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
cầu Cổ Tế	KX	xã Thành Hưng	H. Thạch Thành	20° 06' 34"	105° 37' 48"					F-48-92-C-d
thôn Hoàng Thành	DC	xã Thành Hưng	H. Thạch Thành	20° 06' 44"	105° 39' 03"					F-48-92-C-d
thôn Hợp Thành	DC	xã Thành Hưng	H. Thạch Thành	20° 07' 33"	105° 38' 52"					F-48-92-C-d
thôn Hợp Tiến	DC	xã Thành Hưng	H. Thạch Thành	20° 08' 07"	105° 38' 33"					F-48-92-C-b
thôn Liên Hưng	DC	xã Thành Hưng	H. Thạch Thành	20° 07' 15"	105° 38' 39"					F-48-92-C-d
thôn Phú Thành	DC	xã Thành Hưng	H. Thạch Thành	20° 06' 54"	105° 38' 46"					F-48-92-C-d
thôn Trường Thành	DC	xã Thành Hưng	H. Thạch Thành	20° 08' 03"	105° 39' 04"					F-48-92-C-b
quốc lộ 45	KX	xã Thành Kim	H. Thạch Thành			20° 10' 25"	105° 46' 47"	19° 48' 05"	105° 26' 03"	F-48-92-C-b
Sông Bưởi	TV	xã Thành Kim	H. Thạch Thành			20° 22' 12"	105° 31' 26"	20° 01' 09"	105° 38' 06"	F-48-92-C-b
Thôn Chợ	DC	xã Thành Kim	H. Thạch Thành	20° 07' 49"	105° 40' 24"					F-48-92-C-b
cầu Đá Bàn	KX	xã Thành Kim	H. Thạch Thành	20° 09' 40"	105° 39' 43"					F-48-92-C-b
hồ Đồng Sung	TV	xã Thành Kim	H. Thạch Thành	20° 08' 39"	105° 40' 37"					F-48-92-C-b
thôn Lâm Thành 1	DC	xã Thành Kim	H. Thạch Thành	20° 09' 27"	105° 39' 49"					F-48-92-C-b
thôn Lâm Thành 2	DC	xã Thành Kim	H. Thạch Thành	20° 08' 46"	105° 40' 36"					F-48-92-C-b
thôn Liên Sơn 1	DC	xã Thành Kim	H. Thạch Thành	20° 07' 27"	105° 40' 24"					F-48-92-C-d
thôn Liên Sơn 2	DC	xã Thành Kim	H. Thạch Thành	20° 07' 23"	105° 40' 06"					F-48-92-C-d
thôn Liên Sơn 5	DC	xã Thành Kim	H. Thạch Thành	20° 07' 23"	105° 39' 45"					F-48-92-C-d
thôn Liên Sơn 6	DC	xã Thành Kim	H. Thạch Thành	20° 07' 06"	105° 40' 06"					F-48-92-C-d
cầu Nổ Soái	KX	xã Thành Kim	H. Thạch Thành	20° 08' 09"	105° 40' 41"					F-48-92-C-b
đồi Phú Sơn	SV	xã Thành Kim	H. Thạch Thành	20° 07' 22"	105° 40' 00"					F-48-92-C-d
thôn Tân Sơn 1	DC	xã Thành Kim	H. Thạch Thành	20° 08' 21"	105° 40' 49"					F-48-92-C-b
thôn Tân Sơn 2	DC	xã Thành Kim	H. Thạch Thành	20° 08' 37"	105° 40' 32"					F-48-92-C-b
thôn Tân Sơn 3	DC	xã Thành Kim	H. Thạch Thành	20° 08' 52"	105° 39' 42"					F-48-92-C-b
thôn Tân Sơn 4	DC	xã Thành Kim	H. Thạch Thành	20° 08' 38"	105° 40' 03"					F-48-92-C-b
thôn Tân Sơn 5	DC	xã Thành Kim	H. Thạch Thành	20° 07' 54"	105° 40' 43"					F-48-92-C-b
thôn Tân Sơn 6	DC	xã Thành Kim	H. Thạch Thành	20° 07' 44"	105° 40' 37"					F-48-92-C-b
thôn Tân Sơn 7	DC	xã Thành Kim	H. Thạch Thành	20° 07' 36"	105° 40' 51"					F-48-92-C-b
Dốc Trầu	SV	xã Thành Kim	H. Thạch Thành	20° 08' 18"	105° 41' 06"					F-48-92-C-b
Đồi Xốc	SV	xã Thành Kim	H. Thạch Thành	20° 08' 32"	105° 40' 59"					F-48-92-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
đồi Chùa Giàng	SV	xã Thành Long	H. Thạch Thành	20° 05' 30"	105° 41' 16"					F-48-92-C-d
núi Cò Bai	SV	xã Thành Long	H. Thạch Thành	20° 04' 43"	105° 42' 48"					F-48-92-C-d
đồi Cò Côm	SV	xã Thành Long	H. Thạch Thành	20° 04' 21"	105° 41' 29"					F-48-92-C-d
núi Đá Dựng	SV	xã Thành Long	H. Thạch Thành	20° 03' 13"	105° 41' 47"					F-48-92-C-d
thôn Eo Bàn	DC	xã Thành Long	H. Thạch Thành	20° 04' 46"	105° 40' 53"					F-48-92-C-d
đồi Lủ Bút	SV	xã Thành Long	H. Thạch Thành	20° 04' 55"	105° 41' 48"					F-48-92-C-d
núi Mông Cù	SV	xã Thành Long	H. Thạch Thành	20° 02' 23"	105° 42' 37"					F-48-92-C-d
Núi Nhây	SV	xã Thành Long	H. Thạch Thành	20° 03' 14"	105° 44' 06"					F-48-92-C-d
hón Nước Xanh	TV	xã Thành Long	H. Thạch Thành			20° 04' 12"	105° 42' 50"	20° 04' 06"	105° 42' 11"	F-48-92-C-d
núi Phiêu Sơn	SV	xã Thành Long	H. Thạch Thành	20° 03' 00"	105° 39' 49"					F-48-92-C-d
đồi Sau Làng	SV	xã Thành Long	H. Thạch Thành	20° 05' 43"	105° 42' 08"					F-48-92-C-d
núi Tây Neo Bồ	SV	xã Thành Long	H. Thạch Thành	20° 04' 11"	105° 43' 39"					F-48-92-C-d
hồ Tây Trác	TV	xã Thành Long	H. Thạch Thành	20° 04' 45"	105° 42' 14"					F-48-92-C-d
thôn Thành Công	DC	xã Thành Long	H. Thạch Thành	20° 05' 44"	105° 41' 55"					F-48-92-C-d
thôn Thành Du	DC	xã Thành Long	H. Thạch Thành	20° 03' 26"	105° 40' 43"					F-48-92-C-d
thôn Thành Minh	DC	xã Thành Long	H. Thạch Thành	20° 05' 14"	105° 41' 39"					F-48-92-C-d
thôn Thành Sơn	DC	xã Thành Long	H. Thạch Thành	20° 04' 08"	105° 41' 55"					F-48-92-C-d
thôn Trung Tâm	DC	xã Thành Long	H. Thạch Thành	20° 05' 02"	105° 41' 23"					F-48-92-C-d
đường tỉnh 522	KX	xã Thành Minh	H. Thạch Thành			20° 04' 03"	105° 51' 00"	20° 12' 37"	105° 36' 50"	F-48-92-C-a, F-48-92-C-b
cầu Bến Xanh	KX	xã Thành Minh	H. Thạch Thành	20° 12' 39"	105° 39' 29"					F-48-92-C-b
hồ Bình Công	TV	xã Thành Minh	H. Thạch Thành	20° 12' 56"	105° 39' 32"					F-48-92-C-b
thôn Cẩm Bộ	DC	xã Thành Minh	H. Thạch Thành	20° 14' 14"	105° 37' 22"					F-48-92-C-a
Núi Càng	SV	xã Thành Minh	H. Thạch Thành	20° 14' 55"	105° 37' 02"					F-48-92-C-a
Suối Càng	TV	xã Thành Minh	H. Thạch Thành			20° 13' 03"	105° 37' 44"	20° 14' 38"	105° 37' 26"	F-48-92-C-a, F-48-92-C-b
Thôn Cốc	DC	xã Thành Minh	H. Thạch Thành	20° 12' 38"	105° 39' 28"					F-48-92-C-b
Núi Côi	SV	xã Thành Minh	H. Thạch Thành	20° 14' 48"	105° 37' 13"					F-48-92-C-a
Thôn Đầm	DC	xã Thành Minh	H. Thạch Thành	20° 12' 27"	105° 38' 49"					F-48-92-C-b
Thôn Hèo	DC	xã Thành Minh	H. Thạch Thành	20° 13' 08"	105° 38' 57"					F-48-92-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Thôn Luông	DC	xã Thành Minh	H. Thạch Thành	20° 12' 32"	105° 38' 24"					F-48-92-C-b
Thôn Mặc	DC	xã Thành Minh	H. Thạch Thành	20° 12' 53"	105° 39' 07"					F-48-92-C-b
thôn Minh Hải	DC	xã Thành Minh	H. Thạch Thành	20° 13' 04"	105° 38' 08"					F-48-92-C-b
thôn Minh Lộc	DC	xã Thành Minh	H. Thạch Thành	20° 13' 29"	105° 37' 50"					F-48-92-C-b
thôn Minh Quang	DC	xã Thành Minh	H. Thạch Thành	20° 13' 24"	105° 38' 15"					F-48-92-C-b
thôn Mông Hương	DC	xã Thành Minh	H. Thạch Thành	20° 12' 42"	105° 38' 30"					F-48-92-C-b
thôn Mục Long	DC	xã Thành Minh	H. Thạch Thành	20° 13' 39"	105° 39' 38"					F-48-92-C-b
thôn Mỹ Đàm	DC	xã Thành Minh	H. Thạch Thành	20° 12' 43"	105° 38' 02"					F-48-92-C-b
Thôn Nghẹn	DC	xã Thành Minh	H. Thạch Thành	20° 12' 03"	105° 39' 03"					F-48-92-C-b
Thôn Sồi	DC	xã Thành Minh	H. Thạch Thành	20° 12' 35"	105° 39' 48"					F-48-92-C-b
Thôn Thượng	DC	xã Thành Minh	H. Thạch Thành	20° 13' 17"	105° 38' 41"					F-48-92-C-b
thôn Tự Cường	DC	xã Thành Minh	H. Thạch Thành	20° 13' 58"	105° 37' 07"					F-48-92-C-a
hồ Vũng Sú	TV	xã Thành Minh	H. Thạch Thành	20° 14' 56"	105° 37' 30"					F-48-92-A-d, F-48-92-A-c, F-48-92-C-a, F-48-92-C-b
khe Bai Mường	TV	xã Thành Mỹ	H. Thạch Thành			20° 16' 36"	105° 33' 57"	20° 16' 31"	105° 32' 24"	F-48-92-A-c
Sông Bưởi	TV	xã Thành Mỹ	H. Thạch Thành			20° 22' 12"	105° 31' 26"	20° 01' 09"	105° 38' 06"	F-48-92-C-a, F-48-92-A-c
Đồi Chổm	SV	xã Thành Mỹ	H. Thạch Thành	20° 17' 19"	105° 33' 28"					F-48-92-A-c
Núi Chùa	SV	xã Thành Mỹ	H. Thạch Thành	20° 17' 04"	105° 32' 50"					F-48-92-A-c
Núi Độc	SV	xã Thành Mỹ	H. Thạch Thành	20° 17' 49"	105° 32' 16"					F-48-92-A-c
thôn Đồng Luật	DC	xã Thành Mỹ	H. Thạch Thành	20° 17' 08"	105° 32' 55"					F-48-92-A-c
Núi Giếng	SV	xã Thành Mỹ	H. Thạch Thành	20° 15' 44"	105° 34' 53"					F-48-92-A-c
đồi Hón Cái	SV	xã Thành Mỹ	H. Thạch Thành	20° 17' 54"	105° 33' 23"					F-48-92-A-c
núi Hón Giã	SV	xã Thành Mỹ	H. Thạch Thành	20° 15' 43"	105° 35' 36"					F-48-92-A-c
thôn Lệ Cẩm 1	DC	xã Thành Mỹ	H. Thạch Thành	20° 15' 34"	105° 34' 23"					F-48-92-A-c
thôn Lệ Cẩm 2	DC	xã Thành Mỹ	H. Thạch Thành	20° 15' 21"	105° 35' 07"					F-48-92-A-c
đồi Lọc Cọc	SV	xã Thành Mỹ	H. Thạch Thành	20° 15' 56"	105° 34' 11"					F-48-92-A-c
Núi Ong	SV	xã Thành Mỹ	H. Thạch Thành	20° 17' 21"	105° 32' 35"					F-48-92-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Tân Hương	DC	xã Thành Mỹ	H. Thạch Thành	20° 15' 17"	105° 34' 02"					F-48-92-A-c
thôn Tây Hương	DC	xã Thành Mỹ	H. Thạch Thành	20° 15' 32"	105° 33' 50"					F-48-92-A-c
Núi Thánh	SV	xã Thành Mỹ	H. Thạch Thành	20° 18' 04"	105° 32' 31"					F-48-92-A-c
thôn Vân Đình	DC	xã Thành Mỹ	H. Thạch Thành	20° 15' 59"	105° 33' 09"					F-48-92-A-c
thôn Vân Phong	DC	xã Thành Mỹ	H. Thạch Thành	20° 16' 11"	105° 32' 45"					F-48-92-A-c
thôn Vân Phú	DC	xã Thành Mỹ	H. Thạch Thành	20° 16' 18"	105° 32' 25"					F-48-92-A-c
thôn Vân Tiến	DC	xã Thành Mỹ	H. Thạch Thành	20° 15' 47"	105° 33' 32"					F-48-92-A-c
Đồi Ven	SV	xã Thành Mỹ	H. Thạch Thành	20° 17' 48"	105° 33' 42"					F-48-92-A-c
đường tỉnh 522	KX	xã Thành Tâm	H. Thạch Thành			20° 04' 03"	105° 51' 00"	20° 12' 37"	105° 36' 50"	F-48-92-D-a, F-48-92-C-b, F-48-92-D-c
thôn Ba Cửa	DC	xã Thành Tâm	H. Thạch Thành	20° 06' 27"	105° 44' 31"					F-48-92-C-d
thôn Ban Sinh	DC	xã Thành Tâm	H. Thạch Thành	20° 06' 56"	105° 45' 55"					F-48-92-D-c
thôn Ban Thịnh	DC	xã Thành Tâm	H. Thạch Thành	20° 06' 29"	105° 45' 53"					F-48-92-D-c
dốc Còng Cua	SV	xã Thành Tâm	H. Thạch Thành	20° 07' 54"	105° 44' 02"					F-48-92-C-b
thôn Đồng Minh	DC	xã Thành Tâm	H. Thạch Thành	20° 06' 48"	105° 45' 14"					F-48-92-D-c
đồi Đồng Sổ	SV	xã Thành Tâm	H. Thạch Thành	20° 08' 06"	105° 44' 34"					F-48-92-C-b
thôn Đồng Tâm	DC	xã Thành Tâm	H. Thạch Thành	20° 06' 07"	105° 46' 40"					F-48-92-D-c
thôn Ngọc Liên	DC	xã Thành Tâm	H. Thạch Thành	20° 07' 31"	105° 45' 17"					F-48-92-D-a
thôn Ngọc Tân	DC	xã Thành Tâm	H. Thạch Thành	20° 07' 47"	105° 45' 34"					F-48-92-D-a
thôn Ngọc Thạch	DC	xã Thành Tâm	H. Thạch Thành	20° 07' 14"	105° 44' 34"					F-48-92-C-d
thôn Ngọc Thành	DC	xã Thành Tâm	H. Thạch Thành	20° 07' 38"	105° 44' 16"					F-48-92-C-b
thôn Nông Lý	DC	xã Thành Tâm	H. Thạch Thành	20° 07' 45"	105° 46' 22"					F-48-92-D-c
thôn Quỳnh Lâm	DC	xã Thành Tâm	H. Thạch Thành	20° 07' 15"	105° 45' 47"					F-48-92-D-c
thôn Tân Lý	DC	xã Thành Tâm	H. Thạch Thành	20° 07' 17"	105° 46' 15"					F-48-92-D-a
thôn Tân Thịnh	DC	xã Thành Tâm	H. Thạch Thành	20° 08' 10"	105° 45' 03"					F-48-92-D-a
cầu Vạn Bảo	KX	xã Thành Tâm	H. Thạch Thành	20° 06' 44"	105° 46' 48"					F-48-92-D-c
suối Vạn Bảo	TV	xã Thành Tâm	H. Thạch Thành			20° 06' 28"	105° 46' 44"	20° 04' 39"	105° 46' 51"	F-48-92-D-c
thôn Vạn Bảo	DC	xã Thành Tâm	H. Thạch Thành	20° 06' 48"	105° 46' 46"					F-48-92-D-c
thôn Yên Thịnh	DC	xã Thành Tâm	H. Thạch Thành	20° 07' 51"	105° 44' 43"					F-48-92-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
đường tỉnh 522	KX	xã Thành Tân	H. Thạch Thành			20° 04' 03"	105° 51' 00"	20° 12' 37"	105° 36' 50"	F-48-92-C-b
thôn Bái Đang	DC	xã Thành Tân	H. Thạch Thành	20° 11' 12"	105° 42' 48"					F-48-92-C-b
Núi Cái	SV	xã Thành Tân	H. Thạch Thành	20° 11' 17"	105° 43' 25"					F-48-92-C-b
thôn Cát Thành	DC	xã Thành Tân	H. Thạch Thành	20° 10' 38"	105° 40' 37"					F-48-92-C-b
đồi Cây Sống	SV	xã Thành Tân	H. Thạch Thành	20° 09' 46"	105° 40' 48"					F-48-92-C-b
Đồi Chùa	SV	xã Thành Tân	H. Thạch Thành	20° 09' 49"	105° 41' 10"					F-48-92-C-b
Đồi Cờ	SV	xã Thành Tân	H. Thạch Thành	20° 09' 45"	105° 40' 12"					F-48-92-C-b
thôn Đồng Phú	DC	xã Thành Tân	H. Thạch Thành	20° 10' 48"	105° 41' 53"					F-48-92-C-b
thôn Hoà Luật	DC	xã Thành Tân	H. Thạch Thành	20° 09' 31"	105° 42' 31"					F-48-92-C-b
Đồi Mả	SV	xã Thành Tân	H. Thạch Thành	20° 09' 49"	105° 41' 10"					F-48-92-C-b
thôn Ngọc Động	DC	xã Thành Tân	H. Thạch Thành	20° 09' 02"	105° 40' 54"					F-48-92-C-b
thôn Phù Bản	DC	xã Thành Tân	H. Thạch Thành	20° 10' 22"	105° 42' 19"					F-48-92-C-b
thôn Thạch Lỗi	DC	xã Thành Tân	H. Thạch Thành	20° 09' 47"	105° 40' 57"					F-48-92-C-b
thôn Tiên Hương	DC	xã Thành Tân	H. Thạch Thành	20° 11' 00"	105° 41' 24"					F-48-92-C-b
thôn Tú Sơn	DC	xã Thành Tân	H. Thạch Thành	20° 09' 41"	105° 42' 10"					F-48-92-C-b
Đồi Xốc	SV	xã Thành Tân	H. Thạch Thành	20° 08' 32"	105° 40' 59"					F-48-92-C-b
thôn Xuân Hương	DC	xã Thành Tân	H. Thạch Thành	20° 11' 04"	105° 41' 33"					F-48-92-C-b
quốc lộ 45	KX	xã Thành Thọ	H. Thạch Thành			20° 10' 25"	105° 46' 47"	19° 48' 05"	105° 26' 03"	F-48-92-C-b
Đồi Bùi	SV	xã Thành Thọ	H. Thạch Thành	20° 06' 58"	105° 42' 30"					F-48-92-C-d
Thôn Bùi	DC	xã Thành Thọ	H. Thạch Thành	20° 06' 56"	105° 42' 17"					F-48-92-C-d
thôn Cầu Rồng	DC	xã Thành Thọ	H. Thạch Thành	20° 08' 03"	105° 41' 06"					F-48-92-C-b
đồi Đồng Khanh	SV	xã Thành Thọ	H. Thạch Thành	20° 08' 40"	105° 42' 01"					F-48-92-C-b
hồ Đồng Khanh	TV	xã Thành Thọ	H. Thạch Thành	20° 08' 16"	105° 41' 49"					F-48-92-C-b
thôn Đồng Khanh	DC	xã Thành Thọ	H. Thạch Thành	20° 08' 25"	105° 41' 43"					F-48-92-C-b
Đồi Đự	SV	xã Thành Thọ	H. Thạch Thành	20° 07' 36"	105° 41' 36"					F-48-92-C-b
Thôn Đự	DC	xã Thành Thọ	H. Thạch Thành	20° 07' 37"	105° 41' 21"					F-48-92-C-b
thôn Phú Cốc	DC	xã Thành Thọ	H. Thạch Thành	20° 07' 26"	105° 42' 29"					F-48-92-C-d
đồi Rộc Chúp	SV	xã Thành Thọ	H. Thạch Thành	20° 07' 52"	105° 42' 26"					F-48-92-C-b
thôn Thọ Trường	DC	xã Thành Thọ	H. Thạch Thành	20° 06' 34"	105° 41' 53"					F-48-92-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Thôn Trạc	DC	xã Thành Thọ	H. Thạch Thành	20° 07' 21"	105° 42' 07"					F-48-92-C-d
Dốc Trầu	SV	xã Thành Thọ	H. Thạch Thành	20° 08' 18"	105° 41' 06"					F-48-92-C-b
đồi Trước Bóng	SV	xã Thành Thọ	H. Thạch Thành	20° 08' 05"	105° 41' 35"					F-48-92-C-b
Đồi Xốc	SV	xã Thành Thọ	H. Thạch Thành	20° 08' 32"	105° 40' 59"					F-48-92-C-b
thôn 1	DC	xã Thành Tiến	H. Thạch Thành	20° 06' 18"	105° 41' 39"					F-48-92-C-d
thôn 2	DC	xã Thành Tiến	H. Thạch Thành	20° 06' 51"	105° 41' 06"					F-48-92-C-d
thôn 3	DC	xã Thành Tiến	H. Thạch Thành	20° 06' 52"	105° 40' 51"					F-48-92-C-d
thôn 4	DC	xã Thành Tiến	H. Thạch Thành	20° 06' 23"	105° 40' 59"					F-48-92-C-d
thôn 5	DC	xã Thành Tiến	H. Thạch Thành	20° 06' 12"	105° 40' 42"					F-48-92-C-d
thôn 6	DC	xã Thành Tiến	H. Thạch Thành	20° 05' 40"	105° 40' 40"					F-48-92-C-d
thôn 7	DC	xã Thành Tiến	H. Thạch Thành	20° 05' 22"	105° 40' 30"					F-48-92-C-d
Đồi Cao	SV	xã Thành Tiến	H. Thạch Thành	20° 07' 00"	105° 41' 00"					F-48-92-C-d
đồi Chùa Giàng	SV	xã Thành Tiến	H. Thạch Thành	20° 05' 30"	105° 41' 16"					F-48-92-C-d
Đồi Thấp	SV	xã Thành Tiến	H. Thạch Thành	20° 06' 54"	105° 41' 20"					F-48-92-C-d
đường tỉnh 522	KX	xã Thành Trực	H. Thạch Thành			20° 04' 03"	105° 51' 00"	20° 12' 37"	105° 36' 50"	F-48-92-C-a
Sông Bưởi	TV	xã Thành Trực	H. Thạch Thành			20° 22' 12"	105° 31' 26"	20° 01' 09"	105° 38' 06"	F-48-92-C-a, F-48-92-C-b
thôn Chính Thành	DC	xã Thành Trực	H. Thạch Thành	20° 10' 41"	105° 39' 25"					F-48-92-C-b
Đồi Cờ	SV	xã Thành Trực	H. Thạch Thành	20° 09' 45"	105° 40' 12"					F-48-92-C-b
cầu Đá Bàn	KX	xã Thành Trực	H. Thạch Thành	20° 09' 40"	105° 39' 43"					F-48-92-C-b
thôn Đa Đụn	DC	xã Thành Trực	H. Thạch Thành	20° 11' 48"	105° 37' 58"					F-48-92-C-b
thôn Định Thành	DC	xã Thành Trực	H. Thạch Thành	20° 09' 56"	105° 39' 20"					F-48-92-C-b
thôn Eo Đa	DC	xã Thành Trực	H. Thạch Thành	20° 12' 37"	105° 36' 55"					F-48-92-C-a
thôn Ngọc Nước	DC	xã Thành Trực	H. Thạch Thành	20° 10' 32"	105° 38' 59"					F-48-92-C-b
cầu Thạch Định	KX	xã Thành Trực	H. Thạch Thành	20° 10' 01"	105° 38' 35"					F-48-92-C-b
thôn Thủ Chính	DC	xã Thành Trực	H. Thạch Thành	20° 11' 10"	105° 39' 16"					F-48-92-C-b
thôn Vọng Thuỷ	DC	xã Thành Trực	H. Thạch Thành	20° 11' 15"	105° 38' 24"					F-48-92-C-b
thôn Xuân Thành	DC	xã Thành Trực	H. Thạch Thành	20° 10' 20"	105° 39' 36"					F-48-92-C-b
thôn 1	DC	xã Thành Vân	H. Thạch Thành	20° 09' 59"	105° 45' 38"					F-48-92-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn 7	DC	xã Thành Vân	H. Thạch Thành	20° 09' 53"	105° 46' 35"					F-48-92-D-a
thôn 8	DC	xã Thành Vân	H. Thạch Thành	20° 09' 29"	105° 46' 01"					F-48-92-D-a
quốc lộ 45	KX	xã Thành Vân	H. Thạch Thành			20° 10' 25"	105° 46' 47"	19° 48' 05"	105° 26' 03"	F-48-92-D-a, F-48-92-C-b
đường tỉnh 522	KX	xã Thành Vân	H. Thạch Thành			20° 04' 03"	105° 51' 00"	20° 12' 37"	105° 36' 50"	F-48-92-C-b
đồi Đồng Khanh	SV	xã Thành Vân	H. Thạch Thành	20° 08' 40"	105° 42' 01"					F-48-92-C-b
đồi Lưỡi Gà	SV	xã Thành Vân	H. Thạch Thành	20° 08' 04"	105° 43' 01"					F-48-92-C-b
đồi Ngọc Sung	SV	xã Thành Vân	H. Thạch Thành	20° 07' 53"	105° 43' 54"					F-48-92-C-b
thôn Phố Cát	DC	xã Thành Vân	H. Thạch Thành	20° 09' 07"	105° 43' 42"					F-48-92-C-b
đồi Rộc Chúp	SV	xã Thành Vân	H. Thạch Thành	20° 07' 52"	105° 42' 26"					F-48-92-C-b
thôn Sơn Để	DC	xã Thành Vân	H. Thạch Thành	20° 09' 47"	105° 43' 10"					F-48-92-C-b
cầu Sòng Cạn	KX	xã Thành Vân	H. Thạch Thành	20° 10' 15"	105° 46' 43"					F-48-92-D-a
thôn Tiên Quang	DC	xã Thành Vân	H. Thạch Thành	20° 09' 05"	105° 42' 29"					F-48-92-C-b
Cầu Vối	KX	xã Thành Vân	H. Thạch Thành	20° 08' 51"	105° 43' 34"					F-48-92-C-b
thôn Xóm Đầm	DC	xã Thành Vân	H. Thạch Thành	20° 07' 55"	105° 43' 31"					F-48-92-C-b
thôn Xóm Sắn	DC	xã Thành Vân	H. Thạch Thành	20° 08' 36"	105° 43' 37"					F-48-92-C-b
thôn Xóm Yên	DC	xã Thành Vân	H. Thạch Thành	20° 08' 31"	105° 43' 13"					F-48-92-C-b
thôn Yên Lão	DC	xã Thành Vân	H. Thạch Thành	20° 09' 34"	105° 43' 27"					F-48-92-C-b
cầu phao Thành Vinh	KX	xã Thành Vinh	H. Thạch Thành	20° 13' 33"	105° 35' 20"					F-48-92-C-a
thôn Anh Thành	DC	xã Thành Vinh	H. Thạch Thành	20° 14' 55"	105° 34' 52"					F-48-92-C-a
thôn Bãi Cháy	DC	xã Thành Vinh	H. Thạch Thành	20° 13' 17"	105° 36' 04"					F-48-92-C-a
Sông Bưởi	TV	xã Thành Vinh	H. Thạch Thành			20° 22' 12"	105° 31' 26"	20° 01' 09"	105° 38' 06"	F-48-92-C-a
Núi Càng	SV	xã Thành Vinh	H. Thạch Thành	20° 14' 55"	105° 37' 02"					F-48-92-C-a
Suối Càng	TV	xã Thành Vinh	H. Thạch Thành			20° 13' 03"	105° 37' 44"	20° 14' 38"	105° 37' 26"	F-48-92-C-a
đồi Cây Đa	SV	xã Thành Vinh	H. Thạch Thành	20° 14' 24"	105° 35' 44"					F-48-92-C-a
thôn Cự Nhan	DC	xã Thành Vinh	H. Thạch Thành	20° 14' 35"	105° 34' 48"					F-48-92-C-a
núi Đá Bói	SV	xã Thành Vinh	H. Thạch Thành	20° 14' 37"	105° 36' 45"					F-48-92-C-a
núi Đá Lở	SV	xã Thành Vinh	H. Thạch Thành	20° 14' 58"	105° 35' 52"					F-48-92-C-a
thôn Hồi Phú	DC	xã Thành Vinh	H. Thạch Thành	20° 12' 47"	105° 36' 32"					F-48-92-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
đồi Hón Măng	SV	xã Thành Vinh	H. Thạch Thành	20° 13' 35"	105° 36' 20"					F-48-92-C-a
thôn Lộc Phượng 1	DC	xã Thành Vinh	H. Thạch Thành	20° 13' 44"	105° 35' 38"					F-48-92-C-a
thôn Lộc Phượng 2	DC	xã Thành Vinh	H. Thạch Thành	20° 13' 34"	105° 35' 55"					F-48-92-C-a
thôn Mỹ Lợi	DC	xã Thành Vinh	H. Thạch Thành	20° 14' 28"	105° 36' 19"					F-48-92-C-a
thôn Phượng Long	DC	xã Thành Vinh	H. Thạch Thành	20° 14' 21"	105° 35' 11"					F-48-92-C-a
thôn Quyết Thắng	DC	xã Thành Vinh	H. Thạch Thành	20° 14' 27"	105° 35' 00"					F-48-92-C-a
thôn Tân Thành	DC	xã Thành Vinh	H. Thạch Thành	20° 14' 03"	105° 35' 43"					F-48-92-C-a
suối Áng Que	TV	xã Thành Yên	H. Thạch Thành			20° 16' 36"	105° 33' 57"	20° 16' 59"	105° 34' 56"	F-48-92-A-c
núi Đầu Voi	SV	xã Thành Yên	H. Thạch Thành	20° 17' 27"	105° 34' 43"					F-48-92-A-c
thôn Đồng Thành 1	DC	xã Thành Yên	H. Thạch Thành	20° 16' 10"	105° 34' 19"					F-48-92-A-c
thôn Đồng Thành 2	DC	xã Thành Yên	H. Thạch Thành	20° 16' 12"	105° 35' 03"					F-48-92-A-c
núi Gánh Trang	SV	xã Thành Yên	H. Thạch Thành	20° 17' 06"	105° 36' 30"					F-48-92-A-c
Núi Giếng	SV	xã Thành Yên	H. Thạch Thành	20° 15' 44"	105° 34' 53"					F-48-92-A-c
núi Hón Giã	SV	xã Thành Yên	H. Thạch Thành	20° 15' 43"	105° 35' 36"					F-48-92-A-c
núi Làng Cũ	SV	xã Thành Yên	H. Thạch Thành	20° 17' 51"	105° 34' 54"					F-48-92-A-c
đồi Lọc Cọc	SV	xã Thành Yên	H. Thạch Thành	20° 15' 56"	105° 34' 11"					F-48-92-A-c
núi Lóng The	SV	xã Thành Yên	H. Thạch Thành	20° 17' 20"	105° 35' 36"					F-48-92-A-c
núi Lóng Thụ	SV	xã Thành Yên	H. Thạch Thành	20° 17' 08"	105° 35' 29"					F-48-92-A-c
thôn Thành Tân	DC	xã Thành Yên	H. Thạch Thành	20° 15' 10"	105° 39' 13"					F-48-92-A-d
đập Thành Trung	KX	xã Thành Yên	H. Thạch Thành	20° 16' 12"	105° 36' 36"					F-48-92-A-c
thôn Thành Trung	DC	xã Thành Yên	H. Thạch Thành	20° 16' 36"	105° 36' 18"					F-48-92-A-c
Đồi Ven	SV	xã Thành Yên	H. Thạch Thành	20° 17' 48"	105° 33' 42"					F-48-92-A-c
thôn Yên Sơn 1	DC	xã Thành Yên	H. Thạch Thành	20° 16' 38"	105° 35' 38"					F-48-92-A-c
thôn Yên Sơn 2	DC	xã Thành Yên	H. Thạch Thành	20° 16' 38"	105° 35' 15"					F-48-92-A-c
tiểu khu 1	DC	TT. Vạn Hà	H. Thiệu Hoá	19° 53' 02"	105° 40' 28"					E-48-8-A-b
tiểu khu 2	DC	TT. Vạn Hà	H. Thiệu Hoá	19° 53' 10"	105° 40' 28"					E-48-8-A-b
tiểu khu 3	DC	TT. Vạn Hà	H. Thiệu Hoá	19° 53' 15"	105° 40' 25"					E-48-8-A-b
tiểu khu 4	DC	TT. Vạn Hà	H. Thiệu Hoá	19° 53' 14"	105° 40' 33"					E-48-8-A-b
tiểu khu 5	DC	TT. Vạn Hà	H. Thiệu Hoá	19° 53' 08"	105° 40' 39"					E-48-8-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
tiểu khu 6	DC	TT. Vạn Hà	H. Thiệu Hoá	19° 53' 03"	105° 40' 34"					E-48-8-A-b
tiểu khu 7	DC	TT. Vạn Hà	H. Thiệu Hoá	19° 53' 07"	105° 40' 38"					E-48-8-A-b
tiểu khu 8	DC	TT. Vạn Hà	H. Thiệu Hoá	19° 53' 12"	105° 40' 47"					E-48-8-A-b
tiểu khu 9	DC	TT. Vạn Hà	H. Thiệu Hoá	19° 53' 21"	105° 40' 50"					E-48-8-A-b
tiểu khu 10	DC	TT. Vạn Hà	H. Thiệu Hoá	19° 53' 22"	105° 40' 57"					E-48-8-A-b
tiểu khu 11	DC	TT. Vạn Hà	H. Thiệu Hoá	19° 53' 10"	105° 40' 54"					E-48-8-A-b
tiểu khu 12	DC	TT. Vạn Hà	H. Thiệu Hoá	19° 53' 27"	105° 40' 32"					E-48-8-A-b
quốc lộ 45	KX	TT. Vạn Hà	H. Thiệu Hoá			20° 10' 25"	105° 46' 47"	19° 48' 05"	105° 26' 03"	E-48-8-A-b
làng Chí Cẩn	DC	TT. Vạn Hà	H. Thiệu Hoá	19° 53' 10"	105° 40' 28"					E-48-8-A-b
Sông Chu	TV	TT. Vạn Hà	H. Thiệu Hoá			19° 55' 20"	105° 07' 59"	19° 53' 02"	105° 45' 23"	E-48-8-A-b
làng Dương Hoà	DC	TT. Vạn Hà	H. Thiệu Hoá	19° 53' 10"	105° 40' 54"					E-48-8-A-b
làng Kiến Hưng	DC	TT. Vạn Hà	H. Thiệu Hoá	19° 53' 08"	105° 40' 44"					E-48-8-A-b
cầu Thiệu Hoá	KX	TT. Vạn Hà	H. Thiệu Hoá	19° 52' 51"	105° 40' 38"					E-48-8-A-b
thôn Châu Giang	DC	xã Thiệu Châu	H. Thiệu Hoá	19° 52' 05"	105° 42' 51"					E-48-8-A-d
thôn Châu Long	DC	xã Thiệu Châu	H. Thiệu Hoá	19° 52' 05"	105° 42' 55"					E-48-8-A-d
thôn Châu Ngọc	DC	xã Thiệu Châu	H. Thiệu Hoá	19° 52' 05"	105° 43' 01"					E-48-8-A-d
thôn Châu Sơn	DC	xã Thiệu Châu	H. Thiệu Hoá	19° 52' 08"	105° 42' 57"					E-48-8-A-d
Sông Chu	TV	xã Thiệu Châu	H. Thiệu Hoá			19° 55' 20"	105° 07' 59"	19° 53' 02"	105° 45' 23"	E-48-8-A-d, E-48-8-A-b
làng Đắc Châu	DC	xã Thiệu Châu	H. Thiệu Hoá	19° 52' 05"	105° 42' 55"					E-48-8-A-d
thôn Phú Văn	DC	xã Thiệu Châu	H. Thiệu Hoá	19° 52' 14"	105° 42' 37"					E-48-8-A-d
thôn Sơn Lộc	DC	xã Thiệu Châu	H. Thiệu Hoá	19° 52' 07"	105° 42' 06"					E-48-8-A-d
thôn Sơn Phú	DC	xã Thiệu Châu	H. Thiệu Hoá	19° 52' 05"	105° 41' 55"					E-48-8-A-d
thôn Sơn Quý	DC	xã Thiệu Châu	H. Thiệu Hoá	19° 52' 03"	105° 41' 58"					E-48-8-A-d
thôn Sơn Thịnh	DC	xã Thiệu Châu	H. Thiệu Hoá	19° 52' 03"	105° 42' 02"					E-48-8-A-d
làng Thọ Sơn	DC	xã Thiệu Châu	H. Thiệu Hoá	19° 52' 07"	105° 42' 03"					E-48-8-A-d
thôn Yên Tân	DC	xã Thiệu Châu	H. Thiệu Hoá	19° 52' 16"	105° 42' 13"					E-48-8-A-d
thôn Dân Chính	DC	xã Thiệu Chính	H. Thiệu Hoá	19° 54' 04"	105° 36' 36"					E-48-8-A-a
thôn Dân Quyền	DC	xã Thiệu Chính	H. Thiệu Hoá	19° 53' 37"	105° 36' 28"					E-48-8-A-a
thôn Dân Sinh	DC	xã Thiệu Chính	H. Thiệu Hoá	19° 53' 47"	105° 36' 24"					E-48-8-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Dân Tài	DC	xã Thiệu Chính	H. Thiệu Hoá	19° 53' 33"	105° 35' 36"					E-48-8-A-a
thôn Dân Tiến	DC	xã Thiệu Chính	H. Thiệu Hoá	19° 53' 21"	105° 36' 22"					E-48-8-A-a
Sông Dừa	TV	xã Thiệu Chính	H. Thiệu Hoá			19° 55' 00"	105° 33' 59"	19° 51' 22"	105° 38' 24"	E-48-8-A-d, E-48-8-A-b
sông Nông Giang	TV	xã Thiệu Chính	H. Thiệu Hoá			19° 53' 46"	105° 22' 38"	19° 50' 04"	105° 42' 15"	E-48-8-A-a
thôn Quý Hai	DC	xã Thiệu Chính	H. Thiệu Hoá	19° 53' 17"	105° 35' 18"					E-48-8-A-a
thôn Quý Làng	DC	xã Thiệu Chính	H. Thiệu Hoá	19° 53' 31"	105° 35' 24"					E-48-8-A-a
thôn Quý Một	DC	xã Thiệu Chính	H. Thiệu Hoá	19° 53' 08"	105° 35' 10"					E-48-8-A-a
thôn Vượng Làng	DC	xã Thiệu Chính	H. Thiệu Hoá	19° 53' 37"	105° 36' 47"					E-48-8-A-a
thôn Vượng Trại	DC	xã Thiệu Chính	H. Thiệu Hoá	19° 53' 40"	105° 37' 06"					E-48-8-A-a
thôn Liên Minh	DC	xã Thiệu Công	H. Thiệu Hoá	19° 55' 13"	105° 39' 45"					E-48-8-A-b
thôn Lợi Thượng	DC	xã Thiệu Công	H. Thiệu Hoá	19° 55' 05"	105° 39' 40"					E-48-8-A-b
sông Mậu Khê	TV	xã Thiệu Công	H. Thiệu Hoá			19° 56' 28"	105° 37' 03"	19° 53' 05"	105° 44' 47"	E-48-8-A-b
thôn Nhân Mỹ	DC	xã Thiệu Công	H. Thiệu Hoá	19° 55' 25"	105° 39' 48"					E-48-8-A-b
làng Oanh Kiều	DC	xã Thiệu Công	H. Thiệu Hoá	19° 55' 48"	105° 39' 41"					E-48-8-A-b
thôn Oanh Kiều 1	DC	xã Thiệu Công	H. Thiệu Hoá	19° 55' 48"	105° 39' 41"					E-48-8-A-b
thôn Oanh Kiều 2	DC	xã Thiệu Công	H. Thiệu Hoá	19° 55' 40"	105° 39' 38"					E-48-8-A-b
thôn Phác Đồng	DC	xã Thiệu Công	H. Thiệu Hoá	19° 55' 57"	105° 39' 24"					E-48-8-A-b
thôn Thành Hưng	DC	xã Thiệu Công	H. Thiệu Hoá	19° 56' 08"	105° 39' 05"					E-48-8-A-b
thôn Xuân Quan 1	DC	xã Thiệu Công	H. Thiệu Hoá	19° 54' 41"	105° 39' 09"					E-48-8-A-b
thôn Xuân Quan 2	DC	xã Thiệu Công	H. Thiệu Hoá	19° 54' 31"	105° 39' 04"					E-48-8-A-b
làng Xuân Quang	DC	xã Thiệu Công	H. Thiệu Hoá	19° 54' 41"	105° 39' 09"					E-48-8-A-b
thôn 1	DC	xã Thiệu Đô	H. Thiệu Hoá	19° 52' 38"	105° 41' 00"					E-48-8-A-b
thôn 2	DC	xã Thiệu Đô	H. Thiệu Hoá	19° 51' 58"	105° 40' 46"					E-48-8-A-d
thôn 3	DC	xã Thiệu Đô	H. Thiệu Hoá	19° 52' 41"	105° 40' 45"					E-48-8-A-b
thôn 4	DC	xã Thiệu Đô	H. Thiệu Hoá	19° 52' 38"	105° 40' 53"					E-48-8-A-b
thôn 5	DC	xã Thiệu Đô	H. Thiệu Hoá	19° 52' 04"	105° 40' 40"					E-48-8-A-d
thôn 6	DC	xã Thiệu Đô	H. Thiệu Hoá	19° 52' 32"	105° 41' 07"					E-48-8-A-b
thôn 7	DC	xã Thiệu Đô	H. Thiệu Hoá	19° 52' 25"	105° 41' 16"					E-48-8-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn 8	DC	xã Thiệu Đô	H. Thiệu Hoá	19° 52' 23"	105° 41' 23"					E-48-8-A-d
thôn 9	DC	xã Thiệu Đô	H. Thiệu Hoá	19° 52' 20"	105° 41' 31"					E-48-8-A-d
thôn 10	DC	xã Thiệu Đô	H. Thiệu Hoá	19° 52' 18"	105° 41' 41"					E-48-8-A-d
quốc lộ 45	KX	xã Thiệu Đô	H. Thiệu Hoá			20° 10' 25"	105° 46' 47"	19° 48' 45"	105° 26' 03"	E-48-8-A-d, E-48-8-A-b
cầu B9	KX	xã Thiệu Đô	H. Thiệu Hoá	19° 52' 33"	105° 40' 42"					E-48-8-A-b
thôn Ba Chè	DC	xã Thiệu Đô	H. Thiệu Hoá	19° 52' 00"	105° 40' 36"					E-48-8-A-d
Sông Chu	TV	xã Thiệu Đô	H. Thiệu Hoá			19° 55' 20"	105° 07' 59"	19° 53' 02"	105° 45' 23"	E-48-8-A-b
làng Cổ Đô	DC	xã Thiệu Đô	H. Thiệu Hoá	19° 52' 33"	105° 41' 09"					E-48-8-A-b
làng Hồng Đô	DC	xã Thiệu Đô	H. Thiệu Hoá	19° 52' 23"	105° 41' 23"					E-48-8-A-d
Cầu Nắp	KX	xã Thiệu Đô	H. Thiệu Hoá	19° 52' 19"	105° 40' 40"					E-48-8-A-d
cầu Thiệu Hoá	KX	xã Thiệu Đô	H. Thiệu Hoá	19° 52' 51"	105° 40' 38"					E-48-8-A-b
làng Trà Thượng	DC	xã Thiệu Đô	H. Thiệu Hoá	19° 51' 51"	105° 40' 47"					E-48-8-A-d
Sông Chu	TV	xã Thiệu Duy	H. Thiệu Hoá			19° 55' 20"	105° 07' 59"	19° 53' 02"	105° 45' 23"	E-48-8-A-b
thôn Cự Khánh	DC	xã Thiệu Duy	H. Thiệu Hoá	19° 54' 26"	105° 43' 39"					E-48-8-A-b
thôn Đông Hoà	DC	xã Thiệu Duy	H. Thiệu Hoá	19° 55' 03"	105° 42' 53"					E-48-8-A-b
thôn Đồng Miên	DC	xã Thiệu Duy	H. Thiệu Hoá	19° 54' 44"	105° 42' 49"					E-48-8-A-b
làng Đông Mỹ	DC	xã Thiệu Duy	H. Thiệu Hoá	19° 54' 26"	105° 42' 16"					E-48-8-A-b
thôn Đông Mỹ 1	DC	xã Thiệu Duy	H. Thiệu Hoá	19° 54' 28"	105° 42' 08"					E-48-8-A-b
thôn Đông Mỹ 2	DC	xã Thiệu Duy	H. Thiệu Hoá	19° 54' 26"	105° 42' 19"					E-48-8-A-b
thôn Khánh Hội	DC	xã Thiệu Duy	H. Thiệu Hoá	19° 54' 35"	105° 41' 57"					E-48-8-A-b
sông Mậu Khê	TV	xã Thiệu Duy	H. Thiệu Hoá			19° 56' 28"	105° 37' 03"	19° 53' 05"	105° 44' 47"	E-48-8-A-b
thôn Phú Điền	DC	xã Thiệu Duy	H. Thiệu Hoá	19° 54' 16"	105° 43' 21"					E-48-8-A-b
làng Sử Nhân	DC	xã Thiệu Duy	H. Thiệu Hoá	19° 53' 34"	105° 42' 49"					E-48-8-A-b
thôn Sử Nhân 1	DC	xã Thiệu Duy	H. Thiệu Hoá	19° 53' 43"	105° 42' 45"					E-48-8-A-b
thôn Sử Nhân 2	DC	xã Thiệu Duy	H. Thiệu Hoá	19° 53' 34"	105° 42' 56"					E-48-8-A-b
thôn Sử Nhân 3	DC	xã Thiệu Duy	H. Thiệu Hoá	19° 53' 25"	105° 42' 43"					E-48-8-A-b
sông Cầu Chày	TV	xã Thiệu Giang	H. Thiệu Hoá			20° 06' 52"	105° 21' 58"	19° 57' 04"	105° 45' 41"	E-48-8-A-b
thôn Đa Lộc	DC	xã Thiệu Giang	H. Thiệu Hoá	19° 55' 52"	105° 42' 10"					E-48-8-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Đường Thôn	DC	xã Thiệu Giang	H. Thiệu Hoá	19° 55' 51"	105° 43' 50"					E-48-8-A-b
thôn Hưng Lâm	DC	xã Thiệu Giang	H. Thiệu Hoá	19° 55' 09"	105° 43' 45"					E-48-8-A-b
thôn Hưng Thôn	DC	xã Thiệu Giang	H. Thiệu Hoá	19° 55' 53"	105° 43' 30"					E-48-8-A-b
thôn Trung Thành	DC	xã Thiệu Giang	H. Thiệu Hoá	19° 55' 00"	105° 43' 15"					E-48-8-A-b
thôn Trung Thôn	DC	xã Thiệu Giang	H. Thiệu Hoá	19° 55' 43"	105° 42' 54"					E-48-8-A-b
thôn Vân Điền	DC	xã Thiệu Giang	H. Thiệu Hoá	19° 55' 47"	105° 42' 03"					E-48-8-A-b
thôn Vĩnh Xuân	DC	xã Thiệu Giang	H. Thiệu Hoá	19° 55' 47"	105° 42' 26"					E-48-8-A-b
thôn 1	DC	xã Thiệu Giao	H. Thiệu Hoá	19° 51' 06"	105° 44' 09"					E-48-8-A-d
thôn 2	DC	xã Thiệu Giao	H. Thiệu Hoá	19° 50' 49"	105° 43' 45"					E-48-8-A-d
thôn 3	DC	xã Thiệu Giao	H. Thiệu Hoá	19° 51' 08"	105° 44' 07"					E-48-8-A-d
thôn 4	DC	xã Thiệu Giao	H. Thiệu Hoá	19° 51' 05"	105° 44' 03"					E-48-8-A-d
thôn 5	DC	xã Thiệu Giao	H. Thiệu Hoá	19° 51' 06"	105° 43' 57"					E-48-8-A-d
thôn 6	DC	xã Thiệu Giao	H. Thiệu Hoá	19° 51' 05"	105° 43' 52"					E-48-8-A-d
thôn 7A	DC	xã Thiệu Giao	H. Thiệu Hoá	19° 51' 13"	105° 43' 45"					E-48-8-A-d
thôn 7B	DC	xã Thiệu Giao	H. Thiệu Hoá	19° 50' 57"	105° 43' 29"					E-48-8-A-d
thôn 8	DC	xã Thiệu Giao	H. Thiệu Hoá	19° 51' 22"	105° 43' 40"					E-48-8-A-d
thôn 9	DC	xã Thiệu Giao	H. Thiệu Hoá	19° 51' 44"	105° 44' 01"					E-48-8-A-d
thôn 10	DC	xã Thiệu Giao	H. Thiệu Hoá	19° 51' 17"	105° 43' 41"					E-48-8-A-d
thôn 11	DC	xã Thiệu Giao	H. Thiệu Hoá	19° 51' 26"	105° 43' 32"					E-48-8-A-d
thôn 12	DC	xã Thiệu Giao	H. Thiệu Hoá	19° 51' 25"	105° 43' 23"					E-48-8-A-d
thôn 13	DC	xã Thiệu Giao	H. Thiệu Hoá	19° 51' 23"	105° 43' 17"					E-48-8-A-d
thôn 14	DC	xã Thiệu Giao	H. Thiệu Hoá	19° 51' 22"	105° 43' 11"					E-48-8-A-d
thôn 15	DC	xã Thiệu Giao	H. Thiệu Hoá	19° 51' 24"	105° 43' 02"					E-48-8-A-d
làng Bái Giao	DC	xã Thiệu Giao	H. Thiệu Hoá	19° 51' 22"	105° 43' 40"					E-48-8-A-d
làng Đại Bái	DC	xã Thiệu Giao	H. Thiệu Hoá	19° 51' 22"	105° 43' 21"					E-48-8-A-d
thôn Dân Ái	DC	xã Thiệu Hoà	H. Thiệu Hoá	19° 53' 03"	105° 36' 30"					E-48-8-A-a
thôn Dân Hoà	DC	xã Thiệu Hoà	H. Thiệu Hoá	19° 52' 39"	105° 36' 14"					E-48-8-A-a
Sông Dừa	TV	xã Thiệu Hoà	H. Thiệu Hoá			19° 55' 00"	105° 33' 59"	19° 51' 22"	105° 38' 24"	E-48-8-A-d, E-48-8-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Hồ Mật	TV	xã Thiệu Hoà	H. Thiệu Hoá	19° 52' 46"	105° 36' 20"					E-48-8-A-a, E-48-8-A-c
thôn Thái Dương	DC	xã Thiệu Hoà	H. Thiệu Hoá	19° 53' 03"	105° 36' 55"					E-48-8-A-a
thôn Thái Hanh	DC	xã Thiệu Hoà	H. Thiệu Hoá	19° 52' 51"	105° 36' 50"					E-48-8-A-a
thôn Thái Hoà	DC	xã Thiệu Hoà	H. Thiệu Hoá	19° 52' 14"	105° 36' 27"					E-48-8-A-c
thôn Thái Khang	DC	xã Thiệu Hoà	H. Thiệu Hoá	19° 52' 21"	105° 36' 29"					E-48-8-A-c
xóm Trại Mai	DC	xã Thiệu Hoà	H. Thiệu Hoá	19° 52' 07"	105° 37' 03"					E-48-8-A-c
thôn Bắc Bằng	DC	xã Thiệu Hợp	H. Thiệu Hoá	19° 53' 29"	105° 44' 08"					E-48-8-A-b
thôn Chấn Long 1	DC	xã Thiệu Hợp	H. Thiệu Hoá	19° 59' 39"	105° 44' 28"					E-48-8-A-b
thôn Chấn Long 2	DC	xã Thiệu Hợp	H. Thiệu Hoá	19° 53' 45"	105° 44' 19"					E-48-8-A-b
Sông Chu	TV	xã Thiệu Hợp	H. Thiệu Hoá			19° 55' 20"	105° 07' 59"	19° 53' 02"	105° 45' 23"	E-48-8-A-b, E-48-8-B-a
thôn Hợp Thắng	DC	xã Thiệu Hợp	H. Thiệu Hoá	19° 54' 44"	105° 43' 57"					E-48-8-A-b
sông Mậu Khê	TV	xã Thiệu Hợp	H. Thiệu Hoá			19° 56' 28"	105° 37' 03"	19° 53' 05"	105° 44' 47"	E-48-8-A-b
thôn Nam Bằng 1	DC	xã Thiệu Hợp	H. Thiệu Hoá	19° 53' 22"	105° 44' 10"					E-48-8-A-b
thôn Nam Bằng 2	DC	xã Thiệu Hợp	H. Thiệu Hoá	19° 53' 34"	105° 44' 06"					E-48-8-A-b
thôn Quản Xá 1	DC	xã Thiệu Hợp	H. Thiệu Hoá	19° 53' 45"	105° 43' 20"					E-48-8-A-b
thôn Quản Xá 2	DC	xã Thiệu Hợp	H. Thiệu Hoá	19° 53' 38"	105° 43' 24"					E-48-8-A-b
thôn Thắng Long	DC	xã Thiệu Hợp	H. Thiệu Hoá	19° 54' 16"	105° 44' 20"					E-48-8-A-b
quốc lộ 45	KX	xã Thiệu Long	H. Thiệu Hoá			20° 10' 25"	105° 46' 47"	19° 48' 45"	105° 26' 03"	E-48-8-A-b
sông Cầu Chày	TV	xã Thiệu Long	H. Thiệu Hoá			20° 06' 52"	105° 21' 58"	19° 57' 04"	105° 45' 41"	E-48-8-A-b
thôn Đông Lỗ	DC	xã Thiệu Long	H. Thiệu Hoá	19° 55' 35"	105° 41' 36"					E-48-8-A-b
Xóm Dưới	DC	xã Thiệu Long	H. Thiệu Hoá	19° 56' 00"	105° 41' 29"					E-48-8-A-b
thôn Hưng Long	DC	xã Thiệu Long	H. Thiệu Hoá	19° 56' 03"	105° 40' 46"					E-48-8-A-b
Cầu Kịt	KX	xã Thiệu Long	H. Thiệu Hoá	19° 55' 22"	105° 40' 41"					E-48-8-A-b
sông Mậu Khê	TV	xã Thiệu Long	H. Thiệu Hoá			19° 56' 28"	105° 37' 03"	19° 53' 05"	105° 44' 47"	E-48-8-A-b
thôn Minh Đức	DC	xã Thiệu Long	H. Thiệu Hoá	19° 55' 18"	105° 40' 47"					E-48-8-A-b
thôn Phong Phú	DC	xã Thiệu Long	H. Thiệu Hoá	19° 56' 15"	105° 40' 41"					E-48-8-A-b
thôn Phú Lai	DC	xã Thiệu Long	H. Thiệu Hoá	19° 55' 43"	105° 41' 16"					E-48-8-A-b
thôn Thành Đạt	DC	xã Thiệu Long	H. Thiệu Hoá	19° 55' 01"	105° 41' 14"					E-48-8-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Tiên Long	DC	xã Thiệu Long	H. Thiệu Hoá	19° 56' 01"	105° 41' 12"					E-48-8-A-b
núi Tiên Nông	SV	xã Thiệu Long	H. Thiệu Hoá	19° 56' 37"	105° 41' 52"					E-48-8-A-b
thôn Tiên Nông	DC	xã Thiệu Long	H. Thiệu Hoá	19° 56' 00"	105° 41' 29"					E-48-8-A-b
Xóm Trại	DC	xã Thiệu Long	H. Thiệu Hoá	19° 55' 10"	105° 40' 39"					E-48-8-A-b
Xóm Trên	DC	xã Thiệu Long	H. Thiệu Hoá	19° 56' 13"	105° 41' 31"					E-48-8-A-b
thôn 1	DC	xã Thiệu Lý	H. Thiệu Hoá	19° 51' 47"	105° 40' 07"					E-48-8-A-d
thôn 2	DC	xã Thiệu Lý	H. Thiệu Hoá	19° 51' 48"	105° 39' 48"					E-48-8-A-d
thôn 3	DC	xã Thiệu Lý	H. Thiệu Hoá	19° 51' 49"	105° 39' 05"					E-48-8-A-d
thôn 4	DC	xã Thiệu Lý	H. Thiệu Hoá	19° 51' 48"	105° 39' 14"					E-48-8-A-d
thôn 5	DC	xã Thiệu Lý	H. Thiệu Hoá	19° 51' 34"	105° 39' 09"					E-48-8-A-d
thôn 6	DC	xã Thiệu Lý	H. Thiệu Hoá	19° 51' 22"	105° 39' 14"					E-48-8-A-d
thôn 7	DC	xã Thiệu Lý	H. Thiệu Hoá	19° 51' 15"	105° 39' 15"					E-48-8-A-d
thôn 8	DC	xã Thiệu Lý	H. Thiệu Hoá	19° 51' 13"	105° 39' 23"					E-48-8-A-d
thôn 9	DC	xã Thiệu Lý	H. Thiệu Hoá	19° 50' 55"	105° 39' 36"					E-48-8-A-d
sông Nông Giang	TV	xã Thiệu Lý	H. Thiệu Hoá			19° 53' 46"	105° 22' 38"	19° 50' 04"	105° 42' 15"	E-48-8-A-d
cầu Thiệu Lý	KX	xã Thiệu Lý	H. Thiệu Hoá	19° 51' 54"	105° 39' 43"					E-48-8-A-d
Sông Chu	TV	xã Thiệu Minh	H. Thiệu Hoá			19° 55' 20"	105° 07' 59"	19° 53' 02"	105° 45' 23"	E-48-8-A-a, E-48-8-A-b
thôn Đồng Bào	DC	xã Thiệu Minh	H. Thiệu Hoá	19° 54' 14"	105° 37' 12"					E-48-8-A-a
thôn Đồng Chí	DC	xã Thiệu Minh	H. Thiệu Hoá	19° 54' 11"	105° 37' 29"					E-48-8-A-b
thôn Đồng Minh	DC	xã Thiệu Minh	H. Thiệu Hoá	19° 53' 52"	105° 38' 22"					E-48-8-A-b
sông Nông Giang	TV	xã Thiệu Minh	H. Thiệu Hoá			19° 53' 46"	105° 22' 38"	19° 50' 04"	105° 42' 15"	E-48-8-A-a, E-48-8-A-b
sông Cầu Chày	TV	xã Thiệu Ngọc	H. Thiệu Hoá			20° 06' 52"	105° 21' 58"	19° 57' 04"	105° 45' 41"	E-48-8-A-a
thôn Chẩn Xuyên 1	DC	xã Thiệu Ngọc	H. Thiệu Hoá	19° 55' 09"	105° 35' 36"					E-48-8-A-a
thôn Chẩn Xuyên 2	DC	xã Thiệu Ngọc	H. Thiệu Hoá	19° 55' 24"	105° 35' 42"					E-48-8-A-a
Sông Chu	TV	xã Thiệu Ngọc	H. Thiệu Hoá			19° 55' 20"	105° 07' 59"	19° 53' 02"	105° 45' 23"	E-48-8-A-a
Chợ Lăng	KX	xã Thiệu Ngọc	H. Thiệu Hoá	19° 55' 44"	105° 36' 19"					E-48-8-A-a
thôn Làng Mới	DC	xã Thiệu Ngọc	H. Thiệu Hoá	19° 56' 34"	105° 36' 51"					E-48-8-A-a
thôn Ngọc Sơn	DC	xã Thiệu Ngọc	H. Thiệu Hoá	19° 56' 48"	105° 36' 49"					E-48-8-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Ngọc Thiện	DC	xã Thiệu Ngọc	H. Thiệu Hoá	19° 57' 10"	105° 36' 38"					E-48-8-A-a
thôn Tân Bình 1	DC	xã Thiệu Ngọc	H. Thiệu Hoá	19° 55' 43"	105° 36' 02"					E-48-8-A-a
thôn Tân Bình 2	DC	xã Thiệu Ngọc	H. Thiệu Hoá	19° 55' 51"	105° 36' 05"					E-48-8-A-a
thôn Thiện Phong	DC	xã Thiệu Ngọc	H. Thiệu Hoá	19° 56' 45"	105° 36' 13"					E-48-8-A-a
Sông Chu	TV	xã Thiệu Nguyên	H. Thiệu Hoá			19° 55' 20"	105° 07' 59"	19° 53' 02"	105° 45' 23"	E-48-8-A-b, E-48-8-A-d
thôn Nguyên Hưng	DC	xã Thiệu Nguyên	H. Thiệu Hoá	19° 53' 03"	105° 41' 43"					E-48-8-A-b
thôn Nguyên Lý	DC	xã Thiệu Nguyên	H. Thiệu Hoá	19° 52' 58"	105° 42' 21"					E-48-8-A-b
thôn Nguyên Sơn	DC	xã Thiệu Nguyên	H. Thiệu Hoá	19° 52' 57"	105° 41' 57"					E-48-8-A-b
thôn Nguyên Tân	DC	xã Thiệu Nguyên	H. Thiệu Hoá	19° 52' 57"	105° 41' 42"					E-48-8-A-b
thôn Nguyên Thắng	DC	xã Thiệu Nguyên	H. Thiệu Hoá	19° 53' 04"	105° 42' 30"					E-48-8-A-b
thôn Nguyên Thành	DC	xã Thiệu Nguyên	H. Thiệu Hoá	19° 52' 56"	105° 42' 14"					E-48-8-A-b
thôn Nguyên Thịnh	DC	xã Thiệu Nguyên	H. Thiệu Hoá	19° 52' 57"	105° 41' 48"					E-48-8-A-b
thôn Nguyên Tiến	DC	xã Thiệu Nguyên	H. Thiệu Hoá	19° 53' 04"	105° 41' 34"					E-48-8-A-b
thôn Nguyên Trung	DC	xã Thiệu Nguyên	H. Thiệu Hoá	19° 52' 57"	105° 42' 05"					E-48-8-A-b
quốc lộ 45	KX	xã Thiệu Phú	H. Thiệu Hoá			20° 10' 25"	105° 46' 47"	19° 48' 45"	105° 26' 03"	E-48-8-A-b
thôn Đình Tân 7	DC	xã Thiệu Phú	H. Thiệu Hoá	19° 53' 51"	105° 40' 10"					E-48-8-A-b
thôn Đình Tân 8	DC	xã Thiệu Phú	H. Thiệu Hoá	19° 53' 42"	105° 40' 06"					E-48-8-A-b
sông Mậu Khê	TV	xã Thiệu Phú	H. Thiệu Hoá			19° 56' 28"	105° 37' 03"	19° 53' 05"	105° 44' 47"	E-48-8-A-b
thôn Ngọc Tỉnh	DC	xã Thiệu Phú	H. Thiệu Hoá	19° 54' 42"	105° 40' 47"					E-48-8-A-b
thôn Phú Thịnh	DC	xã Thiệu Phú	H. Thiệu Hoá	19° 54' 38"	105° 40' 36"					E-48-8-A-b
thôn Thuận Tôn	DC	xã Thiệu Phú	H. Thiệu Hoá	19° 54' 35"	105° 40' 44"					E-48-8-A-b
thôn Tra Thôn 1	DC	xã Thiệu Phú	H. Thiệu Hoá	19° 54' 43"	105° 39' 59"					E-48-8-A-b
thôn Tra Thôn 2	DC	xã Thiệu Phú	H. Thiệu Hoá	19° 54' 40"	105° 40' 04"					E-48-8-A-b
thôn Vĩnh Điện	DC	xã Thiệu Phú	H. Thiệu Hoá	19° 54' 00"	105° 40' 51"					E-48-8-A-b
Làng Choán	DC	xã Thiệu Phúc	H. Thiệu Hoá	19° 53' 12"	105° 39' 01"					E-48-8-A-b
Sông Chu	TV	xã Thiệu Phúc	H. Thiệu Hoá			19° 55' 20"	105° 07' 59"	19° 53' 02"	105° 45' 23"	E-48-8-A-b
thôn Đoán Quyết Hạ	DC	xã Thiệu Phúc	H. Thiệu Hoá	19° 53' 12"	105° 39' 01"					E-48-8-A-b
thôn Đoán Quyết Thượng	DC	xã Thiệu Phúc	H. Thiệu Hoá	19° 53' 28"	105° 38' 39"					E-48-8-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Hoạch Phúc	DC	xã Thiệu Phúc	H. Thiệu Hoá	19° 54' 08"	105° 39' 50"					E-48-8-A-b
thôn Mật Thôn	DC	xã Thiệu Phúc	H. Thiệu Hoá	19° 53' 06"	105° 39' 35"					E-48-8-A-b
sông Mậu Khê	TV	xã Thiệu Phúc	H. Thiệu Hoá			19° 56' 28"	105° 37' 03"	19° 53' 05"	105° 44' 47"	E-48-8-A-b
thôn Vỹ Thôn	DC	xã Thiệu Phúc	H. Thiệu Hoá	19° 53' 32"	105° 39' 29"					E-48-8-A-b
thôn 1	DC	xã Thiệu Quang	H. Thiệu Hoá	19° 57' 03"	105° 45' 27"					E-48-8-B-a
thôn 2	DC	xã Thiệu Quang	H. Thiệu Hoá	19° 56' 57"	105° 45' 36"					E-48-8-B-a
thôn 3	DC	xã Thiệu Quang	H. Thiệu Hoá	19° 55' 56"	105° 45' 30"					E-48-8-B-a
thôn 4	DC	xã Thiệu Quang	H. Thiệu Hoá	19° 56' 00"	105° 45' 20"					E-48-8-B-a
thôn 5	DC	xã Thiệu Quang	H. Thiệu Hoá	19° 55' 47"	105° 44' 58"					E-48-8-A-b
thôn 6	DC	xã Thiệu Quang	H. Thiệu Hoá	19° 55' 35"	105° 45' 04"					E-48-8-B-a
thôn 7	DC	xã Thiệu Quang	H. Thiệu Hoá	19° 55' 23"	105° 45' 10"					E-48-8-B-a
thôn 8	DC	xã Thiệu Quang	H. Thiệu Hoá	19° 55' 17"	105° 45' 05"					E-48-8-B-a
thôn 9	DC	xã Thiệu Quang	H. Thiệu Hoá	19° 55' 14"	105° 45' 13"					E-48-8-B-a
thôn 10	DC	xã Thiệu Quang	H. Thiệu Hoá	19° 55' 09"	105° 45' 11"					E-48-8-B-a
thôn 11	DC	xã Thiệu Quang	H. Thiệu Hoá	19° 55' 15"	105° 44' 18"					E-48-8-A-b
sông Cầu Chày	TV	xã Thiệu Quang	H. Thiệu Hoá			20° 06' 52"	105° 21' 58"	19° 57' 04"	105° 45' 41"	E-48-8-B-a, E-48-8-A-b
làng Châu Trướng	DC	xã Thiệu Quang	H. Thiệu Hoá	19° 57' 02"	105° 45' 33"					E-48-8-B-a
Sông Mã	TV	xã Thiệu Quang	H. Thiệu Hoá			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	E-48-8-B-a
làng Nhân Cao	DC	xã Thiệu Quang	H. Thiệu Hoá	19° 55' 59"	105° 45' 22"					E-48-8-B-a
làng Trí Cường	DC	xã Thiệu Quang	H. Thiệu Hoá	19° 55' 22"	105° 45' 08"					E-48-8-B-a
Đò Vàng	KX	xã Thiệu Quang	H. Thiệu Hoá	19° 56' 02"	105° 45' 48"					E-48-8-B-a
Sông Chu	TV	xã Thiệu Tâm	H. Thiệu Hoá			19° 55' 20"	105° 07' 59"	19° 53' 02"	105° 45' 23"	E-48-8-A-b
thôn Đồng Tâm	DC	xã Thiệu Tâm	H. Thiệu Hoá	19° 53' 20"	105° 38' 14"					E-48-8-A-b
thôn Đồng Thanh	DC	xã Thiệu Tâm	H. Thiệu Hoá	19° 52' 56"	105° 38' 49"					E-48-8-A-b
thôn Đồng Tiến 1	DC	xã Thiệu Tâm	H. Thiệu Hoá	19° 53' 04"	105° 38' 08"					E-48-8-A-b
thôn Đồng Tiến 2	DC	xã Thiệu Tâm	H. Thiệu Hoá	19° 53' 11"	105° 38' 06"					E-48-8-A-b
Sông Dừa	TV	xã Thiệu Tâm	H. Thiệu Hoá			19° 55' 00"	105° 33' 59"	19° 51' 22"	105° 38' 24"	E-48-8-A-d, E-48-8-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
sông Nông Giang	TV	xã Thiệu Tâm	H. Thiệu Hoá			19° 53' 46"	105° 22' 38"	19° 50' 04"	105° 42' 15"	E-48-8-A-a, E-48-8-A-b
thôn Thái Bình	DC	xã Thiệu Tâm	H. Thiệu Hoá	19° 52' 46"	105° 37' 25"					E-48-8-A-a
thôn Thái Lai	DC	xã Thiệu Tâm	H. Thiệu Hoá	19° 52' 37"	105° 37' 42"					E-48-8-A-b
thôn Thái Ninh	DC	xã Thiệu Tâm	H. Thiệu Hoá	19° 53' 05"	105° 37' 36"					E-48-8-A-b
thôn Thái Sơn	DC	xã Thiệu Tâm	H. Thiệu Hoá	19° 52' 42"	105° 37' 53"					E-48-8-A-b
Cầu Trắng	KX	xã Thiệu Tâm	H. Thiệu Hoá	19° 53' 34"	105° 37' 52"					E-48-8-A-b
thôn 1	DC	xã Thiệu Tân	H. Thiệu Hoá	19° 52' 51"	105° 43' 47"					E-48-8-A-b
thôn 2	DC	xã Thiệu Tân	H. Thiệu Hoá	19° 52' 38"	105° 43' 27"					E-48-8-A-b
thôn 3	DC	xã Thiệu Tân	H. Thiệu Hoá	19° 52' 44"	105° 43' 23"					E-48-8-A-b
thôn 4	DC	xã Thiệu Tân	H. Thiệu Hoá	19° 52' 45"	105° 43' 08"					E-48-8-A-b
thôn 5	DC	xã Thiệu Tân	H. Thiệu Hoá	19° 52' 26"	105° 43' 26"					E-48-8-A-d
Sông Chu	TV	xã Thiệu Tân	H. Thiệu Hoá			19° 55' 20"	105° 07' 59"	19° 53' 02"	105° 45' 23"	E-48-8-A-b, E-48-8-A-d
Núi Đọ	SV	xã Thiệu Tân	H. Thiệu Hoá	19° 52' 29"	105° 43' 48"					E-48-8-A-b
làng Tân Giang	DC	xã Thiệu Tân	H. Thiệu Hoá	19° 52' 51"	105° 43' 51"					E-48-8-A-b
làng Tân Thắng	DC	xã Thiệu Tân	H. Thiệu Hoá	19° 52' 39"	105° 43' 22"					E-48-8-A-b
làng Tân Trung	DC	xã Thiệu Tân	H. Thiệu Hoá	19° 52' 45"	105° 43' 20"					E-48-8-A-b
sông Cầu Chày	TV	xã Thiệu Thành	H. Thiệu Hoá			20° 06' 52"	105° 21' 58"	19° 57' 04"	105° 45' 41"	E-48-8-A-b
sông Mậu Khê	TV	xã Thiệu Thành	H. Thiệu Hoá			19° 56' 28"	105° 37' 03"	19° 53' 05"	105° 44' 47"	E-48-8-A-b, E-48-8-A-a
thôn Thành Bảo	DC	xã Thiệu Thành	H. Thiệu Hoá	19° 55' 37"	105° 38' 51"					E-48-8-A-b
thôn Thành Đông	DC	xã Thiệu Thành	H. Thiệu Hoá	19° 55' 24"	105° 38' 56"					E-48-8-A-b
thôn Thành Đức	DC	xã Thiệu Thành	H. Thiệu Hoá	19° 55' 49"	105° 38' 32"					E-48-8-A-b
thôn Thành Giang	DC	xã Thiệu Thành	H. Thiệu Hoá	19° 56' 16"	105° 38' 31"					E-48-8-A-b
thôn Thành Sơn	DC	xã Thiệu Thành	H. Thiệu Hoá	19° 55' 40"	105° 38' 01"					E-48-8-A-b
thôn Thành Thiện	DC	xã Thiệu Thành	H. Thiệu Hoá	19° 55' 48"	105° 38' 08"					E-48-8-A-b
thôn Thành Thượng	DC	xã Thiệu Thành	H. Thiệu Hoá	19° 55' 25"	105° 38' 29"					E-48-8-A-b
thôn Thành Tiến	DC	xã Thiệu Thành	H. Thiệu Hoá	19° 55' 38"	105° 38' 31"					E-48-8-A-b
Sông Chu	TV	xã Thiệu Thịnh	H. Thiệu Hoá			19° 55' 20"	105° 07' 59"	19° 53' 02"	105° 45' 23"	E-48-8-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Đương Phong	DC	xã Thiệu Thịnh	H. Thiệu Hoá	19° 54' 14"	105° 45' 32"					E-48-8-B-a
Sông Mã	TV	xã Thiệu Thịnh	H. Thiệu Hoá			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	E-48-8-B-a
Đò Phùng	KX	xã Thiệu Thịnh	H. Thiệu Hoá	19° 54' 15"	105° 45' 43"					E-48-8-B-a
thôn Phùng Thôn 1	DC	xã Thiệu Thịnh	H. Thiệu Hoá	19° 54' 11"	105° 45' 24"					E-48-8-B-a
thôn Phùng Thôn 2	DC	xã Thiệu Thịnh	H. Thiệu Hoá	19° 54' 05"	105° 45' 13"					E-48-8-B-a
thôn Phùng Thôn 3	DC	xã Thiệu Thịnh	H. Thiệu Hoá	19° 54' 11"	105° 45' 12"					E-48-8-B-a
thôn Phùng Thôn 4	DC	xã Thiệu Thịnh	H. Thiệu Hoá	19° 54' 04"	105° 45' 24"					E-48-8-B-a
Sông Chu	TV	xã Thiệu Tiến	H. Thiệu Hoá			19° 55' 20"	105° 07' 59"	19° 53' 02"	105° 45' 23"	E-48-8-A-a, E-48-8-A-b
sông Mậu Khê	TV	xã Thiệu Tiến	H. Thiệu Hoá			19° 56' 28"	105° 37' 03"	19° 53' 05"	105° 44' 47"	E-48-8-A-b
làng Phúc Lộc	DC	xã Thiệu Tiến	H. Thiệu Hoá	19° 54' 37"	105° 37' 40"					E-48-8-A-b
thôn Phúc Lộc 1	DC	xã Thiệu Tiến	H. Thiệu Hoá	19° 54' 37"	105° 37' 40"					E-48-8-A-b
thôn Phúc Lộc 2	DC	xã Thiệu Tiến	H. Thiệu Hoá	19° 54' 36"	105° 37' 52"					E-48-8-A-b
làng Quan Trung	DC	xã Thiệu Tiến	H. Thiệu Hoá	19° 54' 13"	105° 38' 37"					E-48-8-A-b
thôn Quan Trung 1	DC	xã Thiệu Tiến	H. Thiệu Hoá	19° 54' 20"	105° 38' 30"					E-48-8-A-b
thôn Quan Trung 2	DC	xã Thiệu Tiến	H. Thiệu Hoá	19° 54' 13"	105° 38' 37"					E-48-8-A-b
thôn Quan Trung 3	DC	xã Thiệu Tiến	H. Thiệu Hoá	19° 54' 05"	105° 38' 45"					E-48-8-A-b
Sông Chu	TV	xã Thiệu Toán	H. Thiệu Hoá			19° 55' 20"	105° 07' 59"	19° 53' 02"	105° 45' 23"	E-48-8-A-a
Sông Dừa	TV	xã Thiệu Toán	H. Thiệu Hoá			19° 55' 00"	105° 33' 59"	19° 51' 22"	105° 38' 24"	E-48-8-A-d, E-48-8-A-b
Cầu Kè	KX	xã Thiệu Toán	H. Thiệu Hoá	19° 54' 32"	105° 35' 51"					E-48-8-A-a
sông Nông Giang	TV	xã Thiệu Toán	H. Thiệu Hoá			19° 53' 46"	105° 22' 38"	19° 50' 04"	105° 42' 15"	E-48-8-A-a
thôn Toán Hàng	DC	xã Thiệu Toán	H. Thiệu Hoá	19° 54' 25"	105° 35' 58"					E-48-8-A-a
thôn Toán Phúc	DC	xã Thiệu Toán	H. Thiệu Hoá	19° 54' 45"	105° 36' 01"					E-48-8-A-a
thôn Toán Thắng	DC	xã Thiệu Toán	H. Thiệu Hoá	19° 54' 03"	105° 35' 25"					E-48-8-A-a
thôn Toán Thành	DC	xã Thiệu Toán	H. Thiệu Hoá	19° 54' 20"	105° 36' 18"					E-48-8-A-a
thôn Toán Thọ	DC	xã Thiệu Toán	H. Thiệu Hoá	19° 55' 19"	105° 36' 15"					E-48-8-A-a
thôn Toán Tỵ	DC	xã Thiệu Toán	H. Thiệu Hoá	19° 54' 30"	105° 36' 09"					E-48-8-A-a
thôn 1	DC	xã Thiệu Trung	H. Thiệu Hoá	19° 51' 31"	105° 40' 37"					E-48-8-A-d
thôn 2	DC	xã Thiệu Trung	H. Thiệu Hoá	19° 51' 12"	105° 40' 32"					E-48-8-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn 3	DC	xã Thiệu Trung	H. Thiệu Hoá	19° 51' 04"	105° 40' 46"					E-48-8-A-d
thôn 4	DC	xã Thiệu Trung	H. Thiệu Hoá	19° 51' 05"	105° 40' 57"					E-48-8-A-d
thôn 5	DC	xã Thiệu Trung	H. Thiệu Hoá	19° 51' 18"	105° 40' 47"					E-48-8-A-d
thôn 6	DC	xã Thiệu Trung	H. Thiệu Hoá	19° 51' 13"	105° 41' 02"					E-48-8-A-d
quốc lộ 45	KX	xã Thiệu Trung	H. Thiệu Hoá			20° 10' 25"	105° 46' 47"	19° 48' 45"	105° 26' 03"	E-48-8-A-d
sông Nhà Lê	TV	xã Thiệu Trung	H. Thiệu Hoá			19° 51' 19"	105° 40' 40"	19° 47' 53"	105° 47' 13"	E-48-8-A-d
sông Nông Giang	TV	xã Thiệu Trung	H. Thiệu Hoá			19° 53' 46"	105° 22' 38"	19° 50' 04"	105° 42' 15"	E-48-8-A-d
thôn 1	DC	xã Thiệu Vận	H. Thiệu Hoá	19° 51' 44"	105° 40' 13"					E-48-8-A-d
thôn 2	DC	xã Thiệu Vận	H. Thiệu Hoá	19° 51' 55"	105° 40' 01"					E-48-8-A-d
thôn 3	DC	xã Thiệu Vận	H. Thiệu Hoá	19° 51' 56"	105° 39' 53"					E-48-8-A-d
thôn 4	DC	xã Thiệu Vận	H. Thiệu Hoá	19° 51' 57"	105° 39' 46"					E-48-8-A-d
thôn 5	DC	xã Thiệu Vận	H. Thiệu Hoá	19° 52' 33"	105° 39' 21"					E-48-8-A-b
thôn 6	DC	xã Thiệu Vận	H. Thiệu Hoá	19° 52' 39"	105° 39' 30"					E-48-8-A-b
cầu Thiệu Lý	KX	xã Thiệu Vận	H. Thiệu Hoá	19° 51' 54"	105° 39' 43"					E-48-8-A-d
Sông Chu	TV	xã Thiệu Vận	H. Thiệu Hoá			19° 55' 20"	105° 07' 59"	19° 53' 02"	105° 45' 23"	E-48-8-A-b
thôn Lạc Đô	DC	xã Thiệu Vận	H. Thiệu Hoá	19° 52' 41"	105° 39' 58"					E-48-8-A-b
sông Nông Giang	TV	xã Thiệu Vận	H. Thiệu Hoá			19° 53' 46"	105° 22' 38"	19° 50' 04"	105° 42' 15"	E-48-8-A-d
làng Quy Xá	DC	xã Thiệu Vận	H. Thiệu Hoá	19° 52' 37"	105° 39' 33"					E-48-8-A-b
làng Vận Quy	DC	xã Thiệu Vận	H. Thiệu Hoá	19° 51' 55"	105° 40' 01"					E-48-8-A-d
thôn 1	DC	xã Thiệu Viên	H. Thiệu Hoá	19° 52' 57"	105° 38' 19"					E-48-8-A-b
thôn 2	DC	xã Thiệu Viên	H. Thiệu Hoá	19° 52' 50"	105° 38' 43"					E-48-8-A-b
thôn 3	DC	xã Thiệu Viên	H. Thiệu Hoá	19° 52' 34"	105° 38' 47"					E-48-8-A-b
thôn 4	DC	xã Thiệu Viên	H. Thiệu Hoá	19° 52' 15"	105° 38' 55"					E-48-8-A-d
thôn 5	DC	xã Thiệu Viên	H. Thiệu Hoá	19° 52' 19"	105° 38' 54"					E-48-8-A-d
thôn 6	DC	xã Thiệu Viên	H. Thiệu Hoá	19° 52' 16"	105° 38' 49"					E-48-8-A-d
thôn 7	DC	xã Thiệu Viên	H. Thiệu Hoá	19° 51' 54"	105° 38' 50"					E-48-8-A-d
thôn 8	DC	xã Thiệu Viên	H. Thiệu Hoá	19° 51' 58"	105° 38' 37"					E-48-8-A-d
thôn 9	DC	xã Thiệu Viên	H. Thiệu Hoá	19° 51' 57"	105° 38' 25"					E-48-8-A-d
thôn 10	DC	xã Thiệu Viên	H. Thiệu Hoá	19° 52' 03"	105° 38' 15"					E-48-8-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn 11	DC	xã Thiệu Viên	H. Thiệu Hoá	19° 52' 26"	105° 38' 14"					E-48-8-A-d
Sông Dừa	TV	xã Thiệu Viên	H. Thiệu Hoá			19° 55' 00"	105° 33' 59"	19° 51' 22"	105° 38' 24"	E-48-8-A-d, E-48-8-A-b
làng Nguyệt Quang	DC	xã Thiệu Viên	H. Thiệu Hoá	19° 52' 19"	105° 38' 54"					E-48-8-A-d
sông Nông Giang	TV	xã Thiệu Viên	H. Thiệu Hoá			19° 53' 46"	105° 22' 38"	19° 50' 04"	105° 42' 15"	E-48-8-A-d, E-48-8-A-b
làng Phú Thứ	DC	xã Thiệu Viên	H. Thiệu Hoá	19° 52' 03"	105° 38' 15"					E-48-8-A-d
làng Viên Nội	DC	xã Thiệu Viên	H. Thiệu Hoá	19° 52' 19"	105° 39' 04"					E-48-8-A-d
thôn Cẩm Vân	DC	xã Thiệu Vũ	H. Thiệu Hoá	19° 55' 34"	105° 36' 53"					E-48-8-A-a
Sông Chu	TV	xã Thiệu Vũ	H. Thiệu Hoá			19° 55' 20"	105° 07' 59"	19° 53' 02"	105° 45' 23"	E-48-8-A-a
thôn Lam Đạt	DC	xã Thiệu Vũ	H. Thiệu Hoá	19° 54' 51"	105° 37' 04"					E-48-8-A-a
thôn Lam Vỹ	DC	xã Thiệu Vũ	H. Thiệu Hoá	19° 54' 44"	105° 37' 18"					E-48-8-A-a
sông Mậu Khê	TV	xã Thiệu Vũ	H. Thiệu Hoá			19° 56' 28"	105° 37' 03"	19° 53' 05"	105° 44' 47"	E-48-8-A-a, E-48-8-A-b
thôn Yên Lộ	DC	xã Thiệu Vũ	H. Thiệu Hoá	19° 55' 57"	105° 36' 32"					E-48-8-A-a
khu 1	DC	TT. Lam Sơn	H. Thọ Xuân	19° 54' 58"	105° 24' 36"					E-48-7-B-b
khu 2	DC	TT. Lam Sơn	H. Thọ Xuân	19° 54' 49"	105° 24' 32"					E-48-7-B-b
khu 3	DC	TT. Lam Sơn	H. Thọ Xuân	19° 54' 42"	105° 24' 07"					E-48-7-B-b
khu 4	DC	TT. Lam Sơn	H. Thọ Xuân	19° 54' 34"	105° 24' 20"					E-48-7-B-b
khu 5	DC	TT. Lam Sơn	H. Thọ Xuân	19° 54' 18"	105° 24' 11"					E-48-7-B-b
khu 6	DC	TT. Lam Sơn	H. Thọ Xuân	19° 53' 47"	105° 24' 14"					E-48-7-B-b
quốc lộ 47	KX	TT. Lam Sơn	H. Thọ Xuân			19° 44' 00"	105° 53' 56"	19° 53' 36"	105° 24' 14"	E-48-7-B-b
đường tỉnh 506	KX	TT. Lam Sơn	H. Thọ Xuân			19° 42' 19"	105° 41' 04"	19° 54' 50"	105° 24' 40"	E-48-7-B-b
đường tỉnh 507	KX	TT. Lam Sơn	H. Thọ Xuân			20° 03' 25"	104° 57' 40"	19° 54' 44"	105° 24' 14"	E-48-7-B-b
Sông Chu	TV	TT. Lam Sơn	H. Thọ Xuân			19° 55' 20"	105° 07' 59"	19° 53' 02"	105° 45' 23"	E-48-7-B-b
thôn Đoàn Kết	DC	TT. Lam Sơn	H. Thọ Xuân	19° 54' 12"	105° 24' 29"					E-48-7-B-b
đường Hồ Chí Minh	KX	TT. Lam Sơn	H. Thọ Xuân			20° 21' 59"	105° 31' 19"	19° 26' 37"	105° 26' 53"	E-48-7-B-b
thôn Lam Sơn	DC	TT. Lam Sơn	H. Thọ Xuân	19° 55' 17"	105° 24' 26"					E-48-7-B-b
Núi Mục	SV	TT. Lam Sơn	H. Thọ Xuân	19° 54' 55"	105° 23' 53"					E-48-7-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
cầu Mục Sơn	KX	TT. Lam Sơn	H. Thọ Xuân	19° 55' 07"	105° 24' 32"					E-48-7-B-b
sông Nông Giang	TV	TT. Lam Sơn	H. Thọ Xuân			19° 53' 46"	105° 22' 37"	19° 54' 41"	105° 32' 31"	E-48-7-B-b
xóm Son Đào	DC	TT. Lam Sơn	H. Thọ Xuân	19° 54' 06"	105° 25' 03"					E-48-7-B-b
khu 1	DC	TT. Sao Vàng	H. Thọ Xuân	19° 53' 27"	105° 27' 11"					E-48-7-B-b
khu 2	DC	TT. Sao Vàng	H. Thọ Xuân	19° 53' 30"	105° 27' 38"					E-48-7-B-b
khu 3	DC	TT. Sao Vàng	H. Thọ Xuân	19° 53' 19"	105° 27' 35"					E-48-7-B-b
khu 4	DC	TT. Sao Vàng	H. Thọ Xuân	19° 53' 19"	105° 27' 42"					E-48-7-B-b
khu 5	DC	TT. Sao Vàng	H. Thọ Xuân	19° 53' 05"	105° 27' 40"					E-48-7-B-b
khu 6	DC	TT. Sao Vàng	H. Thọ Xuân	19° 53' 19"	105° 27' 04"					E-48-7-B-b
quốc lộ 47	KX	TT. Sao Vàng	H. Thọ Xuân			19° 44' 00"	105° 53' 56"	19° 53' 36"	105° 24' 14"	E-48-7-B-b
Suối Chửa	TV	TT. Sao Vàng	H. Thọ Xuân			19° 52' 38"	105° 25' 49"	19° 53' 29"	105° 30' 12"	E-48-7-B-b
khu 1	DC	TT. Thọ Xuân	H. Thọ Xuân	19° 56' 07"	105° 30' 58"					E-48-8-A-a
khu 2	DC	TT. Thọ Xuân	H. Thọ Xuân	19° 56' 01"	105° 31' 01"					E-48-8-A-a
khu 3	DC	TT. Thọ Xuân	H. Thọ Xuân	19° 56' 12"	105° 31' 05"					E-48-8-A-a
khu 4	DC	TT. Thọ Xuân	H. Thọ Xuân	19° 56' 12"	105° 31' 23"					E-48-8-A-a
khu 5	DC	TT. Thọ Xuân	H. Thọ Xuân	19° 56' 07"	105° 31' 23"					E-48-8-A-a
khu 6	DC	TT. Thọ Xuân	H. Thọ Xuân	19° 55' 59"	105° 31' 12"					E-48-8-A-a
khu 7	DC	TT. Thọ Xuân	H. Thọ Xuân	19° 55' 45"	105° 31' 19"					E-48-8-A-a
khu 8	DC	TT. Thọ Xuân	H. Thọ Xuân	19° 55' 45"	105° 31' 12"					E-48-8-A-a
khu 9	DC	TT. Thọ Xuân	H. Thọ Xuân	19° 55' 31"	105° 31' 19"					E-48-8-A-a
đường tỉnh 506	KX	TT. Thọ Xuân	H. Thọ Xuân			19° 42' 19"	105° 41' 04"	19° 54' 50"	105° 24' 40"	E-48-8-A-a
cầu 3/2	KX	TT. Thọ Xuân	H. Thọ Xuân	19° 55' 35"	105° 31' 19"					E-48-8-A-a
Sông Chu	TV	TT. Thọ Xuân	H. Thọ Xuân			19° 55' 20"	105° 07' 59"	19° 53' 02"	105° 45' 23"	E-48-8-A-a
Chợ Phủ	KX	TT. Thọ Xuân	H. Thọ Xuân	19° 56' 09"	105° 30' 58"					E-48-8-A-a
Cầu Trắng	KX	TT. Thọ Xuân	H. Thọ Xuân	19° 55' 38"	105° 31' 01"					E-48-8-A-a
đường tỉnh 506	KX	xã Bắc Lương	H. Thọ Xuân			19° 42' 19"	105° 41' 04"	19° 54' 50"	105° 24' 40"	E-48-8-A-a
thôn Mỹ Hạ	DC	xã Bắc Lương	H. Thọ Xuân	19° 55' 15"	105° 32' 31"					E-48-8-A-a
thôn Mỹ Thượng 1	DC	xã Bắc Lương	H. Thọ Xuân	19° 55' 05"	105° 32' 08"					E-48-8-A-a
thôn Mỹ Thượng 2	DC	xã Bắc Lương	H. Thọ Xuân	19° 55' 03"	105° 32' 20"					E-48-8-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Mỹ Thượng 3	DC	xã Bắc Lương	H. Thọ Xuân	19° 55' 14"	105° 32' 22"					E-48-8-A-a
Chợ Neo	KX	xã Bắc Lương	H. Thọ Xuân	19° 55' 07"	105° 32' 10"					E-48-8-A-a
thôn Nhuế Thôn 1	DC	xã Bắc Lương	H. Thọ Xuân	19° 55' 17"	105° 32' 40"					E-48-8-A-a
thôn Nhuế Thôn 2	DC	xã Bắc Lương	H. Thọ Xuân	19° 55' 12"	105° 32' 45"					E-48-8-A-a
thôn Nhuế Thôn 3	DC	xã Bắc Lương	H. Thọ Xuân	19° 55' 08"	105° 32' 54"					E-48-8-A-a
sông Nông Giang	TV	xã Bắc Lương	H. Thọ Xuân			19° 53' 46"	105° 22' 38"	19° 50' 04"	105° 42' 15"	E-48-8-A-a
cầu Phúc Như	KX	xã Bắc Lương	H. Thọ Xuân	19° 54' 40"	105° 32' 46"					E-48-8-A-a
thôn Trung Thôn 1	DC	xã Bắc Lương	H. Thọ Xuân	19° 55' 09"	105° 32' 40"					E-48-8-A-a
thôn Trung Thôn 2	DC	xã Bắc Lương	H. Thọ Xuân	19° 55' 01"	105° 32' 43"					E-48-8-A-a
thôn Trung Thôn 3	DC	xã Bắc Lương	H. Thọ Xuân	19° 55' 01"	105° 32' 34"					E-48-8-A-a
thôn 1	DC	xã Hạnh Phúc	H. Thọ Xuân	19° 56' 17"	105° 31' 52"					E-48-8-A-a
thôn 2	DC	xã Hạnh Phúc	H. Thọ Xuân	19° 56' 17"	105° 31' 57"					E-48-8-A-a
thôn 3	DC	xã Hạnh Phúc	H. Thọ Xuân	19° 56' 19"	105° 32' 02"					E-48-8-A-a
thôn 4	DC	xã Hạnh Phúc	H. Thọ Xuân	19° 56' 15"	105° 32' 20"					E-48-8-A-a
thôn 5	DC	xã Hạnh Phúc	H. Thọ Xuân	19° 56' 16"	105° 32' 24"					E-48-8-A-a
thôn 6	DC	xã Hạnh Phúc	H. Thọ Xuân	19° 56' 19"	105° 32' 28"					E-48-8-A-a
thôn 7	DC	xã Hạnh Phúc	H. Thọ Xuân	19° 56' 20"	105° 32' 31"					E-48-8-A-a
thôn 8	DC	xã Hạnh Phúc	H. Thọ Xuân	19° 56' 23"	105° 32' 35"					E-48-8-A-a
thôn 9	DC	xã Hạnh Phúc	H. Thọ Xuân	19° 56' 24"	105° 32' 38"					E-48-8-A-a
đường tỉnh 515D	KX	xã Hạnh Phúc	H. Thọ Xuân			19° 56' 20"	105° 32' 08"	20° 00' 38"	105° 34' 14"	E-48-8-A-a
Sông Chu	TV	xã Hạnh Phúc	H. Thọ Xuân			19° 55' 20"	105° 07' 59"	19° 53' 02"	105° 45' 23"	E-48-8-A-a
làng Đồng Thôn	DC	xã Hạnh Phúc	H. Thọ Xuân	19° 56' 17"	105° 31' 52"					E-48-8-A-a
cầu Hạnh Phúc	KX	xã Hạnh Phúc	H. Thọ Xuân	19° 56' 37"	105° 31' 59"					E-48-8-A-a
làng Quân Bình	DC	xã Hạnh Phúc	H. Thọ Xuân	19° 56' 19"	105° 32' 28"					E-48-8-A-a
đường tỉnh 506	KX	xã Nam Giang	H. Thọ Xuân			19° 42' 19"	105° 41' 04"	19° 54' 50"	105° 24' 40"	E-48-8-A-a
thôn Cao Phong	DC	xã Nam Giang	H. Thọ Xuân	19° 54' 27"	105° 32' 31"					E-48-8-A-a
thôn Kim Bảng	DC	xã Nam Giang	H. Thọ Xuân	19° 54' 14"	105° 32' 31"					E-48-8-A-a
Kênh Nam	TV	xã Nam Giang	H. Thọ Xuân			19° 54' 41"	105° 32' 31"	19° 40' 11"	105° 42' 52"	E-48-8-A-a
sông Nông Giang	TV	xã Nam Giang	H. Thọ Xuân			19° 53' 46"	105° 22' 37"	19° 54' 41"	105° 32' 31"	E-48-8-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Phố Neo	DC	xã Nam Giang	H. Thọ Xuân	19° 54' 48"	105° 32' 19"					E-48-8-A-a
thôn Phong Lạc 2	DC	xã Nam Giang	H. Thọ Xuân	19° 54' 35"	105° 33' 04"					E-48-8-A-a
thôn Phong Lạc 3	DC	xã Nam Giang	H. Thọ Xuân	19° 54' 43"	105° 33' 07"					E-48-8-A-a
thôn Phong Lạc 4	DC	xã Nam Giang	H. Thọ Xuân	19° 54' 42"	105° 33' 18"					E-48-8-A-a
thôn Phú Gia	DC	xã Nam Giang	H. Thọ Xuân	19° 54' 36"	105° 32' 17"					E-48-8-A-a
thôn Phúc Hạ	DC	xã Nam Giang	H. Thọ Xuân	19° 54' 54"	105° 32' 20"					E-48-8-A-a
cầu Phúc Như	KX	xã Nam Giang	H. Thọ Xuân	19° 54' 40"	105° 32' 46"					E-48-8-A-a
thôn Phúc Như	DC	xã Nam Giang	H. Thọ Xuân	19° 54' 35"	105° 32' 29"					E-48-8-A-a
thôn Phúc Thượng	DC	xã Nam Giang	H. Thọ Xuân	19° 54' 50"	105° 32' 10"					E-48-8-A-a
thôn 1	DC	xã Phú Yên	H. Thọ Xuân	19° 57' 46"	105° 30' 18"					E-48-8-A-a
thôn 2	DC	xã Phú Yên	H. Thọ Xuân	19° 57' 44"	105° 30' 25"					E-48-8-A-a
thôn 3	DC	xã Phú Yên	H. Thọ Xuân	19° 57' 36"	105° 30' 29"					E-48-8-A-a
thôn 4	DC	xã Phú Yên	H. Thọ Xuân	19° 57' 24"	105° 30' 40"					E-48-8-A-a
thôn 5	DC	xã Phú Yên	H. Thọ Xuân	19° 57' 21"	105° 31' 05"					E-48-8-A-a
thôn 6	DC	xã Phú Yên	H. Thọ Xuân	19° 57' 38"	105° 31' 14"					E-48-8-A-a
thôn 7	DC	xã Phú Yên	H. Thọ Xuân	19° 57' 34"	105° 31' 23"					E-48-8-A-a
thôn 8	DC	xã Phú Yên	H. Thọ Xuân	19° 57' 16"	105° 30' 43"					E-48-8-A-a
thôn 9	DC	xã Phú Yên	H. Thọ Xuân	19° 57' 06"	105° 30' 50"					E-48-8-A-a
thôn 10	DC	xã Phú Yên	H. Thọ Xuân	19° 57' 05"	105° 30' 58"					E-48-8-A-a
kênh Bắc Sông Chu Nam Sông Mã	TV	xã Phú Yên	H. Thọ Xuân			19° 58' 54"	105° 29' 43"	19° 57' 35"	105° 35' 10"	E-48-8-A-a
Sông Chu	TV	xã Phú Yên	H. Thọ Xuân			19° 55' 20"	105° 07' 59"	19° 53' 02"	105° 45' 23"	E-48-8-A-a
thôn 1	DC	xã Quảng Phú	H. Thọ Xuân	20° 02' 01"	105° 27' 32"					F-48-91-D-d
thôn 2	DC	xã Quảng Phú	H. Thọ Xuân	20° 01' 05"	105° 27' 47"					F-48-91-D-d
thôn 3	DC	xã Quảng Phú	H. Thọ Xuân	20° 00' 57"	105° 27' 26"					F-48-91-D-d
thôn 4	DC	xã Quảng Phú	H. Thọ Xuân	20° 00' 31"	105° 27' 30"					F-48-91-D-d
thôn 5	DC	xã Quảng Phú	H. Thọ Xuân	19° 59' 50"	105° 28' 01"					E-48-7-B-b
thôn 6	DC	xã Quảng Phú	H. Thọ Xuân	19° 59' 43"	105° 29' 11"					E-48-7-B-b
thôn 7	DC	xã Quảng Phú	H. Thọ Xuân	19° 59' 56"	105° 29' 13"					E-48-7-B-b
thôn 8	DC	xã Quảng Phú	H. Thọ Xuân	19° 59' 26"	105° 29' 40"					E-48-7-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn 9	DC	xã Quảng Phú	H. Thọ Xuân	19° 59' 43"	105° 29' 28"					E-48-7-B-b
thôn 10	DC	xã Quảng Phú	H. Thọ Xuân	20° 00' 15"	105° 28' 55"					F-48-91-D-d
thôn 11	DC	xã Quảng Phú	H. Thọ Xuân	20° 00' 58"	105° 29' 21"					F-48-91-D-d
thôn 12	DC	xã Quảng Phú	H. Thọ Xuân	19° 59' 55"	105° 29' 35"					E-48-7-B-b
thôn 13	DC	xã Quảng Phú	H. Thọ Xuân	19° 59' 49"	105° 30' 07"					E-48-8-A-a
thôn 14	DC	xã Quảng Phú	H. Thọ Xuân	19° 59' 39"	105° 29' 38"					E-48-7-B-b
thôn 15	DC	xã Quảng Phú	H. Thọ Xuân	20° 00' 27"	105° 28' 52"					F-48-91-D-d
thôn 16	DC	xã Quảng Phú	H. Thọ Xuân	20° 00' 09"	105° 28' 50"					F-48-91-D-d
thôn 17	DC	xã Quảng Phú	H. Thọ Xuân	20° 00' 17"	105° 29' 05"					F-48-91-D-d
sông Cầu Chày	TV	xã Quảng Phú	H. Thọ Xuân			20° 06' 52"	105° 21' 58"	19° 57' 04"	105° 45' 41"	F-48-91-D-d, E-48-7-B-b, E-48-8-A-a
thôn 1	DC	xã Tây Hồ	H. Thọ Xuân	19° 55' 33"	105° 31' 37"					E-48-8-A-a
thôn 2	DC	xã Tây Hồ	H. Thọ Xuân	19° 55' 21"	105° 31' 37"					E-48-8-A-a
thôn 3	DC	xã Tây Hồ	H. Thọ Xuân	19° 55' 46"	105° 31' 46"					E-48-8-A-a
thôn 4	DC	xã Tây Hồ	H. Thọ Xuân	19° 55' 05"	105° 31' 30"					E-48-8-A-a
thôn 5	DC	xã Tây Hồ	H. Thọ Xuân	19° 54' 36"	105° 31' 37"					E-48-8-A-a
thôn 6	DC	xã Tây Hồ	H. Thọ Xuân	19° 54' 39"	105° 31' 52"					E-48-8-A-a
thôn 7	DC	xã Tây Hồ	H. Thọ Xuân	19° 54' 30"	105° 31' 40"					E-48-8-A-a
đường tỉnh 506	KX	xã Tây Hồ	H. Thọ Xuân			19° 42' 19"	105° 41' 04"	19° 54' 50"	105° 24' 40"	E-48-8-A-a
sông Nông Giang	TV	xã Tây Hồ	H. Thọ Xuân			19° 53' 46"	105° 22' 38"	19° 54' 41"	105° 32' 31"	E-48-8-A-a
thôn 1	DC	xã Thọ Diên	H. Thọ Xuân	19° 55' 48"	105° 27' 00"					E-48-7-B-b
thôn 2	DC	xã Thọ Diên	H. Thọ Xuân	19° 55' 51"	105° 27' 07"					E-48-7-B-b
thôn 3	DC	xã Thọ Diên	H. Thọ Xuân	19° 55' 56"	105° 27' 14"					E-48-7-B-b
thôn 4	DC	xã Thọ Diên	H. Thọ Xuân	19° 55' 55"	105° 28' 22"					E-48-7-B-b
thôn 5	DC	xã Thọ Diên	H. Thọ Xuân	19° 55' 53"	105° 27' 25"					E-48-7-B-b
thôn 6	DC	xã Thọ Diên	H. Thọ Xuân	19° 55' 51"	105° 27' 32"					E-48-7-B-b
thôn 7	DC	xã Thọ Diên	H. Thọ Xuân	19° 55' 47"	105° 27' 43"					E-48-7-B-b
thôn 8	DC	xã Thọ Diên	H. Thọ Xuân	19° 55' 48"	105° 27' 50"					E-48-7-B-b
thôn 9	DC	xã Thọ Diên	H. Thọ Xuân	19° 55' 45"	105° 28' 05"					E-48-7-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn 10	DC	xã Thọ Diên	H. Thọ Xuân	19° 55' 50"	105° 28' 23"					E-48-7-B-b
thôn 11	DC	xã Thọ Diên	H. Thọ Xuân	19° 55' 56"	105° 28' 23"					E-48-7-B-b
thôn 12	DC	xã Thọ Diên	H. Thọ Xuân	19° 56' 10"	105° 28' 16"					E-48-7-B-b
thôn 13	DC	xã Thọ Diên	H. Thọ Xuân	19° 55' 53"	105° 27' 00"					E-48-7-B-b
đường tỉnh 506	KX	xã Thọ Diên	H. Thọ Xuân			19° 42' 19"	105° 41' 04"	19° 54' 50"	105° 24' 40"	E-48-7-B-b
Sông Chu	TV	xã Thọ Diên	H. Thọ Xuân			19° 55' 20"	105° 07' 59"	19° 53' 02"	105° 45' 23"	E-48-7-B-b
sông Nông Giang	TV	xã Thọ Diên	H. Thọ Xuân			19° 53' 46"	105° 22' 38"	19° 54' 41"	105° 32' 31"	E-48-7-B-b
đường tỉnh 506	KX	xã Thọ Hải	H. Thọ Xuân			19° 42' 19"	105° 41' 04"	19° 54' 50"	105° 24' 40"	E-48-7-B-b
Sông Chu	TV	xã Thọ Hải	H. Thọ Xuân			19° 55' 20"	105° 07' 59"	19° 53' 02"	105° 45' 23"	E-48-7-B-b
thôn Công Thành	DC	xã Thọ Hải	H. Thọ Xuân	19° 56' 36"	105° 28' 31"					E-48-7-B-b
thôn Hải Khoát	DC	xã Thọ Hải	H. Thọ Xuân	19° 56' 29"	105° 28' 01"					E-48-7-B-b
thôn Hải Mậu	DC	xã Thọ Hải	H. Thọ Xuân	19° 56' 39"	105° 28' 00"					E-48-7-B-b
thôn Hải Tân	DC	xã Thọ Hải	H. Thọ Xuân	19° 56' 21"	105° 28' 19"					E-48-7-B-b
thôn Hương 1	DC	xã Thọ Hải	H. Thọ Xuân	19° 56' 46"	105° 28' 54"					E-48-7-B-b
thôn Hương 2	DC	xã Thọ Hải	H. Thọ Xuân	19° 56' 41"	105° 28' 44"					E-48-7-B-b
thôn Minh Hải	DC	xã Thọ Hải	H. Thọ Xuân	19° 56' 54"	105° 27' 50"					E-48-7-B-b
thôn Ngọc Thành	DC	xã Thọ Hải	H. Thọ Xuân	19° 56' 38"	105° 27' 48"					E-48-7-B-b
thôn Phấn Thôn	DC	xã Thọ Hải	H. Thọ Xuân	19° 56' 28"	105° 28' 48"					E-48-7-B-b
thôn 1	DC	xã Thọ Lâm	H. Thọ Xuân	19° 55' 08"	105° 25' 39"					E-48-7-B-b
thôn 2	DC	xã Thọ Lâm	H. Thọ Xuân	19° 55' 19"	105° 26' 06"					E-48-7-B-b
thôn 3	DC	xã Thọ Lâm	H. Thọ Xuân	19° 55' 24"	105° 26' 17"					E-48-7-B-b
thôn 4	DC	xã Thọ Lâm	H. Thọ Xuân	19° 55' 30"	105° 26' 31"					E-48-7-B-b
thôn 4A	DC	xã Thọ Lâm	H. Thọ Xuân	19° 53' 08"	105° 26' 20"					E-48-7-B-b
thôn 4B	DC	xã Thọ Lâm	H. Thọ Xuân	19° 53' 15"	105° 26' 13"					E-48-7-B-b
quốc lộ 47	KX	xã Thọ Lâm	H. Thọ Xuân			19° 44' 00"	105° 53' 56"	19° 53' 36"	105° 24' 14"	E-48-7-B-b
thôn 5	DC	xã Thọ Lâm	H. Thọ Xuân	19° 55' 40"	105° 26' 47"					E-48-7-B-b
thôn 5B	DC	xã Thọ Lâm	H. Thọ Xuân	19° 54' 26"	105° 26' 31"					E-48-7-B-b
đường tỉnh 506	KX	xã Thọ Lâm	H. Thọ Xuân			19° 42' 19"	105° 41' 04"	19° 54' 50"	105° 24' 40"	E-48-7-B-b
Núi Chẩu	SV	xã Thọ Lâm	H. Thọ Xuân	19° 53' 32"	105° 25' 35"					E-48-7-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Sông Chu	TV	xã Thọ Lâm	H. Thọ Xuân			19° 55' 20"	105° 07' 59"	19° 53' 02"	105° 45' 23"	E-48-7-B-b
Suối Chủa	TV	xã Thọ Lâm	H. Thọ Xuân			19° 52' 38"	105° 25' 49"	19° 53' 29"	105° 30' 12"	E-48-7-B-b
thôn Đá Vôi	DC	xã Thọ Lâm	H. Thọ Xuân	19° 53' 40"	105° 25' 48"					E-48-7-B-b
thôn Đăng Lâu	DC	xã Thọ Lâm	H. Thọ Xuân	19° 55' 08"	105° 26' 53"					E-48-7-B-b
làng Diên Hào	DC	xã Thọ Lâm	H. Thọ Xuân	19° 55' 40"	105° 26' 46"					E-48-7-B-b
thôn Điền Trạch	DC	xã Thọ Lâm	H. Thọ Xuân	19° 53' 55"	105° 26' 13"					E-48-7-B-b
sông Nông Giang	TV	xã Thọ Lâm	H. Thọ Xuân			19° 53' 46"	105° 22' 38"	19° 54' 41"	105° 32' 31"	E-48-7-B-b
thôn Quần Ngọc	DC	xã Thọ Lâm	H. Thọ Xuân	19° 55' 18"	105° 27' 05"					E-48-7-B-b
thôn Quyết Tâm	DC	xã Thọ Lâm	H. Thọ Xuân	19° 54' 44"	105° 24' 47"					E-48-7-B-b
thôn Tân Phúc	DC	xã Thọ Lâm	H. Thọ Xuân	19° 55' 00"	105° 26' 28"					E-48-7-B-b
thôn 1	DC	xã Thọ Lập	H. Thọ Xuân	19° 58' 53"	105° 27' 58"					E-48-7-B-b
thôn 2	DC	xã Thọ Lập	H. Thọ Xuân	19° 58' 36"	105° 28' 01"					E-48-7-B-b
thôn 3	DC	xã Thọ Lập	H. Thọ Xuân	19° 58' 14"	105° 28' 16"					E-48-7-B-b
thôn 4	DC	xã Thọ Lập	H. Thọ Xuân	19° 57' 46"	105° 28' 37"					E-48-7-B-b
thôn 5	DC	xã Thọ Lập	H. Thọ Xuân	19° 57' 56"	105° 28' 50"					E-48-7-B-b
thôn 6	DC	xã Thọ Lập	H. Thọ Xuân	19° 57' 52"	105° 29' 09"					E-48-7-B-b
thôn 7	DC	xã Thọ Lập	H. Thọ Xuân	19° 58' 06"	105° 29' 02"					E-48-7-B-b
thôn 8	DC	xã Thọ Lập	H. Thọ Xuân	19° 58' 50"	105° 28' 37"					E-48-7-B-b
Sông Chu	TV	xã Thọ Lập	H. Thọ Xuân			19° 55' 20"	105° 07' 59"	19° 53' 02"	105° 45' 23"	E-48-7-B-b
làng Yên Trường	DC	xã Thọ Lập	H. Thọ Xuân	19° 57' 56"	105° 28' 48"					E-48-7-B-b
thôn 1	DC	xã Thọ Lộc	H. Thọ Xuân	19° 54' 07"	105° 32' 46"					E-48-8-A-a
thôn 2	DC	xã Thọ Lộc	H. Thọ Xuân	19° 54' 04"	105° 32' 53"					E-48-8-A-a
thôn 5	DC	xã Thọ Lộc	H. Thọ Xuân	19° 53' 54"	105° 33' 02"					E-48-8-A-a
thôn 6	DC	xã Thọ Lộc	H. Thọ Xuân	19° 53' 47"	105° 33' 07"					E-48-8-A-a
thôn 7	DC	xã Thọ Lộc	H. Thọ Xuân	19° 53' 36"	105° 33' 07"					E-48-8-A-a
thôn 8	DC	xã Thọ Lộc	H. Thọ Xuân	19° 53' 30"	105° 33' 11"					E-48-8-A-a
thôn 9	DC	xã Thọ Lộc	H. Thọ Xuân	19° 53' 29"	105° 33' 07"					E-48-8-A-a
thôn 10	DC	xã Thọ Lộc	H. Thọ Xuân	19° 53' 23"	105° 33' 04"					E-48-8-A-a
thôn 11	DC	xã Thọ Lộc	H. Thọ Xuân	19° 53' 18"	105° 33' 04"					E-48-8-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn 12	DC	xã Thọ Lộc	H. Thọ Xuân	19° 53' 15"	105° 33' 11"					E-48-8-A-a
đường tỉnh 506	KX	xã Thọ Lộc	H. Thọ Xuân			19° 42' 19"	105° 41' 04"	19° 54' 50"	105° 24' 40"	E-48-8-A-a
Kênh Nam	TV	xã Thọ Lộc	H. Thọ Xuân			19° 54' 41"	105° 32' 31"	19° 40' 11"	105° 42' 52"	E-48-8-A-a
Sông Hoàng	TV	xã Thọ Lộc	H. Thọ Xuân			19° 54' 19"	105° 30' 00"	19° 44' 24"	105° 44' 42"	E-48-8-A-a
thôn 1	DC	xã Thọ Minh	H. Thọ Xuân	19° 57' 15"	105° 27' 43"					E-48-7-B-b
thôn 2	DC	xã Thọ Minh	H. Thọ Xuân	19° 57' 24"	105° 27' 33"					E-48-7-B-b
thôn 3	DC	xã Thọ Minh	H. Thọ Xuân	19° 57' 37"	105° 27' 45"					E-48-7-B-b
thôn 4	DC	xã Thọ Minh	H. Thọ Xuân	19° 57' 28"	105° 27' 50"					E-48-7-B-b
thôn 5	DC	xã Thọ Minh	H. Thọ Xuân	19° 57' 38"	105° 27' 59"					E-48-7-B-b
thôn 6	DC	xã Thọ Minh	H. Thọ Xuân	19° 57' 50"	105° 28' 08"					E-48-7-B-b
thôn 7	DC	xã Thọ Minh	H. Thọ Xuân	19° 57' 32"	105° 28' 12"					E-48-7-B-b
thôn 8	DC	xã Thọ Minh	H. Thọ Xuân	19° 57' 38"	105° 28' 19"					E-48-7-B-b
thôn 9	DC	xã Thọ Minh	H. Thọ Xuân	19° 57' 42"	105° 27' 39"					E-48-7-B-b
thôn 10	DC	xã Thọ Minh	H. Thọ Xuân	19° 57' 41"	105° 26' 46"					E-48-7-B-b
Sông Chu	TV	xã Thọ Minh	H. Thọ Xuân			19° 55' 20"	105° 07' 59"	19° 53' 02"	105° 45' 23"	E-48-7-B-b
làng Long Thịnh	DC	xã Thọ Minh	H. Thọ Xuân	19° 57' 38"	105° 27' 58"					E-48-7-B-b
sông Nhà Lê	TV	xã Thọ Minh	H. Thọ Xuân			19° 58' 18"	105° 25' 44"	19° 57' 27"	105° 26' 31"	E-48-7-B-b
Hón Thiên	TV	xã Thọ Minh	H. Thọ Xuân			19° 56' 42"	105° 25' 12"	19° 56' 58"	105° 27' 38"	E-48-7-B-b
làng Yên Lược	DC	xã Thọ Minh	H. Thọ Xuân	19° 57' 24"	105° 27' 32"					E-48-7-B-b
thôn Căng Bình	DC	xã Thọ Nguyên	H. Thọ Xuân	19° 55' 44"	105° 34' 26"					E-48-8-A-a
thôn Căng Nam	DC	xã Thọ Nguyên	H. Thọ Xuân	19° 55' 37"	105° 34' 33"					E-48-8-A-a
thôn Căng Thịnh	DC	xã Thọ Nguyên	H. Thọ Xuân	19° 55' 40"	105° 34' 26"					E-48-8-A-a
thôn Căng Trung	DC	xã Thọ Nguyên	H. Thọ Xuân	19° 55' 48"	105° 34' 19"					E-48-8-A-a
Sông Chu	TV	xã Thọ Nguyên	H. Thọ Xuân			19° 55' 20"	105° 07' 59"	19° 53' 02"	105° 45' 23"	E-48-8-A-a
thôn Đồng Dọc	DC	xã Thọ Nguyên	H. Thọ Xuân	19° 55' 41"	105° 34' 14"					E-48-8-A-a
Sông Dừa	TV	xã Thọ Nguyên	H. Thọ Xuân			19° 55' 00"	105° 33' 59"	19° 51' 22"	105° 38' 24"	E-48-8-A-a
thôn Liên Phô	DC	xã Thọ Nguyên	H. Thọ Xuân	19° 56' 25"	105° 33' 43"					E-48-8-A-a
sông Nông Giang	TV	xã Thọ Nguyên	H. Thọ Xuân			19° 53' 46"	105° 22' 38"	19° 50' 04"	105° 42' 15"	E-48-8-A-a
thôn Phong Bái	DC	xã Thọ Nguyên	H. Thọ Xuân	19° 55' 36"	105° 33' 43"					E-48-8-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Tiến Lập	DC	xã Thọ Nguyên	H. Thọ Xuân	19° 55' 08"	105° 34' 08"					E-48-8-A-a
thôn Vân Lộ	DC	xã Thọ Nguyên	H. Thọ Xuân	19° 56' 05"	105° 34' 12"					E-48-8-A-a
thôn 1	DC	xã Thọ Thắng	H. Thọ Xuân	19° 55' 38"	105° 35' 10"					E-48-8-A-a
thôn 2	DC	xã Thọ Thắng	H. Thọ Xuân	19° 55' 53"	105° 34' 52"					E-48-8-A-a
thôn 3	DC	xã Thọ Thắng	H. Thọ Xuân	19° 56' 03"	105° 34' 52"					E-48-8-A-a
thôn 4	DC	xã Thọ Thắng	H. Thọ Xuân	19° 56' 09"	105° 34' 48"					E-48-8-A-a
thôn 5	DC	xã Thọ Thắng	H. Thọ Xuân	19° 56' 10"	105° 34' 41"					E-48-8-A-a
thôn 6	DC	xã Thọ Thắng	H. Thọ Xuân	19° 56' 14"	105° 34' 37"					E-48-8-A-a
thôn 7	DC	xã Thọ Thắng	H. Thọ Xuân	19° 56' 40"	105° 34' 46"					E-48-8-A-a
thôn 8	DC	xã Thọ Thắng	H. Thọ Xuân	19° 56' 41"	105° 34' 41"					E-48-8-A-a
thôn 9	DC	xã Thọ Thắng	H. Thọ Xuân	19° 56' 39"	105° 34' 58"					E-48-8-A-a
sông Cầu Chày	TV	xã Thọ Thắng	H. Thọ Xuân			20° 06' 52"	105° 21' 58"	19° 57' 04"	105° 45' 41"	E-48-8-A-a
Sông Chu	TV	xã Thọ Thắng	H. Thọ Xuân			19° 55' 20"	105° 07' 59"	19° 53' 02"	105° 45' 23"	E-48-8-A-a
thôn Đại Thắng	DC	xã Thọ Thắng	H. Thọ Xuân	19° 59' 38"	105° 31' 52"					E-48-8-A-a
thôn Phú Vinh	DC	xã Thọ Thắng	H. Thọ Xuân	19° 59' 33"	105° 30' 47"					E-48-8-A-a
thôn Thọ Long	DC	xã Thọ Thắng	H. Thọ Xuân	19° 59' 25"	105° 30' 25"					E-48-8-A-a
quốc lộ 47	KX	xã Thọ Xương	H. Thọ Xuân			19° 44' 00"	105° 53' 56"	19° 53' 36"	105° 24' 14"	E-48-7-B-b
thôn 385	DC	xã Thọ Xương	H. Thọ Xuân	19° 53' 28"	105° 24' 14"					E-48-7-B-b
đường tỉnh 507	KX	xã Thọ Xương	H. Thọ Xuân			20° 03' 25"	104° 57' 40"	19° 54' 44"	105° 24' 14"	E-48-7-B-b
thôn 16A	DC	xã Thọ Xương	H. Thọ Xuân	19° 53' 55"	105° 25' 11"					E-48-7-B-b
thôn 16B	DC	xã Thọ Xương	H. Thọ Xuân	19° 53' 29"	105° 24' 44"					E-48-7-B-b
thôn Ca Lạc	DC	xã Thọ Xương	H. Thọ Xuân	19° 55' 15"	105° 23' 49"					E-48-7-B-b
Sông Chu	TV	xã Thọ Xương	H. Thọ Xuân			19° 55' 20"	105° 07' 59"	19° 53' 02"	105° 45' 23"	E-48-7-B-b
thôn Dụng Hoà	DC	xã Thọ Xương	H. Thọ Xuân	19° 55' 17"	105° 23' 24"					E-48-7-B-b
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Thọ Xương	H. Thọ Xuân			20° 21' 59"	105° 31' 19"	19° 26' 37"	105° 26' 53"	E-48-7-B-b
thôn Hữu Lễ 1	DC	xã Thọ Xương	H. Thọ Xuân	19° 54' 11"	105° 23' 17"					E-48-7-B-b
thôn Hữu Lễ 2	DC	xã Thọ Xương	H. Thọ Xuân	19° 54' 14"	105° 23' 13"					E-48-7-B-b
thôn Hữu Lễ 3	DC	xã Thọ Xương	H. Thọ Xuân	19° 54' 18"	105° 23' 24"					E-48-7-B-b
thôn Hữu Lễ 4	DC	xã Thọ Xương	H. Thọ Xuân	19° 54' 24"	105° 23' 20"					E-48-7-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Làng May	DC	xã Thọ Xương	H. Thọ Xuân	19° 54' 01"	105° 23' 31"					E-48-7-B-b
thôn Luận Văn 1	DC	xã Thọ Xương	H. Thọ Xuân	19° 54' 42"	105° 23' 10"					E-48-7-B-b
thôn Luận Văn 2	DC	xã Thọ Xương	H. Thọ Xuân	19° 55' 02"	105° 23' 20"					E-48-7-B-b
Núi Mục	SV	xã Thọ Xương	H. Thọ Xuân	19° 54' 55"	105° 23' 53"					E-48-7-B-b
thôn Mục Ngoại	DC	xã Thọ Xương	H. Thọ Xuân	19° 55' 10"	105° 24' 00"					E-48-7-B-b
sông Nông Giang	TV	xã Thọ Xương	H. Thọ Xuân			19° 53' 46"	105° 22' 38"	19° 54' 41"	105° 32' 31"	E-48-7-B-b
thôn Thủ Trinh	DC	xã Thọ Xương	H. Thọ Xuân	19° 55' 21"	105° 23' 06"					E-48-7-B-b
thôn Thuỷ Long	DC	xã Thọ Xương	H. Thọ Xuân	19° 55' 42"	105° 23' 46"					E-48-7-B-b
thôn 1	DC	xã Xuân Bái	H. Thọ Xuân	19° 53' 14"	105° 23' 20"					E-48-7-B-b
thôn 2	DC	xã Xuân Bái	H. Thọ Xuân	19° 53' 48"	105° 23' 10"					E-48-7-B-b
thôn 3	DC	xã Xuân Bái	H. Thọ Xuân	19° 54' 06"	105° 22' 57"					E-48-7-B-b
thôn 4	DC	xã Xuân Bái	H. Thọ Xuân	19° 54' 11"	105° 22' 46"					E-48-7-B-b
thôn 5	DC	xã Xuân Bái	H. Thọ Xuân	19° 54' 18"	105° 22' 48"					E-48-7-B-b
thôn 6	DC	xã Xuân Bái	H. Thọ Xuân	19° 54' 28"	105° 22' 48"					E-48-7-B-b
thôn 7	DC	xã Xuân Bái	H. Thọ Xuân	19° 54' 39"	105° 22' 48"					E-48-7-B-b
thôn 8	DC	xã Xuân Bái	H. Thọ Xuân	19° 54' 53"	105° 22' 41"					E-48-7-B-b
đường tỉnh 507	KX	xã Xuân Bái	H. Thọ Xuân			20° 03' 25"	104° 57' 40"	19° 54' 44"	105° 24' 14"	E-48-7-B-b
đập Bái Thượng	KX	xã Xuân Bái	H. Thọ Xuân	19° 53' 46"	105° 22' 37"					E-48-7-B-b
Sông Chu	TV	xã Xuân Bái	H. Thọ Xuân			19° 55' 20"	105° 07' 59"	19° 53' 02"	105° 45' 23"	E-48-7-B-a, E-48-7-B-b
thôn Minh Thành 1	DC	xã Xuân Bái	H. Thọ Xuân	19° 54' 03"	105° 22' 42"					E-48-7-B-b
thôn Minh Thành 2	DC	xã Xuân Bái	H. Thọ Xuân	19° 54' 02"	105° 22' 52"					E-48-7-B-b
sông Nông Giang	TV	xã Xuân Bái	H. Thọ Xuân			19° 53' 46"	105° 22' 38"	19° 54' 41"	105° 32' 31"	E-48-7-B-b
thôn Quyết Thắng 1	DC	xã Xuân Bái	H. Thọ Xuân	19° 53' 45"	105° 22' 48"					E-48-7-B-b
thôn Quyết Thắng 2	DC	xã Xuân Bái	H. Thọ Xuân	19° 53' 56"	105° 22' 41"					E-48-7-B-b
xóm 1	DC	xã Xuân Châu	H. Thọ Xuân	19° 57' 55"	105° 27' 28"					E-48-7-B-b
xóm 2	DC	xã Xuân Châu	H. Thọ Xuân	19° 59' 38"	105° 24' 44"					E-48-7-B-b
xóm 3	DC	xã Xuân Châu	H. Thọ Xuân	19° 58' 20"	105° 27' 13"					E-48-7-B-b
xóm 4	DC	xã Xuân Châu	H. Thọ Xuân	19° 58' 35"	105° 27' 25"					E-48-7-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm 5	DC	xã Xuân Châu	H. Thọ Xuân	19° 59' 04"	105° 27' 14"					E-48-7-B-b
xóm 6	DC	xã Xuân Châu	H. Thọ Xuân	19° 58' 43"	105° 26' 46"					E-48-7-B-b
xóm 7	DC	xã Xuân Châu	H. Thọ Xuân	19° 59' 12"	105° 27' 00"					E-48-7-B-b
xóm 8	DC	xã Xuân Châu	H. Thọ Xuân	19° 59' 25"	105° 26' 32"					E-48-7-B-b
xóm 9	DC	xã Xuân Châu	H. Thọ Xuân	19° 59' 35"	105° 26' 04"					E-48-7-B-b
xóm 10	DC	xã Xuân Châu	H. Thọ Xuân	19° 59' 56"	105° 25' 27"					E-48-7-B-b
xóm 11	DC	xã Xuân Châu	H. Thọ Xuân	19° 59' 22"	105° 25' 50"					E-48-7-B-b
xóm 12	DC	xã Xuân Châu	H. Thọ Xuân	19° 59' 57"	105° 25' 26"					E-48-7-B-b
núi Gô Tô	SV	xã Xuân Châu	H. Thọ Xuân	20° 00' 11"	105° 25' 34"					F-48-91-D-d
làng Vạn Lai Hạ	DC	xã Xuân Châu	H. Thọ Xuân	19° 58' 59"	105° 26' 53"					E-48-7-B-b
thôn 1	DC	xã Xuân Giang	H. Thọ Xuân	19° 55' 09"	105° 30' 58"					E-48-8-A-a
thôn 2	DC	xã Xuân Giang	H. Thọ Xuân	19° 55' 02"	105° 30' 43"					E-48-8-A-a
thôn 3	DC	xã Xuân Giang	H. Thọ Xuân	19° 55' 03"	105° 30' 32"					E-48-8-A-a
thôn 4	DC	xã Xuân Giang	H. Thọ Xuân	19° 55' 06"	105° 30' 14"					E-48-8-A-a
thôn 5	DC	xã Xuân Giang	H. Thọ Xuân	19° 55' 01"	105° 30' 11"					E-48-8-A-a
thôn 6	DC	xã Xuân Giang	H. Thọ Xuân	19° 55' 01"	105° 30' 02"					E-48-8-A-a
thôn 7	DC	xã Xuân Giang	H. Thọ Xuân	19° 55' 01"	105° 29' 42"					E-48-7-B-b
thôn 8	DC	xã Xuân Giang	H. Thọ Xuân	19° 55' 00"	105° 29' 28"					E-48-7-B-b
thôn 9	DC	xã Xuân Giang	H. Thọ Xuân	19° 55' 11"	105° 29' 24"					E-48-7-B-b
thôn 10	DC	xã Xuân Giang	H. Thọ Xuân	19° 55' 12"	105° 29' 14"					E-48-7-B-b
thôn 11	DC	xã Xuân Giang	H. Thọ Xuân	19° 54' 35"	105° 29' 24"					E-48-7-B-b
thôn 12	DC	xã Xuân Giang	H. Thọ Xuân	19° 54' 35"	105° 29' 38"					E-48-7-B-b
thôn 13	DC	xã Xuân Giang	H. Thọ Xuân	19° 54' 35"	105° 29' 56"					E-48-7-B-b
kênh C1B	TV	xã Xuân Giang	H. Thọ Xuân			19° 55' 02"	105° 29' 06"	19° 56' 28"	105° 29' 42"	E-48-7-B-b
kênh C6	TV	xã Xuân Giang	H. Thọ Xuân			19° 54' 54"	105° 30' 08"	19° 46' 59"	105° 34' 55"	E-48-8-A-a
sông Nông Giang	TV	xã Xuân Giang	H. Thọ Xuân			19° 53' 46"	105° 22' 38"	19° 54' 41"	105° 32' 31"	E-48-7-B-b, E-48-8-A-a
đường tỉnh 506	KX	xã Xuân Hoà	H. Thọ Xuân			19° 42' 19"	105° 41' 04"	19° 54' 50"	105° 24' 40"	E-48-7-B-b, E-48-8-A-a
kênh C1B	TV	xã Xuân Hoà	H. Thọ Xuân			19° 55' 02"	105° 29' 06"	19° 56' 28"	105° 29' 42"	E-48-7-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Sông Chu	TV	xã Xuân Hoà	H. Thọ Xuân			19° 55' 20"	105° 07' 59"	19° 53' 02"	105° 45' 23"	E-48-8-A-a, E-48-7-B-b
thôn Hạ Long	DC	xã Xuân Hoà	H. Thọ Xuân	19° 57' 20"	105° 30' 04"					E-48-8-A-a
thôn Khải Đông	DC	xã Xuân Hoà	H. Thọ Xuân	19° 57' 07"	105° 30' 07"					E-48-8-A-a
thôn Kim Ốc	DC	xã Xuân Hoà	H. Thọ Xuân	19° 57' 10"	105° 30' 18"					E-48-8-A-a
thôn Kim Phúc	DC	xã Xuân Hoà	H. Thọ Xuân	19° 56' 50"	105° 30' 32"					E-48-8-A-a
thôn Phúc Thượng	DC	xã Xuân Hoà	H. Thọ Xuân	19° 56' 43"	105° 30' 18"					E-48-8-A-a
thôn Thượng Vôi	DC	xã Xuân Hoà	H. Thọ Xuân	19° 57' 26"	105° 29' 20"					E-48-7-B-b
thôn Tỉnh Thôn 1	DC	xã Xuân Hoà	H. Thọ Xuân	19° 56' 28"	105° 30' 00"					E-48-8-A-a
thôn Tỉnh Thôn 2	DC	xã Xuân Hoà	H. Thọ Xuân	19° 56' 41"	105° 29' 38"					E-48-7-B-b
thôn Trung Thành 1	DC	xã Xuân Hoà	H. Thọ Xuân	19° 57' 23"	105° 29' 42"					E-48-7-B-b
thôn Trung Thành 2	DC	xã Xuân Hoà	H. Thọ Xuân	19° 57' 18"	105° 29' 53"					E-48-7-B-b
kênh C1B	TV	xã Xuân Hưng	H. Thọ Xuân			19° 55' 02"	105° 29' 06"	19° 55' 37"	105° 31' 00"	E-48-7-B-b
sông Nhà Lê	TV	xã Xuân Hưng	H. Thọ Xuân			19° 53' 20"	105° 28' 30"	19° 53' 29"	105° 30' 11"	E-48-7-B-b
sông Nông Giang	TV	xã Xuân Hưng	H. Thọ Xuân			19° 53' 46"	105° 22' 38"	19° 54' 41"	105° 32' 31"	E-48-7-B-b
thôn Phúc Hưng	DC	xã Xuân Hưng	H. Thọ Xuân	19° 54' 07"	105° 28' 59"					E-48-7-B-b
Sân bay Thọ Xuân	KX	xã Xuân Hưng	H. Thọ Xuân	19° 54' 12"	105° 27' 36"					E-48-7-B-b
thôn Xuân Hội	DC	xã Xuân Hưng	H. Thọ Xuân	19° 55' 07"	105° 28' 26"					E-48-7-B-b
thôn Xuân Khoa	DC	xã Xuân Hưng	H. Thọ Xuân	19° 54' 56"	105° 28' 18"					E-48-7-B-b
thôn Xuân Lai	DC	xã Xuân Hưng	H. Thọ Xuân	19° 55' 18"	105° 28' 48"					E-48-7-B-b
thôn Xuân Phú	DC	xã Xuân Hưng	H. Thọ Xuân	19° 54' 49"	105° 29' 02"					E-48-7-B-b
thôn Xuân Tân	DC	xã Xuân Hưng	H. Thọ Xuân	19° 55' 11"	105° 27' 38"					E-48-7-B-b
thôn Xuân Thanh	DC	xã Xuân Hưng	H. Thọ Xuân	19° 54' 23"	105° 28' 52"					E-48-7-B-b
thôn Xuân Vinh	DC	xã Xuân Hưng	H. Thọ Xuân	19° 54' 41"	105° 28' 36"					E-48-7-B-b
Sông Chu	TV	xã Xuân Khánh	H. Thọ Xuân			19° 55' 20"	105° 07' 59"	19° 53' 02"	105° 45' 23"	E-48-8-A-a
thôn Cường Mạnh	DC	xã Xuân Khánh	H. Thọ Xuân	19° 54' 55"	105° 35' 00"					E-48-8-A-a
thôn Hùng Dũng	DC	xã Xuân Khánh	H. Thọ Xuân	19° 54' 52"	105° 35' 15"					E-48-8-A-a
thôn Khang Thịnh	DC	xã Xuân Khánh	H. Thọ Xuân	19° 55' 12"	105° 34' 53"					E-48-8-A-a
thôn Ninh Thành	DC	xã Xuân Khánh	H. Thọ Xuân	19° 55' 18"	105° 34' 48"					E-48-8-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
sông Nông Giang	TV	xã Xuân Khánh	H. Thọ Xuân			19° 53' 46"	105° 22' 38"	19° 50' 04"	105° 42' 15"	E-48-8-A-a
thôn Phúc Tráng	DC	xã Xuân Khánh	H. Thọ Xuân	19° 55' 01"	105° 35' 02"					E-48-8-A-a
thôn Thọ Lộc	DC	xã Xuân Khánh	H. Thọ Xuân	19° 55' 07"	105° 34' 58"					E-48-8-A-a
thôn 10	DC	xã Xuân Lai	H. Thọ Xuân	19° 57' 22"	105° 31' 52"					E-48-8-A-a
đường tỉnh 515D	KX	xã Xuân Lai	H. Thọ Xuân			19° 56' 20"	105° 32' 08"	20° 00' 38"	105° 34' 14"	E-48-8-A-a
cầu Hạnh Phúc	KX	xã Xuân Lai	H. Thọ Xuân	19° 56' 37"	105° 31' 59"					E-48-8-A-a
kênh N2	TV	xã Xuân Lai	H. Thọ Xuân			19° 58' 58"	105° 29' 27"	19° 57' 35"	105° 35' 10"	E-48-8-A-a
làng Phong Lai	DC	xã Xuân Lai	H. Thọ Xuân	19° 56' 51"	105° 33' 11"					E-48-8-A-a
Chợ Thạc	KX	xã Xuân Lai	H. Thọ Xuân	19° 57' 09"	105° 32' 06"					E-48-8-A-a
xóm 1	DC	xã Xuân Lam	H. Thọ Xuân	19° 55' 22"	105° 24' 30"					E-48-7-B-b
Sông Chu	TV	xã Xuân Lam	H. Thọ Xuân			19° 55' 20"	105° 07' 59"	19° 53' 02"	105° 45' 23"	E-48-7-B-b
thôn Giao Xá	DC	xã Xuân Lam	H. Thọ Xuân	19° 55' 38"	105° 24' 54"					E-48-7-B-b
thôn Hào Lương	DC	xã Xuân Lam	H. Thọ Xuân	19° 55' 56"	105° 25' 41"					E-48-7-B-b
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Xuân Lam	H. Thọ Xuân			20° 21' 59"	105° 31' 19"	19° 26' 37"	105° 26' 53"	E-48-7-B-b
Đền Lê	KX	xã Xuân Lam	H. Thọ Xuân	19° 55' 29"	105° 24' 29"					E-48-7-B-b
cầu Mục Sơn	KX	xã Xuân Lam	H. Thọ Xuân	19° 55' 07"	105° 24' 32"					E-48-7-B-b
kênh N2	TV	xã Xuân Lam	H. Thọ Xuân			19° 55' 34"	105° 24' 51"	19° 57' 13"	105° 26' 46"	E-48-7-B-b
lăng Nhà Lê	KX	xã Xuân Lam	H. Thọ Xuân	19° 55' 33"	105° 24' 14"					E-48-7-B-b
thôn Phúc Lâm	DC	xã Xuân Lam	H. Thọ Xuân	19° 55' 35"	105° 24' 45"					E-48-7-B-b
Hón Thiên	TV	xã Xuân Lam	H. Thọ Xuân			19° 56' 42"	105° 25' 12"	19° 56' 58"	105° 27' 38"	E-48-7-B-b
thôn Phú Xá 1	DC	xã Xuân Lập	H. Thọ Xuân	19° 57' 53"	105° 31' 14"					E-48-8-A-a
thôn Phú Xá 2	DC	xã Xuân Lập	H. Thọ Xuân	19° 58' 00"	105° 31' 16"					E-48-8-A-a
thôn Phú Xá 3	DC	xã Xuân Lập	H. Thọ Xuân	19° 57' 54"	105° 31' 24"					E-48-8-A-a
thôn Trung Lập 1	DC	xã Xuân Lập	H. Thọ Xuân	19° 58' 11"	105° 31' 57"					E-48-8-A-a
thôn Trung Lập 2	DC	xã Xuân Lập	H. Thọ Xuân	19° 58' 11"	105° 32' 11"					E-48-8-A-a
thôn Trung Lập 3	DC	xã Xuân Lập	H. Thọ Xuân	19° 58' 20"	105° 32' 08"					E-48-8-A-a
thôn Trung Lập 4	DC	xã Xuân Lập	H. Thọ Xuân	19° 58' 19"	105° 32' 15"					E-48-8-A-a
thôn Trung Lập 5	DC	xã Xuân Lập	H. Thọ Xuân	19° 58' 26"	105° 32' 13"					E-48-8-A-a
thôn Trung Lập 6	DC	xã Xuân Lập	H. Thọ Xuân	19° 58' 32"	105° 32' 24"					E-48-8-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Vũ Hạ	DC	xã Xuân Lập	H. Thọ Xuân	19° 58' 14"	105° 31' 48"					E-48-8-A-a
thôn Vũ Thượng 1	DC	xã Xuân Lập	H. Thọ Xuân	19° 58' 05"	105° 31' 26"					E-48-8-A-a
thôn Vũ Thượng 2	DC	xã Xuân Lập	H. Thọ Xuân	19° 58' 10"	105° 31' 31"					E-48-8-A-a
đường tỉnh 515D	KX	xã Xuân Minh	H. Thọ Xuân			19° 56' 20"	105° 32' 08"	20° 00' 38"	105° 34' 14"	E-48-8-A-a
sông Cầu Chày	TV	xã Xuân Minh	H. Thọ Xuân			20° 06' 52"	105° 21' 58"	19° 57' 04"	105° 45' 41"	E-48-8-A-a
thôn Ngọc Trung	DC	xã Xuân Minh	H. Thọ Xuân	19° 58' 17"	105° 32' 35"					E-48-8-A-a
thôn Phong Cốc	DC	xã Xuân Minh	H. Thọ Xuân	19° 57' 58"	105° 32' 46"					E-48-8-A-a
thôn Quang Hoa	DC	xã Xuân Minh	H. Thọ Xuân	19° 58' 36"	105° 33' 18"					E-48-8-A-a
thôn Thiên Lọc	DC	xã Xuân Minh	H. Thọ Xuân	19° 58' 19"	105° 33' 25"					E-48-8-A-a
thôn Thuần Hậu	DC	xã Xuân Minh	H. Thọ Xuân	19° 58' 30"	105° 32' 46"					E-48-8-A-a
thôn Vinh Quang	DC	xã Xuân Minh	H. Thọ Xuân	19° 58' 15"	105° 32' 56"					E-48-8-A-a
thôn 1	DC	xã Xuân Phong	H. Thọ Xuân	19° 54' 35"	105° 34' 08"					E-48-8-A-a
thôn 2	DC	xã Xuân Phong	H. Thọ Xuân	19° 54' 29"	105° 34' 05"					E-48-8-A-a
thôn 3	DC	xã Xuân Phong	H. Thọ Xuân	19° 54' 19"	105° 34' 05"					E-48-8-A-a
thôn 4	DC	xã Xuân Phong	H. Thọ Xuân	19° 54' 20"	105° 33' 58"					E-48-8-A-a
thôn 5	DC	xã Xuân Phong	H. Thọ Xuân	19° 54' 09"	105° 33' 58"					E-48-8-A-a
thôn 6	DC	xã Xuân Phong	H. Thọ Xuân	19° 54' 09"	105° 34' 16"					E-48-8-A-a
thôn 7	DC	xã Xuân Phong	H. Thọ Xuân	19° 53' 48"	105° 34' 23"					E-48-8-A-a
thôn 8	DC	xã Xuân Phong	H. Thọ Xuân	19° 53' 42"	105° 34' 16"					E-48-8-A-a
thôn 9	DC	xã Xuân Phong	H. Thọ Xuân	19° 53' 37"	105° 34' 23"					E-48-8-A-a
Sông Dừa	TV	xã Xuân Phong	H. Thọ Xuân			19° 55' 00"	105° 33' 59"	19° 51' 22"	105° 38' 24"	E-48-8-A-a
làng Mạnh Chư	DC	xã Xuân Phong	H. Thọ Xuân	19° 54' 09"	105° 34' 16"					E-48-8-A-a
thôn 12	DC	xã Xuân Phú	H. Thọ Xuân	19° 52' 12"	105° 25' 45"					E-48-7-B-d
thôn Ba Ngọc	DC	xã Xuân Phú	H. Thọ Xuân	19° 50' 57"	105° 25' 08"					E-48-7-B-d
thôn Bàn Lai	DC	xã Xuân Phú	H. Thọ Xuân	19° 51' 47"	105° 25' 59"					E-48-7-B-d
Suối Chửa	TV	xã Xuân Phú	H. Thọ Xuân			19° 52' 38"	105° 25' 49"	19° 53' 29"	105° 30' 12"	E-48-7-B-b
hồ Cửa Trát	TV	xã Xuân Phú	H. Thọ Xuân	19° 51' 14"	105° 26' 06"					E-48-7-B-d
thôn Cửa Trát	DC	xã Xuân Phú	H. Thọ Xuân	19° 52' 07"	105° 26' 02"					E-48-7-B-d
thôn Đá Dựng	DC	xã Xuân Phú	H. Thọ Xuân	19° 52' 23"	105° 24' 50"					E-48-7-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Đội 3	DC	xã Xuân Phú	H. Thọ Xuân	19° 53' 08"	105° 24' 17"					E-48-7-B-b
thôn Đồng Cốc	DC	xã Xuân Phú	H. Thọ Xuân	19° 52' 42"	105° 25' 19"					E-48-7-B-b
thôn Đồng Luồng	DC	xã Xuân Phú	H. Thọ Xuân	19° 52' 03"	105° 24' 50"					E-48-7-B-d
thôn Đồng Tro	DC	xã Xuân Phú	H. Thọ Xuân	19° 52' 06"	105° 25' 15"					E-48-7-B-d
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Xuân Phú	H. Thọ Xuân			20° 21' 59"	105° 31' 19"	19° 26' 37"	105° 26' 53"	E-48-7-B-d, E-48-7-B-b
thôn Hố Dăm	DC	xã Xuân Phú	H. Thọ Xuân	19° 52' 17"	105° 24' 32"					E-48-7-B-d
thôn Làng Bài	DC	xã Xuân Phú	H. Thọ Xuân	19° 51' 25"	105° 24' 14"					E-48-7-B-d
thôn Làng Pheo	DC	xã Xuân Phú	H. Thọ Xuân	19° 50' 17"	105° 24' 52"					E-48-7-B-d
thôn Làng Sung	DC	xã Xuân Phú	H. Thọ Xuân	19° 50' 54"	105° 24' 50"					E-48-7-B-d
Suối Lù	TV	xã Xuân Phú	H. Thọ Xuân			19° 50' 58"	105° 24' 11"	19° 51' 18"	105° 21' 07"	E-48-7-B-d
thôn 1	DC	xã Xuân Quang	H. Thọ Xuân	19° 54' 37"	105° 31' 16"					E-48-8-A-a
thôn 2	DC	xã Xuân Quang	H. Thọ Xuân	19° 54' 34"	105° 31' 08"					E-48-8-A-a
thôn 3	DC	xã Xuân Quang	H. Thọ Xuân	19° 54' 43"	105° 31' 05"					E-48-8-A-a
thôn 4	DC	xã Xuân Quang	H. Thọ Xuân	19° 54' 45"	105° 31' 01"					E-48-8-A-a
thôn 5	DC	xã Xuân Quang	H. Thọ Xuân	19° 54' 50"	105° 30' 54"					E-48-8-A-a
thôn 6	DC	xã Xuân Quang	H. Thọ Xuân	19° 54' 39"	105° 30' 43"					E-48-8-A-a
thôn 7	DC	xã Xuân Quang	H. Thọ Xuân	19° 54' 26"	105° 30' 59"					E-48-8-A-a
thôn 8	DC	xã Xuân Quang	H. Thọ Xuân	19° 54' 35"	105° 30' 36"					E-48-8-A-a
thôn 9	DC	xã Xuân Quang	H. Thọ Xuân	19° 54' 27"	105° 30' 36"					E-48-8-A-a
thôn 10	DC	xã Xuân Quang	H. Thọ Xuân	19° 54' 42"	105° 31' 26"					E-48-8-A-a
kênh C6	TV	xã Xuân Quang	H. Thọ Xuân			19° 54' 54"	105° 30' 08"	19° 46' 59"	105° 34' 55"	E-48-8-A-a
sông Nông Giang	TV	xã Xuân Quang	H. Thọ Xuân			19° 53' 46"	105° 22' 38"	19° 54' 41"	105° 32' 31"	E-48-8-A-a
cầu Xuân Quang	KX	xã Xuân Quang	H. Thọ Xuân	19° 54' 37"	105° 31' 19"					E-48-8-A-a
thôn 13	DC	xã Xuân Sơn	H. Thọ Xuân	19° 53' 04"	105° 28' 55"					E-48-7-B-b
thôn 15	DC	xã Xuân Sơn	H. Thọ Xuân	19° 52' 29"	105° 28' 55"					E-48-7-B-d
quốc lộ 47	KX	xã Xuân Sơn	H. Thọ Xuân			19° 44' 00"	105° 53' 56"	19° 53' 36"	105° 24' 14"	E-48-7-B-b, E-48-7-B-d
thôn Bích Phương	DC	xã Xuân Sơn	H. Thọ Xuân	19° 53' 47"	105° 30' 07"					E-48-8-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Bột Thượng	DC	xã Xuân Sơn	H. Thọ Xuân	19° 53' 50"	105° 30' 29"					E-48-8-A-a
kênh C6	TV	xã Xuân Sơn	H. Thọ Xuân			19° 54' 54"	105° 30' 08"	19° 46' 59"	105° 34' 55"	E-48-8-A-a
thôn Đồng Đình	DC	xã Xuân Sơn	H. Thọ Xuân	19° 53' 06"	105° 30' 29"					E-48-8-A-a
thôn Đồng Thanh	DC	xã Xuân Sơn	H. Thọ Xuân	19° 53' 12"	105° 28' 55"					E-48-7-B-d
thôn Hoàng Kim	DC	xã Xuân Sơn	H. Thọ Xuân	19° 53' 28"	105° 31' 26"					E-48-8-A-a
cầu Làng Chiềng	KX	xã Xuân Sơn	H. Thọ Xuân	19° 53' 28"	105° 30' 14"					E-48-8-A-a
thôn Ngọc Lạp	DC	xã Xuân Sơn	H. Thọ Xuân	19° 53' 54"	105° 29' 12"					E-48-7-B-b
sông Nhà Lê	TV	xã Xuân Sơn	H. Thọ Xuân			19° 53' 20"	105° 28' 30"	19° 53' 29"	105° 30' 11"	E-48-7-B-b, E-48-8-A-a
Sông Hoàng	TV	xã Xuân Sơn	H. Thọ Xuân			19° 54' 19"	105° 30' 00"	19° 44' 24"	105° 44' 42"	E-48-8-A-a
thôn Thành Sơn	DC	xã Xuân Sơn	H. Thọ Xuân	19° 53' 25"	105° 29' 38"					E-48-8-A-a
thôn Yên Cư	DC	xã Xuân Sơn	H. Thọ Xuân	19° 53' 39"	105° 30' 57"					E-48-8-A-a
kênh Bắc Sông Chu Nam Sông Mã	TV	xã Xuân Tân	H. Thọ Xuân			19° 58' 54"	105° 29' 43"	19° 57' 35"	105° 35' 10"	E-48-8-A-a
sông Cầu Chày	TV	xã Xuân Tân	H. Thọ Xuân			20° 06' 52"	105° 21' 58"	19° 57' 04"	105° 45' 41"	E-48-8-A-a
Sông Chu	TV	xã Xuân Tân	H. Thọ Xuân			19° 55' 20"	105° 07' 59"	19° 53' 02"	105° 45' 23"	E-48-8-A-a
thôn Ngọc Quang 1	DC	xã Xuân Tân	H. Thọ Xuân	19° 57' 18"	105° 34' 37"					E-48-8-A-a
thôn Ngọc Quang 2	DC	xã Xuân Tân	H. Thọ Xuân	19° 57' 23"	105° 34' 34"					E-48-8-A-a
thôn Phong Mỹ 1	DC	xã Xuân Tân	H. Thọ Xuân	19° 57' 11"	105° 33' 47"					E-48-8-A-a
thôn Phong Mỹ 2	DC	xã Xuân Tân	H. Thọ Xuân	19° 57' 24"	105° 33' 45"					E-48-8-A-a
thôn Thọ Tân 1	DC	xã Xuân Tân	H. Thọ Xuân	19° 57' 09"	105° 33' 25"					E-48-8-A-a
thôn Thọ Tân 2	DC	xã Xuân Tân	H. Thọ Xuân	19° 57' 00"	105° 33' 29"					E-48-8-A-a
thôn 1	DC	xã Xuân Thắng	H. Thọ Xuân	19° 53' 19"	105° 28' 12"					E-48-7-B-b
thôn 2	DC	xã Xuân Thắng	H. Thọ Xuân	19° 52' 52"	105° 27' 50"					E-48-7-B-b
thôn 3	DC	xã Xuân Thắng	H. Thọ Xuân	19° 52' 27"	105° 27' 40"					E-48-7-B-b
thôn 4	DC	xã Xuân Thắng	H. Thọ Xuân	19° 52' 51"	105° 27' 18"					E-48-7-B-b
thôn 5	DC	xã Xuân Thắng	H. Thọ Xuân	19° 52' 00"	105° 27' 22"					E-48-7-B-d
thôn 6	DC	xã Xuân Thắng	H. Thọ Xuân	19° 51' 38"	105° 27' 37"					E-48-7-B-d
thôn 7	DC	xã Xuân Thắng	H. Thọ Xuân	19° 51' 27"	105° 27' 47"					E-48-7-B-d
thôn 8	DC	xã Xuân Thắng	H. Thọ Xuân	19° 51' 08"	105° 27' 25"					E-48-7-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn 9	DC	xã Xuân Thắng	H. Thọ Xuân	19° 50' 53"	105° 27' 25"					E-48-7-B-d
thôn 10	DC	xã Xuân Thắng	H. Thọ Xuân	19° 52' 27"	105° 28' 16"					E-48-7-B-d
thôn 11	DC	xã Xuân Thắng	H. Thọ Xuân	19° 53' 08"	105° 28' 19"					E-48-7-B-b
thôn 12	DC	xã Xuân Thắng	H. Thọ Xuân	19° 51' 58"	105° 28' 12"					E-48-7-B-d
thôn 13	DC	xã Xuân Thắng	H. Thọ Xuân	19° 51' 58"	105° 29' 25"					E-48-7-B-d
thôn 14	DC	xã Xuân Thắng	H. Thọ Xuân	19° 52' 33"	105° 27' 00"					E-48-7-B-b
quốc lộ 47	KX	xã Xuân Thắng	H. Thọ Xuân			19° 44' 00"	105° 53' 56"	19° 53' 36"	105° 24' 14"	E-48-7-B-d, E-48-7-B-b
Suối Chủa	TV	xã Xuân Thắng	H. Thọ Xuân			19° 52' 38"	105° 25' 49"	19° 53' 29"	105° 30' 12"	E-48-7-B-b
hồ Đồng Trường	TV	xã Xuân Thắng	H. Thọ Xuân	19° 52' 17"	105° 26' 38"					E-48-7-B-d
Suối Rào	TV	xã Xuân Thắng	H. Thọ Xuân			19° 52' 35"	105° 28' 05"	19° 53' 20"	105° 28' 30"	E-48-7-B-b
thôn 1	DC	xã Xuân Thành	H. Thọ Xuân	19° 56' 27"	105° 32' 38"					E-48-8-A-a
thôn 2	DC	xã Xuân Thành	H. Thọ Xuân	19° 56' 28"	105° 32' 42"					E-48-8-A-a
thôn 3	DC	xã Xuân Thành	H. Thọ Xuân	19° 56' 28"	105° 32' 45"					E-48-8-A-a
thôn 4	DC	xã Xuân Thành	H. Thọ Xuân	19° 56' 31"	105° 32' 49"					E-48-8-A-a
thôn 5	DC	xã Xuân Thành	H. Thọ Xuân	19° 56' 25"	105° 32' 56"					E-48-8-A-a
thôn 6	DC	xã Xuân Thành	H. Thọ Xuân	19° 56' 21"	105° 33' 01"					E-48-8-A-a
thôn 7	DC	xã Xuân Thành	H. Thọ Xuân	19° 56' 21"	105° 33' 11"					E-48-8-A-a
thôn 8	DC	xã Xuân Thành	H. Thọ Xuân	19° 56' 24"	105° 33' 18"					E-48-8-A-a
Sông Chu	TV	xã Xuân Thành	H. Thọ Xuân			19° 55' 20"	105° 07' 59"	19° 53' 02"	105° 45' 23"	E-48-8-A-a
thôn Cộng Lực	DC	xã Xuân Thiên	H. Thọ Xuân	19° 56' 25"	105° 26' 53"					E-48-7-B-b
thôn Đại Đồng	DC	xã Xuân Thiên	H. Thọ Xuân	19° 56' 12"	105° 26' 20"					E-48-7-B-b
Chợ Đầm	KX	xã Xuân Thiên	H. Thọ Xuân	19° 56' 20"	105° 26' 42"					E-48-7-B-b
thôn Đồng Cỗ	DC	xã Xuân Thiên	H. Thọ Xuân	19° 57' 03"	105° 25' 52"					E-48-7-B-b
thôn Hiệp Lực	DC	xã Xuân Thiên	H. Thọ Xuân	19° 56' 05"	105° 26' 06"					E-48-7-B-b
thôn Hoà Bình	DC	xã Xuân Thiên	H. Thọ Xuân	19° 56' 18"	105° 26' 46"					E-48-7-B-b
kênh N2	TV	xã Xuân Thiên	H. Thọ Xuân			19° 55' 34"	105° 24' 51"	19° 57' 13"	105° 26' 46"	E-48-7-B-b
thôn Quảng Ích 1	DC	xã Xuân Thiên	H. Thọ Xuân	19° 56' 13"	105° 27' 04"					E-48-7-B-b
thôn Quảng Ích 2	DC	xã Xuân Thiên	H. Thọ Xuân	19° 56' 22"	105° 27' 11"					E-48-7-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Quảng Phúc	DC	xã Xuân Thiên	H. Thọ Xuân	19° 56' 11"	105° 26' 36"					E-48-7-B-b
thôn Tân Thành	DC	xã Xuân Thiên	H. Thọ Xuân	19° 56' 24"	105° 26' 38"					E-48-7-B-b
Hón Thiên	TV	xã Xuân Thiên	H. Thọ Xuân			19° 56' 42"	105° 25' 12"	19° 56' 58"	105° 27' 38"	E-48-7-B-b
thôn Thống Nhất	DC	xã Xuân Thiên	H. Thọ Xuân	19° 56' 38"	105° 26' 49"					E-48-7-B-b
xóm 16	DC	xã Xuân Tín	H. Thọ Xuân	19° 58' 54"	105° 28' 55"					E-48-7-B-b
xóm 17	DC	xã Xuân Tín	H. Thọ Xuân	19° 58' 48"	105° 29' 17"					E-48-7-B-b
xóm 18	DC	xã Xuân Tín	H. Thọ Xuân	19° 58' 01"	105° 29' 24"					E-48-7-B-b
xóm 19	DC	xã Xuân Tín	H. Thọ Xuân	19° 57' 59"	105° 29' 28"					E-48-7-B-b
xóm 20	DC	xã Xuân Tín	H. Thọ Xuân	19° 57' 58"	105° 29' 31"					E-48-7-B-b
xóm 21	DC	xã Xuân Tín	H. Thọ Xuân	19° 57' 57"	105° 29' 38"					E-48-7-B-b
xóm 23	DC	xã Xuân Tín	H. Thọ Xuân	19° 57' 55"	105° 29' 46"					E-48-7-B-b
xóm 25	DC	xã Xuân Tín	H. Thọ Xuân	19° 57' 54"	105° 29' 49"					E-48-7-B-b
xóm 26	DC	xã Xuân Tín	H. Thọ Xuân	19° 57' 51"	105° 30' 00"					E-48-8-A-a
xóm 27	DC	xã Xuân Tín	H. Thọ Xuân	19° 57' 49"	105° 30' 11"					E-48-8-A-a
kênh Bắc Sông Chu Nam Sông Mã	TV	xã Xuân Tín	H. Thọ Xuân			19° 58' 54"	105° 29' 43"	19° 57' 35"	105° 35' 10"	E-48-7-B-b, E-48-8-A-a
sông Cầu Chày	TV	xã Xuân Tín	H. Thọ Xuân			20° 06' 52"	105° 21' 58"	19° 57' 04"	105° 45' 41"	E-48-7-B-b
Sông Chu	TV	xã Xuân Tín	H. Thọ Xuân			19° 55' 20"	105° 07' 59"	19° 53' 02"	105° 45' 23"	E-48-7-B-b, E-48-8-A-a
Xóm Cồn	DC	xã Xuân Tín	H. Thọ Xuân	19° 58' 18"	105° 29' 28"					E-48-7-B-b
xóm Phủ Lịch	DC	xã Xuân Tín	H. Thọ Xuân	19° 58' 58"	105° 30' 00"					E-48-7-B-b
xóm Trại Màu	DC	xã Xuân Tín	H. Thọ Xuân	19° 59' 18"	105° 28' 37"					E-48-7-B-b
xóm Trại Nu	DC	xã Xuân Tín	H. Thọ Xuân	19° 58' 41"	105° 30' 09"					E-48-7-B-b
thôn 1	DC	xã Xuân Trường	H. Thọ Xuân	19° 56' 11"	105° 30' 22"					E-48-8-A-a
thôn 2	DC	xã Xuân Trường	H. Thọ Xuân	19° 56' 07"	105° 30' 25"					E-48-8-A-a
thôn 3	DC	xã Xuân Trường	H. Thọ Xuân	19° 56' 04"	105° 30' 32"					E-48-8-A-a
thôn 4	DC	xã Xuân Trường	H. Thọ Xuân	19° 56' 01"	105° 30' 36"					E-48-8-A-a
thôn 5	DC	xã Xuân Trường	H. Thọ Xuân	19° 55' 56"	105° 30' 40"					E-48-8-A-a
thôn 6	DC	xã Xuân Trường	H. Thọ Xuân	19° 55' 48"	105° 30' 47"					E-48-8-A-a
thôn 7	DC	xã Xuân Trường	H. Thọ Xuân	19° 55' 42"	105° 30' 58"					E-48-8-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn 8	DC	xã Xuân Trường	H. Thọ Xuân	19° 56' 01"	105° 30' 44"					E-48-8-A-a
thôn 9	DC	xã Xuân Trường	H. Thọ Xuân	19° 56' 08"	105° 30' 45"					E-48-8-A-a
đường tỉnh 506	KX	xã Xuân Trường	H. Thọ Xuân			19° 42' 19"	105° 41' 04"	19° 54' 50"	105° 24' 40"	E-48-8-A-a
kênh C1B	TV	xã Xuân Trường	H. Thọ Xuân			19° 55' 02"	105° 29' 06"	19° 56' 28"	105° 29' 42"	E-48-7-B-b
Sông Chu	TV	xã Xuân Trường	H. Thọ Xuân			19° 55' 20"	105° 07' 59"	19° 53' 02"	105° 45' 23"	E-48-8-A-a
Cầu Trắng	KX	xã Xuân Trường	H. Thọ Xuân	19° 55' 38"	105° 31' 01"					E-48-8-A-a
kênh Bắc Sông Chu Nam Sông Mã	TV	xã Xuân Vinh	H. Thọ Xuân			19° 58' 54"	105° 29' 43"	19° 57' 35"	105° 35' 10"	E-48-8-A-a
thôn Cao Phú	DC	xã Xuân Vinh	H. Thọ Xuân	19° 57' 37"	105° 35' 02"					E-48-8-A-a
sông Cầu Chày	TV	xã Xuân Vinh	H. Thọ Xuân			20° 06' 52"	105° 21' 58"	19° 57' 04"	105° 45' 41"	E-48-8-A-a
Sông Chu	TV	xã Xuân Vinh	H. Thọ Xuân			19° 55' 20"	105° 07' 59"	19° 53' 02"	105° 45' 23"	E-48-8-A-a
thôn Cốc Thôn	DC	xã Xuân Vinh	H. Thọ Xuân	19° 57' 08"	105° 34' 50"					E-48-8-A-a
thôn Hợp Tiến	DC	xã Xuân Vinh	H. Thọ Xuân	19° 57' 12"	105° 35' 38"					E-48-8-A-a
Chợ Khu	KX	xã Xuân Vinh	H. Thọ Xuân	19° 56' 59"	105° 34' 46"					E-48-8-A-a
thôn Phú Hậu	DC	xã Xuân Vinh	H. Thọ Xuân	19° 56' 51"	105° 34' 59"					E-48-8-A-a
thôn Phú Hậu 1	DC	xã Xuân Vinh	H. Thọ Xuân	19° 56' 55"	105° 34' 59"					E-48-8-A-a
thôn Phú Hậu 2	DC	xã Xuân Vinh	H. Thọ Xuân	19° 56' 48"	105° 35' 00"					E-48-8-A-a
thôn Thành Vinh	DC	xã Xuân Vinh	H. Thọ Xuân	19° 57' 08"	105° 34' 41"					E-48-8-A-a
thôn Thọ Cần	DC	xã Xuân Vinh	H. Thọ Xuân	19° 56' 48"	105° 36' 04"					E-48-8-A-a
thôn 1	DC	xã Xuân Yên	H. Thọ Xuân	19° 56' 59"	105° 31' 05"					E-48-8-A-a
thôn 2	DC	xã Xuân Yên	H. Thọ Xuân	19° 56' 55"	105° 31' 01"					E-48-8-A-a
thôn 3	DC	xã Xuân Yên	H. Thọ Xuân	19° 56' 47"	105° 31' 08"					E-48-8-A-a
thôn 4	DC	xã Xuân Yên	H. Thọ Xuân	19° 56' 47"	105° 31' 12"					E-48-8-A-a
thôn 5	DC	xã Xuân Yên	H. Thọ Xuân	19° 56' 40"	105° 31' 12"					E-48-8-A-a
thôn 6	DC	xã Xuân Yên	H. Thọ Xuân	19° 56' 33"	105° 31' 23"					E-48-8-A-a
thôn 7	DC	xã Xuân Yên	H. Thọ Xuân	19° 56' 38"	105° 31' 28"					E-48-8-A-a
thôn 8	DC	xã Xuân Yên	H. Thọ Xuân	19° 56' 35"	105° 31' 35"					E-48-8-A-a
thôn 9	DC	xã Xuân Yên	H. Thọ Xuân	19° 56' 39"	105° 31' 46"					E-48-8-A-a
thôn 10	DC	xã Xuân Yên	H. Thọ Xuân	19° 57' 18"	105° 31' 30"					E-48-8-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn 11	DC	xã Xuân Yên	H. Thọ Xuân	19° 57' 23"	105° 31' 37"					E-48-8-A-a
đường tỉnh 515D	KX	xã Xuân Yên	H. Thọ Xuân			19° 56' 20"	105° 32' 08"	20° 00' 38"	105° 34' 14"	E-48-8-A-a
kênh Bắc Sông Chu Nam Sông Mã	TV	xã Xuân Yên	H. Thọ Xuân			19° 58' 54"	105° 29' 43"	19° 57' 35"	105° 35' 10"	E-48-8-A-a
Sông Chu	TV	xã Xuân Yên	H. Thọ Xuân			19° 55' 20"	105° 07' 59"	19° 53' 02"	105° 45' 23"	E-48-8-A-a
cầu Hạnh Phúc	KX	xã Xuân Yên	H. Thọ Xuân	19° 56' 37"	105° 31' 59"					E-48-8-A-a
làng Thống Nhất	DC	xã Xuân Yên	H. Thọ Xuân	19° 57' 18"	105° 31' 30"					E-48-8-A-a
quốc lộ 1A	KX	TT. Tĩnh Gia	H. Tĩnh Gia			20° 08' 01"	105° 51' 32"	19° 18' 42"	105° 43' 16"	E-48-20-B-a
tiểu khu 1	DC	TT. Tĩnh Gia	H. Tĩnh Gia	19° 27' 04"	105° 46' 29"					E-48-20-B-a
tiểu khu 2	DC	TT. Tĩnh Gia	H. Tĩnh Gia	19° 27' 03"	105° 46' 37"					E-48-20-B-a
tiểu khu 3	DC	TT. Tĩnh Gia	H. Tĩnh Gia	19° 26' 59"	105° 46' 43"					E-48-20-B-a
tiểu khu 4	DC	TT. Tĩnh Gia	H. Tĩnh Gia	19° 26' 40"	105° 46' 45"					E-48-20-B-a
tiểu khu 5	DC	TT. Tĩnh Gia	H. Tĩnh Gia	19° 27' 00"	105° 46' 24"					E-48-20-B-a
tiểu khu 6	DC	TT. Tĩnh Gia	H. Tĩnh Gia	19° 26' 54"	105° 46' 42"					E-48-20-B-a
tiểu khu 7	DC	TT. Tĩnh Gia	H. Tĩnh Gia	19° 26' 35"	105° 46' 31"					E-48-20-B-a
thôn An Cư	DC	xã Anh Sơn	H. Tĩnh Gia	19° 33' 49"	105° 43' 32"					E-48-8-C-d
Thôn Bài	DC	xã Anh Sơn	H. Tĩnh Gia	19° 32' 23"	105° 43' 40"					E-48-8-C-d
kênh Bòng Bòng	TV	xã Anh Sơn	H. Tĩnh Gia			19° 31' 04"	105° 42' 47"	19° 35' 52"	105° 45' 58"	E-48-8-C-d, E-48-8-D-c
thôn Cổ Trinh	DC	xã Anh Sơn	H. Tĩnh Gia	19° 33' 11"	105° 44' 00"					E-48-8-C-d
sông Hao Hao	TV	xã Anh Sơn	H. Tĩnh Gia			19° 29' 55"	105° 44' 12"	19° 33' 22"	105° 43' 30"	E-48-8-C-d
Thôn Kiểu	DC	xã Anh Sơn	H. Tĩnh Gia	19° 32' 28"	105° 44' 15"					E-48-8-C-d
Núi Lạn	SV	xã Anh Sơn	H. Tĩnh Gia	19° 31' 54"	105° 43' 26"					E-48-8-C-d
Núi Nga	SV	xã Anh Sơn	H. Tĩnh Gia	19° 33' 39"	105° 44' 32"					E-48-8-C-d
sông Thị Long	TV	xã Anh Sơn	H. Tĩnh Gia			19° 30' 13"	105° 41' 06"	19° 36' 29"	105° 45' 36"	E-48-8-C-d
thôn Xuân Thắng	DC	xã Anh Sơn	H. Tĩnh Gia	19° 33' 05"	105° 44' 49"					E-48-8-C-d
thôn Yên Tôn	DC	xã Anh Sơn	H. Tĩnh Gia	19° 33' 57"	105° 44' 08"					E-48-8-C-d
Núi Chay	SV	xã Bình Minh	H. Tĩnh Gia	19° 26' 34"	105° 48' 16"					E-48-20-B-a
thôn Đông Hải	DC	xã Bình Minh	H. Tĩnh Gia	19° 26' 21"	105° 48' 10"					E-48-20-B-a
thôn Đông Tiến	DC	xã Bình Minh	H. Tĩnh Gia	19° 26' 11"	105° 47' 31"					E-48-20-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Đông Trung	DC	xã Bình Minh	H. Tĩnh Gia	19° 26' 25"	105° 47' 44"					E-48-20-B-a
thôn Đông Yên	DC	xã Bình Minh	H. Tĩnh Gia	19° 26' 18"	105° 47' 45"					E-48-20-B-a
thôn Hải Bạng	DC	xã Bình Minh	H. Tĩnh Gia	19° 25' 25"	105° 47' 00"					E-48-20-B-a
sông Kênh Than	TV	xã Bình Minh	H. Tĩnh Gia			19° 35' 40"	105° 47' 13"	19° 24' 47"	105° 47' 10"	E-48-20-B-a
sông Lạch Bạng	TV	xã Bình Minh	H. Tĩnh Gia			19° 21' 29"	105° 43' 25"	19° 24' 14"	105° 47' 06"	E-48-20-B-a
thôn Phú Minh	DC	xã Bình Minh	H. Tĩnh Gia	19° 26' 29"	105° 47' 03"					E-48-20-B-a
thôn Quý Vinh	DC	xã Bình Minh	H. Tĩnh Gia	19° 25' 41"	105° 47' 15"					E-48-20-B-a
thôn Thanh Đông	DC	xã Bình Minh	H. Tĩnh Gia	19° 25' 09"	105° 46' 26"					E-48-20-B-a
thôn Thanh Khánh	DC	xã Bình Minh	H. Tĩnh Gia	19° 25' 15"	105° 46' 50"					E-48-20-B-a
Núi Thổi	SV	xã Bình Minh	H. Tĩnh Gia	19° 25' 45"	105° 48' 35"					E-48-20-B-a
thôn Yên Cầu	DC	xã Bình Minh	H. Tĩnh Gia	19° 26' 09"	105° 47' 10"					E-48-20-B-a
đường tỉnh 512	KX	xã Các Sơn	H. Tĩnh Gia			19° 31' 58"	105° 47' 31"	19° 31' 32"	105° 40' 56"	E-48-8-C-d
cầu Bến Nhạn	KX	xã Các Sơn	H. Tĩnh Gia	19° 31' 48"	105° 42' 24"					E-48-8-C-d
hồ Bòng Bòng	TV	xã Các Sơn	H. Tĩnh Gia	19° 29' 51"	105° 40' 44"					E-48-20-A-b, E-48-8-C-d
kênh Bòng Bòng	TV	xã Các Sơn	H. Tĩnh Gia			19° 31' 04"	105° 42' 47"	19° 35' 52"	105° 45' 58"	E-48-8-C-d
Khe Các	TV	xã Các Sơn	H. Tĩnh Gia			19° 30' 18"	105° 42' 07"	19° 31' 11"	105° 41' 46"	E-48-8-C-d
Núi Các	SV	xã Các Sơn	H. Tĩnh Gia	19° 30' 07"	105° 42' 36"					E-48-8-C-d
Thôn Các	DC	xã Các Sơn	H. Tĩnh Gia	19° 30' 53"	105° 42' 08"					E-48-8-C-d
thôn Châu Thành	DC	xã Các Sơn	H. Tĩnh Gia	19° 30' 40"	105° 41' 40"					E-48-8-C-d
thôn Hải Sơn	DC	xã Các Sơn	H. Tĩnh Gia	19° 30' 54"	105° 42' 21"					E-48-8-C-d
sông Hao Hao	TV	xã Các Sơn	H. Tĩnh Gia			19° 29' 55"	105° 44' 12"	19° 33' 22"	105° 43' 30"	E-48-8-C-d
thôn Hoành Sơn	DC	xã Các Sơn	H. Tĩnh Gia	19° 31' 29"	105° 41' 49"					E-48-8-C-d
thôn Kiêm Sơn	DC	xã Các Sơn	H. Tĩnh Gia	19° 30' 54"	105° 43' 38"					E-48-8-C-d
thôn Lam Sơn	DC	xã Các Sơn	H. Tĩnh Gia	19° 31' 01"	105° 43' 19"					E-48-8-C-d
Núi Lạn	SV	xã Các Sơn	H. Tĩnh Gia	19° 31' 54"	105° 43' 26"					E-48-8-C-d
Thôn Lạn	DC	xã Các Sơn	H. Tĩnh Gia	19° 31' 44"	105° 43' 40"					E-48-8-C-d
thôn Minh Thịnh	DC	xã Các Sơn	H. Tĩnh Gia	19° 31' 00"	105° 41' 23"					E-48-8-C-d
thôn Phú Sơn	DC	xã Các Sơn	H. Tĩnh Gia	19° 31' 53"	105° 43' 21"					E-48-8-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Phú Thiện	DC	xã Các Sơn	H. Tĩnh Gia	19° 31' 51"	105° 42' 29"					E-48-8-C-d
thôn Quế Sơn	DC	xã Các Sơn	H. Tĩnh Gia	19° 31' 02"	105° 43' 06"					E-48-8-C-d
sông Thị Long	TV	xã Các Sơn	H. Tĩnh Gia			19° 30' 13"	105° 41' 06"	19° 36' 29"	105° 45' 36"	E-48-8-C-d
thôn 1	DC	xã Định Hải	H. Tĩnh Gia	19° 29' 09"	105° 46' 49"					E-48-20-B-a
thôn 2	DC	xã Định Hải	H. Tĩnh Gia	19° 29' 50"	105° 46' 21"					E-48-20-B-a
thôn 3	DC	xã Định Hải	H. Tĩnh Gia	19° 29' 47"	105° 46' 09"					E-48-20-B-a
thôn 4	DC	xã Định Hải	H. Tĩnh Gia	19° 29' 49"	105° 45' 52"					E-48-20-B-a
thôn 5	DC	xã Định Hải	H. Tĩnh Gia	19° 29' 43"	105° 45' 20"					E-48-20-B-a
thôn 6	DC	xã Định Hải	H. Tĩnh Gia	19° 30' 13"	105° 45' 33"					E-48-8-D-c
thôn 7	DC	xã Định Hải	H. Tĩnh Gia	19° 30' 23"	105° 45' 06"					E-48-8-D-c
thôn 8	DC	xã Định Hải	H. Tĩnh Gia	19° 29' 34"	105° 44' 39"					E-48-20-A-b
thôn 9	DC	xã Định Hải	H. Tĩnh Gia	19° 29' 13"	105° 45' 50"					E-48-20-B-a
Núi Am	SV	xã Định Hải	H. Tĩnh Gia	19° 28' 53"	105° 46' 59"					E-48-20-B-a
Núi Bằng	SV	xã Định Hải	H. Tĩnh Gia	19° 29' 27"	105° 45' 10"					E-48-20-B-a
Núi Các	SV	xã Định Hải	H. Tĩnh Gia	19° 28' 45"	105° 41' 27"					E-48-20-A-b
Núi Con	SV	xã Định Hải	H. Tĩnh Gia	19° 30' 44"	105° 44' 45"					E-48-8-C-d
suối Đồng Thùng	TV	xã Định Hải	H. Tĩnh Gia			19° 30' 37"	105° 45' 28"	19° 29' 42"	105° 45' 43"	E-48-8-D-c, E-48-20-B-a
Suối Hao	TV	xã Định Hải	H. Tĩnh Gia			19° 26' 19"	105° 42' 11"	19° 29' 55"	105° 44' 12"	E-48-20-A-b
sông Hao Hao	TV	xã Định Hải	H. Tĩnh Gia			19° 29' 55"	105° 44' 12"	19° 33' 22"	105° 43' 30"	E-48-20-A-b, E-48-8-C-d
Khe Luồng	TV	xã Định Hải	H. Tĩnh Gia			19° 28' 29"	105° 41' 35"	19° 28' 12"	105° 43' 05"	E-48-20-A-b
Kênh Nam	TV	xã Định Hải	H. Tĩnh Gia			19° 30' 46"	105° 44' 13"	19° 25' 16"	105° 46' 13"	E-48-20-B-a, E-48-20-A-b, E-48-8-C-d, E-48-8-D-c
Núi Sắn	SV	xã Định Hải	H. Tĩnh Gia	19° 28' 21"	105° 43' 27"					E-48-20-A-b
Núi Trạn	SV	xã Định Hải	H. Tĩnh Gia	19° 28' 38"	105° 45' 06"					E-48-20-A-b
quốc lộ 1A	KX	xã Hải An	H. Tĩnh Gia			20° 08' 01"	105° 51' 32"	19° 18' 42"	105° 43' 16"	E-48-8-D-c
thôn 1	DC	xã Hải An	H. Tĩnh Gia	19° 32' 48"	105° 48' 07"					E-48-8-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn 2	DC	xã Hải An	H. Tĩnh Gia	19° 32' 32"	105° 48' 01"					E-48-8-D-c
thôn 3	DC	xã Hải An	H. Tĩnh Gia	19° 32' 40"	105° 47' 32"					E-48-8-D-c
thôn 4	DC	xã Hải An	H. Tĩnh Gia	19° 32' 26"	105° 47' 02"					E-48-8-D-c
thôn 5	DC	xã Hải An	H. Tĩnh Gia	19° 32' 52"	105° 47' 15"					E-48-8-D-c
đường tỉnh 512	KX	xã Hải An	H. Tĩnh Gia			19° 31' 58"	105° 47' 31"	19° 31' 32"	105° 40' 56"	E-48-8-D-c
Kênh Bắc	TV	xã Hải An	H. Tĩnh Gia			19° 30' 46"	105° 44' 13"	19° 32' 45"	105° 48' 00"	E-48-8-D-c
Núi Bợm	SV	xã Hải An	H. Tĩnh Gia	19° 31' 54"	105° 46' 29"					E-48-8-D-c
sông Kênh Than	TV	xã Hải An	H. Tĩnh Gia			19° 35' 40"	105° 47' 13"	19° 24' 47"	105° 47' 10"	E-48-8-D-c
thôn Đoan Hùng	DC	xã Hải Bình	H. Tĩnh Gia	19° 23' 57"	105° 46' 35"					E-48-20-B-a
Hòn Đót	SV	xã Hải Bình	H. Tĩnh Gia	19° 21' 11"	105° 55' 49"					E-48-20-B-d
cửa Lạch Bạng	TV	xã Hải Bình	H. Tĩnh Gia	19° 24' 14"	105° 47' 06"					E-48-20-B-a
sông Lạch Bạng	TV	xã Hải Bình	H. Tĩnh Gia			19° 21' 29"	105° 43' 25"	19° 24' 14"	105° 47' 06"	E-48-20-B-a
thôn Liên Đình	DC	xã Hải Bình	H. Tĩnh Gia	19° 24' 26"	105° 46' 50"					E-48-20-B-a
thôn Liên Hưng	DC	xã Hải Bình	H. Tĩnh Gia	19° 24' 21"	105° 46' 56"					E-48-20-B-a
thôn Liên Thịnh	DC	xã Hải Bình	H. Tĩnh Gia	19° 24' 20"	105° 47' 00"					E-48-20-B-a
Đảo Mê	SV	xã Hải Bình	H. Tĩnh Gia	19° 22' 22"	105° 55' 26"					E-48-20-B-d
Hòn Miều	SV	xã Hải Bình	H. Tĩnh Gia	19° 20' 44"	105° 53' 59"					E-48-20-B-d
thôn Nam Hải	DC	xã Hải Bình	H. Tĩnh Gia	19° 24' 07"	105° 46' 54"					E-48-20-B-a
thôn Tân Hải	DC	xã Hải Bình	H. Tĩnh Gia	19° 24' 07"	105° 46' 38"					E-48-20-B-a
thôn Tân Vinh	DC	xã Hải Bình	H. Tĩnh Gia	19° 23' 51"	105° 46' 47"					E-48-20-B-a
thôn Tiền Phong	DC	xã Hải Bình	H. Tĩnh Gia	19° 24' 14"	105° 46' 38"					E-48-20-B-a
Hòn Vàng	SV	xã Hải Bình	H. Tĩnh Gia	19° 21' 30"	105° 52' 18"					E-48-20-B-a
quốc lộ 1A	KX	xã Hải Châu	H. Tĩnh Gia			20° 08' 01"	105° 51' 32"	19° 18' 42"	105° 43' 16"	E-48-8-D-c
thôn Bắc Châu	DC	xã Hải Châu	H. Tĩnh Gia	19° 35' 41"	105° 48' 05"					E-48-8-D-c
Cầu Ghép	KX	xã Hải Châu	H. Tĩnh Gia	19° 35' 47"	105° 47' 24"					E-48-8-D-c
thôn Hoà Bình	DC	xã Hải Châu	H. Tĩnh Gia	19° 35' 07"	105° 47' 52"					E-48-8-D-c
sông Kênh Than	TV	xã Hải Châu	H. Tĩnh Gia			19° 35' 40"	105° 47' 13"	19° 24' 47"	105° 47' 10"	E-48-8-D-c
thôn Liên Hải	DC	xã Hải Châu	H. Tĩnh Gia	19° 34' 57"	105° 48' 05"					E-48-8-D-c
thôn Liên Thành	DC	xã Hải Châu	H. Tĩnh Gia	19° 35' 18"	105° 47' 58"					E-48-8-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Nam Châu	DC	xã Hải Châu	H. Tĩnh Gia	19° 35' 31"	105° 47' 46"					E-48-8-D-c
thôn Thắng Lợi	DC	xã Hải Châu	H. Tĩnh Gia	19° 34' 40"	105° 47' 56"					E-48-8-D-c
thôn Thanh Bình	DC	xã Hải Châu	H. Tĩnh Gia	19° 34' 56"	105° 47' 34"					E-48-8-D-c
thôn Thanh Đông	DC	xã Hải Châu	H. Tĩnh Gia	19° 34' 37"	105° 48' 09"					E-48-8-D-c
thôn Thanh Trung	DC	xã Hải Châu	H. Tĩnh Gia	19° 34' 52"	105° 47' 59"					E-48-8-D-c
Sông Yên	TV	xã Hải Châu	H. Tĩnh Gia			19° 39' 44"	105° 42' 50"	19° 34' 32"	105° 48' 36"	E-48-8-D-c
thôn Yên Châu	DC	xã Hải Châu	H. Tĩnh Gia	19° 36' 14"	105° 48' 08"					E-48-8-D-c
núi Bằng Me	SV	xã Hải Hà	H. Tĩnh Gia	19° 18' 09"	105° 45' 48"					E-48-20-B-c
núi Bằng Nen	SV	xã Hải Hà	H. Tĩnh Gia	19° 17' 49"	105° 46' 45"					E-48-20-B-c
thôn Hà Bắc	DC	xã Hải Hà	H. Tĩnh Gia	19° 19' 13"	105° 48' 11"					E-48-20-B-c
thôn Hà Đông	DC	xã Hải Hà	H. Tĩnh Gia	19° 18' 20"	105° 48' 25"					E-48-20-B-c
thôn Hà Nam	DC	xã Hải Hà	H. Tĩnh Gia	19° 18' 09"	105° 48' 14"					E-48-20-B-c
thôn Hà Phú	DC	xã Hải Hà	H. Tĩnh Gia	19° 18' 34"	105° 48' 33"					E-48-20-B-c
thôn Hà Tân	DC	xã Hải Hà	H. Tĩnh Gia	19° 19' 03"	105° 48' 14"					E-48-20-B-c
thôn Hà Tây	DC	xã Hải Hà	H. Tĩnh Gia	19° 18' 41"	105° 48' 16"					E-48-20-B-c
thôn Hà Thành	DC	xã Hải Hà	H. Tĩnh Gia	19° 18' 25"	105° 48' 34"					E-48-20-B-c
thôn Hà Trung	DC	xã Hải Hà	H. Tĩnh Gia	19° 18' 21"	105° 48' 10"					E-48-20-B-c
đường Nghi Sơn/Bãi Trành	KX	xã Hải Hà	H. Tĩnh Gia			19° 18' 39"	105° 48' 02"	19° 28' 10"	105° 26' 16"	E-48-20-B-c
núi Răng Cưa	SV	xã Hải Hà	H. Tĩnh Gia	19° 18' 11"	105° 47' 54"					E-48-20-B-c
quốc lộ 1A	KX	xã Hải Hoà	H. Tĩnh Gia			20° 08' 01"	105° 51' 32"	19° 18' 42"	105° 43' 16"	E-48-20-B-a
Núi Am	SV	xã Hải Hoà	H. Tĩnh Gia	19° 28' 53"	105° 46' 59"					E-48-20-B-a
Núi Chay	SV	xã Hải Hoà	H. Tĩnh Gia	19° 26' 34"	105° 48' 16"					E-48-20-B-a
thôn Đông Hải	DC	xã Hải Hoà	H. Tĩnh Gia	19° 27' 10"	105° 48' 10"					E-48-20-B-a
thôn Giang Sơn	DC	xã Hải Hoà	H. Tĩnh Gia	19° 26' 42"	105° 48' 19"					E-48-20-B-a
sông Kênh Than	TV	xã Hải Hoà	H. Tĩnh Gia			19° 35' 40"	105° 47' 13"	19° 24' 47"	105° 47' 10"	E-48-20-B-a
thôn Nhân Hưng	DC	xã Hải Hoà	H. Tĩnh Gia	19° 26' 55"	105° 47' 48"					E-48-20-B-a
thôn Tân Hoà	DC	xã Hải Hoà	H. Tĩnh Gia	19° 26' 59"	105° 47' 06"					E-48-20-B-a
thôn Tiền Phong	DC	xã Hải Hoà	H. Tĩnh Gia	19° 27' 18"	105° 47' 19"					E-48-20-B-a
thôn Trung Chính	DC	xã Hải Hoà	H. Tĩnh Gia	19° 27' 23"	105° 46' 54"					E-48-20-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Vinh Tiến	DC	xã Hải Hoà	H. Tĩnh Gia	19° 26' 43"	105° 47' 18"					E-48-20-B-a
thôn Xuân Hoà	DC	xã Hải Hoà	H. Tĩnh Gia	19° 27' 31"	105° 47' 19"					E-48-20-B-a
quốc lộ 1A	KX	xã Hải Lĩnh	H. Tĩnh Gia			20° 08' 01"	105° 51' 32"	19° 18' 42"	105° 43' 16"	E-48-8-D-c, E-48-20-B-a
thôn 1	DC	xã Hải Lĩnh	H. Tĩnh Gia	19° 31' 11"	105° 48' 05"					E-48-8-D-c
thôn 2	DC	xã Hải Lĩnh	H. Tĩnh Gia	19° 30' 53"	105° 48' 05"					E-48-8-D-c
thôn 3	DC	xã Hải Lĩnh	H. Tĩnh Gia	19° 30' 59"	105° 47' 38"					E-48-8-D-c
thôn 4	DC	xã Hải Lĩnh	H. Tĩnh Gia	19° 30' 51"	105° 47' 43"					E-48-8-D-c
thôn 5	DC	xã Hải Lĩnh	H. Tĩnh Gia	19° 30' 25"	105° 47' 33"					E-48-8-D-c
thôn 6	DC	xã Hải Lĩnh	H. Tĩnh Gia	19° 30' 51"	105° 47' 19"					E-48-8-D-c
thôn 7	DC	xã Hải Lĩnh	H. Tĩnh Gia	19° 30' 09"	105° 47' 36"					E-48-8-D-c
thôn 8	DC	xã Hải Lĩnh	H. Tĩnh Gia	19° 29' 54"	105° 47' 05"					E-48-8-D-c
thôn 9	DC	xã Hải Lĩnh	H. Tĩnh Gia	19° 30' 00"	105° 47' 43"					E-48-20-B-a
thôn 10	DC	xã Hải Lĩnh	H. Tĩnh Gia	19° 29' 48"	105° 47' 42"					E-48-20-B-a
thôn 11	DC	xã Hải Lĩnh	H. Tĩnh Gia	19° 29' 41"	105° 47' 38"					E-48-20-B-a
thôn 12	DC	xã Hải Lĩnh	H. Tĩnh Gia	19° 29' 30"	105° 47' 43"					E-48-20-B-a
Núi Đông	SV	xã Hải Lĩnh	H. Tĩnh Gia	19° 30' 15"	105° 46' 48"					E-48-8-D-c
sông Kênh Than	TV	xã Hải Lĩnh	H. Tĩnh Gia			19° 35' 40"	105° 47' 13"	19° 24' 47"	105° 47' 10"	E-48-8-D-c, E-48-20-B-a
quốc lộ 1A	KX	xã Hải Nhân	H. Tĩnh Gia			20° 08' 01"	105° 51' 32"	19° 18' 42"	105° 43' 16"	E-48-20-B-a
Núi Am	SV	xã Hải Nhân	H. Tĩnh Gia	19° 28' 53"	105° 46' 59"					E-48-20-B-a
hồ Ao Quan	TV	xã Hải Nhân	H. Tĩnh Gia	19° 28' 06"	105° 44' 46"					E-48-20-A-b
thôn Bắc Hải	DC	xã Hải Nhân	H. Tĩnh Gia	19° 28' 34"	105° 46' 37"					E-48-20-B-a
thôn Bắc Sơn	DC	xã Hải Nhân	H. Tĩnh Gia	19° 28' 22"	105° 45' 45"					E-48-20-B-a
thôn Đồng Tâm	DC	xã Hải Nhân	H. Tĩnh Gia	19° 27' 29"	105° 46' 38"					E-48-20-B-a
thôn Khánh Vân	DC	xã Hải Nhân	H. Tĩnh Gia	19° 27' 24"	105° 46' 10"					E-48-20-B-a
Kênh Nam	TV	xã Hải Nhân	H. Tĩnh Gia			19° 30' 46"	105° 44' 13"	19° 25' 16"	105° 46' 13"	E-48-20-B-a
thôn Nhân Sơn	DC	xã Hải Nhân	H. Tĩnh Gia	19° 28' 04"	105° 45' 07"					E-48-20-B-a
Núi Sắn	SV	xã Hải Nhân	H. Tĩnh Gia	19° 28' 21"	105° 43' 27"					E-48-20-A-b
thôn Sơn Hậu	DC	xã Hải Nhân	H. Tĩnh Gia	19° 28' 03"	105° 44' 23"					E-48-20-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Thượng Bắc	DC	xã Hải Nhân	H. Tĩnh Gia	19° 27' 52"	105° 46' 37"					E-48-20-B-a
thôn Thượng Nam	DC	xã Hải Nhân	H. Tĩnh Gia	19° 27' 40"	105° 46' 51"					E-48-20-B-a
Núi Trạn	SV	xã Hải Nhân	H. Tĩnh Gia	19° 28' 38"	105° 45' 06"					E-48-20-A-b
thôn Văn Nhân	DC	xã Hải Nhân	H. Tĩnh Gia	19° 27' 02"	105° 45' 59"					E-48-20-B-a
ga Văn Trai	KX	xã Hải Nhân	H. Tĩnh Gia	19° 27' 33"	105° 45' 42"					E-48-20-B-a
thôn Xuân Sơn	DC	xã Hải Nhân	H. Tĩnh Gia	19° 27' 28"	105° 44' 43"					E-48-20-A-b
quốc lộ 1A	KX	xã Hải Ninh	H. Tĩnh Gia			20° 08' 01"	105° 51' 32"	19° 18' 42"	105° 43' 16"	E-48-8-D-c
thôn Bắc Thành	DC	xã Hải Ninh	H. Tĩnh Gia	19° 33' 54"	105° 48' 23"					E-48-8-D-c
xóm Cồn Vàng	DC	xã Hải Ninh	H. Tĩnh Gia	19° 34' 31"	105° 47' 19"					E-48-8-D-c
thôn Đồng Minh	DC	xã Hải Ninh	H. Tĩnh Gia	19° 34' 16"	105° 48' 09"					E-48-8-D-c
thôn Hạnh Phúc	DC	xã Hải Ninh	H. Tĩnh Gia	19° 34' 25"	105° 48' 00"					E-48-8-D-c
thôn Hồng Kỳ	DC	xã Hải Ninh	H. Tĩnh Gia	19° 33' 53"	105° 48' 00"					E-48-8-D-c
thôn Hồng Phong	DC	xã Hải Ninh	H. Tĩnh Gia	19° 34' 26"	105° 47' 37"					E-48-8-D-c
sông Kênh Than	TV	xã Hải Ninh	H. Tĩnh Gia			19° 35' 40"	105° 47' 13"	19° 24' 47"	105° 47' 10"	E-48-8-D-c
cửa Lạch Ghép	TV	xã Hải Ninh	H. Tĩnh Gia	19° 34' 32"	105° 48' 36"					E-48-8-D-c
thôn Nam Thành	DC	xã Hải Ninh	H. Tĩnh Gia	19° 33' 35"	105° 48' 25"					E-48-8-D-c
thôn Nam Tiến	DC	xã Hải Ninh	H. Tĩnh Gia	19° 33' 41"	105° 48' 11"					E-48-8-D-c
thôn Nhân Hưng	DC	xã Hải Ninh	H. Tĩnh Gia	19° 33' 31"	105° 47' 57"					E-48-8-D-c
thôn Thanh Bình	DC	xã Hải Ninh	H. Tĩnh Gia	19° 34' 05"	105° 48' 25"					E-48-8-D-c
Sông Yên	TV	xã Hải Ninh	H. Tĩnh Gia			19° 39' 44"	105° 42' 50"	19° 34' 32"	105° 48' 36"	E-48-8-D-c
Mũi Bạng	SV	xã Hải Thanh	H. Tĩnh Gia	19° 25' 32"	105° 48' 37"					E-48-20-B-a
núi Do Xuyên	SV	xã Hải Thanh	H. Tĩnh Gia	19° 24' 26"	105° 47' 20"					E-48-20-B-a
Đồn Biên phòng Hải Thanh	KX	xã Hải Thanh	H. Tĩnh Gia	19° 25' 56"	105° 48' 05"					E-48-20-B-a
sông Kênh Than	TV	xã Hải Thanh	H. Tĩnh Gia			19° 35' 40"	105° 47' 13"	19° 24' 47"	105° 47' 10"	E-48-20-B-a
cửa Lạch Bạng	TV	xã Hải Thanh	H. Tĩnh Gia	19° 24' 14"	105° 47' 06"					E-48-20-B-a
sông Lạch Bạng	TV	xã Hải Thanh	H. Tĩnh Gia			19° 21' 29"	105° 43' 25"	19° 24' 14"	105° 47' 06"	E-48-20-B-a
thôn Quang Minh	DC	xã Hải Thanh	H. Tĩnh Gia	19° 25' 25"	105° 47' 33"					E-48-20-B-a
Mũi Rồng	SV	xã Hải Thanh	H. Tĩnh Gia	19° 24' 18"	105° 47' 29"					E-48-20-B-a
thôn Thanh Đình	DC	xã Hải Thanh	H. Tĩnh Gia	19° 24' 40"	105° 47' 03"					E-48-20-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Thanh Đông	DC	xã Hải Thanh	H. Tĩnh Gia	19° 25' 00"	105° 47' 25"					E-48-20-B-a
thôn Thanh Nam	DC	xã Hải Thanh	H. Tĩnh Gia	19° 24' 22"	105° 47' 11"					E-48-20-B-a
thôn Thanh Xuyên	DC	xã Hải Thanh	H. Tĩnh Gia	19° 25' 09"	105° 47' 27"					E-48-20-B-a
Núi Thổi	SV	xã Hải Thanh	H. Tĩnh Gia	19° 25' 45"	105° 48' 35"					E-48-20-B-a
thôn Thượng Hải	DC	xã Hải Thanh	H. Tĩnh Gia	19° 25' 52"	105° 47' 49"					E-48-20-B-a
thôn Xuân Tiến	DC	xã Hải Thanh	H. Tĩnh Gia	19° 25' 15"	105° 47' 29"					E-48-20-B-a
thôn Bắc Hải	DC	xã Hải Thượng	H. Tĩnh Gia	19° 20' 29"	105° 47' 46"					E-48-20-B-c
núi Bằng Me	SV	xã Hải Thượng	H. Tĩnh Gia	19° 18' 09"	105° 45' 48"					E-48-20-B-c
Núi Cam	SV	xã Hải Thượng	H. Tĩnh Gia	19° 20' 38"	105° 45' 41"					E-48-20-B-c
thôn Cao Bắc	DC	xã Hải Thượng	H. Tĩnh Gia	19° 20' 02"	105° 48' 15"					E-48-20-B-c
thôn Cao Nam	DC	xã Hải Thượng	H. Tĩnh Gia	19° 19' 55"	105° 48' 19"					E-48-20-B-c
núi Chuột Chù	SV	xã Hải Thượng	H. Tĩnh Gia	19° 20' 33"	105° 46' 56"					E-48-20-B-c
Núi Đòn	SV	xã Hải Thượng	H. Tĩnh Gia	19° 20' 31"	105° 46' 35"					E-48-20-B-c
thôn Liên Đình	DC	xã Hải Thượng	H. Tĩnh Gia	19° 19' 43"	105° 47' 56"					E-48-20-B-c
thôn Liên Hải	DC	xã Hải Thượng	H. Tĩnh Gia	19° 20' 06"	105° 48' 03"					E-48-20-B-c
thôn Liên Sơn	DC	xã Hải Thượng	H. Tĩnh Gia	19° 20' 14"	105° 46' 03"					E-48-20-B-c
thôn Liên Trung	DC	xã Hải Thượng	H. Tĩnh Gia	19° 19' 41"	105° 48' 07"					E-48-20-B-c
thôn Nam Hải	DC	xã Hải Thượng	H. Tĩnh Gia	19° 19' 29"	105° 48' 19"					E-48-20-B-c
Nhà máy Xi măng Nghi Sơn	KX	xã Hải Thượng	H. Tĩnh Gia	19° 20' 03"	105° 47' 11"					E-48-20-B-c
đường Nghi Sơn/Bãi Trành	KX	xã Hải Thượng	H. Tĩnh Gia			19° 18' 39"	105° 48' 02"	19° 28' 10"	105° 26' 16"	E-48-20-B-c
thôn Ngọc Sơn	DC	xã Hải Thượng	H. Tĩnh Gia	19° 19' 46"	105° 48' 26"					E-48-20-B-c
Núi Xước	SV	xã Hải Thượng	H. Tĩnh Gia	19° 19' 28"	105° 44' 23"					E-48-20-A-d
thôn Bắc Yến	DC	xã Hải Yến	H. Tĩnh Gia	19° 22' 06"	105° 46' 46"					E-48-20-B-c
Núi Cam	SV	xã Hải Yến	H. Tĩnh Gia	19° 20' 38"	105° 45' 41"					E-48-20-B-c
núi Chuột Chù	SV	xã Hải Yến	H. Tĩnh Gia	19° 20' 33"	105° 46' 56"					E-48-20-B-c
Núi Đòn	SV	xã Hải Yến	H. Tĩnh Gia	19° 20' 31"	105° 46' 35"					E-48-20-B-c
thôn Đông Yến	DC	xã Hải Yến	H. Tĩnh Gia	19° 21' 30"	105° 46' 55"					E-48-20-B-c
thôn Nam Yến	DC	xã Hải Yến	H. Tĩnh Gia	19° 21' 28"	105° 46' 45"					E-48-20-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Đồn công an Cửa khẩu cảng Nghi Sơn	KX	xã Hải Yến	H. Tĩnh Gia	19° 20' 58"	105° 47' 31"					E-48-20-B-c
đường Nghi Sơn/Bãi Trành	KX	xã Hải Yến	H. Tĩnh Gia			19° 18' 39"	105° 48' 02"	19° 28' 10"	105° 26' 16"	E-48-20-B-c
thôn Trung Hậu	DC	xã Hải Yến	H. Tĩnh Gia	19° 21' 40"	105° 46' 54"					E-48-20-B-c
thôn Trung Yến	DC	xã Hải Yến	H. Tĩnh Gia	19° 21' 41"	105° 46' 42"					E-48-20-B-c
thôn Văn Yên	DC	xã Hải Yến	H. Tĩnh Gia	19° 21' 53"	105° 46' 45"					E-48-20-B-c
đường tỉnh 512	KX	xã Hùng Sơn	H. Tĩnh Gia			19° 31' 58"	105° 47' 31"	19° 31' 32"	105° 40' 56"	E-48-8-C-d, E-48-8-D-c
Kênh Bắc	TV	xã Hùng Sơn	H. Tĩnh Gia			19° 30' 46"	105° 44' 13"	19° 32' 45"	105° 48' 00"	E-48-8-C-d, E-48-8-D-c
Núi Bợm	SV	xã Hùng Sơn	H. Tĩnh Gia	19° 31' 54"	105° 46' 29"					E-48-8-D-c
kênh Bòng Bòng	TV	xã Hùng Sơn	H. Tĩnh Gia			19° 31' 04"	105° 42' 47"	19° 35' 52"	105° 45' 58"	E-48-8-C-d
Núi Các	SV	xã Hùng Sơn	H. Tĩnh Gia	19° 30' 07"	105° 42' 36"					E-48-8-C-d
thôn Cầu Đông	DC	xã Hùng Sơn	H. Tĩnh Gia	19° 31' 54"	105° 44' 35"					E-48-8-C-d
Núi Con	SV	xã Hùng Sơn	H. Tĩnh Gia	19° 30' 44"	105° 44' 45"					E-48-8-C-d
Thôn Đông	DC	xã Hùng Sơn	H. Tĩnh Gia	19° 31' 21"	105° 44' 42"					E-48-8-C-d
suối Đồng Thùng	TV	xã Hùng Sơn	H. Tĩnh Gia			19° 30' 37"	105° 45' 28"	19° 29' 42"	105° 45' 43"	E-48-8-D-c
sông Hao Hao	TV	xã Hùng Sơn	H. Tĩnh Gia			19° 29' 55"	105° 44' 12"	19° 33' 22"	105° 43' 30"	E-48-8-C-d
thôn Liên Sơn	DC	xã Hùng Sơn	H. Tĩnh Gia	19° 31' 53"	105° 45' 13"					E-48-8-D-c
Kênh Nam	TV	xã Hùng Sơn	H. Tĩnh Gia			19° 30' 46"	105° 44' 13"	19° 25' 16"	105° 46' 13"	E-48-8-C-d
thôn Ngọc Sơn	DC	xã Hùng Sơn	H. Tĩnh Gia	19° 31' 13"	105° 44' 39"					E-48-8-C-d
Thôn Song	DC	xã Hùng Sơn	H. Tĩnh Gia	19° 31' 19"	105° 44' 01"					E-48-8-C-d
Thôn Thái	DC	xã Hùng Sơn	H. Tĩnh Gia	19° 30' 55"	105° 44' 24"					E-48-8-C-d
thôn Thượng	DC	xã Hùng Sơn	H. Tĩnh Gia	19° 31' 11"	105° 44' 56"					E-48-8-C-d
quốc lộ 1A	KX	xã Mai Lâm	H. Tĩnh Gia			20° 08' 01"	105° 51' 32"	19° 18' 42"	105° 43' 16"	E-48-20-A-d
thôn Bản Cát	DC	xã Mai Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 20' 58"	105° 45' 30"					E-48-20-B-c
Núi Cốc	SV	xã Mai Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 21' 42"	105° 45' 32"					E-48-20-B-c
thôn Đại Đồng	DC	xã Mai Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 22' 08"	105° 45' 32"					E-48-20-B-c
thôn Hải Lâm	DC	xã Mai Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 21' 48"	105° 43' 53"					E-48-20-A-d
Cầu Hổ	KX	xã Mai Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 21' 29"	105° 43' 25"					E-48-20-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Hữu Đạo	DC	xã Mai Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 22' 26"	105° 44' 53"					E-48-20-A-d
thôn Hữu Đức	DC	xã Mai Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 22' 14"	105° 44' 51"					E-48-20-A-d
thôn Hữu Nam	DC	xã Mai Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 21' 01"	105° 44' 02"					E-48-20-A-d
thôn Hữu Nhân	DC	xã Mai Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 21' 44"	105° 44' 39"					E-48-20-A-d
thôn Hữu Tài	DC	xã Mai Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 21' 25"	105° 44' 17"					E-48-20-A-d
sông Lạch Bạng	TV	xã Mai Lâm	H. Tĩnh Gia			19° 21' 29"	105° 43' 25"	19° 24' 14"	105° 47' 06"	E-48-20-A-b, E-48-20-B-a, E-48-20-A-d
đường Nghi Sơn/Bãi Trành	KX	xã Mai Lâm	H. Tĩnh Gia			19° 18' 39"	105° 48' 02"	19° 28' 10"	105° 26' 16"	E-48-20-A-d, E-48-20-B-c
thôn Sơn Phú	DC	xã Mai Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 22' 24"	105° 45' 25"					E-48-20-B-c
thôn Tân Thành	DC	xã Mai Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 20' 54"	105° 45' 00"					E-48-20-B-c
sông Thạch Luyện	TV	xã Mai Lâm	H. Tĩnh Gia			19° 18' 47"	105° 43' 23"	19° 21' 29"	105° 43' 25"	E-48-20-A-d
thôn Tháp Sơn	DC	xã Mai Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 22' 37"	105° 45' 28"					E-48-20-B-a
Núi Thung	SV	xã Mai Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 20' 14"	105° 44' 01"					E-48-20-A-d
Núi Tràn	SV	xã Mai Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 21' 45"	105° 44' 17"					E-48-20-A-d
thôn Bắc Sơn	DC	xã Nghi Sơn	H. Tĩnh Gia	19° 20' 32"	105° 49' 16"					E-48-20-B-c
đảo Biện Sơn	TV	xã Nghi Sơn	H. Tĩnh Gia	19° 19' 26"	105° 49' 10"					E-48-20-B-c
thôn Nam Sơn	DC	xã Nghi Sơn	H. Tĩnh Gia	19° 20' 10"	105° 49' 21"					E-48-20-B-c
núi Nghi Sơn	SV	xã Nghi Sơn	H. Tĩnh Gia	19° 18' 43"	105° 49' 23"					E-48-20-B-c
núi Ngọc Sơn	SV	xã Nghi Sơn	H. Tĩnh Gia	19° 19' 50"	105° 49' 02"					E-48-20-B-c
cảng Nước Sâu	KX	xã Nghi Sơn	H. Tĩnh Gia	19° 18' 22"	105° 49' 14"					E-48-20-B-c
thôn Thanh Sơn	DC	xã Nghi Sơn	H. Tĩnh Gia	19° 20' 18"	105° 49' 17"					E-48-20-B-c
thôn Trung Sơn	DC	xã Nghi Sơn	H. Tĩnh Gia	19° 20' 23"	105° 49' 24"					E-48-20-B-c
thôn 8	DC	xã Ngọc Lĩnh	H. Tĩnh Gia	19° 33' 28"	105° 46' 43"					E-48-8-D-c
thôn 9	DC	xã Ngọc Lĩnh	H. Tĩnh Gia	19° 33' 13"	105° 46' 36"					E-48-8-D-c
thôn 10	DC	xã Ngọc Lĩnh	H. Tĩnh Gia	19° 32' 41"	105° 46' 34"					E-48-8-D-c
thôn 11	DC	xã Ngọc Lĩnh	H. Tĩnh Gia	19° 33' 37"	105° 46' 11"					E-48-8-D-c
thôn 12	DC	xã Ngọc Lĩnh	H. Tĩnh Gia	19° 33' 30"	105° 46' 01"					E-48-8-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn 13	DC	xã Ngọc Lĩnh	H. Tĩnh Gia	19° 33' 22"	105° 46' 08"					E-48-8-D-c
thôn 14	DC	xã Ngọc Lĩnh	H. Tĩnh Gia	19° 32' 57'	105° 46' 2'					E-48-8-D-c
thôn 15	DC	xã Ngọc Lĩnh	H. Tĩnh Gia	19° 32' 45"	105° 45' 48"					E-48-8-D-c
thôn 16	DC	xã Ngọc Lĩnh	H. Tĩnh Gia	19° 32' 35"	105° 45' 59"					E-48-8-D-c
đường tỉnh 512	KX	xã Ngọc Lĩnh	H. Tĩnh Gia			19° 31' 58"	105° 47' 31"	19° 31' 32"	105° 40' 56"	E-48-8-D-c
Kênh Bắc	TV	xã Ngọc Lĩnh	H. Tĩnh Gia			19° 30' 46"	105° 44' 13"	19° 32' 45"	105° 48' 00"	E-48-8-D-c
Núi Bợm	SV	xã Ngọc Lĩnh	H. Tĩnh Gia	19° 31' 54"	105° 46' 29"					E-48-8-D-c
kênh Bòng Bòng	TV	xã Ngọc Lĩnh	H. Tĩnh Gia			19° 31' 04"	105° 42' 47"	19° 35' 52"	105° 45' 58"	E-48-8-D-c
sông Kênh Than	TV	xã Ngọc Lĩnh	H. Tĩnh Gia			19° 35' 40"	105° 47' 13"	19° 24' 47"	105° 47' 10"	E-48-8-D-c
quốc lộ 1A	KX	xã Nguyên Bình	H. Tĩnh Gia			20° 08' 01"	105° 51' 32"	19° 18' 42"	105° 43' 16"	E-48-20-B-a
xóm 21	DC	xã Nguyên Bình	H. Tĩnh Gia	19° 26' 12"	105° 44' 07"					E-48-20-A-b
xóm 22	DC	xã Nguyên Bình	H. Tĩnh Gia	19° 25' 50"	105° 44' 20"					E-48-20-A-b
Núi Các	SV	xã Nguyên Bình	H. Tĩnh Gia	19° 28' 45"	105° 41' 27"					E-48-20-A-b
thôn Cao Thắng 1	DC	xã Nguyên Bình	H. Tĩnh Gia	19° 25' 52"	105° 46' 10"					E-48-20-B-a
thôn Cao Thắng 2	DC	xã Nguyên Bình	H. Tĩnh Gia	19° 25' 48"	105° 46' 17"					E-48-20-B-a
thôn Cao Thắng 3	DC	xã Nguyên Bình	H. Tĩnh Gia	19° 26' 00"	105° 46' 44"					E-48-20-B-a
thôn Cao Thắng 4	DC	xã Nguyên Bình	H. Tĩnh Gia	19° 25' 57"	105° 46' 18"					E-48-20-B-a
thôn Cao Thắng 5	DC	xã Nguyên Bình	H. Tĩnh Gia	19° 26' 13"	105° 46' 25"					E-48-20-B-a
thôn Đào Duy Từ	DC	xã Nguyên Bình	H. Tĩnh Gia	19° 26' 29"	105° 46' 22"					E-48-20-B-a
Suối Hao	TV	xã Nguyên Bình	H. Tĩnh Gia			19° 26' 19"	105° 42' 11"	19° 29' 55"	105° 44' 12"	E-48-20-A-b
núi Lâm Động	SV	xã Nguyên Bình	H. Tĩnh Gia	19° 25' 40"	105° 42' 20"					E-48-20-A-b
Khe Luồng	TV	xã Nguyên Bình	H. Tĩnh Gia			19° 28' 29"	105° 41' 35"	19° 28' 12"	105° 43' 05"	E-48-20-A-b
Khe Mữu	TV	xã Nguyên Bình	H. Tĩnh Gia	19° 27' 09"	105° 43' 37"					E-48-20-A-b
Kênh Nam	TV	xã Nguyên Bình	H. Tĩnh Gia			19° 30' 46"	105° 44' 13"	19° 25' 16"	105° 46' 13"	E-48-20-B-a
Núi Năng	SV	xã Nguyên Bình	H. Tĩnh Gia	19° 26' 19"	105° 44' 40"					E-48-20-A-b
thôn Phú Quang	DC	xã Nguyên Bình	H. Tĩnh Gia	19° 27' 22"	105° 44' 03"					E-48-20-A-b
thôn Quyết Thắng	DC	xã Nguyên Bình	H. Tĩnh Gia	19° 26' 40"	105° 45' 44"					E-48-20-B-a
Núi Sắn	SV	xã Nguyên Bình	H. Tĩnh Gia	19° 28' 21"	105° 43' 27"					E-48-20-A-b
thôn Sơn Thắng	DC	xã Nguyên Bình	H. Tĩnh Gia	19° 26' 07"	105° 45' 44"					E-48-20-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
hồ Suối Chan	TV	xã Nguyên Bình	H. Tĩnh Gia	19° 26' 26"	105° 43' 52"					E-48-20-A-b
thôn Tào Trung	DC	xã Nguyên Bình	H. Tĩnh Gia	19° 27' 09"	105° 44' 44"					E-48-20-A-b
thôn Thành Công	DC	xã Nguyên Bình	H. Tĩnh Gia	19° 26' 37"	105° 44' 10"					E-48-20-A-b
thôn Vạn Thắng 6	DC	xã Nguyên Bình	H. Tĩnh Gia	19° 26' 32"	105° 46' 16"					E-48-20-B-a
thôn Vạn Thắng 7	DC	xã Nguyên Bình	H. Tĩnh Gia	19° 26' 48"	105° 46' 19"					E-48-20-B-a
thôn Vạn Thắng 8	DC	xã Nguyên Bình	H. Tĩnh Gia	19° 26' 44"	105° 46' 07"					E-48-20-B-a
thôn Vạn Thắng 9	DC	xã Nguyên Bình	H. Tĩnh Gia	19° 26' 47"	105° 45' 51"					E-48-20-B-a
thôn Xuân Nguyên	DC	xã Nguyên Bình	H. Tĩnh Gia	19° 26' 10"	105° 44' 36"					E-48-20-A-b
quốc lộ 1A	KX	xã Ninh Hải	H. Tĩnh Gia			20° 08' 01"	105° 51' 32"	19° 18' 42"	105° 43' 16"	E-48-20-B-a
Núi Am	SV	xã Ninh Hải	H. Tĩnh Gia	19° 28' 53"	105° 46' 59"					E-48-20-B-a
thôn Đại Tiến	DC	xã Ninh Hải	H. Tĩnh Gia	19° 28' 35"	105° 48' 01"					E-48-20-B-a
thôn Đức Thành	DC	xã Ninh Hải	H. Tĩnh Gia	19° 27' 58"	105° 47' 28"					E-48-20-B-a
Cầu Hang	KX	xã Ninh Hải	H. Tĩnh Gia	19° 29' 07"	105° 47' 32"					E-48-20-B-a
sông Kênh Than	TV	xã Ninh Hải	H. Tĩnh Gia			19° 35' 40"	105° 47' 13"	19° 24' 47"	105° 47' 10"	E-48-20-B-a
Kênh Nam	TV	xã Ninh Hải	H. Tĩnh Gia			19° 30' 46"	105° 44' 13"	19° 25' 16"	105° 46' 13"	E-48-8-C-d
thôn Quang Trung	DC	xã Ninh Hải	H. Tĩnh Gia	19° 28' 16"	105° 47' 55"					E-48-20-B-a
thôn Sơn Hải	DC	xã Ninh Hải	H. Tĩnh Gia	19° 28' 54"	105° 47' 57"					E-48-20-B-a
thôn Thống Nhất	DC	xã Ninh Hải	H. Tĩnh Gia	19° 27' 54"	105° 48' 03"					E-48-20-B-a
thôn Văn Sơn	DC	xã Ninh Hải	H. Tĩnh Gia	19° 28' 23"	105° 47' 29"					E-48-20-B-a
thôn 1	DC	xã Phú Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 24' 19"	105° 42' 31"					E-48-20-A-b
thôn 2	DC	xã Phú Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 24' 47"	105° 43' 25"					E-48-20-A-b
thôn 3	DC	xã Phú Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 24' 38"	105° 42' 28"					E-48-20-A-b
thôn 4	DC	xã Phú Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 24' 21"	105° 42' 02"					E-48-20-A-b
thôn 5	DC	xã Phú Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 24' 58"	105° 41' 30"					E-48-20-A-b
thôn 6	DC	xã Phú Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 24' 54"	105° 41' 11"					E-48-20-A-b
thôn 7	DC	xã Phú Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 24' 33"	105° 40' 51"					E-48-20-A-b
thôn 8	DC	xã Phú Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 24' 31"	105° 41' 05"					E-48-20-A-b
thôn 9	DC	xã Phú Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 24' 06"	105° 41' 32"					E-48-20-A-b
khe Đá Mài	TV	xã Phú Lâm	H. Tĩnh Gia			19° 24' 31"	105° 39' 22"	19° 24' 22"	105° 40' 41"	E-48-20-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Suối Khổng	TV	xã Phú Lâm	H. Tĩnh Gia			19° 24' 10"	105° 41' 53"	19° 22' 40"	105° 42' 25"	E-48-20-A-b
núi Lâm Động	SV	xã Phú Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 25' 40"	105° 42' 20"					E-48-20-A-b
núi Lốc Ê	SV	xã Phú Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 25' 27"	105° 38' 34"					E-48-20-A-b
hồ Nam Sơn	TV	xã Phú Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 25' 11"	105° 39' 40"					E-48-20-A-b
đường Nghi Sơn/Bãi Trành	KX	xã Phú Lâm	H. Tĩnh Gia			19° 19' 31"	105° 48' 03"	19° 28' 10"	105° 26' 16"	E-48-20-A-b
núi Thù Đà	SV	xã Phú Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 24' 08"	105° 42' 51"					E-48-20-A-b
núi Thung Lim	SV	xã Phú Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 23' 54"	105° 42' 22"					E-48-20-A-b
hồ Thung Sâu	TV	xã Phú Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 25' 14"	105° 41' 13"					E-48-20-A-b
thôn Bắc Sơn	DC	xã Phú Sơn	H. Tĩnh Gia	19° 26' 42"	105° 40' 37"					E-48-20-A-b
thôn Bình Sơn	DC	xã Phú Sơn	H. Tĩnh Gia	19° 27' 56"	105° 39' 19"					E-48-20-A-b
núi Bù Lù	SV	xã Phú Sơn	H. Tĩnh Gia	19° 27' 58"	105° 39' 05"					E-48-20-A-b
Núi Các	SV	xã Phú Sơn	H. Tĩnh Gia	19° 28' 45"	105° 41' 27"					E-48-20-A-b
Khe Đá	TV	xã Phú Sơn	H. Tĩnh Gia			19° 25' 50"	105° 42' 11"	19° 26' 18"	105° 40' 48"	E-48-20-A-b
thôn Đông Sơn	DC	xã Phú Sơn	H. Tĩnh Gia	19° 26' 00"	105° 41' 06"					E-48-20-A-b
suối Hòn Chuối	TV	xã Phú Sơn	H. Tĩnh Gia			19° 25' 35"	105° 39' 11"	19° 27' 18"	105° 38' 38"	E-48-20-A-b
núi Hòn Lả	SV	xã Phú Sơn	H. Tĩnh Gia	19° 26' 26"	105° 40' 14"					E-48-20-A-b
núi Lâm Động	SV	xã Phú Sơn	H. Tĩnh Gia	19° 25' 40"	105° 42' 20"					E-48-20-A-b
hồ Nam Sơn	TV	xã Phú Sơn	H. Tĩnh Gia	19° 25' 11"	105° 39' 40"					E-48-20-A-b
thôn Nam Sơn	DC	xã Phú Sơn	H. Tĩnh Gia	19° 25' 14"	105° 40' 16"					E-48-20-A-b
đường Nghi Sơn/Bãi Trành	KX	xã Phú Sơn	H. Tĩnh Gia			19° 18' 39"	105° 48' 02"	19° 28' 10"	105° 26' 16"	E-48-20-A-b
thôn Tây Sơn	DC	xã Phú Sơn	H. Tĩnh Gia	19° 26' 17"	105° 39' 29"					E-48-20-A-b
thôn Trung Sơn	DC	xã Phú Sơn	H. Tĩnh Gia	19° 25' 56"	105° 40' 14"					E-48-20-A-b
hồ Yên Mỹ	TV	xã Phú Sơn	H. Tĩnh Gia	19° 29' 02"	105° 38' 46"					E-48-20-A-b
quốc lộ 1A	KX	xã Tân Dân	H. Tĩnh Gia			20° 08' 01"	105° 51' 32"	19° 18' 42"	105° 43' 16"	E-48-8-D-c
đường tỉnh 512	KX	xã Tân Dân	H. Tĩnh Gia			19° 31' 58"	105° 47' 31"	19° 31' 32"	105° 40' 56"	E-48-8-D-c
Núi Bợm	SV	xã Tân Dân	H. Tĩnh Gia	19° 31' 54"	105° 46' 29"					E-48-8-D-c
thôn Hồ Đông	DC	xã Tân Dân	H. Tĩnh Gia	19° 32' 13"	105° 48' 03"					E-48-8-D-c
thôn Hồ Nam	DC	xã Tân Dân	H. Tĩnh Gia	19° 32' 01"	105° 48' 01"					E-48-8-D-c
thôn Hồ Thịnh	DC	xã Tân Dân	H. Tĩnh Gia	19° 31' 27"	105° 47' 45"					E-48-8-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Hồ Trung	DC	xã Tân Dân	H. Tĩnh Gia	19° 31' 37"	105° 47' 58"					E-48-8-D-c
sông Kênh Than	TV	xã Tân Dân	H. Tĩnh Gia			19° 35' 40"	105° 47' 13"	19° 24' 47"	105° 47' 10"	E-48-8-D-c
thôn Minh Sơn	DC	xã Tân Dân	H. Tĩnh Gia	19° 31' 10"	105° 46' 34"					E-48-8-D-c
thôn Tân Sơn	DC	xã Tân Dân	H. Tĩnh Gia	19° 31' 37"	105° 47' 15"					E-48-8-D-c
thôn Thanh Minh	DC	xã Tân Dân	H. Tĩnh Gia	19° 31' 49"	105° 47' 33"					E-48-8-D-c
thôn Tiền Phong	DC	xã Tân Dân	H. Tĩnh Gia	19° 31' 11"	105° 47' 30"					E-48-8-D-c
quốc lộ 1A	KX	xã Tân Trường	H. Tĩnh Gia			20° 08' 01"	105° 51' 32"	19° 18' 42"	105° 43' 16"	E-48-20-A-d
thôn 3	DC	xã Tân Trường	H. Tĩnh Gia	19° 21' 40"	105° 42' 03"					E-48-20-A-d
thôn 4	DC	xã Tân Trường	H. Tĩnh Gia	19° 21' 31"	105° 42' 35"					E-48-20-A-d
thôn 5	DC	xã Tân Trường	H. Tĩnh Gia	19° 21' 42"	105° 42' 36"					E-48-20-A-d
thôn 6	DC	xã Tân Trường	H. Tĩnh Gia	19° 21' 54"	105° 41' 47"					E-48-20-A-d
thôn 7	DC	xã Tân Trường	H. Tĩnh Gia	19° 22' 03"	105° 41' 18"					E-48-20-A-d
thôn 8	DC	xã Tân Trường	H. Tĩnh Gia	19° 22' 03"	105° 40' 41"					E-48-20-A-d
thôn 9	DC	xã Tân Trường	H. Tĩnh Gia	19° 22' 37"	105° 40' 49"					E-48-20-A-b
thôn 10	DC	xã Tân Trường	H. Tĩnh Gia	19° 22' 31"	105° 41' 26"					E-48-20-A-d
thôn 11	DC	xã Tân Trường	H. Tĩnh Gia	19° 22' 46"	105° 41' 33"					E-48-20-A-b
thôn 12	DC	xã Tân Trường	H. Tĩnh Gia	19° 22' 48"	105° 42' 17"					E-48-20-A-d
thôn 13	DC	xã Tân Trường	H. Tĩnh Gia	19° 21' 34"	105° 40' 46"					E-48-20-A-d
núi Đằng Đằng	SV	xã Tân Trường	H. Tĩnh Gia	19° 20' 30"	105° 39' 56"					E-48-20-A-d
thôn Đồng Lách	DC	xã Tân Trường	H. Tĩnh Gia	19° 22' 33"	105° 38' 00"					E-48-20-A-b
núi Eo Thắng	SV	xã Tân Trường	H. Tĩnh Gia	19° 22' 56"	105° 42' 19"					E-48-20-A-b
núi Hang Dơi	SV	xã Tân Trường	H. Tĩnh Gia	19° 22' 19"	105° 40' 16"					E-48-20-A-d
Cầu Hổ	KX	xã Tân Trường	H. Tĩnh Gia	19° 21' 29"	105° 43' 25"					E-48-20-A-d
hồ Khe Tuần	TV	xã Tân Trường	H. Tĩnh Gia	19° 22' 42"	105° 40' 05"					E-48-20-A-b
Suối Khổng	TV	xã Tân Trường	H. Tĩnh Gia			19° 24' 10"	105° 41' 53"	19° 22' 40"	105° 42' 25"	E-48-20-A-b
hồ Kim Giao 1	TV	xã Tân Trường	H. Tĩnh Gia	19° 22' 57"	105° 39' 04"					E-48-20-A-b
hồ Kim Giao 2	TV	xã Tân Trường	H. Tĩnh Gia	19° 21' 53"	105° 39' 32"					E-48-20-A-d
đường Nghi Sơn/Bãi Trành	KX	xã Tân Trường	H. Tĩnh Gia			19° 18' 39"	105° 48' 02"	19° 28' 10"	105° 26' 16"	E-48-20-A-d, E-48-20-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Tam Sơn	DC	xã Tân Trường	H. Tĩnh Gia	19° 22' 45"	105° 39' 42"					E-48-20-A-b
thôn Tân Phúc	DC	xã Tân Trường	H. Tĩnh Gia	19° 21' 18"	105° 41' 27"					E-48-20-A-d
sông Thạch Luyện	TV	xã Tân Trường	H. Tĩnh Gia			19° 18' 47"	105° 43' 23"	19° 21' 29"	105° 43' 25"	E-48-20-A-d
núi Thung Trưởn	SV	xã Tân Trường	H. Tĩnh Gia	19° 21' 15"	105° 39' 05"					E-48-20-A-d
sông Tuần Cung	TV	xã Tân Trường	H. Tĩnh Gia			19° 22' 45"	105° 40' 23"	19° 22' 02"	105° 43' 44"	E-48-20-A-d, E-48-20-A-b
kênh Bòng Bòng	TV	xã Thanh Sơn	H. Tĩnh Gia			19° 31' 04"	105° 42' 47"	19° 35' 52"	105° 45' 58"	E-48-8-D-c
thôn Đông Thành	DC	xã Thanh Sơn	H. Tĩnh Gia	19° 34' 47"	105° 45' 50"					E-48-8-D-c
sông Kênh Than	TV	xã Thanh Sơn	H. Tĩnh Gia			19° 35' 40"	105° 47' 13"	19° 24' 47"	105° 47' 10"	E-48-8-D-c
Núi Nga	SV	xã Thanh Sơn	H. Tĩnh Gia	19° 33' 39"	105° 44' 32"					E-48-8-C-d
thôn Phúc Lý	DC	xã Thanh Sơn	H. Tĩnh Gia	19° 33' 52"	105° 46' 05"					E-48-8-D-c
thôn Phượng Áng	DC	xã Thanh Sơn	H. Tĩnh Gia	19° 33' 48"	105° 44' 56"					E-48-8-C-d
thôn Sơn Hạ	DC	xã Thanh Sơn	H. Tĩnh Gia	19° 34' 45"	105° 45' 06"					E-48-8-C-d
thôn Sơn Thượng	DC	xã Thanh Sơn	H. Tĩnh Gia	19° 34' 46"	105° 45' 17"					E-48-8-D-c
thôn Thanh Bình	DC	xã Thanh Sơn	H. Tĩnh Gia	19° 34' 15"	105° 46' 20"					E-48-8-D-c
thôn Thanh Châu	DC	xã Thanh Sơn	H. Tĩnh Gia	19° 34' 36"	105° 46' 09"					E-48-8-D-c
sông Thị Long	TV	xã Thanh Sơn	H. Tĩnh Gia			19° 30' 13"	105° 41' 06"	19° 36' 29"	105° 45' 36"	E-48-8-C-d
thôn Trung Sơn	DC	xã Thanh Sơn	H. Tĩnh Gia	19° 34' 56"	105° 45' 27"					E-48-8-D-c
thôn Trung Thành	DC	xã Thanh Sơn	H. Tĩnh Gia	19° 34' 28"	105° 46' 01"					E-48-8-D-c
thôn Văn Phúc	DC	xã Thanh Sơn	H. Tĩnh Gia	19° 34' 04"	105° 45' 45"					E-48-8-D-c
thôn Xuân Sơn	DC	xã Thanh Sơn	H. Tĩnh Gia	19° 34' 57"	105° 45' 17"					E-48-8-D-c
kênh Bòng Bòng	TV	xã Thanh Thuỷ	H. Tĩnh Gia			19° 31' 04"	105° 42' 47"	19° 35' 52"	105° 45' 58"	E-48-8-D-c
thôn Đồng Minh	DC	xã Thanh Thuỷ	H. Tĩnh Gia	19° 35' 26"	105° 45' 51"					E-48-8-D-c
sông Kênh Than	TV	xã Thanh Thuỷ	H. Tĩnh Gia			19° 35' 40"	105° 47' 13"	19° 24' 47"	105° 47' 10"	E-48-8-D-c
thôn Nhật Tân	DC	xã Thanh Thuỷ	H. Tĩnh Gia	19° 34' 54"	105° 46' 02"					E-48-8-D-c
thôn Phượng Cát	DC	xã Thanh Thuỷ	H. Tĩnh Gia	19° 35' 06"	105° 46' 02"					E-48-8-D-c
thôn Tào Sơn	DC	xã Thanh Thuỷ	H. Tĩnh Gia	19° 35' 03"	105° 45' 39"					E-48-8-D-c
sông Thị Long	TV	xã Thanh Thuỷ	H. Tĩnh Gia			19° 30' 13"	105° 41' 06"	19° 36' 29"	105° 45' 36"	E-48-8-D-c, E-48-8-C-d
Sông Yên	TV	xã Thanh Thuỷ	H. Tĩnh Gia			19° 39' 44"	105° 42' 50"	19° 34' 32"	105° 48' 36"	E-48-8-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Núi Cam	SV	xã Tĩnh Hải	H. Tĩnh Gia	19° 20' 38"	105° 45' 41"					E-48-20-B-c
sông Lạch Bạng	TV	xã Tĩnh Hải	H. Tĩnh Gia			19° 21' 29"	105° 43' 25"	19° 24' 14"	105° 47' 06"	E-48-20-B-a
thôn Liên Vinh	DC	xã Tĩnh Hải	H. Tĩnh Gia	19° 23' 14"	105° 46' 33"					E-48-20-B-a
đường Nghi Sơn/Bãi Trành	KX	xã Tĩnh Hải	H. Tĩnh Gia			19° 18' 39"	105° 48' 02"	19° 28' 10"	105° 26' 16"	E-48-20-B-c
thôn Thắng Hải	DC	xã Tĩnh Hải	H. Tĩnh Gia	19° 22' 53"	105° 46' 41"					E-48-20-B-a
thôn Trung Sơn	DC	xã Tĩnh Hải	H. Tĩnh Gia	19° 22' 10"	105° 46' 29"					E-48-20-B-a
thôn Bắc Sơn	DC	xã Triêu Dương	H. Tĩnh Gia	19° 33' 29"	105° 47' 11"					E-48-8-D-c
thôn Đông Lân	DC	xã Triêu Dương	H. Tĩnh Gia	19° 34' 22"	105° 47' 01"					E-48-8-D-c
thôn Hồng Phong	DC	xã Triêu Dương	H. Tĩnh Gia	19° 33' 44"	105° 47' 15"					E-48-8-D-c
thôn Hưng Nghiệp	DC	xã Triêu Dương	H. Tĩnh Gia	19° 33' 34"	105° 46' 59"					E-48-8-D-c
sông Kênh Than	TV	xã Triêu Dương	H. Tĩnh Gia			19° 35' 40"	105° 47' 13"	19° 24' 47"	105° 47' 10"	E-48-8-D-c
thôn Thanh Cao	DC	xã Triêu Dương	H. Tĩnh Gia	19° 34' 09"	105° 47' 02"					E-48-8-D-c
thôn Thống Nhất	DC	xã Triêu Dương	H. Tĩnh Gia	19° 33' 19"	105° 47' 33"					E-48-8-D-c
quốc lộ 1A	KX	xã Trúc Lâm	H. Tĩnh Gia			20° 08' 01"	105° 51' 32"	19° 18' 42"	105° 43' 16"	E-48-20-A-b, E-48-20-B-a
thôn Đại Thuỷ	DC	xã Trúc Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 24' 43"	105° 44' 16"					E-48-20-A-b
thôn Giảng Tín	DC	xã Trúc Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 23' 53"	105° 45' 14"					E-48-20-B-a
thôn Hữu Lộc	DC	xã Trúc Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 23' 52"	105° 44' 10"					E-48-20-A-b
hồ Khe Sanh	TV	xã Trúc Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 23' 43"	105° 43' 44"					E-48-20-A-b
núi Khoa Trường	SV	xã Trúc Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 23' 08"	105° 43' 33"					E-48-20-A-b
sông Lạch Bạng	TV	xã Trúc Lâm	H. Tĩnh Gia			19° 21' 29"	105° 43' 25"	19° 24' 14"	105° 47' 06"	E-48-20-B-a, E-48-20-A-b
thôn Lan Trà	DC	xã Trúc Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 23' 09"	105° 44' 59"					E-48-20-B-a
thôn Sơn Trà	DC	xã Trúc Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 23' 26"	105° 44' 10"					E-48-20-A-b
núi Thù Đà	SV	xã Trúc Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 24' 08"	105° 42' 51"					E-48-20-A-b
núi Thung Lim	SV	xã Trúc Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 23' 54"	105° 42' 22"					E-48-20-A-b
quốc lộ 1A	KX	xã Trường Lâm	H. Tĩnh Gia			20° 08' 01"	105° 51' 32"	19° 18' 42"	105° 43' 16"	E-48-20-A-d
thôn Bình Minh	DC	xã Trường Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 20' 13"	105° 41' 54"					E-48-20-A-d
núi Đá Đen	SV	xã Trường Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 19' 35"	105° 40' 36"					E-48-20-A-d
núi Đằng Đằng	SV	xã Trường Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 20' 30"	105° 39' 56"					E-48-20-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Núi Gửi	SV	xã Trường Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 19' 54"	105° 41' 27"					E-48-20-A-d
thôn Hoà Lâm	DC	xã Trường Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 19' 40"	105° 43' 19"					E-48-20-A-d
đập Khe Nhồi	KX	xã Trường Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 19' 18"	105° 41' 51"					E-48-20-A-d
Cầu Lau	KX	xã Trường Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 19' 38"	105° 43' 13"					E-48-20-A-d
thôn Minh Châu	DC	xã Trường Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 19' 26"	105° 42' 34"					E-48-20-A-d
thôn Minh Lâm	DC	xã Trường Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 20' 14"	105° 41' 08"					E-48-20-A-d
núi Mòng Gà	SV	xã Trường Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 18' 21"	105° 40' 55"					E-48-20-A-d
thôn Nam Trường	DC	xã Trường Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 19' 19"	105° 43' 07"					E-48-20-A-d
đường Nghi Sơn/Bãi Trành	KX	xã Trường Lâm	H. Tĩnh Gia			19° 18' 39"	105° 48' 02"	19° 28' 10"	105° 26' 16"	E-48-20-A-d, E-48-20-A-b
thôn Ninh Sơn	DC	xã Trường Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 20' 09"	105° 43' 21"					E-48-20-A-d
thôn Sơn Thuỷ	DC	xã Trường Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 19' 31"	105° 41' 57"					E-48-20-A-d
thôn Tân Lập	DC	xã Trường Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 20' 27"	105° 43' 16"					E-48-20-A-d
thôn Tân Thanh	DC	xã Trường Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 19' 14"	105° 42' 23"					E-48-20-A-d
sông Thạch Luyện	TV	xã Trường Lâm	H. Tĩnh Gia			19° 18' 47"	105° 43' 23"	19° 21' 29"	105° 43' 25"	E-48-20-A-d
Núi Thung	SV	xã Trường Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 20' 14"	105° 44' 01"					E-48-20-A-d
Cầu Trắng	KX	xã Trường Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 19' 18"	105° 43' 11"					E-48-20-A-d
thôn Trường An	DC	xã Trường Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 19' 23"	105° 43' 02"					E-48-20-A-d
thôn Trường Cát	DC	xã Trường Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 19' 50"	105° 42' 12"					E-48-20-A-d
ga Trường Lâm	KX	xã Trường Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 19' 00"	105° 43' 05"					E-48-20-A-d
mỏ sét Trường Lâm	KX	xã Trường Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 20' 27"	105° 41' 27"					E-48-20-A-d
thôn Trường Sơn	DC	xã Trường Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 20' 02"	105° 42' 45"					E-48-20-A-d
thôn Trường Thanh	DC	xã Trường Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 20' 11"	105° 41' 28"					E-48-20-A-d
Núi Xước	SV	xã Trường Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 19' 28"	105° 44' 23"					E-48-20-A-d
quốc lộ 1A	KX	xã Tùng Lâm	H. Tĩnh Gia			20° 08' 01"	105° 51' 32"	19° 18' 42"	105° 43' 16"	E-48-20-A-d, E-48-20-A-b
thôn Bình Lâm	DC	xã Tùng Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 23' 18"	105° 41' 31"					E-48-20-A-b
núi Eo Thắng	SV	xã Tùng Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 22' 56"	105° 42' 19"					E-48-20-A-b
ga Khoa Trường	KX	xã Tùng Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 22' 35"	105° 43' 47"					E-48-20-A-b
núi Khoa Trường	SV	xã Tùng Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 23' 08"	105° 43' 33"					E-48-20-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Khoa Trường	DC	xã Tùng Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 22' 39"	105° 43' 45"					E-48-20-A-b
Suối Khổng	TV	xã Tùng Lâm	H. Tĩnh Gia			19° 24' 10"	105° 41' 53"	19° 22' 40"	105° 42' 25"	E-48-20-A-b
sông Lạch Bạng	TV	xã Tùng Lâm	H. Tĩnh Gia			19° 21' 29"	105° 43' 25"	19° 24' 14"	105° 47' 06"	E-48-20-A-d, E-48-20-A-b
thôn Lương Điền	DC	xã Tùng Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 23' 17"	105° 42' 23"					E-48-20-A-b
đường Nghi Sơn/Bãi Trành	KX	xã Tùng Lâm	H. Tĩnh Gia			19° 18' 39"	105° 48' 02"	19° 28' 10"	105° 26' 16"	E-48-20-A-b
thôn Thế Vinh	DC	xã Tùng Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 22' 15"	105° 42' 32"					E-48-20-A-d
núi Thung Lim	SV	xã Tùng Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 23' 54"	105° 42' 22"					E-48-20-A-b
thôn Trường Sơn 1	DC	xã Tùng Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 22' 57"	105° 42' 39"					E-48-20-A-b
thôn Trường Sơn 2	DC	xã Tùng Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 22' 36"	105° 43' 08"					E-48-20-A-b
thôn Trường Sơn 3	DC	xã Tùng Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 23' 01"	105° 42' 51"					E-48-20-A-b
sông Tuần Cung	TV	xã Tùng Lâm	H. Tĩnh Gia			19° 22' 45"	105° 40' 23"	19° 22' 02"	105° 43' 44"	E-48-20-A-d, E-48-20-A-b
quốc lộ 1A	KX	xã Xuân Lâm	H. Tĩnh Gia			20° 08' 01"	105° 51' 32"	19° 18' 42"	105° 43' 16"	E-48-20-B-a
Cầu Đồi	KX	xã Xuân Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 24' 57"	105° 45' 28"					E-48-20-B-a
thôn Dự Quần 1	DC	xã Xuân Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 24' 35"	105° 45' 10"					E-48-20-B-a
thôn Dự Quần 2	DC	xã Xuân Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 24' 29"	105° 45' 29"					E-48-20-B-a
thôn Dự Quần 3	DC	xã Xuân Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 24' 27"	105° 45' 44"					E-48-20-B-a
Cầu Dừa	KX	xã Xuân Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 24' 42"	105° 45' 18"					E-48-20-B-a
sông Lạch Bạng	TV	xã Xuân Lâm	H. Tĩnh Gia			19° 21' 29"	105° 43' 25"	19° 24' 14"	105° 47' 06"	E-48-20-B-a
Kênh Nam	TV	xã Xuân Lâm	H. Tĩnh Gia			19° 30' 46"	105° 44' 13"	19° 25' 16"	105° 46' 13"	E-48-20-B-a
thôn Sa Thôn 4	DC	xã Xuân Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 25' 29"	105° 44' 32"					E-48-20-A-b
thôn Sa Thôn 5	DC	xã Xuân Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 25' 30"	105° 45' 15"					E-48-20-B-a
thôn Sa Thôn 6	DC	xã Xuân Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 25' 07"	105° 45' 12"					E-48-20-B-a
Thôn Thành	DC	xã Xuân Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 25' 32"	105° 45' 49"					E-48-20-B-a
thôn Vạn Xuân 7	DC	xã Xuân Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 25' 12"	105° 46' 15"					E-48-20-B-a
thôn Vạn Xuân 8	DC	xã Xuân Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 25' 08"	105° 46' 10"					E-48-20-B-a
thôn Vạn Xuân 9	DC	xã Xuân Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 25' 13"	105° 46' 04"					E-48-20-B-a
đường tỉnh 506	KX	TT. Triệu Sơn	H. Triệu Sơn			19° 42' 19"	105° 41' 04"	19° 54' 50"	105° 24' 40"	E-48-8-A-c
đường tỉnh 514	KX	TT. Triệu Sơn	H. Triệu Sơn			19° 50' 09"	105° 38' 42"	19° 52' 28"	105° 27' 45"	E-48-8-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
phố Bà Triệu	DC	TT. Triệu Sơn	H. Triệu Sơn	19° 49' 25"	105° 35' 31"					E-48-8-A-c
Phố Giắt	DC	TT. Triệu Sơn	H. Triệu Sơn	19° 49' 10"	105° 36' 17"					E-48-8-A-c
phố Lê Lợi	DC	TT. Triệu Sơn	H. Triệu Sơn	19° 49' 10"	105° 35' 46"					E-48-8-A-c
Sông Nhơm	TV	TT. Triệu Sơn	H. Triệu Sơn			19° 48' 39"	105° 31' 13"	19° 39' 44"	105° 42' 50"	E-48-8-A-c
phố Tân Minh	DC	TT. Triệu Sơn	H. Triệu Sơn	19° 49' 23"	105° 36' 48"					E-48-8-A-c
phố Tân Phong	DC	TT. Triệu Sơn	H. Triệu Sơn	19° 49' 33"	105° 36' 09"					E-48-8-A-c
phố Tân Sơn	DC	TT. Triệu Sơn	H. Triệu Sơn	19° 49' 47"	105° 36' 08"					E-48-8-A-c
phố Tân Thanh	DC	TT. Triệu Sơn	H. Triệu Sơn	19° 48' 58"	105° 36' 24"					E-48-8-A-c
phố Tô Vĩnh Diện	DC	TT. Triệu Sơn	H. Triệu Sơn	19° 49' 21"	105° 36' 36"					E-48-8-A-c
đường tỉnh 506	KX	xã An Nông	H. Triệu Sơn			19° 42' 19"	105° 41' 04"	19° 54' 50"	105° 24' 40"	E-48-8-A-c
thôn Đô Trình 1	DC	xã An Nông	H. Triệu Sơn	19° 48' 15"	105° 36' 32"					E-48-8-A-c
thôn Đô Trình 2	DC	xã An Nông	H. Triệu Sơn	19° 48' 05"	105° 36' 32"					E-48-8-A-c
thôn Đô Trình 3	DC	xã An Nông	H. Triệu Sơn	19° 47' 59"	105° 36' 32"					E-48-8-A-c
thôn Đô Trình 4	DC	xã An Nông	H. Triệu Sơn	19° 47' 52"	105° 36' 32"					E-48-8-A-c
thôn Đức Long 1	DC	xã An Nông	H. Triệu Sơn	19° 48' 36"	105° 36' 54"					E-48-8-A-c
thôn Đức Long 2	DC	xã An Nông	H. Triệu Sơn	19° 48' 28"	105° 36' 43"					E-48-8-A-c
thôn Đức Long 3	DC	xã An Nông	H. Triệu Sơn	19° 48' 37"	105° 36' 47"					E-48-8-A-c
thôn Đức Long 4	DC	xã An Nông	H. Triệu Sơn	19° 48' 35"	105° 36' 36"					E-48-8-A-c
thôn Gia Phú	DC	xã An Nông	H. Triệu Sơn	19° 47' 52"	105° 36' 11"					E-48-8-A-c
Sông Nhơm	TV	xã An Nông	H. Triệu Sơn			19° 48' 39"	105° 31' 13"	19° 39' 44"	105° 42' 50"	E-48-8-A-c
thôn Vĩnh Trù 1	DC	xã An Nông	H. Triệu Sơn	19° 48' 33"	105° 36' 14"					E-48-8-A-c
thôn Vĩnh Trù 2	DC	xã An Nông	H. Triệu Sơn	19° 48' 30"	105° 36' 11"					E-48-8-A-c
thôn Vĩnh Trù 3	DC	xã An Nông	H. Triệu Sơn	19° 48' 24"	105° 36' 22"					E-48-8-A-c
thôn Ba Bào	DC	xã Bình Sơn	H. Triệu Sơn	19° 49' 27"	105° 26' 04"					E-48-7-B-d
thôn Ba Sòng	DC	xã Bình Sơn	H. Triệu Sơn	19° 47' 31"	105° 27' 11"					E-48-7-B-d
thôn Bao Lâm	DC	xã Bình Sơn	H. Triệu Sơn	19° 49' 52"	105° 26' 53"					E-48-7-B-d
núi Bờ Ban	SV	xã Bình Sơn	H. Triệu Sơn	19° 47' 39"	105° 26' 22"					E-48-7-B-d
thôn Bồn Dồn	DC	xã Bình Sơn	H. Triệu Sơn	19° 48' 45"	105° 27' 32"					E-48-7-B-d
thôn Bóng Xanh	DC	xã Bình Sơn	H. Triệu Sơn	19° 50' 14"	105° 26' 24"					E-48-7-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Cây Xe	DC	xã Bình Sơn	H. Triệu Sơn	19° 48' 04"	105° 26' 42"					E-48-7-B-d
núi Cột Cờ	SV	xã Bình Sơn	H. Triệu Sơn	19° 48' 41"	105° 25' 50"					E-48-7-B-d
núi Đông Tranh	SV	xã Bình Sơn	H. Triệu Sơn	19° 48' 28"	105° 26' 10"					E-48-7-B-d
thôn Đông Tranh	DC	xã Bình Sơn	H. Triệu Sơn	19° 48' 58"	105° 26' 19"					E-48-7-B-d
thôn Hom Chữ	DC	xã Bình Sơn	H. Triệu Sơn	19° 48' 50"	105° 26' 33"					E-48-7-B-d
thôn Nhà Lẫn	DC	xã Bình Sơn	H. Triệu Sơn	19° 49' 20"	105° 26' 27"					E-48-7-B-d
thôn Thoi	DC	xã Bình Sơn	H. Triệu Sơn	19° 48' 36"	105° 26' 46"					E-48-7-B-d
quốc lộ 47	KX	xã Dân Lực	H. Triệu Sơn			19° 44' 00"	105° 53' 56"	19° 53' 36"	105° 24' 14"	E-48-8-A-c
đường tỉnh 506	KX	xã Dân Lực	H. Triệu Sơn			19° 42' 19"	105° 41' 04"	19° 54' 50"	105° 24' 40"	E-48-8-A-c
thôn Ân Mọc	DC	xã Dân Lực	H. Triệu Sơn	19° 50' 12"	105° 36' 22"					E-48-8-A-c
thôn Đô Trang	DC	xã Dân Lực	H. Triệu Sơn	19° 50' 37"	105° 35' 53"					E-48-8-A-c
thôn Đô Xá	DC	xã Dân Lực	H. Triệu Sơn	19° 50' 58"	105° 36' 11"					E-48-8-A-c
Kênh Nam	TV	xã Dân Lực	H. Triệu Sơn			19° 54' 41"	105° 32' 31"	19° 40' 11"	105° 42' 52"	E-48-8-A-c
Sông Hoàng	TV	xã Dân Lực	H. Triệu Sơn			19° 54' 19"	105° 30' 00"	19° 44' 24"	105° 44' 42"	E-48-8-A-c
thôn Phúc Hải	DC	xã Dân Lực	H. Triệu Sơn	19° 51' 19"	105° 36' 00"					E-48-8-A-c
thôn Thị Tứ	DC	xã Dân Lực	H. Triệu Sơn	19° 50' 28"	105° 35' 52"					E-48-8-A-c
thôn Thiện Chính	DC	xã Dân Lực	H. Triệu Sơn	19° 50' 23"	105° 35' 10"					E-48-8-A-c
thôn Tiên Mọc	DC	xã Dân Lực	H. Triệu Sơn	19° 50' 21"	105° 36' 04"					E-48-8-A-c
thôn Xuân Tiên	DC	xã Dân Lực	H. Triệu Sơn	19° 50' 19"	105° 35' 53"					E-48-8-A-c
thôn 1	DC	xã Dân Lý	H. Triệu Sơn	19° 48' 56"	105° 39' 08"					E-48-8-A-d
thôn 2	DC	xã Dân Lý	H. Triệu Sơn	19° 49' 07"	105° 39' 33"					E-48-8-A-d
thôn 3	DC	xã Dân Lý	H. Triệu Sơn	19° 49' 23"	105° 39' 09"					E-48-8-A-d
thôn 4	DC	xã Dân Lý	H. Triệu Sơn	19° 49' 34"	105° 38' 57"					E-48-8-A-d
thôn 5	DC	xã Dân Lý	H. Triệu Sơn	19° 48' 50"	105° 38' 09"					E-48-8-A-d
thôn 6	DC	xã Dân Lý	H. Triệu Sơn	19° 49' 18"	105° 38' 04"					E-48-8-A-d
thôn 7	DC	xã Dân Lý	H. Triệu Sơn	19° 49' 47"	105° 38' 05"					E-48-8-A-d
thôn 8	DC	xã Dân Lý	H. Triệu Sơn	19° 49' 47"	105° 38' 19"					E-48-8-A-d
thôn 9	DC	xã Dân Lý	H. Triệu Sơn	19° 49' 42"	105° 38' 41"					E-48-8-A-d
thôn 10	DC	xã Dân Lý	H. Triệu Sơn	19° 50' 14"	105° 38' 38"					E-48-8-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn 11	DC	xã Dân Lý	H. Triệu Sơn	19° 49' 53"	105° 38' 42"					E-48-8-A-d
thôn 12	DC	xã Dân Lý	H. Triệu Sơn	19° 50' 01"	105° 38' 42"					E-48-8-A-d
thôn 13	DC	xã Dân Lý	H. Triệu Sơn	19° 50' 07"	105° 38' 32"					E-48-8-A-d
thôn 14	DC	xã Dân Lý	H. Triệu Sơn	19° 50' 23"	105° 38' 53"					E-48-8-A-d
thôn 15	DC	xã Dân Lý	H. Triệu Sơn	19° 48' 45"	105° 37' 58"					E-48-8-A-d
quốc lộ 47	KX	xã Dân Lý	H. Triệu Sơn			19° 44' 00"	105° 53' 56"	19° 53' 36"	105° 24' 14"	E-48-8-A-d
đường tỉnh 514	KX	xã Dân Lý	H. Triệu Sơn			19° 50' 09"	105° 38' 42"	19° 52' 28"	105° 27' 45"	E-48-8-A-d
Kênh Nam	TV	xã Dân Lý	H. Triệu Sơn			19° 54' 41"	105° 32' 31"	19° 40' 11"	105° 42' 52"	E-48-8-A-d
Sông Hoàng	TV	xã Dân Lý	H. Triệu Sơn			19° 54' 19"	105° 30' 00"	19° 44' 24"	105° 44' 42"	E-48-8-A-d
Cầu Thiều	KX	xã Dân Lý	H. Triệu Sơn	19° 50' 09"	105° 38' 46"					E-48-8-A-d
thôn 1	DC	xã Dân Quyền	H. Triệu Sơn	19° 51' 06"	105° 36' 32"					E-48-8-A-c
thôn 2	DC	xã Dân Quyền	H. Triệu Sơn	19° 51' 05"	105° 36' 54"					E-48-8-A-c
thôn 3	DC	xã Dân Quyền	H. Triệu Sơn	19° 50' 51"	105° 36' 54"					E-48-8-A-c
thôn 4	DC	xã Dân Quyền	H. Triệu Sơn	19° 51' 03"	105° 37' 08"					E-48-8-A-c
thôn 5	DC	xã Dân Quyền	H. Triệu Sơn	19° 51' 10"	105° 37' 26"					E-48-8-A-c
thôn 6	DC	xã Dân Quyền	H. Triệu Sơn	19° 51' 12"	105° 37' 55"					E-48-8-A-d
thôn 7	DC	xã Dân Quyền	H. Triệu Sơn	19° 51' 18"	105° 37' 59"					E-48-8-A-d
thôn 8	DC	xã Dân Quyền	H. Triệu Sơn	19° 51' 10"	105° 38' 28"					E-48-8-A-d
thôn 9	DC	xã Dân Quyền	H. Triệu Sơn	19° 51' 01"	105° 38' 42"					E-48-8-A-d
thôn 10	DC	xã Dân Quyền	H. Triệu Sơn	19° 50' 48"	105° 38' 46"					E-48-8-A-d
quốc lộ 47	KX	xã Dân Quyền	H. Triệu Sơn			19° 44' 00"	105° 53' 56"	19° 53' 36"	105° 24' 14"	E-48-8-A-c, E-48-8-A-d
Sông Dừa	TV	xã Dân Quyền	H. Triệu Sơn			19° 55' 00"	105° 33' 59"	19° 51' 22"	105° 38' 24"	E-48-8-A-d
Kênh Nam	TV	xã Dân Quyền	H. Triệu Sơn			19° 54' 41"	105° 32' 31"	19° 40' 11"	105° 42' 52"	E-48-8-A-c
Sông Hoàng	TV	xã Dân Quyền	H. Triệu Sơn			19° 54' 19"	105° 30' 00"	19° 44' 24"	105° 44' 42"	E-48-8-A-d, E-48-8-A-c
Trường Trung cấp Nông lâm nghiệp Thanh Hoá	KX	xã Dân Quyền	H. Triệu Sơn	19° 50' 24"	105° 38' 17"					E-48-8-A-d
thôn Lộc Nham	DC	xã Đồng Lợi	H. Triệu Sơn	19° 46' 21"	105° 39' 50"					E-48-8-A-d
thôn Lộc Trạch 1	DC	xã Đồng Lợi	H. Triệu Sơn	19° 46' 03"	105° 39' 22"					E-48-8-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Lộc Trạch 2	DC	xã Đồng Lợi	H. Triệu Sơn	19° 45' 51"	105° 39' 25"					E-48-8-A-d
thôn Long Vân 1	DC	xã Đồng Lợi	H. Triệu Sơn	19° 46' 04"	105° 39' 32"					E-48-8-A-d
thôn Long Vân 2	DC	xã Đồng Lợi	H. Triệu Sơn	19° 46' 08"	105° 39' 47"					E-48-8-A-d
cầu Nỗ Hẻn	KX	xã Đồng Lợi	H. Triệu Sơn	19° 45' 30"	105° 38' 58"					E-48-8-A-d
thôn Quần Nham 1	DC	xã Đồng Lợi	H. Triệu Sơn	19° 46' 18"	105° 39' 00"					E-48-8-A-d
thôn Quần Nham 2	DC	xã Đồng Lợi	H. Triệu Sơn	19° 46' 10"	105° 39' 11"					E-48-8-A-d
thôn Thọ Lộc	DC	xã Đồng Lợi	H. Triệu Sơn	19° 45' 54"	105° 40' 01"					E-48-8-A-d
xóm 1	DC	xã Đồng Thắng	H. Triệu Sơn	19° 46' 20"	105° 41' 17"					E-48-8-A-d
xóm 2	DC	xã Đồng Thắng	H. Triệu Sơn	19° 45' 58"	105° 41' 13"					E-48-8-A-d
xóm 3	DC	xã Đồng Thắng	H. Triệu Sơn	19° 45' 45"	105° 41' 06"					E-48-8-A-d
xóm 6	DC	xã Đồng Thắng	H. Triệu Sơn	19° 45' 47"	105° 40' 52"					E-48-8-A-d
xóm 7	DC	xã Đồng Thắng	H. Triệu Sơn	19° 45' 26"	105° 40' 41"					E-48-8-A-d
xóm 8	DC	xã Đồng Thắng	H. Triệu Sơn	19° 46' 02"	105° 40' 44"					E-48-8-A-d
xóm 9	DC	xã Đồng Thắng	H. Triệu Sơn	19° 45' 41"	105° 40' 37"					E-48-8-A-d
Sông Hoàng	TV	xã Đồng Thắng	H. Triệu Sơn			19° 54' 19"	105° 30' 00"	19° 44' 24"	105° 44' 42"	E-48-8-A-d
cầu B10	KX	xã Đồng Tiến	H. Triệu Sơn	19° 46' 53"	105° 41' 28"					E-48-8-A-d
thôn Đồng Bèo	DC	xã Đồng Tiến	H. Triệu Sơn	19° 46' 25"	105° 42' 14"					E-48-8-A-d
cầu Đồng Tiến	KX	xã Đồng Tiến	H. Triệu Sơn	19° 46' 37"	105° 40' 55"					E-48-8-A-d
thôn Đồng Vinh 1	DC	xã Đồng Tiến	H. Triệu Sơn	19° 47' 03"	105° 41' 17"					E-48-8-A-d
thôn Đồng Vinh 2	DC	xã Đồng Tiến	H. Triệu Sơn	19° 46' 56"	105° 41' 25"					E-48-8-A-d
thôn Đồng Xá 1	DC	xã Đồng Tiến	H. Triệu Sơn	19° 47' 14"	105° 40' 26"					E-48-8-A-d
thôn Đồng Xá 2	DC	xã Đồng Tiến	H. Triệu Sơn	19° 47' 01"	105° 40' 26"					E-48-8-A-d
thôn Đồng Xá 3	DC	xã Đồng Tiến	H. Triệu Sơn	19° 46' 38"	105° 40' 44"					E-48-8-A-d
Cầu Gốm	KX	xã Đồng Tiến	H. Triệu Sơn	19° 46' 27"	105° 40' 48"					E-48-8-A-d
Sông Hoàng	TV	xã Đồng Tiến	H. Triệu Sơn			19° 54' 19"	105° 30' 00"	19° 44' 24"	105° 44' 42"	E-48-8-A-d
thôn Phúc Âm 1	DC	xã Đồng Tiến	H. Triệu Sơn	19° 46' 49"	105° 41' 24"					E-48-8-A-d
thôn Phúc Âm 2	DC	xã Đồng Tiến	H. Triệu Sơn	19° 46' 39"	105° 41' 24"					E-48-8-A-d
thôn Thị Tứ	DC	xã Đồng Tiến	H. Triệu Sơn	19° 46' 27"	105° 40' 52"					E-48-8-A-d
thôn Trúc Chuẩn 1	DC	xã Đồng Tiến	H. Triệu Sơn	19° 47' 13"	105° 40' 16"					E-48-8-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Trúc Chuẩn 2	DC	xã Đồng Tiến	H. Triệu Sơn	19° 46' 52"	105° 40' 26"					E-48-8-A-d
thôn Trúc Chuẩn 3	DC	xã Đồng Tiến	H. Triệu Sơn	19° 46' 31"	105° 40' 05"					E-48-8-A-d
thôn Trúc Chuẩn 4	DC	xã Đồng Tiến	H. Triệu Sơn	19° 46' 37"	105° 40' 34"					E-48-8-A-d
xóm 1	DC	xã Hợp Lý	H. Triệu Sơn	19° 49' 45"	105° 32' 42"					E-48-8-A-c
xóm 2	DC	xã Hợp Lý	H. Triệu Sơn	19° 50' 12"	105° 32' 51"					E-48-8-A-c
xóm 3	DC	xã Hợp Lý	H. Triệu Sơn	19° 49' 59"	105° 32' 32"					E-48-8-A-c
xóm 4	DC	xã Hợp Lý	H. Triệu Sơn	19° 49' 10"	105° 32' 09"					E-48-8-A-c
xóm 5	DC	xã Hợp Lý	H. Triệu Sơn	19° 49' 16"	105° 31' 53"					E-48-8-A-c
xóm 6	DC	xã Hợp Lý	H. Triệu Sơn	19° 49' 31"	105° 31' 34"					E-48-8-A-c
xóm 8	DC	xã Hợp Lý	H. Triệu Sơn	19° 49' 19"	105° 31' 36"					E-48-8-A-c
xóm 9	DC	xã Hợp Lý	H. Triệu Sơn	19° 49' 59"	105° 31' 23"					E-48-8-A-c
xóm 10	DC	xã Hợp Lý	H. Triệu Sơn	19° 48' 54"	105° 30' 54"					E-48-8-A-c
xóm 11	DC	xã Hợp Lý	H. Triệu Sơn	19° 48' 50"	105° 30' 44"					E-48-8-A-c
xóm 12	DC	xã Hợp Lý	H. Triệu Sơn	19° 48' 36"	105° 30' 33"					E-48-8-A-c
xóm 13	DC	xã Hợp Lý	H. Triệu Sơn	19° 48' 19"	105° 30' 53"					E-48-8-A-c
kênh C6	TV	xã Hợp Lý	H. Triệu Sơn			19° 54' 54"	105° 30' 08"	19° 46' 59"	105° 34' 55"	E-48-8-A-c
Sông Nhơm	TV	xã Hợp Lý	H. Triệu Sơn			19° 48' 39"	105° 31' 13"	19° 39' 44"	105° 42' 50"	E-48-8-A-c
thôn 1	DC	xã Hợp Thắng	H. Triệu Sơn	19° 49' 07"	105° 33' 43"					E-48-8-A-c
thôn 2	DC	xã Hợp Thắng	H. Triệu Sơn	19° 48' 50"	105° 34' 05"					E-48-8-A-c
thôn 3	DC	xã Hợp Thắng	H. Triệu Sơn	19° 48' 41"	105° 33' 50"					E-48-8-A-c
thôn 4	DC	xã Hợp Thắng	H. Triệu Sơn	19° 48' 21"	105° 34' 19"					E-48-8-A-c
thôn 5	DC	xã Hợp Thắng	H. Triệu Sơn	19° 48' 25"	105° 34' 34"					E-48-8-A-c
thôn 6	DC	xã Hợp Thắng	H. Triệu Sơn	19° 48' 20"	105° 34' 48"					E-48-8-A-c
thôn 7	DC	xã Hợp Thắng	H. Triệu Sơn	19° 48' 04"	105° 34' 59"					E-48-8-A-c
thôn 8	DC	xã Hợp Thắng	H. Triệu Sơn	19° 47' 59"	105° 34' 34"					E-48-8-A-c
thôn 9	DC	xã Hợp Thắng	H. Triệu Sơn	19° 48' 40"	105° 35' 24"					E-48-8-A-c
thôn 10	DC	xã Hợp Thắng	H. Triệu Sơn	19° 48' 26"	105° 35' 24"					E-48-8-A-c
thôn 11	DC	xã Hợp Thắng	H. Triệu Sơn	19° 48' 11"	105° 35' 35"					E-48-8-A-c
đường tỉnh 514	KX	xã Hợp Thắng	H. Triệu Sơn			19° 50' 09"	105° 38' 42"	19° 52' 28"	105° 27' 45"	E-48-8-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
núi Chín Khúc	SV	xã Hợp Thắng	H. Triệu Sơn	19° 49' 01"	105° 33' 36"					E-48-8-A-c
Sông Nhơm	TV	xã Hợp Thắng	H. Triệu Sơn			19° 48' 39"	105° 31' 13"	19° 39' 44"	105° 42' 50"	E-48-8-A-c
đường tỉnh 514	KX	xã Hợp Thành	H. Triệu Sơn			19° 50' 09"	105° 38' 42"	19° 52' 28"	105° 27' 45"	E-48-8-A-c
kênh C6	TV	xã Hợp Thành	H. Triệu Sơn			19° 54' 54"	105° 30' 08"	19° 46' 59"	105° 34' 55"	E-48-8-A-c
thôn Diễn Bình	DC	xã Hợp Thành	H. Triệu Sơn	19° 48' 28"	105° 33' 00"					E-48-8-A-c
thôn Diễn Đông	DC	xã Hợp Thành	H. Triệu Sơn	19° 48' 15"	105° 32' 56"					E-48-8-A-c
thôn Diễn Hoà	DC	xã Hợp Thành	H. Triệu Sơn	19° 47' 52"	105° 32' 46"					E-48-8-A-c
thôn Diễn Phú	DC	xã Hợp Thành	H. Triệu Sơn	19° 47' 31"	105° 32' 20"					E-48-8-A-c
thôn Diễn Thành	DC	xã Hợp Thành	H. Triệu Sơn	19° 48' 27"	105° 32' 53"					E-48-8-A-c
thôn Diễn Trung	DC	xã Hợp Thành	H. Triệu Sơn	19° 48' 39"	105° 33' 00"					E-48-8-A-c
hồ Đồng Ngơn	TV	xã Hợp Thành	H. Triệu Sơn	19° 47' 26"	105° 33' 01"					E-48-8-A-c
thôn Lai Châu	DC	xã Hợp Thành	H. Triệu Sơn	19° 47' 49"	105° 33' 37"					E-48-8-A-c
thôn Lai Thành	DC	xã Hợp Thành	H. Triệu Sơn	19° 48' 02"	105° 33' 11"					E-48-8-A-c
thôn Lai Thịnh	DC	xã Hợp Thành	H. Triệu Sơn	19° 47' 45"	105° 33' 11"					E-48-8-A-c
thôn Lai Trung	DC	xã Hợp Thành	H. Triệu Sơn	19° 47' 57"	105° 33' 22"					E-48-8-A-c
xóm 1	DC	xã Hợp Tiến	H. Triệu Sơn	19° 49' 08"	105° 32' 42"					E-48-8-A-c
xóm 2	DC	xã Hợp Tiến	H. Triệu Sơn	19° 48' 48"	105° 32' 32"					E-48-8-A-c
xóm 3	DC	xã Hợp Tiến	H. Triệu Sơn	19° 48' 31"	105° 32' 28"					E-48-8-A-c
xóm 4	DC	xã Hợp Tiến	H. Triệu Sơn	19° 48' 24"	105° 32' 20"					E-48-8-A-c
xóm 5	DC	xã Hợp Tiến	H. Triệu Sơn	19° 48' 08"	105° 32' 17"					E-48-8-A-c
xóm 6	DC	xã Hợp Tiến	H. Triệu Sơn	19° 49' 04"	105° 31' 49"					E-48-8-A-c
xóm 7	DC	xã Hợp Tiến	H. Triệu Sơn	19° 48' 45"	105° 31' 27"					E-48-8-A-c
xóm 8	DC	xã Hợp Tiến	H. Triệu Sơn	19° 48' 28"	105° 31' 41"					E-48-8-A-c
xóm 9	DC	xã Hợp Tiến	H. Triệu Sơn	19° 48' 23"	105° 31' 48"					E-48-8-A-c
đường tỉnh 514	KX	xã Hợp Tiến	H. Triệu Sơn			19° 50' 09"	105° 38' 42"	19° 52' 28"	105° 27' 45"	E-48-8-A-c
hồ Bùng Sa	TV	xã Hợp Tiến	H. Triệu Sơn	19° 47' 55"	105° 31' 19"					E-48-8-A-c
kênh C6	TV	xã Hợp Tiến	H. Triệu Sơn			19° 54' 54"	105° 30' 08"	19° 46' 59"	105° 34' 55"	E-48-8-A-c
thôn 1	DC	xã Khuyến Nông	H. Triệu Sơn	19° 47' 15"	105° 38' 24"					E-48-8-A-d
thôn 2	DC	xã Khuyến Nông	H. Triệu Sơn	19° 47' 08"	105° 38' 31"					E-48-8-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn 3	DC	xã Khuyến Nông	H. Triệu Sơn	19° 47' 00"	105° 38' 35"					E-48-8-A-d
thôn 4	DC	xã Khuyến Nông	H. Triệu Sơn	19° 47' 11"	105° 38' 38"					E-48-8-A-d
thôn 5	DC	xã Khuyến Nông	H. Triệu Sơn	19° 46' 41"	105° 38' 38"					E-48-8-A-d
thôn 6	DC	xã Khuyến Nông	H. Triệu Sơn	19° 46' 31"	105° 38' 31"					E-48-8-A-d
thôn 7	DC	xã Khuyến Nông	H. Triệu Sơn	19° 46' 39"	105° 39' 04"					E-48-8-A-d
thôn 8	DC	xã Khuyến Nông	H. Triệu Sơn	19° 46' 51"	105° 39' 18"					E-48-8-A-d
thôn 9	DC	xã Khuyến Nông	H. Triệu Sơn	19° 47' 15"	105° 39' 14"					E-48-8-A-d
thôn 10	DC	xã Khuyến Nông	H. Triệu Sơn	19° 47' 01"	105° 39' 00"					E-48-8-A-d
thôn 11	DC	xã Khuyến Nông	H. Triệu Sơn	19° 47' 38"	105° 39' 47"					E-48-8-A-d
thôn 12	DC	xã Khuyến Nông	H. Triệu Sơn	19° 47' 37"	105° 39' 14"					E-48-8-A-d
thôn 13	DC	xã Khuyến Nông	H. Triệu Sơn	19° 47' 15"	105° 38' 49"					E-48-8-A-d
Sông Hoàng	TV	xã Khuyến Nông	H. Triệu Sơn			19° 54' 19"	105° 30' 00"	19° 44' 24"	105° 44' 42"	E-48-8-A-d
thôn 1	DC	xã Minh Châu	H. Triệu Sơn	19° 48' 53"	105° 36' 25"					E-48-8-A-c
thôn 2	DC	xã Minh Châu	H. Triệu Sơn	19° 48' 45"	105° 36' 36"					E-48-8-A-c
thôn 3	DC	xã Minh Châu	H. Triệu Sơn	19° 49' 02"	105° 36' 43"					E-48-8-A-c
thôn 4	DC	xã Minh Châu	H. Triệu Sơn	19° 49' 14"	105° 36' 40"					E-48-8-A-c
thôn 5	DC	xã Minh Châu	H. Triệu Sơn	19° 49' 08"	105° 36' 29"					E-48-8-A-c
thôn 7	DC	xã Minh Châu	H. Triệu Sơn	19° 48' 42"	105° 36' 18"					E-48-8-A-c
đường tỉnh 506	KX	xã Minh Châu	H. Triệu Sơn			19° 42' 19"	105° 41' 04"	19° 54' 50"	105° 24' 40"	E-48-8-A-c
đường tỉnh 514	KX	xã Minh Châu	H. Triệu Sơn			19° 50' 09"	105° 38' 42"	19° 52' 28"	105° 27' 45"	E-48-8-A-c, E-48-8-A-d
Kênh Nam	TV	xã Minh Châu	H. Triệu Sơn			19° 54' 41"	105° 32' 31"	19° 40' 11"	105° 42' 52"	E-48-8-A-d, E-48-8-A-c
thôn 1	DC	xã Minh Dân	H. Triệu Sơn	19° 49' 25"	105° 36' 25"					E-48-8-A-c
thôn 2	DC	xã Minh Dân	H. Triệu Sơn	19° 49' 35"	105° 36' 18"					E-48-8-A-c
thôn 3	DC	xã Minh Dân	H. Triệu Sơn	19° 49' 47"	105° 36' 21"					E-48-8-A-c
thôn 4	DC	xã Minh Dân	H. Triệu Sơn	19° 49' 59"	105° 36' 27"					E-48-8-A-c
thôn 5	DC	xã Minh Dân	H. Triệu Sơn	19° 49' 52"	105° 36' 29"					E-48-8-A-c
thôn 6	DC	xã Minh Dân	H. Triệu Sơn	19° 49' 34"	105° 36' 32"					E-48-8-A-c
thôn 7	DC	xã Minh Dân	H. Triệu Sơn	19° 49' 40"	105° 37' 19"					E-48-8-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
đường tỉnh 514	KX	xã Minh Dân	H. Triệu Sơn			19° 50' 09"	105° 38' 42"	19° 52' 28"	105° 27' 45"	E-48-8-A-d, E-48-8-A-c
Kênh Nam	TV	xã Minh Dân	H. Triệu Sơn			19° 54' 41"	105° 32' 31"	19° 40' 11"	105° 42' 52"	E-48-8-A-c
đường tỉnh 506	KX	xã Minh Sơn	H. Triệu Sơn			19° 42' 19"	105° 41' 04"	19° 54' 50"	105° 24' 40"	E-48-8-A-c
đường tỉnh 514	KX	xã Minh Sơn	H. Triệu Sơn			19° 50' 09"	105° 38' 42"	19° 52' 28"	105° 27' 45"	E-48-8-A-c
thôn Đại Sơn	DC	xã Minh Sơn	H. Triệu Sơn	19° 48' 49"	105° 35' 02"					E-48-8-A-c
thôn Đồng Cát	DC	xã Minh Sơn	H. Triệu Sơn	19° 49' 35"	105° 34' 48"					E-48-8-A-c
thôn Hoàng Đồng	DC	xã Minh Sơn	H. Triệu Sơn	19° 49' 25"	105° 34' 59"					E-48-8-A-c
thôn Hoàng Thôn	DC	xã Minh Sơn	H. Triệu Sơn	19° 49' 12"	105° 35' 06"					E-48-8-A-c
Sông Nhơm	TV	xã Minh Sơn	H. Triệu Sơn			19° 48' 39"	105° 31' 13"	19° 39' 44"	105° 42' 50"	E-48-8-A-c
thôn Tân Ninh	DC	xã Minh Sơn	H. Triệu Sơn	19° 49' 02"	105° 35' 49"					E-48-8-A-c
thôn Tân Thành 4	DC	xã Minh Sơn	H. Triệu Sơn	19° 49' 51"	105° 35' 38"					E-48-8-A-c
thôn Tân Thành 5	DC	xã Minh Sơn	H. Triệu Sơn	19° 49' 56"	105° 35' 56"					E-48-8-A-c
thôn 1	DC	xã Nông Trường	H. Triệu Sơn	19° 48' 35"	105° 37' 44"					E-48-8-A-d
thôn 2	DC	xã Nông Trường	H. Triệu Sơn	19° 48' 27"	105° 37' 44"					E-48-8-A-d
thôn 3	DC	xã Nông Trường	H. Triệu Sơn	19° 48' 15"	105° 37' 34"					E-48-8-A-d
thôn 4	DC	xã Nông Trường	H. Triệu Sơn	19° 48' 08"	105° 37' 16"					E-48-8-A-c
thôn 5	DC	xã Nông Trường	H. Triệu Sơn	19° 48' 06"	105° 37' 23"					E-48-8-A-c
thôn 6	DC	xã Nông Trường	H. Triệu Sơn	19° 47' 31"	105° 37' 44"					E-48-8-A-d
thôn 7	DC	xã Nông Trường	H. Triệu Sơn	19° 47' 33"	105° 37' 52"					E-48-8-A-d
thôn 8	DC	xã Nông Trường	H. Triệu Sơn	19° 47' 23"	105° 37' 55"					E-48-8-A-d
thôn 9	DC	xã Nông Trường	H. Triệu Sơn	19° 47' 24"	105° 37' 44"					E-48-8-A-d
thôn 10	DC	xã Nông Trường	H. Triệu Sơn	19° 47' 14"	105° 37' 44"					E-48-8-A-d
thôn 11	DC	xã Nông Trường	H. Triệu Sơn	19° 47' 06"	105° 37' 16"					E-48-8-A-c
thôn 12	DC	xã Nông Trường	H. Triệu Sơn	19° 47' 01"	105° 37' 23"					E-48-8-A-c
thôn 13	DC	xã Nông Trường	H. Triệu Sơn	19° 47' 02"	105° 37' 30"					E-48-8-A-d
đường tỉnh 506	KX	xã Nông Trường	H. Triệu Sơn			19° 42' 19"	105° 41' 04"	19° 54' 50"	105° 24' 40"	E-48-8-A-c
Kênh Nam	TV	xã Nông Trường	H. Triệu Sơn			19° 54' 41"	105° 32' 31"	19° 40' 11"	105° 42' 52"	E-48-8-A-d
xóm 1	DC	xã Tân Ninh	H. Triệu Sơn	19° 45' 37"	105° 37' 38"					E-48-8-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm 2	DC	xã Tân Ninh	H. Triệu Sơn	19° 45' 26"	105° 37' 48"					E-48-8-A-d
xóm 3	DC	xã Tân Ninh	H. Triệu Sơn	19° 45' 21"	105° 38' 01"					E-48-8-A-d
xóm 4	DC	xã Tân Ninh	H. Triệu Sơn	19° 45' 16"	105° 37' 57"					E-48-8-A-d
xóm 5	DC	xã Tân Ninh	H. Triệu Sơn	19° 45' 11"	105° 38' 04"					E-48-8-A-d
xóm 6	DC	xã Tân Ninh	H. Triệu Sơn	19° 45' 07"	105° 38' 06"					E-48-8-A-d
xóm 7	DC	xã Tân Ninh	H. Triệu Sơn	19° 44' 56"	105° 38' 08"					E-48-8-C-b
xóm 8	DC	xã Tân Ninh	H. Triệu Sơn	19° 44' 52"	105° 37' 59"					E-48-8-C-b
xóm 9	DC	xã Tân Ninh	H. Triệu Sơn	19° 45' 03"	105° 38' 21"					E-48-8-C-b
xóm 10	DC	xã Tân Ninh	H. Triệu Sơn	19° 45' 12"	105° 38' 22"					E-48-8-A-d
xóm 11	DC	xã Tân Ninh	H. Triệu Sơn	19° 44' 43"	105° 38' 15"					E-48-8-C-b
xóm 12	DC	xã Tân Ninh	H. Triệu Sơn	19° 44' 39"	105° 38' 05"					E-48-8-C-b
xóm 13	DC	xã Tân Ninh	H. Triệu Sơn	19° 44' 35"	105° 38' 12"					E-48-8-C-b
đường tỉnh 506	KX	xã Tân Ninh	H. Triệu Sơn			19° 42' 19"	105° 41' 04"	19° 54' 50"	105° 24' 40"	E-48-8-C-b, E-48-8-A-d
kênh N8	TV	xã Tân Ninh	H. Triệu Sơn			19° 45' 25"	105° 37' 55"	19° 36' 48"	105° 39' 20"	E-48-8-C-b, E-48-8-A-d
Kênh Nam	TV	xã Tân Ninh	H. Triệu Sơn			19° 54' 41"	105° 32' 31"	19° 40' 11"	105° 42' 52"	E-48-8-A-d, E-48-8-C-b
Sông Nhơm	TV	xã Tân Ninh	H. Triệu Sơn			19° 48' 39"	105° 31' 13"	19° 39' 44"	105° 42' 50"	E-48-8-C-b, E-48-8-A-d
cầu Nổ Hẻn	KX	xã Tân Ninh	H. Triệu Sơn	19° 45' 30"	105° 38' 56"					E-48-8-A-d
Núi Nưa	SV	xã Tân Ninh	H. Triệu Sơn	19° 43' 00"	105° 36' 14"					E-48-8-C-a
đường tỉnh 506	KX	xã Thái Hoà	H. Triệu Sơn			19° 42' 19"	105° 41' 04"	19° 54' 50"	105° 24' 40"	E-48-8-A-c, E-48-8-A-d
Kênh Nam	TV	xã Thái Hoà	H. Triệu Sơn			19° 54' 41"	105° 32' 31"	19° 40' 11"	105° 42' 52"	E-48-8-A-d, E-48-8-A-c
Sông Nhơm	TV	xã Thái Hoà	H. Triệu Sơn			19° 48' 39"	105° 31' 13"	19° 39' 44"	105° 42' 50"	E-48-8-A-d, E-48-8-A-c
Núi Nưa	SV	xã Thái Hoà	H. Triệu Sơn	19° 44' 32"	105° 35' 28"					E-48-8-C-a
thôn Thái Bình	DC	xã Thái Hoà	H. Triệu Sơn	19° 46' 42"	105° 37' 19"					E-48-8-A-c
thôn Thái Lai	DC	xã Thái Hoà	H. Triệu Sơn	19° 46' 30"	105° 37' 05"					E-48-8-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Thái Lâm	DC	xã Thái Hoà	H. Triệu Sơn	19° 46' 12"	105° 37' 23"					E-48-8-A-c
thôn Thái Lộc	DC	xã Thái Hoà	H. Triệu Sơn	19° 45' 57"	105° 37' 44"					E-48-8-A-d
thôn Thái Minh	DC	xã Thái Hoà	H. Triệu Sơn	19° 46' 26"	105° 38' 20"					E-48-8-A-d
thôn Thái Nguyên	DC	xã Thái Hoà	H. Triệu Sơn	19° 47' 05"	105° 37' 08"					E-48-8-A-c
thôn Thái Nhân 1	DC	xã Thái Hoà	H. Triệu Sơn	19° 45' 43"	105° 37' 08"					E-48-8-A-c
thôn Thái Nhân 2	DC	xã Thái Hoà	H. Triệu Sơn	19° 45' 34"	105° 37' 23"					E-48-8-A-c
thôn Thái Phong	DC	xã Thái Hoà	H. Triệu Sơn	19° 45' 51"	105° 37' 12"					E-48-8-A-c
thôn Thái Sơn	DC	xã Thái Hoà	H. Triệu Sơn	19° 46' 39"	105° 37' 37"					E-48-8-A-d
thôn Thái Yên	DC	xã Thái Hoà	H. Triệu Sơn	19° 46' 00"	105° 37' 08"					E-48-8-A-c
thôn Trung Hoà	DC	xã Thái Hoà	H. Triệu Sơn	19° 46' 24"	105° 37' 19"					E-48-8-A-c
Khe Vực	TV	xã Thái Hoà	H. Triệu Sơn			19° 44' 37"	105° 34' 11"	19° 45' 44"	105° 36' 40"	E-48-8-A-c
thôn 1	DC	xã Thọ Bình	H. Triệu Sơn	19° 49' 21"	105° 30' 25"					E-48-8-A-c
thôn 2	DC	xã Thọ Bình	H. Triệu Sơn	19° 48' 59"	105° 30' 11"					E-48-8-A-c
thôn 3	DC	xã Thọ Bình	H. Triệu Sơn	19° 49' 57"	105° 29' 45"					E-48-7-B-d
thôn 4	DC	xã Thọ Bình	H. Triệu Sơn	19° 48' 51"	105° 29' 50"					E-48-7-B-d
thôn 5	DC	xã Thọ Bình	H. Triệu Sơn	19° 48' 48"	105° 29' 28"					E-48-7-B-d
thôn 6	DC	xã Thọ Bình	H. Triệu Sơn	19° 48' 33"	105° 29' 16"					E-48-7-B-d
thôn 7	DC	xã Thọ Bình	H. Triệu Sơn	19° 48' 26"	105° 29' 49"					E-48-7-B-d
thôn 8	DC	xã Thọ Bình	H. Triệu Sơn	19° 49' 33"	105° 30' 00"					E-48-7-B-d
thôn 9	DC	xã Thọ Bình	H. Triệu Sơn	19° 50' 14"	105° 29' 20"					E-48-7-B-d
thôn 10	DC	xã Thọ Bình	H. Triệu Sơn	19° 49' 55"	105° 29' 27"					E-48-7-B-d
thôn 11	DC	xã Thọ Bình	H. Triệu Sơn	19° 50' 12"	105° 29' 22"					E-48-7-B-d
thôn 12	DC	xã Thọ Bình	H. Triệu Sơn	19° 49' 06"	105° 29' 23"					E-48-7-B-d
thôn 13	DC	xã Thọ Bình	H. Triệu Sơn	19° 48' 43"	105° 28' 52"					E-48-7-B-d
thôn 14	DC	xã Thọ Bình	H. Triệu Sơn	19° 49' 02"	105° 28' 44"					E-48-7-B-d
thôn 15	DC	xã Thọ Bình	H. Triệu Sơn	19° 49' 32"	105° 28' 23"					E-48-7-B-d
thôn 16	DC	xã Thọ Bình	H. Triệu Sơn	19° 49' 20"	105° 28' 57"					E-48-7-B-d
thôn 17	DC	xã Thọ Bình	H. Triệu Sơn	19° 49' 40"	105° 29' 10"					E-48-7-B-d
thôn 18	DC	xã Thọ Bình	H. Triệu Sơn	19° 49' 29"	105° 29' 40"					E-48-7-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn 19	DC	xã Thọ Bình	H. Triệu Sơn	19° 48' 35	105° 28' 8					E-48-7-B-d
Núi Cao	SV	xã Thọ Bình	H. Triệu Sơn	19° 47' 48"	105° 29' 15"					E-48-7-B-d
xóm 1	DC	xã Thọ Cường	H. Triệu Sơn	19° 52' 03"	105° 30' 49"					E-48-8-A-c
xóm 2	DC	xã Thọ Cường	H. Triệu Sơn	19° 52' 10"	105° 30' 25"					E-48-8-A-c
xóm 3	DC	xã Thọ Cường	H. Triệu Sơn	19° 51' 32"	105° 30' 15"					E-48-8-A-c
xóm 4	DC	xã Thọ Cường	H. Triệu Sơn	19° 51' 27"	105° 30' 54"					E-48-8-A-c
xóm 5	DC	xã Thọ Cường	H. Triệu Sơn	19° 51' 37"	105° 30' 54"					E-48-8-A-c
xóm 6	DC	xã Thọ Cường	H. Triệu Sơn	19° 51' 48"	105° 31' 26"					E-48-8-A-c
xóm 7	DC	xã Thọ Cường	H. Triệu Sơn	19° 51' 39"	105° 31' 16"					E-48-8-A-c
xóm 8	DC	xã Thọ Cường	H. Triệu Sơn	19° 51' 17"	105° 31' 23"					E-48-8-A-c
xóm 9	DC	xã Thọ Cường	H. Triệu Sơn	19° 51' 11"	105° 30' 36"					E-48-8-A-c
quốc lộ 47	KX	xã Thọ Cường	H. Triệu Sơn			19° 44' 00"	105° 53' 56"	19° 53' 36"	105° 24' 14"	E-48-8-A-c, E-48-7-B-d
kênh C6	TV	xã Thọ Cường	H. Triệu Sơn			19° 54' 54"	105° 30' 08"	19° 46' 59"	105° 34' 55"	E-48-8-A-c, E-48-7-B-d
sông Cầu Mướng	TV	xã Thọ Cường	H. Triệu Sơn			19° 51' 08"	105° 30' 23"	19° 50' 47"	105° 32' 30"	E-48-8-A-c
cầu Thọ Cường	KX	xã Thọ Cường	H. Triệu Sơn	19° 52' 07"	105° 30' 54"					E-48-8-A-c
xóm 1	DC	xã Thọ Dân	H. Triệu Sơn	19° 51' 49"	105° 31' 59"					E-48-8-A-c
xóm 2	DC	xã Thọ Dân	H. Triệu Sơn	19° 51' 53"	105° 32' 24"					E-48-8-A-c
xóm 3	DC	xã Thọ Dân	H. Triệu Sơn	19° 51' 51"	105° 32' 49"					E-48-8-A-c
xóm 4	DC	xã Thọ Dân	H. Triệu Sơn	19° 52' 00"	105° 32' 42"					E-48-8-A-c
xóm 5	DC	xã Thọ Dân	H. Triệu Sơn	19° 51' 57"	105° 33' 04"					E-48-8-A-c
xóm 6	DC	xã Thọ Dân	H. Triệu Sơn	19° 51' 48"	105° 32' 56"					E-48-8-A-c
xóm 7	DC	xã Thọ Dân	H. Triệu Sơn	19° 51' 36"	105° 32' 56"					E-48-8-A-c
xóm 8	DC	xã Thọ Dân	H. Triệu Sơn	19° 51' 27"	105° 32' 49"					E-48-8-A-c
xóm 9	DC	xã Thọ Dân	H. Triệu Sơn	19° 51' 21"	105° 32' 53"					E-48-8-A-c
xóm 10	DC	xã Thọ Dân	H. Triệu Sơn	19° 51' 01"	105° 32' 46"					E-48-8-A-c
xóm 11	DC	xã Thọ Dân	H. Triệu Sơn	19° 50' 43"	105° 33' 04"					E-48-8-A-c
xóm 12	DC	xã Thọ Dân	H. Triệu Sơn	19° 50' 33"	105° 32' 35"					E-48-8-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
quốc lộ 47	KX	xã Thọ Dân	H. Triệu Sơn			19° 44' 00"	105° 53' 56"	19° 53' 36"	105° 24' 14"	E-48-8-A-c
sông Cầu Mướng	TV	xã Thọ Dân	H. Triệu Sơn			19° 51' 08"	105° 30' 23"	19° 50' 47"	105° 32' 30"	E-48-8-A-c
Sông Nhơm	TV	xã Thọ Dân	H. Triệu Sơn			19° 48' 39"	105° 31' 13"	19° 39' 44"	105° 42' 50"	E-48-8-A-c
xóm 1	DC	xã Thọ Ngọc	H. Triệu Sơn	19° 52' 42"	105° 30' 36"					E-48-8-A-a
xóm 2	DC	xã Thọ Ngọc	H. Triệu Sơn	19° 52' 31"	105° 30' 47"					E-48-8-A-a
xóm 3	DC	xã Thọ Ngọc	H. Triệu Sơn	19° 52' 51"	105° 31' 01"					E-48-8-A-a
xóm 4	DC	xã Thọ Ngọc	H. Triệu Sơn	19° 52' 44"	105° 31' 16"					E-48-8-A-a
xóm 5	DC	xã Thọ Ngọc	H. Triệu Sơn	19° 52' 40"	105° 31' 05"					E-48-8-A-a
xóm 6	DC	xã Thọ Ngọc	H. Triệu Sơn	19° 52' 22"	105° 31' 23"					E-48-8-A-c
xóm 7	DC	xã Thọ Ngọc	H. Triệu Sơn	19° 51' 58"	105° 31' 23"					E-48-8-A-c
xóm 8	DC	xã Thọ Ngọc	H. Triệu Sơn	19° 51' 55"	105° 31' 41"					E-48-8-A-c
xóm 9	DC	xã Thọ Ngọc	H. Triệu Sơn	19° 52' 13"	105° 31' 48"					E-48-8-A-c
xóm 10	DC	xã Thọ Ngọc	H. Triệu Sơn	19° 52' 19"	105° 31' 44"					E-48-8-A-c
xóm 11	DC	xã Thọ Ngọc	H. Triệu Sơn	19° 52' 40"	105° 32' 13"					E-48-8-A-a
xóm 12	DC	xã Thọ Ngọc	H. Triệu Sơn	19° 52' 42"	105° 31' 52"					E-48-8-A-a
xóm 13	DC	xã Thọ Ngọc	H. Triệu Sơn	19° 52' 55"	105° 31' 52"					E-48-8-A-a
xóm 14	DC	xã Thọ Ngọc	H. Triệu Sơn	19° 52' 54"	105° 31' 41"					E-48-8-A-a
xóm 15	DC	xã Thọ Ngọc	H. Triệu Sơn	19° 53' 07"	105° 31' 44"					E-48-8-A-a
quốc lộ 47	KX	xã Thọ Ngọc	H. Triệu Sơn			19° 44' 00"	105° 53' 56"	19° 53' 36"	105° 24' 14"	E-48-8-A-c, E-48-7-B-d
kênh C6	TV	xã Thọ Ngọc	H. Triệu Sơn			19° 54' 54"	105° 30' 08"	19° 46' 59"	105° 34' 55"	E-48-8-A-c, E-48-8-A-a
Sông Hoàng	TV	xã Thọ Ngọc	H. Triệu Sơn			19° 54' 19"	105° 30' 00"	19° 44' 24"	105° 44' 42"	E-48-8-A-a
xóm 1	DC	xã Thọ Phú	H. Triệu Sơn	19° 52' 13"	105° 34' 41"					E-48-8-A-c
xóm 2	DC	xã Thọ Phú	H. Triệu Sơn	19° 52' 08"	105° 35' 02"					E-48-8-A-c
xóm 4	DC	xã Thọ Phú	H. Triệu Sơn	19° 51' 58"	105° 35' 13"					E-48-8-A-c
xóm 5	DC	xã Thọ Phú	H. Triệu Sơn	19° 51' 57"	105° 35' 20"					E-48-8-A-c
xóm 6	DC	xã Thọ Phú	H. Triệu Sơn	19° 52' 07"	105° 35' 17"					E-48-8-A-c
xóm 7	DC	xã Thọ Phú	H. Triệu Sơn	19° 52' 10"	105° 35' 24"					E-48-8-A-c
xóm 8	DC	xã Thọ Phú	H. Triệu Sơn	19° 52' 10"	105° 35' 31"					E-48-8-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm 9	DC	xã Thọ Phú	H. Triệu Sơn	19° 52' 21"	105° 35' 38"					E-48-8-A-c
xóm 10	DC	xã Thọ Phú	H. Triệu Sơn	19° 52' 28"	105° 35' 28"					E-48-8-A-c
đường tỉnh 506	KX	xã Thọ Phú	H. Triệu Sơn			19° 42' 19"	105° 41' 04"	19° 54' 50"	105° 24' 40"	E-48-8-A-c, E-48-8-A-a
xóm 3A	DC	xã Thọ Phú	H. Triệu Sơn	19° 51' 52"	105° 34' 52"					E-48-8-A-c
xóm 3B	DC	xã Thọ Phú	H. Triệu Sơn	19° 51' 43"	105° 35' 17"					E-48-8-A-c
Cầu Hào	KX	xã Thọ Phú	H. Triệu Sơn	19° 52' 35"	105° 35' 10"					E-48-8-A-a
Kênh Nam	TV	xã Thọ Phú	H. Triệu Sơn			19° 54' 41"	105° 32' 31"	19° 40' 11"	105° 42' 52"	E-48-8-A-c, E-48-8-A-a
Sông Hoàng	TV	xã Thọ Phú	H. Triệu Sơn			19° 54' 19"	105° 30' 00"	19° 44' 24"	105° 44' 42"	E-48-8-A-c
thôn 1	DC	xã Thọ Sơn	H. Triệu Sơn	19° 51' 40"	105° 29' 35"					E-48-7-B-d
thôn 2	DC	xã Thọ Sơn	H. Triệu Sơn	19° 51' 10"	105° 29' 53"					E-48-7-B-d
thôn 3	DC	xã Thọ Sơn	H. Triệu Sơn	19° 51' 15"	105° 29' 35"					E-48-7-B-d
thôn 4	DC	xã Thọ Sơn	H. Triệu Sơn	19° 51' 24"	105° 29' 24"					E-48-7-B-d
thôn 5	DC	xã Thọ Sơn	H. Triệu Sơn	19° 50' 51"	105° 29' 24"					E-48-7-B-d
thôn 6	DC	xã Thọ Sơn	H. Triệu Sơn	19° 51' 34"	105° 29' 06"					E-48-7-B-d
thôn 7	DC	xã Thọ Sơn	H. Triệu Sơn	19° 51' 49"	105° 28' 52"					E-48-7-B-d
thôn 8	DC	xã Thọ Sơn	H. Triệu Sơn	19° 51' 26"	105° 28' 41"					E-48-7-B-d
thôn 9	DC	xã Thọ Sơn	H. Triệu Sơn	19° 50' 39"	105° 28' 19"					E-48-7-B-d
thôn 10	DC	xã Thọ Sơn	H. Triệu Sơn	19° 50' 38"	105° 28' 02"					E-48-7-B-d
thôn 11	DC	xã Thọ Sơn	H. Triệu Sơn	19° 50' 32"	105° 28' 30"					E-48-7-B-d
thôn 12	DC	xã Thọ Sơn	H. Triệu Sơn	19° 50' 33"	105° 28' 55"					E-48-7-B-d
thôn 13	DC	xã Thọ Sơn	H. Triệu Sơn	19° 50' 57"	105° 27' 47"					E-48-7-B-d
thôn 14	DC	xã Thọ Sơn	H. Triệu Sơn	19° 51' 15"	105° 29' 10"					E-48-7-B-d
thôn 15	DC	xã Thọ Sơn	H. Triệu Sơn	19° 51' 04"	105° 28' 44"					E-48-7-B-d
thôn 16	DC	xã Thọ Sơn	H. Triệu Sơn	19° 50' 56"	105° 29' 02"					E-48-7-B-d
kênh C6	TV	xã Thọ Sơn	H. Triệu Sơn			19° 54' 54"	105° 30' 08"	19° 46' 59"	105° 34' 55"	E-48-7-B-d, E-48-8-A-c
hồ Ngô Công	TV	xã Thọ Sơn	H. Triệu Sơn	19° 51' 05"	105° 28' 16"					E-48-7-B-d
thôn 1	DC	xã Thọ Tân	H. Triệu Sơn	19° 50' 31"	105° 33' 54"					E-48-8-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn 2	DC	xã Thọ Tân	H. Triệu Sơn	19° 50' 23"	105° 34' 05"					E-48-8-A-c
thôn 3	DC	xã Thọ Tân	H. Triệu Sơn	19° 49' 41"	105° 34' 26"					E-48-8-A-c
thôn 4	DC	xã Thọ Tân	H. Triệu Sơn	19° 49' 49"	105° 33' 58"					E-48-8-A-c
thôn 5	DC	xã Thọ Tân	H. Triệu Sơn	19° 49' 43"	105° 33' 36"					E-48-8-A-c
thôn 6	DC	xã Thọ Tân	H. Triệu Sơn	19° 50' 10"	105° 33' 32"					E-48-8-A-c
thôn 7	DC	xã Thọ Tân	H. Triệu Sơn	19° 50' 24"	105° 33' 07"					E-48-8-A-c
thôn 8	DC	xã Thọ Tân	H. Triệu Sơn	19° 50' 27"	105° 34' 19"					E-48-8-A-c
Sông Nhơm	TV	xã Thọ Tân	H. Triệu Sơn			19° 48' 39"	105° 31' 13"	19° 39' 44"	105° 42' 50"	E-48-8-A-c
thôn 1	DC	xã Thọ Thế	H. Triệu Sơn	19° 50' 54"	105° 33' 22"					E-48-8-A-c
thôn 2	DC	xã Thọ Thế	H. Triệu Sơn	19° 51' 25"	105° 33' 25"					E-48-8-A-c
thôn 3	DC	xã Thọ Thế	H. Triệu Sơn	19° 51' 17"	105° 33' 40"					E-48-8-A-c
thôn 4	DC	xã Thọ Thế	H. Triệu Sơn	19° 51' 12"	105° 33' 54"					E-48-8-A-c
thôn 5	DC	xã Thọ Thế	H. Triệu Sơn	19° 51' 25"	105° 34' 16"					E-48-8-A-c
thôn 6	DC	xã Thọ Thế	H. Triệu Sơn	19° 51' 24"	105° 34' 23"					E-48-8-A-c
thôn 7	DC	xã Thọ Thế	H. Triệu Sơn	19° 51' 34"	105° 34' 34"					E-48-8-A-c
thôn 8	DC	xã Thọ Thế	H. Triệu Sơn	19° 51' 02"	105° 34' 16"					E-48-8-A-c
thôn 9	DC	xã Thọ Thế	H. Triệu Sơn	19° 51' 10"	105° 34' 37"					E-48-8-A-c
thôn 10	DC	xã Thọ Thế	H. Triệu Sơn	19° 50' 59"	105° 34' 44"					E-48-8-A-c
thôn 11	DC	xã Thọ Thế	H. Triệu Sơn	19° 50' 55"	105° 34' 59"					E-48-8-A-c
thôn 12	DC	xã Thọ Thế	H. Triệu Sơn	19° 50' 39"	105° 34' 48"					E-48-8-A-c
quốc lộ 47	KX	xã Thọ Thế	H. Triệu Sơn			19° 44' 00"	105° 53' 56"	19° 53' 36"	105° 24' 14"	E-48-8-A-c
thôn Bắc Sơn	DC	xã Thọ Tiến	H. Triệu Sơn	19° 50' 08"	105° 30' 54"					E-48-8-A-c
thôn Bái Giang	DC	xã Thọ Tiến	H. Triệu Sơn	19° 50' 59"	105° 29' 56"					E-48-7-B-d
thôn Bình Trị	DC	xã Thọ Tiến	H. Triệu Sơn	19° 49' 48"	105° 31' 08"					E-48-8-A-c
kênh C6	TV	xã Thọ Tiến	H. Triệu Sơn			19° 54' 54"	105° 30' 08"	19° 46' 59"	105° 34' 55"	E-48-8-A-c
thôn Dân Tiến	DC	xã Thọ Tiến	H. Triệu Sơn	19° 49' 58"	105° 30' 25"					E-48-8-A-c
thôn Hoả Xa	DC	xã Thọ Tiến	H. Triệu Sơn	19° 50' 47"	105° 29' 38"					E-48-7-B-d
thôn Hoàng Xa	DC	xã Thọ Tiến	H. Triệu Sơn	19° 49' 39"	105° 31' 26"					E-48-8-A-c
thôn Hoành Cừ	DC	xã Thọ Tiến	H. Triệu Sơn	19° 50' 11"	105° 30' 15"					E-48-8-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Hữu Vy 1	DC	xã Thọ Tiến	H. Triệu Sơn	19° 51' 04"	105° 30' 18"					E-48-8-A-c
thôn Hữu Vy 2	DC	xã Thọ Tiến	H. Triệu Sơn	19° 50' 39"	105° 30' 29"					E-48-8-A-c
thôn Lạc Lâm	DC	xã Thọ Tiến	H. Triệu Sơn	19° 50' 05"	105° 30' 40"					E-48-8-A-c
Sông Nhơm	TV	xã Thọ Tiến	H. Triệu Sơn			19° 48' 39"	105° 31' 13"	19° 39' 44"	105° 42' 50"	E-48-8-A-c
thôn 1	DC	xã Thọ Vực	H. Triệu Sơn	19° 53' 24"	105° 34' 19"					E-48-8-A-a
thôn 2	DC	xã Thọ Vực	H. Triệu Sơn	19° 53' 08"	105° 34' 19"					E-48-8-A-a
thôn 3	DC	xã Thọ Vực	H. Triệu Sơn	19° 53' 13"	105° 34' 34"					E-48-8-A-a
thôn 4	DC	xã Thọ Vực	H. Triệu Sơn	19° 52' 51"	105° 34' 48"					E-48-8-A-a
thôn 5	DC	xã Thọ Vực	H. Triệu Sơn	19° 52' 45"	105° 34' 41"					E-48-8-A-a
thôn 6	DC	xã Thọ Vực	H. Triệu Sơn	19° 52' 38"	105° 34' 41"					E-48-8-A-a
thôn 7	DC	xã Thọ Vực	H. Triệu Sơn	19° 52' 48"	105° 34' 34"					E-48-8-A-a
thôn 8	DC	xã Thọ Vực	H. Triệu Sơn	19° 52' 36"	105° 34' 34"					E-48-8-A-a
thôn 9	DC	xã Thọ Vực	H. Triệu Sơn	19° 52' 24"	105° 34' 41"					E-48-8-A-c
đường tỉnh 506	KX	xã Thọ Vực	H. Triệu Sơn			19° 42' 19"	105° 41' 04"	19° 54' 50"	105° 24' 40"	E-48-8-A-a
Cầu Hào	KX	xã Thọ Vực	H. Triệu Sơn	19° 52' 35"	105° 35' 10"					E-48-8-A-a
Kênh Nam	TV	xã Thọ Vực	H. Triệu Sơn			19° 54' 41"	105° 32' 31"	19° 40' 11"	105° 42' 52"	E-48-8-A-a
Sông Hoàng	TV	xã Thọ Vực	H. Triệu Sơn			19° 54' 19"	105° 30' 00"	19° 44' 24"	105° 44' 42"	E-48-8-A-c
thôn 1	DC	xã Tiến Nông	H. Triệu Sơn	19° 48' 5"	105° 38' 14"					E-48-8-A-d
thôn 2	DC	xã Tiến Nông	H. Triệu Sơn	19° 47' 57"	105° 38' 10"					E-48-8-A-d
thôn 3	DC	xã Tiến Nông	H. Triệu Sơn	19° 47' 32"	105° 38' 31"					E-48-8-A-d
thôn 4	DC	xã Tiến Nông	H. Triệu Sơn	19° 47' 54"	105° 39' 04"					E-48-8-A-d
thôn 5	DC	xã Tiến Nông	H. Triệu Sơn	19° 47' 57"	105° 39' 40"					E-48-8-A-d
thôn 6	DC	xã Tiến Nông	H. Triệu Sơn	19° 48' 18"	105° 39' 40"					E-48-8-A-d
thôn 7	DC	xã Tiến Nông	H. Triệu Sơn	19° 48' 10"	105° 39' 11"					E-48-8-A-d
thôn 8	DC	xã Tiến Nông	H. Triệu Sơn	19° 48' 14"	105° 38' 46"					E-48-8-A-d
thôn 9	DC	xã Tiến Nông	H. Triệu Sơn	19° 48' 24"	105° 38' 46"					E-48-8-A-d
Kênh Nam	TV	xã Tiến Nông	H. Triệu Sơn			19° 54' 41"	105° 32' 31"	19° 40' 11"	105° 42' 52"	E-48-8-A-d
Sông Hoàng	TV	xã Tiến Nông	H. Triệu Sơn			19° 54' 19"	105° 30' 00"	19° 44' 24"	105° 44' 42"	E-48-8-A-d
xóm 1	DC	xã Triệu Thành	H. Triệu Sơn	19° 47' 12"	105° 32' 31"					E-48-8-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm 2	DC	xã Triệu Thành	H. Triệu Sơn	19° 47' 09"	105° 32' 06"					E-48-8-A-c
xóm 3	DC	xã Triệu Thành	H. Triệu Sơn	19° 46' 48"	105° 32' 17"					E-48-8-A-c
xóm 4	DC	xã Triệu Thành	H. Triệu Sơn	19° 46' 51"	105° 31' 48"					E-48-8-A-c
xóm 5	DC	xã Triệu Thành	H. Triệu Sơn	19° 47' 04"	105° 31' 30"					E-48-8-A-c
xóm 6	DC	xã Triệu Thành	H. Triệu Sơn	19° 46' 29"	105° 31' 23"					E-48-8-A-c
xóm 7	DC	xã Triệu Thành	H. Triệu Sơn	19° 46' 46"	105° 31' 01"					E-48-8-A-c
xóm 8	DC	xã Triệu Thành	H. Triệu Sơn	19° 46' 11"	105° 31' 30"					E-48-8-A-c
xóm 9	DC	xã Triệu Thành	H. Triệu Sơn	19° 45' 42"	105° 31' 34"					E-48-8-A-c
xóm 10	DC	xã Triệu Thành	H. Triệu Sơn	19° 46' 23"	105° 32' 10"					E-48-8-A-c
xóm 11	DC	xã Triệu Thành	H. Triệu Sơn	19° 45' 53"	105° 32' 06"					E-48-8-A-c
xóm 12	DC	xã Triệu Thành	H. Triệu Sơn	19° 46' 35"	105° 32' 24"					E-48-8-A-c
đường tỉnh 514	KX	xã Triệu Thành	H. Triệu Sơn			19° 50' 09"	105° 38' 42"	19° 52' 28"	105° 27' 45"	E-48-8-A-c
hồ Ao Lốc	TV	xã Triệu Thành	H. Triệu Sơn	19° 46' 18"	105° 31' 41"					E-48-8-A-c
Núi Xưa	SV	xã Triệu Thành	H. Triệu Sơn	19° 47' 10"	105° 30' 25"					E-48-8-A-c
thôn 1	DC	xã Văn Sơn	H. Triệu Sơn	19° 47' 10"	105° 35' 02"					E-48-8-A-c
thôn 2	DC	xã Văn Sơn	H. Triệu Sơn	19° 47' 01"	105° 35' 31"					E-48-8-A-c
thôn 3	DC	xã Văn Sơn	H. Triệu Sơn	19° 47' 08"	105° 35' 35"					E-48-8-A-c
thôn 4	DC	xã Văn Sơn	H. Triệu Sơn	19° 46' 11"	105° 34' 48"					E-48-8-A-c
thôn 5	DC	xã Văn Sơn	H. Triệu Sơn	19° 46' 37"	105° 35' 56"					E-48-8-A-c
thôn 6	DC	xã Văn Sơn	H. Triệu Sơn	19° 46' 38"	105° 36' 18"					E-48-8-A-c
thôn 7	DC	xã Văn Sơn	H. Triệu Sơn	19° 47' 36"	105° 36' 32"					E-48-8-A-c
thôn 8	DC	xã Văn Sơn	H. Triệu Sơn	19° 46' 58"	105° 36' 29"					E-48-8-A-c
thôn 9	DC	xã Văn Sơn	H. Triệu Sơn	19° 47' 44"	105° 36' 40"					E-48-8-A-c
thôn 10	DC	xã Văn Sơn	H. Triệu Sơn	19° 47' 26"	105° 36' 36"					E-48-8-A-c
thôn 11	DC	xã Văn Sơn	H. Triệu Sơn	19° 45' 53"	105° 35' 10"					E-48-8-A-c
đường tỉnh 506	KX	xã Văn Sơn	H. Triệu Sơn			19° 42' 19"	105° 41' 04"	19° 54' 50"	105° 24' 40"	E-48-8-A-c
kênh C6	TV	xã Văn Sơn	H. Triệu Sơn			19° 54' 54"	105° 30' 08"	19° 46' 59"	105° 34' 55"	E-48-8-A-c
hồ Hương Sơn	TV	xã Văn Sơn	H. Triệu Sơn	19° 46' 26"	105° 35' 02"					E-48-8-A-c
Sông Nhơm	TV	xã Văn Sơn	H. Triệu Sơn			19° 48' 39"	105° 31' 13"	19° 39' 44"	105° 42' 50"	E-48-8-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Núi Nưa	SV	xã Văn Sơn	H. Triệu Sơn	19° 45' 15"	105° 33' 47"					E-48-8-A-c
đỉnh U Bò	SV	xã Văn Sơn	H. Triệu Sơn	19° 44' 13"	105° 34' 19"					E-48-8-C-a
Khe Vực	TV	xã Văn Sơn	H. Triệu Sơn			19° 44' 37"	105° 34' 11"	19° 45' 44"	105° 36' 40"	E-48-8-A-c
thôn 1	DC	xã Xuân Lộc	H. Triệu Sơn	19° 52' 53"	105° 33' 00"					E-48-8-A-a
thôn 2	DC	xã Xuân Lộc	H. Triệu Sơn	19° 52' 56"	105° 33' 04"					E-48-8-A-a
thôn 3	DC	xã Xuân Lộc	H. Triệu Sơn	19° 52' 42"	105° 33' 18"					E-48-8-A-a
thôn 4	DC	xã Xuân Lộc	H. Triệu Sơn	19° 52' 43"	105° 33' 29"					E-48-8-A-a
thôn 5	DC	xã Xuân Lộc	H. Triệu Sơn	19° 52' 51"	105° 33' 32"					E-48-8-A-a
thôn 6	DC	xã Xuân Lộc	H. Triệu Sơn	19° 53' 01"	105° 33' 22"					E-48-8-A-a
thôn 7	DC	xã Xuân Lộc	H. Triệu Sơn	19° 53' 05"	105° 33' 11"					E-48-8-A-a
thôn 8	DC	xã Xuân Lộc	H. Triệu Sơn	19° 53' 06"	105° 33' 26"					E-48-8-A-a
thôn 9	DC	xã Xuân Lộc	H. Triệu Sơn	19° 53' 08"	105° 33' 19"					E-48-8-A-a
đường tỉnh 506	KX	xã Xuân Lộc	H. Triệu Sơn			19° 42' 19"	105° 41' 04"	19° 54' 50"	105° 24' 40"	E-48-8-A-a
Kênh Nam	TV	xã Xuân Lộc	H. Triệu Sơn			19° 54' 41"	105° 32' 31"	19° 40' 11"	105° 42' 52"	E-48-8-A-a
Sông Hoàng	TV	xã Xuân Lộc	H. Triệu Sơn			19° 54' 19"	105° 30' 00"	19° 44' 24"	105° 44' 42"	E-48-8-A-a
thôn 1	DC	xã Xuân Thịnh	H. Triệu Sơn	19° 52' 35"	105° 33' 04"					E-48-8-A-a
thôn 2	DC	xã Xuân Thịnh	H. Triệu Sơn	19° 52' 32"	105° 33' 00"					E-48-8-A-a
thôn 3	DC	xã Xuân Thịnh	H. Triệu Sơn	19° 52' 34"	105° 33' 21"					E-48-8-A-a
thôn 4	DC	xã Xuân Thịnh	H. Triệu Sơn	19° 52' 15"	105° 33' 25"					E-48-8-A-c
thôn 5	DC	xã Xuân Thịnh	H. Triệu Sơn	19° 52' 11"	105° 33' 32"					E-48-8-A-c
thôn 6	DC	xã Xuân Thịnh	H. Triệu Sơn	19° 52' 23"	105° 33' 47"					E-48-8-A-c
thôn 7	DC	xã Xuân Thịnh	H. Triệu Sơn	19° 52' 29"	105° 34' 01"					E-48-8-A-c
thôn 8	DC	xã Xuân Thịnh	H. Triệu Sơn	19° 52' 16"	105° 34' 23"					E-48-8-A-c
Kênh Nam	TV	xã Xuân Thịnh	H. Triệu Sơn			19° 54' 41"	105° 32' 31"	19° 40' 11"	105° 42' 52"	E-48-8-A-a
Sông Hoàng	TV	xã Xuân Thịnh	H. Triệu Sơn			19° 54' 19"	105° 30' 00"	19° 44' 24"	105° 44' 42"	E-48-8-A-a, E-48-8-A-c
thôn 1	DC	xã Xuân Thọ	H. Triệu Sơn	19° 50' 48"	105° 31' 34"					E-48-8-A-c
thôn 2	DC	xã Xuân Thọ	H. Triệu Sơn	19° 50' 42"	105° 31' 41"					E-48-8-A-c
thôn 3	DC	xã Xuân Thọ	H. Triệu Sơn	19° 50' 29"	105° 31' 52"					E-48-8-A-c
thôn 4	DC	xã Xuân Thọ	H. Triệu Sơn	19° 50' 39"	105° 31' 59"					E-48-8-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn 5	DC	xã Xuân Thọ	H. Triệu Sơn	19° 50' 50"	105° 31' 59"					E-48-8-A-c
thôn 6	DC	xã Xuân Thọ	H. Triệu Sơn	19° 50' 43"	105° 31' 52"					E-48-8-A-c
thôn 7	DC	xã Xuân Thọ	H. Triệu Sơn	19° 51' 20"	105° 31' 48"					E-48-8-A-c
thôn 8	DC	xã Xuân Thọ	H. Triệu Sơn	19° 51' 28"	105° 32' 10"					E-48-8-A-c
thôn 9	DC	xã Xuân Thọ	H. Triệu Sơn	19° 51' 35"	105° 31' 59"					E-48-8-A-c
thôn 10	DC	xã Xuân Thọ	H. Triệu Sơn	19° 51' 37"	105° 31' 37"					E-48-8-A-c
thôn 11	DC	xã Xuân Thọ	H. Triệu Sơn	19° 49' 55"	105° 31' 59"					E-48-8-A-c
quốc lộ 47	KX	xã Xuân Thọ	H. Triệu Sơn			19° 44' 00"	105° 53' 56"	19° 53' 36"	105° 24' 14"	E-48-8-A-c
sông Cầu Mướng	TV	xã Xuân Thọ	H. Triệu Sơn			19° 51' 08"	105° 30' 23"	19° 50' 47"	105° 32' 30"	E-48-8-A-c
Sông Nhơm	TV	xã Xuân Thọ	H. Triệu Sơn			19° 48' 39"	105° 31' 13"	19° 39' 44"	105° 42' 50"	E-48-8-A-c
khu phố 1	DC	TT. Thường Xuân	H. Trường Xuân	19° 54' 36"	105° 20' 37"					E-48-7-B-a
khu phố 2	DC	TT. Thường Xuân	H. Trường Xuân	19° 54' 20"	105° 20' 30"					E-48-7-B-a
khu phố 3	DC	TT. Thường Xuân	H. Trường Xuân	19° 54' 26"	105° 20' 43"					E-48-7-B-a
khu phố 4	DC	TT. Thường Xuân	H. Trường Xuân	19° 53' 55"	105° 21' 05"					E-48-7-B-a
khu phố 5	DC	TT. Thường Xuân	H. Trường Xuân	19° 53' 58"	105° 21' 20"					E-48-7-B-a
đường tỉnh 507	KX	TT. Thường Xuân	H. Trường Xuân			20° 03' 25"	104° 57' 40"	19° 54' 44"	105° 24' 14"	E-48-7-B-a
Đồi Chẹ	SV	TT. Thường Xuân	H. Trường Xuân	19° 54' 06"	105° 20' 28"					E-48-7-B-a
đồn 505	KX	xã Bát Mọt	H. Trường Xuân	20° 03' 07"	105° 00' 59"					F-48-91-C
đường tỉnh 507	KX	xã Bát Mọt	H. Trường Xuân			20° 03' 25"	104° 57' 40"	19° 54' 44"	105° 24' 14"	F-48-91-C
pu Bán Mua	SV	xã Bát Mọt	H. Trường Xuân	19° 58' 35"	105° 01' 12"					E-48-7-A
pu Bán Nứa	SV	xã Bát Mọt	H. Trường Xuân	19° 59' 10"	105° 03' 07"					E-48-7-A
Bản Cạn	DC	xã Bát Mọt	H. Trường Xuân	20° 03' 06"	105° 00' 53"					F-48-91-C
Pu Cạn	SV	xã Bát Mọt	H. Trường Xuân	20° 01' 43"	104° 59' 56"					F-48-90-D
pu Canh Cò	SV	xã Bát Mọt	H. Trường Xuân	19° 58' 24"	104° 59' 42"					E-48-6-B
Bản Chiềng	DC	xã Bát Mọt	H. Trường Xuân	20° 02' 22"	105° 01' 27"					F-48-91-C
Bản Đục	DC	xã Bát Mọt	H. Trường Xuân	20° 00' 51"	104° 57' 06"					F-48-90-D
Suối Đục	TV	xã Bát Mọt	H. Trường Xuân			20° 00' 55"	104° 58' 34"	20° 01' 00"	104° 57' 29"	F-48-90-D
Bản Dưn	DC	xã Bát Mọt	H. Trường Xuân	20° 02' 39"	105° 03' 24"					F-48-91-C
Suối Dưn	TV	xã Bát Mọt	H. Trường Xuân			20° 04' 15"	105° 03' 22"	20° 03' 25"	105° 04' 01"	F-48-91-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Suối Hàn	TV	xã Bát Mọt	H. Trường Xuân			19° 58' 14"	105° 04' 08"	19° 56' 47"	105° 04' 59"	E-48-7-A
suối Hia Hang	TV	xã Bát Mọt	H. Trường Xuân			20° 04' 35"	104° 58' 37"	20° 03' 48"	104° 58' 26"	F-48-90-D
suối Hin Hé	TV	xã Bát Mọt	H. Trường Xuân			20° 03' 04"	104° 58' 29"	20° 03' 46"	104° 58' 54"	F-48-90-D
Bản Hón	DC	xã Bát Mọt	H. Trường Xuân	20° 02' 23"	105° 00' 27"					F-48-91-C
Suối Hón	TV	xã Bát Mọt	H. Trường Xuân			20° 02' 22"	104° 58' 59"	20° 02' 54"	105° 00' 43"	F-48-90-D, F-48-91-C
pu Hón Han	SV	xã Bát Mọt	H. Trường Xuân	19° 59' 01"	105° 05' 20"					E-48-7-A
pu Huối Sai	SV	xã Bát Mọt	H. Trường Xuân	20° 04' 45"	105° 04' 34"					F-48-91-C
Nặm Ken	TV	xã Bát Mọt	H. Trường Xuân			19° 58' 37"	104° 57' 52"	20° 01' 08"	105° 06' 22"	F-48-91-C, E-48-6-B, E-48-7-A
núi Kẻng Phạ	SV	xã Bát Mọt	H. Trường Xuân	20° 01' 09"	104° 55' 08"					F-48-90-D
Suối Kết	TV	xã Bát Mọt	H. Trường Xuân			20° 02' 18"	105° 01' 55"	20° 02' 03"	105° 02' 35"	F-48-91-C
Bản Khẹo	DC	xã Bát Mọt	H. Trường Xuân	20° 02' 35"	104° 57' 58"					F-48-90-D
Suối Khẹo	TV	xã Bát Mọt	H. Trường Xuân			20° 02' 34"	104° 58' 12"	20° 03' 23"	104° 57' 40"	F-48-90-D
núi Lăng Bán	SV	xã Bát Mọt	H. Trường Xuân	20° 04' 49"	104° 58' 55"					F-48-90-D
Suối Luông	TV	xã Bát Mọt	H. Trường Xuân			20° 04' 29"	105° 00' 54"	20° 02' 54"	105° 00' 43"	F-48-90-D, F-48-91-C
Pu Mong	SV	xã Bát Mọt	H. Trường Xuân	19° 57' 15"	105° 00' 22"					E-48-7-A
suối Nậm Khèn	TV	xã Bát Mọt	H. Trường Xuân			19° 56' 47"	105° 04' 57"	19° 55' 28"	105° 08' 06"	E-48-7-A
suối Nậm Sung	TV	xã Bát Mọt	H. Trường Xuân			19° 56' 45"	105° 01' 47"	19° 56' 47"	105° 04' 57"	E-48-7-A
Pu Nhịp	SV	xã Bát Mọt	H. Trường Xuân	19° 56' 23"	105° 02' 53"					E-48-7-A
suối Pa Hốc	TV	xã Bát Mọt	H. Trường Xuân			20° 03' 50"	104° 58' 16"	20° 03' 48"	104° 58' 26"	F-48-90-D
núi Phả Cọ	SV	xã Bát Mọt	H. Trường Xuân	20° 02' 51"	104° 58' 55"					F-48-90-D
núi Phay Mạy	SV	xã Bát Mọt	H. Trường Xuân	20° 05' 07"	104° 59' 37"					F-48-90-D
pu Phạy Mạy	SV	xã Bát Mọt	H. Trường Xuân	20° 05' 34"	105° 00' 18"					F-48-91-C
suối Phi Tai	TV	xã Bát Mọt	H. Trường Xuân			20° 05' 34"	104° 59' 17"	20° 04' 29"	104° 59' 13"	F-48-90-D
Bản Phóng	DC	xã Bát Mọt	H. Trường Xuân	20° 02' 11"	105° 02' 55"					F-48-91-C
Bản Phống	DC	xã Bát Mọt	H. Trường Xuân	20° 00' 42"	105° 03' 05"					F-48-91-C
núi Phù Huột	SV	xã Bát Mọt	H. Trường Xuân	20° 02' 47"	104° 56' 46"					F-48-90-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
núi Pù Cu	SV	xã Bát Mọt	H. Trường Xuân	20° 04' 25"	105° 03' 09"					F-48-91-C
núi Pù Hại	SV	xã Bát Mọt	H. Trường Xuân	20° 05' 00"	105° 01' 31"					F-48-91-C
Bản Ruộng	DC	xã Bát Mọt	H. Trường Xuân	20° 03' 59"	104° 58' 47"					F-48-90-D
suối Sạy Kày	TV	xã Bát Mọt	H. Trường Xuân			19° 59' 49"	104° 56' 31"	20° 02' 13"	104° 55' 57"	F-48-90-D
Bản Vịn	DC	xã Bát Mọt	H. Trường Xuân	19° 59' 42"	104° 59' 10"					E-48-6-B
Thôn Kha	DC	xã Luận Khê	H. Trường Xuân	19° 49' 22"	105° 19' 28"					E-48-7-B-c
thôn An Nhân	DC	xã Luận Khê	H. Trường Xuân	19° 47' 39"	105° 21' 18"					E-48-7-B-c
Suối Bót	TV	xã Luận Khê	H. Trường Xuân			19° 46' 29"	105° 20' 34"	19° 47' 59"	105° 22' 48"	E-48-7-B-c, E-48-7-B-d
Thôn Buồng	DC	xã Luận Khê	H. Trường Xuân	19° 48' 34"	105° 19' 56"					E-48-7-B-c
Pu Chè	SV	xã Luận Khê	H. Trường Xuân	19° 50' 05"	105° 19' 41"					E-48-7-B-c
Suối Chiềng	TV	xã Luận Khê	H. Trường Xuân			19° 50' 08"	105° 19' 22"	19° 48' 16"	105° 22' 37"	E-48-7-B-c, E-48-7-B-d
Thôn Chiềng	DC	xã Luận Khê	H. Trường Xuân	19° 48' 16"	105° 20' 37"					E-48-7-B-c
Pu Chua	SV	xã Luận Khê	H. Trường Xuân	19° 46' 08"	105° 22' 23"					E-48-7-B-c
Sông Đằn	TV	xã Luận Khê	H. Trường Xuân			19° 43' 45"	105° 26' 12"	19° 52' 34"	105° 21' 32"	E-48-7-B-c, E-48-7-B-d
Thôn Hún	DC	xã Luận Khê	H. Trường Xuân	19° 47' 15"	105° 20' 02"					E-48-7-B-c
Pu Kha	SV	xã Luận Khê	H. Trường Xuân	19° 50' 19"	105° 18' 11"					E-48-7-B-c
Thôn Mơ	DC	xã Luận Khê	H. Trường Xuân	19° 46' 04"	105° 22' 06"					E-48-7-B-c
thôn Ngọc Trà	DC	xã Luận Khê	H. Trường Xuân	19° 45' 20"	105° 21' 30"					E-48-7-B-c
Bù Ngua	SV	xã Luận Khê	H. Trường Xuân	19° 47' 36"	105° 19' 05"					E-48-7-B-c
Thôn Nhàng	DC	xã Luận Khê	H. Trường Xuân	19° 48' 09"	105° 21' 48"					E-48-7-B-c
thôn Sông Đằn	DC	xã Luận Khê	H. Trường Xuân	19° 49' 09"	105° 22' 24"					E-48-7-B-c
Thôn Thắm	DC	xã Luận Khê	H. Trường Xuân	19° 46' 27"	105° 21' 52"					E-48-7-B-c
thôn Tràng Cát	DC	xã Luận Khê	H. Trường Xuân	19° 49' 39"	105° 21' 56"					E-48-7-B-c
thôn Yên Mỹ	DC	xã Luận Khê	H. Trường Xuân	19° 47' 00"	105° 21' 35"					E-48-7-B-c
núi Bờ Ban	SV	xã Luận Thành	H. Trường Xuân	19° 47' 39"	105° 26' 22"					E-48-7-B-d
Hón Cánh	TV	xã Luận Thành	H. Trường Xuân			19° 49' 54"	105° 22' 32"	19° 49' 49"	105° 21' 54"	E-48-7-B-c, E-48-7-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Cao Tiến	DC	xã Luận Thành	H. Trường Xuân	19° 49' 07"	105° 23' 14"					E-48-7-B-d
Pu Chùa	SV	xã Luận Thành	H. Trường Xuân	19° 47' 24"	105° 24' 36"					E-48-7-B-d
Suối Dài	TV	xã Luận Thành	H. Trường Xuân			19° 44' 46"	105° 29' 13"	19° 45' 06"	105° 25' 25"	E-48-7-B-d
Sông Đằn	TV	xã Luận Thành	H. Trường Xuân			19° 43' 45"	105° 26' 12"	19° 52' 34"	105° 21' 32"	E-48-7-B-c, E-48-7-B-d
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Luận Thành	H. Trường Xuân			20° 21' 59"	105° 31' 19"	19° 26' 37"	105° 26' 53"	E-48-7-B-d
thôn Liên Thành	DC	xã Luận Thành	H. Trường Xuân	19° 48' 23"	105° 23' 26"					E-48-7-B-d
Suối Ngòn	TV	xã Luận Thành	H. Trường Xuân			19° 48' 03"	105° 25' 16"	19° 49' 14"	105° 22' 26"	E-48-7-B-d, E-48-7-B-c
Núi Rồng	SV	xã Luận Thành	H. Trường Xuân	19° 48' 33"	105° 24' 14"					E-48-7-B-d
thôn Sơn Cao	DC	xã Luận Thành	H. Trường Xuân	19° 49' 54"	105° 24' 07"					E-48-7-B-d
thôn Sơn Minh	DC	xã Luận Thành	H. Trường Xuân	19° 50' 06"	105° 23' 35"					E-48-7-B-d
thôn Thành Thắng	DC	xã Luận Thành	H. Trường Xuân	19° 46' 40"	105° 26' 01"					E-48-7-B-d
thôn Thiệu Hợp	DC	xã Luận Thành	H. Trường Xuân	19° 49' 22"	105° 22' 28"					E-48-7-B-c
thôn Thống Nhất	DC	xã Luận Thành	H. Trường Xuân	19° 48' 27"	105° 23' 38"					E-48-7-B-d
thôn Tiến Hưng 1	DC	xã Luận Thành	H. Trường Xuân	19° 48' 23"	105° 24' 09"					E-48-7-B-d
thôn Tiến Hưng 2	DC	xã Luận Thành	H. Trường Xuân	19° 48' 31"	105° 25' 05"					E-48-7-B-d
đường tỉnh 507	KX	xã Lương Sơn	H. Trường Xuân			20° 03' 25"	104° 57' 40"	19° 54' 44"	105° 24' 14"	E-48-7-A, E-48-7-B-a
Pu Me	SV	xã Lương Sơn	H. Trường Xuân	19° 55' 32"	105° 18' 36"					E-48-7-B-a
bù Bù Khoai	SV	xã Lương Sơn	H. Trường Xuân	20° 00' 03"	105° 13' 43"					E-48-7-A
núi Bù Ran	SV	xã Lương Sơn	H. Trường Xuân	20° 00' 24"	105° 12' 42"					F-48-91-C
núi Bù Tôn	SV	xã Lương Sơn	H. Trường Xuân	20° 00' 45"	105° 12' 14"					F-48-91-C
Pu Cáy	SV	xã Lương Sơn	H. Trường Xuân	19° 56' 17"	105° 15' 31"					E-48-7-B-a
đồi Cây Trám	SV	xã Lương Sơn	H. Trường Xuân	20° 00' 21"	105° 16' 09"					E-48-7-B-a
Hón Chiêng	TV	xã Lương Sơn	H. Trường Xuân			19° 59' 46"	105° 14' 28"	19° 57' 52"	105° 14' 24"	E-48-7-A
Sông Chu	TV	xã Lương Sơn	H. Trường Xuân			19° 55' 20"	105° 07' 59"	19° 53' 02"	105° 45' 23"	E-48-7-A
Suối Cớn	TV	xã Lương Sơn	H. Trường Xuân			19° 58' 08"	105° 14' 53"	19° 56' 55"	105° 14' 28"	E-48-7-A, E-48-7-B-a
Pu Cui	SV	xã Lương Sơn	H. Trường Xuân	20° 00' 23"	105° 10' 57"					F-48-91-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Suối Đai	TV	xã Lương Sơn	H. Trường Xuân			19° 58' 06"	105° 12' 51"	19° 58' 45"	105° 13' 05"	E-48-7-A
Suối Đóng	TV	xã Lương Sơn	H. Trường Xuân			19° 59' 33"	105° 12' 54"	19° 58' 55"	105° 12' 54"	E-48-7-A
Hón Dường	TV	xã Lương Sơn	H. Trường Xuân			20° 00' 30	105° 15' 04"	19° 56' 50"	105° 19' 16"	E-48-7-B-a
Núi Hay	SV	xã Lương Sơn	H. Trường Xuân	19° 57' 57"	105° 12' 50"					E-48-7-A
Sông Khao	TV	xã Lương Sơn	H. Trường Xuân			20° 01' 08"	105° 06' 22"	19° 55' 11"	105° 14' 41"	E-48-7-A
pu Khoai Lon	SV	xã Lương Sơn	H. Trường Xuân	19° 56' 55"	105° 13' 48"					E-48-7-A
thôn Lương Thiện	DC	xã Lương Sơn	H. Trường Xuân	19° 57' 52"	105° 17' 00"					E-48-7-B-a
thôn Lương Thịnh	DC	xã Lương Sơn	H. Trường Xuân	19° 58' 59"	105° 15' 57"					E-48-7-B-a
thôn Minh Ngọc	DC	xã Lương Sơn	H. Trường Xuân	19° 56' 09"	105° 17' 05"					E-48-7-B-a
thôn Minh Quang	DC	xã Lương Sơn	H. Trường Xuân	19° 56' 54"	105° 17' 13"					E-48-7-B-a
Hón Mương	TV	xã Lương Sơn	H. Trường Xuân			20° 00' 18"	105° 11' 46"	19° 58' 58"	105° 12' 54"	E-48-7-A
thôn Ngọc Sơn	DC	xã Lương Sơn	H. Trường Xuân	19° 58' 06"	105° 16' 29"					E-48-7-B-a
thôn Ngọc Thượng	DC	xã Lương Sơn	H. Trường Xuân	19° 59' 55"	105° 15' 13"					E-48-7-B-a
Hón Nguồn	TV	xã Lương Sơn	H. Trường Xuân			19° 56' 04"	105° 16' 30"	19° 57' 08"	105° 16' 59"	E-48-7-B-a
núi Pha Máy	SV	xã Lương Sơn	H. Trường Xuân	19° 55' 26"	105° 16' 37"					E-48-7-B-a
pu Pha Vàng	SV	xã Lương Sơn	H. Trường Xuân	19° 57' 29"	105° 13' 19"					E-48-7-A
thôn Trung Thành	DC	xã Lương Sơn	H. Trường Xuân	19° 57' 21"	105° 16' 27"					E-48-7-B-a
đường tỉnh 507	KX	xã Ngọc Phụng	H. Trường Xuân			20° 03' 25"	104° 57' 40"	19° 54' 44"	105° 24' 14"	E-48-7-B-a
Pu Mẹ	SV	xã Ngọc Phụng	H. Trường Xuân	19° 55' 32"	105° 18' 36"					E-48-7-B-a
Sông Âm	TV	xã Ngọc Phụng	H. Trường Xuân			20° 13' 16"	105° 06' 53"	19° 55' 29"	105° 22' 16"	E-48-7-B-a
Hón Dường	TV	xã Ngọc Phụng	H. Trường Xuân			20° 00' 30	105° 15' 04"	19° 56' 50"	105° 19' 16"	E-48-7-B-a
thôn Hoà Lâm	DC	xã Ngọc Phụng	H. Trường Xuân	19° 54' 53"	105° 20' 23"					E-48-7-B-a
thôn Hưng Long	DC	xã Ngọc Phụng	H. Trường Xuân	19° 54' 53"	105° 21' 05"					E-48-7-B-a
Hón Ngơn	TV	xã Ngọc Phụng	H. Trường Xuân			19° 54' 52"	105° 19' 05"	19° 54' 51"	105° 20' 10"	E-48-7-B-a
thôn Phú Vinh	DC	xã Ngọc Phụng	H. Trường Xuân	19° 54' 36"	105° 19' 51"					E-48-7-B-a
thôn Quyết Tiến	DC	xã Ngọc Phụng	H. Trường Xuân	19° 56' 19"	105° 19' 10"					E-48-7-B-a
Hón Ván	TV	xã Ngọc Phụng	H. Trường Xuân			19° 54' 51"	105° 20' 10"	19° 55' 28"	105° 20' 56"	E-48-7-B-a
thôn Xuân Lập	DC	xã Ngọc Phụng	H. Trường Xuân	19° 56' 02"	105° 19' 48"					E-48-7-B-a
thôn Xuân Liên	DC	xã Ngọc Phụng	H. Trường Xuân	19° 55' 16"	105° 19' 59"					E-48-7-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Xuân Thắng	DC	xã Ngọc Phụng	H. Trường Xuân	19° 55' 33"	105° 20' 17"					E-48-7-B-a
thôn Xuân Thành	DC	xã Ngọc Phụng	H. Trường Xuân	19° 56' 00"	105° 19' 28"					E-48-7-B-a
Suối Bót	TV	xã Tân Thành	H. Trường Xuân			19° 46' 29"	105° 20' 34"	19° 47' 59"	105° 22' 48"	E-48-7-B-d, E-48-7-B-c
Pu Cánh	SV	xã Tân Thành	H. Trường Xuân	19° 46' 13"	105° 24' 00"					E-48-7-B-d
Pu Chua	SV	xã Tân Thành	H. Trường Xuân	19° 46' 08"	105° 22' 23"					E-48-7-B-c
Pu Chùa	SV	xã Tân Thành	H. Trường Xuân	19° 47' 24"	105° 24' 36"					E-48-7-B-d
Suối Dài	TV	xã Tân Thành	H. Trường Xuân			19° 44' 46"	105° 29' 13"	19° 45' 06"	105° 25' 25"	E-48-7-B-d
Sông Đằn	TV	xã Tân Thành	H. Trường Xuân			19° 43' 45"	105° 26' 12"	19° 52' 34"	105° 21' 32"	E-48-7-B-d
núi Đồng Nòng	SV	xã Tân Thành	H. Trường Xuân	19° 44' 10"	105° 24' 19"					E-48-7-D-b
Sông Đót	TV	xã Tân Thành	H. Trường Xuân			19° 44' 29"	105° 18' 03"	19° 46' 27"	105° 23' 56"	E-48-7-B-d, E-48-7-B-c, E-48-7-D-a
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Tân Thành	H. Trường Xuân			20° 21' 59"	105° 31' 19"	19° 26' 37"	105° 26' 53"	E-48-7-B-d, E-48-7-D-b
thôn Thành Đon	DC	xã Tân Thành	H. Trường Xuân	19° 47' 10"	105° 24' 04"					E-48-7-B-d
thôn Thành Hạ	DC	xã Tân Thành	H. Trường Xuân	19° 45' 44"	105° 23' 34"					E-48-7-B-d
thôn Thành Lai	DC	xã Tân Thành	H. Trường Xuân	19° 44' 06"	105° 23' 18"					E-48-7-D-b
thôn Thành Lăm	DC	xã Tân Thành	H. Trường Xuân	19° 44' 43"	105° 24' 25"					E-48-7-D-b
thôn Thành Lấm	DC	xã Tân Thành	H. Trường Xuân	19° 46' 42"	105° 22' 10"					E-48-7-B-c
thôn Thành Lợi	DC	xã Tân Thành	H. Trường Xuân	19° 45' 38"	105° 24' 57"					E-48-7-B-d
thôn Thành Lợp	DC	xã Tân Thành	H. Trường Xuân	19° 44' 53"	105° 22' 33"					E-48-7-D-b
thôn Thành Nàng	DC	xã Tân Thành	H. Trường Xuân	19° 45' 59"	105° 22' 47"					E-48-7-D-b
thôn Thành Rỏ	DC	xã Tân Thành	H. Trường Xuân	19° 47' 01"	105° 22' 52"					E-48-7-B-d
thôn Thành Thượng	DC	xã Tân Thành	H. Trường Xuân	19° 45' 01"	105° 23' 54"					E-48-7-B-d
thôn 1	DC	xã Thọ Thanh	H. Trường Xuân	19° 53' 37"	105° 22' 09"					E-48-7-B-a
thôn 2	DC	xã Thọ Thanh	H. Trường Xuân	19° 53' 26"	105° 22' 18"					E-48-7-B-a
thôn 3	DC	xã Thọ Thanh	H. Trường Xuân	19° 53' 19"	105° 22' 18"					E-48-7-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Sông Chu	TV	xã Thọ Thanh	H. Trường Xuân			19° 55' 20"	105° 07' 59"	19° 53' 02"	105° 45' 23"	E-48-7-B-a, E-48-7-B-b, E-48-7-B-d
Sông Đằn	TV	xã Thọ Thanh	H. Trường Xuân			19° 43' 45"	105° 26' 12"	19° 52' 34"	105° 21' 32"	E-48-7-B-c, E-48-7-B-a
thôn Đông Xuân	DC	xã Thọ Thanh	H. Trường Xuân	19° 52' 59"	105° 22' 07"					E-48-7-B-a
thôn Hồng Kỳ	DC	xã Thọ Thanh	H. Trường Xuân	19° 53' 23"	105° 21' 40"					E-48-7-B-a
Núi Nồm	SV	xã Thọ Thanh	H. Trường Xuân	19° 52' 07"	105° 20' 56"					E-48-7-B-c
thôn Thanh Cao	DC	xã Thọ Thanh	H. Trường Xuân	19° 52' 33"	105° 21' 21"					E-48-7-B-a
thôn Thanh Long	DC	xã Thọ Thanh	H. Trường Xuân	19° 53' 05"	105° 20' 59"					E-48-7-B-a
Nặm Ạc	TV	xã Vạn Xuân	H. Trường Xuân			19° 44' 10"	105° 09' 02"	19° 48' 53"	105° 15' 07"	E-48-7-B-c, E-48-7-A
Suối Bọng	TV	xã Vạn Xuân	H. Trường Xuân			19° 52' 15"	105° 14' 12"	19° 53' 29"	105° 15' 30"	E-48-7-A
thôn Bù Đồn	DC	xã Vạn Xuân	H. Trường Xuân	19° 49' 28"	105° 15' 31"					E-48-7-B-c
thôn Cang Khèn	DC	xã Vạn Xuân	H. Trường Xuân	19° 49' 05"	105° 15' 12"					E-48-7-B-c
Hón Cánh	TV	xã Vạn Xuân	H. Trường Xuân			19° 50' 43	105° 18' 33"	19° 51' 11"	105° 16' 41"	E-48-7-B-c
Pú Cho	SV	xã Vạn Xuân	H. Trường Xuân	19° 53' 47"	105° 10' 32"					E-48-7-A
Sông Chu	TV	xã Vạn Xuân	H. Trường Xuân			19° 55' 20"	105° 07' 59"	19° 53' 02"	105° 45' 23"	E-48-7-A, E-48-7-B-a, E-48-7-B-c
thôn Công Thương	DC	xã Vạn Xuân	H. Trường Xuân	19° 49' 29"	105° 15' 48"					E-48-7-B-c
Pu Đẳm	SV	xã Vạn Xuân	H. Trường Xuân	19° 49' 24"	105° 17' 53"					E-48-7-B-c
Sông Đặt	TV	xã Vạn Xuân	H. Trường Xuân			19° 48' 53"	105° 15' 07"	19° 52' 22"	105° 16' 55"	E-48-7-B-c
Suối Hán	TV	xã Vạn Xuân	H. Trường Xuân			19° 51' 56"	105° 11' 50"	19° 52' 15"	105° 14' 12"	E-48-7-A
thôn Hang Cáu	DC	xã Vạn Xuân	H. Trường Xuân	19° 50' 38"	105° 14' 38"					E-48-7-A
pu Huối Cà	SV	xã Vạn Xuân	H. Trường Xuân	19° 49' 24"	105° 12' 25"					E-48-7-A
Pú Huột	SV	xã Vạn Xuân	H. Trường Xuân	19° 52' 02"	105° 15' 29"					E-48-7-B-c
Hón Kén	TV	xã Vạn Xuân	H. Trường Xuân			19° 50' 57"	105° 15' 11"	19° 50' 07"	105° 14' 10"	E-48-7-A, E-48-7-B-c
Pu Kha	SV	xã Vạn Xuân	H. Trường Xuân	19° 50' 19"	105° 18' 11"					E-48-7-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Thôn Khằm	DC	xã Vạn Xuân	H. Trường Xuân	19° 49' 57"	105° 13' 27"					E-48-7-A
Pú Khỏng	SV	xã Vạn Xuân	H. Trường Xuân	19° 54' 46"	105° 14' 27"					E-48-7-A
Núi Khu	SV	xã Vạn Xuân	H. Trường Xuân	19° 55' 09"	105° 12' 16"					E-48-7-A
Pu Lầu	SV	xã Vạn Xuân	H. Trường Xuân	19° 48' 54"	105° 14' 24"					E-48-7-A
Suối Lầy	TV	xã Vạn Xuân	H. Trường Xuân			19° 51' 40"	105° 14' 06"	19° 50' 07"	105° 14' 10"	E-48-7-A
Nặm Lẹ	TV	xã Vạn Xuân	H. Trường Xuân			19° 48' 00"	105° 11' 38"	19° 48' 53"	105° 15' 07"	E-48-7-A, E-48-7-B-c
thôn Lùm Nưa	DC	xã Vạn Xuân	H. Trường Xuân	19° 49' 04"	105° 15' 47"					E-48-7-B-c
Sông Luộc	TV	xã Vạn Xuân	H. Trường Xuân			19° 44' 57"	105° 20' 09"	19° 49' 58"	105° 16' 08"	E-48-7-B-c
Suối Mằng	TV	xã Vạn Xuân	H. Trường Xuân			19° 50' 56"	105° 12' 26"	19° 50' 07"	105° 14' 10"	E-48-7-A
Suối Men	TV	xã Vạn Xuân	H. Trường Xuân			19° 55' 19"	105° 11' 31"	19° 56' 21"	105° 11' 10"	E-48-7-A
pu Mo Láo	SV	xã Vạn Xuân	H. Trường Xuân	19° 49' 21"	105° 13' 08"					E-48-7-A
thôn Ná Cộng	DC	xã Vạn Xuân	H. Trường Xuân	19° 49' 29"	105° 14' 27"					E-48-7-A
thôn Ná Mén	DC	xã Vạn Xuân	H. Trường Xuân	19° 49' 18"	105° 14' 44"					E-48-7-A
hồ Ná Nhà	TV	xã Vạn Xuân	H. Trường Xuân	19° 49' 03"	105° 14' 38"					E-48-7-A
Pu Nhó	SV	xã Vạn Xuân	H. Trường Xuân	19° 49' 30"	105° 16' 16"					E-48-7-B-c
Suối Nhồng	TV	xã Vạn Xuân	H. Trường Xuân			19° 50' 08"	105° 11' 46"	19° 49' 45"	105° 13' 30"	E-48-7-A
Thôn Nhồng	DC	xã Vạn Xuân	H. Trường Xuân	19° 49' 54"	105° 13' 56"					E-48-7-A
Pu Páu	SV	xã Vạn Xuân	H. Trường Xuân	19° 48' 09"	105° 14' 38"					E-48-7-A
Huối Pen	TV	xã Vạn Xuân	H. Trường Xuân			19° 49' 40"	105° 14' 38"	19° 49' 35"	105° 15' 36"	E-48-7-B-c, E-48-7-A
Thôn Quạn	DC	xã Vạn Xuân	H. Trường Xuân	19° 50' 22"	105° 13' 44"					E-48-7-A
Suối Sán	TV	xã Vạn Xuân	H. Trường Xuân			19° 56' 16"	105° 12' 29"	19° 55' 45"	105° 13' 52"	E-48-7-A
thôn Thác Làng	DC	xã Vạn Xuân	H. Trường Xuân	19° 50' 40"	105° 16' 33"					E-48-7-B-c
pu Trăm Hiêng	SV	xã Vạn Xuân	H. Trường Xuân	19° 47' 37"	105° 16' 05"					E-48-7-B-c
Suối Ý	TV	xã Vạn Xuân	H. Trường Xuân			19° 54' 38"	105° 13' 01"	19° 55' 22"	105° 13' 52"	E-48-7-A
Suối Yên	TV	xã Vạn Xuân	H. Trường Xuân			19° 53' 33"	105° 10' 33"	19° 55' 05"	105° 14' 10"	E-48-7-A
Pu Mẹ	SV	xã Xuân Cẩm	H. Trường Xuân	19° 55' 32"	105° 18' 36"					E-48-7-B-a
Pu Cáy	SV	xã Xuân Cẩm	H. Trường Xuân	19° 56' 17"	105° 15' 31"					E-48-7-B-a
Đồi Chẹ	SV	xã Xuân Cẩm	H. Trường Xuân	19° 54' 06"	105° 20' 28"					E-48-7-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Sông Chu	TV	xã Xuân Cẩm	H. Trường Xuân			19° 55' 20"	105° 07' 59"	19° 53' 02"	105° 45' 23"	E-48-7-B-a, E-48-7-A, E-48-7-B-c
Sông Khao	TV	xã Xuân Cẩm	H. Trường Xuân			20° 01' 08"	105° 06' 22"	19° 55' 11"	105° 14' 41"	E-48-7-A
pu Khoai Lon	SV	xã Xuân Cẩm	H. Trường Xuân	19° 56' 55"	105° 13' 48"					E-48-7-A
núi Pha Máy	SV	xã Xuân Cẩm	H. Trường Xuân	19° 55' 26"	105° 16' 37"					E-48-7-B-a
thôn Thanh Xuân	DC	xã Xuân Cẩm	H. Trường Xuân	19° 52' 51"	105° 18' 24"					E-48-7-B-a
thôn Tiến Sơn 1	DC	xã Xuân Cẩm	H. Trường Xuân	19° 53' 41"	105° 18' 26"					E-48-7-B-a
thôn Tiến Sơn 2	DC	xã Xuân Cẩm	H. Trường Xuân	19° 52' 48"	105° 17' 49"					E-48-7-B-a
Pu Toóc	SV	xã Xuân Cẩm	H. Trường Xuân	19° 51' 57"	105° 18' 32"					E-48-7-B-c
thôn Trung Chính	DC	xã Xuân Cẩm	H. Trường Xuân	19° 54' 14"	105° 19' 48"					E-48-7-B-a
thôn Xuân Minh	DC	xã Xuân Cẩm	H. Trường Xuân	19° 53' 10"	105° 19' 45"					E-48-7-B-a
thôn Xuân Quang	DC	xã Xuân Cẩm	H. Trường Xuân	19° 54' 00"	105° 20' 00"					E-48-7-B-a
Pu Chè	SV	xã Xuân Cao	H. Trường Xuân	19° 50' 05"	105° 19' 41"					E-48-7-B-c
Pu Toóc	SV	xã Xuân Cao	H. Trường Xuân	19° 51' 57"	105° 18' 32"					E-48-7-B-c
Hón Cánh	TV	xã Xuân Cao	H. Trường Xuân			19° 49' 54"	105° 22' 32"	19° 49' 49"	105° 21' 54"	E-48-7-B-c, E-48-7-B-d
Hón Cát	TV	xã Xuân Cao	H. Trường Xuân			19° 51' 11"	105° 20' 31"	19° 51' 09"	105° 20' 53"	E-48-7-B-c
Sông Chu	TV	xã Xuân Cao	H. Trường Xuân			19° 55' 20"	105° 07' 59"	19° 53' 02"	105° 45' 23"	E-48-7-B-b, E-48-7-B-a, E-48-7-B-d
Sông Đằn	TV	xã Xuân Cao	H. Trường Xuân			19° 43' 45"	105° 26' 12"	19° 52' 34"	105° 21' 32"	E-48-7-B-c, E-48-7-B-a
Hón Lù	TV	xã Xuân Cao	H. Trường Xuân			19° 50' 58"	105° 24' 11"	19° 51' 18"	105° 21' 07"	E-48-7-B-c, E-48-7-B-d
thôn Nam Cao	DC	xã Xuân Cao	H. Trường Xuân	19° 52' 06"	105° 22' 53"					E-48-7-B-d
Núi Nồm	SV	xã Xuân Cao	H. Trường Xuân	19° 52' 07"	105° 20' 56"					E-48-7-B-c
thôn Quyết Thắng 1	DC	xã Xuân Cao	H. Trường Xuân	19° 51' 33"	105° 22' 10"					E-48-7-B-c
thôn Quyết Thắng 2	DC	xã Xuân Cao	H. Trường Xuân	19° 51' 44"	105° 21' 46"					E-48-7-B-c
thôn Quyết Tiến	DC	xã Xuân Cao	H. Trường Xuân	19° 52' 38"	105° 23' 43"					E-48-7-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Thành Công	DC	xã Xuân Cao	H. Trường Xuân	19° 50' 24"	105° 22' 34"					E-48-7-B-c
thôn Thành Tiến	DC	xã Xuân Cao	H. Trường Xuân	19° 50' 51"	105° 22' 57"					E-48-7-B-d
thôn Thống Nhất	DC	xã Xuân Cao	H. Trường Xuân	19° 51' 13"	105° 21' 07"					E-48-7-B-c
thôn Trung Thành	DC	xã Xuân Cao	H. Trường Xuân	19° 52' 04"	105° 22' 27"					E-48-7-B-c
thôn Trung Tiến	DC	xã Xuân Cao	H. Trường Xuân	19° 52' 33"	105° 22' 30"					E-48-7-B-b
thôn Vinh Quang	DC	xã Xuân Cao	H. Trường Xuân	19° 50' 54"	105° 21' 56"					E-48-7-B-c
thôn Xuân Minh 1	DC	xã Xuân Cao	H. Trường Xuân	19° 52' 23"	105° 20' 08"					E-48-7-B-c
thôn Xuân Minh 2	DC	xã Xuân Cao	H. Trường Xuân	19° 52' 23"	105° 20' 05"					E-48-7-B-a
thôn Xuân Thắng	DC	xã Xuân Cao	H. Trường Xuân	19° 51' 21"	105° 20' 36"					E-48-7-B-c
Nặm Ạc	TV	xã Xuân Chinh	H. Trường Xuân			19° 43' 45"	105° 09' 07"	19° 48' 53"	105° 15' 07"	E-48-7-A, E-48-7-C
pu Cát Xa	SV	xã Xuân Chinh	H. Trường Xuân	19° 44' 00"	105° 08' 46"					E-48-7-C
Thôn Chinh	DC	xã Xuân Chinh	H. Trường Xuân	19° 46' 12"	105° 13' 48"					E-48-7-A
thôn Cụt Ạc	DC	xã Xuân Chinh	H. Trường Xuân	19° 45' 24"	105° 13' 34"					E-48-7-A
Suối Giang	TV	xã Xuân Chinh	H. Trường Xuân			19° 46' 22"	105° 14' 02"	19° 47' 05"	105° 13' 59"	E-48-7-A, E-48-7-B-c
Thôn Giang	DC	xã Xuân Chinh	H. Trường Xuân	19° 45' 24"	105° 15' 36"					E-48-7-B-c
Thôn Hành	DC	xã Xuân Chinh	H. Trường Xuân	19° 47' 52"	105° 15' 13"					E-48-7-B-c
Hón Háy	TV	xã Xuân Chinh	H. Trường Xuân			19° 42' 55"	105° 12' 40"	19° 44' 13"	105° 12' 36"	E-48-7-C
Pu Hum	SV	xã Xuân Chinh	H. Trường Xuân	19° 47' 38"	105° 13' 37"					E-48-7-A
pu Kẻm Cộc	SV	xã Xuân Chinh	H. Trường Xuân	19° 46' 40"	105° 12' 36"					E-48-7-A
Hón Lè	TV	xã Xuân Chinh	H. Trường Xuân			19° 45' 46"	105° 12' 36"	19° 47' 05"	105° 13' 59"	E-48-7-A
Pu Páu	SV	xã Xuân Chinh	H. Trường Xuân	19° 48' 09"	105° 14' 38"					E-48-7-A
pu Tèn Quang	SV	xã Xuân Chinh	H. Trường Xuân	19° 47' 16"	105° 16' 16"					E-48-7-B-c
Thôn Thông	DC	xã Xuân Chinh	H. Trường Xuân	19° 47' 13"	105° 14' 05"					E-48-7-A
pu Trăm Hiêng	SV	xã Xuân Chinh	H. Trường Xuân	19° 47' 37"	105° 16' 05"					E-48-7-B-c
thôn Tú Tạo	DC	xã Xuân Chinh	H. Trường Xuân	19° 45' 58"	105° 13' 26"					E-48-7-A
Pu Vành	SV	xã Xuân Chinh	H. Trường Xuân	19° 46' 49"	105° 15' 43"					E-48-7-B-c
Thôn Xeo	DC	xã Xuân Chinh	H. Trường Xuân	19° 46' 36"	105° 14' 46"					E-48-7-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
đường tỉnh 519	KX	xã Xuân Dương	H. Trường Xuân			20° 03' 25"	104° 57' 40"	19° 54' 44"	105° 24' 14"	E-48-7-B-a, E-48-7-B-b
Sông Âm	TV	xã Xuân Dương	H. Trường Xuân			20° 13' 16"	105° 06' 53"	19° 55' 29"	105° 22' 16"	E-48-7-B-a
cầu Bái Thượng	KX	xã Xuân Dương	H. Trường Xuân	19° 53' 56"	105° 22' 34"					E-48-7-B-b
đập Bái Thượng	KX	xã Xuân Dương	H. Trường Xuân	19° 53' 46"	105° 22' 37"					E-48-7-B-b
Sông Chu	TV	xã Xuân Dương	H. Trường Xuân			19° 55' 20"	105° 07' 59"	19° 53' 02"	105° 45' 23"	E-48-7-B-a, E-48-7-B-b
thôn Tân Lập	DC	xã Xuân Dương	H. Trường Xuân	19° 54' 50"	105° 21' 31"					E-48-7-B-a
thôn Thống Nhất 1	DC	xã Xuân Dương	H. Trường Xuân	19° 54' 02"	105° 22' 08"					E-48-7-B-a
thôn Thống Nhất 2	DC	xã Xuân Dương	H. Trường Xuân	19° 54' 13"	105° 22' 01"					E-48-7-B-a
thôn Thống Nhất 3	DC	xã Xuân Dương	H. Trường Xuân	19° 53' 56"	105° 21' 51"					E-48-7-B-a
thôn Tiến Long	DC	xã Xuân Dương	H. Trường Xuân	19° 53' 55"	105° 22' 26"					E-48-7-B-a
thôn Vụ Bản 1	DC	xã Xuân Dương	H. Trường Xuân	19° 54' 38"	105° 22' 00"					E-48-7-B-a
thôn Vụ Bản 2	DC	xã Xuân Dương	H. Trường Xuân	19° 54' 55"	105° 21' 55"					E-48-7-B-a
thôn Xuân Thịnh	DC	xã Xuân Dương	H. Trường Xuân	19° 54' 37"	105° 22' 18"					E-48-7-B-a
thôn Bọng Nàng	DC	xã Xuân Lẹ	H. Trường Xuân	19° 46' 51"	105° 11' 12"					E-48-7-A
thôn Bàn Tạn	DC	xã Xuân Lẹ	H. Trường Xuân	19° 47' 18"	105° 12' 02"					E-48-7-A
Suối Bọng	TV	xã Xuân Lẹ	H. Trường Xuân			19° 45' 29"	105° 08' 56"	19° 46' 56"	105° 11' 24"	E-48-7-A
pu Cát Xa	SV	xã Xuân Lẹ	H. Trường Xuân	19° 44' 00"	105° 08' 46"					E-48-7-C
Bù Chè	SV	xã Xuân Lẹ	H. Trường Xuân	19° 48' 42"	105° 14' 06"					E-48-7-A
Làng Chẻ	DC	xã Xuân Lẹ	H. Trường Xuân	19° 48' 16"	105° 13' 12"					E-48-7-A
Bù Cọc	SV	xã Xuân Lẹ	H. Trường Xuân	19° 49' 02"	105° 12' 04"					E-48-7-A
thôn Cộc Chẻ	DC	xã Xuân Lẹ	H. Trường Xuân	19° 48' 17"	105° 12' 47"					E-48-7-A
Thôn Dài	DC	xã Xuân Lẹ	H. Trường Xuân	19° 48' 32"	105° 13' 34"					E-48-7-A
Suối Đuông	TV	xã Xuân Lẹ	H. Trường Xuân			19° 47' 34"	105° 09' 07"	19° 47' 51"	105° 12' 15"	E-48-7-A
thôn Đuông Bai	DC	xã Xuân Lẹ	H. Trường Xuân	19° 47' 56"	105° 09' 59"					E-48-7-A
Bù Gió	SV	xã Xuân Lẹ	H. Trường Xuân	19° 46' 54"	105° 08' 57"					E-48-7-A
Bù Hầm	SV	xã Xuân Lẹ	H. Trường Xuân	19° 48' 08"	105° 07' 34"					E-48-7-A
bù Hón Ná Ca	SV	xã Xuân Lẹ	H. Trường Xuân	19° 50' 14"	105° 08' 38"					E-48-7-A
Pu Hum	SV	xã Xuân Lẹ	H. Trường Xuân	19° 47' 38"	105° 13' 37"					E-48-7-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
pu Huối Cà	SV	xã Xuân Lẹ	H. Trường Xuân	19° 49' 24"	105° 12' 25"					E-48-7-A
pu Kẻm Cộc	SV	xã Xuân Lẹ	H. Trường Xuân	19° 46' 40"	105° 12' 36"					E-48-7-A
Suối Láu	TV	xã Xuân Lẹ	H. Trường Xuân			19° 50' 01"	105° 11' 31"	19° 49' 02"	105° 11' 20"	E-48-7-A
Pu Lầu	SV	xã Xuân Lẹ	H. Trường Xuân	19° 48' 54"	105° 14' 24"					E-48-7-A
Nặm Lẹ	TV	xã Xuân Lẹ	H. Trường Xuân			19° 48' 00"	105° 11' 38"	19° 48' 53"	105° 15' 07"	E-48-7-A
thôn Lẹ Tà	DC	xã Xuân Lẹ	H. Trường Xuân	19° 47' 53"	105° 11' 57"					E-48-7-A
thôn Liên Sơn	DC	xã Xuân Lẹ	H. Trường Xuân	19° 48' 33"	105° 11' 31"					E-48-7-A
pu Mo Láo	SV	xã Xuân Lẹ	H. Trường Xuân	19° 49' 21"	105° 13' 08"					E-48-7-A
suối Mủ Lóng	TV	xã Xuân Lẹ	H. Trường Xuân			19° 47' 31"	105° 08' 31"	19° 47' 34"	105° 09' 07"	E-48-7-A
suối Na Ca	TV	xã Xuân Lẹ	H. Trường Xuân			19° 50' 20"	105° 08' 46"	19° 48' 00"	105° 11' 38"	E-48-7-A
Pu Páu	SV	xã Xuân Lẹ	H. Trường Xuân	19° 48' 09"	105° 14' 38"					E-48-7-A
Suối Pụn	TV	xã Xuân Lẹ	H. Trường Xuân			19° 45' 46"	105° 11' 31"	19° 46' 46"	105° 11' 49"	E-48-7-A
Suối Soi	TV	xã Xuân Lẹ	H. Trường Xuân			19° 48' 38"	105° 09' 18"	19° 48' 47"	105° 11' 10"	E-48-7-A
bù Ta Leo	SV	xã Xuân Lẹ	H. Trường Xuân	19° 50' 52"	105° 10' 44"					E-48-7-A
thôn Xuân Ngù	DC	xã Xuân Lẹ	H. Trường Xuân	19° 47' 43"	105° 12' 27"					E-48-7-A
thôn Xuân Sơn	DC	xã Xuân Lẹ	H. Trường Xuân	19° 48' 40"	105° 11' 15"					E-48-7-A
Làng Bà	DC	xã Xuân Lộc	H. Trường Xuân	19° 46' 03"	105° 17' 06"					E-48-7-B-c
Suối Bống	TV	xã Xuân Lộc	H. Trường Xuân			19° 48' 26"	105° 18' 22"	19° 47' 43"	105° 17' 20"	E-48-7-B-c
Suối Cánh	TV	xã Xuân Lộc	H. Trường Xuân			19° 49' 13"	105° 17' 31"	19° 49' 16"	105° 16' 34"	E-48-7-B-c
Thôn Chiềng	DC	xã Xuân Lộc	H. Trường Xuân	19° 47' 06"	105° 17' 20"					E-48-7-B-c
Thôn Cộc	DC	xã Xuân Lộc	H. Trường Xuân	19° 46' 45"	105° 17' 41"					E-48-7-B-c
Làng Đai	DC	xã Xuân Lộc	H. Trường Xuân	19° 47' 11"	105° 17' 37"					E-48-7-B-c
Pu Đẳm	SV	xã Xuân Lộc	H. Trường Xuân	19° 49' 24"	105° 17' 53"					E-48-7-B-c
Suối Đắn	TV	xã Xuân Lộc	H. Trường Xuân			19° 47' 36"	105° 18' 32"	19° 47' 42"	105° 17' 35"	E-48-7-B-c
làng Đắn Dưới	DC	xã Xuân Lộc	H. Trường Xuân	19° 47' 46"	105° 17' 35"					E-48-7-B-c
làng Đắn Trên	DC	xã Xuân Lộc	H. Trường Xuân	19° 47' 29"	105° 17' 42"					E-48-7-B-c
Làng Đao	DC	xã Xuân Lộc	H. Trường Xuân	19° 46' 58"	105° 17' 10"					E-48-7-B-c
Sông Luộc	TV	xã Xuân Lộc	H. Trường Xuân			19° 44' 57"	105° 20' 09"	19° 49' 58"	105° 16' 08"	E-48-7-B-c
làng Luộc Hè	DC	xã Xuân Lộc	H. Trường Xuân	19° 46' 37"	105° 17' 09"					E-48-7-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Làng Luỹ	DC	xã Xuân Lộc	H. Trường Xuân	19° 48' 51"	105° 16' 27"					E-48-7-B-c
làng Ná Pả	DC	xã Xuân Lộc	H. Trường Xuân	19° 47' 00"	105° 17' 45"					E-48-7-B-c
Làng Nạt	DC	xã Xuân Lộc	H. Trường Xuân	19° 47' 44"	105° 17' 13"					E-48-7-B-c
Bù Ngua	SV	xã Xuân Lộc	H. Trường Xuân	19° 47' 36"	105° 19' 05"					E-48-7-B-c
Pu Nhó	SV	xã Xuân Lộc	H. Trường Xuân	19° 49' 30"	105° 16' 16"					E-48-7-B-c
thôn Pà Cầu	DC	xã Xuân Lộc	H. Trường Xuân	19° 47' 32"	105° 17' 21"					E-48-7-B-c
Thôn Quẻ	DC	xã Xuân Lộc	H. Trường Xuân	19° 46' 08"	105° 16' 29"					E-48-7-B-c
làng Quẻ Lớn	DC	xã Xuân Lộc	H. Trường Xuân	19° 46' 27"	105° 16' 06"					E-48-7-B-c
Làng Tàu	DC	xã Xuân Lộc	H. Trường Xuân	19° 46' 46"	105° 16' 54"					E-48-7-B-c
pu Tèn Quang	SV	xã Xuân Lộc	H. Trường Xuân	19° 47' 16"	105° 16' 16"					E-48-7-B-c
pu Trăm Hiêng	SV	xã Xuân Lộc	H. Trường Xuân	19° 47' 37"	105° 16' 05"					E-48-7-B-c
Pu Vành	SV	xã Xuân Lộc	H. Trường Xuân	19° 46' 49"	105° 15' 43"					E-48-7-B-c
Suối Vành	TV	xã Xuân Lộc	H. Trường Xuân			19° 47' 06"	105° 15' 54"	19° 46' 36"	105° 17' 02"	E-48-7-B-c
Thôn Vành	DC	xã Xuân Lộc	H. Trường Xuân	19° 46' 35"	105° 16' 38"					E-48-7-B-c
làng Vực Màng	DC	xã Xuân Lộc	H. Trường Xuân	19° 48' 02"	105° 17' 04"					E-48-7-B-c
làng Xã Mường	DC	xã Xuân Lộc	H. Trường Xuân	19° 47' 14"	105° 16' 59"					E-48-7-B-c
thôn Tân Thọ	DC	xã Xuân Thắng	H. Trường Xuân	19° 45' 16"	105° 19' 03"					E-48-7-B-c
Thôn Dín	DC	xã Xuân Thắng	H. Trường Xuân	19° 43' 05"	105° 19' 45"					E-48-7-D-a
Làng Đót	DC	xã Xuân Thắng	H. Trường Xuân	19° 43' 53"	105° 21' 44"					E-48-7-D-a
Sông Đót	TV	xã Xuân Thắng	H. Trường Xuân			19° 44' 29"	105° 18' 03"	19° 46' 27"	105° 23' 56"	E-48-7-D-a
Thôn Đót	DC	xã Xuân Thắng	H. Trường Xuân	19° 43' 38"	105° 20' 34"					E-48-7-D-a
Thôn Én	DC	xã Xuân Thắng	H. Trường Xuân	19° 44' 10"	105° 18' 41"					E-48-7-D-a
núi Hắm Hiểng	SV	xã Xuân Thắng	H. Trường Xuân	19° 44' 08"	105° 20' 35"					E-48-7-D-a
Làng Khem	DC	xã Xuân Thắng	H. Trường Xuân	19° 43' 20"	105° 21' 38"					E-48-7-D-a
Sông Luộc	TV	xã Xuân Thắng	H. Trường Xuân			19° 44' 57"	105° 20' 09"	19° 49' 58"	105° 16' 08"	E-48-7-B-c
Hòn Na	SV	xã Xuân Thắng	H. Trường Xuân	19° 45' 19"	105° 18' 47"					E-48-7-B-c
Pú Soong	SV	xã Xuân Thắng	H. Trường Xuân	19° 43' 31"	105° 21' 25"					E-48-7-D-a
thôn Tân Thắng	DC	xã Xuân Thắng	H. Trường Xuân	19° 44' 36"	105° 19' 42"					E-48-7-D-a
Thôn Tú	DC	xã Xuân Thắng	H. Trường Xuân	19° 46' 07"	105° 18' 32"					E-48-7-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Thôn Xem	DC	xã Xuân Thắng	H. Trường Xuân	19° 43' 05"	105° 21' 24"					E-48-7-D-a
Thôn Xương	DC	xã Xuân Thắng	H. Trường Xuân	19° 44' 47"	105° 18' 50"					E-48-7-D-a
đường tỉnh 507	KX	xã Yên Nhân	H. Trường Xuân			20° 03' 25"	104° 57' 40"	19° 54' 44"	105° 24' 14"	F-48-91-C, E-48-7-A
Pu Bun	SV	xã Yên Nhân	H. Trường Xuân	20° 04' 02"	105° 09' 04"					F-48-91-C
Suối Bưn	TV	xã Yên Nhân	H. Trường Xuân			19° 59' 13"	105° 08' 06"	19° 56' 14"	105° 10' 08"	E-48-7-A
Thôn Chiềng	DC	xã Yên Nhân	H. Trường Xuân	20° 01' 59"	105° 07' 13"					E-48-7-A
Sông Chu	TV	xã Yên Nhân	H. Trường Xuân			19° 55' 20"	105° 07' 59"	19° 53' 02"	105° 45' 23"	E-48-7-A
Suối Con	TV	xã Yên Nhân	H. Trường Xuân			19° 57' 42"	105° 10' 16"	19° 56' 32"	105° 10' 41"	E-48-7-A
Pu Cui	SV	xã Yên Nhân	H. Trường Xuân	20° 00' 23"	105° 10' 57"					F-48-91-C
Pu Đôn	SV	xã Yên Nhân	H. Trường Xuân	19° 57' 50"	105° 07' 48"					E-48-7-A
Suối Giăng	TV	xã Yên Nhân	H. Trường Xuân			19° 58' 29"	105° 10' 05"	19° 57' 11"	105° 11' 49"	E-48-7-A
Pu Ginh	SV	xã Yên Nhân	H. Trường Xuân	20° 03' 23"	105° 09' 50"					F-48-91-C
Pu Han	SV	xã Yên Nhân	H. Trường Xuân	20° 00' 54"	105° 09' 50"					F-48-91-C
Suối Hàn	TV	xã Yên Nhân	H. Trường Xuân			19° 58' 14"	105° 04' 08"	19° 56' 47"	105° 04' 59"	E-48-7-A
Pu Hao	SV	xã Yên Nhân	H. Trường Xuân	20° 01' 50"	105° 06' 27"					F-48-91-C
Pu Hon	SV	xã Yên Nhân	H. Trường Xuân	20° 00' 40"	105° 10' 37"					F-48-91-C
pu Hón Han	SV	xã Yên Nhân	H. Trường Xuân	19° 59' 01"	105° 05' 20"					E-48-7-A
pu Hón Hăn	SV	xã Yên Nhân	H. Trường Xuân	19° 58' 59"	105° 08' 31"					E-48-7-A
pu Huối Cọ	SV	xã Yên Nhân	H. Trường Xuân	20° 05' 22"	105° 04' 48"					F-48-91-C
pu Huối Sai	SV	xã Yên Nhân	H. Trường Xuân	20° 04' 45"	105° 04' 34"					F-48-91-C
Nặm Ken	TV	xã Yên Nhân	H. Trường Xuân			19° 59' 23"	104° 59' 31"	20° 01' 08"	105° 06' 22"	F-48-91-C
Sông Khao	TV	xã Yên Nhân	H. Trường Xuân			20° 01' 08"	105° 06' 22"	19° 55' 11"	105° 14' 41"	E-48-7-A, F-48-91-C
Thôn Khong	DC	xã Yên Nhân	H. Trường Xuân	20° 00' 53"	105° 06' 09"					F-48-91-C
Pu Lầu	SV	xã Yên Nhân	H. Trường Xuân	19° 57' 50"	105° 10' 08"					E-48-7-A
Thôn Lửa	DC	xã Yên Nhân	H. Trường Xuân	20° 00' 47"	105° 07' 59"					F-48-91-C
Thôn Mỏ	DC	xã Yên Nhân	H. Trường Xuân	20° 01' 34"	105° 08' 11"					F-48-91-C
Hón Mương	TV	xã Yên Nhân	H. Trường Xuân			20° 00' 18"	105° 11' 46"	19° 58' 58"	105° 12' 54"	E-48-7-A
Thôn My	DC	xã Yên Nhân	H. Trường Xuân	20° 03' 57"	105° 07' 29"					F-48-91-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Na Nghịu	DC	xã Yên Nhân	H. Trường Xuân	20° 02' 20"	105° 06' 48"					F-48-91-C
suối Nậm Khèn	TV	xã Yên Nhân	H. Trường Xuân			19° 56' 47"	105° 04' 57"	19° 55' 28"	105° 08' 06"	E-48-7-A
Suối Nàng	TV	xã Yên Nhân	H. Trường Xuân			19° 58' 42"	105° 10' 16"	19° 58' 46"	105° 11' 10"	E-48-7-A
Suối Nâu	TV	xã Yên Nhân	H. Trường Xuân			19° 59' 27"	105° 11' 13"	19° 58' 46"	105° 11' 24"	E-48-7-A
pu Phạ Mựt	SV	xã Yên Nhân	H. Trường Xuân	20° 06' 49"	105° 07' 36"					F-48-91-C
pu Pha Vàng	SV	xã Yên Nhân	H. Trường Xuân	20° 06' 27"	105° 06' 43"					F-48-91-C
Pu Rir.h	SV	xã Yên Nhân	H. Trường Xuân	20° 07' 16"	105° 07' 37"					F-48-91-C
khu phố 1	DC	TT. Vĩnh Lộc	H. Vĩnh Lộc	20° 03' 51"	105° 36' 43"					F-48-92-C-c
khu phố 2	DC	TT. Vĩnh Lộc	H. Vĩnh Lộc	20° 02' 54"	105° 37' 01"					F-48-92-C-c
khu phố 3	DC	TT. Vĩnh Lộc	H. Vĩnh Lộc	20° 03' 42"	105° 36' 50"					F-48-92-C-c
quốc lộ 45	KX	TT. Vĩnh Lộc	H. Vĩnh Lộc			20° 10' 25"	105° 46' 47"	19° 48' 05"	105° 26' 03"	F-48-92-C-c
quốc lộ 217	KX	TT. Vĩnh Lộc	H. Vĩnh Lộc			19° 59' 42"	105° 50' 35"	20° 17' 51"	104° 37' 12"	F-48-92-C-c
Núi Đún	SV	TT. Vĩnh Lộc	H. Vĩnh Lộc	20° 03' 01"	105° 37' 16"					F-48-92-C-c
thôn 1	DC	xã Vĩnh An	H. Vĩnh Lộc	19° 58' 48"	105° 43' 36"					E-48-8-A-b
thôn 2	DC	xã Vĩnh An	H. Vĩnh Lộc	105° 43' 42"	105° 43' 42"					E-48-8-A-b
thôn 3	DC	xã Vĩnh An	H. Vĩnh Lộc	19° 58' 37"	105° 43' 43"					E-48-8-A-b
thôn 4	DC	xã Vĩnh An	H. Vĩnh Lộc	19° 58' 36"	105° 44' 10"					E-48-8-A-b
thôn 5	DC	xã Vĩnh An	H. Vĩnh Lộc	19° 58' 13"	105° 44' 31"					E-48-8-A-b
thôn 7	DC	xã Vĩnh An	H. Vĩnh Lộc	19° 57' 56"	105° 44' 52"					E-48-8-A-b
thôn 8	DC	xã Vĩnh An	H. Vĩnh Lộc	19° 57' 42"	105° 45' 25"					E-48-8-B-a
thôn 9	DC	xã Vĩnh An	H. Vĩnh Lộc	19° 58' 26"	105° 44' 20"					E-48-8-A-b
núi Ác Sơn	SV	xã Vĩnh An	H. Vĩnh Lộc	19° 58' 57"	105° 45' 29"					E-48-8-B-a
Đò Bông	KX	xã Vĩnh An	H. Vĩnh Lộc	19° 57' 37"	105° 45' 18"					E-48-8-B-a
Hón Bông	TV	xã Vĩnh An	H. Vĩnh Lộc			19° 58' 15"	105° 45' 46"	19° 57' 35"	105° 45' 32"	E-48-8-B-a
núi Eo Cò	SV	xã Vĩnh An	H. Vĩnh Lộc	19° 59' 18"	105° 44' 49"					E-48-8-A-b
Sông Mã	TV	xã Vĩnh An	H. Vĩnh Lộc			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	E-48-8-A-b, E-48-8-B-a
núi Thung Vình	SV	xã Vĩnh An	H. Vĩnh Lộc	19° 59' 35"	105° 44' 02"					E-48-8-A-b
quốc lộ 217	KX	xã Vĩnh Hoà	H. Vĩnh Lộc			19° 59' 42"	105° 50' 35"	20° 17' 51"	104° 37' 12"	F-48-92-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Bỗng Phồn	DC	xã Vĩnh Hoà	H. Vĩnh Lộc	20° 01' 42"	105° 38' 49"					F-48-92-C-d
Sông Bưởi	TV	xã Vĩnh Hoà	H. Vĩnh Lộc			20° 22' 12"	105° 31' 26"	20° 01' 09"	105° 38' 06"	F-48-92-C-c, F-48-92-C-d
Núi Cầu	SV	xã Vĩnh Hoà	H. Vĩnh Lộc	20° 01' 09"	105° 39' 36"					F-48-92-C-d
Núi Cồm	SV	xã Vĩnh Hoà	H. Vĩnh Lộc	20° 02' 15"	105° 38' 42"					F-48-92-C-d
Cầu Công	KX	xã Vĩnh Hoà	H. Vĩnh Lộc	20° 02' 41"	105° 37' 59"					F-48-92-C-d
thôn Giang Đông	DC	xã Vĩnh Hoà	H. Vĩnh Lộc	20° 01' 04"	105° 39' 18"					F-48-92-C-d
thôn Hữu Chấp	DC	xã Vĩnh Hoà	H. Vĩnh Lộc	20° 02' 00"	105° 38' 40"					F-48-92-C-d
thôn Lợi Chấp 1	DC	xã Vĩnh Hoà	H. Vĩnh Lộc	20° 01' 52"	105° 37' 41"					F-48-92-C-d
thôn Lợi Chấp 2	DC	xã Vĩnh Hoà	H. Vĩnh Lộc	20° 01' 46"	105° 37' 42"					F-48-92-C-d
Sông Mã	TV	xã Vĩnh Hoà	H. Vĩnh Lộc			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	F-48-92-C-d
thôn Nghĩa Kỳ 1	DC	xã Vĩnh Hoà	H. Vĩnh Lộc	20° 00' 56"	105° 38' 34"					F-48-92-C-d
thôn Nghĩa Kỳ 2	DC	xã Vĩnh Hoà	H. Vĩnh Lộc	20° 00' 58"	105° 38' 44"					F-48-92-C-d
thôn Nhật Quang	DC	xã Vĩnh Hoà	H. Vĩnh Lộc	20° 02' 22"	105° 37' 59"					F-48-92-C-d
thôn Pháp Ngữ	DC	xã Vĩnh Hoà	H. Vĩnh Lộc	20° 01' 59"	105° 38' 31"					F-48-92-C-d
núi Phiêu Sơn	SV	xã Vĩnh Hoà	H. Vĩnh Lộc	20° 03' 00"	105° 39' 49"					F-48-92-C-d
đò Quang Biểu	KX	xã Vĩnh Hoà	H. Vĩnh Lộc	20° 00' 57"	105° 38' 24"					F-48-92-C-d
thôn Quang Biểu 1	DC	xã Vĩnh Hoà	H. Vĩnh Lộc	20° 01' 08"	105° 38' 31"					F-48-92-C-d
thôn Quang Biểu 2	DC	xã Vĩnh Hoà	H. Vĩnh Lộc	20° 01' 23"	105° 38' 16"					F-48-92-C-d
cầu Vĩnh Hoà	KX	xã Vĩnh Hoà	H. Vĩnh Lộc	20° 02' 33"	105° 39' 22"					F-48-92-C-d
Đò Xét	KX	xã Vĩnh Hoà	H. Vĩnh Lộc	20° 00' 40"	105° 38' 49"					F-48-92-C-d
quốc lộ 217	KX	xã Vĩnh Hùng	H. Vĩnh Lộc			19° 59' 42"	105° 50' 35"	20° 17' 51"	104° 37' 12"	F-48-92-C-d
Núi Báo	SV	xã Vĩnh Hùng	H. Vĩnh Lộc	20° 00' 41"	105° 41' 28"					F-48-92-C-d
làng Bồng Thượng	DC	xã Vĩnh Hùng	H. Vĩnh Lộc	20° 00' 25"	105° 42' 04"					F-48-92-C-d
núi Chỗng Nuôn	SV	xã Vĩnh Hùng	H. Vĩnh Lộc	20° 01' 40"	105° 40' 12"					F-48-92-C-d
núi Đá Dựng	SV	xã Vĩnh Hùng	H. Vĩnh Lộc	20° 03' 13"	105° 41' 47"					F-48-92-C-d
cầu Đồng Mực	KX	xã Vĩnh Hùng	H. Vĩnh Lộc	20° 02' 13"	105° 40' 08"					F-48-92-C-d
hồ Đồng Mực	TV	xã Vĩnh Hùng	H. Vĩnh Lộc	20° 02' 38"	105° 40' 30"					F-48-92-C-d
thôn Đồng Mực	DC	xã Vĩnh Hùng	H. Vĩnh Lộc	20° 01' 59"	105° 40' 11"					F-48-92-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
núi Gành Xay	SV	xã Vĩnh Hùng	H. Vĩnh Lộc	20° 02' 05"	105° 40' 59"					F-48-92-C-d
Đò Hoành	KX	xã Vĩnh Hùng	H. Vĩnh Lộc	20° 00' 28"	105° 41' 10"					F-48-92-C-d
Núi Lăng	SV	xã Vĩnh Hùng	H. Vĩnh Lộc	20° 01' 23"	105° 41' 02"					F-48-92-C-d
Sông Mã	TV	xã Vĩnh Hùng	H. Vĩnh Lộc			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	E-48-8-A-b, F-48-92-C-d
núi Mông Cù	SV	xã Vĩnh Hùng	H. Vĩnh Lộc	20° 02' 23"	105° 42' 37"					F-48-92-C-d
núi Phiêu Sơn	SV	xã Vĩnh Hùng	H. Vĩnh Lộc	20° 03' 00"	105° 39' 49"					F-48-92-C-d
thôn Sóc Sơn 1	DC	xã Vĩnh Hùng	H. Vĩnh Lộc	20° 00' 58"	105° 40' 56"					F-48-92-C-d
thôn Sóc Sơn 2	DC	xã Vĩnh Hùng	H. Vĩnh Lộc	20° 01' 00"	105° 40' 44"					F-48-92-C-d
thôn Sóc Sơn 3	DC	xã Vĩnh Hùng	H. Vĩnh Lộc	20° 01' 37"	105° 40' 40"					F-48-92-C-d
Thôn Thẳng	DC	xã Vĩnh Hùng	H. Vĩnh Lộc	20° 00' 22"	105° 42' 08"					F-48-92-C-d
Thôn Trung	DC	xã Vĩnh Hùng	H. Vĩnh Lộc	20° 00' 27"	105° 42' 06"					F-48-92-C-d
thôn Việt Yên	DC	xã Vĩnh Hùng	H. Vĩnh Lộc	20° 01' 20"	105° 41' 23"					F-48-92-C-d
cầu Vĩnh Hùng	KX	xã Vĩnh Hùng	H. Vĩnh Lộc	20° 01' 30"	105° 40' 37"					F-48-92-C-d
thôn Xóm Bình	DC	xã Vĩnh Hùng	H. Vĩnh Lộc	20° 00' 12"	105° 41' 42"					F-48-92-C-d
thôn Xóm Đoài	DC	xã Vĩnh Hùng	H. Vĩnh Lộc	20° 00' 27"	105° 41' 58"					F-48-92-C-d
thôn Xóm Đông	DC	xã Vĩnh Hùng	H. Vĩnh Lộc	20° 00' 23"	105° 42' 14"					F-48-92-C-d
thôn Xóm Hát	DC	xã Vĩnh Hùng	H. Vĩnh Lộc	20° 00' 22"	105° 42' 04"					F-48-92-C-d
thôn Xóm Mới	DC	xã Vĩnh Hùng	H. Vĩnh Lộc	20° 02' 11"	105° 41' 49"					F-48-92-C-d
thôn Xóm Nam	DC	xã Vĩnh Hùng	H. Vĩnh Lộc	20° 00' 09"	105° 42' 11"					F-48-92-C-d
thôn 1	DC	xã Vĩnh Hưng	H. Vĩnh Lộc	20° 04' 59"	105° 40' 19"					F-48-92-C-d
thôn 2	DC	xã Vĩnh Hưng	H. Vĩnh Lộc	20° 05' 25"	105° 40' 05"					F-48-92-C-d
thôn 3	DC	xã Vĩnh Hưng	H. Vĩnh Lộc	20° 05' 06"	105° 39' 50"					F-48-92-C-d
thôn 4	DC	xã Vĩnh Hưng	H. Vĩnh Lộc	20° 04' 51"	105° 39' 58"					F-48-92-C-d
thôn 5	DC	xã Vĩnh Hưng	H. Vĩnh Lộc	20° 04' 30"	105° 40' 05"					F-48-92-C-d
thôn 6	DC	xã Vĩnh Hưng	H. Vĩnh Lộc	20° 04' 16"	105° 39' 11"					F-48-92-C-d
thôn 7	DC	xã Vĩnh Hưng	H. Vĩnh Lộc	20° 04' 21"	105° 39' 00"					F-48-92-C-d
thôn 8	DC	xã Vĩnh Hưng	H. Vĩnh Lộc	20° 04' 38"	105° 39' 14"					F-48-92-C-d
thôn 9	DC	xã Vĩnh Hưng	H. Vĩnh Lộc	20° 05' 18"	105° 38' 38"					F-48-92-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn 10	DC	xã Vĩnh Hưng	H. Vĩnh Lộc	20° 05' 32"	105° 38' 20"					F-48-92-C-d
Sông Bưởi	TV	xã Vĩnh Hưng	H. Vĩnh Lộc			20° 22' 12"	105° 31' 26"	20° 01' 09"	105° 38' 06"	F-48-92-C-d
hồ Hón Chè	TV	xã Vĩnh Hưng	H. Vĩnh Lộc	20° 04' 00"	105° 40' 08"					F-48-92-C-d
núi Phiêu Sơn	SV	xã Vĩnh Hưng	H. Vĩnh Lộc	20° 03' 00"	105° 39' 49"					F-48-92-C-d
thôn 1	DC	xã Vĩnh Khang	H. Vĩnh Lộc	20° 01' 31"	105° 36' 54"					F-48-92-C-c
thôn 2	DC	xã Vĩnh Khang	H. Vĩnh Lộc	20° 01' 29"	105° 37' 04"					F-48-92-C-c
thôn 3	DC	xã Vĩnh Khang	H. Vĩnh Lộc	20° 01' 26"	105° 37' 09"					F-48-92-C-c
thôn 4	DC	xã Vĩnh Khang	H. Vĩnh Lộc	20° 01' 25"	105° 37' 18"					F-48-92-C-c
thôn 5	DC	xã Vĩnh Khang	H. Vĩnh Lộc	20° 01' 23"	105° 37' 25"					F-48-92-C-c
thôn 6	DC	xã Vĩnh Khang	H. Vĩnh Lộc	20° 01' 20"	105° 37' 32"					F-48-92-C-d
thôn 7	DC	xã Vĩnh Khang	H. Vĩnh Lộc	20° 01' 44"	105° 37' 25"					F-48-92-C-c
Sông Bưởi	TV	xã Vĩnh Khang	H. Vĩnh Lộc			20° 22' 12"	105° 31' 26"	20° 01' 09"	105° 38' 06"	F-48-92-C-c, F-48-92-C-d
Sông Mã	TV	xã Vĩnh Khang	H. Vĩnh Lộc			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	F-48-92-C-c, F-48-92-C-d
Núi Nang	SV	xã Vĩnh Khang	H. Vĩnh Lộc	20° 01' 44"	105° 37' 23"					F-48-92-C-c
Núi Ngói	SV	xã Vĩnh Khang	H. Vĩnh Lộc	20° 01' 44"	105° 36' 11"					F-48-92-C-c
quốc lộ 45	KX	xã Vĩnh Long	H. Vĩnh Lộc			20° 10' 25"	105° 46' 47"	19° 48' 05"	105° 26' 03"	F-48-92-C-c, F-48-92-C-d
quốc lộ 217	KX	xã Vĩnh Long	H. Vĩnh Lộc			19° 59' 42"	105° 50' 35"	20° 17' 51"	104° 37' 12"	F-48-92-C-c
thôn Bèo 1	DC	xã Vĩnh Long	H. Vĩnh Lộc	20° 05' 02"	105° 37' 18"					F-48-92-C-c
thôn Bèo 2	DC	xã Vĩnh Long	H. Vĩnh Lộc	20° 05' 11"	105° 37' 27"					F-48-92-C-c
Sông Bưởi	TV	xã Vĩnh Long	H. Vĩnh Lộc			20° 22' 12"	105° 31' 26"	20° 01' 09"	105° 38' 06"	F-48-92-C-d
thôn Cẩm Bào	DC	xã Vĩnh Long	H. Vĩnh Lộc	20° 05' 19"	105° 36' 04"					F-48-92-C-c
thôn Cầu Mư	DC	xã Vĩnh Long	H. Vĩnh Lộc	20° 04' 34"	105° 37' 01"					F-48-92-C-c
Cầu Đá	KX	xã Vĩnh Long	H. Vĩnh Lộc	20° 04' 25"	105° 36' 50"					F-48-92-C-c
thôn Đồi Mỏ	DC	xã Vĩnh Long	H. Vĩnh Lộc	20° 06' 06"	105° 36' 18"					F-48-92-C-c
thôn Đồi Thợi	DC	xã Vĩnh Long	H. Vĩnh Lộc	20° 06' 33"	105° 36' 11"					F-48-92-C-c
thôn Đông Môn 1	DC	xã Vĩnh Long	H. Vĩnh Lộc	20° 04' 59"	105° 36' 29"					F-48-92-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Đông Môn 2	DC	xã Vĩnh Long	H. Vĩnh Lộc	20° 04' 52"	105° 36' 33"					F-48-92-C-c
đồi Hang Ma	SV	xã Vĩnh Long	H. Vĩnh Lộc	20° 07' 10"	105° 35' 56"					F-48-92-C-c
đồi Hiệu Lộc	SV	xã Vĩnh Long	H. Vĩnh Lộc	20° 06' 56"	105° 35' 00"					F-48-92-C-c
Đồi Mỏ	SV	xã Vĩnh Long	H. Vĩnh Lộc	20° 06' 11"	105° 36' 14"					F-48-92-C-c
Thành Nhà Hồ	KX	xã Vĩnh Long	H. Vĩnh Lộc	20° 04' 44"	105° 36' 07"					F-48-92-C-c
thôn Tân Lập	DC	xã Vĩnh Long	H. Vĩnh Lộc	20° 06' 32"	105° 35' 38"					F-48-92-C-c
thôn Thành Phong	DC	xã Vĩnh Long	H. Vĩnh Lộc	20° 06' 07"	105° 35' 35"					F-48-92-C-c
Đồi Voi	SV	xã Vĩnh Long	H. Vĩnh Lộc	20° 05' 59"	105° 35' 20"					F-48-92-C-c
thôn Xuân Áng	DC	xã Vĩnh Long	H. Vĩnh Lộc	20° 05' 22"	105° 36' 25"					F-48-92-C-c
xóm 5	DC	xã Vĩnh Minh	H. Vĩnh Lộc	20° 00' 06"	105° 42' 50"					F-48-92-C-d
xóm 6	DC	xã Vĩnh Minh	H. Vĩnh Lộc	20° 00' 05"	105° 43' 01"					F-48-92-C-d
xóm 7	DC	xã Vĩnh Minh	H. Vĩnh Lộc	19° 59' 56"	105° 43' 05"					E-48-8-A-b
xóm 8	DC	xã Vĩnh Minh	H. Vĩnh Lộc	20° 00' 03"	105° 43' 14"					F-48-92-C-d
xóm 9	DC	xã Vĩnh Minh	H. Vĩnh Lộc	20° 00' 09"	105° 43' 27"					F-48-92-C-d
quốc lộ 217	KX	xã Vĩnh Minh	H. Vĩnh Lộc			19° 59' 42"	105° 50' 35"	20° 17' 51"	104° 37' 12"	F-48-92-C-d
cầu Bồng Trung	KX	xã Vĩnh Minh	H. Vĩnh Lộc	20° 00' 24"	105° 42' 43"					F-48-92-C-d
núi Eo Cò	SV	xã Vĩnh Minh	H. Vĩnh Lộc	19° 59' 18"	105° 44' 49"					E-48-8-A-b
Sông Mã	TV	xã Vĩnh Minh	H. Vĩnh Lộc			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	E-48-8-A-b
núi Thung Vinh	SV	xã Vĩnh Minh	H. Vĩnh Lộc	19° 59' 35"	105° 44' 02"					E-48-8-A-b
quốc lộ 45	KX	xã Vĩnh Ninh	H. Vĩnh Lộc			20° 10' 25"	105° 46' 47"	19° 48' 05"	105° 26' 03"	F-48-92-C-c
núi Cẩm Viên	SV	xã Vĩnh Ninh	H. Vĩnh Lộc	20° 02' 02"	105° 36' 00"					F-48-92-C-c
núi Chùa Thăng	SV	xã Vĩnh Ninh	H. Vĩnh Lộc	20° 02' 29"	105° 36' 00"					F-48-92-C-c
núi Đường Sào	SV	xã Vĩnh Ninh	H. Vĩnh Lộc	20° 02' 27"	105° 36' 29"					F-48-92-C-c
động Hồ Công	SV	xã Vĩnh Ninh	H. Vĩnh Lộc	20° 02' 04"	105° 35' 53"					F-48-92-C-c
Cầu Kiểu	KX	xã Vĩnh Ninh	H. Vĩnh Lộc	20° 01' 36"	105° 35' 17"					F-48-92-C-c
thôn Kỳ Ngãi 1	DC	xã Vĩnh Ninh	H. Vĩnh Lộc	20° 02' 00"	105° 35' 31"					F-48-92-C-c
thôn Kỳ Ngãi 2	DC	xã Vĩnh Ninh	H. Vĩnh Lộc	20° 01' 52"	105° 35' 21"					F-48-92-C-c
Sông Mã	TV	xã Vĩnh Ninh	H. Vĩnh Lộc			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	F-48-92-C-c
Núi Ngói	SV	xã Vĩnh Ninh	H. Vĩnh Lộc	20° 01' 44"	105° 36' 11"					F-48-92-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Phi Bình 1	DC	xã Vĩnh Ninh	H. Vĩnh Lộc	20° 01' 43"	105° 35' 39"					F-48-92-C-c
thôn Phi Bình 2	DC	xã Vĩnh Ninh	H. Vĩnh Lộc	20° 01' 44"	105° 35' 24"					F-48-92-C-c
thôn Thọ Vực 1	DC	xã Vĩnh Ninh	H. Vĩnh Lộc	20° 02' 37"	105° 36' 19"					F-48-92-C-c
thôn Thọ Vực 2	DC	xã Vĩnh Ninh	H. Vĩnh Lộc	20° 02' 41"	105° 36' 8"					F-48-92-C-c
thôn Yên Lạc 1	DC	xã Vĩnh Ninh	H. Vĩnh Lộc	20° 02' 43"	105° 35' 44"					F-48-92-C-c
thôn Yên Lạc 2	DC	xã Vĩnh Ninh	H. Vĩnh Lộc	20° 02' 46"	105° 35' 34"					F-48-92-C-c
thôn Bái Xuân	DC	xã Vĩnh Phúc	H. Vĩnh Lộc	20° 03' 37"	105° 37' 05"					F-48-92-C-c
Sông Bưởi	TV	xã Vĩnh Phúc	H. Vĩnh Lộc			20° 22' 12"	105° 31' 26"	20° 01' 09"	105° 38' 06"	F-48-92-C-d
thôn Cổ Điệp	DC	xã Vĩnh Phúc	H. Vĩnh Lộc	20° 03' 42"	105° 37' 44"					F-48-92-C-d
thôn Đồng Minh	DC	xã Vĩnh Phúc	H. Vĩnh Lộc	20° 03' 49"	105° 37' 08"					F-48-92-C-c
hồ Mang Mang	TV	xã Vĩnh Phúc	H. Vĩnh Lộc	20° 03' 57"	105° 38' 31"					F-48-92-C-d
thôn Phúc Khang	DC	xã Vĩnh Phúc	H. Vĩnh Lộc	20° 04' 02"	105° 37' 34"					F-48-92-C-d
thôn Tân Phúc	DC	xã Vĩnh Phúc	H. Vĩnh Lộc	20° 04' 41"	105° 38' 06"					F-48-92-C-d
thôn Văn Hanh	DC	xã Vĩnh Phúc	H. Vĩnh Lộc	20° 03' 23"	105° 38' 06"					F-48-92-C-d
quốc lộ 217	KX	xã Vĩnh Quang	H. Vĩnh Lộc			19° 59' 42"	105° 50' 35"	20° 17' 51"	104° 37' 12"	F-48-92-C-c
thôn Cẩm Hoàng 1	DC	xã Vĩnh Quang	H. Vĩnh Lộc	20° 05' 40"	105° 33' 40"					F-48-92-C-c
thôn Cẩm Hoàng 2	DC	xã Vĩnh Quang	H. Vĩnh Lộc	20° 05' 35"	105° 33' 25"					F-48-92-C-c
đò Chợ Bãi	KX	xã Vĩnh Quang	H. Vĩnh Lộc	20° 05' 54"	105° 33' 15"					F-48-92-C-c
núi Eo Lê	SV	xã Vĩnh Quang	H. Vĩnh Lộc	20° 06' 19"	105° 34' 16"					F-48-92-C-c
thôn Eo Lê	DC	xã Vĩnh Quang	H. Vĩnh Lộc	20° 06' 18"	105° 34' 30"					F-48-92-C-c
đồi Hiêu Lộc	SV	xã Vĩnh Quang	H. Vĩnh Lộc	20° 06' 56"	105° 35' 00"					F-48-92-C-c
thôn Lê Sơn	DC	xã Vĩnh Quang	H. Vĩnh Lộc	20° 05' 36"	105° 33' 47"					F-48-92-C-c
Sông Mã	TV	xã Vĩnh Quang	H. Vĩnh Lộc			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	F-48-92-C-c
Núi Mát	SV	xã Vĩnh Quang	H. Vĩnh Lộc	20° 06' 41"	105° 34' 48"					F-48-92-C-c
thôn Quan Nhân	DC	xã Vĩnh Quang	H. Vĩnh Lộc	20° 06' 25"	105° 34' 44"					F-48-92-C-c
thôn Tiến Ích 1	DC	xã Vĩnh Quang	H. Vĩnh Lộc	20° 05' 41"	105° 33' 54"					F-48-92-C-c
thôn Tiến Ích 2	DC	xã Vĩnh Quang	H. Vĩnh Lộc	20° 05' 59"	105° 34' 07"					F-48-92-C-c
Đồi Voi	SV	xã Vĩnh Quang	H. Vĩnh Lộc	20° 05' 59"	105° 35' 20"					F-48-92-C-c
thôn 2	DC	xã Vĩnh Tân	H. Vĩnh Lộc	20° 00' 12"	105° 42' 19"					F-48-92-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn 3	DC	xã Vĩnh Tân	H. Vĩnh Lộc	20° 00' 08"	105° 42' 25"					F-48-92-C-d
thôn 4	DC	xã Vĩnh Tân	H. Vĩnh Lộc	20° 00' 07"	105° 42' 30"					F-48-92-C-d
thôn 5	DC	xã Vĩnh Tân	H. Vĩnh Lộc	20° 00' 14"	105° 42' 36"					F-48-92-C-d
quốc lộ 217	KX	xã Vĩnh Tân	H. Vĩnh Lộc			19° 59' 42"	105° 50' 35"	20° 17' 51"	104° 37' 12"	F-48-92-C-d
Chợ Bồng	KX	xã Vĩnh Tân	H. Vĩnh Lộc	19° 59' 59"	105° 42' 18"					F-48-92-C-d
Đò Bồng	KX	xã Vĩnh Tân	H. Vĩnh Lộc	19° 59' 49"	105° 42' 22"					E-48-8-A-b
cầu Bồng Trung	KX	xã Vĩnh Tân	H. Vĩnh Lộc	20° 00' 24"	105° 42' 43"					F-48-92-C-d
Thôn Chùa	DC	xã Vĩnh Tân	H. Vĩnh Lộc	20° 01' 22"	105° 42' 34"					F-48-92-C-d
Thôn Đình	DC	xã Vĩnh Tân	H. Vĩnh Lộc	20° 01' 24"	105° 42' 43"					F-48-92-C-d
Sông Mã	TV	xã Vĩnh Tân	H. Vĩnh Lộc			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	E-48-8-A-b
núi Mông Cù	SV	xã Vĩnh Tân	H. Vĩnh Lộc	20° 02' 23"	105° 42' 37"					F-48-92-C-d
thôn 1	DC	xã Vĩnh Thành	H. Vĩnh Lộc	20° 03' 41"	105° 36' 22"					F-48-92-C-c
thôn 2	DC	xã Vĩnh Thành	H. Vĩnh Lộc	20° 03' 30"	105° 36' 40"					F-48-92-C-c
thôn 3	DC	xã Vĩnh Thành	H. Vĩnh Lộc	20° 02' 21"	105° 37' 16"					F-48-92-C-c
thôn 4	DC	xã Vĩnh Thành	H. Vĩnh Lộc	20° 03' 18"	105° 36' 46"					F-48-92-C-c
thôn 5	DC	xã Vĩnh Thành	H. Vĩnh Lộc	20° 03' 10"	105° 36' 50"					F-48-92-C-c
thôn 6	DC	xã Vĩnh Thành	H. Vĩnh Lộc	20° 02' 57"	105° 36' 46"					F-48-92-C-c
thôn 7	DC	xã Vĩnh Thành	H. Vĩnh Lộc	20° 02' 45"	105° 36' 42"					F-48-92-C-c
thôn 8	DC	xã Vĩnh Thành	H. Vĩnh Lộc	20° 03' 04"	105° 37' 31"					F-48-92-C-c
quốc lộ 45	KX	xã Vĩnh Thành	H. Vĩnh Lộc			20° 10' 25"	105° 46' 47"	19° 48' 05"	105° 26' 03"	F-48-92-C-c
quốc lộ 217	KX	xã Vĩnh Thành	H. Vĩnh Lộc			19° 59' 42"	105° 50' 35"	20° 17' 51"	104° 37' 12"	F-48-92-C-c, F-48-92-C-d
Sông Bưởi	TV	xã Vĩnh Thành	H. Vĩnh Lộc			20° 22' 12"	105° 31' 26"	20° 01' 09"	105° 38' 06"	F-48-92-C-c, F-48-92-C-d
Cầu Công	KX	xã Vĩnh Thành	H. Vĩnh Lộc	20° 02' 41"	105° 37' 59"					F-48-92-C-d
Núi Đún	SV	xã Vĩnh Thành	H. Vĩnh Lộc	20° 03' 01"	105° 37' 16"					F-48-92-C-c
Sông Mã	TV	xã Vĩnh Thành	H. Vĩnh Lộc			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	F-48-92-C-c
Công ty Vĩnh Hoà	KX	xã Vĩnh Thành	H. Vĩnh Lộc	20° 02' 44"	105° 36' 58"					F-48-92-C-c
thôn 1	DC	xã Vĩnh Thịnh	H. Vĩnh Lộc	20° 00' 46"	105° 43' 44"					F-48-92-C-d
thôn 2	DC	xã Vĩnh Thịnh	H. Vĩnh Lộc	20° 00' 51"	105° 43' 47"					F-48-92-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn 3	DC	xã Vĩnh Thịnh	H. Vĩnh Lộc	20° 00' 55"	105° 43' 51"					F-48-92-C-d
thôn 4	DC	xã Vĩnh Thịnh	H. Vĩnh Lộc	20° 00' 27"	105° 43' 36"					F-48-92-C-d
thôn 5	DC	xã Vĩnh Thịnh	H. Vĩnh Lộc	20° 00' 35"	105° 43' 40"					F-48-92-C-d
thôn 6	DC	xã Vĩnh Thịnh	H. Vĩnh Lộc	20° 00' 36"	105° 44' 05"					F-48-92-C-d
thôn 7	DC	xã Vĩnh Thịnh	H. Vĩnh Lộc	20° 00' 34"	105° 44' 20"					F-48-92-C-d
thôn 8	DC	xã Vĩnh Thịnh	H. Vĩnh Lộc	20° 00' 31"	105° 44' 28"					F-48-92-C-d
thôn 9	DC	xã Vĩnh Thịnh	H. Vĩnh Lộc	20° 00' 24"	105° 44' 31"					F-48-92-C-d
thôn 10	DC	xã Vĩnh Thịnh	H. Vĩnh Lộc	20° 00' 40"	105° 43' 59"					F-48-92-C-d
thôn 11	DC	xã Vĩnh Thịnh	H. Vĩnh Lộc	20° 00' 40"	105° 44' 14"					F-48-92-C-d
thôn 12	DC	xã Vĩnh Thịnh	H. Vĩnh Lộc	20° 00' 45"	105° 44' 25"					F-48-92-C-d
thôn 13	DC	xã Vĩnh Thịnh	H. Vĩnh Lộc	20° 01' 32"	105° 45' 07"					F-48-92-D-c
thôn 14	DC	xã Vĩnh Thịnh	H. Vĩnh Lộc	20° 01' 47"	105° 43' 41"					F-48-92-C-d
thôn 15	DC	xã Vĩnh Thịnh	H. Vĩnh Lộc	20° 00' 37"	105° 45' 05"					F-48-92-D-c
quốc lộ 217	KX	xã Vĩnh Thịnh	H. Vĩnh Lộc			19° 59' 42"	105° 50' 35"	20° 17' 51"	104° 37' 12"	F-48-92-C-d
núi Bảo Sơn	SV	xã Vĩnh Thịnh	H. Vĩnh Lộc	20° 02' 00"	105° 45' 29"					F-48-92-D-c
núi Cô Sơn	SV	xã Vĩnh Thịnh	H. Vĩnh Lộc	20° 00' 50"	105° 44' 53"					F-48-92-C-d
Làng Đoài	DC	xã Vĩnh Thịnh	H. Vĩnh Lộc	20° 00' 46"	105° 43' 44"					F-48-92-C-d
Làng Đông	DC	xã Vĩnh Thịnh	H. Vĩnh Lộc	20° 00' 50"	105° 44' 13"					F-48-92-C-d
đồi Đồng Hang	SV	xã Vĩnh Thịnh	H. Vĩnh Lộc	20° 02' 30"	105° 45' 43"					F-48-92-D-c
thôn Đồng Lử	DC	xã Vĩnh Thịnh	H. Vĩnh Lộc	20° 01' 51"	105° 44' 27"					F-48-92-C-d
núi Lục Sung	SV	xã Vĩnh Thịnh	H. Vĩnh Lộc	20° 03' 42"	105° 45' 07"					F-48-92-D-c
núi Mũi Ngai	SV	xã Vĩnh Thịnh	H. Vĩnh Lộc	20° 03' 12"	105° 45' 50"					F-48-92-D-c
Núi Nhây	SV	xã Vĩnh Thịnh	H. Vĩnh Lộc	20° 03' 14"	105° 44' 06"					F-48-92-C-d
Làng Sanh	DC	xã Vĩnh Thịnh	H. Vĩnh Lộc	20° 00' 34"	105° 44' 20"					F-48-92-C-d
Làng Trung	DC	xã Vĩnh Thịnh	H. Vĩnh Lộc	20° 00' 37"	105° 43' 52"					F-48-92-C-d
quốc lộ 45	KX	xã Vĩnh Tiến	H. Vĩnh Lộc			20° 10' 25"	105° 46' 47"	19° 48' 05"	105° 26' 03"	F-48-92-C-c
quốc lộ 217	KX	xã Vĩnh Tiến	H. Vĩnh Lộc			19° 59' 42"	105° 50' 35"	20° 17' 51"	104° 37' 12"	F-48-92-C-c
Cầu Đá	KX	xã Vĩnh Tiến	H. Vĩnh Lộc	20° 04' 25"	105° 36' 50"					F-48-92-C-c
Sông Mã	TV	xã Vĩnh Tiến	H. Vĩnh Lộc			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	F-48-92-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Thành Nhà Hồ	KX	xã Vĩnh Tiến	H. Vĩnh Lộc	20° 04' 44"	105° 36' 07"					F-48-92-C-c
thôn Phố Mới	DC	xã Vĩnh Tiến	H. Vĩnh Lộc	20° 03' 59"	105° 36' 37"					F-48-92-C-c
thôn Phú Lĩnh	DC	xã Vĩnh Tiến	H. Vĩnh Lộc	20° 04' 10"	105° 35' 33"					F-48-92-C-c
thôn Phương Giai	DC	xã Vĩnh Tiến	H. Vĩnh Lộc	20° 04' 11"	105° 36' 29"					F-48-92-C-c
thôn Tây Giai	DC	xã Vĩnh Tiến	H. Vĩnh Lộc	20° 04' 31"	105° 35' 44"					F-48-92-C-c
thôn Thổ Phụ	DC	xã Vĩnh Tiến	H. Vĩnh Lộc	20° 04' 00"	105° 36' 07"					F-48-92-C-c
thôn Xuân Giai	DC	xã Vĩnh Tiến	H. Vĩnh Lộc	20° 04' 20"	105° 36' 29"					F-48-92-C-c
quốc lộ 217	KX	xã Vĩnh Yên	H. Vĩnh Lộc			19° 59' 42"	105° 50' 35"	20° 17' 51"	104° 37' 12"	F-48-92-C-c
Sông Mã	TV	xã Vĩnh Yên	H. Vĩnh Lộc			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	F-48-92-C-c
thôn Mỹ Sơn	DC	xã Vĩnh Yên	H. Vĩnh Lộc	20° 05' 52"	105° 35' 05"					F-48-92-C-c
hồ Mỹ Xuyên	TV	xã Vĩnh Yên	H. Vĩnh Lộc	20° 05' 08"	105° 34' 26"					F-48-92-C-c
thôn Mỹ Xuyên	DC	xã Vĩnh Yên	H. Vĩnh Lộc	20° 05' 20"	105° 34' 59"					F-48-92-C-c
thôn Phù Lưu	DC	xã Vĩnh Yên	H. Vĩnh Lộc	20° 04' 29"	105° 34' 23"					F-48-92-C-c
núi Phú Yên	SV	xã Vĩnh Yên	H. Vĩnh Lộc	20° 04' 39"	105° 34' 37"					F-48-92-C-c
thôn Thọ Đồn	DC	xã Vĩnh Yên	H. Vĩnh Lộc	20° 04' 16"	105° 35' 24"					F-48-92-C-c
Núi Thượng	SV	xã Vĩnh Yên	H. Vĩnh Lộc	20° 04' 29"	105° 34' 52"					F-48-92-C-c
Hang Tượng	SV	xã Vĩnh Yên	H. Vĩnh Lộc	20° 04' 35"	105° 34' 48"					F-48-92-C-c
Đồi Voi	SV	xã Vĩnh Yên	H. Vĩnh Lộc	20° 05' 59"	105° 35' 20"					F-48-92-C-c
thôn Yên Tôn Hạ	DC	xã Vĩnh Yên	H. Vĩnh Lộc	20° 04' 29"	105° 34' 12"					F-48-92-C-c
thôn Yên Tôn Thượng	DC	xã Vĩnh Yên	H. Vĩnh Lộc	20° 04' 22"	105° 35' 06"					F-48-92-C-c
khu 1	DC	TT. Quáo Lào	H. Yên Định	19° 58' 37"	105° 38' 46"					E-48-8-A-b
khu 2	DC	TT. Quáo Lào	H. Yên Định	19° 58' 22"	105° 38' 50"					E-48-8-A-b
khu 3	DC	TT. Quáo Lào	H. Yên Định	19° 58' 10"	105° 39' 04"					E-48-8-A-b
khu 4	DC	TT. Quáo Lào	H. Yên Định	19° 58' 16"	105° 39' 09"					E-48-8-A-b
khu 5	DC	TT. Quáo Lào	H. Yên Định	19° 58' 26"	105° 38' 56"					E-48-8-A-b
quốc lộ 45	KX	TT. Quáo Lào	H. Yên Định			20° 10' 25"	105° 46' 47"	19° 48' 05"	105° 26' 03"	E-48-8-A-b
đường tỉnh 528	KX	TT. Quáo Lào	H. Yên Định			19° 58' 17"	105° 39' 04"	20° 00' 27"	105° 38' 56"	E-48-8-A-b
khu phố 1	DC	TT. Thống Nhất	H. Yên Định	20° 02' 17"	105° 30' 04"					F-48-91-D-d
khu phố 2	DC	TT. Thống Nhất	H. Yên Định	20° 02' 30"	105° 29' 50"					F-48-91-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
khu phố 3	DC	TT. Thống Nhất	H. Yên Định	20° 02' 25"	105° 29' 35"					F-48-91-D-d
khu phố 4	DC	TT. Thống Nhất	H. Yên Định	20° 02' 28"	105° 28' 33"					F-48-91-D-d
Trại giam số 5	KX	TT. Thống Nhất	H. Yên Định	20° 02' 03"	105° 30' 29"					F-48-92-C-c
khu phố 3/2	DC	TT. Thống Nhất	H. Yên Định	20° 01' 32"	105° 30' 53"					F-48-92-C-c
Sông Hép	TV	TT. Thống Nhất	H. Yên Định			20° 06' 08"	105° 25' 20"	19° 59' 58"	105° 31' 53"	F-48-92-C-c
Núi Mành	SV	TT. Thống Nhất	H. Yên Định	20° 02' 52"	105° 30' 43"					F-48-92-C-c
khu phố Sao Đỏ	DC	TT. Thống Nhất	H. Yên Định	20° 01' 30"	105° 29' 17"					F-48-91-D-d
khu phố Sơn Phòng	DC	TT. Thống Nhất	H. Yên Định	20° 00' 40"	105° 29' 50"					F-48-91-D-d
khu phố Thắng Lợi	DC	TT. Thống Nhất	H. Yên Định	20° 00' 41"	105° 28' 37"					F-48-91-D-d
khu phố Thăng Long	DC	TT. Thống Nhất	H. Yên Định	20° 02' 54"	105° 29' 48"					F-48-92-C-c
Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Thống Nhất	KX	TT. Thống Nhất	H. Yên Định	20° 01' 52"	105° 29' 02"					F-48-91-D-d
quốc lộ 45	KX	xã Định Bình	H. Yên Định			20° 10' 25"	105° 46' 47"	19° 48' 05"	105° 26' 03"	E-48-8-A-b
thôn Ấp Trú	DC	xã Định Bình	H. Yên Định	19° 56' 43"	105° 40' 01"					E-48-8-A-b
thôn Căng Thượng 1	DC	xã Định Bình	H. Yên Định	19° 57' 06"	105° 40' 19"					E-48-8-A-b
thôn Căng Thượng 2	DC	xã Định Bình	H. Yên Định	19° 57' 09"	105° 40' 05"					E-48-8-A-b
sông Cầu Chày	TV	xã Định Bình	H. Yên Định			20° 06' 52"	105° 21' 58"	19° 57' 04"	105° 45' 41"	E-48-8-A-b
thôn Công Bình	DC	xã Định Bình	H. Yên Định	19° 58' 10"	105° 40' 12"					E-48-8-A-b
thôn Đắc Trí 1	DC	xã Định Bình	H. Yên Định	19° 57' 32"	105° 39' 45"					E-48-8-A-b
thôn Đắc Trí 2	DC	xã Định Bình	H. Yên Định	19° 57' 37"	105° 39' 47"					E-48-8-A-b
thôn Đắc Trí 3	DC	xã Định Bình	H. Yên Định	19° 57' 42"	105° 39' 47"					E-48-8-A-b
thôn Kênh Khê	DC	xã Định Bình	H. Yên Định	19° 57' 34"	105° 39' 38"					E-48-8-A-b
thôn Làng Sen	DC	xã Định Bình	H. Yên Định	19° 57' 01"	105° 39' 29"					E-48-8-A-b
thôn Lập Thôn	DC	xã Định Bình	H. Yên Định	19° 57' 35"	105° 40' 16"					E-48-8-A-b
thôn Mỹ Nga	DC	xã Định Bình	H. Yên Định	19° 56' 28"	105° 40' 16"					E-48-8-A-b
Cầu Si	KX	xã Định Bình	H. Yên Định	19° 57' 23"	105° 39' 36"					E-48-8-A-b
thôn Tân Lai	DC	xã Định Bình	H. Yên Định	19° 56' 56"	105° 39' 47"					E-48-8-A-b
thôn Yên Thành	DC	xã Định Bình	H. Yên Định	19° 56' 56"	105° 39' 58"					E-48-8-A-b
Đò Bông	KX	xã Định Công	H. Yên Định	19° 57' 37"	105° 45' 18"					E-48-8-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Cẩm Trướng 1	DC	xã Định Công	H. Yên Định	19° 56' 26"	105° 44' 53"					E-48-8-A-b
thôn Cẩm Trướng 2	DC	xã Định Công	H. Yên Định	19° 56' 36"	105° 44' 56"					E-48-8-A-b
thôn Cẩm Trướng 3	DC	xã Định Công	H. Yên Định	19° 56' 46"	105° 44' 56"					E-48-8-A-b
thôn Cẩm Trướng 4	DC	xã Định Công	H. Yên Định	19° 57' 02"	105° 45' 02"					E-48-8-B-a
sông Cầu Chày	TV	xã Định Công	H. Yên Định			20° 06' 52"	105° 21' 58"	19° 57' 04"	105° 45' 41"	E-48-8-A-b, E-48-8-B-a
thôn Khang Nghệ	DC	xã Định Công	H. Yên Định	19° 57' 18"	105° 44' 53"					E-48-8-A-b
Núi Lớn	SV	xã Định Công	H. Yên Định	19° 57' 35"	105° 43' 55"					E-48-8-A-b
Sông Mã	TV	xã Định Công	H. Yên Định			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	E-48-8-A-b, E-48-8-B-a
thôn Phú Ninh	DC	xã Định Công	H. Yên Định	19° 57' 24"	105° 44' 35"					E-48-8-A-b
thôn Quan Yên	DC	xã Định Công	H. Yên Định	19° 57' 46"	105° 44' 26"					E-48-8-A-b
xóm Yên Thôn	DC	xã Định Công	H. Yên Định	19° 57' 57"	105° 44' 02"					E-48-8-A-b
đường tỉnh 528	KX	xã Định Hải	H. Yên Định			19° 58' 17"	105° 39' 04"	20° 00' 27"	105° 38' 56"	F-48-92-C-d
thôn Ái Thôn 1	DC	xã Định Hải	H. Yên Định	20° 00' 29"	105° 40' 06"					F-48-92-C-d
thôn Ái Thôn 2	DC	xã Định Hải	H. Yên Định	20° 00' 28"	105° 40' 11"					F-48-92-C-d
Kênh Bắc	TV	xã Định Hải	H. Yên Định			20° 01' 22"	105° 35' 43"	19° 56' 40"	105° 42' 13"	E-48-8-A-b
thôn Duyên Lộc 1	DC	xã Định Hải	H. Yên Định	20° 00' 53"	105° 40' 25"					F-48-92-C-d
thôn Duyên Lộc 2	DC	xã Định Hải	H. Yên Định	20° 00' 50"	105° 40' 30"					F-48-92-C-d
Sông Mã	TV	xã Định Hải	H. Yên Định			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	F-48-92-C-d
Đò Sét	KX	xã Định Hải	H. Yên Định	20° 00' 40"	105° 38' 49"					F-48-92-C-d
thôn Sét Thôn 1	DC	xã Định Hải	H. Yên Định	20° 00' 33"	105° 38' 51"					F-48-92-C-d
thôn Sét Thôn 2	DC	xã Định Hải	H. Yên Định	20° 00' 38"	105° 38' 58"					F-48-92-C-d
làng Thịnh Thôn	DC	xã Định Hải	H. Yên Định	20° 00' 43"	105° 39' 18"					F-48-92-C-d
thôn Trịnh Điện 1	DC	xã Định Hải	H. Yên Định	20° 00' 42"	105° 39' 33"					F-48-92-C-d
thôn Trịnh Điện 2	DC	xã Định Hải	H. Yên Định	20° 00' 40"	105° 39' 37"					F-48-92-C-d
Kênh Bắc	TV	xã Định Hoà	H. Yên Định			20° 01' 22"	105° 35' 43"	19° 56' 40"	105° 42' 13"	E-48-8-A-b
sông Bầu Nga	TV	xã Định Hoà	H. Yên Định			19° 56' 39"	105° 40' 38"	19° 56' 24"	105° 40' 49"	E-48-8-A-b
sông Cầu Chày	TV	xã Định Hoà	H. Yên Định			20° 06' 52"	105° 21' 58"	19° 57' 04"	105° 45' 41"	E-48-8-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Đồng Hà	DC	xã Định Hoà	H. Yên Định	19° 56' 27"	105° 40' 52"					E-48-8-A-b
thôn Mai Trung	DC	xã Định Hoà	H. Yên Định	19° 57' 12"	105° 41' 35"					E-48-8-A-b
thôn Nội Thôn	DC	xã Định Hoà	H. Yên Định	19° 56' 40"	105° 41' 13"					E-48-8-A-b
thôn Phang Thôn	DC	xã Định Hoà	H. Yên Định	19° 57' 45"	105° 40' 55"					E-48-8-A-b
thôn Phúc Lai	DC	xã Định Hoà	H. Yên Định	19° 57' 18"	105° 40' 41"					E-48-8-A-b
thôn Thung Thôn 1	DC	xã Định Hoà	H. Yên Định	19° 57' 30"	105° 41' 24"					E-48-8-A-b
thôn Thung Thôn 2	DC	xã Định Hoà	H. Yên Định	19° 57' 24"	105° 41' 31"					E-48-8-A-b
thôn Thung Thượng	DC	xã Định Hoà	H. Yên Định	19° 57' 38"	105° 41' 13"					E-48-8-A-b
núi Tiên Nông	SV	xã Định Hoà	H. Yên Định	19° 56' 37"	105° 41' 52"					E-48-8-A-b
thôn Tố Phác	DC	xã Định Hoà	H. Yên Định	19° 57' 29"	105° 41' 04"					E-48-8-A-b
núi Yên Thôn	SV	xã Định Hoà	H. Yên Định	19° 57' 40"	105° 42' 50"					E-48-8-A-b
đường tỉnh 528	KX	xã Định Hưng	H. Yên Định			19° 58' 17"	105° 39' 04"	20° 00' 27"	105° 38' 56"	E-48-8-A-b, F-48-92-C-d
Kênh Bắc	TV	xã Định Hưng	H. Yên Định			20° 01' 22"	105° 35' 43"	19° 56' 40"	105° 42' 13"	E-48-8-A-b
thôn Đồng Tình	DC	xã Định Hưng	H. Yên Định	19° 59' 52"	105° 39' 22"					E-48-8-A-b
thôn Duyên Hy 1	DC	xã Định Hưng	H. Yên Định	19° 59' 18"	105° 39' 30"					E-48-8-A-b
thôn Duyên Hy 2	DC	xã Định Hưng	H. Yên Định	19° 59' 15"	105° 39' 41"					E-48-8-A-b
thôn Hổ Thôn	DC	xã Định Hưng	H. Yên Định	19° 59' 36"	105° 40' 44"					E-48-8-A-b
thôn Vệ Thôn 1	DC	xã Định Hưng	H. Yên Định	19° 59' 40"	105° 39' 55"					E-48-8-A-b
thôn Vệ Thôn 2	DC	xã Định Hưng	H. Yên Định	19° 59' 38"	105° 40' 05"					E-48-8-A-b
thôn 1	DC	xã Định Liên	H. Yên Định	20° 00' 00"	105° 38' 10"					E-48-8-A-b
thôn 2	DC	xã Định Liên	H. Yên Định	19° 59' 50"	105° 38' 06"					E-48-8-A-b
thôn 3	DC	xã Định Liên	H. Yên Định	19° 59' 42"	105° 38' 05"					E-48-8-A-b
thôn 5	DC	xã Định Liên	H. Yên Định	19° 59' 07"	105° 37' 38"					E-48-8-A-b
thôn 6	DC	xã Định Liên	H. Yên Định	19° 59' 03"	105° 37' 22"					E-48-8-A-a
thôn 7	DC	xã Định Liên	H. Yên Định	19° 59' 24"	105° 37' 19"					E-48-8-A-a
thôn 8	DC	xã Định Liên	H. Yên Định	19° 59' 38"	105° 37' 56"					E-48-8-A-a
quốc lộ 45	KX	xã Định Liên	H. Yên Định			20° 10' 25"	105° 46' 47"	19° 48' 05"	105° 26' 03"	E-48-8-A-b, F-48-92-C-d
thôn 4/1	DC	xã Định Liên	H. Yên Định	19° 59' 40"	105° 38' 15"					E-48-8-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn 4/2	DC	xã Định Liên	H. Yên Định	19° 59' 28"	105° 38' 12"					E-48-8-A-b
Kênh Bắc	TV	xã Định Liên	H. Yên Định			20° 01' 22"	105° 35' 43"	19° 56' 40"	105° 42' 13"	E-48-8-A-b
thôn 1	DC	xã Định Long	H. Yên Định	19° 59' 58"	105° 38' 29"					E-48-8-A-b
thôn 2	DC	xã Định Long	H. Yên Định	19° 59' 51"	105° 38' 26"					E-48-8-A-b
thôn 3	DC	xã Định Long	H. Yên Định	19° 59' 37"	105° 38' 47"					E-48-8-A-b
thôn 4	DC	xã Định Long	H. Yên Định	19° 59' 28"	105° 38' 55"					E-48-8-A-b
thôn 5	DC	xã Định Long	H. Yên Định	19° 58' 48"	105° 38' 33"					E-48-8-A-b
thôn 6	DC	xã Định Long	H. Yên Định	19° 58' 49"	105° 38' 42"					E-48-8-A-b
quốc lộ 45	KX	xã Định Long	H. Yên Định			20° 10' 25"	105° 46' 47"	19° 48' 05"	105° 26' 03"	E-48-8-A-b
đường tỉnh 528	KX	xã Định Long	H. Yên Định			19° 58' 17"	105° 39' 04"	20° 00' 27"	105° 38' 56"	E-48-8-A-b
Kênh Bắc	TV	xã Định Long	H. Yên Định			20° 01' 22"	105° 35' 43"	19° 56' 40"	105° 42' 13"	E-48-8-A-b
kênh B1	TV	xã Định Tân	H. Yên Định			19° 59' 45"	105° 40' 44"	19° 59' 15"	105° 43' 00"	E-48-8-A-b
Kênh Bắc	TV	xã Định Tân	H. Yên Định			20° 01' 22"	105° 35' 43"	19° 56' 40"	105° 42' 13"	E-48-8-A-b
Phà Hoành	KX	xã Định Tân	H. Yên Định	20° 00' 28"	105° 41' 10"					F-48-92-C-d
thôn Kênh Thôn	DC	xã Định Tân	H. Yên Định	19° 59' 43"	105° 42' 00"					E-48-8-A-b
đò Lang Thôn	KX	xã Định Tân	H. Yên Định	19° 59' 49"	105° 42' 22"					E-48-8-A-b
Sông Mã	TV	xã Định Tân	H. Yên Định			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	F-48-92-C-d, E-48-8-A-b
thôn Tân Long	DC	xã Định Tân	H. Yên Định	19° 58' 33"	105° 41' 28"					E-48-8-A-b
núi Yên Định	SV	xã Định Tân	H. Yên Định	19° 59' 42"	105° 41' 10"					E-48-8-A-b
thôn Yên Định 1	DC	xã Định Tân	H. Yên Định	19° 59' 55"	105° 41' 22"					E-48-8-A-b
thôn Yên Định 2	DC	xã Định Tân	H. Yên Định	19° 59' 49"	105° 41' 25"					E-48-8-A-b
thôn Yên Định 3	DC	xã Định Tân	H. Yên Định	19° 59' 44"	105° 41' 31"					E-48-8-A-b
thôn Yên Hoành 1	DC	xã Định Tân	H. Yên Định	20° 00' 08"	105° 41' 10"					E-48-8-C-d
thôn Yên Hoành 2	DC	xã Định Tân	H. Yên Định	19° 59' 57"	105° 41' 03"					E-48-8-A-b
thôn Yên Hoành 3	DC	xã Định Tân	H. Yên Định	19° 59' 59"	105° 41' 17"					E-48-8-A-b
thôn Bái Trại 1	DC	xã Định Tăng	H. Yên Định	19° 57' 35"	105° 38' 04"					E-48-8-A-b
thôn Bái Trại 2	DC	xã Định Tăng	H. Yên Định	19° 57' 53"	105° 37' 48"					E-48-8-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
sông Cầu Chày	TV	xã Định Tăng	H. Yên Định			20° 06' 52"	105° 21' 58"	19° 57' 04"	105° 45' 41"	E-48-8-A-a, E-48-8-A-b
thôn Hoạch Thôn	DC	xã Định Tăng	H. Yên Định	19° 57' 33"	105° 37' 23"					E-48-8-A-a
thôn Phú Cẩm	DC	xã Định Tăng	H. Yên Định	19° 56' 37"	105° 37' 26"					E-48-8-A-a
thôn Phú Cường	DC	xã Định Tăng	H. Yên Định	19° 56' 35"	105° 38' 31"					E-48-8-A-b
thôn Phú Thọ	DC	xã Định Tăng	H. Yên Định	19° 56' 31"	105° 37' 49"					E-48-8-A-b
thôn Thạch Đài	DC	xã Định Tăng	H. Yên Định	19° 57' 38"	105° 37' 25"					E-48-8-A-a
thôn 1	DC	xã Định Thành	H. Yên Định	19° 56' 40"	105° 42' 14"					E-48-8-A-b
thôn 2	DC	xã Định Thành	H. Yên Định	19° 56' 33"	105° 42' 36"					E-48-8-A-b
thôn 3	DC	xã Định Thành	H. Yên Định	19° 56' 26"	105° 42' 40"					E-48-8-A-b
thôn 4	DC	xã Định Thành	H. Yên Định	19° 56' 12"	105° 42' 32"					E-48-8-A-b
thôn 5	DC	xã Định Thành	H. Yên Định	19° 57' 10"	105° 43' 32"					E-48-8-A-b
thôn 6	DC	xã Định Thành	H. Yên Định	19° 56' 23"	105° 43' 29"					E-48-8-A-b
thôn 7	DC	xã Định Thành	H. Yên Định	19° 56' 13"	105° 43' 37"					E-48-8-A-b
thôn 8	DC	xã Định Thành	H. Yên Định	19° 56' 11"	105° 43' 55"					E-48-8-A-b
thôn 9	DC	xã Định Thành	H. Yên Định	19° 56' 09"	105° 44' 10"					E-48-8-A-b
thôn 10	DC	xã Định Thành	H. Yên Định	19° 57' 06"	105° 44' 04"					E-48-8-A-b
Kênh Bắc	TV	xã Định Thành	H. Yên Định			20° 01' 22"	105° 35' 43"	19° 56' 40"	105° 42' 13"	E-48-8-A-b
sông Cầu Chày	TV	xã Định Thành	H. Yên Định			20° 06' 52"	105° 21' 58"	19° 57' 04"	105° 45' 41"	E-48-8-A-b
Núi Chùa	SV	xã Định Thành	H. Yên Định	19° 56' 12"	105° 43' 26"					E-48-8-A-b
Núi Lớn	SV	xã Định Thành	H. Yên Định	19° 57' 35"	105° 43' 55"					E-48-8-A-b
Núi Nẫn	SV	xã Định Thành	H. Yên Định	19° 57' 15"	105° 43' 05"					E-48-8-A-b
Núi Nghẹn	SV	xã Định Thành	H. Yên Định	19° 56' 46"	105° 43' 37"					E-48-8-A-b
Núi Son	SV	xã Định Thành	H. Yên Định	19° 56' 30"	105° 43' 16"					E-48-8-A-b
núi Tiên Nông	SV	xã Định Thành	H. Yên Định	19° 56' 37"	105° 41' 52"					E-48-8-A-b
núi Yên Thôn	SV	xã Định Thành	H. Yên Định	19° 57' 40"	105° 42' 50"					E-48-8-A-b
thôn 1	DC	xã Định Tiến	H. Yên Định	19° 59' 38"	105° 42' 28"					E-48-8-A-b
thôn 2	DC	xã Định Tiến	H. Yên Định	19° 59' 38"	105° 42' 31"					E-48-8-A-b
thôn 3	DC	xã Định Tiến	H. Yên Định	19° 59' 33"	105° 42' 39"					E-48-8-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn 4	DC	xã Định Tiến	H. Yên Định	19° 59' 33"	105° 42' 47"					E-48-8-A-b
thôn 5	DC	xã Định Tiến	H. Yên Định	19° 59' 26"	105° 43' 01"					E-48-8-A-b
thôn 6	DC	xã Định Tiến	H. Yên Định	19° 59' 20"	105° 43' 05"					E-48-8-A-b
thôn 7	DC	xã Định Tiến	H. Yên Định	19° 59' 23"	105° 43' 10"					E-48-8-A-b
thôn 8	DC	xã Định Tiến	H. Yên Định	19° 58' 43"	105° 43' 09"					E-48-8-A-b
thôn 9	DC	xã Định Tiến	H. Yên Định	19° 58' 37"	105° 43' 12"					E-48-8-A-b
thôn 10	DC	xã Định Tiến	H. Yên Định	19° 58' 30"	105° 43' 16"					E-48-8-A-b
thôn 11	DC	xã Định Tiến	H. Yên Định	19° 58' 22"	105° 43' 17"					E-48-8-A-b
thôn 12	DC	xã Định Tiến	H. Yên Định	19° 58' 20"	105° 43' 01"					E-48-8-A-b
thôn 13	DC	xã Định Tiến	H. Yên Định	19° 58' 36"	105° 42' 28"					E-48-8-A-b
thôn 14	DC	xã Định Tiến	H. Yên Định	19° 58' 38"	105° 42' 22"					E-48-8-A-b
thôn 15	DC	xã Định Tiến	H. Yên Định	19° 58' 41"	105° 42' 14"					E-48-8-A-b
thôn 16	DC	xã Định Tiến	H. Yên Định	19° 58' 45"	105° 42' 03"					E-48-8-A-b
kênh B1	TV	xã Định Tiến	H. Yên Định			19° 59' 45"	105° 40' 44"	19° 59' 15"	105° 43' 00"	E-48-8-A-b
đò Lang Thôn	KX	xã Định Tiến	H. Yên Định	19° 59' 49"	105° 42' 22"					E-48-8-A-b
Núi Lớn	SV	xã Định Tiến	H. Yên Định	19° 57' 35"	105° 43' 55"					E-48-8-A-b
Sông Mã	TV	xã Định Tiến	H. Yên Định			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	E-48-8-A-b
núi Yên Thôn	SV	xã Định Tiến	H. Yên Định	19° 57' 40"	105° 42' 50"					E-48-8-A-b
quốc lộ 45	KX	xã Định Tường	H. Yên Định			20° 10' 25"	105° 46' 47"	19° 48' 05"	105° 26' 03"	E-48-8-A-b
đường tỉnh 528	KX	xã Định Tường	H. Yên Định			19° 58' 17"	105° 39' 04"	20° 00' 27"	105° 38' 56"	E-48-8-A-b
thôn Bối Lim	DC	xã Định Tường	H. Yên Định	19° 56' 59"	105° 39' 04"					E-48-8-A-b
sông Cầu Chày	TV	xã Định Tường	H. Yên Định			20° 06' 52"	105° 21' 58"	19° 57' 04"	105° 45' 41"	E-48-8-A-b
thôn Lý Yên	DC	xã Định Tường	H. Yên Định	19° 58' 27"	105° 39' 18"					E-48-8-A-b
thôn Ngọc Sơn	DC	xã Định Tường	H. Yên Định	19° 57' 40"	105° 38' 35"					E-48-8-A-b
thôn Thành Phú	DC	xã Định Tường	H. Yên Định	19° 58' 08"	105° 38' 46"					E-48-8-A-b
thôn Thiết Đinh	DC	xã Định Tường	H. Yên Định	19° 57' 59"	105° 38' 13"					E-48-8-A-b
thôn 1	DC	xã Quý Lộc	H. Yên Định	20° 04' 19"	105° 33' 23"					F-48-92-C-c
thôn 2	DC	xã Quý Lộc	H. Yên Định	20° 04' 13"	105° 33' 33"					F-48-92-C-c
thôn 3	DC	xã Quý Lộc	H. Yên Định	20° 04' 06"	105° 33' 39"					F-48-92-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn 4	DC	xã Quý Lộc	H. Yên Định	20° 04' 00"	105° 33' 45"					F-48-92-C-c
thôn 5	DC	xã Quý Lộc	H. Yên Định	20° 03' 51"	105° 33' 42"					F-48-92-C-c
thôn 6	DC	xã Quý Lộc	H. Yên Định	20° 04' 01"	105° 33' 27"					F-48-92-C-c
thôn 7	DC	xã Quý Lộc	H. Yên Định	20° 04' 14"	105° 33' 17"					F-48-92-C-c
thôn 8	DC	xã Quý Lộc	H. Yên Định	20° 04' 06"	105° 33' 17"					F-48-92-C-c
thôn 9	DC	xã Quý Lộc	H. Yên Định	20° 04' 01"	105° 33' 09"					F-48-92-C-c
thôn 10	DC	xã Quý Lộc	H. Yên Định	20° 03' 42"	105° 35' 48"					F-48-92-C-c
thôn 11	DC	xã Quý Lộc	H. Yên Định	20° 03' 24"	105° 36' 07"					F-48-92-C-c
thôn 12	DC	xã Quý Lộc	H. Yên Định	20° 03' 20"	105° 32' 13"					F-48-92-C-c
núi Diệu Sơn	SV	xã Quý Lộc	H. Yên Định	20° 04' 15"	105° 32' 53"					F-48-92-C-c
suối Hón Sỏi	TV	xã Quý Lộc	H. Yên Định			20° 06' 45"	105° 31' 44"	20° 04' 16"	105° 33' 54"	F-48-92-C-c
Sông Mã	TV	xã Quý Lộc	H. Yên Định			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	F-48-92-C-c
Núi Mố	SV	xã Quý Lộc	H. Yên Định	20° 03' 32"	105° 33' 04"					F-48-92-C-c
Núi Nghễ	SV	xã Quý Lộc	H. Yên Định	20° 03' 17"	105° 33' 54"					F-48-92-C-c
Núi Rách	SV	xã Quý Lộc	H. Yên Định	20° 03' 45"	105° 33' 29"					F-48-92-C-c
bến đò Sơn Đông	KX	xã Quý Lộc	H. Yên Định	20° 03' 59"	105° 35' 38"					F-48-92-C-c
đường tỉnh 518	KX	xã Yên Bái	H. Yên Định			20° 09' 10"	105° 26' 42"	20° 01' 32"	105° 35' 17"	F-48-92-C-c
đường tỉnh 515D	KX	xã Yên Bái	H. Yên Định			19° 56' 20"	105° 32' 08"	20° 00' 38"	105° 34' 14"	F-48-92-C-c, E-48-8-A-a
thôn Phú Đức	DC	xã Yên Bái	H. Yên Định	20° 00' 40"	105° 34' 05"					F-48-92-C-c
thôn Tâm Đông	DC	xã Yên Bái	H. Yên Định	20° 00' 50"	105° 34' 23"					F-48-92-C-c
thôn Trường Sinh	DC	xã Yên Bái	H. Yên Định	20° 00' 54"	105° 34' 41"					F-48-92-C-c
thôn Yên Lọc	DC	xã Yên Bái	H. Yên Định	19° 59' 57"	105° 34' 01"					E-48-8-A-a
thôn Yên Lý	DC	xã Yên Bái	H. Yên Định	20° 00' 53"	105° 34' 05"					F-48-92-C-c
thôn Yên Ninh	DC	xã Yên Bái	H. Yên Định	20° 01' 11"	105° 34' 01"					F-48-92-C-c
thôn Yên Phúc	DC	xã Yên Bái	H. Yên Định	20° 00' 24"	105° 34' 05"					F-48-92-C-c
thôn Yên Sơn	DC	xã Yên Bái	H. Yên Định	20° 00' 29"	105° 34' 48"					F-48-92-C-c
thôn Yên Tu	DC	xã Yên Bái	H. Yên Định	20° 00' 42"	105° 34' 41"					F-48-92-C-c
thôn 1	DC	xã Yên Giang	H. Yên Định	20° 00' 34"	105° 32' 28"					F-48-92-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn 2	DC	xã Yên Giang	H. Yên Định	20° 00' 24"	105° 32' 10"					F-48-92-C-c
thôn 3	DC	xã Yên Giang	H. Yên Định	20° 00' 38"	105° 32' 02"					F-48-92-C-c
thôn 4	DC	xã Yên Giang	H. Yên Định	20° 00' 49"	105° 31' 34"					F-48-92-C-c
thôn 5	DC	xã Yên Giang	H. Yên Định	20° 01' 01"	105° 31' 23"					F-48-92-C-c
thôn 6	DC	xã Yên Giang	H. Yên Định	20° 01' 11"	105° 31' 12"					F-48-92-C-c
thôn 7	DC	xã Yên Giang	H. Yên Định	20° 00' 08"	105° 31' 19"					F-48-92-C-c
thôn 8	DC	xã Yên Giang	H. Yên Định	20° 00' 02"	105° 31' 21"					F-48-92-C-c
làng Bùi Thượng	DC	xã Yên Giang	H. Yên Định	20° 00' 38"	105° 32' 02"					F-48-92-C-c
sông Cầu Chày	TV	xã Yên Giang	H. Yên Định			20° 06' 52"	105° 21' 58"	19° 57' 04"	105° 45' 41"	F-48-92-C-c, E-48-8-A-a
Sông Hép	TV	xã Yên Giang	H. Yên Định			20° 06' 08"	105° 25' 20"	19° 59' 58"	105° 31' 53"	F-48-92-C-c, E-48-8-A-a
Cầu Nẫm	KX	xã Yên Giang	H. Yên Định	20° 00' 46"	105° 31' 41"					F-48-92-C-c
đường tỉnh 515D	KX	xã Yên Hùng	H. Yên Định			19° 56' 20"	105° 32' 08"	20° 00' 38"	105° 34' 14"	E-48-8-A-a
thôn Cường Thịnh	DC	xã Yên Hùng	H. Yên Định	19° 59' 37"	105° 35' 28"					E-48-8-A-a
thôn Hùng Sơn	DC	xã Yên Hùng	H. Yên Định	19° 59' 40"	105° 33' 54"					E-48-8-A-a
thôn Hùng Thái	DC	xã Yên Hùng	H. Yên Định	19° 59' 55"	105° 35' 05"					E-48-8-A-a
thôn Hùng Thành	DC	xã Yên Hùng	H. Yên Định	20° 00' 12"	105° 35' 08"					F-48-92-C-c
thôn Thành Công	DC	xã Yên Hùng	H. Yên Định	19° 59' 33"	105° 34' 16"					E-48-8-A-a
thôn Yên Hoà	DC	xã Yên Hùng	H. Yên Định	19° 59' 37"	105° 34' 53"					E-48-8-A-a
thôn Yên Nông	DC	xã Yên Hùng	H. Yên Định	19° 58' 49"	105° 34' 52"					E-48-8-A-a
thôn Yên Thượng	DC	xã Yên Hùng	H. Yên Định	19° 59' 33"	105° 34' 37"					E-48-8-A-a
thôn Yên Xuyên	DC	xã Yên Hùng	H. Yên Định	19° 59' 40"	105° 33' 54"					E-48-8-A-a
sông Cầu Chày	TV	xã Yên Lạc	H. Yên Định			20° 06' 52"	105° 21' 58"	19° 57' 04"	105° 45' 41"	E-48-8-A-a
thôn Châu Thôn 1	DC	xã Yên Lạc	H. Yên Định	19° 58' 16"	105° 35' 13"					E-48-8-A-a
thôn Châu Thôn 2	DC	xã Yên Lạc	H. Yên Định	19° 58' 35"	105° 35' 27"					E-48-8-A-a
thôn Châu Thôn 3	DC	xã Yên Lạc	H. Yên Định	19° 58' 34"	105° 35' 38"					E-48-8-A-a
thôn Châu Thôn 4	DC	xã Yên Lạc	H. Yên Định	19° 58' 31"	105° 35' 44"					E-48-8-A-a
thôn Hanh Cát 1	DC	xã Yên Lạc	H. Yên Định	19° 58' 13"	105° 35' 39"					E-48-8-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Hanh Cát 2	DC	xã Yên Lạc	H. Yên Định	19° 58' 19"	105° 35' 52"					E-48-8-A-a
thôn Hanh Cát 3	DC	xã Yên Lạc	H. Yên Định	19° 58' 10"	105° 35' 56"					E-48-8-A-a
thôn Phác Thôn 1	DC	xã Yên Lạc	H. Yên Định	19° 58' 03"	105° 35' 56"					E-48-8-A-a
thôn Phác Thôn 2	DC	xã Yên Lạc	H. Yên Định	19° 58' 09"	105° 36' 10"					E-48-8-A-a
thôn Phác Thôn 3	DC	xã Yên Lạc	H. Yên Định	19° 57' 59"	105° 36' 21"					E-48-8-A-a
đường tỉnh 518	KX	xã Yên Lâm	H. Yên Định			20° 09' 10"	105° 26' 42"	20° 01' 32"	105° 35' 17"	F-48-92-C-c
núi Bái Mạ	SV	xã Yên Lâm	H. Yên Định	20° 05' 02"	105° 29' 32"					F-48-91-D-d
Hang Cá	SV	xã Yên Lâm	H. Yên Định	20° 04' 02"	105° 30' 50"					F-48-92-C-c
thôn Cao Khánh	DC	xã Yên Lâm	H. Yên Định	20° 04' 53"	105° 31' 08"					F-48-92-C-c
núi Cây Đèn	SV	xã Yên Lâm	H. Yên Định	20° 03' 44"	105° 31' 16"					F-48-92-C-c
Núi Chùa	SV	xã Yên Lâm	H. Yên Định	20° 02' 43"	105° 31' 34"					F-48-92-C-c
thôn Diệu Sơn	DC	xã Yên Lâm	H. Yên Định	20° 03' 59"	105° 31' 59"					F-48-92-C-c
thôn Đông Sơn	DC	xã Yên Lâm	H. Yên Định	20° 03' 57"	105° 31' 44"					F-48-92-C-c
núi Hang Cá	SV	xã Yên Lâm	H. Yên Định	20° 03' 49"	105° 30' 25"					F-48-92-C-c
thôn Hành Chính	DC	xã Yên Lâm	H. Yên Định	20° 04' 11"	105° 31' 55"					F-48-92-C-c
suối Hón Sỏi	TV	xã Yên Lâm	H. Yên Định			20° 06' 45"	105° 31' 44"	20° 04' 16"	105° 33' 54"	F-48-92-C-c
Núi Loóng	SV	xã Yên Lâm	H. Yên Định	20° 04' 49"	105° 30' 17"					F-48-92-C-c
thôn Phong Mỹ	DC	xã Yên Lâm	H. Yên Định	20° 02' 37"	105° 32' 10"					F-48-92-C-c
thôn Phong Mỹ 1	DC	xã Yên Lâm	H. Yên Định	20° 02' 46"	105° 32' 24"					F-48-92-C-c
thôn Phong Mỹ 2	DC	xã Yên Lâm	H. Yên Định	20° 02' 31"	105° 32' 31"					F-48-92-C-c
thôn Phúc Trí	DC	xã Yên Lâm	H. Yên Định	20° 03' 16"	105° 30' 47"					F-48-92-C-c
thôn Quan Trì	DC	xã Yên Lâm	H. Yên Định	20° 03' 30"	105° 31' 34"					F-48-92-C-c
hồ Thắng Long	TV	xã Yên Lâm	H. Yên Định	20° 04' 46"	105° 31' 37"					F-48-92-C-c
thôn Thắng Long	DC	xã Yên Lâm	H. Yên Định	20° 04' 40"	105° 32' 02"					F-48-92-C-c
núi Thiên Trụ	SV	xã Yên Lâm	H. Yên Định	20° 02' 59"	105° 31' 52"					F-48-92-C-c
hang Thở Quan Trì	SV	xã Yên Lâm	H. Yên Định	20° 03' 11"	105° 31' 01"					F-48-92-C-c
núi Thung Voi	SV	xã Yên Lâm	H. Yên Định	20° 04' 27"	105° 30' 43"					F-48-92-C-c
núi Vụng Chò	SV	xã Yên Lâm	H. Yên Định	20° 05' 16"	105° 31' 38"					F-48-92-C-c
núi Yên Định	SV	xã Yên Lâm	H. Yên Định	20° 04' 09"	105° 30' 11"					F-48-92-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Bích Động 1	DC	xã Yên Ninh	H. Yên Định	19° 59' 23"	105° 35' 34"					E-48-8-A-a
thôn Bích Động 2	DC	xã Yên Ninh	H. Yên Định	19° 59' 12"	105° 35' 34"					E-48-8-A-a
thôn Ngọc Đô 1	DC	xã Yên Ninh	H. Yên Định	19° 59' 11"	105° 36' 31"					E-48-8-A-a
thôn Ngọc Đô 2	DC	xã Yên Ninh	H. Yên Định	19° 59' 08"	105° 36' 37"					E-48-8-A-a
thôn Trịnh Xá 1	DC	xã Yên Ninh	H. Yên Định	19° 59' 10"	105° 35' 44"					E-48-8-A-a
thôn Trịnh Xá 2	DC	xã Yên Ninh	H. Yên Định	19° 59' 01"	105° 35' 49"					E-48-8-A-a
thôn Trịnh Xá 3	DC	xã Yên Ninh	H. Yên Định	19° 58' 49"	105° 35' 53"					E-48-8-A-a
thôn Trịnh Xá 4	DC	xã Yên Ninh	H. Yên Định	19° 58' 53"	105° 36' 03"					E-48-8-A-a
thôn Trịnh Xá 5	DC	xã Yên Ninh	H. Yên Định	19° 59' 05"	105° 35' 56"					E-48-8-A-a
thôn Trịnh Xá 6	DC	xã Yên Ninh	H. Yên Định	19° 59' 05"	105° 36' 05"					E-48-8-A-a
thôn 1	DC	xã Yên Phong	H. Yên Định	20° 01' 20"	105° 35' 38"					F-48-92-C-c
thôn 2	DC	xã Yên Phong	H. Yên Định	20° 01' 19"	105° 35' 52"					F-48-92-C-c
thôn 3	DC	xã Yên Phong	H. Yên Định	20° 01' 15"	105° 36' 00"					F-48-92-C-c
thôn 4	DC	xã Yên Phong	H. Yên Định	20° 01' 12"	105° 36' 06"					F-48-92-C-c
thôn 5	DC	xã Yên Phong	H. Yên Định	20° 01' 09"	105° 36' 13"					F-48-92-C-c
thôn 6	DC	xã Yên Phong	H. Yên Định	20° 01' 08"	105° 36' 18"					F-48-92-C-c
thôn 7	DC	xã Yên Phong	H. Yên Định	20° 01' 04"	105° 36' 26"					F-48-92-C-c
thôn 8	DC	xã Yên Phong	H. Yên Định	20° 01' 00"	105° 36' 36"					F-48-92-C-c
thôn 9	DC	xã Yên Phong	H. Yên Định	20° 00' 56"	105° 36' 43"					F-48-92-C-c
thôn 10	DC	xã Yên Phong	H. Yên Định	20° 00' 38"	105° 35' 52"					F-48-92-C-c
quốc lộ 45	KX	xã Yên Phong	H. Yên Định			20° 10' 25"	105° 46' 47"	19° 48' 05"	105° 26' 03"	F-48-92-C-c
Kênh Bắc	TV	xã Yên Phong	H. Yên Định			20° 01' 22"	105° 35' 43"	19° 56' 40"	105° 42' 13"	E-48-8-A-b
Sông Mã	TV	xã Yên Phong	H. Yên Định			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	F-48-92-C-c
thôn 1	DC	xã Yên Phú	H. Yên Định	20° 00' 31"	105° 32' 48"					F-48-92-C-c
thôn 2	DC	xã Yên Phú	H. Yên Định	20° 00' 18"	105° 32' 44"					F-48-92-C-c
thôn 3	DC	xã Yên Phú	H. Yên Định	20° 00' 20"	105° 32' 49"					F-48-92-C-c
thôn 4	DC	xã Yên Phú	H. Yên Định	20° 00' 18"	105° 32' 54"					F-48-92-C-c
thôn 5	DC	xã Yên Phú	H. Yên Định	19° 59' 56"	105° 33' 10"					F-48-92-C-a
thôn 6	DC	xã Yên Phú	H. Yên Định	20° 00' 16"	105° 33' 11"					F-48-92-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn 7	DC	xã Yên Phú	H. Yên Định	19° 59' 53"	105° 33' 21"					F-48-92-C-c
sông Cầu Chày	TV	xã Yên Phú	H. Yên Định			20° 06' 52"	105° 21' 58"	19° 57' 04"	105° 45' 41"	E-48-8-A-a
đường tỉnh 518	KX	xã Yên Tâm	H. Yên Định			20° 09' 10"	105° 26' 42"	20° 01' 32"	105° 35' 17"	F-48-92-C-c
Núi Chùa	SV	xã Yên Tâm	H. Yên Định	20° 02' 43"	105° 31' 34"					F-48-92-C-c
thôn Đa Vìn	DC	xã Yên Tâm	H. Yên Định	20° 01' 44"	105° 31' 38"					F-48-92-C-c
Sông Hép	TV	xã Yên Tâm	H. Yên Định			20° 06' 08"	105° 25' 20"	19° 59' 58"	105° 31' 53"	F-48-92-C-c
thôn Mỹ Hoà	DC	xã Yên Tâm	H. Yên Định	20° 01' 49"	105° 32' 38"					F-48-92-C-c
thôn Mỹ Lợi	DC	xã Yên Tâm	H. Yên Định	20° 01' 43"	105° 32' 53"					F-48-92-C-c
thôn Mỹ Lương	DC	xã Yên Tâm	H. Yên Định	20° 01' 47"	105° 33' 00"					F-48-92-C-c
thôn Mỹ Quan	DC	xã Yên Tâm	H. Yên Định	20° 01' 56"	105° 32' 49"					F-48-92-C-c
thôn Phú Xuân	DC	xã Yên Tâm	H. Yên Định	20° 02' 20"	105° 31' 41"					F-48-92-C-c
thôn Tân Hưng	DC	xã Yên Tâm	H. Yên Định	20° 00' 57"	105° 32' 42"					F-48-92-C-c
thôn Thành Hưng	DC	xã Yên Tâm	H. Yên Định	20° 01' 08"	105° 32' 49"					F-48-92-C-c
thôn Thành Lập	DC	xã Yên Tâm	H. Yên Định	20° 01' 11"	105° 32' 37"					F-48-92-C-c
thôn Thành Xá	DC	xã Yên Tâm	H. Yên Định	20° 01' 27"	105° 32' 42"					F-48-92-C-c
thôn Yên Trường	DC	xã Yên Tâm	H. Yên Định	20° 02' 06"	105° 31' 59"					F-48-92-C-c
quốc lộ 45	KX	xã Yên Thái	H. Yên Định			20° 10' 25"	105° 46' 47"	19° 48' 05"	105° 26' 03"	F-48-92-C-c
Kênh Bắc	TV	xã Yên Thái	H. Yên Định			20° 01' 22"	105° 35' 43"	19° 56' 40"	105° 42' 13"	E-48-8-A-b
thôn Lê Xá 1	DC	xã Yên Thái	H. Yên Định	20° 00' 32"	105° 37' 39"					F-48-92-C-d
thôn Lê Xá 2	DC	xã Yên Thái	H. Yên Định	20° 00' 24"	105° 37' 33"					F-48-92-C-d
thôn Lê Xá 3	DC	xã Yên Thái	H. Yên Định	20° 00' 20"	105° 37' 42"					F-48-92-C-d
Sông Mã	TV	xã Yên Thái	H. Yên Định			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	F-48-92-C-c, F-48-92-C-d
thôn Mỹ Bi	DC	xã Yên Thái	H. Yên Định	20° 00' 03"	105° 36' 54"					F-48-92-C-c
thôn Phù Hưng 1	DC	xã Yên Thái	H. Yên Định	20° 00' 51"	105° 37' 04"					F-48-92-C-c
thôn Phù Hưng 2	DC	xã Yên Thái	H. Yên Định	20° 00' 50"	105° 37' 16"					F-48-92-C-c
thôn Phù Hưng 3	DC	xã Yên Thái	H. Yên Định	20° 00' 43"	105° 37' 33"					F-48-92-C-d
thôn 1	DC	xã Yên Thịnh	H. Yên Định	19° 59' 10"	105° 33' 37"					E-48-8-A-a
thôn 2	DC	xã Yên Thịnh	H. Yên Định	19° 59' 00"	105° 33' 48"					E-48-8-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn 3	DC	xã Yên Thịnh	H. Yên Định	19° 58' 39"	105° 34' 04"					E-48-8-A-a
thôn 4	DC	xã Yên Thịnh	H. Yên Định	19° 58' 35"	105° 33' 47"					E-48-8-A-a
thôn 5	DC	xã Yên Thịnh	H. Yên Định	19° 58' 20"	105° 34' 01"					E-48-8-A-a
thôn 6	DC	xã Yên Thịnh	H. Yên Định	19° 58' 04"	105° 34' 01"					E-48-8-A-a
thôn 7	DC	xã Yên Thịnh	H. Yên Định	19° 58' 26"	105° 34' 22"					E-48-8-A-a
thôn 8	DC	xã Yên Thịnh	H. Yên Định	19° 58' 39"	105° 34' 44"					E-48-8-A-a
thôn 9	DC	xã Yên Thịnh	H. Yên Định	19° 58' 01"	105° 34' 52"					E-48-8-A-a
đường tỉnh 515D	KX	xã Yên Thịnh	H. Yên Định			19° 56' 20"	105° 32' 08"	20° 00' 38"	105° 34' 14"	E-48-8-A-a
sông Cầu Chày	TV	xã Yên Thịnh	H. Yên Định			20° 06' 52"	105° 21' 58"	19° 57' 04"	105° 45' 41"	E-48-8-A-a
Cầu Vàng	KX	xã Yên Thịnh	H. Yên Định	19° 58' 33"	105° 33' 32"					E-48-8-A-a
thôn 1	DC	xã Yên Thọ	H. Yên Định	20° 02' 40"	105° 34' 52"					F-48-92-C-c
thôn 2	DC	xã Yên Thọ	H. Yên Định	20° 02' 38"	105° 34' 52"					F-48-92-C-c
thôn 3	DC	xã Yên Thọ	H. Yên Định	20° 02' 34"	105° 34' 47"					F-48-92-C-c
thôn 4	DC	xã Yên Thọ	H. Yên Định	20° 02' 33"	105° 35' 01"					F-48-92-C-c
thôn 5	DC	xã Yên Thọ	H. Yên Định	20° 02' 27"	105° 34' 44"					F-48-92-C-c
thôn 6	DC	xã Yên Thọ	H. Yên Định	20° 02' 26"	105° 34' 52"					F-48-92-C-c
thôn 7	DC	xã Yên Thọ	H. Yên Định	20° 02' 19"	105° 35' 01"					F-48-92-C-c
thôn 8	DC	xã Yên Thọ	H. Yên Định	20° 01' 59"	105° 34' 41"					F-48-92-C-c
thôn 9	DC	xã Yên Thọ	H. Yên Định	20° 01' 51"	105° 34' 55"					F-48-92-C-c
thôn 10	DC	xã Yên Thọ	H. Yên Định	20° 01' 58"	105° 34' 55"					F-48-92-C-c
thôn 11	DC	xã Yên Thọ	H. Yên Định	20° 03' 08"	105° 33' 36"					F-48-92-C-c
thôn 12	DC	xã Yên Thọ	H. Yên Định	20° 02' 15"	105° 35' 03"					F-48-92-C-c
Sông Mã	TV	xã Yên Thọ	H. Yên Định			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	F-48-92-C-c
Núi Mố	SV	xã Yên Thọ	H. Yên Định	20° 03' 32"	105° 33' 04"					F-48-92-C-c
Núi Nghễ	SV	xã Yên Thọ	H. Yên Định	20° 03' 17"	105° 33' 54"					F-48-92-C-c
đường tỉnh 518	KX	xã Yên Trung	H. Yên Định			20° 09' 10"	105° 26' 42"	20° 01' 32"	105° 35' 17"	F-48-92-C-c
thôn Hà Thành	DC	xã Yên Trung	H. Yên Định	20° 01' 24"	105° 33' 00"					F-48-92-C-c
thôn Lạc Tụ	DC	xã Yên Trung	H. Yên Định	20° 01' 34"	105° 34' 16"					F-48-92-C-c
Núi Lời	SV	xã Yên Trung	H. Yên Định	20° 02' 11"	105° 33' 47"					F-48-92-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Nam Kim	DC	xã Yên Trung	H. Yên Định	20° 01' 01"	105° 33' 18"					F-48-92-C-c
thôn Nam Thạch	DC	xã Yên Trung	H. Yên Định	20° 01' 20"	105° 33' 43"					F-48-92-C-c
thôn Tân Tiến	DC	xã Yên Trung	H. Yên Định	20° 01' 26"	105° 33' 22"					F-48-92-C-c
thôn Thọ Cường	DC	xã Yên Trung	H. Yên Định	20° 00' 51"	105° 33' 50"					F-48-92-C-c
thôn Thọ Khang	DC	xã Yên Trung	H. Yên Định	20° 00' 35"	105° 33' 25"					F-48-92-C-c
thôn Thọ Lọc	DC	xã Yên Trung	H. Yên Định	20° 02' 04"	105° 34' 08"					F-48-92-C-c
thôn Thọ Long	DC	xã Yên Trung	H. Yên Định	20° 02' 23"	105° 34' 17"					F-48-92-C-c
thôn Thọ Tiến	DC	xã Yên Trung	H. Yên Định	20° 02' 19"	105° 34' 02"					F-48-92-C-c
thôn Tiến Thắng	DC	xã Yên Trung	H. Yên Định	20° 01' 45"	105° 33' 47"					F-48-92-C-c
thôn Trung Đông	DC	xã Yên Trung	H. Yên Định	20° 01' 33"	105° 33' 43"					F-48-92-C-c
quốc lộ 45	KX	xã Yên Trường	H. Yên Định			20° 10' 25"	105° 46' 47"	19° 48' 05"	105° 26' 03"	F-48-92-C-c
đường tỉnh 518	KX	xã Yên Trường	H. Yên Định			20° 09' 10"	105° 26' 42"	20° 01' 32"	105° 35' 17"	F-48-92-C-c
thôn Đông Khê	DC	xã Yên Trường	H. Yên Định	20° 00' 41"	105° 35' 38"					F-48-92-C-c
Cầu Kiểu	KX	xã Yên Trường	H. Yên Định	20° 01' 36"	105° 35' 17"					F-48-92-C-c
thôn Lựu Khê 1	DC	xã Yên Trường	H. Yên Định	20° 00' 58"	105° 35' 02"					F-48-92-C-c
thôn Lựu Khê 2	DC	xã Yên Trường	H. Yên Định	20° 01' 09"	105° 35' 20"					F-48-92-C-c
Sông Mã	TV	xã Yên Trường	H. Yên Định			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	F-48-92-C-c
thôn Phố Kiểu	DC	xã Yên Trường	H. Yên Định	20° 01' 29"	105° 35' 24"					F-48-92-C-c
thôn Thạc Quả 1	DC	xã Yên Trường	H. Yên Định	20° 01' 28"	105° 35' 08"					F-48-92-C-c
thôn Thạc Quả 2	DC	xã Yên Trường	H. Yên Định	20° 01' 21"	105° 35' 28"					F-48-92-C-c

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Linh Ngọc